




Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy thông tin đứng trước biểu tượng **CHÚ Ý**. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản, hoặc môi trường.

Biểu tượng   trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng giúp vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng  được mã hóa bằng màu để thể hiện “nguy hiểm” (màu đỏ), “cảnh báo” (màu cam), hoặc “chú ý” (màu hổ phách).

 **Nhãn An Toàn** Tr. 97

Một Vài Chú Ý Về An Toàn

Sự an toàn của bạn và của mọi người rất quan trọng và vận hành xe an toàn chính là trách nhiệm của bạn.

Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra làm bạn và những người khác bị thương.

Tất nhiên, nó không thể cảnh báo hết được về tất cả các tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải tự xử lý được các tình huống.

Bạn sẽ thấy thông tin an toàn quan trọng này trong những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Các Nhãn An Toàn** - trên xe.
- **Thông Tin An Toàn** - theo sau biểu tượng cảnh báo  và một trong các từ tín hiệu sau: **NGUY HIỂM, CẢNH BÁO** hoặc **LƯU Ý**. Những từ tín hiệu này có nghĩa:
 -  **NGUY HIỂM** Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.
 -  **CẢNH BÁO** Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.
 -  **LƯU Ý** CÓ THỂ BỊ THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.
- **Các Đề Mục An Toàn** - như những Chú Ý Quan Trọng về An Toàn.
- **Phản Hướng Dẫn An Toàn** - như Lái xe An toàn.
- **Các Hướng Dẫn** - cách sử dụng xe sao cho đúng và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn - hãy đọc thật kỹ.

Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thông thường nhằm mục đích ghi nhận Dữ Liệu Sự Cố. Thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu khác nhau của xe như việc bung túi khí SRS và lỗi các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên dữ liệu này có thể truy cập bởi Honda, các đại lý được ủy quyền và thợ sửa chữa được ủy quyền, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được ủy quyền vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Thiết Bị Ghi Chẩn Đoán Dịch Vụ

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ, các thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu truyền động và điều kiện lái xe. Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Dữ liệu này không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên dữ liệu này có thể truy cập bởi Honda, các đại lý được ủy quyền và thợ sửa chữa được ủy quyền, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được ủy quyền vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này được coi như một phần không thể thiếu của xe và nên được kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho tất cả các loại xe. Bạn có thể tìm thấy các miêu tả của các thiết bị và các tính năng mà xe bạn không có.

Những hình ảnh có trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này miêu tả những tính năng và thiết bị chỉ có ở một số loại xe nhất định, không phải có ở tất cả các loại xe. Bởi vậy, sẽ có một số tính năng mà xe bạn không có.

Thông tin và các thông số kỹ thuật có trong tài liệu có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor giữ bản quyền này và được quyền cắt bỏ và thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu này áp dụng với cả hai loại vô lăng bên trái và vô lăng bên phải, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại vô lăng bên phải.

➔ Lái Xe An Toàn Tr. 37

Lái Xe An Toàn Tr. 38 Dây Đai An Toàn Tr. 43 Túi Khí Tr. 56

➔ Bảng Điều Khiển Tr. 99

Đèn Báo Tr. 100 Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị Tr. 139

➔ Điều Khiển Tr. 159

Đồng Hồ Tr. 160 Khoá và Mở Khóa Cửa Tr. 165

Mở và Đóng Cửa Kính Tr. 192

Vận Hành Các Công Tác Quanh Vô Lăng Tr. 198

Đèn Trong Xe/Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Tr. 237

➔ Tính Năng Tr. 267

Hệ Thống Âm Thanh¹ Tr. 268 Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh Tr. 274, 292, 314

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 347, 354

➔ Lái Xe Tr. 429

Trước Khi Lái Xe Tr. 430 Kéo Rơ-Moóc Tr. 434 Hướng Dẫn Lái Xe Trên
Đổ Xe Tr. 500 Camera Lùi Đa Hướng² Tr. 505 Đường Hiểm Trở Tr. 439

➔ Bảo Dưỡng Tr. 511

Trước Khi Tiến Hành Bảo Dưỡng Tr. 512 Lịch Bảo Dưỡng Tr. 515

Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Nước Tr. 547

Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi³ và Làm Mát/Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu⁴ Tr. 563

➔ Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 573

Dụng Cụ Tr. 574 Nếu Lốp Xe Bị Xẹp Tr. 576
Quá Nhiệt Tr. 601 Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy Tr. 603

➔ Thông Tin Tr. 621

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 622 Số Nhận Dạng Tr. 628

Nội Dung

Hướng Dẫn Tham Khảo Nhanh Tr. 4

Lái Xe An Toàn Tr. 37

Bảng Điều Khiển Tr. 99

Điều Khiển Tr. 159

Tính Năng Tr. 267

Lái Xe Tr. 429

Bảo Dưỡng Tr. 511

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 573

Thông Tin Tr. 621

Mục Lục Tr. 633

An Toàn Cho Trẻ Em Tr. 69

Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 96

Nhãn An Toàn Tr. 97

Cửa Hậu Tr. 187

Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh* Tr. 195

Điều Chỉnh Gương Tr. 223

Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát* Tr. 250

Hệ Thống An Ninh Tr. 190

Điều Chỉnh Ghế Tr. 227

Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu* Tr. 254

Thông Báo Lỗi Âm Thanh* Tr. 341

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay Tr. 367, 390, 411

Thông Tin Chung trên Hệ Thống Âm Thanh* Tr. 343

Khí Lái Xe Tr. 441

Nạp Nhiên Liệu Tr. 507

Phanh Xe Tr. 485

Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Xả CO₂ Tr. 510

Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô Tr. 519

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp Xe Tr. 551

Vệ Sinh Tr. 565

Thay Bóng Đèn Tr. 534

Ắc Quy Tr. 557

Phụ Kiện và Điều Chỉnh Tr. 570

Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu

Từ Xa Tr. 560

Động Cơ Không Khởi Động Tr. 594

Cầu Chì Tr. 608

Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài Tr. 597

Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 616

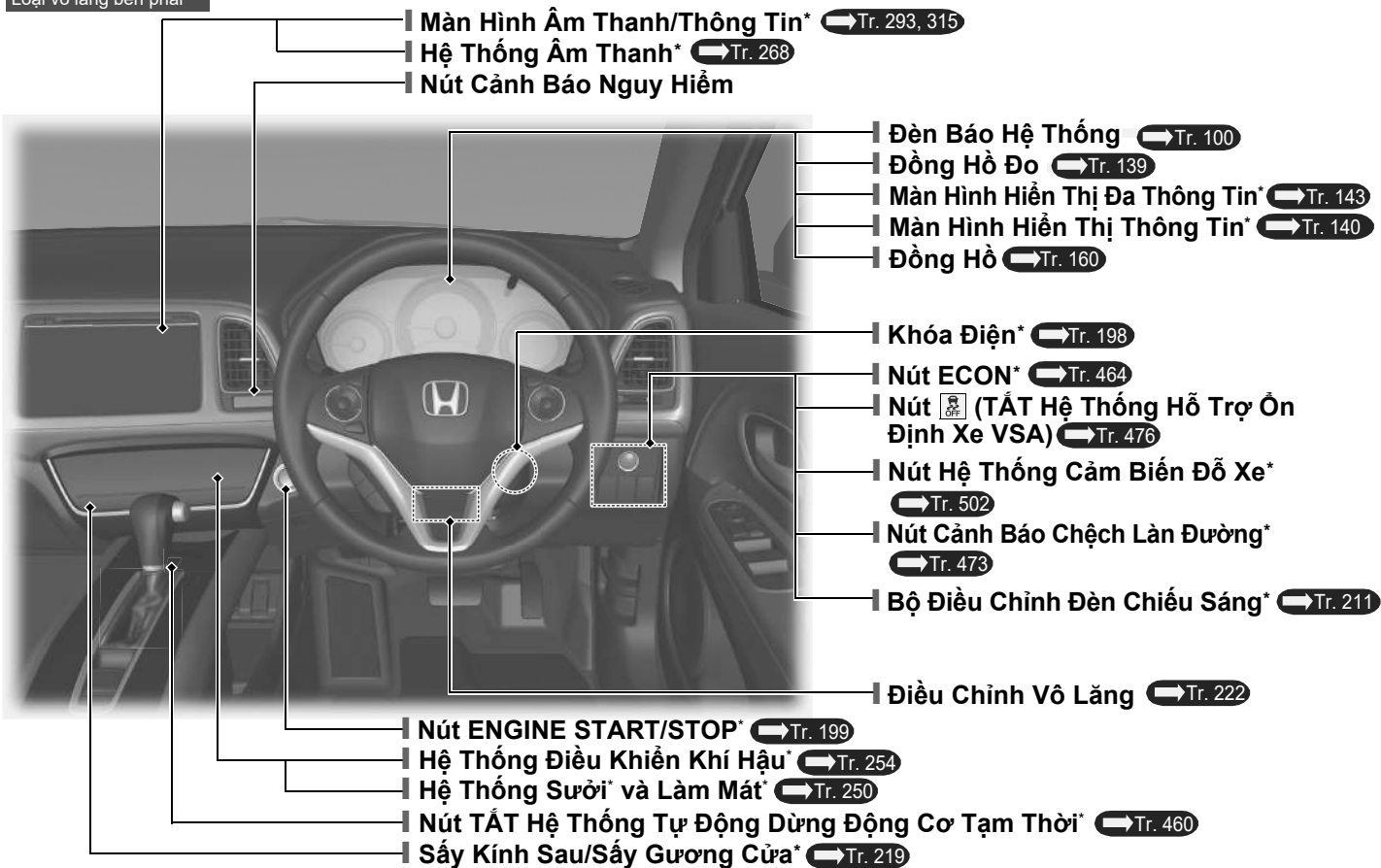
Không Gạt Được Cản Số Tr. 600

Khí Không Mở Được Cửa Hậu Tr. 619

Tuân Thủ Quy Định* Tr. 629

Mục Lục Trực Quan

Loại vô lăng bên phải



Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin* ➔ Tr. 293, 315

Hệ Thống Âm Thanh* ➔ Tr. 268

Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm

Đèn Báo Hệ Thống ➔ Tr. 100

Đồng Hồ Đo ➔ Tr. 139


Màn Hình Hiển Thị Đa Thông Tin* ➔ Tr. 143

Màn Hình Hiển Thị Thông Tin* ➔ Tr. 140

Đồng Hồ ➔ Tr. 160

Khóa Điện* ➔ Tr. 198

Nút ECON* ➔ Tr. 464

Nút  (TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe VSA) ➔ Tr. 476

Nút Hệ Thống Cảm Biến Đỗ Xe* ➔ Tr. 502

Nút Cảnh Báo Chệch Làn Đường* ➔ Tr. 473

Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng* ➔ Tr. 211

Điều Chỉnh Vô Lăng ➔ Tr. 222

Nút ENGINE START/STOP* ➔ Tr. 199

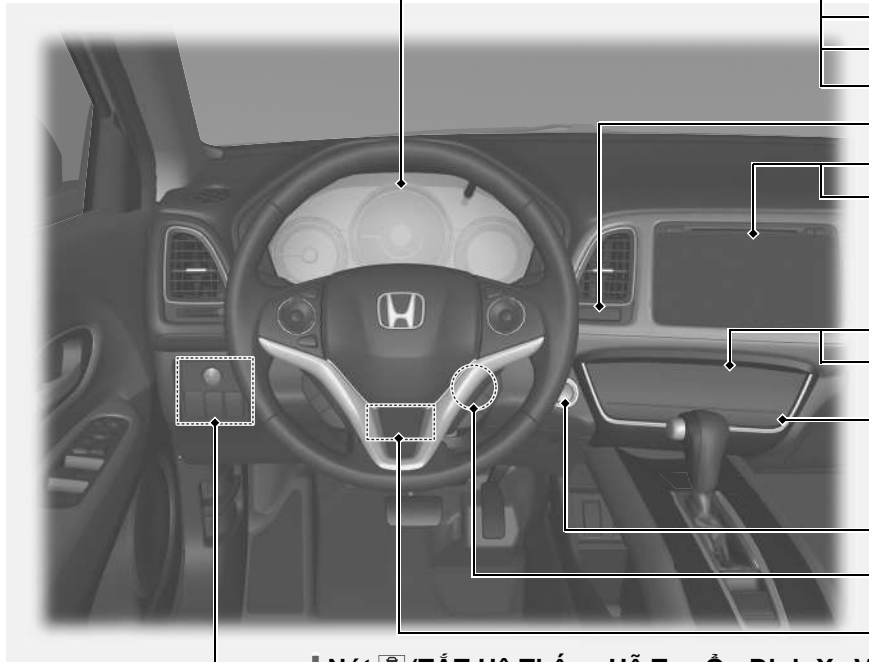
Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu* ➔ Tr. 254


Hệ Thống Sưởi và Làm Mát* ➔ Tr. 250

Nút TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời ➔ Tr. 460

Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa* ➔ Tr. 219

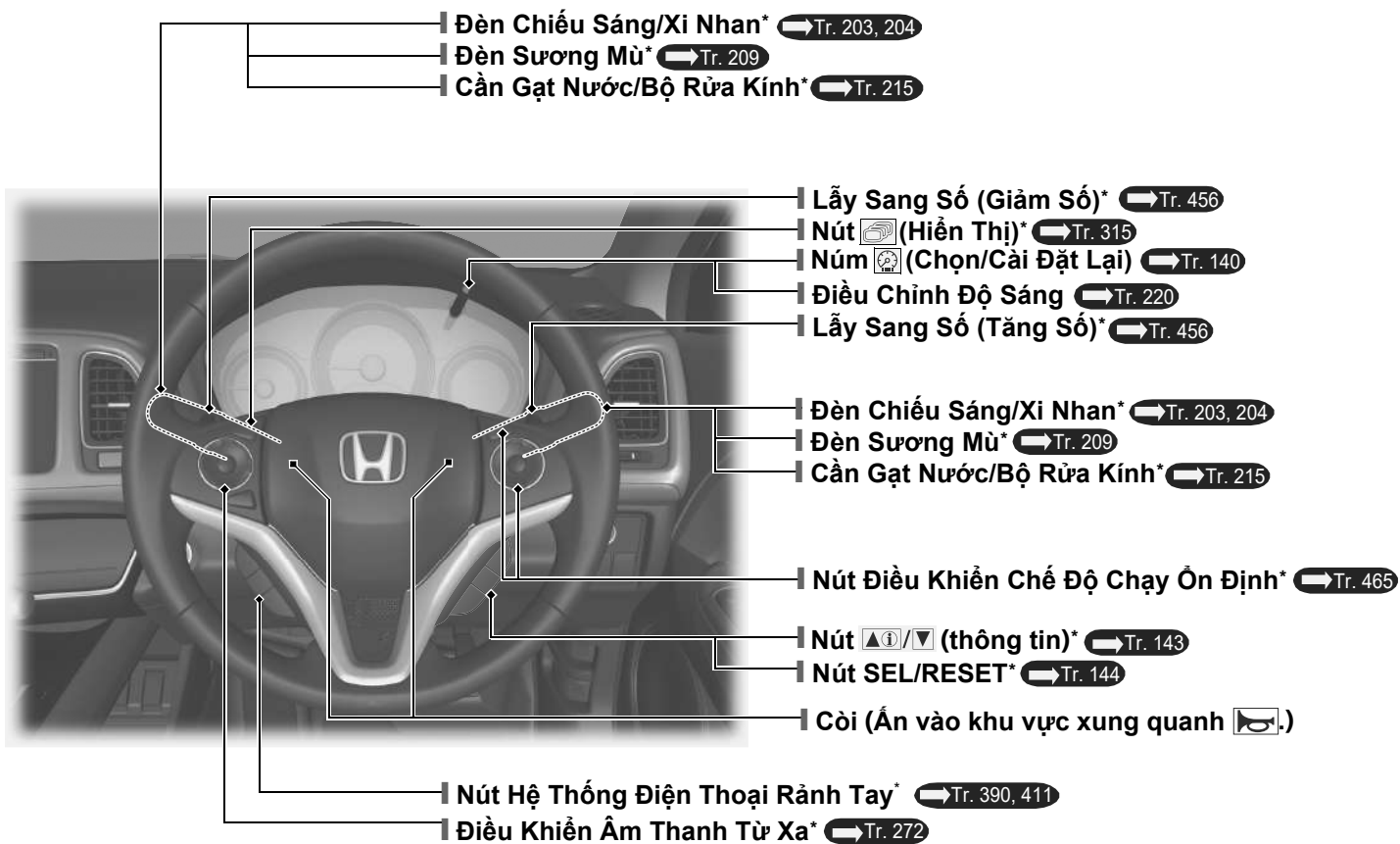
Loại vô lăng bên trái



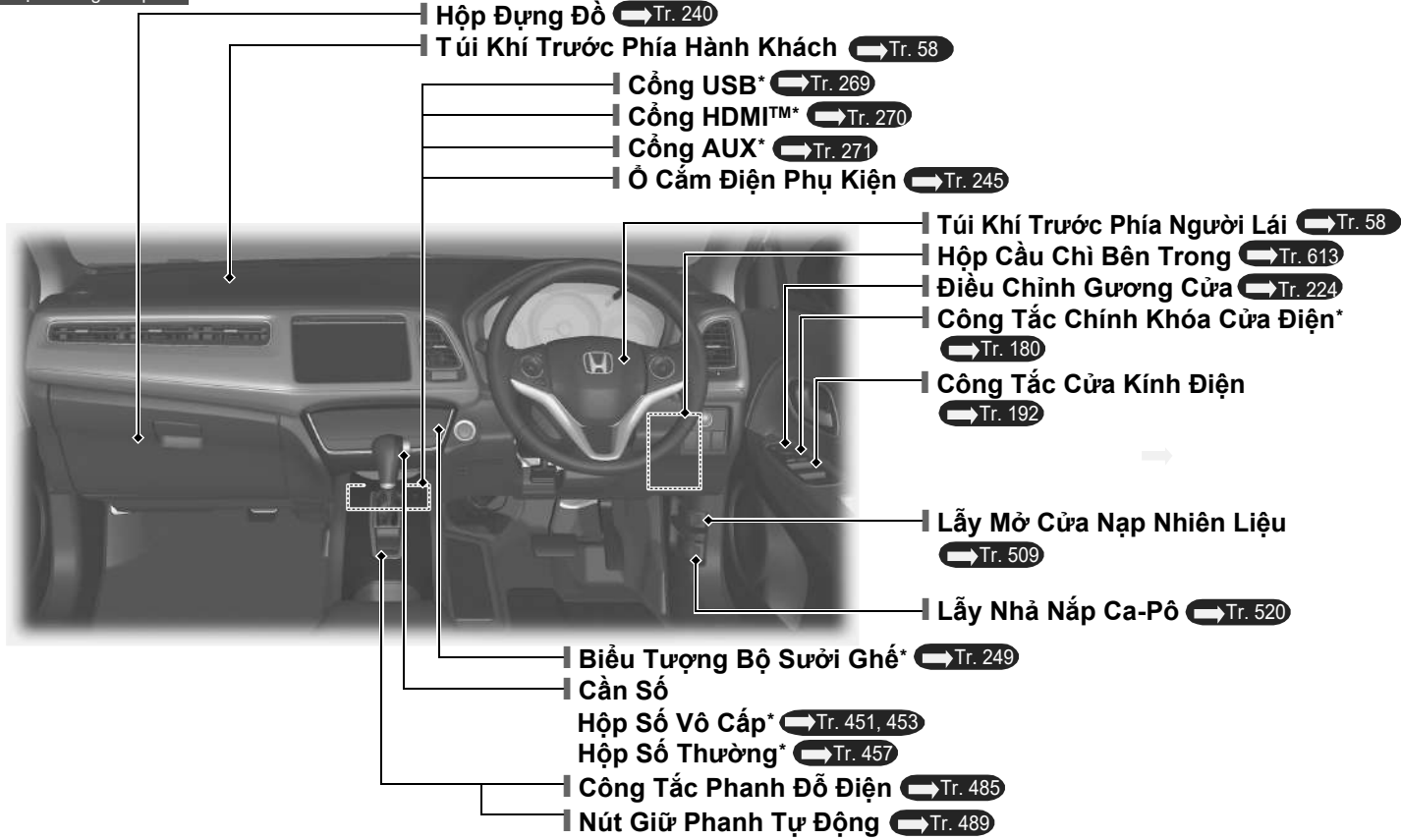
- | Đèn Báo Hệ Thống ➡Tr. 100
- | Đồng Hồ Đo ➡Tr. 139
- | Màn Hình Hiển Thị Thông Tin* ➡Tr. 140
- | Màn Hình Hiển Thị Đa Thông Tin* ➡Tr. 143
- | Đồng Hồ ➡Tr. 160
- | Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm
- | Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin* ➡Tr. 293, 315
- | Hệ Thống Âm Thanh* ➡Tr. 268
- | Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát* ➡Tr. 250
- | Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu* ➡Tr. 254
- | Sấy Kính Sau ➡Tr. 219
- | Nút ENGINE START/STOP* ➡Tr. 199
- | Khóa Điện* ➡Tr. 198
- | Điều Chỉnh Vô Lăng ➡Tr. 222
- | Nút  (TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe VSA) ➡Tr. 476
- | Nút Hệ Thống Cảm Biến Đỡ Xe* ➡Tr. 502
- | Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng* ➡Tr. 211
- | Nút ECON* ➡Tr. 464
- | Nút Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)* ➡Tr. 482
- | Nút Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* ➡Tr. 479

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe 5

Mục Lục Trực Quan



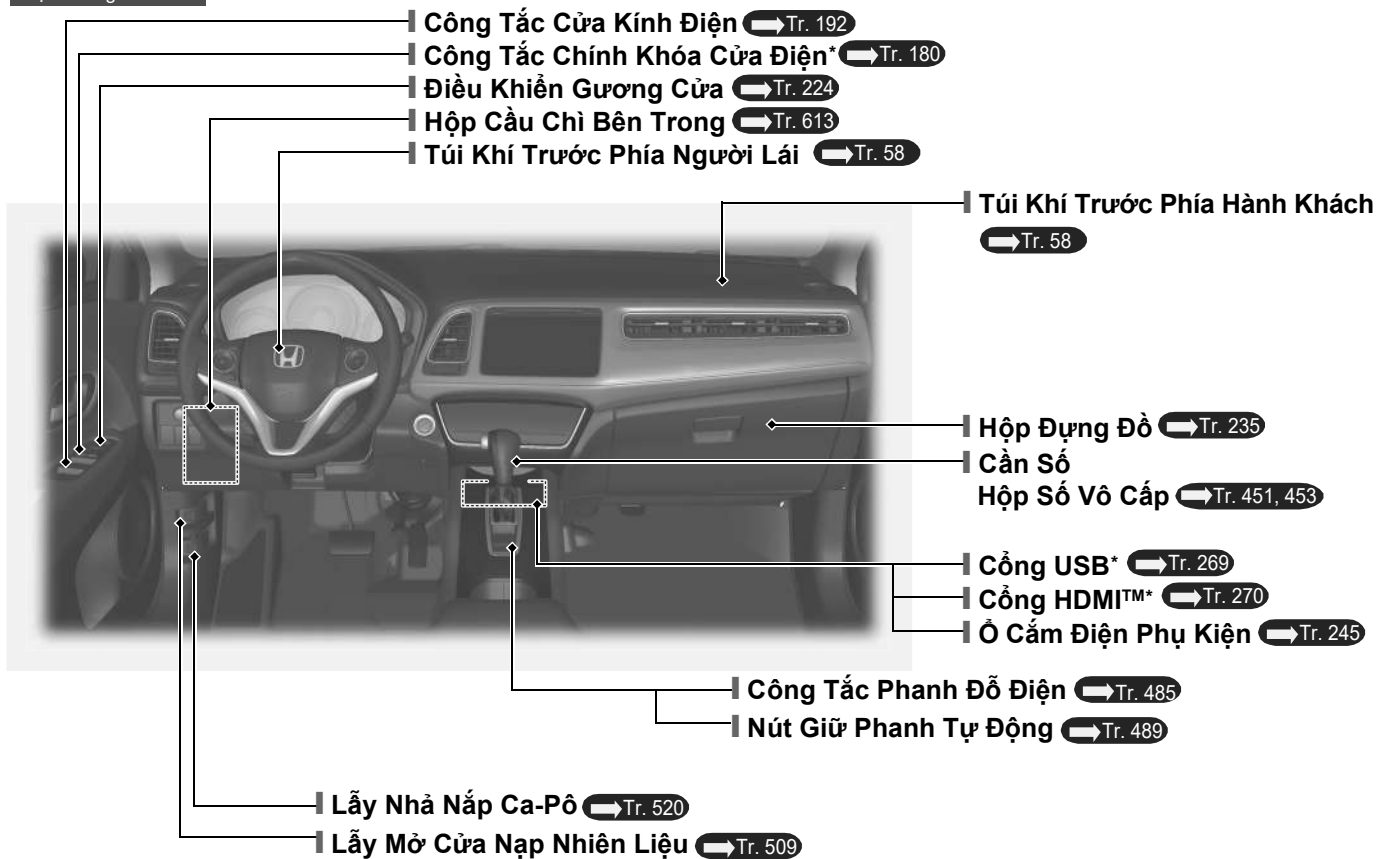
Loại vô lăng bên phải



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mục Lục Trực Quan

Loại vỏ lãng bên trái



Công Tắc Cửa Kính Điện ➡ Tr. 192

Công Tắc Chính Khóa Cửa Điện* ➡ Tr. 180

Điều Khiển Gương Cửa ➡ Tr. 224

Hộp Cầu Chì Bên Trong ➡ Tr. 613

Túi Khí Trước Phía Người Lái ➡ Tr. 58

Túi Khí Trước Phía Hành Khách ➡ Tr. 58

Hộp Đựng Đồ ➡ Tr. 235

Cần Số
Hộp Số Vô Cấp ➡ Tr. 451, 453

Cổng USB* ➡ Tr. 269

Cổng HDMI™* ➡ Tr. 270

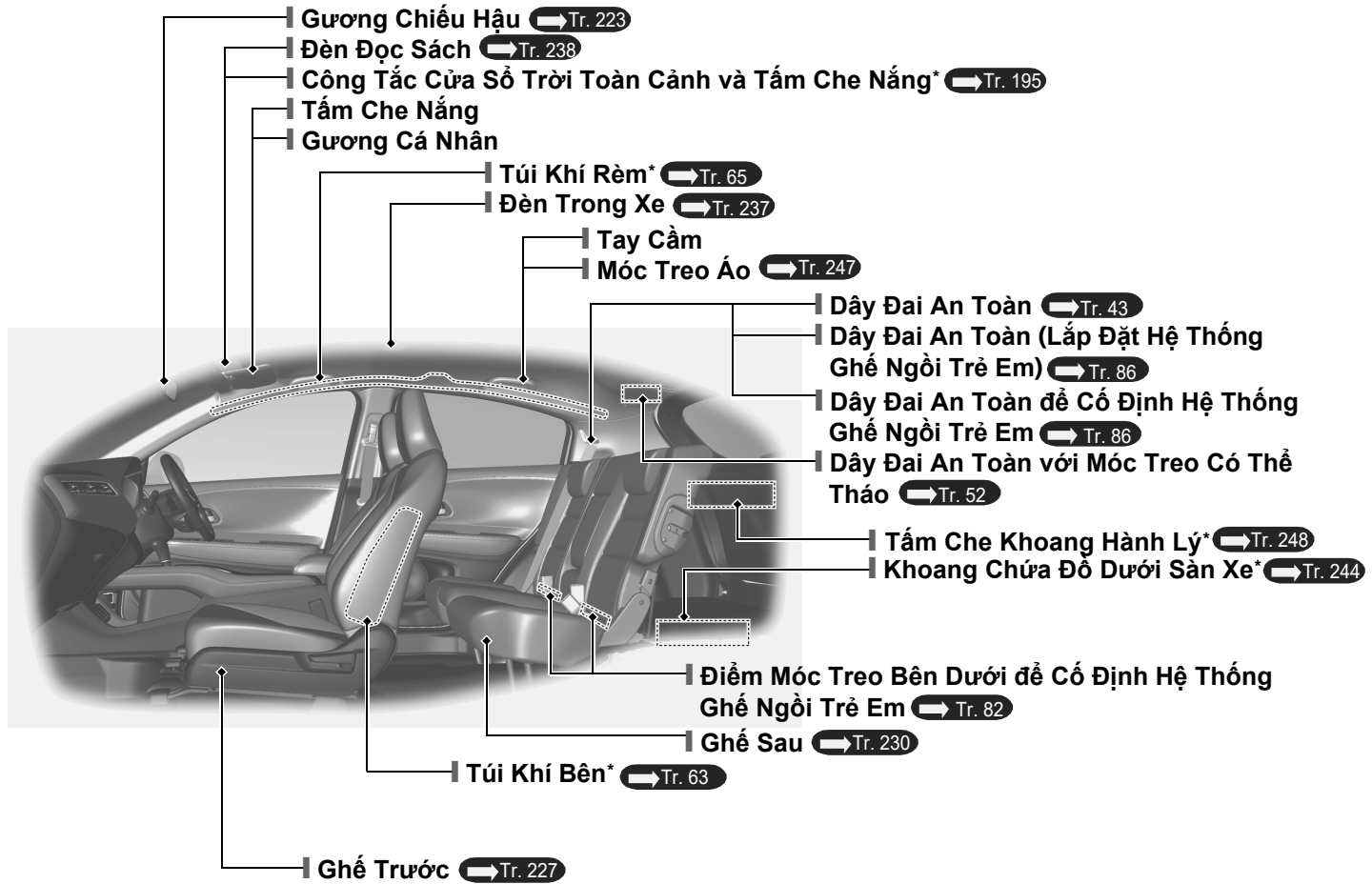
Ổ Cắm Điện Phụ Kiện ➡ Tr. 245

Công Tắc Phanh Đỗ Điện ➡ Tr. 485

Nút Giữ Phanh Tự Động ➡ Tr. 489

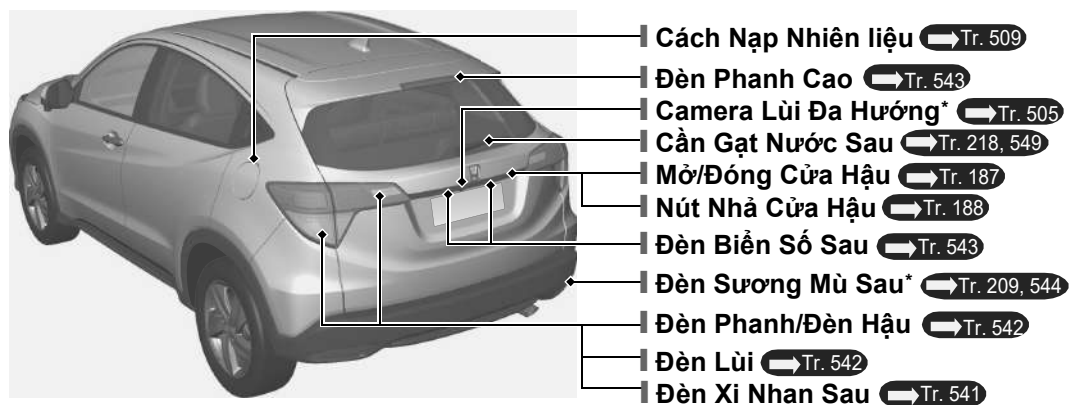
Lấy Nhà Nấp Ca-Pô ➡ Tr. 520

Lấy Mờ Cửa Nạp Nhiên Liệu ➡ Tr. 509



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mục Lục Trực Quan



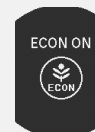
Hệ Thống Hỗ Trợ Eco*

Đèn Báo Chế Độ ECON Tr. 118

Sáng khi ấn nút ECON.

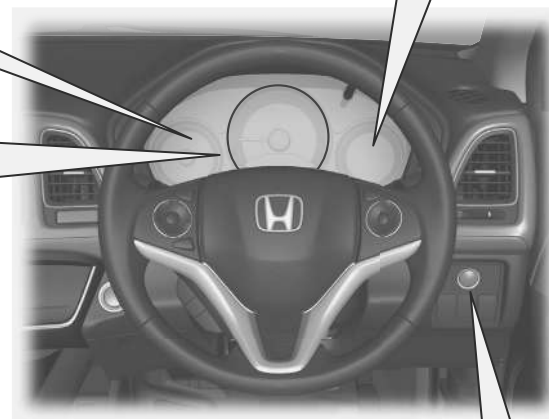


Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin
Thông báo hiển thị trong vài giây khi
ấn nút ECON.



Đèn Viên Đồng Hồ

Đèn viên đồng hồ chuyển sang màu xanh lục cho biết người lái đang lái xe với mức tiêu hao nhiên liệu hợp lý.




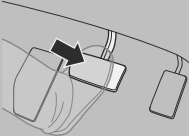
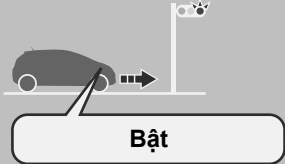

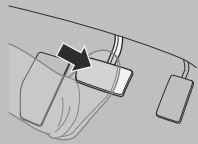
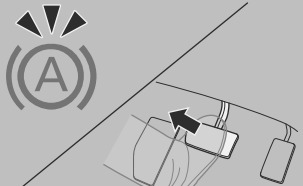
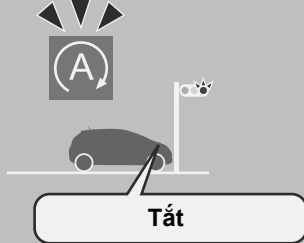
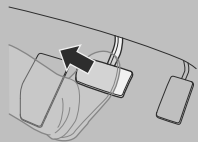
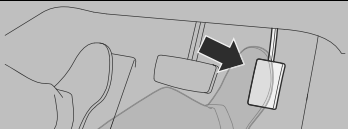

Nút ECON Tr. 464

Giúp tiết kiệm nhiên liệu tối đa.



Chức Năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*

Để cải thiện khả năng tiết kiệm nhiên liệu, hãy dừng động cơ, sau đó khởi động lại như phần chi tiết bên dưới. Khi bật Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, đèn báo Tự Động Dừng Động Cơ sẽ tạm thời sáng (xanh lục).

Khi	Hộp số vô cấp	Trạng thái động cơ
<p>Giảm Tốc</p> 	 <p>Dừng xe và nhấn bàn đạp phanh.</p>	 <p>Bật</p>
<p>Dừng</p> 	 <p>Nhấn và giữ bàn đạp phanh.</p>  <p>Khi hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt, bạn có thể nhả và đạp phanh khi đèn báo (A) sáng lên.</p>	 <p>Tắt</p>
<p>Khởi Động</p>	 <p>Nhả bàn đạp phanh.</p>  <p>Khi hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt, nhấn bàn đạp ga.</p>	 <p>Khởi động lại</p>

Lái Xe An Toàn ↔ Tr. 37

Túi Khí ↔ Tr. 56

- Xe của bạn được trang bị các túi khí để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm từ bình thường đến nghiêm trọng.

An Toàn Cho Trẻ ↔ Tr. 69

- Tất cả các trẻ em dưới 12 tuổi phải ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế sau.

Khí Xả Nguy Hiểm ↔ Tr. 96

- Xe của bạn thải ra một lượng khí xả nguy hiểm có chứa hàm lượng CO. Không được khởi động xe ở những vùng không gian hẹp kín nơi có thể tích tụ CO.

Dây Đai An Toàn ↔ Tr. 43

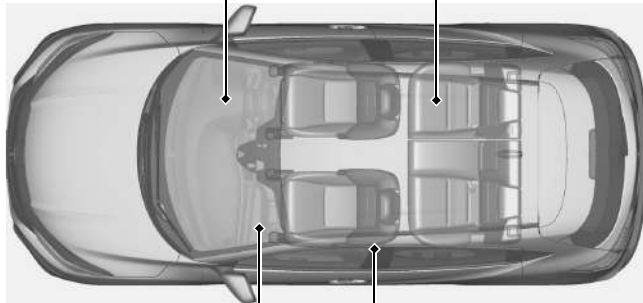
- Thắt dây đai an toàn và ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế.
- Đảm bảo hành khách của bạn đã thắt dây đai an toàn đúng cách.



Thắt dây đai an toàn hông càng thấp càng tốt.

Danh Mục Kiểm Tra Trước Khi Lái Xe ↔ Tr. 42

- Trước khi lái xe, đảm bảo các ghế phía trước, gối tựa đầu, vô lăng và các gương đã được điều chỉnh đúng.



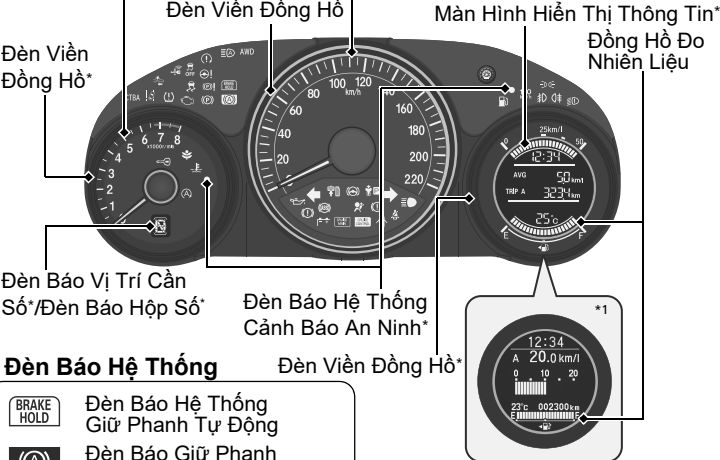
Bảng Điều Khiển Tr. 99

Đồng Hồ Đo Tr.139 /Màn Hình Hiển Thị Thông Tin* Tr.140 /Màn Hình Hiển Thị Đa Thông Tin* Tr.143 /Đèn Báo Hệ Thống Tr.100

Đèn Báo Hệ Thống

-  Đèn Báo Sự Cố
-  Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện
-  Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp
-  Đèn Báo Nhiệt Độ Cao (Đỏ)/Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp (Xanh Lam)*
-  Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)
-  Đèn Báo **TẮT** VSA
-  Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)
-  Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống*
-  Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy
-  Đèn Báo Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*
-  Đèn Báo Chế Độ ECON*
-  Đèn Báo **ĐIỀU KHIỂN CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH CHÍNH***
-  Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*
-  Đèn Cảnh Báo Chệch Làn Đường*
-  Đèn Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước*
-  Đèn Báo Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố (**CTBA**)*
-  Đèn Báo Hệ Thống Dẫn Động Tất Cả Các Bánh (**AWD**)

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe
Đèn Viên Đồng Hồ



Đèn Báo Hệ Thống

-  Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động
-  Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động
-  Đèn Báo Hệ Thống Phanh Đỗ Điện
-  Đèn Báo Phanh Đỗ Điện
-  Đèn Báo M/Đèn Báo Số(chế độ sang số thường 7 cấp)
-  Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp*
-  Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS*
-  Đèn Báo Cảnh Báo Tốc Độ*

Đèn Báo Đèn

-  Đèn Báo Đèn Sáng
-  Đèn Báo Chiếu Xa
-  Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước*
-  Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau*
-  Đèn Báo Điều Khiển Đèn*

Đèn Báo Hệ Thống

-  Đèn Báo Xi-nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm
-  Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ*
-  Bộ Nhắc Thắt Dây Đại An Toàn
-  Đèn Báo Cửa và Cửa Hậu Mở
-  Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động*
-  Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (**ABS**)
-  Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ)
-  Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hồ Phách)
-  Loại xe có hộp số vô cấp
-  Đèn Báo Nhấn Phanh*
-  Loại xe có hộp số thường
-  Đèn Báo Nhấn Phanh*
-  Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp
-  Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động*
-  Đèn Báo Sang Số Đỗ*
-  Đèn Báo Xoay Vô Lãng*
-  Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Hồ Phách)/Đèn Báo Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Xanh Lục)*

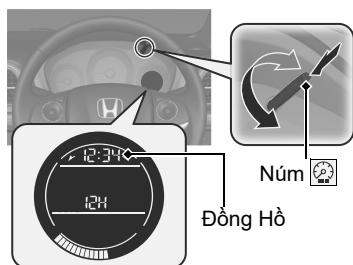
*1: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin




Điều Khiển Tr. 159

Đồng Hồ Tr. 160

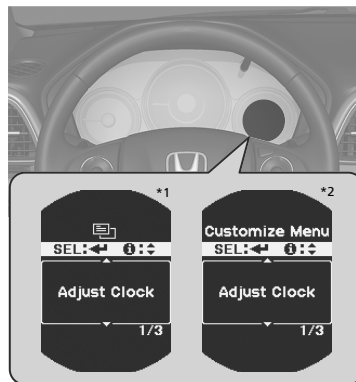
Loại xe không có hệ thống màn hình âm thanh màu và hệ thống màn hình hiển thị âm thanh



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



- 1 Ấn liên tục nút  (chọn/cài đặt lại) để hiển thị màn hình điều chỉnh đồng hồ.
▶ Thời gian hiển thị bắt đầu nhấp nháy.
- 2 Xoay nút  để điều chỉnh thời gian.
- 3 Ấn lại nút  để cài đặt thời gian.

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin



- 1 Ấn nút  để chọn  (Tùy Chọn Cài Đặt)*1/**Clock & Vehicle Settings***2.
- 2 Ấn nút **SEL/RESET** để chọn **Clock Setup**.
- 3 Ấn nút **SEL/RESET** để chọn **Adjust Clock**.
- 4 Điều chỉnh thời gian.

* 1: Ngoại trừ các loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

* 2: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Loại xe có hệ thống màn hình hiển thị âm thanh

Đồng hồ trên màn hình hiển thị thông tin/đa thông tin được cập nhật tự động đồng bộ với đồng hồ của màn hình hiển thị hệ thống âm thanh.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

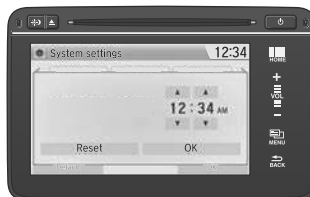


- 1 Ấn và giữ nút **MENU/CLOCK**
- 2 Xoay để thay đổi giờ, sau đó ấn .
- 3 Xoay để thay đổi phút, sau đó ấn .
- 4 Chọn **Set**, sau đó ấn .

Các ký hiệu này được sử dụng để hiển thị cách vận hành nút **LIST/SELECT** (Danh Sách/Chọn).

- Xoay để chọn.
- Ấn để nhập.

Loại xe có hệ thống màn hình hiển thị âm thanh



- 1 Chọn biểu tượng (**MÀN HÌNH CHÍNH**), sau đó chọn **Settings**.
- 2 Chọn **System, Clock**, sau đó chọn **Clock Adjustment**.
- 3 Chạm vào biểu tượng / để tăng số hoặc giảm số.
- 4 Chọn **OK**.

Nút ENGINE START/STOP* Tr. 199

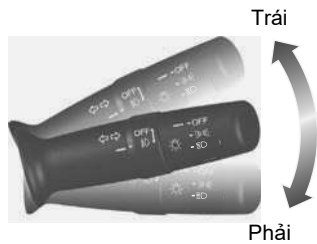
Ấn nút để thay đổi chế độ nguồn của xe.



Xi Nhan Tr. 203

Cần Điều Khiển Xi Nhan

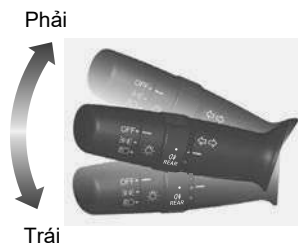
Loại vô lăng bên phải^{*1}



* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Loại vô lăng bên trái

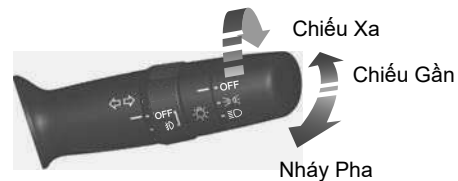
Loại vô lăng bên phải^{*2}



* 2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Đèn Tr. 204

Công Tác Điều Khiển Đèn



*Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Cần Gạt Nước và Rửa Kính

➡ Tr. 215

Cần Điều Khiển Gạt Nước/Bộ Rửa Kính

MIST
OFF

AUTO*1: Tốc độ cần gạt nước thay đổi tự động
INT*2: Gạt tốc độ chậm và ngắt quãng

LO: Gạt tốc độ chậm

HI: Gạt tốc độ nhanh

Kéo về phía bạn để phun nước rửa kính



Vòng điều chỉnh*

☐ : Độ Nhảy Thấp*1

☐ | : Tốc độ chậm hơn, gạt ít hơn*2

☑ : Độ Nhảy Cao*1

☑ | : Tốc độ nhanh hơn, gạt nhiều hơn*2

*1: Loại xe có chế độ gạt tự động ngắt quãng

*2: Loại xe không có chế độ gạt tự động ngắt quãng

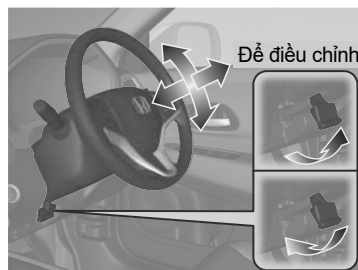
Loại xe có chế độ gạt tự động ngắt quãng

Luôn **TẮT** chế độ **AUTO** trong các tình huống sau để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Lái xe qua máy rửa xe
- Không mưa

Vô Lãng ➡ Tr. 222

- Để điều chỉnh, kéo cần điều chỉnh về phía bạn, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về phía sau đúng vị trí.

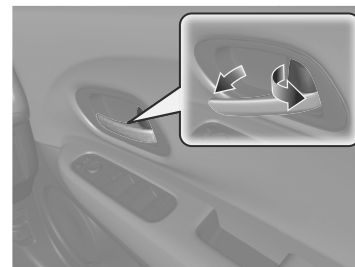


Để khóa

Mở Khóa Cửa Người Lái Từ Bên Trong

➡ Tr. 178

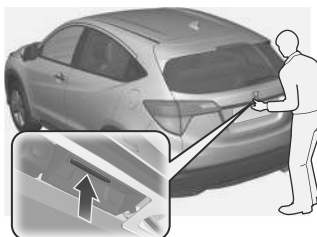
- Kéo tay nắm bên trong cửa người lái để mở khóa và đồng thời mở nó.



Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải và loại xe Mỹ La-tinh

Cửa hành khách trước cũng mở khóa và mở cùng một lúc.

Cửa Hậu Tr. 187




Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

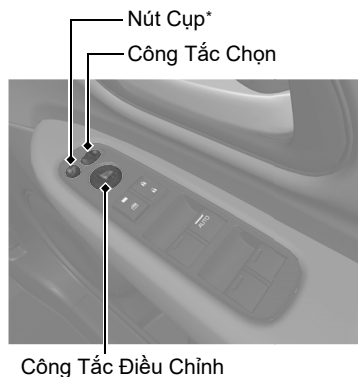
- Khi tất cả các cửa đã mở khóa, ấn nút nhà cửa hậu và nâng để mở cửa hậu.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa


- Ấn nút nhà cửa hậu để mở khóa và mở cửa hậu khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

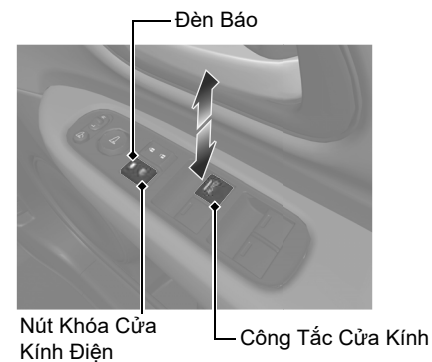
Gương Cửa Điện Tr. 224

- Khi khóa điện ở BẬT ^{*1}, gạt công tắc chọn đến **L** hoặc **R**.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút cụp^{*} để cụp vào hoặc mở gương cửa ra.



Cửa Kính Điện Tr. 192

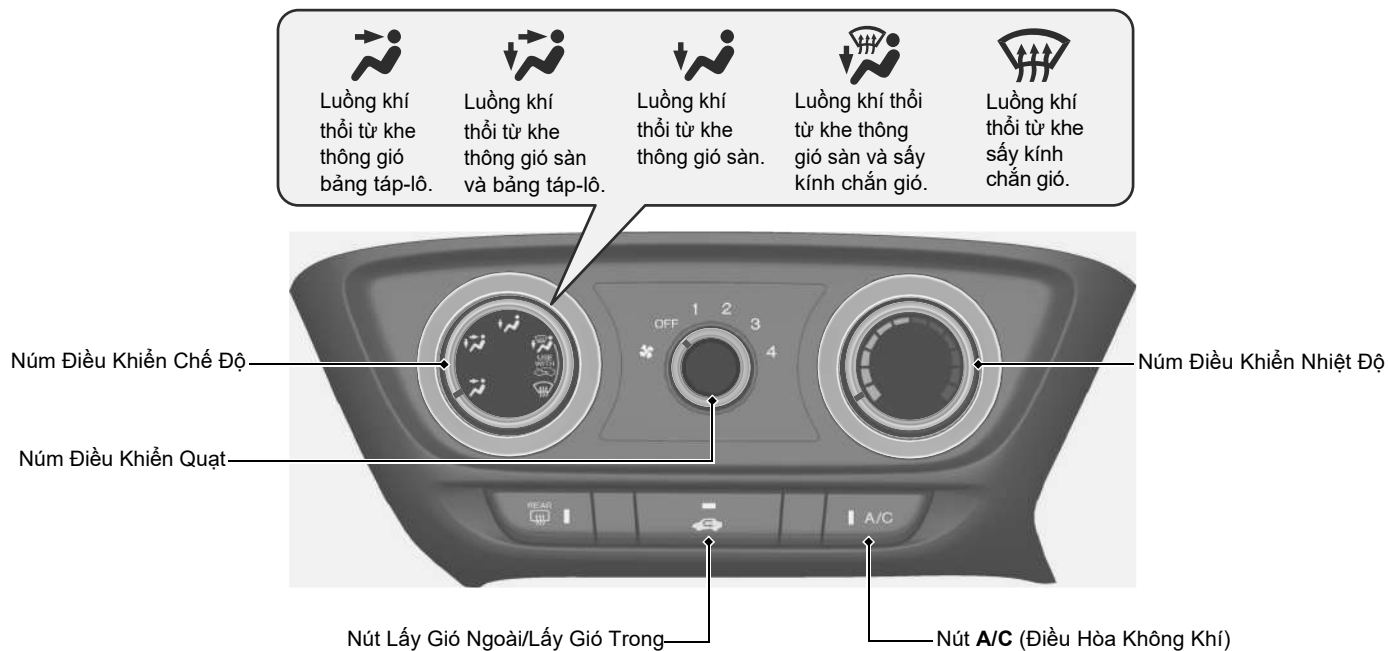
- Khi khóa điện ở BẬT ^{*1}, mở và đóng cửa kính điện.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, có thể mở hoặc đóng cửa kính điện hành khách bằng công tắc của mỗi cửa.
- Nếu nút khóa cửa kính điện mở (đèn báo sáng), công tắc cửa kính điện hành khách không thể hoạt động.





* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát* Tr. 250

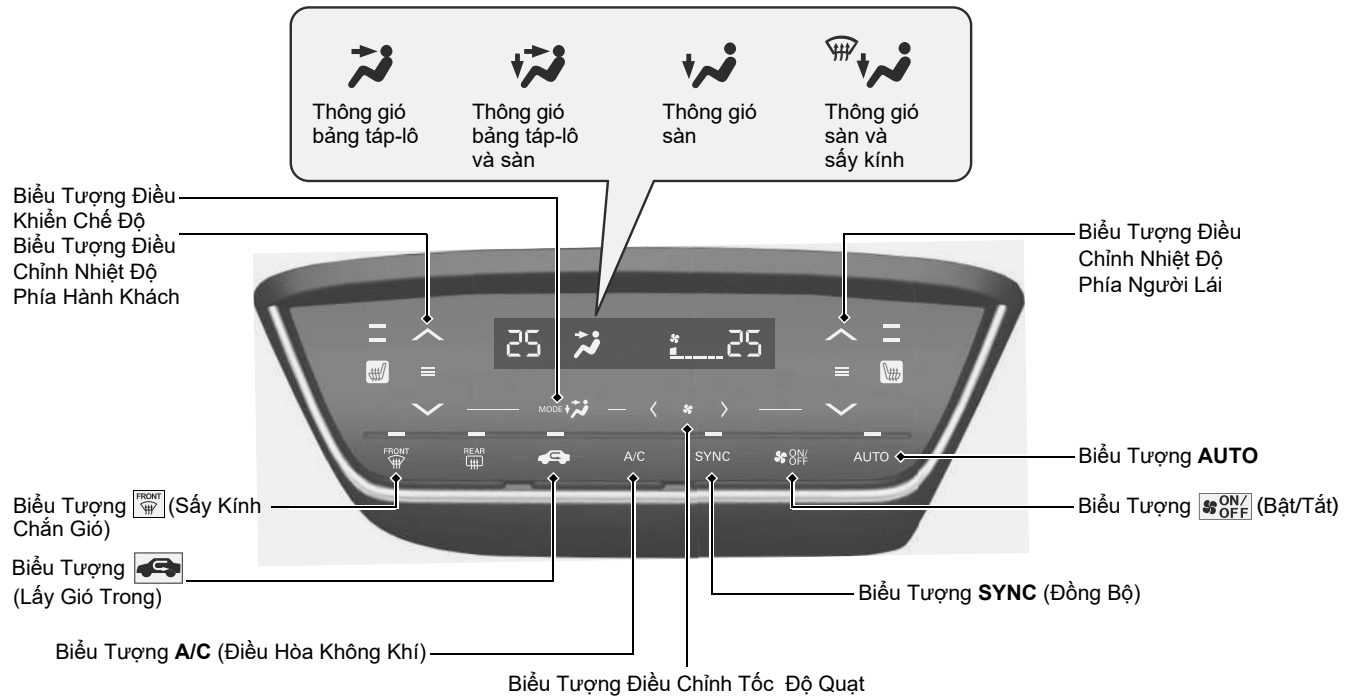
- Xoay núm điều khiển quạt để điều chỉnh tốc độ quạt.
- Xoay các núm chế độ (/ / / /) để chọn luồng khí.
- Xoay núm điều khiển nhiệt độ để điều chỉnh nhiệt độ.
- Xoay núm điều khiển quạt đến **OFF** để tắt hệ thống.
- Xoay núm điều khiển chế độ sang để sấy kính chắn gió.



Hệ Thống Điều Khiển Khí Hệu *

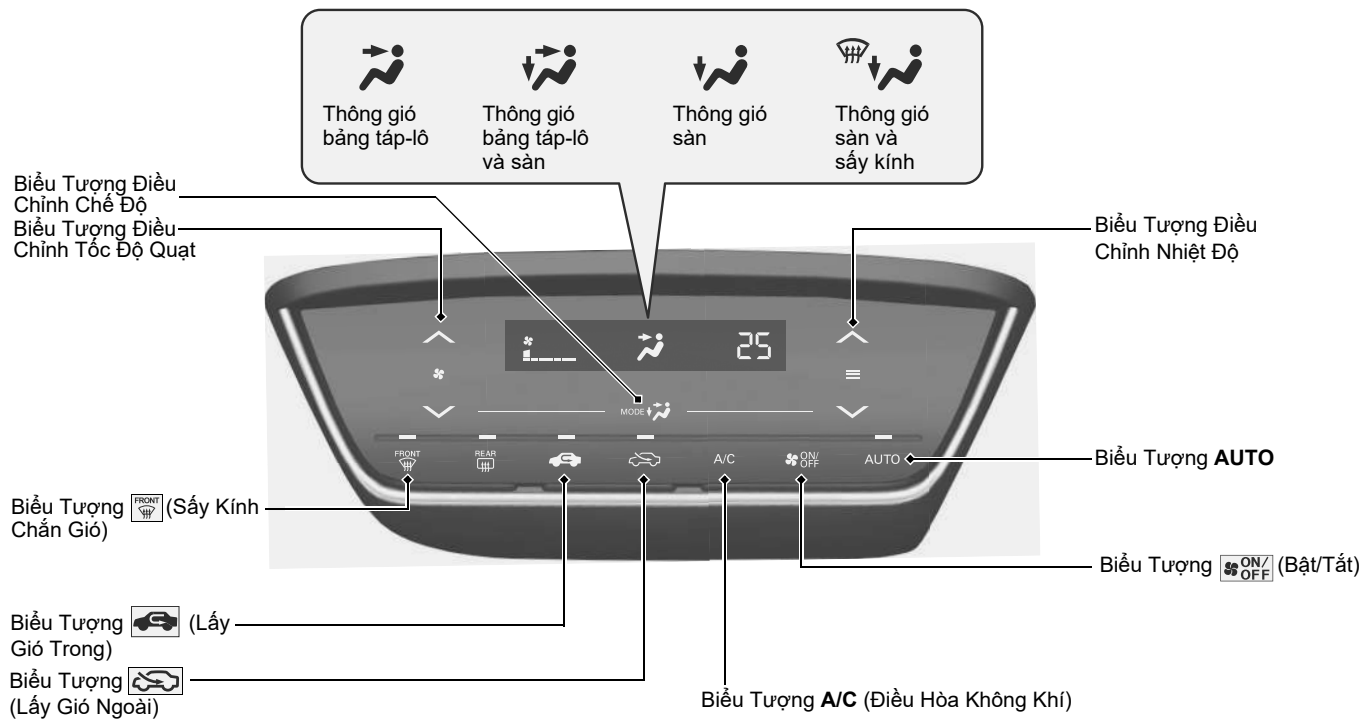
- Chọn biểu tượng **AUTO** để kích hoạt hệ thống điều khiển khí hậu.
- Chọn biểu tượng  để bật hoặc tắt hệ thống.
- Chọn biểu tượng  để sấy kính chắn gió.

Loại xe có biểu tượng **SYNC**



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

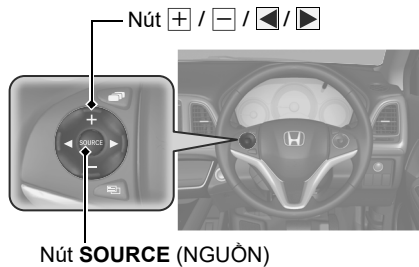
Loại xe không có biểu tượng SYNC



Tính Năng Tr. 267

Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa*

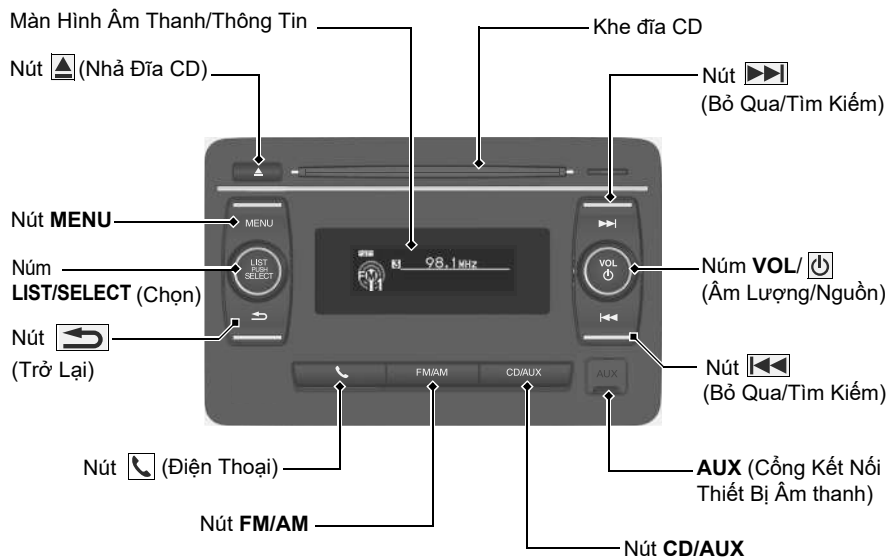
Tr. 272




- Nút + / -
Ấn nút để điều chỉnh tăng/giảm âm lượng.
- Nút **SOURCE** (NGUỒN)
Ấn để thay đổi chế độ âm thanh FM/AM/ LW*/MW*/CD/USB/iPod/Apps*/Bluetooth/ AUX*/AUX HDMI™*.
- Nút < / >
Radio: Ấn để thay đổi kênh cài đặt sẵn. Ấn và giữ để chọn kênh tiếp theo hoặc kênh trước đó.
CD/USB:
Ấn để bỏ qua đến phần đầu của bài tiếp theo hoặc trở lại phần đầu của bài đang phát. Ấn và giữ để thay đổi thư mục.

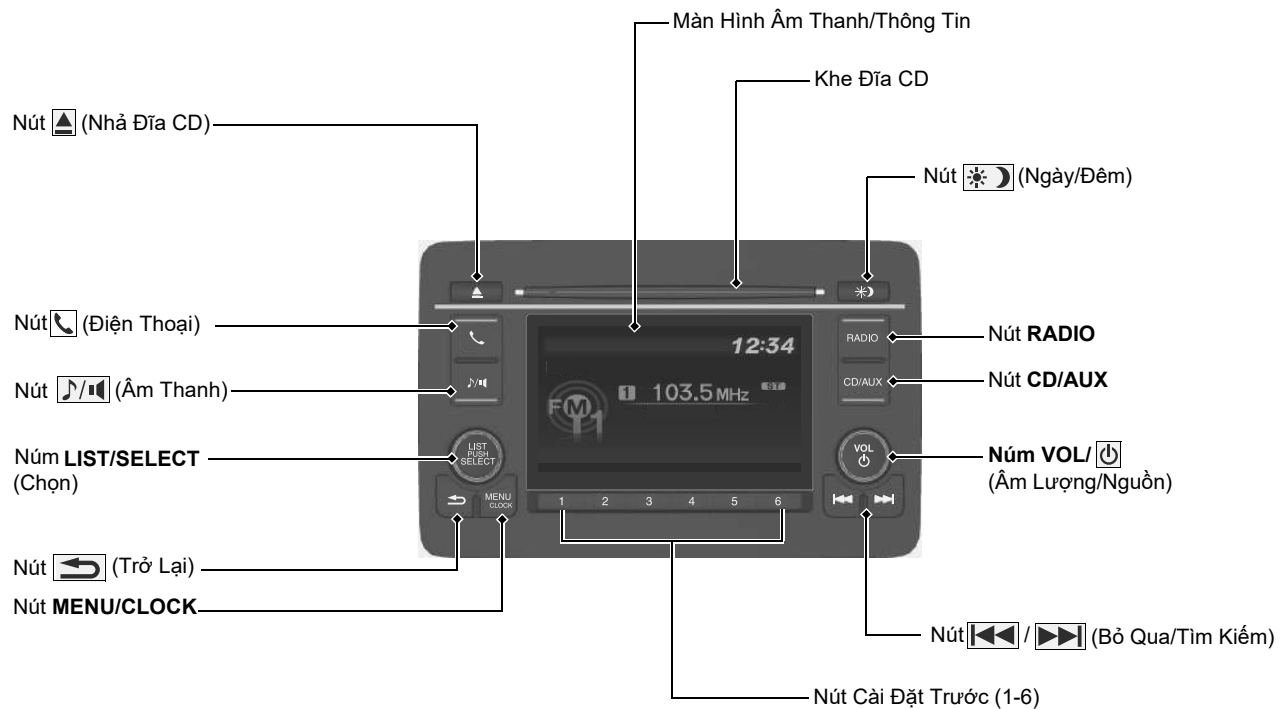
Hệ Thống Âm Thanh* Tr. 268

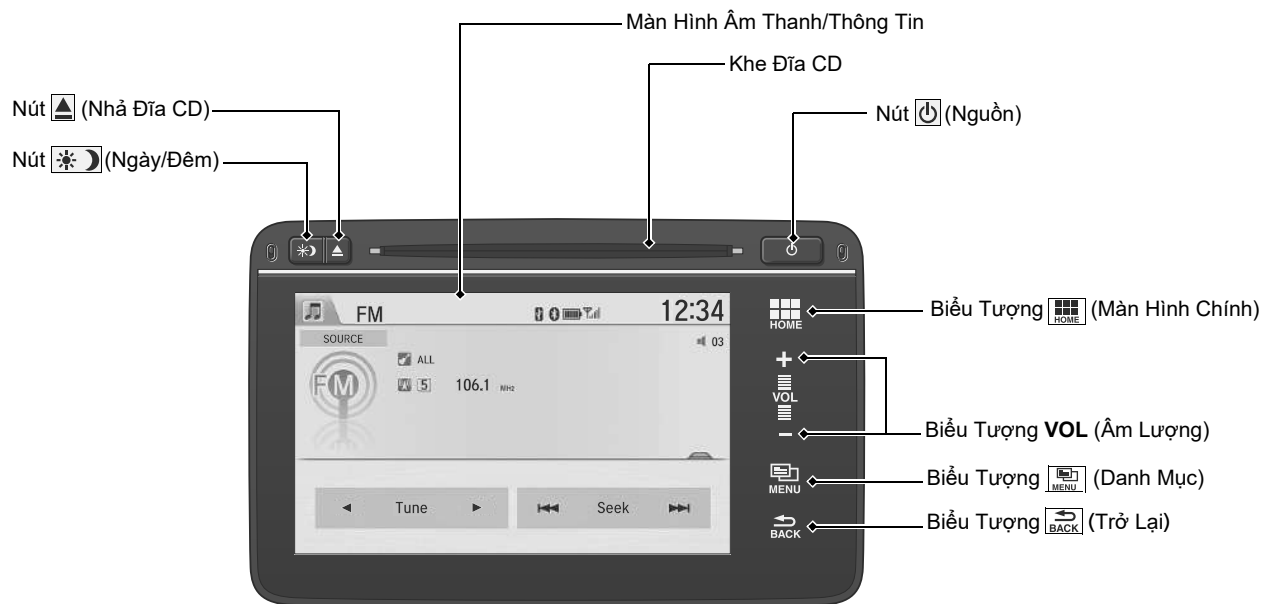
Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng Tr. 274



*Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu  Tr. 292





Lái Xe Tr. 429

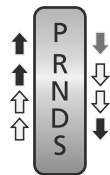
Hộp Số Thường* Tr. 457

Hộp Số Vô Cấp* Tr. 451, 453

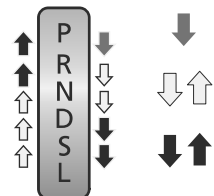
- Sang số **P** và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Sang Số

Loại xe có lấy sang số



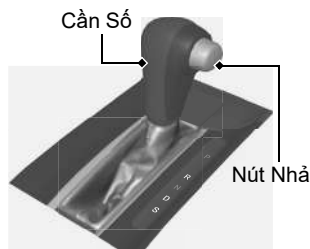
Loại xe không có lấy sang số



Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhà để gạt cần ra khỏi **P**.

Gạt cần số mà không ấn nút nhà.

Ấn nút nhà để gạt cần số.



Loại xe không có lấy sang số

P Số Đổ
Tắt hoặc khởi động động cơ.
Hộp số bị khoá.

R Số Lùi
Dùng khi lùi xe.

N Số Không
Hộp số không bị khoá.

D Số Lái
Lái thường.
Trên các xe có lấy sang số, có thể sử dụng tạm thời chế độ sang số thường 7 cấp.

Loại xe có lấy sang số

S Vị Trí S
Có thể sử dụng chế độ sang số thường 7 cấp.

S Số Lái (S)

- Tăng tốc tốt hơn
- Dùng để tăng phanh động cơ
- Dùng khi lên dốc hoặc xuống dốc

L Số Thấp

- Dùng để tăng phanh động cơ tốt hơn
- Dùng khi lên dốc hoặc xuống dốc

Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp* Tr. 455

- Cho phép bạn tăng hoặc giảm số mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

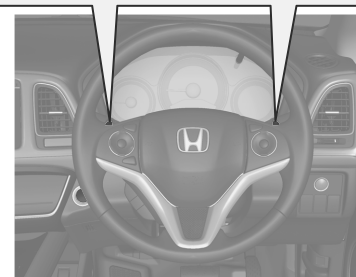
Khi cần số ở **S**

- Kéo lấy sang số để thay đổi chế độ từ hộp số vô cấp sang chế độ sang số thường 7 cấp.

- Đèn báo **M** và số tốc độ đã chọn hiển thị trên đèn báo số.

Khi cần số ở **D**

- Kéo lấy sang số để thay đổi tạm thời từ hộp số vô cấp sang chế độ sang số thường 7 cấp. Vị trí số đã chọn được hiển thị trên đèn báo số.



Bật và Tắt VSA Tr. 475

- Hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua và giúp duy trì bám đường khi xe tăng tốc trên bề mặt trơn hoặc lầy.
- VSA tự động bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để hủy một phần hoặc bật hết các chức năng VSA, ấn và giữ nút đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* Tr. 465

- Điều khiển chế độ chạy ổn định cho phép bạn duy trì tốc độ cài đặt mà không cần giữ chân trên bàn đạp ga.
- Để sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định, ấn nút **CRUISE**, sau đó ấn nút **-/SET** khi xe đạt tốc độ mong muốn (trên 40km/h).

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* Tr. 477

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng lốp và kích thước tổng thể do áp suất lốp giảm.
- Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp tự động bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Phải thực hiện hiệu chuẩn khi xuất hiện một số tình trạng nhất định.

Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)* Tr. 480

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng lốp và kích thước tổng thể do áp suất lốp giảm.
- TPMS tự động bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Phải thực hiện hiệu chỉnh khi xuất hiện một số tình trạng nhất định.

Nạp Nhiên Liệu Tr. 507

Nhiên liệu khuyến dùng:

Ngoại trừ loại xe Thái Lan,
Indonesia và Đài Loan

**Xăng không chì, chỉ số ốc-tan 91
trở lên**

Loại xe Thái Lan

**Xăng không chì/pha còn lên
tới E85 (15% xăng và
ethanol), chỉ số ốc-tan 91
trở lên**

Loại xe Indonesia

**Xăng không chì, chỉ số ốc-tan
90 trở lên**

Loại xe Đài Loan

**Xăng không chì, chỉ số ốc-tan
92 trở lên**

Dung tích bình nhiên liệu:

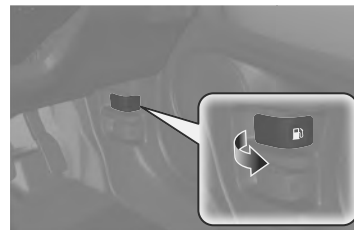
Loại xe có động cơ 1.5 L

40 L

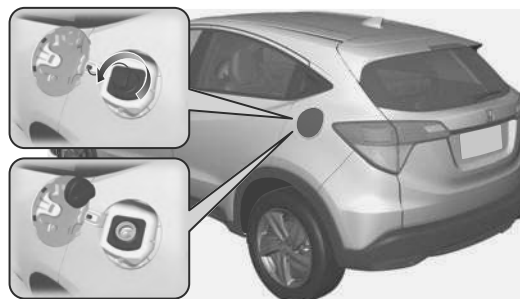
Loại xe có động cơ 1.8 L

50 L

- 1 Kéo lấy mở cửa nạp nhiên liệu ra.



- 2 Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu để mở nắp.



- 3 Đặt nắp trên ngăn cửa nạp nhiên liệu.

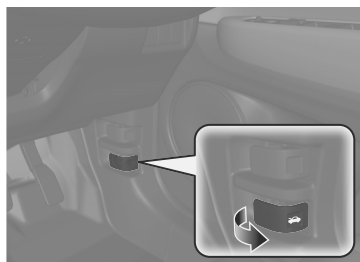
- 4 Sau khi nạp nhiên liệu, vặn nắp lại đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.

Bảo Dưỡng ↔ Tr. 511

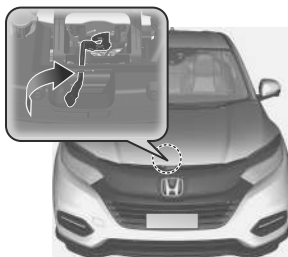
Dưới Nắp Ca-Pô ↔ Tr. 519

- Kiểm tra dầu, nước làm mát động cơ và nước rửa kính. Bổ sung thêm nếu cần thiết.
- Kiểm tra dầu phanh.
- Hàng tháng, kiểm tra tình trạng ắc quy.

1 Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc bảng táp-lô.



2 Xác định vị trí thanh chốt nắp ca-pô, kéo cần lên và nâng nắp ca-pô. Khi bạn đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể nhả thanh chốt.



3 Khi thực hiện xong, đóng nắp ca-pô và đảm bảo nó đã được khóa chắc chắn vào đúng vị trí.

Lưới Gạt Mưa ↔ Tr. 547

- Thay lưới gạt nếu chúng để lại các vết trên kính chắn gió.



Lốp Xe ↔ Tr. 551

- Kiểm tra lốp và bánh xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp xe thường xuyên.
- Lắp lốp mùa đông khi lái xe trong mùa đông.

Đèn ↔ Tr. 534

- Kiểm tra tất cả các đèn thường xuyên.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ ↔ Tr. 573

Xẹp Lốp ↔ Tr. 576, 583

Loại xe có lốp dự phòng

- Đổ xe ở nơi an toàn và thay lốp bị xẹp bằng lốp dự phòng trong khoang hành lý.

Loại xe có bộ dụng cụ sửa lốp xe

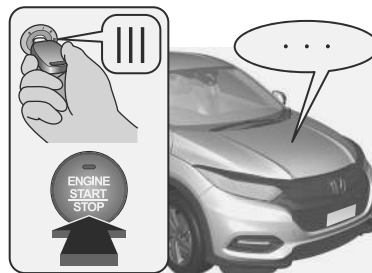
- Đổ xe ở nơi an toàn và sửa lốp bị xẹp bằng bộ dụng cụ sửa lốp xe.



Động Cơ Không Khởi Động ↔ Tr. 594

↔ Tr. 594

- Nếu ắc quy chết, mở khởi động bằng ắc quy tăng cường.



Quá Nhiệt ↔ Tr. 601

- Đổ xe ở nơi an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.



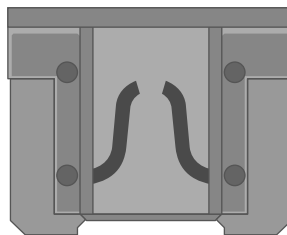
Đèn Báo Sáng ↔ Tr. 603

- Nhận dạng đèn báo và tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng.



Nổ Cầu Chì ↔ Tr. 608

- Kiểm tra nổ cầu chì nếu có một thiết bị điện không hoạt động.



Kéo Xe Khẩn Cấp ↔ Tr. 616

- Hãy gọi đội dịch vụ kéo chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.



Làm Gì Nếu

Q Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa
Khóa điện không chuyển từ 0 sang I. Tại sao?

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa
Chế độ nguồn không chuyển từ TẮT MÁY (KHÓA) sang PHỤ KIỆN. Tại sao?

A

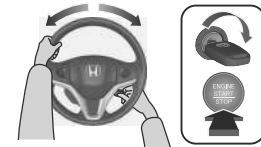
- Vô lăng có thể bị khóa.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Thử xoay vô lăng sang trái và phải trong khi xoay chìa khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

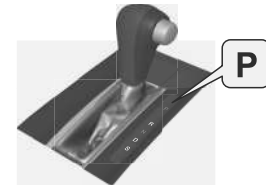
- Xoay vô lăng sang trái và phải sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.



Q Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa
Khóa điện không chuyển được từ I đến 0 và không thể rút chìa khóa ra. Tại sao?

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa
Chế độ nguồn không thay đổi từ PHỤ KIỆN sang TẮT MÁY (KHÓA). Tại sao?

A Gạt cần số tới **P**.



Q Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn phanh?

A Điều này xảy ra khi kích hoạt ABS và không hiển thị sự cố. Nhấn bàn đạp phanh mạnh, lực đều. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.
 ➔ Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) ➔ Tr. 492

Q Không mở được cửa sau từ bên trong xe. Tại sao?

A Kiểm tra xem khóa phòng ngừa trẻ em có ở vị trí khóa không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm cửa bên ngoài. Để hủy chức năng này, gạt lẫy đến vị trí mở khóa.



Q Tại sao các cửa khoá sau khi tôi mở khoá các cửa?

A Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, cửa sẽ tự động khoá lại để đảm bảo an ninh.

Q Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi mở cửa người lái?

A Tiếng bíp vang lên khi:

- Các đèn ngoài xe còn sáng.

Loại xe có hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời

- Chế độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Chìa khóa vẫn nằm trong khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN.



Loại xe có hệ thống tự động khóa cửa khi ra khỏi xe

Tại sao tiếng bip vang lên khi tôi ra khỏi xe sau khi tôi đóng cửa?



Tiếng bip vang lên nếu bạn đi ra ngoài phạm vi hoạt động của khóa cửa tự động trước khi cửa đóng hoàn toàn.

☑️ Khóa cửa và cửa hậu (Tự động khóa cửa khi ra khỏi xe)* ➡ Tr. 171



Tại sao tiếng bip vang lên khi tôi bắt đầu lái xe?



Tiếng bip vang lên khi người lái và/hoặc hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn.



Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít lên khi tôi nhấn bàn đạp phanh?



Có thể cần thay má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.



Ấn công tắc phanh đỗ điện mà phanh đỗ không nhả. Tại sao?



Ấn công tắc phanh đỗ điện đồng thời nhấn bàn đạp phanh.



Nhấn bàn đạp ga mà phanh đỗ không tự động nhả. Tại sao?



- Thắt dây đai an toàn người lái.
- Kiểm tra cần số có ở **P** hoặc **N**. Nếu có, hãy chọn bất kỳ vị trí nào khác.

Q

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp
Loại xe có hệ thống giám sát áp suất lốp

**Tôi thấy đèn báo lốp màu
hở phách kèm với một dấu
chấm than. Đó là gì?**

A

Ngoại trừ loại xe Đài Loan

Cần chú ý đến Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp. Nếu bạn mới bơm hơi hoặc thay lốp xe, bạn cần phải hiệu chỉnh lại hệ thống.

➤ Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* ➡ Tr. 477

Loại xe Đài Loan

Cần chú ý đến Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS). Nếu bạn mới bơm hoặc thay lốp xe bạn cần phải hiệu chỉnh lại hệ thống.

➤ Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS) ➡ Tr. 480



Loại xe Pakistan

Có thể sử dụng xăng không chì có Chỉ Số Octan (RON) 87 trở lên cho loại xe này không?



Xe bạn được thiết kế để vận hành bằng xăng không chì có chỉ số octan 91 trở lên. Nếu không có loại xăng này, có thể dùng tạm thời xăng không chì chỉ số octan 87 trở lên.

Dùng xăng không chì thông thường có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và sẽ dẫn đến giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng không đúng quy định trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ.



Lái Xe An Toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và tài liệu hướng dẫn này.

Lái Xe An Toàn

Các Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn ...	38
Thông Tin Xử Lý Quan Trọng	40
Tính Năng An Toàn Của Xe	41
Danh Mục Kiểm Tra An Toàn	42

Dây Đai An Toàn

Dây Đai An Toàn Của Xe	43
Thắt Dây Đai An Toàn	49
Kiểm Tra Dây Đai An Toàn	54
Điểm Treo	55

Túi Khí

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí	56
Các Loại Túi Khí	58
Túi Khí Trước (SRS)	58
Túi Khí Bên*	63
Túi Khí Rèm*	65
Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí	66
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí	68

An Toàn Cho Trẻ

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ	69
An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh Và Trẻ Nhỏ	73
An Toàn Cho Trẻ Lớn	93

Khí Xả Nguy Hiểm

Khí CO	96
--------------	----

Nhãn An Toàn

Vị Trí Nhãn	97
-------------------	----

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Lái Xe An Toàn

Những trang sau đây trình bày các tính năng an toàn trên xe và cách sử dụng nó một cách chính xác. Các chú ý an toàn dưới đây là những điều quan trọng nhất cần phải lưu ý.

Các Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

■ Luôn thắt dây đai an toàn

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống và chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

■ Bảo vệ trẻ em ở tất cả các lứa tuổi

Để đảm bảo an toàn, trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau, không nên ngồi ghế trước. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế lót và thắt dây đai an toàn hông/vai đến khi chúng có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế lót.

■ Chú ý những nguy hiểm khi sử dụng túi khí

Túi khí có thể bảo vệ an toàn, tuy nhiên nó cũng có thể làm người trên xe bị thương nếu ngồi quá gần chúng, hoặc được bảo vệ không đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Phải tuân theo những hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

■ Không lái xe khi đã uống bia rượu

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kỵ. Thậm chí một lượng nhỏ bia rượu cũng làm giảm khả năng phản xạ của bạn với thay đổi của xung quanh, và thời gian phản ứng càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó khi đã uống rượu bia thì không lái xe và cũng không để cho bạn bè của bạn làm như vậy.

» Các Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

Một số quốc gia cấm sử dụng điện thoại di động ngoại trừ thiết bị điện thoại rảnh tay khi đang lái xe

■ Tập trung lái xe an toàn

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện, và người đi đường khác. Việc này sẽ dẫn đến xảy ra va chạm. Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến điều khác.

■ Kiểm soát tốc độ

Tốc độ quá cao là nguyên nhân chính gây ra thương tích, tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi đang ở tốc độ chậm. Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện lúc đang lái, bất kể tốc độ tối đa được phép là bao nhiêu.

■ Giữ xe trong điều kiện hoạt động an toàn

Xe bị xẹp lốp hoặc trục trặc kỹ thuật có thể cực kỳ nguy hiểm. Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy thường xuyên kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác cũng như thực hiện bảo dưỡng định kỳ.

■ Luôn giám sát khi trẻ ngồi trên xe

Nếu trẻ, thú cưng và người cần sự trợ giúp không được giám sát cẩn thận, họ có thể bị thương do vô tình kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe. Họ có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến trẻ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ bên trong xe có thể tăng lên mức cao nhất, khiến họ bị thương hoặc tử vong.

Ngay cả khi đã bật hệ thống sưởi* và hệ thống làm mát*/hệ thống điều khiển khí hậu*, không được để họ trong xe một mình vì hệ thống sưởi* và hệ thống làm mát*/hệ thống điều khiển khí hậu* có thể tắt bất kỳ lúc nào.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thông Tin Xử Lý Quan Trọng

Xe bạn có khoảng sáng gầm xe cao hơn xe khách, loại xe vốn được thiết kế chỉ để chạy trên đường được lát. Khoảng sáng gầm xe cao hơn có nhiều ưu điểm khi lái trên đường hiểm trở. Bạn vẫn có thể lái xe qua các đoạn đường mấp mô, có vật cản, và địa hình gồ ghề. Khoảng sáng gầm xe cao cũng giúp bạn có tầm nhìn rõ hơn nên bạn có thể lường trước được sự cố sớm hơn.

Bên cạnh những ưu điểm này cũng có nhược điểm. Vì xe cao hơn và gầm xe cao hơn nên trọng tâm của nó cũng cao hơn làm xe dễ dàng bị lật hoặc lộn vòng nếu bạn rẽ đột ngột. Những xe có nhiều tiện ích có nguy cơ bị trượt cao hơn các loại xe khác. Khi xảy ra va chạm lộn vòng, người không thắt dây đai an toàn có khả năng bị tử vong cao hơn so với người thắt dây đai. Vì vậy, cần đảm bảo bạn và các hành khách luôn thắt dây đai an toàn.

►►Thông Tin Xử Lý Quan Trọng

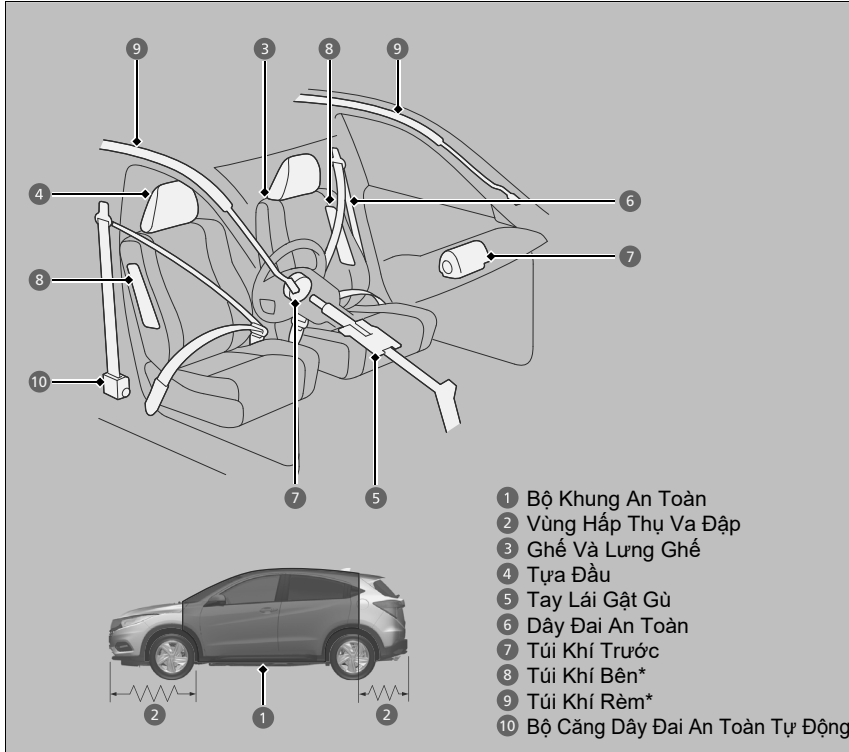
Để tìm hiểu cách giảm bớt nguy cơ va chạm lộn vòng, hãy tham khảo:

- **Hướng Dẫn Lái Xe Có Nhiều Tiện Ích** Tr. 448
- **Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trở** Tr. 439

Không vận hành xe đúng cách có thể xảy ra va chạm hoặc lật xe.

Ở nhiều quốc gia, luật pháp cấm lái xe trên đường hiểm trở như lái xe trong rừng, trên đường mòn, v.v. Hãy kiểm tra luật và quy định của địa phương trước khi bắt đầu lái xe trên đường hiểm trở.

Các Tính Năng An Toàn Của Xe



Bảng liệt kê những mục sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Các Tính Năng An Toàn Của Xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào của bạn. Những thiết bị này bao gồm bộ khung thép khoẻ tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ lực va đập lực phía trước và phía sau, tay lái gật gù, và bộ căng đai để thắt chặt dây đai an toàn phía trước khi va chạm.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng để bảo vệ bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến người ngồi trong xe bị thương nếu không sử dụng đúng cách.

Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

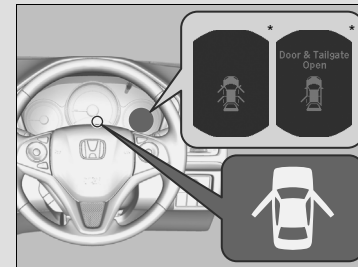
Vì sự an toàn của bạn và hành khách, hãy tạo thói quen kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng xa về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí phía trước có thể bị thương nghiêm trọng hoặc thậm chí tử vong khi xảy ra va chạm.
 ☒ Điều Chỉnh Ghế Ngồi Tr. 227
- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với phần giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.
 ☒ Điều Chỉnh Tựa Đầu Tr. 234
- Luôn thắt dây đai an toàn, và thắt đúng cách. Đảm bảo tất cả hành khách đều thắt đúng cách.
 ☒ Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 49
- Bảo vệ trẻ em bằng cách thắt dây đai an toàn hoặc hệ thống ghế ngồi trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao và cân nặng.
 ☒ An Toàn Cho Trẻ Tr. 69

►► Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Nếu đèn báo cửa hoặc cửa hậu mở sáng, tức là có một cửa và/hoặc cửa hậu không được đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa đến khi đèn báo tắt.

☒ Đèn Báo Cửa và Cửa Hậu Mở Tr. 111



Dây Đai An Toàn

Dây Đai An Toàn Của Xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn đơn giản hiệu quả nhất bởi vì nó giúp bạn liên kết với xe để có thể tận dụng rất nhiều tính năng an toàn bên trong.

Nó giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc văng ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp khi xảy ra va chạm để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ khác của các túi khí.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn hầu hết trong các tình huống va chạm, bao gồm:

- va chạm phía trước
- va chạm bên
- va chạm phía sau
- va chạm lộn vòng

» Dây Đai An Toàn Của Xe

⚠ CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn có túi khí.

Hãy đảm bảo rằng bạn và hành khách của bạn luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung thân thể, và nên được thắt thấp phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai, tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn phải được điều chỉnh căng chắc chắn càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Dây đai an toàn thả lỏng sẽ làm giảm khả năng bảo vệ đáng kể cho người sử dụng.

CẢNH BÁO: Không nên xoắn vặn đai khi thắt dây đai an toàn.

CẢNH BÁO: Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người, sẽ rất nguy hiểm khi vòng dây đai an toàn ngang qua một đứa trẻ đang ngồi trong lòng người sử dụng.

■ Dây đai an toàn hông/vai

Cả năm ghế ngồi đều được trang bị dây đai an toàn hông/vai với bộ rút khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ rút khóa dây đai an toàn cho phép bạn di chuyển thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi va chạm hoặc xe dừng đột ngột, bộ rút khóa dây đai an toàn sẽ khóa lại để bảo vệ bạn.

Loại xe có dây đai an toàn có bộ rút có thể khoá

Dây đai an toàn ghế sau cũng có bộ rút có thể khoá được cùng với hệ thống ghế ngồi trẻ em.

► **Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai An Toàn Hông/Vai Tr. 86**

►► Dây Đai An Toàn Của Xe

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị trọng thương.

Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu những yêu cầu về luật pháp của quốc gia mà bạn lái xe.

Nếu bạn nói dây đai an toàn quá nhanh, nó sẽ khóa lại. Trong trường hợp này, hãy rút nhẹ dây đai an toàn sau đó nói ra từ từ.

■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

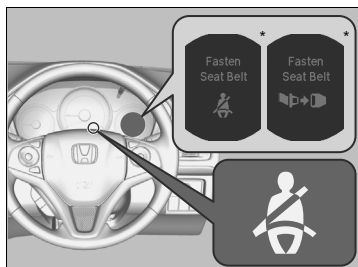
- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt chuyến đi. Ngồi thõng xuống và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được để phần vai của dây đai an toàn hông/vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn. Điều này sẽ khiến bạn bị thương khi xảy ra va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho hai người. Nếu làm vậy, họ có thể bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Việc lắp thêm các phụ kiện hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

►► Dây Đai An Toàn Của Xe

Loại xe có dây đai an toàn có bộ rút có thể khoá

Nếu hành khách phía sau di chuyển lung tung trên xe và làm cho dây đai an toàn bị kéo ra, bộ khóa dây đai an toàn có thể được kích hoạt. Nếu điều này xảy ra, hãy nhả bộ rút dây đai an toàn bằng cách thả lỏng dây đai an toàn và để dây rút lại hoàn toàn. Sau đó thắt lại dây đai.

■ Bộ Nhắc Thắc Dây Đai An Toàn



■ Ghế trước

Hệ thống dây đai an toàn có một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách phía trước* hoặc nhắc nhở cả hai thắt dây đai an toàn. Nếu khóa điện được xoay đến BẬT **II***¹ và dây đai an toàn không được thắt, tiếng bíp* sẽ vang lên và đèn báo nhấp nháy. Sau vài giây, tiếng bíp* ngừng và đèn báo sẽ sáng và tiếp tục sáng cho đến khi dây đai an toàn được thắt.

Tiếng bíp vang lên từng hồi và đèn báo sẽ nhấp nháy trong khi xe đang di chuyển cho đến khi dây đai an toàn được thắt.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Bộ Nhắc Thắc Dây Đai An Toàn

Loại xe có bộ nhắc thắt dây đai an toàn hành khách trước

Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn trong vòng 6 giây sau khi xoay khóa điện đến BẬT **II***¹.

Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, đèn báo sẽ không sáng và sẽ không phát ra tiếng bíp.

Đèn báo sẽ sáng hoặc tiếng bíp sẽ vang lên khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước.

Kiểm tra xem:

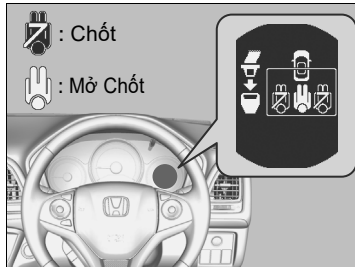
- Có vật nặng trên ghế hành khách trước không.
- Dây đai an toàn người lái đã được thắt chưa.

Nếu đèn báo không sáng khi hành khách đã ngồi và không thắt dây đai an toàn, có thể có sự cố với cảm biến nhận biết người ngồi.

Kiểm tra xem:

- Có đệm đặt trên ghế không.
- Hành khách phía trước ngồi đúng tư thế chưa.

Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.



Loại xe có bộ nhắc thắt dây đai an toàn hành khách sau

■ Ghế sau



Xe của bạn cũng kiểm soát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau. Màn hình hiển thị đa thông tin sẽ thông báo cho bạn nếu đai an toàn sau được sử dụng.

Màn hình hiển thị xuất hiện khi:

- Một cửa sau được mở hoặc đóng.
- Có hành khách ngồi ghế sau đóng chốt hoặc mở chốt dây đai an toàn của họ.

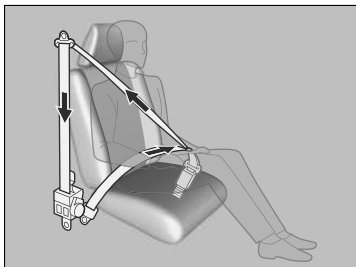
Tiếng bíp vang lên nếu có dây đai an toàn hành khách sau được mở chốt trong khi đang lái xe.

Để xem hiển thị:

Ấn đi ấn lại nút  .

■ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Các ghế trước được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để làm tăng độ an toàn.



Trong một số trường hợp, mặc dù mức độ va chạm không đủ mạnh để làm nổ túi khí nhưng bộ căng dây đai an toàn vẫn tự động siết chặt dây đai an toàn ghế trước khi xảy ra va chạm trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

▣ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Bộ căng dây đai an toàn chỉ có thể vận hành một lần.

Khi bộ căng được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy đến đại lý để thay mới bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì nó không còn chức năng bảo vệ sau những lần va chạm sau đó.

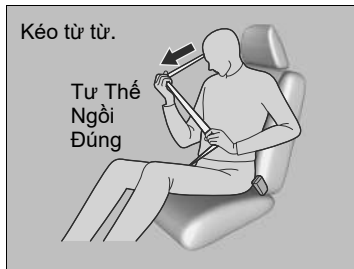
Loại xe có túi khí rèm

Khi có va chạm bên từ trung bình đến mạnh, bộ căng dây đai an toàn ở phía có va chạm đó cũng được kích hoạt.

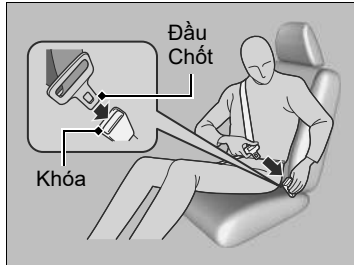
Thất Dây Đai An Toàn

Sau khi điều chỉnh ghế trước đến vị trí phù hợp, hãy ngồi thẳng và tựa vào lưng ghế:

► Điều Chỉnh Ghế Tr. 227



1. Kéo dây đai an toàn ra từ từ.

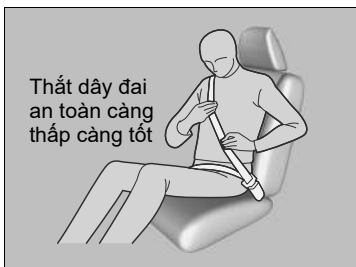


2. Gài đầu chốt vào trong ổ khóa, sau đó kéo dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.
► Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

► Thất Dây Đai An Toàn

Không nên để ai ngồi ở ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc dây đai hoạt động không đúng. Sử dụng dây đai hoạt động không đúng có thể không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

Không được đưa bất kỳ vật lạ nào vào khóa hoặc cơ cấu rút dây.



3. Điều chỉnh phần dây đai hông càng thấp càng tốt qua hông bạn, sau đó kéo phần đai vai của dây đai an toàn lên cho khít vào phần hông. Như vậy nếu xảy ra va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe hơn trên cơ thể sẽ chịu lực và giảm nguy cơ bị nội thương.
4. Nếu cần thiết, hãy kéo phần đai lên lần nữa để tránh dây đai bị chùng, sau đó kiểm tra xem phần đai vai này có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Việc này có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương khỏe nhất ở nửa phần trên cơ thể.

► Thất Dây Đai An Toàn

⚠ CẢNH BÁO

Dây đai an toàn nếu không được thắt đúng có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong nếu xảy ra va chạm.

Đảm bảo thắt dây đai an toàn trước khi lái xe.

Để nhả dây đai an toàn, ấn nút **PRESS** màu đỏ sau đó dùng tay dẫn dây đai an toàn đến khi nó rút lại hoàn toàn.

Khi bạn đã ra khỏi xe đảm bảo dây đai an toàn được để gọn gàng và không mắc vào cửa khi đóng cửa.

■ Điều Chỉnh Móc Neo Vai

Các ghế trước có móc neo dây đai an toàn vai có thể điều chỉnh được để phù hợp với người dùng.



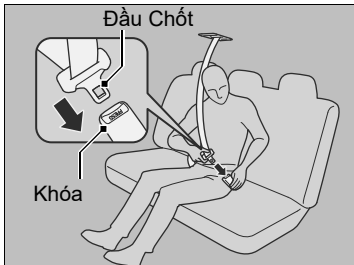
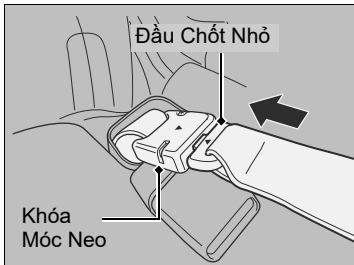
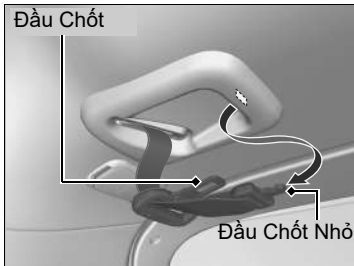
1. Di chuyển móc neo lên và xuống trong khi kéo móc neo vai ra ngoài.
2. Định vị móc neo sao cho dây đai chéo qua phần giữa ngực và vòng qua vai.

☒ Điều Chỉnh Móc Neo Vai

Độ cao móc neo vai có thể điều chỉnh theo bốn mức. Nếu dây đai an toàn chạm vào cổ bạn, hãy hạ chiều cao của móc neo vai từng mức một.

Sau khi điều chỉnh, cố định vị trí móc neo vai.

■ Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo



1. Kéo đầu chốt nhỏ của dây đai an toàn và đầu chốt từ mỗi lỗ giữ trên trần.

2. Dóng thẳng các điểm hình tam giác trên đầu chốt nhỏ và khoá móc neo. Đảm bảo rằng dây đai an toàn không bị xoắn. Gắn dây đai với khoá móc neo.

3. Gài đầu chốt vào trong khóa. Thất dây đai an toàn đúng cách như thắt dây đai an toàn hông/vai.

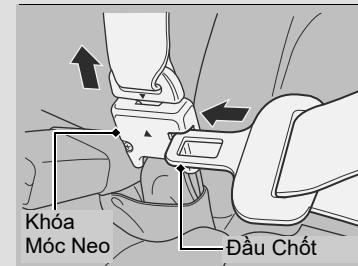
►► Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng dây đai an toàn mà không khoá móc neo có thể tháo sẽ làm tăng nguy cơ trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Trước khi dùng dây đai an toàn, đảm bảo móc neo có thể tháo đã được khoá đúng cách.

Để mở khoá móc neo có thể tháo, gài đầu chốt vào lỗ ở sườn của khoá móc neo.



■ Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và thai nhi khi lái xe hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt.

Thắt dây đai an toàn qua ngực, tránh thắt qua phần bụng.



Giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt.

►► Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Mỗi lần bạn đi kiểm tra sức khỏe, hãy hỏi bác sỹ xem liệu bạn có thể lái xe không.

Để giảm thương tích cho bạn và thai nhi do nổ túi khí phía trước:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách phía trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra các vết xước, cắt, cháy và mòn.
- Kiểm tra để các chốt làm việc trơn tru và các dây đai rút ra được dễ dàng.
 - Nếu dây đai không rút vào dễ dàng, hãy khắc phục bằng cách làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng chất tẩy hoặc dung môi để làm sạch. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi nó rút lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào nếu hoạt động trong điều kiện không tốt hoặc không hoạt động sẽ không làm tốt chức năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt.

Nếu dây đai an toàn bị hỏng khi xảy ra va chạm sẽ không đảm bảo mức độ an toàn trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

►► Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

⚠ CẢNH BÁO

Không kiểm tra hoặc không giữ gìn dây đai an toàn cẩn thận có thể gây trọng thương hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động đúng khi cần thiết.

Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO: Người sử dụng không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn vì có thể cản trở hoạt động của các thiết bị của dây đai an toàn hoặc cản trở đai tự điều chỉnh để không bị chùng.

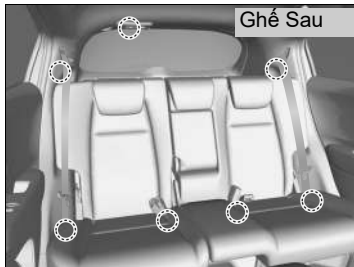
CẢNH BÁO: Phải thay thế hệ thống dây đai an toàn nếu đã xảy ra va chạm gây mòn dây đai, hoặc ngay cả khi dấu hiệu hư hỏng hệ thống dây đai là không rõ ràng.

CẢNH BÁO: Cần giữ gìn dây đai an toàn để dây đai không bị bẩn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất, dung dịch axit của bình ắc quy. Việc làm sạch cần được thực hiện cẩn thận bằng xà phòng và nước. Dây đai cần được thay thế nếu bị xước, quá bẩn hoặc bị hỏng.

Điểm Treo



Khi thay dây đai an toàn hãy sử dụng những điểm treo như hình vẽ. Ghế trước có một dây đai an toàn hông/vai.



Ghế sau có ba dây đai an toàn hông/vai.

Túi Khí

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí

Túi khí trước, túi khí bên* và túi khí rèm* được thiết kế để nổ ra theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí SRS trước (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ trợ). Túi khí phía người lái được đặt ở giữa vô lăng; túi khí trước phía hành khách được đặt trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

Loại xe có túi khí bên

- Hai túi khí bên, một cho người lái, một cho hành khách phía trước. Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế. Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Loại xe có túi khí rèm

- Hai túi khí rèm, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần, phía trên cửa sổ. Tại trụ phía trước và phía sau đều được đánh dấu **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

- Khi khóa điện ở BẬT*¹ (II), bộ điều khiển điện liên tục theo dõi các thông tin về các cảm biến va chạm, các cảm biến ghế và khóa dây đai, các bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và các thông tin khác của xe. Trong trường hợp va chạm, bộ này sẽ ghi lại thông tin như vậy.
 - Bộ căng dây đai an toàn tự động phía trước.
 - Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm trước hoặc bên* với mức độ từ trung bình đến mạnh.
 - Đèn báo trên bảng điều khiển cảnh báo bạn cho sự cố có thể xảy ra với hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn.
- Loại xe có hệ thống tắt túi khí trước phía hành khách**
- Đèn báo gần cần số cảnh báo cho bạn biết túi khí trước phía hành khách đã bị tắt.
 - Cảm Biến An Toàn*

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Những Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Để thực hiện đúng chức năng, túi khí phải nổ ra với một lực rất mạnh. Do đó túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây ra thương tích nhẹ, thậm chí đôi khi nó sẽ gây tử vong nếu người ngồi không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

Bạn cần phải làm gì: Luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng người càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều kiện lái xe thoải mái. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích trong các vụ va chạm với cường độ mạnh, thậm chí ngay cả khi đã thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí nổ.

Không được để vật nặng hoặc nhọn giữa bạn và túi khí trước.

Đeo các vật cứng hoặc sắc nhọn ở hông, hoặc vừa lái xe vừa hút thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích khi túi khí trước nổ.

Không được gắn hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp túi khí trước. Vật thể trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** có thể cản trở việc vận hành túi khí đúng cách hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích khi nổ túi khí.

▣ Những Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Không được cố huỷ kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực nổ của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

Các Loại Túi Khí

Xe của bạn được trang bị 3 loại túi khí:

- **Túi khí trước:** Các túi khí ở phía trước các ghế người lái và hành khách trước.
 - **Túi khí bên*:** Các túi khí ở lưng ghế người lái và hành khách phía trước.
 - **Túi khí rèm*:** Các túi khí phía trên cửa kính bên.
- Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

Túi Khí Trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách phía trước.

SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) cho biết túi khí được thiết kế để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Dây đai an toàn là hệ thống phòng ngừa quan trọng nhất.

■ Vị Trí Lắp Đặt

Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và trong bảng táp-lô cho hành khách phía trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

►► Các Loại Túi Khí

Túi khí chỉ có thể nổ khi khóa điện ở vị trí **BẬT II***1.

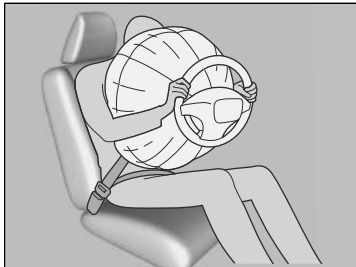
Sau khi túi khí trước nổ khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một thứ giống như khói bay ra. Đây thực chất là một loại bột trên mặt của túi khí. Mặc dù bột này không có độc hại nhưng nó cũng gây khó chịu cho một số người hít phải. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

■ Hoạt Động

Túi khí trước được thiết kế để nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình tới mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển. Bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ nổ.

Khi xảy ra va chạm từ phía trước có thể là vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

■ Hoạt Động Của Túi Khí Trước



Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.

Túi khí trước sẽ xẹp đi ngay lập tức nên nó không cản trở tầm quan sát của người lái, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe.

Túi khí nổ và xẹp đi trong thời gian rất nhanh, tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã nổ cho đến lúc thấy nó đã nằm ngay trước mặt.

■ Khi túi khí trước không nổ

Va chạm nhẹ từ phía trước: Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, nhưng bạn vẫn có thể bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ dưới mức trung bình đến mạnh.

Va chạm bên: Túi khí trước có thể bảo vệ khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái và hành khách phía trước nhào về phía trước. Túi khí bên* và túi khí rèm* được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ thương tích khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh làm cho lái xe hoặc hành khách xô sang một bên.

Va chạm phía sau: Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không thể bảo vệ hiệu quả và không được thiết kế để nổ trong trường hợp va chạm này.

Va chạm lộn vòng: Các dây đai an toàn và túi khí rèm* bảo vệ bạn tốt nhất khi xảy ra va chạm lộn vòng. Theo thiết kế, túi khí trước sẽ không nổ khi xảy ra va chạm lộn vòng vì trong trường hợp này nó hầu như không bảo vệ bạn hiệu quả.

■ Khi túi khí trước nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì túi khí cảm nhận được sự giảm tốc đột ngột, nên khi có va chạm mạnh vào phần khung hoặc hệ thống giám sát của xe sẽ làm cho một hoặc nhiều túi khí nổ. Ví dụ khi gầm xe va vào rìa đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định khác phía dưới có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm từ phía gầm của xe, hư hỏng có thể không rõ ràng.

■ Khi túi khí trước không nổ ngay cả trong trường hợp xuất hiện hư hỏng nặng từ bên ngoài

Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động đúng hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không nổ bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi nó nổ.

■ Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*

Nếu buộc phải lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế hành khách phía trước, bạn phải huỷ kích hoạt hệ thống túi khí trước phía hành khách bằng tay, bằng cách sử dụng chìa tích hợp.

■ Ổ khóa BẬT/TẮT túi khí trước phía hành khách



Khi ổ khóa **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách ở vị trí:

OFF: Túi khí trước phía hành khách được huỷ kích hoạt. Túi khí trước phía hành khách sẽ không nổ khi xảy ra va chạm mạnh từ phía trước mà chỉ có túi khí trước phía người lái nổ.

Đèn báo tắt túi khí trước phía hành khách vẫn sáng để nhắc nhở bạn.

ON: Túi khí trước phía hành khách được kích hoạt. Đèn báo túi khí trước phía hành khách sáng lên và tiếp tục sáng trong khoảng 60 giây.

■ Để huỷ kích hoạt hệ thống túi khí trước phía hành khách



1. Cài phanh đỗ và xoay khoá điện đến **TẮT MÁY**.
2. Mở cửa hành khách trước.
3. Cắm chìa khoá vào ổ khóa **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách.
 - Ổ khóa nằm ở tấm ốp bên cửa bảng điều khiển phía hành khách.
4. Xoay chìa khoá đến **OFF** và rút chìa khoá ra khỏi ổ khóa.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

⚠ Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*

⚠ CẢNH BÁO

Nếu buộc phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước, phải tắt hệ thống túi khí trước phía hành khách.

Nếu túi khí trước phía hành khách nổ, nó có thể va đập vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực mạnh gây tử vong hoặc trọng thương cho trẻ sơ sinh.

⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo bật hệ thống túi khí trước phía hành khách khi không còn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước.

Nếu không kích hoạt hệ thống túi khí trước phía hành khách có thể sẽ gây trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Còn nữa

►►Túi Khí►►Túi Khí Trước (SRS)

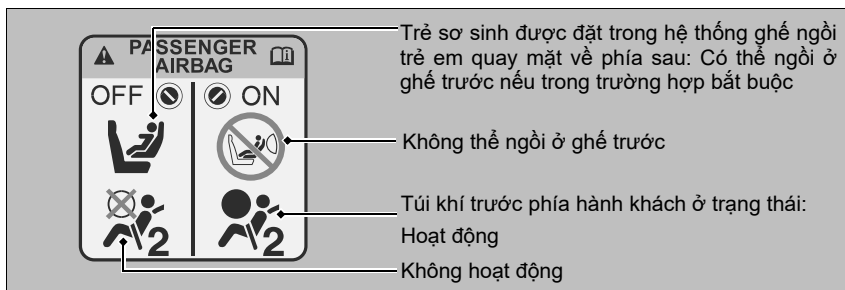
■ **Đèn báo tắt túi khí trước phía hành khách**

Khi hệ thống túi khí trước phía hành khách được kích hoạt, đèn báo sẽ tắt sau vài giây khi bạn xoay khoá điện đến **BẬT**.

Khi hệ thống túi khí trước phía hành khách được huỷ kích hoạt, đèn báo vẫn sáng, hoặc tắt đi trong giây lát sau đó sáng trở lại.

■ **Nhãn hệ thống tắt túi khí trước phía hành khách**

Nhãn này được dán ở tấm ốp bên cửa bảng điều khiển phía hành khách trước.



►►Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*

CHÚ Ý

- Sử dụng chìa tích hợp để **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách. Nếu sử dụng chìa khoá khác, có thể làm hư hỏng ổ khoá, hoặc hệ thống túi khí trước phía hành khách có thể không hoạt động đúng.
- Không được đóng cửa hoặc tác động lực mạnh vào chìa tích hợp trong khi chìa khoá vẫn ở trong ổ khoá **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách. Ổ khoá hoặc chìa khoá có thể bị hư hỏng.

Bạn không nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước.

► **Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh Tr. 73**

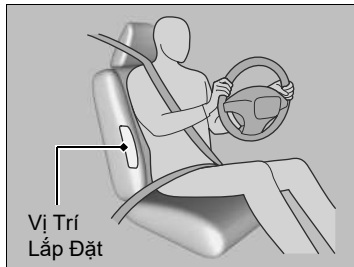
Bạn cần phải thay đổi cài đặt để **TẮT** hệ thống túi khí trước phía hành khách khi bạn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước.

Khi không còn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước, hãy kích hoạt lại hệ thống.

Túi Khí Bên*

Túi khí bên giúp bảo vệ phần trên của người lái hoặc hành khách phía trước khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

■ Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí bên được lắp vào cạnh ngoài của lưng ghế người lái và lưng ghế hành khách phía trước.

Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

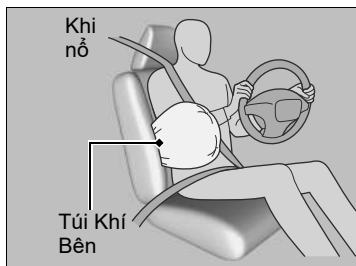
►►Túi Khí Bên*

Không gắn thêm phụ kiện vào hoặc gắn túi khí bên. Nó có thể cản trở túi khí vận hành đúng cách, hoặc làm ai đó bị thương nếu có một túi khí nổ ra.

Không để hành khách phía trước dựa nghiêng sang một bên với đầu nghiêng về hướng nổ của túi khí bên. Khi túi khí bên nổ có thể bật ra lực rất mạnh và gây thương tích cho hành khách.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Vận Hành



Khi các cảm biến phát hiện mức độ va chạm bên từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên phía có va chạm để nổ ngay lập tức.

■ Khi túi khí bên nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí nhận biết có sự tăng tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm nổ túi khí. Trong trường hợp đó có thể có hư hỏng nhỏ hoặc không hư hỏng nhưng cảm biến bên phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để nổ túi khí.

■ Khi túi khí bên không thể nổ ngay cả khi có hư hỏng nặng

Túi khí có thể không nổ khi xảy ra va chạm mạnh gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi điếm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ nếu nó nổ.

►►Túi Khí Bên*

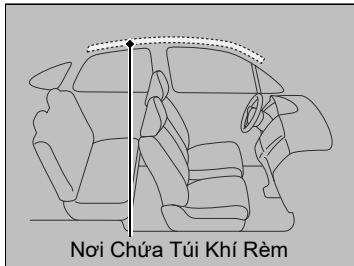
Không bọc hoặc thay vỏ lưng ghế phía trước mà không tham khảo đại lý.

Thay thế hoặc bọc không đúng cách vỏ lưng ghế trước có thể cản trở túi khí bên nổ đúng cách khi có va chạm bên.

Túi Khí Rèm*

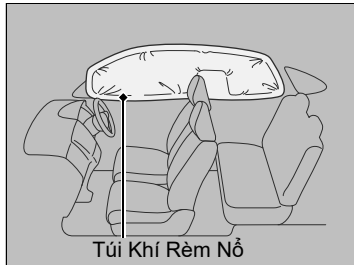
Các túi khí rèm giúp bảo vệ đầu người lái và hành khách khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

■ Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí rèm được đặt ở trần, ngay phía trên cửa kính ở hai bên của xe.

■ Hoạt Động



Túi khí rèm được thiết kế để nổ khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

■ Khi các túi khí rèm nổ trong trường hợp có va chạm trước

Một hoặc cả hai túi khí rèm có thể nổ trong trường hợp va chạm từ góc phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

▶▶Túi Khí Rèm*

Túi khí rèm có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế.

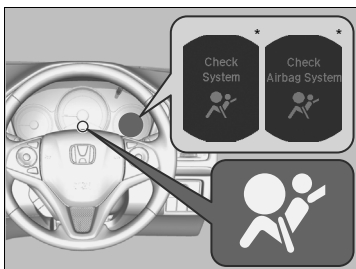
Không gắn bất cứ vật gì vào phía cửa kính hoặc tấm ốp trụ đỡ nóc xe vì nó có thể khiến túi khí rèm hoạt động không đúng cách.

Không treo áo khoác hoặc vật nặng lên móc áo. Điều này có thể gây ra thương tích nếu túi khí rèm nổ.

Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí

Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái*.

■ Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)



■ **Khi xoay khóa điện đến BẬT II***1
Đèn báo sáng trong vài giây, sau đó tắt.
Điều này sẽ báo cho bạn biết hệ thống đang hoạt động tốt.

Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động đúng khi cần thiết.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

⚠CẢNH BÁO

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây thương tích hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động đúng.

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cho biết có thể xảy ra sự cố.

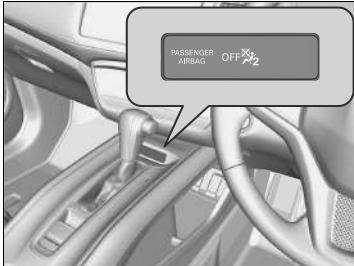
Loại xe có hệ thống tắt túi khí trước phía hành khách

⚠CẢNH BÁO

Tháo ngay hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ra khỏi ghế hành khách phía trước nếu đèn báo SRS sáng. Ngay cả nếu túi khí phía trước hành khách đã được hủy kích hoạt, không được bỏ qua đèn báo SRS.

Hệ thống SRS có thể bị lỗi làm cho túi khí trước phía hành khách kích hoạt, dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.

■ Đèn Báo Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*



■ Khi đèn báo tắt túi khí hành khách sáng

Đèn báo vẫn sáng trong khi hệ thống túi khí trước phía hành khách đã được huỷ kích hoạt.

Khi hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau không được sử dụng ở ghế hành khách phía trước, bật lại hệ thống bằng tay. Đèn báo phải tắt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện bất kỳ việc kiểm tra hoặc thay thế bất cứ thành phần nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn hãy đưa xe bạn đến đại lý kiểm tra trong các tình huống sau:

■ Khi túi khí đã nổ

Nếu túi khí đã nổ, bộ điều khiển và các bộ phận liên quan phải được thay thế. Tương tự, khi bộ căng dây đai an toàn tự động đã được kích hoạt, nó phải được thay thế.

■ Khi xe đã bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh

Ngay cả khi túi khí không nổ, hãy đến đại lý để kiểm tra các mục sau: bộ căng dây đai an toàn trước, và từng dây đai an toàn xem có bị mòn khi xảy ra va chạm không.

►►Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí .

Trong trường hợp có sự cố hoặc ngưng hoạt động hoặc sau khi túi khí nổ/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, cần yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.

An Toàn Cho Trẻ

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi, bởi vì chúng không được bảo vệ an toàn hoặc được bảo vệ nhưng không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây ra tử vong cho trẻ em từ 12 tuổi trở xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương tích và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ lớn hơn cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

» Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

⚠ CẢNH BÁO

Trẻ không được bảo vệ hoặc bảo vệ không đúng cách có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, chúng cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi tiêu chuẩn. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế lót đặc biệt khi cần thiết.

Ở nhiều quốc gia, pháp luật yêu cầu trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ dưới 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Ở nhiều quốc gia, yêu cầu sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở bất kỳ ghế hành khách nào. Hãy kiểm tra các yêu cầu của pháp luật sở tại.

Loại xe Malaysia và Châu Mỹ La Tinh

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đáp ứng Quy Định UN số 44 hoặc số 129^{*}, hoặc các quy định của quốc gia bạn tham gia giao thông.

➔ **Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Tr. 76**

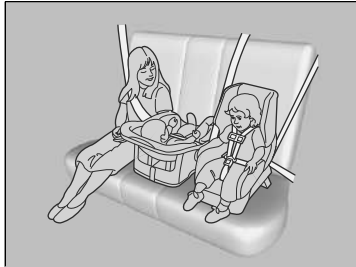
Ngoại trừ Loại xe Malaysia và Châu Mỹ La Tinh

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng các thông số kỹ thuật của quy định số 44 hoặc các quy định của quốc gia bạn tham gia giao thông.

➔ **Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Tr. 76**

Còn nữa

Trẻ em phải được ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau. Vì những lý do sau:



- Túi khí trước hoặc túi khí bên* nổ có thể gây thương tích hoặc tử vong cho trẻ ngồi ở ghế trước.
- Trẻ ngồi ở ghế trước có thể làm phân tán khả năng điều khiển xe an toàn của người lái.
- Số liệu thống kê cho thấy trẻ nhỏ ở tất cả các lứa tuổi và tầm vóc sẽ an toàn hơn khi được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

►►Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Loại xe có bộ rút có thể khoá

⚠CẢNH BÁO

Để cho trẻ chơi với dây đai an toàn hoặc quần dây đai an toàn quanh cổ có thể gây trọng thương hoặc tử vong.

Yêu cầu trẻ không nghịch bất cứ dây đai an toàn nào và đảm bảo phải khóa chắc chắn, rút lại hoàn toàn đối với dây đai an toàn không sử dụng đến và trong tầm với của trẻ.

- Nếu trẻ quá nhỏ không thể thắt dây đai an toàn, chúng phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đúng tiêu chuẩn được lắp đúng cách trên xe bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.
- Không được ôm trẻ nhỏ trong lòng bởi vì điều đó không thể bảo vệ chúng khi xảy ra va chạm.
- Không được thắt dây đai an toàn vòng qua bạn và trẻ nhỏ. Khi xảy ra va chạm, dây đai sẽ siết chặt vào trẻ dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.
- Không được để hai trẻ thắt chung dây đai an toàn. Cả hai trẻ có thể bị thương nặng khi xảy ra va chạm.

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Tấm Che Nắng Hành Khách Phía Trước
Ngoại trừ loại xe Đài Loan

⚠ CẢNH BÁO

⚠ AIRBAG



KHÔNG dùng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước. Vì việc này có thể khiến TRẺ bị TRỌNG THƯƠNG hoặc TỬ VONG.

Loại xe Đài Loan

⚠ 依規定前排座椅禁止乘載嬰兒、幼童及兒童



Xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng để nhắc nhở bạn về nguy hiểm của túi khí trước phía hành khách và an toàn cho trẻ.
Hãy đọc và làm theo các chỉ dẫn của nhãn.
► **Nhãn An Toàn Tr. 97**

- Không để trẻ vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt là khi trời nóng mà nhiệt độ bên trong xe có thể nóng đến mức làm trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể kích hoạt hệ thống điều khiển vô tình làm di chuyển xe.

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Thanh Dọc Cửa Hành Khách Trước

Đối với một số loại xe

⚠ CẢNH BÁO



Cực Kỳ Nguy Hiểm!
KHÔNG ĐƯỢC đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí bảo vệ phía trước!

CẢNH BÁO: Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để tránh trẻ em nghịch cửa kính, việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm hoặc làm cho lái xe mất tập trung.

➡ **Mở/Đóng Cửa kính Điện Tr. 192**

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Loại xe có dây đai an toàn có bộ rút có thể khoá
Để ngừng kích hoạt bộ rút có thể khoá, nhấn đầu khóa và để dây đai an toàn cuộn hết.

An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ

■ Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Trẻ sơ sinh phải được đặt trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đạt đến giới hạn trọng lượng và chiều cao để sử dụng ghế của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em và chỉ dùng cho trẻ đã được ít nhất một năm tuổi.



■ Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được đặt ở hàng ghế sau.

- Trong trường hợp này, bạn nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ngay phía sau ghế ngồi hành khách phía trước, di chuyển ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, và để trống ghế ngồi phía trước.

Hoặc bạn có thể lắp một hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.

- Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không va vào nhau.

►► Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong khi túi khí trước phía hành khách nổ.

Luôn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Theo Quy Định UN- ECE số 94:

⚠ CẢNH BÁO



KHÔNG dùng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước. Vì việc này có thể khiến TRẺ bị TRỌNG THƯƠNG hoặc TỬ VONG.

Khi hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách có thể khiến người lái hoặc hành khách ngồi ở ghế trước không di chuyển ghế của họ về phía sau được, hoặc khiến họ không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn.

►►Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Nhiều chuyên gia khuyến cáo nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi nếu chiều cao và cân nặng của trẻ vẫn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.

Nếu túi khí trước phía hành khách nổ, nó có thể va vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí, khiến trẻ bị trọng thương.

Không được lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho trẻ nhỏ theo chiều ngược lại.

Luôn tham khảo hướng dẫn hệ thống ghế ngồi trẻ em trước khi lắp đặt.

Loại xe có hệ thống tắt túi khí trước phía hành khách

Nếu bắt buộc phải lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế hành khách trước, hãy dùng tay tắt hệ thống túi khí trước phía hành khách.

►►**Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*** Tr. 61

■ Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

Nếu trẻ được ít nhất một tuổi với cân nặng và chiều cao vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, bạn nên để trẻ ngồi trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn nên đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho trẻ ở hàng ghế sau.

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Đặt ở ghế sau sẽ an toàn nhất cho trẻ.

►► Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí nổ.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy di chuyển ghế càng lùi về phía sau càng tốt và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế ngồi trẻ em tại nước sở tại khi lái xe và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

■ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo ở phía dưới. Một số hệ thống có loại móc treo cứng trong khi một số hệ thống khác có móc treo mềm. Cả hai đều dễ sử dụng. Một vài hệ thống hiện tại hoặc trước kia chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo những hướng dẫn về sử dụng và bảo dưỡng của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em cũng như hướng dẫn trong cuốn tài liệu này. Lắp đặt đúng mới có thể đảm bảo tối đa an toàn cho trẻ.

Loại mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Với ghế ngồi và xe không được trang bị hệ thống móc neo ở phía dưới, hãy lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng cách dùng dây đai an toàn và dây thắt ở phía trên để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng phần đai hông của dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyên bạn nên sử dụng dây đai an toàn cho hệ thống ghế ngồi trẻ em theo tiêu chuẩn ISO FIX* khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn dành cho người sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

■ Những lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo thông số kỹ thuật của Quy Định UN số 44 hoặc số 129*, hoặc quy định của mỗi quốc gia. Hãy tìm nhãn chứng nhận đạt tiêu chuẩn và cam kết độ tương thích đạt tiêu chuẩn của nhà sản xuất trên ghế.

76 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe có móc neo ở phía dưới rất đơn giản.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo ở phía dưới được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng dẫn đến thương tích do lắp đặt không đúng.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho trẻ sơ sinh loại BABYSAFE ISOFIX chính hiệu Honda hoặc hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước phù hợp cho trẻ nhỏ loại ISOFIX chính hiệu Honda. Ở một vài quốc gia, cả hai loại này đều có sẵn tại các đại lý.

■ Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyến Dùng Cho Loại Xe Đà Loan

Có nhiều loại hệ thống ghế ngồi trẻ em. Không phải tất cả các loại đều thích hợp cho xe bạn. Hãy tham khảo bảng sau để chọn loại hệ thống ghế ngồi trẻ em có thể sử dụng trên mỗi vị trí ghế ngồi.

■ Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây đai hông/vai

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Vị trí ghế ngồi		
	Ghế sau		
	Bên trái	Bên phải	Giữa
Nhóm 0 Lên đến 10 kg	U*1	U*1	U*1
Nhóm 0+ Lên đến 13 kg	U*1	U*1	U*1
Nhóm I 9 đến 18 kg	U*1	U*1	U*1
Nhóm II 15 đến 25 kg	U*1	U*1	U*1
Nhóm III 22 đến 36 kg	U*1	U*1	U*1

U: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.

UF: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

*1: Góc lưng ghế là vị trí khóa đầu tiên.

Kích thước cụ thể được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Cần kiểm tra kích thước theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất, bao bì và nhãn ghế ngồi trẻ em.

Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.

■ **Hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới**

Xe của bạn có móc neo phía dưới ở một trong hai ghế sau bên ngoài. Hãy tham khảo bảng dưới đây để lựa chọn tiêu chí hệ thống ghế ngồi trẻ em sử dụng.

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Nhóm Kích Thước	Đồ Gá	Vị trí ISOFIX trên xe		
			Ghế sau		
			Bên trái	Bên phải	Ở giữa
Trẻ nằm nôi	F	ISO/L1	X	X	–
	G	ISO/L2	X	X	–
Nhóm 0 Lên đến 10 kg	E	ISO/R1	X	X	–
Nhóm 0+ Lên đến 13 kg	E	ISO/R1	IL	IL	–
	D	ISO/R2	IL	IL	–
	C	ISO/R3	IL	IL	–
Nhóm I 9 đến 18 kg	D	ISO/R2	X	X	–
	C	ISO/R3	X	X	–
	B	ISO/F2	IUF	IUF	–
	B1	ISO/F2X	IUF	IUF	–
	A	ISO/F3	IUF	IUF	–
Nhóm II 15 đến 25 kg			X	X	–
Nhóm III 22 đến 36 kg			X	X	–

IUF: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX quay mặt về phía trước thông dụng được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.

IL: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX quay mặt về phía sau thông dụng được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

Kích thước cụ thể được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Cần kiểm tra kích thước theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất, bao bì và nhãn ghế ngồi trẻ em.

Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.

■ Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyến Dùng Cho Loại Xe Malaysia

Có nhiều loại hệ thống ghế ngồi trẻ em. Không phải tất cả các loại đều thích hợp cho xe bạn. Hãy tham khảo bảng sau để chọn loại hệ thống ghế ngồi trẻ em có thể sử dụng trên mỗi vị trí ghế ngồi.

Nhóm Khối Lượng		Vị trí ghế ngồi		
		Hành Khách Trước	Hành khách sau	
			Sau bên ngoài	Sau giữa
nhóm 0	Lên đến 10 kg	X	U ^{*1}	
nhóm 0+	Lên đến 13 kg	X	IL (Honda BABY SAFE ISOFIX, Honda ISOFIX Neo) hoặc U ^{*1}	
nhóm I	9 kg đến 18 kg	UF ^{*1 *2}	IUF (Kích cỡ A, B1, B) hoặc U ^{*1}	
nhóm II	15 kg đến 25 kg	UF ^{*1 *2}	U ^{*1}	
nhóm III	22 kg đến 36 kg	UF ^{*1 *2}	U ^{*1}	

IL: Thích hợp riêng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX (CRS) được liệt kê trong danh sách.

IUF: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX quay mặt về phía trước thông dụng được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

U: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

UF: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.

*1: Điều chỉnh góc lưng ghế ở vị trí thẳng đứng (vị trí khoá về phía trước hết cỡ).

*2: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau.

Kích thước cụ thể được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Cần kiểm tra kích thước theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất, bao bì và nhãn ghế ngồi trẻ em.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em cụ thể ở bảng trên là các Phụ tùng chính hiệu Honda và luôn có sẵn ở các đại lý. Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.

Loại xe Mỹ La Tinh

■ Thông Tin về Việc Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em ở Nhiều Vị Trí Khác Nhau

Có nhiều loại hệ thống ghế ngồi trẻ em. Không phải tất cả các loại đều thích hợp cho xe bạn. Hãy tham khảo bảng sau để chọn loại hệ thống ghế ngồi trẻ em có thể sử dụng trên mỗi vị trí ghế ngồi.

Nhóm tuổi	Vị trí ghế ngồi trên xe			
	Ghế trước		Ghế sau phía ngoài	Ghế sau ở giữa
	Vị trí ổ khóa BẮT/TẮT túi khí trước phía hành khách			
TẮT	BẮT			
Đến 2 tuổi (~13 kg)	Baby-Safe Plus Original Honda ^{*1, *5} hoặc Universal ^{*2, *5}	Không sử dụng ở ghế trước.	IL ^{*3} (Baby-Safe Plus Original Honda ^{*1}) hoặc Universal ^{*2}	Baby-Safe Plus Original Honda ^{*1} hoặc Universal ^{*2}
Từ hơn 9 tuổi đến 14 tuổi (từ 9 đến 18 kg)	Duo Plus Original Honda ^{*1, *5} hoặc Universal ^{*2, *5, *6}	Duo Plus Original Honda ^{*1, *5} hoặc Front Facing Universal ^{*2, *5, *6}	Duo Plus Original Honda ^{*1} hoặc IUF ^{*4} hoặc Universal ^{*2}	Duo Plus Original Honda ^{*1} hoặc Universal ^{*2}
Từ hơn 4 tuổi đến 12 tuổi (từ 15 đến 36 kg)	Universal ^{*2, *5, *6}	Front Facing Universal ^{*2, *5, *6}	Universal ^{*2}	Universal ^{*2}

Mô tả

* 1: Có sẵn trên thị trường.

*2: Universal Hệ thống thích hợp và được phê duyệt dành cho trẻ ở độ tuổi tương ứng.

Nó có thể được sử dụng ở ghế trước hoặc sau nếu được lắp theo hướng dẫn của nhà sản xuất, theo các tiêu chuẩn an toàn giao thông.

CHÚ Ý: Khi buộc hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng dây an toàn, chỉ sử dụng dây đai an toàn được trang bị cho xe.

*3: IL Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em (CRS) ISO FIX cụ thể được liệt kê trong bảng.

*4: IUF Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em ISO FIX quay mặt về phía trước "thông dụng" được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

*5: Di chuyển ghế trước về phía sau hết cỡ và điều chỉnh góc lưng ghế trước đến vị trí thẳng đứng.

*6: Nếu bạn không thể cố định Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với phía sau của Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em và vẫn giữ nó hướng về phía trước của móc neo dây đai vai.

■ Hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size

	Vị trí ghế ngồi trên xe		
	Ghế trước	Ghế sau phía ngoài	Ghế sau ở giữa
Hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size	X	i-U	X

X: Vị trí ngồi không thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size "thông dụng".

i-U: Thích hợp để lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước và phía sau i-Size "thông dụng".

■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới có thể được lắp ở các ghế sau phía ngoài. Hệ thống ghế ngồi trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới với loại móc treo cứng hoặc móc treo mềm.



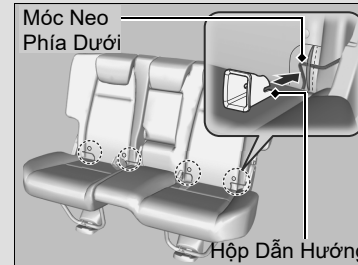
1. Cố định móc neo phía dưới vào các điểm đánh dấu.
2. Đảm bảo khóa lưng ghế ở vị trí thẳng đứng.
3. Hạ tựa đầu xuống vị trí thấp nhất.

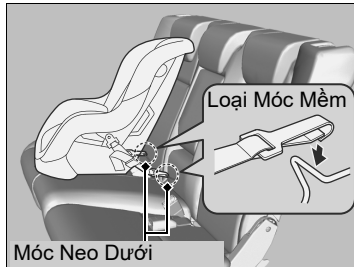
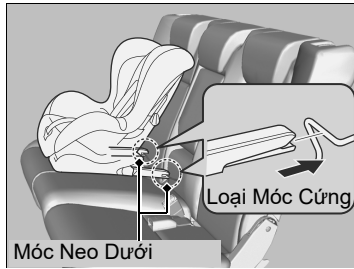
► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

⚠ CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế ngồi trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế ngồi trẻ em và nó có thể bị gãy, khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong.

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh làm hỏng ghế ngồi. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp nó vào các móc neo giống như hình vẽ.





- 4. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe sau đó gắn hệ thống ghế ngồi trẻ em vào móc neo phía dưới theo chỉ dẫn lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em.**
- Khi lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai hoặc bất kỳ vật gì khác.

► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Vi sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, đảm bảo hệ thống ghế ngồi được cố định chắc chắn trên xe. Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ đúng cách khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

Loại móc mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

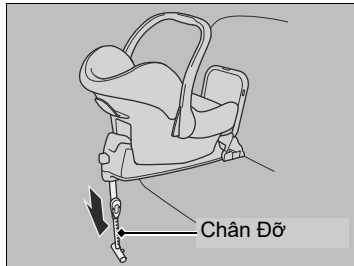


Hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây đai

5. Mở nắp che móc neo.
6. Kéo dây đai qua lưng ghế. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
7. Móc đầu móc dây đai vào móc neo.
8. Thắt chặt dây đai như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
9. Đảm bảo rằng hệ thống ghế ngồi trẻ em được cố định chắc chắn bằng cách lắc nó về phía trước, về phía sau, sang hai bên; cho đến khi chỉ còn thấy có một chút dịch chuyển.
10. Đảm bảo các dây đai an toàn không sử dụng đến mà trong tầm với của trẻ phải được khóa lại, kích hoạt bộ rút dây đai có thể khoá* và rút hoàn toàn, đồng thời khóa dây đai an toàn.

►► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

CẢNH BÁO: Không được sử dụng móc không có biểu tượng Đầu Buộc móc neo khi buộc chặt hệ thống ghế ngồi trẻ em đã lắp đặt.



Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ

- 5.** Duỗi chân đỡ ra ho đến khi nó chạm đến sàn như trong hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
- Đảm bảo khu vực sàn xe nơi để chân đỡ phải bằng phẳng. Nếu khu vực sàn xe đó không bằng phẳng sẽ khiến chân đỡ sẽ không đỡ được. Trong trường hợp này, hãy di chuyển ghế ngồi về trước hoặc về sau để chân đỡ được đặt trên bề mặt sàn bằng phẳng.
 - Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước nó không va vào nhau.

■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hông/Vai



1. Đảm bảo khóa lưng ghế vào vị trí thẳng đứng.
2. Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.8 L
Hạ tựa đầu xuống vị trí thấp nhất.
3. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe.
4. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất, sau đó gài đầu chốt vào ổ khóa.
► Gài đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi có tiếng tách.

Dây đai hông/vai có bộ rút có thể khoá

5. Kéo từ phần vai của dây đai an toàn ra hết cỡ cho đến khi cơ cấu nhả dây dừng hẳn. Làm như vậy để kích hoạt bộ rút có thể khoá
6. Đẩy vấu khóa xuống. Luồn phần dây đai vai vào trong khe ở sườn ghế ngồi trẻ em.

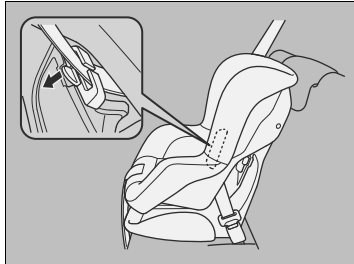


►►Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hông/Vai

Để kiểm tra xem dây đai an toàn hông/vai có được trang bị bộ rút có thể khoá hay không, kéo hết phần vai của dây đai hông/vai ra, để dây đai an toàn rút lại từ từ, sau đó kéo nhẹ dây đai an toàn lại lần nữa. Nếu dây đai bị khóa thì tức là dây đai an toàn được trang bị bộ rút có thể khoá.

Dây đai an toàn có bộ rút có thể khoá được dán nhãn như hình vẽ.





7. Để dây đai an toàn rút lại vài centimet sau đó thử kéo nó ra để kiểm tra bộ rút đã khóa chưa. Nếu bộ rút hoạt động đúng thì sẽ không rút được dây đai ra cho đến khi nó được thiết lập lại bằng cách tháo đầu chốt ra khỏi ổ khóa.

► Nếu bạn có thể kéo dây đai vai ra, bộ rút có thể khoá không được kích hoạt. Từ từ kéo dây đai an toàn ra hết cỡ và lặp lại các bước từ 5 đến 6.

8. Giữ phần vai của dây đai an toàn gần chỗ ổ khóa và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.

► Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy nó vào trong ghế.

9. Định vị dây đai an toàn vào đúng vị trí. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.

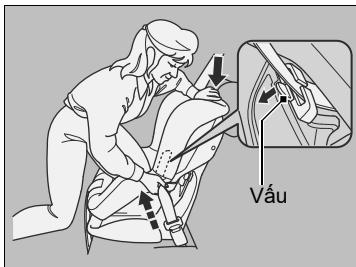
► Khi đẩy vấu khóa xuống, kéo phần vai trên của dây đai để đảm bảo dây đai không bị chùng.

►► Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hông/Vai

Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ đúng cách khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

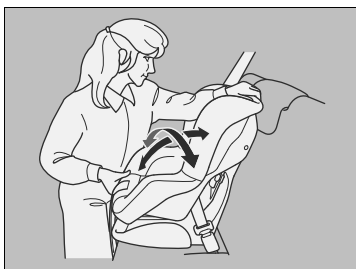
Dây đai an toàn hông/vai có bộ rút có thể khoá

Sau khi lắp đặt đúng cách hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy kiểm tra để đảm bảo đã kích hoạt bộ rút có thể khóa và đã rút hoàn toàn và khóa dây đai an toàn. Để ngừng hoạt động của bộ rút có thể khóa, hãy nhả khóa và để dây đai an toàn cuộn vào hết.



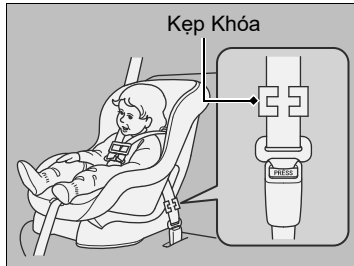
Dây đai an toàn hông/vai không có bộ rút có thể khoá

5. **Đẩy vấu khóa xuống.** Luôn phần vai của của dây đai an toàn vào trong khe ở sườn bên của ghế ngồi trẻ em.
6. **Giữ phần vai của dây đai gần chỗ ổ khóa** và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.
 - Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy nó vào trong ghế.
7. **Định vị dây đai an toàn vào đúng vị trí.** đảm bảo dây đai không bị xoắn.
 - Khi ấn vấu khóa xuống, kéo phần vai trên của dây đai để dây hết chùng.
8. Chuyển sang bước 10.



Tất cả các loại xe

10. **Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em** đã được cố định chắc chắn bằng cách lắc nó về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.
11. **Đảm bảo khóa các dây đai an toàn** trong tầm với của trẻ khi chưa sử dụng đến.



Dây đai an toàn hông/vai không có bộ rút có thể khoá

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em không có cơ cấu buộc dây đai, hãy lắp kẹp khoá trên dây đai an toàn.

Sau khi xong bước 1 đến bước 4, kéo phần vai của dây đai an toàn lên và đảm bảo phần hông của dây đai không bị chùng.

5. Gài chặt phần dây đai gần đầu chốt.
Kẹp chặt hai phần của dây đai để chúng không bị trượt qua đầu chốt.
Tháo khóa dây đai an toàn.
6. Lắp kẹp khóa như trong hình. Lắp kẹp càng gần đầu chốt càng tốt.
7. Gài đầu chốt vào trong khóa. Chuyển sang bước 10 và 11.

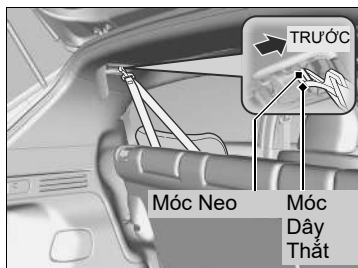
Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.8 L

Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt



Hai điểm buộc móc neo dây thắt được gắn trên trần phía trên ghế ngồi sau. Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt nhưng có thể lắp cùng dây đai an toàn, có thể sử dụng thêm dây thắt để tăng thêm độ an toàn.

1. Xác định điểm móc dây thắt tương ứng và cạy nắp che ra.
2. Hạ tựa đầu xuống thấp hết cỡ.
3. Mở nắp che móc neo.
4. Luồn dây thắt qua phần chân của tựa đầu. Đảm bảo dây không bị xoắn.
5. Siết chặt móc dây vào móc neo.
6. Thắt chặt dây thắt theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.



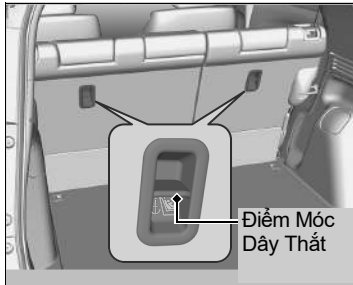
Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt

CẢNH BÁO: Các móc neo của hệ thống ghế ngồi trẻ em được thiết kế để chịu tải trọng của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng cho dây đai an toàn của người lớn, không sử dụng để cố định hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị gì khác vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước khi sử dụng dây đai an toàn hoặc móc neo phía dưới.

Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.8 L

■ Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt



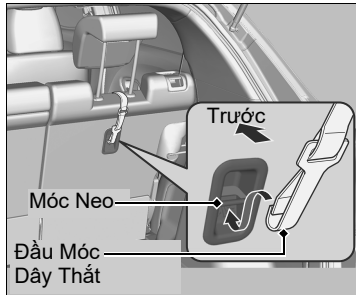
Hai điểm buộc móc neo dây thắt được gắn phía sau các ghế sau bên ngoài và một được gắn ở trên trần bên trên ghế ghế sau chỗ giữa. Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt đi kèm nhưng có thể sử dụng dây đai an toàn để cố định nó, có thể sử dụng thêm dây thắt để tăng thêm độ an toàn.



» Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt

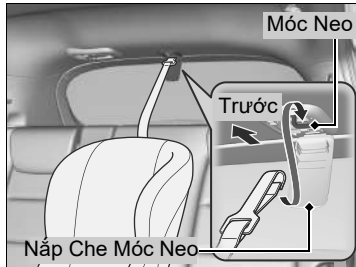
CẢNH BÁO: Các móc neo ghế ngồi trẻ em được thiết kế để chịu tải trọng của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng cho dây đai an toàn của người lớn, không sử dụng để cố định hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị gì khác vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước khi sử dụng dây đai an toàn hoặc các móc neo phía dưới.



■ Sử dụng móc neo bên ngoài

1. Tháo tấm che khoang hành lý.
 ☑ Tấm Che Khoang Hành Lý Tr. 248
2. Nâng tựa đầu lên đến vị trí cao nhất, sau đó luồn dây thắt vào giữa các chân tựa đầu và móc thật chắc đầu móc vào móc neo. Đảm bảo dây không bị xoắn.
3. Siết chặt dây thắt theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
4. Lắp lại tấm che khoang hành lý.



■ Sử dụng móc neo giữa

1. Hạ tựa đầu xuống thấp hết cỡ.
2. Mở nắp che móc neo.
3. Luồn dây thắt qua tựa đầu.
 Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
4. Móc đầu móc dây thắt vào móc neo.
5. Siết chặt dây thắt theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

An Toàn Cho Trẻ Lớn

■ Bảo Vệ Trẻ Lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra độ phù hợp của dây đai an toàn, loại ghế lót được sử dụng cho trẻ khi cần, và những phòng ngừa quan trọng khi trẻ phải ngồi ở phía trước.

■ Kiểm Tra Độ Phù Hợp Của Dây Đai An Toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng cách sử dụng dây đai an toàn hông/vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra các yếu tố sau:



■ Danh mục kiểm tra

- Đầu gối của trẻ có gập thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Dây đai vai có thắt qua phần giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là có, trẻ đã sẵn sàng thắt dây đai an toàn hông/vai theo đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không, nên cho trẻ dùng ghế lót đặc biệt đến khi dây đai an toàn hông/vai phù hợp với trẻ và không cần dùng đến ghế lót đặc biệt.

►► An Toàn Cho Trẻ Lớn

⚠ CẢNH BÁO

Cho trẻ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm chúng bị thương nặng hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách nổ.

Nếu phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế trước càng lùi về sau càng tốt. Để trẻ ngồi ngay ngắn và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế lót đặc biệt nếu cần.

■ Ghế Lót Đặc Biệt



Nếu dây đai an toàn hông/vai không thể được sử dụng đúng cách, đặt trẻ lên ghế lót đặc biệt ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra trẻ có đáp ứng các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế lót không.



Phần tựa lưng ghế được thiết kế để gắn ghế lót đặc biệt. Lắp ghế lót đặc biệt vào tựa lưng và điều chỉnh nó cùng ghế ngồi theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế lót. Đảm bảo luôn dây đai đúng cách qua khe dẫn hướng ở phần vai của tựa lưng và không để dây đai chạm hoặc vắt ngang qua cổ của trẻ.

►► Ghế Lót Đặc Biệt

Khi lắp đặt ghế lót đặc biệt, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn. Có ghế lót đặc biệt loại lưng cao và loại lưng thấp. Hãy chọn ghế lót cho phép trẻ thắt dây đai an toàn đúng cách.

Bạn nên sử dụng loại ghế lót có đệm lưng vì dễ điều chỉnh dây đai vai.

■ Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Lớn - Kiểm Tra Cuối Cùng

Nên để trẻ ngồi ở ghế sau để chúng được bảo vệ đúng cách. Nếu trên xe có một nhóm trẻ, và có một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu hết hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Di chuyển ghế hành khách phía trước càng lùi về phía sau càng tốt.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra dây đai an toàn đã ở đúng vị trí chưa. Như vậy trẻ mới được bảo vệ an toàn trên ghế.

■ Giám sát trẻ

Bạn nên để mắt đến trẻ khi đi xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành hơn đôi khi cũng cần nhắc thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

Khí Xả Nguy Hiểm


Khí CO

Trong khí thải của xe có chứa CO, là một chất không màu, không mùi, độc tố cao. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí này sẽ không vào xe bạn.

■ Phải kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không mỗi khi:

- Có âm thanh khác lạ ở hệ thống xả.
- Hệ thống xả bị hỏng.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà mở nắp khoang hành lý, luồng khí có thể lùa khí thải vào trong xe và gây nguy hại. Nếu bạn buộc phải mở nắp khoang hành lý khi lái xe, hãy mở tất cả các cửa kính và điều chỉnh hệ thống sưởi* và làm mát*/hệ thống điều khiển khí hậu* như chỉ dẫn sau.

1. Chọn chế độ lấy gió ngoài.
2. Chọn chế độ 
3. Đặt quạt gió ở tốc độ cao.
4. Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái nhất.

Điều chỉnh hệ thống sưởi* và làm mát*/hệ thống điều khiển khí hậu* giống như trên nếu bạn phải ngồi trên xe khi đỗ xe mà xe vẫn nổ máy.

»Khí CO

⚠CẢNH BÁO

Khí CO là khí độc.

Hít phải khí độc hại có thể gây bất tỉnh hoặc tử vong.

Tránh khu vực kín hoặc những nơi sản xuất có thải khí CO.

Lượng khí CO có thể tập trung ở các khu vực kín như gara.

Không được nổ máy khi cửa gara đang đóng.

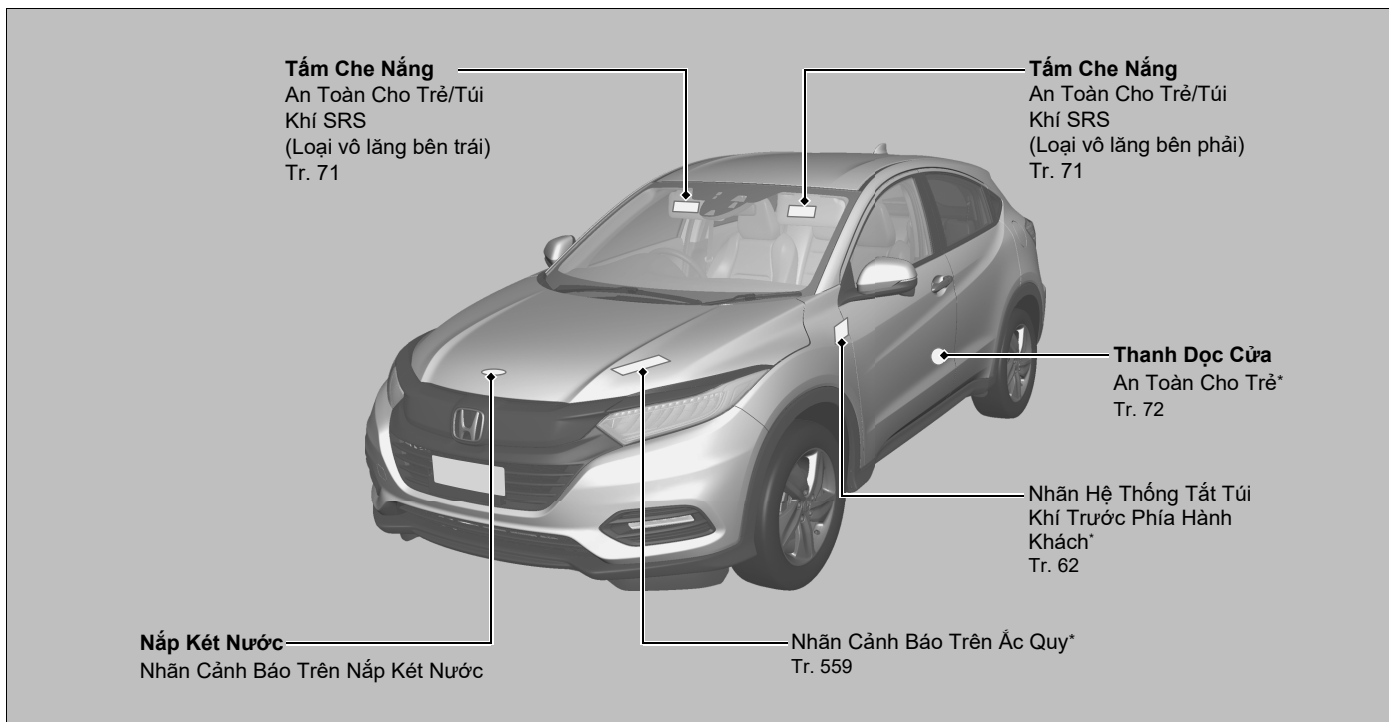
Ngay cả khi cửa gara đang mở, hãy lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

Nhãn An Toàn

Vị Trí Nhãn

Các nhãn an toàn này ở các vị trí như hình vẽ. Nó cảnh báo cho bạn nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây trọng thương hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn này.

Nếu nhãn này bị mất đi hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe







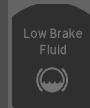
Bảng Điều Khiển

Phần này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.

Đèn Báo	100
Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Hiển Thị Thông Tin *	128
Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Hiển Thị Đa Thông Tin *	129
Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị	
Đồng Hồ Đo.....	139
Màn Hình Hiển Thị Thông Tin*	140
Màn Hình Hiển Thị Đa Thông Tin*	143

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ² , * ³
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}, sau đó tắt. Sáng lên khi mức dầu phanh thấp. Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống phanh. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi lái xe - Kiểm tra mức dầu phanh. <ul style="list-style-type: none"> ➤ Phải làm gì nếu đèn báo sáng khi lái xe Tr. 604 Sáng cùng với đèn báo ABS - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <ul style="list-style-type: none"> ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng Tr. 604 	  



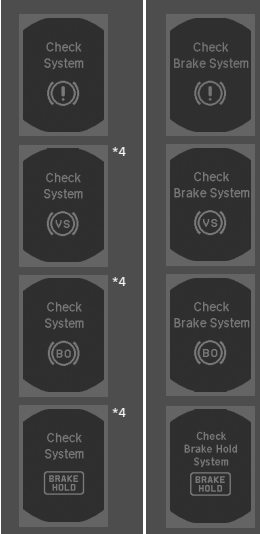


Bảng Điều Khiển

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin.

* 3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan.

* 4: Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi và Trung Đông

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*2, *3
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}, sau đó tắt. Sáng nếu có sự cố với hệ thống liên quan đến phanh ngoại trừ hệ thống phanh thông thường. Sáng nếu có sự cố với hệ thống giữ phanh tự động. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu có sự cố với hệ thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố[*]. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng cùng đèn báo CTBA - Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố không hoạt động. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.  Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố[*] Tr. 494 	

Bảng Điều Khiển

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.



* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* 3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philippine, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

* 4: Loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi và Trung Đông

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đèn Báo ►

Đèn Báo	Tên	Sang/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*2, *3
	Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*1, và tắt khi động cơ khởi động. Sáng khi áp suất dầu động cơ thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Hãy Dừng xe ở nơi an toàn ngay lập tức. ► Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng Tr. 603 	

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin.

*3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ^{2, 3}
	Đèn Báo Phanh Đỗ Điện	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ¹, sau đó tắt nếu phanh đỗ đã được nhả. Sáng lên khi phanh đỗ được nhấn và tắt khi nhả. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy và đồng thời đèn báo hệ thống phanh đỗ điện sáng - Có sự cố với hệ thống phanh đỗ điện. Có thể phanh đỗ chưa được cài đặt. 	
			<p> Phanh Đỗ Tr. 485</p>	
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Đỗ Điện	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ¹ sau đó tắt. Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống phanh đỗ điện. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Tránh sử dụng phanh đỗ và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra. Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh Đỗ Điện Sáng Tr. 606 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*4</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>*5</p> </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;"> </div>

Bảng Điều Khiển

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.



* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* 3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

* 4: Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi và Trung Đông

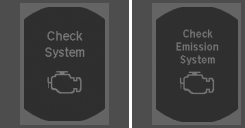




* 5: Loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi và Trung Đông

►► Đèn Báo ►

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ²
	Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}, sau đó tắt. Sáng lên khi hệ thống giữ phanh tự động bật. 	 Giữ Phanh Tự Động Tr. 489	
	Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}, sau đó tắt. Sáng lên khi giữ phanh tự động được kích hoạt. 	 Giữ Phanh Tự Động Tr. 489	—

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ^{2, 3}
	Đèn Báo Sự Cố	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn xoay khoá điện đến BẬT [II]¹, và tắt khi động cơ khởi động hoặc tắt sau vài giây nếu động cơ không khởi động. Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống kiểm soát khí xả. Nhấp nháy khi phát hiện mất lửa trong các xy lanh động cơ. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi đang lái xe - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Nhấp nháy khi đang lái xe - Dừng xe ở khu vực an toàn nơi không có các vật dễ cháy. Dừng động cơ trong 10 phút trở lên và đợi cho động cơ nguội. Sau đó, hãy đưa xe đến đại lý. <p>☒ Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy Tr. 604</p>	
	Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi khóa điện ở BẬT [II]¹, và tắt khi động cơ khởi động. Sáng lên khi ắc quy không nạp điện. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Tắt hệ thống sưởi² và làm mát/hệ thống điều khiển khí hậu² và bộ sấy kính sau để giảm tiêu thụ điện. <p>☒ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng Tr. 603</p>	
	Đèn Báo Vị Trí Cản Số*	<ul style="list-style-type: none"> Hiển thị vị trí hiện tại của cần số. 	<p>☒ Sang Số Tr. 451, 453</p>	

Bảng Điều Khiển

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.


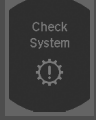


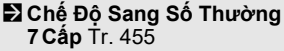
* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* 3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe






►►Đèn Báo►

Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo ^{*1, *2}
	Đèn Báo Hệ Thống Hộp Số	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy nếu hệ thống hộp số có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi đang lái xe - Tránh khởi động và tăng tốc đột ngột và đưa xe đến đại lý để kiểm tra ngay lập tức. 	 
	Đèn Báo M (Chế độ sang số thường 7 cấp)/Đèn Báo Vị Trí Số*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi dùng chế độ sang số thường 7 cấp. 		—

* 1: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* 2: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ^{2, 3}
	Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	<ul style="list-style-type: none"> Sáng và tiếng bíp vang lên* nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi xoay khóa điện đến BẬT *¹. Nhấp nháy trong khi lái nếu bạn hoặc hành khách trước chưa thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng. <p>Loại xe có bộ nhắc thắt dây đai an toàn ghế hành khách trước</p> <ul style="list-style-type: none"> Nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng trong khoảng vài giây sau đó. Nhấp nháy khi đang lái xe nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn thắt dây đai an toàn. Vẫn sáng sau khi bạn đã thắt dây an toàn - Có thể xảy ra lỗi phát hiện ở cảm biến. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <p>Loại xe có bộ nhắc thắt dây đai an toàn ghế hành khách trước</p> <ul style="list-style-type: none"> Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi hành khách phía trước thắt dây đai an toàn. Vẫn sáng sau khi hành khách trước đã thắt dây đai an toàn - Có thể xảy ra lỗi phát hiện ở cảm biến. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <p>☒ Bộ Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 46</p>	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;"> <p>*4  *4</p> <p>*5  *5</p> </div> <div style="width: 45%;"> <p>*4  *4</p> <p>*5  *5</p> </div> </div>

Bảng Điều Khiển

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.


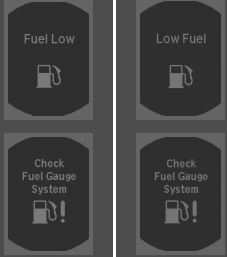


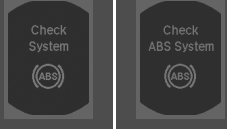
* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* 3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan

* 4: Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi và Trung Đông

* 5: Loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi và Trung Đông









* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*2, *3
	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp. Loại động cơ 1.5 l: còn khoảng 5,3 lít Loại động cơ 1.8 l đối với các loại xe của Thái Lan: còn khoảng 7,9 lít Loại động cơ 1.8 l ngoại trừ các loại xe Thái Lan còn khoảng 7 lít Nhấp nháy nếu có sự cố với đồng hồ đo nhiên liệu. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng - Nạp đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt. Nhấp Nháy - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT *1, sau đó tắt. Nếu đèn báo này sáng vào những lúc khác, có thể ABS có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng. <p>☑ Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) Tr. 492</p>	

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* 3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ^{2, 3}
	Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay chìa điện đến BẬT ¹, sau đó tắt. Sáng lên nếu có bất kỳ sự cố nào với các hệ thống sau đây được phát hiện: <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống bảo vệ phụ trợ Hệ thống túi khí bên* Hệ thống túi khí rèm* Bộ căng dây đai an toàn 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục hoặc không sáng -Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	 
ON  OFF  ²	Đèn Báo Bật/Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*	<ul style="list-style-type: none"> Cả hai đèn báo sáng trong vài giây khi bạn để khoá điện ở BẬT ¹, sau đó tắt sau khi hệ thống kiểm tra. Khi túi khí trước phía hành khách được kích hoạt: Đèn báo bật sẽ sáng trở lại và sáng trong khoảng 60 giây. Khi túi khí trước phía hành khách được huỷ kích hoạt: Đèn báo tắt sẽ sáng trở lại và duy trì sáng. Đây là bộ nhắc cho biết túi khí trước phía hành khách được huỷ kích hoạt. 	 Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách* Tr. 61	









Bảng Điều Khiển

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho chìa điện.

* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* 3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*2, *3
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ¹, sau đó tắt. Nhấp nháy khi kích hoạt VSA. Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống VSA hoặc hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <ul style="list-style-type: none"> ➤ Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) Tr. 475 ➤ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc Tr. 443, 447 	   
	Đèn Báo TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ¹, sau đó tắt. Sáng lên khi bạn huỷ kích hoạt VSA. 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Bật và Tắt VSA Tr. 476 	—

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* 3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*2, *3
	Đèn Báo Nhiệt Độ Cao (Đỏ)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II *1, sau đó tắt. Nhấp nháy khi nhiệt độ nước làm mát động cơ tăng, và vẫn sáng nếu nhiệt độ tiếp tục tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> Tắt, sau đó đèn sẽ sáng màu xanh khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp. Nhấp nháy trong khi lái - Lái xe chậm để tránh bị quá nhiệt. Vẫn sáng trong khi lái - Dừng xe nơi an toàn ngay lập tức và để động cơ nguội. Quá Nhiệt Tr. 601 	 
	Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp (Xanh Lục)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> Nếu đèn báo vẫn sáng sau khi nhiệt độ động cơ đã đạt mức vận hành bình thường, có thể có sự cố với các cảm biến nhiệt độ. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	
	Đèn Báo Cửa và Cửa Hậu Mở	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II *1, sau đó tắt. Sáng lên khi có bất kỳ cửa hay cửa hậu nào không đóng hoàn toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn sáng nếu bất kỳ cửa nào hay cửa hậu vẫn mở trong khi lái xe. 	<ul style="list-style-type: none"> Tắt đi khi tất cả cửa và cửa hậu được đóng. 	 

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* 3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đèn Báo ►

Bảng Đồng Hồ Tập-lò

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*2, *3
	Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn xoay khóa điện đến BẬT *1, và tắt khi khởi động động cơ. Sáng lên nếu hệ thống EPS có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục hoặc không sáng - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (ESP) Sáng Tr. 605 	 
	Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT *1, sau đó tắt. Sáng lên, đồng thời tiếng bíp vang lên khi phát hiện ra sự cố. Thông báo của hệ thống sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái cùng thời điểm đó. 	<ul style="list-style-type: none"> Trong khi đèn báo sáng, ấn nút /▼ (thông tin) để xem lại thông báo. Tham khảo thông tin Đèn Báo trong chương này khi thông báo của hệ thống xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin. Hãy thực hiện theo thông báo này. Màn hình giao diện thông tin cho người lái không quay lại màn hình ban đầu trừ khi cảnh báo được huỷ, hoặc nút /▼ được ấn. 	

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin




* 3: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ²
	Ngoại trừ loại xe Đai Loan Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT [II]^{*1}, sau đó tắt. Có thể sáng lên một lúc khi bạn xoay khóa điện đến BẬT [II]^{*1} và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, để thông báo quá trình hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn tất. Sáng lên và tiếp tục sáng khi: <ul style="list-style-type: none"> Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp. Hệ thống chưa được hiệu chỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái - Hãy dừng xe nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp xe và bơm (các) lốp xe nếu cần. Tiếp tục sáng sau khi lốp xe đã được bơm với áp suất khuyến dùng - Cần hiệu chỉnh hệ thống. <ul style="list-style-type: none"> ➤ Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp Tr. 477 	
		<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu có sự cố xảy ra với hệ thống cảnh báo xẹp lốp, hay khi lốp dự phòng loại nhỏ* được lắp tạm thời. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy và tiếp tục nháy - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Nếu xe vừa với lốp dự phòng loại nhỏ, hãy dùng tạm lốp đó và mang lốp bị hỏng đi vá hoặc thay ngay rồi lắp lại vào xe bạn càng sớm càng tốt. 	

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo ^{*1}
	<p>Loại xe Đài Loan</p> <p>Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS</p>	<ul style="list-style-type: none"> Sáng trong vài giây khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, sau đó sẽ tắt. Có thể sáng lên một lúc nếu chế độ nguồn được đặt ở BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, để thông báo quá trình hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn tất. Sáng lên và tiếp tục sáng khi: <ul style="list-style-type: none"> Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp. Hệ thống chưa được hiệu chỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Hãy dừng xe nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp xe và bơm (các) lốp xe nếu cần. Tiếp tục sáng sau khi lốp xe đã được bơm với áp suất khuyến dùng <ul style="list-style-type: none"> Cần hiệu chỉnh hệ thống. <ul style="list-style-type: none"> ► Hiệu Chỉnh TPMS Tr. 480 	
		<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu có sự cố xảy ra với TPMS, hay khi lốp dự phòng loại nhỏ được lắp tạm thời. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy và tiếp tục nháy - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Nếu xe vừa với lốp dự phòng loại nhỏ, hãy dùng tạm lốp đó và mang lốp bị hỏng đi vá hoặc thay ngay rồi lắp lại vào xe bạn càng sớm càng tốt. 	


* 1: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*1
	Đèn Báo Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi bạn vận hành cần xi nhan. Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm. 	<ul style="list-style-type: none"> Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy nhanh  Thay Bóng Đèn Tr. 538, 540, 541 	—
		<p>Ngoại trừ loại xe Mỹ La- tinh</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan nếu bạn nhấn bàn đạp phanh khi lái xe ở tốc độ cao. 	<ul style="list-style-type: none">  Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp Tr. 499 	
	Đèn Báo Chiếu Xa	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bật các đèn chiếu xa. 	—	—
	Đèn Báo Đèn Sáng	<ul style="list-style-type: none"> Sáng mỗi khi bật công tắc đèn hoặc ở AUTO* khi đèn ngoài xe sáng. 	<ul style="list-style-type: none"> Nếu bạn rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa*, hoặc đặt chế độ nguồn* ở TẮT MÁY (KHÓA) trong khi đèn trong xe sáng, chuông sẽ kêu khi cửa người lái mở. 	
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bật đèn sương mù trước. 	<ul style="list-style-type: none">  Đèn Sương Mù* Tr. 209 	—
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bật đèn sương mù sau. 	<ul style="list-style-type: none">  Đèn Sương Mù* Tr. 209 	—

*1: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

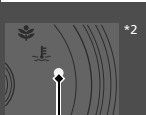
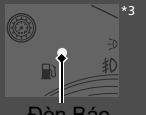

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*2
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên một lúc khi bạn xoay khóa điện đến BẬT [II]^{*1}, sau đó tắt. Sáng lên nếu hệ thống chống nổ máy không thể nhận dạng được thông tin chìa khóa. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp Nháy - <ul style="list-style-type: none"> Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa: Bạn không thể khởi động động cơ. Hãy xoay khóa điện đến KHÓA [0], rút chìa khóa ra, sau đó cắm chìa khóa vào và xoay lại đến BẬT [II]. Loại xe có hệ thống truy cập từ xa: Nếu bạn không thể khởi động động cơ. Hãy đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA), sau đó chọn lại chế độ BẬT. Nhấp liên tục - Hệ thống có thể có sự cố. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị khác nào vào hệ thống. Nếu không có thể xảy ra các sự cố điện. 	

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ¹
 *2 Đèn Báo  *3 Đèn Báo	Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh*	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi hệ thống cảnh báo an ninh được cài đặt. 	 Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh* Tr. 190	—

Bảng Điều Khiển

- *1: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin
 *2: Loại vô lăng bên trái
 *3: Loại vô lăng bên phải

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đèn Báo ►

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ^{2, 3}
	Đèn Báo Chế Độ ECON*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, sau đó tắt. Sáng khi bật chế độ ECON. 	<ul style="list-style-type: none"> ☑ Chế độ ECON* Tr. 464 	 
	Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Chính*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn ấn nút CRUISE. 	<ul style="list-style-type: none"> ☑ Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* Tr. 465 	—
	Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên nếu bạn cài đặt tốc độ cho điều khiển chế độ chạy ổn định. 	<ul style="list-style-type: none"> ☑ Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* Tr. 465 	—
	Đèn Báo Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn chuyển chế độ nguồn đến BẬT, sau đó tắt. Sáng lên nếu phát hiện có sự cố ở hệ thống truy cập từ xa hoặc hệ thống khởi động từ xa. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt không tắt hoặc không sáng - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	 
	Đèn Báo Điều Khiển Đèn*	<p>Loại xe có hệ thống điều khiển chiếu sáng tự động</p> <ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống điều khiển chiếu sáng tự động có sự cố. <p>Loại xe có đèn chiếu sáng LED</p> <ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu các đèn chiếu sáng có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Bật đèn bằng tay và đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	—

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin



* 3: Bên trái : Loại trừ loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ²
	Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT và tắt khi động cơ khởi động. Sáng lên nếu hệ thống khởi động có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Tạm thời xử lý bằng cách ấn và giữ nút ENGINE START/STOP khoảng 15 giây trong khi nhấn bàn đạp phanh và khởi động động cơ bằng tay. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	—
120 km/h	Đèn Báo Cảnh Báo Tốc Độ*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT [II]^{*1}, sau đó tắt. Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h. Âm thanh nhắc nhở vang lên. 	<ul style="list-style-type: none"> Đèn báo này nhấp nháy khi tốc độ xe trên 120 km/h. 	—
	Đèn Báo Sang Số Đổ*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên nếu bạn ấn nút ENGINE START/STOP để tắt động cơ mà không gạt cần số tới [P]. <p>Loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời</p> <ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu mở nắp ca-pô trong khi chế độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Ấn nút ENGINE START/STOP hai lần sau khi gạt cần số đến [P]. <p>Nếu bạn muốn khởi động động cơ, hãy thực hiện quy trình thông thường.</p> <p>☑ Khởi Động Động Cơ Tr. 441, 444</p>	—
	Đèn Báo Xoay Vô Lãng*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi vô lăng bị khoá. 	<ul style="list-style-type: none"> Xoay vô lăng sang trái và phải trong khi ấn nút ENGINE START/STOP. 	—

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ²	
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content;"> Loại xe có hộp số vô cấp  </div>	Đèn Báo Nhấn Phanh*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, sau đó tắt. <div style="background-color: #333; color: white; padding: 2px; font-size: 0.8em;">Loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời</div> <ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động do không nhấn hết cỡ bàn đạp phanh. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấn hết cỡ bàn đạp phanh. 		
		<div style="background-color: #333; color: white; padding: 2px; font-size: 0.8em;">Hệ Thống Phanh Đổ Điện</div> <ul style="list-style-type: none"> Sáng khi ấn nút công tắc phanh đổ điện mà không nhấn bàn đạp phanh trong khi hệ thống phanh đổ điện đang hoạt động. 			<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Ấn công tắc phanh đổ điện đồng thời nhấn bàn đạp phanh.  Phanh Đổ Tr. 485
		<div style="background-color: #333; color: white; padding: 2px; font-size: 0.8em;">Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động</div> <ul style="list-style-type: none"> Sáng khi ấn nút giữ phanh tự động mà không nhấn bàn đạp phanh trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động. Nhấp nháy nếu chức năng giữ phanh tự động bị hủy tự động khi đang hoạt động. Tiếng bíp vang lên. 			<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Ấn nút giữ phanh tự động đồng thời nhấn bàn đạp phanh.  Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động Tr. 489 Ngay lập tức nhấn bàn đạp phanh.




*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ¹
<div data-bbox="249 565 369 629" style="border: 1px solid black; padding: 2px;">Loại xe có hộp số thường</div> <div data-bbox="272 639 354 708"> </div>	Đèn Báo Nhấn Phanh*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II, sau đó tắt. <div data-bbox="586 468 839 494" style="background-color: #cccccc; padding: 2px;">Hệ Thống Phanh Đổ Điện</div> <ul style="list-style-type: none"> Sáng khi ấn công tắc phanh đổ điện mà không nhấn bàn đạp phanh trong khi phanh đổ điện đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Ấn công tắc phanh đổ điện đồng thời nhấn bàn đạp phanh. <div data-bbox="1054 454 1258 479" style="background-color: #cccccc; padding: 2px;">► Phanh Đổ Tr. 485</div> 	
		<div data-bbox="586 636 877 662" style="background-color: #cccccc; padding: 2px;">Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động</div> <ul style="list-style-type: none"> Sáng khi ấn nút giữ phanh tự động mà không nhấn bàn đạp phanh trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động. Nhấp nháy nếu chức năng phanh tự động hủy tự động khi đang hoạt động. Hệ thống cảnh báo phát ra tiếng bíp. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Ấn nút giữ phanh tự động đồng thời nhấn bàn đạp phanh. <div data-bbox="1054 694 1467 719" style="background-color: #cccccc; padding: 2px;">► Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động Tr. 489</div> Nhấn bàn đạp phanh ngay lập tức. 	






* 1: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ²
	Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*¹, sau đó tắt. Sáng khi đáp ứng tất cả các điều kiện hoạt động của hệ thống chiếu xa tự động. 	<p> Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động* Tr. 212</p>	
AWD	Đèn Báo Hệ Thống Dẫn Động Tất Cả Các Bánh (AWD)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*¹, sau đó tắt. Sáng lên nếu hệ thống AWD có sự cố. Nhấp nháy khi hệ thống AWD quá nhiệt. Hệ thống ngừng hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng mãi không tắt - động cơ chỉ truyền động vào bánh trước ở trạng thái này. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Nhấp nháy khi đang lái xe - động cơ chỉ truyền động vào bánh trước ở trạng thái này. Hãy dừng xe ở nơi an toàn, sang số P và để động cơ chạy không tải cho đến khi đèn báo tắt. Nếu đèn báo vẫn nhấp nháy, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <p> DẪN ĐỘNG TẤT CẢ CÁC BÁNH THEO THỜI GIAN THỰC có Hệ Thống Kiểm Soát Thông Minh* Tr. 483</p>	

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*2
	Đèn Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, sau đó tắt. Sáng khi bạn tùy chọn tắt hệ thống cảnh báo va chạm phía trước. Sáng nếu hệ thống có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng mãi không tắt và hệ thống vẫn hoạt động - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	 
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi hệ thống tự tắt. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt - Nhiệt độ bên trong camera quá cao. Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để giảm nhiệt độ của camera. Hệ thống hoạt động khi nhiệt độ camera giảm xuống. ➤ Tự động tắt Tr. 470 	
			<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt - Khu vực xung quanh camera dính bụi, bùn, v.v. Hãy dừng xe ở nơi an toàn và dùng khăn mềm để lau sạch camera. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra nếu đèn báo và thông báo vẫn xuất hiện sau khi bạn đã làm sạch khu vực xung quanh camera. ➤ Tự động tắt Tr. 470 	

Bảng Điều Khiển





*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đèn Báo ►

Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ²
	Đèn Cảnh Báo Chệch Làn Đường*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*¹, sau đó tắt. Sáng nếu hệ thống cảnh báo chệch làn đường có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt không tắt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi hệ thống tự động tắt. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt - Nhiệt độ bên trong camera quá cao. Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để giảm nhiệt độ của camera. Hệ thống hoạt động khi nhiệt độ camera giảm xuống. Camera Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 473 	
			<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt - Khu vực xung quanh camera dính bụi, bùn, v.v. Hãy dừng xe ở nơi an toàn và dùng khăn mềm để lau sạch camera. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra nếu đèn báo và thông báo vẫn xuất hiện sau khi bạn đã làm sạch khu vực xung quanh camera. Camera Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 473 	

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin


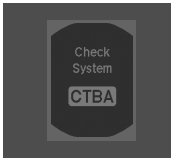
Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ²
CTBA	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố* (CTBA)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, sau đó tắt. 	—	—
		<ul style="list-style-type: none"> Tắt khi bạn đã tùy chọn bật hệ thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố. Sáng khi bạn đã tùy chọn tắt hệ thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố. 	<ul style="list-style-type: none"> ☑ Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố* Tr. 494 ☑ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147 	
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi khu vực xung quanh cảm biến laser, nằm ở phần trên của kính chắn gió, bị bụi bẩn, băng và sương giá bao phủ. Có thể sáng khi lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù.) 	<ul style="list-style-type: none"> Lau sạch bụi và các vết bẩn bằng giẻ lau và cần gạt nước. Dừng xe ở nơi an toàn, lau sạch bụi và các vết bẩn bao phủ quanh khu vực cảm biến laser trên kính chắn gió. ☑ Hệ thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố* Tr. 494 Hệ thống sẽ hoạt động khi các vết bẩn được loại bỏ. 	
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi có tuyết tích tụ trên nắp ca-pô. 	<ul style="list-style-type: none"> Dừng xe nơi an toàn và làm sạch tuyết trên nắp ca-pô. 	

Bảng Điều Khiển


*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo* ¹
CTBA	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố (CTBA)*	<ul style="list-style-type: none"> Có thể sáng khi nhiệt độ khu vực xung quanh bộ cảm biến laser tăng cao. 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để làm mát khu vực xung quanh cảm biến laser. Hệ thống sẽ hoạt động khi nhiệt độ xung quanh khu vực cảm biến laser hạ xuống. 	
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng cùng đèn báo hệ thống phanh (hở phách) nếu hệ thống có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống không hoạt động. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	

*1: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin


Đèn Báo	Tên	Bật/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo ^{*1}
	Đèn Báo Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Xanh Lục)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời hoạt động. Động cơ sẽ tự động tắt. 	<p>☒ Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* Tr. 459</p>	—
	Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Hỗ Phách)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, sau đó tắt. Sáng khi hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời tắt khi ấn nút TẮT của Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời. Nhấp Nháy nếu Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời có sự cố. 	<p>☒ BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Tr. 460</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhấp Nháy - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	—

* 1: Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Hiển Thị Thông Tin


Các thông báo sau chỉ xuất hiện trên màn hình hiển thị thông tin.



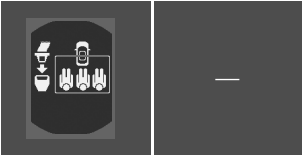

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
NO KEY	<ul style="list-style-type: none">Xuất hiện khi bạn đóng cửa với chế độ nguồn ở BẬT mà không có chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe.	<ul style="list-style-type: none">Biến mất nếu bạn mang chìa khóa điều khiển từ xa trở lại xe và đóng cửa.
KEY 	<ul style="list-style-type: none">Xuất hiện khi pin chìa khóa điều khiển mở cửa từ xa yếu.	<ul style="list-style-type: none">Thay pin càng sớm càng tốt. ➤ Thay Pin Cúc Tr. 560

Bảng Điều Khiển

Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Hiển Thị Đa Thông Tin*



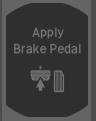

Các thông báo sau chỉ xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin. Ấn nút /▼ (thông tin) để xem lại thông tin khi đèn báo thông báo hệ thống sáng.

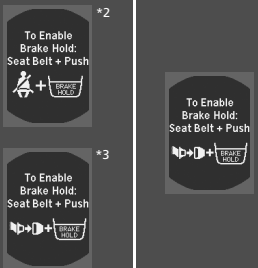


Thông Báo ²	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn đang tùy chọn các cài đặt và gạt cần số ra khỏi P. 	<p>► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147</p>
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu nhiệt độ bên ngoài dưới 3°C trong khi khóa điện ở vị trí BẬT II ^{*1}. 	<ul style="list-style-type: none"> Có khả năng mặt đường bị đóng băng và trơn trượt.
	<p>Loại xe có bộ nhắc thắt dây đai an toàn hành khách sau</p> <ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bất kỳ dây đai an toàn ghế sau được chốt hoặc không được chốt, cửa sau mở hoặc đóng. 	<p>► Bộ Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 46</p>
	<p>Loại xe có cảnh báo tốc độ</p> <ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi tốc độ xe đạt tốc độ đã cài đặt. Bạn có thể cài đặt hai tốc độ khác nhau để cảnh báo. 	<p>► Danh sách tính năng tùy chọn Tr. 150</p>

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan




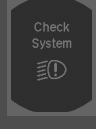



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<p>Loại xe có đèn chiếu sáng LED</p> <ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu có sự cố với đèn chiếu sáng. 	<ul style="list-style-type: none"> Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi có sự cố với cảm biến trên ắc quy. Xuất hiện cùng với đèn báo hệ thống nạp điện khi ắc quy không nạp được. 	<ul style="list-style-type: none"> Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <ul style="list-style-type: none"> ► Kiểm Tra Ắc Quy Tr. 557 Tắt hệ thống điều khiển khí hậu và bộ sấy kính sau để giảm lượng tiêu thụ điện năng. <ul style="list-style-type: none"> ► Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng Tr. 603
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu giữ phanh tự động bị hủy tự động trong khi đang vận hành. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấn bàn đạp phanh ngay lập tức.
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi giữ phanh tự động được tắt. 	<ul style="list-style-type: none"> ► Giữ Phanh Tự Động Tr. 489

Thông Báo ^{*1}	Tình Trạng	Diễn Giải
 <p>*2 To Enable Brake Hold: Seat Belt + Push</p> <p>*3 To Enable Brake Hold: Seat Belt + Push</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn nút giữ phanh tự động mà người lái không thắt dây đai an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> Thắt dây đai an toàn người lái. ➤ Giữ Phanh Tự Động Tr. 489
 <p>To Disable Brake Hold: Brake + Push</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn nút giữ phanh tự động mà không nhấn bàn đạp phanh trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Ấn nút giữ phanh tự động và nhấn bàn đạp phanh. ➤ Giữ Phanh Tự Động Tr. 489
 <p>Parking Brake Engaged</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi phanh đỗ được nhấn tự động trong khi nó đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Giữ Phanh Tự Động Tr. 489 ➤ Phanh Đỗ Tr. 485

* 1: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan
 * 2: Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi và Trung Đông
 * 3: Loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi và Trung Đông

Bảng Điều Khiển




Thông Báo*1		Điều Kiện	Diễn Giải
 *2  *3		<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn để chế độ nguồn ở BẬT và không thắt dây đai an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> Thắt dây đai an toàn đúng cách trước khi bắt đầu lái xe. ► Vận Hành Cần Số Tr. 452, 454
		<p>Loại xe có hệ thống điều khiển chiếu sáng tự động</p> <ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu có sự cố với hệ thống điều khiển chiếu sáng tự động. 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi đang lái xe - Bật đèn bằng tay và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		<p>Loại xe có hệ thống chiếu xa tự động</p> <ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi đèn chiếu xa tự động có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Bật công tắc đèn bằng tay. Khi bạn đang lái xe với các đèn chiếu xa đang bật mà xảy ra sự cố này, các đèn chiếu xa sẽ chuyển sang chế độ chiếu gần. ► Chiếu Xa Tự Động* Tr. 212

* 1: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan





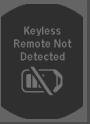
* 2: Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi và Trung Đông

* 3: Loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi và Trung Đông








Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi khóa điện được xoay từ BẬT [II] đến PHỤ KIỆN [I]. (Cửa người lái được đóng.) 	<p>—</p>
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn mở cửa người lái trong khi khóa điện ở PHỤ KIỆN [I]. 	<ul style="list-style-type: none"> Xoay khóa điện đến KHÓA [0], sau đó rút chìa khoá ra.
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn mở cửa người lái khi khóa điện ở KHÓA [0]. 	<ul style="list-style-type: none"> Rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa điện.



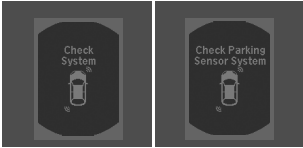
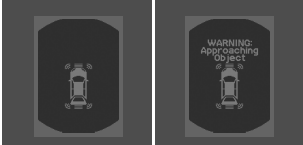
Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Thông Báo* ¹	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. 	<p>► Khởi Động Động Cơ Tr. 444</p>
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN. 	—
 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện sau khi mở cửa người lái khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN. 	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi chế độ nguồn sang TẮT MÁY. ► Nút ENGINE START/STOP Tr. 199
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn đóng cửa trong khi chế độ nguồn ở BẬT mà không có chìa khóa điều khiển từ xa trong xe. 	<ul style="list-style-type: none"> Biến mất nếu bạn mang chìa khóa điều khiển từ xa trở lại xe và đóng cửa. ► Bộ Nhớ Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Tr. 201

* 1: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan


Thông Báo ¹	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu. 	<ul style="list-style-type: none"> Thay pin càng sớm càng tốt.  Thay Pin Cúc Tr. 560
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa quá yếu không thể khởi động động cơ hoặc chìa khóa không ở trong phạm vi hoạt động để khởi động động cơ. Tiếng bíp vang lên sáu lần. 	<ul style="list-style-type: none">  Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu Tr. 595
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu hệ thống khởi động có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Giải pháp tạm thời là ấn và giữ nút ENGINE START/STOP trong 15 giây trong khi nhấn bàn đạp phanh. Sau đó khởi động động cơ bằng tay. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn ấn nút ENGINE START/STOP để tắt động cơ mà không gạt cần số sang P. 	<ul style="list-style-type: none"> Ấn nút ENGINE START/STOP hai lần sau khi gạt cần số đến P.
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi vô lăng bị khóa. 	<ul style="list-style-type: none"> Xoay vô lăng sang trái và phải trong khi ấn nút ENGINE START/STOP.

* 1: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

Thông Báo*1	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu bạn ấn nút ENGINE START/ STOP khi xe đang chạy. 	<p>➡ Dừng Động Cơ Khẩn Cấp Tr. 596</p>
Loại xe có hệ thống cảm biến đỗ		
Thông Báo*1	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu có sự cố với hệ thống cảm biến đỗ. 	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra xem liệu khu vực xung quanh (các) cảm biến có bị bùn, băng, tuyết, v.v phủ lên không. Nếu (các) đèn báo vẫn sáng thậm chí sau khi bạn đã lau sạch, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	<ul style="list-style-type: none"> Nếu có sự cố với bất kỳ cảm biến nào, (các) đèn báo cảm biến tương ứng sẽ sáng lên. 	
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu có các vật cản xung quanh các cảm biến. 	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra các vật cản gần xe của bạn để đảm bảo độ an toàn khi đỗ xe.


* 1: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

Loại xe có nút ECON


Thông Báo ^{*1}	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi tắt chế độ ECON bằng cách ấn nút ECON. 	<p>► Chế độ ECON* Tr. 464</p>

* 1: Bên trái: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan, Bên phải: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

Loại xe có cảnh báo va chạm phía trước



Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi hệ thống cảm nhận được khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước. Tiếng bíp vang lên. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các thao tác phù hợp để tránh va chạm (nhấn phanh, thay đổi làn đường, v.v.) <p>► Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước* Tr. 468</p>

Loại xe có cảnh báo chệch làn đường

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi xe của bạn đi quá sát vạch làn đường giao thông. Tiếng bíp vang lên. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện thao tác phù hợp để giữ xe đi đúng làn đường. <p>► Cảnh Báo Chệch Làn Đường* Tr. 472</p>

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe


Loại xe có hệ thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none">Nhấp nháy khi hệ thống cảm biến được khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước. Tiếng bíp vang lên.	<ul style="list-style-type: none">Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước. Cảnh báo sẽ biến mất.Hệ thống sẽ tự động gài phanh khi khả năng xảy ra va chạm là không thể tránh được ☑ Hệ thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố* Tr. 494
	<ul style="list-style-type: none">Thay đổi hiển thị khi hệ thống làm dừng xe bạn. Tiếng bíp dừng.	

Bảng Điều Khiển



Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị


Đồng Hồ Đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo tốc độ động cơ và các đèn báo liên quan. Nó hiển thị khi khóa điện ở BẬT *1.

■ Thay đổi màu sắc đèn viền đồng hồ

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Bạn có thể đổi màu đèn viền đồng hồ trong khi xe đang dừng ở chế độ PHỤ KIỆN  hoặc KHÓA *1 khi đèn viền đồng hồ bật.

Ấn liên tục nút  (chọn/cài đặt lại); màu sẽ chuyển từ trắng, xanh, tím, hồng, đỏ, hồ phách sang vàng.

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Bạn có thể đổi màu đèn viền đồng hồ từ trắng sang một số màu khác.

➔ **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147**

■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe

Hiển thị tốc độ chạy xe bằng km/h.

■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ vòng/phút.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Màn Hình Hiển Thị Thông Tin*

Màn hình hiển thị thông tin hiển thị đồng hồ đo nhiên liệu, đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình và các đồng hồ đo khác.

Thay Đổi Màn Hình Hiển Thị

Ấn nút  (chọn/cài đặt lại) để thay đổi hiển thị.

Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

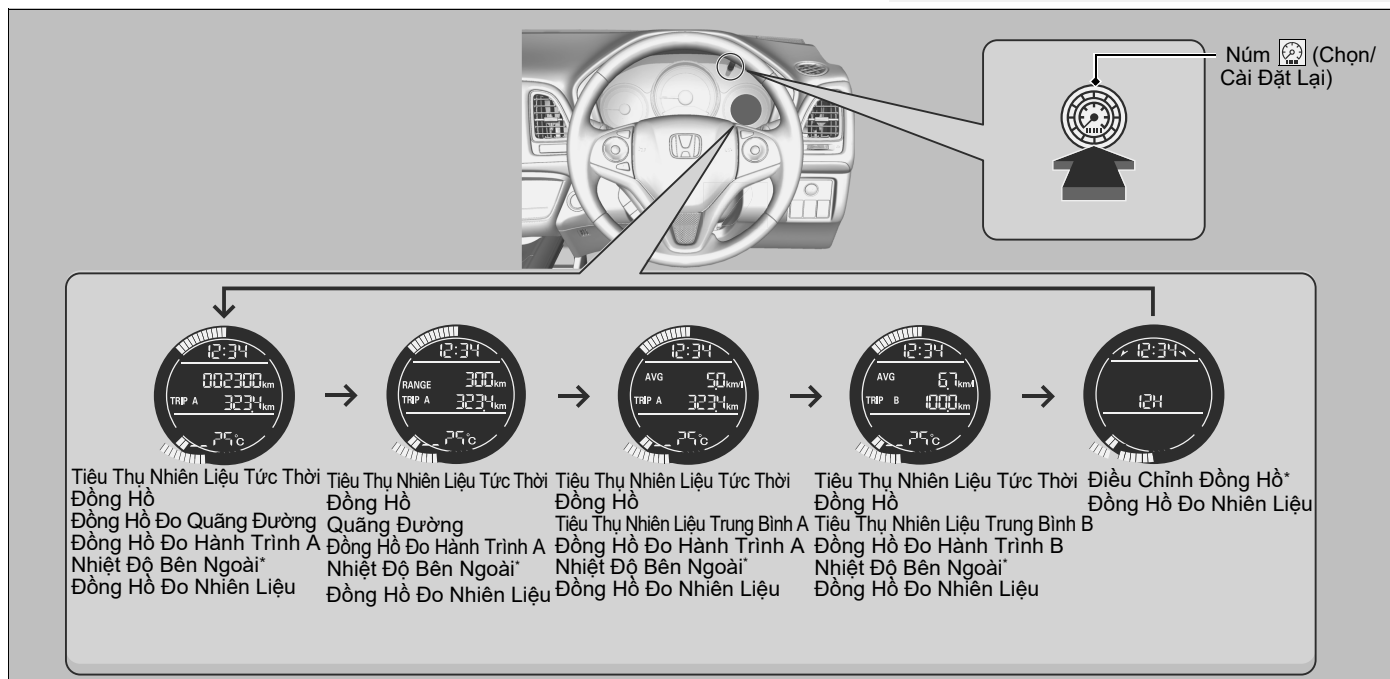
Loại xe không có hệ thống màn hình âm thanh màu và hệ thống màn hình hiển thị âm thanh

Điều Chỉnh Đồng Hồ Tr. 162

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh

Một số mục trên màn hình hiển thị thông tin cũng xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin. Cũng thay đổi cùng với những thay đổi của màn hình hiển thị thông tin trong khi hiển thị nhiên liệu tiêu thụ.

Bảng Điều Khiển



■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời

Chỉ lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột l/100 km hoặc km/l.


■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được.

■ Đồng Hồ Đo Hành Trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được kể từ lần cài đặt trước. Hành trình A và B có thể được sử dụng để đo hai hành trình riêng biệt.

■ Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho nó hiển thị, sau đó ấn và giữ nút . Đồng hồ đo được cài đặt lại từ **0.0**.


■ Quãng Đường

Cho biết quãng đường ước tính mà xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiêu thụ nhiên liệu của các hành trình trước.

■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình


Cho biết mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình bằng l/100 km hoặc km/l hiển thị trên đồng hồ. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

☒ Đồng Hồ Đo Hành Trình

Chuyển đổi giữa hành trình A và hành trình B bằng cách ấn nút .




■ Nhiệt Độ Bên Ngoài*

Cho biết nhiệt độ bên ngoài bằng đơn vị Celsius.

Nếu nhiệt độ bên ngoài dưới 3°C tại thời điểm bạn xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}, đèn báo nhiệt độ bên ngoài sẽ nhấp nháy khoảng 10 giây.

■ Điều chỉnh đèn báo nhiệt độ bên ngoài

Điều chỉnh nhiệt độ lên xuống $\pm 3^{\circ}\text{C}$ nếu nhiệt độ không chính xác.

1. Xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}.
2. Ấn và giữ nút  (chọn/cài đặt lại) trong khoảng từ 10 giây trở lên khi màn hình thông tin hiển thị nhiệt độ bên ngoài.
 - Màn hình thông tin chuyển sang chế độ điều chỉnh nhiệt độ. Màn hình bắt đầu hiển thị nhiệt độ từ -3°C đến $+3^{\circ}\text{C}$.
3. Nhả nút  khi hiển thị nhiệt độ điều chỉnh đúng.
 - Hoàn thành việc điều chỉnh.

■ Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình chứa nhiên liệu.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.


» Nhiệt Độ Bên Ngoài*

Cảm biến nhiệt độ nằm ở tấm cản trước. Nhiệt độ từ mặt đường và khí xả của xe có thể làm ảnh hưởng tới số đo nhiệt độ khi tốc độ xe dưới 30 km/h.

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi nhiệt độ đã ổn định.

» Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ ở .
Hết nhiên liệu có thể làm động cơ không nổ và làm hư hỏng bộ trung hòa khí xả.

Lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.


Màn Hình Hiển Thị Đa Thông Tin*

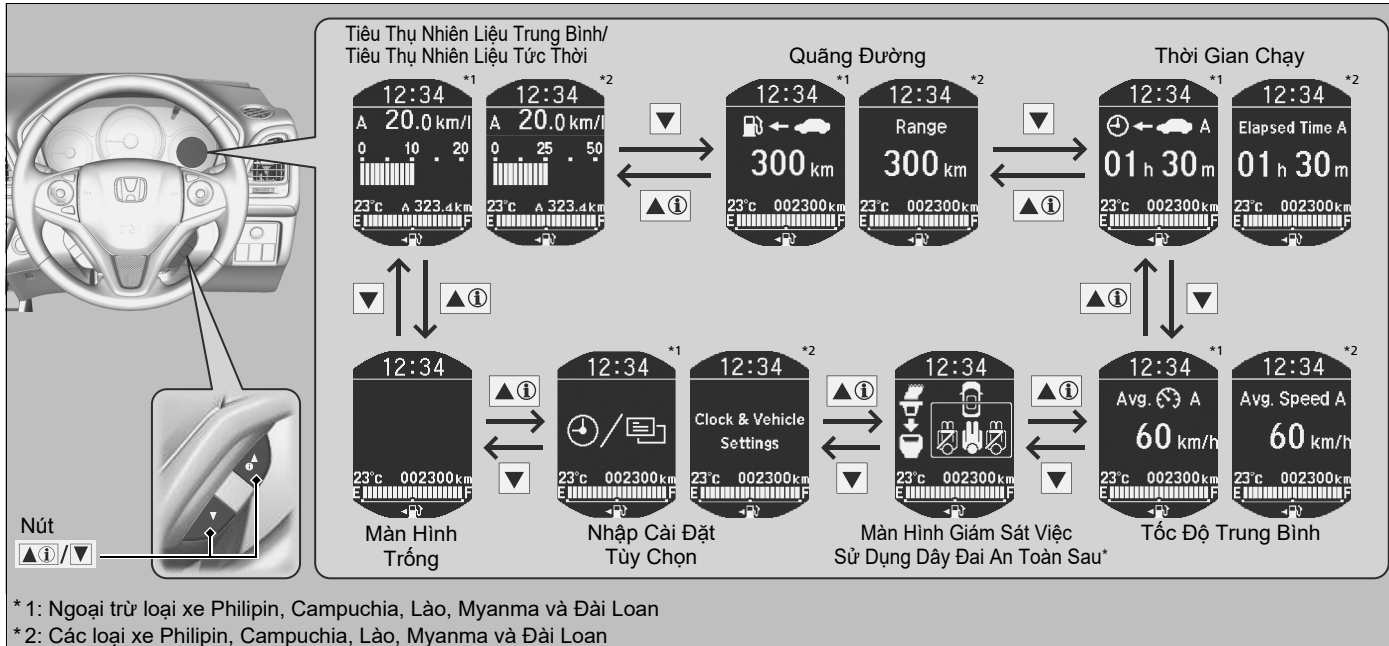
Màn hình hiển thị đa thông tin hiển thị đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình, nhiệt độ bên ngoài và các đồng hồ đo khác.

Nó cũng hiển thị các thông báo quan trọng như các cảnh báo và các thông tin hữu ích khác.

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

■ Các màn hình chính

Ấn nút /▼ (Thông tin) để thay đổi màn hình hiển thị.



* 1: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

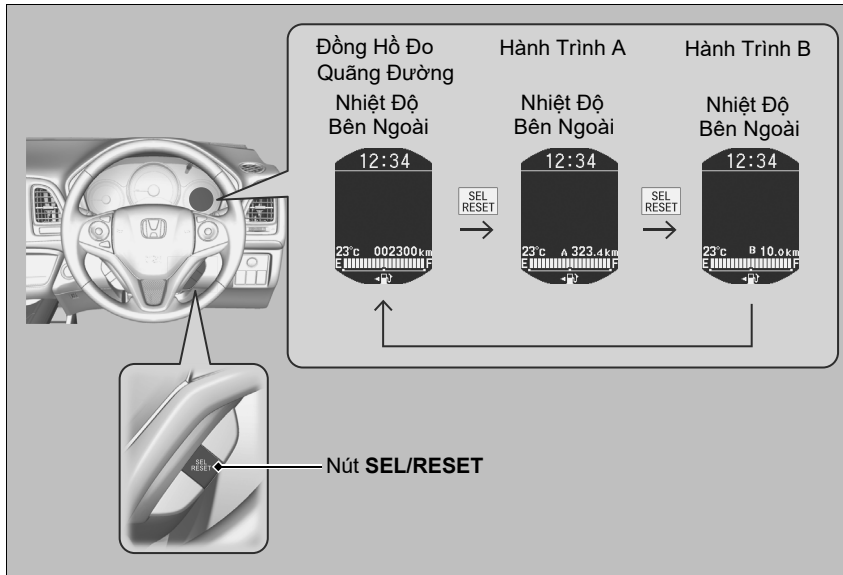
* 2: Các loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Các màn hình ở dưới

Ấn nút **SEL/RESET** để thay đổi màn hình hiển thị.

Bảng Điều Khiển



■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được.

■ Đồng Hồ Đo Hành Trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được kể từ lần cài đặt trước. Hành trình A và B có thể được sử dụng để đo hai hành trình riêng biệt.

■ Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt đồng hồ đo hành trình, cho nó hiển thị, sau đó ấn và giữ nút **SEL/RESET**. Đồng hồ đo hành trình sẽ được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình bằng l/100 km hoặc km/l hiển thị trên đồng hồ đo. Màn hình hiển thị được cập nhật sau mỗi hành trình. Khi đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Quãng Đường

Cho biết quãng đường được ước tính mà xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được dự tính dựa vào mức tiêu thụ nhiên liệu của các hành trình trước.

■ Thời Gian Chạy

Cho biết thời gian chạy kể từ khi hành trình A hoặc B được cài đặt lại.

☒ Đồng Hồ Đo Hành Trình

Chuyển đổi giữa hành trình A và hành trình B bằng cách ấn nút **SEL/RESET**.

☒ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.

☒ **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147**

☒ Thời Gian Chạy

Bạn có thể thay đổi khi bạn cài đặt lại thời gian chạy.

☒ **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147**

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Tốc Độ Trung Bình

Hiển thị tốc độ trung bình bằng km/h khi hành trình A hoặc B được cài đặt lại.

■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời

Biểu thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột l/100 km hoặc km/l.

■ Nhiệt Độ Bên Ngoài

Hiển thị nhiệt độ bên ngoài bằng đơn vị Celsius.

Nếu nhiệt độ bên ngoài dưới 3°C tại thời điểm bạn xoay khóa điện đến BẬT **III***1, đèn báo nhiệt độ bên ngoài nhấp nháy trong khoảng 10 giây.

■ Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ bên ngoài

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống $\pm 3^{\circ}\text{C}$ nếu nhiệt độ không chính xác.

■ Màn Hình Giám Sát Việc Sử Dụng Dây Đai An Toàn Sau*

Hiển thị việc sử dụng dây đai an toàn sau.

► Bộ Nhớ Thất Dây Đai An Toàn Tr. 46

■ Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình chứa nhiên liệu.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

» Tốc Độ Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi bạn cài đặt lại tốc độ trung bình.

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147

» Nhiệt Độ Bên Ngoài

Cảm biến nhiệt độ nằm ở tấm cản trước. Nhiệt độ từ mặt đường và khí xả của xe có thể làm ảnh hưởng tới số đo nhiệt độ khi tốc độ xe dưới 30 km/h.

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi nhiệt độ đã ổn định.

Sử dụng tính năng tùy chọn của màn hình hiển thị đa thông tin để hiệu chỉnh nhiệt độ.

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147

» Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

CHÚ Ý





Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng ở **E**. Hết nhiên liệu có thể làm động cơ không nổ và làm hư hỏng bộ trung hòa khí xả.

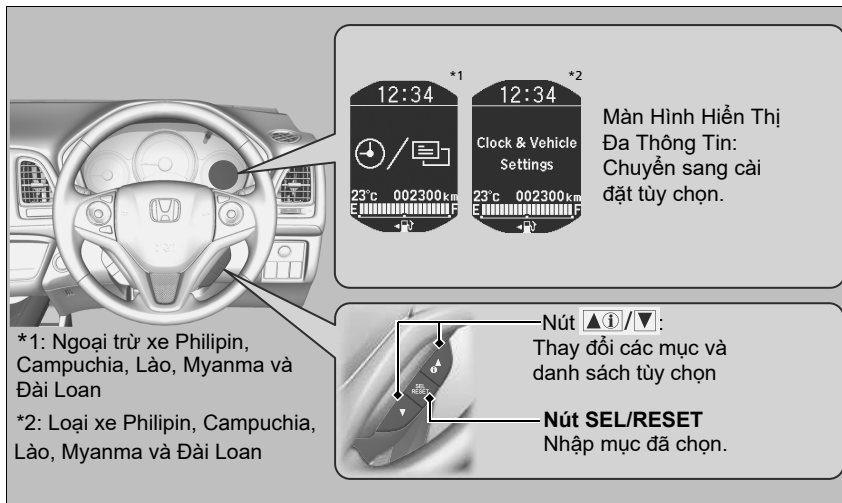
Lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

■ Tính Năng Tùy Chọn

Sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chọn

Chọn màn hình /  (Cài Đặt Tùy Chọn)/**Clock & Vehicle Settings** bằng cách ấn nút  trong khi khóa điện ở BẬT *¹, xe dừng lại hoàn toàn và cần số ở **P**. Ấn nút **SEL/RESET** để nhập chế độ tùy chọn.





* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

► Tính Năng Tùy Chọn

Để chọn các tính năng khác, ấn nút / 



► **Danh sách các tính năng tùy chọn** Tr. 150

► **Ví dụ về cài đặt tùy chọn** Tr. 156

Khi bạn tùy chọn cài đặt, gạt cần số đến **P**.


■ Dòng tùy chỉnh

Ấn nút  / 


 /  (Tùy Chọn Cài Đặt)*¹
Clock & Vehicle Settings²

SEL/RESET → **Clock Setup** Cài Đặt Đồng Hồ → **SEL/RESET** → **Adjust Clock** Điều Chỉnh Đồng Hồ


 / 
Clock Display Màn Hình Hiển Thị Đồng Hồ

SEL/RESET → **Speed Alarm*** Cảnh Báo Tốc Độ* → **SEL/RESET** →  (Speed alarm 1) (Cảnh báo tốc độ 1)

50 km/h → **SEL/RESET** → **Speed alarm 1 speed setting**
 Cài đặt tốc độ cảnh báo tốc độ 1

 (Speed alarm 2) (Cảnh báo tốc độ 2)

80 km/h → **SEL/RESET** → **Speed alarm 2 speed setting**
 Cài đặt tốc độ cảnh báo tốc độ 2

Để thay đổi cài đặt tốc độ bằng  / .

Deflation Warning System¹**
TPMS Calibration²**
 Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp**¹
 Hiệu Chính TPMS**²

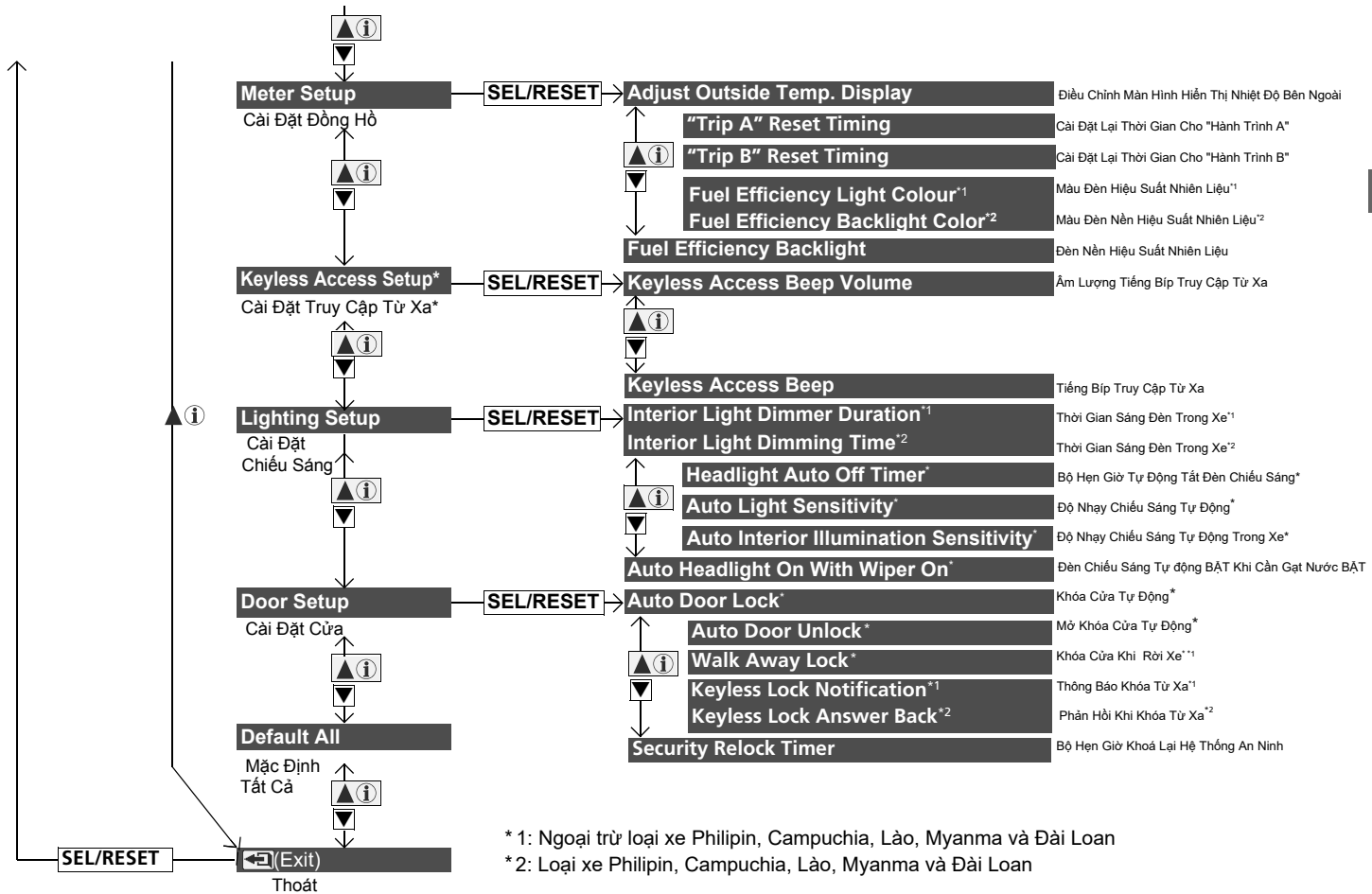
Driver Assist System Setup* → **SEL/RESET** → **City-Brake Active System**
 Cài Đặt Hệ Thống Hỗ Trợ Người Lái*
 Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố

Forward Collision Warning Distance*
 Cảnh Báo Khoảng Cách Va Chạm Phía Trước

Bảng Điều Khiển

* 1: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

* 2: Các loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan



Bảng Điều Khiển

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

* 1: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

* 2: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Clock Setup	Adjust Clock	Điều chỉnh thời gian ⏸ Điều Chỉnh Đồng hồ Tr. 160	—
	Clock Display	Cài đặt thời gian hiển thị 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.	24h/12h *1/ OFF (24h/12h*1/TẮT)
Speed Alarm*	Speed alarm setting *2	Cài đặt bật cảnh báo tốc độ và thay đổi cài đặt cảnh báo tốc độ.	Speed alarm 1 On (🔊🔊) Off (🔊🔊)*1 (Bật/Tắt cảnh báo tốc độ 1*1 [50 km/giờ])
			Speed alarm 2 On (🔊🔊)/ Off (🔊🔊)*1 (Bật/Tắt cảnh báo tốc độ 2*1 [80 km/giờ])
			Cài đặt tốc độ cảnh báo tốc độ 1 vượt quá 5 km/h với các bước 5 km/h
			Cài đặt tốc độ cảnh báo tốc độ 2 vượt quá 5 km/giờ với các bước 5 km/giờ

*1: Cài Đặt Mặc Định

*2: Bạn có thể tắt hoặc bật bộ cảnh báo tốc độ trong khi lái xe.

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan Deflation Warning System* Các loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan TPMS Calibrate*	—	Khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp/TPMS.	Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan Cancel/Initialise (Huỷ/Khởi Tạo) Các loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan Cancel/Calibrate (Huỷ/Hiệu Chính)
Driver Assist System Setup*	City-Brake Active System*	Bật và tắt các tính năng của hệ thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố	ON*¹/OFF (Bật* ¹ /Tắt)
	Forward Collision Warning Distance	Thay đổi khoảng cách cảnh báo va chạm phía trước, hoặc bật và tắt hệ thống cảnh báo.	Far/Normal*¹/Near/OFF (Xa/Bình Thường* ¹ /Gần/Tắt)

Bảng Điều Khiển

*1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
	Adjust Outside Temp. Display	Điều chỉnh nhiệt độ lên xuống vài độ.	-3°C ~ ±0°C*1 ~ +3°C
	“Trip A” Reset Timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian chạy A.	<p>Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan</p> <p>When Refueled/When Ignition Is Turned Off/Manual Reset*1 (Khi Nạp Nhiên Liệu/Khi Khoá Điện Tắt/Cài Đặt Lại Bằng Tay*1)</p> <p>Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan</p> <p>When Refueled/IGN Off/Manually Reset*1 (Khi Nạp Nhiên Liệu/Nếu Khoá Điện Tắt/Cài Đặt Lại Bằng Tay*1)</p>
Meter Setup	“Trip B” Reset Timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian chạy B.	<p>Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan</p> <p>When Refueled/When Ignition Is Turned Off/Manual Reset*1 (Khi Nạp Nhiên Liệu/Khi Khoá Điện Tắt/Cài Đặt Lại Bằng Tay*1)</p> <p>Các loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan</p> <p>When Refueled/IGN Off/Manually Reset*1 (Khi Nạp Nhiên Liệu/Nếu Khoá Điện Tắt/Cài Đặt Lại Bằng Tay*1)</p>
	<p>Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan</p> <p>Fuel Efficiency Light Colour</p> <p>Các loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan</p> <p>Fuel Efficiency Backlight Color</p>	Thay đổi màu sắc đèn viền đồng hồ	<p>White*1/Blue/Purple/Pink/Red/Amber/Yellow/Random</p> <p>(Trắng*1/Xanh Lam/Tím/Hồng/Đỏ/Hồ Phách/Vàng/ Ngẫu Nhiên)</p>
	Fuel Efficiency Backlight	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	ON*1/OFF (Bật*1/Tắt)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Keyless Access Setup*	Keyless Access Beep Volume	Thay đổi âm lượng tiếng bíp vang lên khi bạn cầm điều khiển từ xa và chạm vào tay nắm cửa trước.	High^{*1}/Low (Cao ^{*1} /Thấp)
	Keyless Access Beep	Phát ra tiếng bíp khi bạn mở khoá/khoá các cửa.	ON^{*1}/OFF (Bật ^{*1} /Tắt)
Lighting Setup	Interior Light Dimmer Duration <small>Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan</small>	Thay đổi thời gian sáng của đèn trong xe sau khi bạn đóng cửa.	60sec/30sec^{*1}/15sec (60 giây/30 giây ^{*1} /15 giây)
	Interior Light Dimming Time <small>Các loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan</small>		
	Headlight Auto Off Timer*	Thay đổi thời gian sáng của đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa người lái.	60sec/30sec/15sec^{*1}/ 0sec (60 giây/30 giây/15 giây ^{*1} /0 giây)
	Auto Light Sensitivity*	Thay đổi thời gian sáng của đèn chiếu sáng.	Max/High/Mid^{*1}/Low/Min (Cao Nhất/Cao/Trung Bình ^{*1} /Thấp/Thấp Nhất)
	Auto Interior Illumination Sensitivity*	Thay đổi độ nhạy của độ sáng của bảng điều khiển khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO .	Max/High/Mid^{*1}/Low/Min (Cao Nhất/Cao/Trung Bình ^{*1} /Thấp/Thấp Nhất)
	Auto Headlight On With Wiper On*	Thay đổi các cài đặt vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng tự động bật trong khi công tắc đèn chiếu sáng đang ở vị trí AUTO .	On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)

*1:Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Door Setup	Auto Door Lock*	Thay đổi cài đặt để khóa cửa tự động.	With Vehicle Speed**/Shift From P/OFF (Tốc Độ Xe**/Sang Số Từ P/Tắt)
	Auto Door Unlock*	Thay đổi cài đặt để mở khóa cửa tự động.	Shift To P**/IGN OFF/OFF (Sang Số Tới P**/Khóa Điện Tắt/Tắt)
	Walk Away Lock*	Thay đổi cài đặt cho chức năng khóa tự động khi bạn đi ra khỏi xe.	ON/OFF** (Bật/Tắt**)
	Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan		
	Keyless Lock Notification	KHÓA/MỞ KHÓA - Các đèn ngoài xe nhấp nháy.	ON**/OFF (Bật**/Tắt)
	Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan		
Keyless Lock Answer Back			
Security Relock Timer	Thay đổi thời gian để các cửa khoá lại và cài đặt lại hệ thống an ninh* sau khi bạn mở khoá xe mà không cần mở bất kỳ cửa nào.	90sec/60sec/30sec** (90 giây/60 giây/30 giây**)	

*1: Cài Đặt Mặc Định

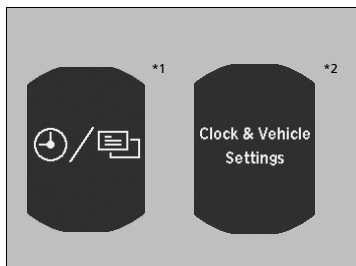
Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Default All	—	Hủy/Cài Đặt Lại tất cả các mục tùy chọn làm mặc định.	Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan Cancel/OK (Hủy/Đồng Ý) Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan Cancel/Set (Hủy/Cài Đặt)




*1: Cài Đặt Mặc Định

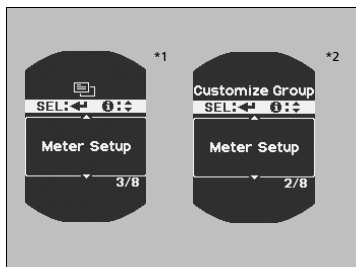
■ Ví dụ về cài đặt tùy chọn



Các bước thay đổi cài đặt “Trip A” Reset Timing (Hẹn Giờ Cài Đặt Lại "Hành Trình A") sang **When Refueled** (Khi Nạp Nhiên Liệu) hiển thị như bên dưới. Cài đặt mặc định cho “Trip A” Reset Timing là **Manual Reset** (Cài Đặt Lại Bằng Tay).

Bảng Điều Khiển



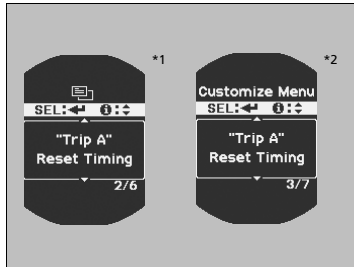
1. Ấn nút / cho đến khi  (tùy chọn cài đặt)/ **Clock & Vehicle Settings** xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn nút **SEL/RESET**



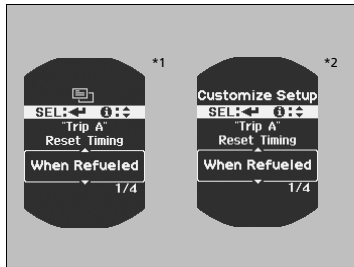
2. Ấn nút / cho đến khi **Meter Setup** xuất hiện trên màn hình hiển thị.
3. Ấn nút **SEL/RESET**.

*1: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

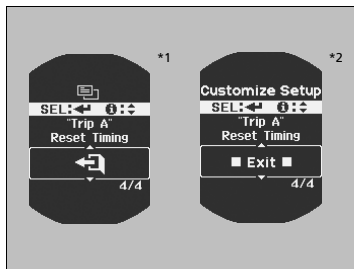
*2: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan



4. Ấn nút cho đến khi **“Trip A” Reset Timing** xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn nút **SEL/RESET**.
 ► Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, tại màn hình này bạn có thể chọn **When Refueled** (Khi Nạp Nhiên Liệu), **When Ignition Is Turned Off** (Khi Khóa Điện Tắt), **Manual Reset** (Cài Đặt Lại Bằng Tay), hoặc (Thoát)/**Exit**.



5. Ấn nút và chọn **When Refueled** (Khi Nạp Nhiên Liệu), sau đó ấn nút **SEL/RESET**.
 ► Màn hình **When Refueled Setup** (Cài Đặt Khi Nạp Nhiên Liệu) xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị trở lại màn hình danh mục tùy chọn.



6. Ấn nút cho đến khi (Thoát)/**Exit** xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn nút **SEL/RESET**.
 7. Lặp lại Bước 6 cho đến khi bạn quay trở lại màn hình ban đầu.

*1: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

*2: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan



Điều Khiển

Chương này mô tả cách điều khiển các vận hành khác nhau cần thiết khi lái xe.

Đồng Hồ	160
Khóa và Mở Khóa Cửa	
Loại Chìa Khóa và Chức Năng	165
Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu	168
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài ...	169
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong	178
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	181
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*	182
Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*	183
Cửa Hậu	187
Hệ Thống An Ninh	
Hệ Thống Chống Nổ Máy.....	190
Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh*	190

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mở và Đóng Cửa Kính Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh*	192
Vận Hành Công Tắc Quanh Vô Lãng	
Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa	
Khóa Điện	198
Loại xe có hệ thống truy cập từ xa	
Nút ENGINE START/STOP	199
So Sánh Khóa Điện và Chế Độ Nguồn	202
Xi Nhan	203
Công Tắc Đèn.....	204
Đèn Sương Mù*	209
Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*	211
Chiếu Xa Tự Động*	212
Đèn Ban Ngày*	214

Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính	215
Nút Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa*	219
Điều Chỉnh Độ Sáng	220
Điều Chỉnh Vô Lãng	222
Điều Chỉnh Gương	
Gương Chiếu Hậu Trong Xe	223
Gương Cửa Điện	224
Lăng Kính Phía Dưới Gương*	226
Điều Chỉnh Ghế Ngồi	
Ghế Trước	227
Ghế Sau	230
Đèn Trong Xe/Các Hạng Mục Tiện Ích Trong Xe	237
Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát*	250
Hệ Thống Điều Khiển Khí Hấp Ứ*	254

Đồng Hồ

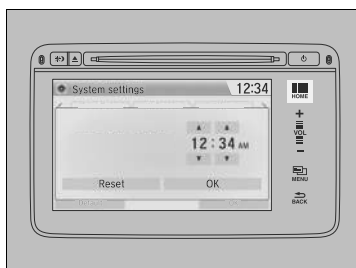
Điều Chỉnh Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian hiện trên màn hình đồng hồ khi khóa điện ở BẬT **II***1.

Điều Chỉnh Thời Gian

Loại xe có màn hình hiển thị âm thanh

Sử dụng danh mục cài đặt trên màn hình âm thanh/thông tin



1. Chọn **HOME**, sau đó chọn **Settings**.
2. Chọn **System, Clock**, sau đó chọn **Clock Adjustment**.
3. Điều chỉnh giờ và phút bằng cách chọn **▲** / **▼**.
4. Chọn **OK** để cài đặt thời gian.

Điều Chỉnh Đồng Hồ

Loại xe có màn hình hiển thị âm thanh

Đồng hồ trên màn hình hiển thị thông tin hoặc màn hình hiển thị đa thông tin được điều chỉnh tự động cùng với màn hình đồng hồ của hệ thống âm thanh.

Bạn có thể tùy chọn màn hình đồng hồ để hiển thị đồng hồ 12 tiếng hoặc 24 tiếng.

➔ **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 354**

Bạn có thể bật và tắt màn hình đồng hồ.

➔ **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 354**

Đồng hồ được tự động cập nhật khi điện thoại thông minh của bạn được kết nối với hệ thống âm thanh.







➔ **Kết Nối Điện Thoại Thông Minh Tr. 337**

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

■ Sử dụng nút MENU/CLOCK




1. Ấn và giữ nút **MENU/CLOCK**.
 - **Adjust Clock** được chọn.
2. Xoay  để thay đổi giờ, sau đó ấn .
3. Xoay  để thay đổi phút, sau đó ấn .
4. Để vào mục lựa chọn, xoay  và chọn **Set**, sau đó ấn .

» Điều Chỉnh Thời Gian

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Chỉ báo này được sử dụng để chỉ cách vận hành nút **LIST/SELECT** (Chọn).



Xoay  để chọn.

Ấn  để thực hiện.

Bạn có thể tùy chọn màn hình đồng hồ để hiển thị kiểu đồng hồ 12 tiếng hoặc 24 tiếng.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 347**

Bạn cũng có thể chọn **Adjust Clock** bằng cách ấn nút **MENU/CLOCK**.

Xoay  để chọn **Adjust Clock**, sau đó ấn .




Đồng hồ trên màn hình hiển thị thông tin được tự động điều chỉnh cùng với màn hình đồng hồ của hệ thống âm thanh.

Loại xe không có hệ thống màn hình âm thanh màu và màn hình hiển thị âm thanh





Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

■ Sử dụng nút trên màn hình hiển thị thông tin



1. Ấn đi ấn lại nút  (chọn/cài đặt lại) để hiển thị điều chỉnh đồng hồ.
 - Màn hình đồng hồ bắt đầu nhấp nháy.
2. Xoay nút  để điều chỉnh thời gian.
 - Xoay sang phải để tăng số phút.
Số chỉ giờ tăng lên thêm một đơn vị sau khi chỉnh số phút qua số 59.
 - Xoay sang trái để giảm số phút.
Số chỉ giờ giảm xuống một đơn vị sau khi chỉnh số phút qua số 00.
3. Ấn  để cài đặt thời gian.

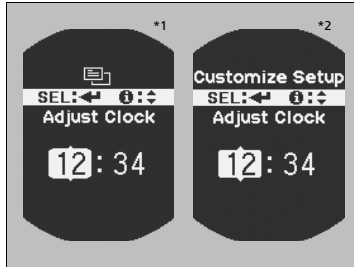
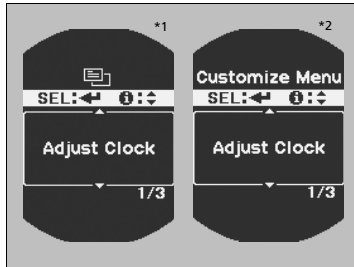
■ Thay đổi màn hình đồng hồ

1. Ấn đi ấn lại nút  để hiển thị điều chỉnh đồng hồ.
2. Ấn và giữ nút . Cài đặt màn hình đồng hồ sẽ thay đổi.
 - Ấn nút  để thay đổi kiểu cài đặt **12h**, **24h** và **OFF**.
 - Chọn **OFF** để tắt màn hình đồng hồ trên màn hình hiển thị thông tin.
3. Ấn nút  để nhập lựa chọn của bạn.

Loại xe không có hệ thống màn hình âm thanh màu và màn hình hiển thị âm thanh

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

■ **Sử dụng cài đặt tùy chọn trên màn hình hiển thị đa thông tin**

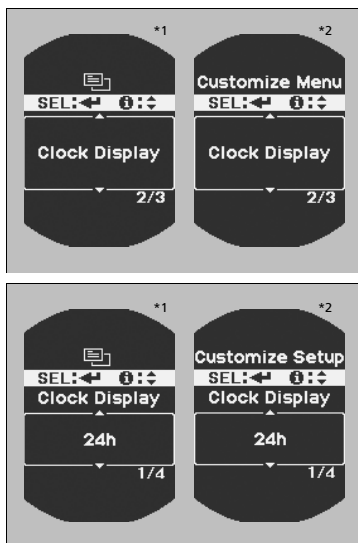


1. Ấn nút để chọn màn hình (Cài Đặt Tùy chọn)^{*1}/**Clock & Vehicle Settings**^{*2}.
2. Ấn nút **SEL/RESET** để vào phần cài đặt **Clock Setup**.
3. Ấn nút **SEL/RESET** để vào phần cài đặt **Adjust Clock**.
4. Ấn nút **SEL/RESET**. Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.
 - ▶ Số chỉ giờ nhấp nháy.
5. Ấn nút để điều chỉnh tăng hoặc giảm số.
6. Ấn nút **SEL/RESET** để nhập sự lựa chọn của bạn.
 - ▶ Số chỉ phút nhấp nháy.
7. Ấn nút để điều chỉnh tăng hoặc giảm số.
8. Ấn nút **SEL/RESET** để nhập sự lựa chọn của bạn.
 - ▶ Màn hình sẽ trở lại màn hình danh mục.

*1: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

*2: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

■ Thay đổi màn hình đồng hồ



1. Thực hiện theo bước 1 và 2 ở trang trước.
2. Ấn nút **SEL/RESET**.
3. Ấn nút **▲①/▼** để chọn màn hình **Clock Display**.

4. Ấn nút **SEL/RESET**. Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.
5. Ấn nút **▲①/▼** để chọn kiểu cài đặt màn hình **24h, 12h** và **Off**.
 - Chọn **Off** để tắt màn hình đồng hồ trên màn hình hiển thị đa thông tin.
6. Ấn nút **SEL/RESET** để nhập sự lựa chọn của bạn.
 - Màn hình sẽ trở lại màn hình danh mục.

*1: Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

*2: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

Khoá và Mở Khóa Cửa

Loại Chìa Khóa và Chức Năng

Xe này có những chìa khoá sau:

Sử dụng chìa khoá để khởi động, dừng động cơ và để khoá, mở khoá tất cả các cửa và cửa hậu. Bạn cũng có thể khoá và mở khoá các cửa và cửa hậu bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại Chìa Khóa và Chức Năng

Tất cả các chìa khoá đều có hệ thống chống nổ máy. Hệ thống chống nổ máy giúp bảo vệ xe khỏi bị trộm cắp.

Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 190

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh nắng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc đặt vật nặng lên nó.
- Không để chìa khóa dính các chất lỏng, bụi bẩn hay cát.
- Không tháo rời các bộ phận chìa khóa ra, trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hư hỏng, động cơ có thể không khởi động được và bộ truyền tín hiệu từ xa/hệ thống truy cập từ xa* có thể không hoạt động.

Nếu chìa khóa không hoạt động đúng, hãy mang chìa khóa đến đại lý để kiểm tra.

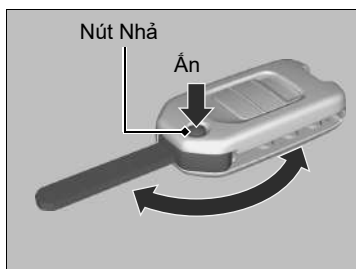
■Chìa Khóa Tích Hợp*



Chìa khóa tích hợp có thể được sử dụng để khóa/mở khóa các cửa và cửa hậu* khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu và không thể khóa/mở khóa cửa được.

Để tháo chìa khóa tích hợp, trượt lấy nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, đẩy chìa khóa tích hợp vào trong chìa khóa điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

■Chìa Khóa Có Thẻ Gập*



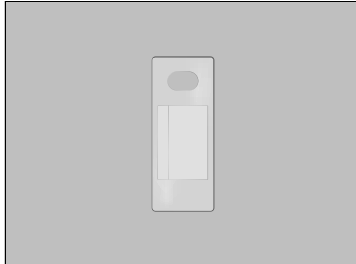
Chìa khóa gập vào bên trong bộ truyền tín hiệu từ xa.

1. Ấn nút nhả để bật chìa khóa ra khỏi bộ truyền tín hiệu từ xa.
 - Đảm bảo chìa khóa phải được kéo ra hoàn toàn.
2. Để gập chìa khóa, ấn nút nhả sau đó gập chìa khóa vào bên trong bộ truyền tín hiệu từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

»Chìa Khóa Có Thẻ Gập*

Nếu chìa khóa không được kéo ra hoàn toàn, hệ thống chống nổ máy có thể không hoạt động chính xác và động cơ có thể không khởi động được. Tránh để chìa khóa bị va đập mỗi khi kéo ra hoặc rút lại.

■ Nhãn Mã Số Chia Khoá



Chứa mã số mà bạn sẽ cần nếu bạn mua một cái thay thế.

▣Nhãn Mã Số Chia Khoá

Cất giữ nhãn mã số chia khoá tách biệt với chìa khoá tại một nơi an toàn bên ngoài xe. Nếu bạn muốn mua thêm một chìa khoá nữa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu bạn mất chìa khoá và bạn không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu*

Xe truyền tín hiệu sóng radio để định vị chìa khóa điều khiển từ xa khi khóa/mở khóa các cửa và cửa hậu hoặc để khởi động động cơ.

Trong các trường hợp sau, việc khóa/mở khóa các cửa và cửa hậu hoặc khởi động động cơ có thể bị hạn chế hoặc vận hành không ổn định:

- Có một thiết bị gần đó đang phát sóng radio mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa cùng với các thiết bị truyền thông, máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang chạm vào hoặc phủ lên chìa khóa điều khiển từ xa.

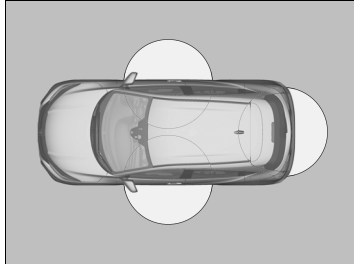
Điều Khiển

☒ Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu*

Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa. Tuổi thọ pin được khoảng hai năm, nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng. Pin tiêu thụ điện mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa nhận được sóng radio. Tránh để chìa khóa gần các thiết bị điện tử như ti vi và máy tính cá nhân.

Khoá/Mở Khoá Cửa từ Bên Ngoài

■ Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*



Khi cầm chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khoá/mở khoá các cửa và cửa hậu. Bạn có thể khoá/mở khoá cửa trong bán kính 80 cm tính từ tay nắm bên ngoài cửa và nút mở cửa hậu.

► Khoá/Mở khoá Cửa từ Bên Ngoài

Nếu công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa, đèn trong xe sẽ sáng khi bạn mở khóa cửa và cửa hậu.
Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây.
Các cửa và cửa hậu bị khóa lại: Đèn tắt ngay lập tức.

► Đèn Trong Xe Tr. 237

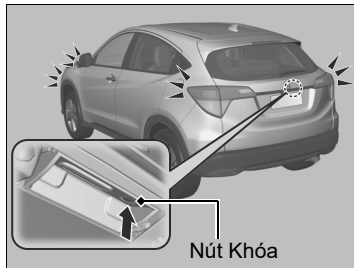
► Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*

Nếu bạn không mở cửa hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng hệ thống truy cập từ xa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở các cửa bằng hệ thống truy cập từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang theo bên mình.
- Thậm chí nếu bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khoá/mở khóa các cửa và cửa hậu khi ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa trong phạm vi cho phép.
- Cửa có thể được mở khóa nếu tay cầm cửa bị dính nước khi trời mưa to hoặc khi rửa xe nếu chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm vào tay cầm cửa trước, cảm biến cửa có thể phản hồi chậm hoặc không phản hồi khi mở khóa cửa.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



■ Khoá các cửa và cửa hậu

Ấn nút khóa cửa trên cửa trước hoặc trên cửa hậu.

► Một số đèn ngoài xe nháy ba lần; tiếng bíp vang lên; tất cả các cửa và cửa hậu khoá; và hệ thống an ninh* được thiết lập.

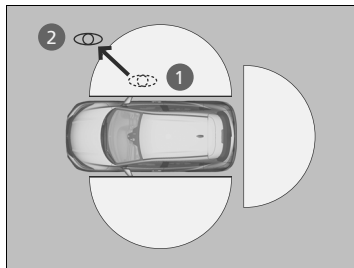
►►Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*

- Sau khi khoá cửa, phải mất hai giây sau bạn mới có thể kéo tay nắm cửa để xác nhận xem cửa đã khoá chưa. Nếu bạn muốn mở cửa ngay sau khi khoá cửa, đợi ít nhất hai giây trước khi nắm tay nắm cửa, nếu không sẽ không mở được khóa cửa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo nó ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và chắc chắn rằng cửa được mở khóa trước khi kéo tay nắm.
- Bạn không thể khoá/mở khoá cửa và cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa nếu hướng nó lên trên cao hoặc xuống dưới thấp hơn so với tay nắm ngoài cho dù nó vẫn trong bán kính 80 cm.
- Chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu nó ở quá gần cửa hoặc kính cửa.

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin để có thể tùy chọn cài đặt tiếng bíp cảnh báo.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147**



■ Khoá các cửa và cửa hậu (Khoá tự động khi ra khỏi xe)*

Khi bạn ra khỏi xe và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khoá.

Chức năng khoá cửa tự động sẽ được kích hoạt khi tất cả các cửa và cửa hậu đều đóng và chìa khóa điều khiển từ xa cách tay nắm ngoài 1,5 mét.

Hãy ra khỏi xe, mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng (các) cửa và cửa hậu.

1. Cách xe khoảng 1,5 m.

► Tiếng bíp vang lên, chức năng khoá cửa tự động sẽ được kích hoạt.

2. Mang chìa khóa điều khiển từ xa ra ngoài xe cách xe hơn 1,5 mét và duy trì ngoài phạm vi này khoảng từ 2 giây trở lên.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy; tiếng bíp vang lên; sau đó tất cả các cửa và cửa hậu sẽ khoá.

►► Khoá cửa và cửa hậu (Khoá tự động khi ra khỏi xe)*

Chức năng khoá cửa tự động được cài đặt ở chế độ TẮT là cài đặt mặc định của nhà máy. Chức năng khoá cửa tự động có thể được cài đặt ở chế độ BẬT bằng cách sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin.

Nếu bạn đặt chức năng khoá cửa tự động ở chế độ BẬT bằng cách sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin, chỉ bộ truyền tín hiệu từ xa được sử dụng để mở cửa người lái trước khi thay đổi cài đặt mới có thể kích hoạt khóa tự động.

► **Tính Năng Tuỳ Chọn Tr. 147**

Sau khi chức năng khoá cửa tự động được kích hoạt, khi bạn ở trong phạm vi vận hành khóa/mở khóa, đèn báo trên chìa khóa điều khiển từ xa sẽ liên tục nhấp nháy cho tới khi các cửa và cửa hậu được khóa.

Khi bạn ở bên cạnh xe trong phạm vi cho phép, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa trong thời gian xấp xỉ 30 giây sau khi chức năng khóa cửa tự động kích hoạt bộ phát tiếng bíp.

Khi bạn mở một cửa hoặc cửa hậu sau khi chức năng khóa cửa tự động kích hoạt bộ phát tiếng bíp, chức năng khóa cửa tự động sẽ bị tạm dừng hoạt động cho đến khi tất cả các cửa hoặc cửa hậu được đóng.

Khi tất cả các cửa và cửa hậu được đóng và chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe, hoặc nếu chìa khóa điều khiển từ xa không được phát hiện khi cách xe 1,5 m, chức năng khóa cửa tự động sẽ không được kích hoạt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tạm thời hủy kích hoạt chức năng:

1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT.
2. Mở cửa người lái.
3. Sử dụng công tắc khóa cửa chính, vận hành khóa như sau:
Khóa→Mở Khóa→Khóa→Mở Khóa.
► Tiếng bíp vang lên và chức năng khóa cửa tự động bị hủy.

Để khôi phục chức năng:

- Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
- Khóa xe mà không sử dụng chức năng khóa cửa tự động.
- Khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, hãy di chuyển ra khỏi phạm vi hoạt động của chức năng khóa cửa tự động.
- Mở bất kỳ cửa nào.

►►Khóa cửa và cửa hậu (Khóa tự động khi ra khỏi xe)*

Chức năng khóa cửa tự động sẽ không vận hành khi xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây.

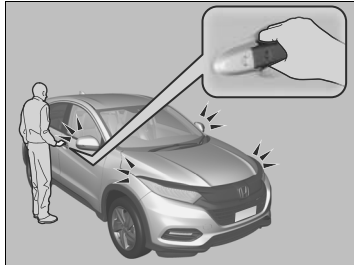
- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
- Một cửa, cửa hậu hoặc nắp ca pô không được đóng.
- Chế độ nguồn được đặt ở bất kỳ chế độ nào trừ chế độ TẮT.
- Chìa khóa điều khiển từ xa ở cách xe khoảng hơn 1,5 m khi bạn ra khỏi xe và đóng các cửa và cửa hậu.

Chức năng khóa cửa tự động ngừng kích hoạt bộ phát tiếng bíp

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt, chức năng khóa cửa tự động ngừng kích hoạt bộ phát tiếng bíp trong khoảng hai giây trong những trường hợp sau.

- Đưa chìa khóa điều khiển từ xa vào bên trong xe qua cửa kính.
- Bạn đứng quá gần xe.
- Để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý.

Nếu tiếng bíp cảnh báo vang lên, hãy kiểm tra để đảm bảo bạn đang cầm chìa khóa điều khiển từ xa. Sau đó mở/đóng một cửa và xác nhận chức năng khóa cửa tự động kích hoạt và tiếng bíp cảnh báo vang lên một lần.



■ Mở Khoá Các Cửa và Cửa Hậu

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Nắm tay cầm cửa trước:

- Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe sẽ nháy một lần và tiếng bíp vang lên.

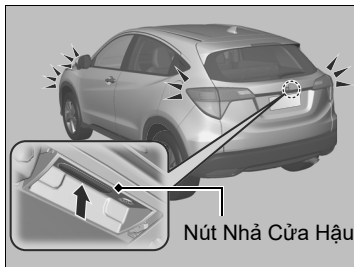
Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Nắm tay nắm cửa người lái:

- Cửa người lái được mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe sẽ nháy một lần và tiếng bíp vang lên một lần.

Nắm tay nắm cửa hành khách trước:

- Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe sẽ nháy một lần và tiếng bíp vang lên một lần.



Ấn nút mở cửa hậu:

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

- Tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

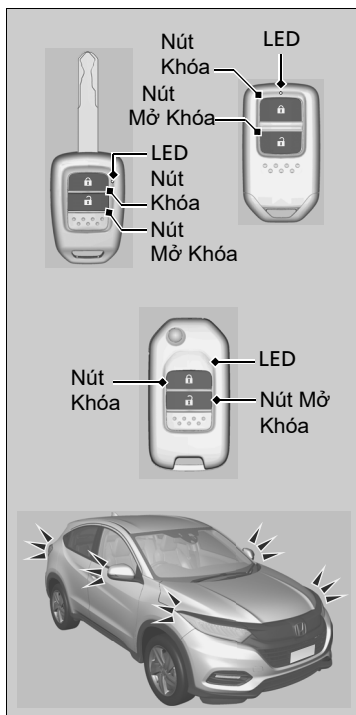
- Cửa hậu mở khóa.

Tất cả các loại xe

- Một số đèn ngoài xe nháy một lần và tiếng bíp vang lên một lần.

► **Mở/Đóng Cửa hậu** Tr. 188

■ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa



■ Khoá các cửa và cửa hậu

Ấn nút khoá.

- Một số đèn ngoài xe nháy ba lần, tất cả các cửa và cửa hậu được khoá và hệ thống an ninh* được thiết lập.

►► Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

Nếu bạn không mở cửa hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng bộ truyền tín hiệu từ xa, thì các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ khóa lại.

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 147

■ Mở khoá cửa và cửa hậu

Ấn nút mở khoá.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

- Một số đèn ngoài xe nháy một lần và tất cả các cửa và cửa hậu mở khoá.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Một lần:

- Một số đèn ngoài xe nháy một lần và cửa người lái mở khoá.

Hai lần:

- Các cửa còn lại và cửa hậu mở khoá.

✕ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

Bộ truyền tín hiệu từ xa sử dụng tín hiệu tần số thấp, vì vậy phạm vi hoạt động phụ thuộc vào môi trường xung quanh.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Bộ truyền tín hiệu từ xa sẽ không hoạt động khi chìa khoá đang cắm trong ổ khoá điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Bạn chỉ có thể khoá và mở khoá các cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Bộ truyền tín hiệu từ xa sẽ không thể khoá xe khi các cửa hoặc cửa hậu đang mở.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Bộ truyền tín hiệu từ xa sẽ không thể khoá xe khi một cửa đang mở.

Tất cả các loại xe

Nếu khoảng cách hoạt động của bộ truyền tín hiệu từ xa thay đổi, có thể do pin yếu.

Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, có thể do pin điều khiển bị hết điện.

➔ **Thay Pin Cúc** Tr. 560

■ Khoá/Mở Khoá Cửa Bằng Chìa Khóa

Nếu nút khoá hoặc mở khoá của bộ truyền tín hiệu từ xa không hoạt động, hãy dùng chìa khóa thay cho bộ truyền tín từ hiệu từ xa.



Cắm hết cỡ chìa khoá vào ổ và xoay nó.

Điều Khiển

►► Khoá/Mở Khoá Cửa Bằng Chìa Khóa

Khi bạn khoá cửa người lái bằng chìa khoá, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khoá cùng một lúc.

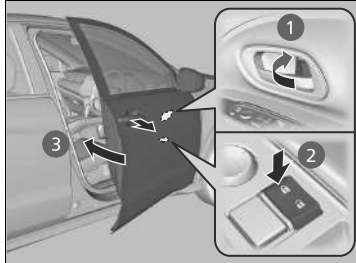
Loại xe Mỹ La-tinh

Khi bạn mở khoá cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khoá cùng một lúc.

Loại xe có hệ thống cảnh báo an ninh ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh

Mở khoá các cửa bằng chìa khóa sẽ làm cho hệ thống an ninh phát cảnh báo. Luôn mở khoá cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa.

■ Khoá Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa



Nếu bạn không mang theo chìa khóa hoặc vì lý do nào đó mà bạn không thể khóa được cửa bằng chìa khóa, bạn vẫn có thể khóa cửa mà không cần chìa khóa.

■ Khoá cửa người lái

Đẩy tay khóa về phía trước ❶ hoặc đẩy công tắc khóa cửa chính* theo hướng khóa ❷, sau đó kéo và giữ tay nắm bên ngoài cửa ❸. Đóng cửa, sau đó thả tay ra.

■ Khoá cửa hành khách

Đẩy tay khóa về phía trước và đóng cửa.

■ Hệ thống chống khóa cửa

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Không thể khoá các cửa và cửa hậu khi chìa khóa đang cắm trong ổ khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Không thể khoá các cửa và cửa hậu khi để chìa khóa điều khiển từ xa trong xe.

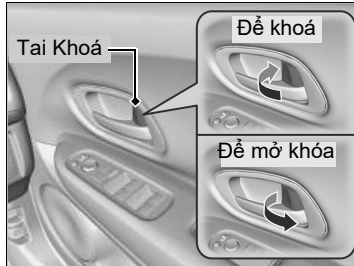
⊠ Khoá Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Khi bạn khoá cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng một lúc. Trước khi khóa cửa, hãy đảm bảo không để chìa khóa trong xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Khoá/Mở Khoá Cửa từ Bên Trong

■ Sử Dụng Tai Khóa



■ Khoá cửa

Đẩy tai khóa về phía trước.

■ Mở khoá cửa

Kéo tai khóa về phía sau.

»» Sử Dụng Tai Khóa

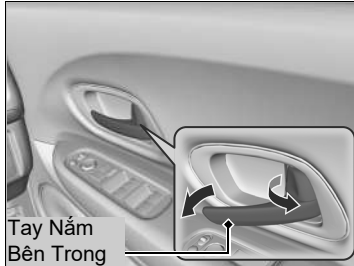
Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Khi bạn khoá/mở khoá cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khoá/mở khoá cùng lúc.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Khi bạn khoá cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khoá cùng lúc. Khi bạn mở khoá cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, chỉ có cửa người lái mở khoá.

■ Mở Khoá Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Người Lái



Kéo tay nắm bên trong cửa người lái.

- Cửa sẽ được mở khoá và mở cùng một lúc.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải và loại xe Mỹ La-tinh

Cửa hành khách phía trước cũng sẽ được mở khoá và mở cùng một lúc.

► Mở Khoá Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Người Lái

Tay nắm bên trong cửa người lái và hành khách trước* được thiết kế cho phép người ngồi ghế trước mở các cửa cùng lúc.

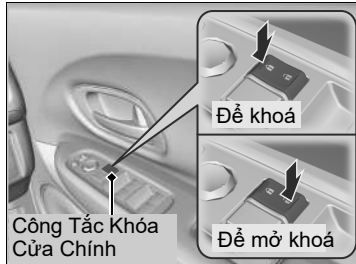
Tuy nhiên tính năng này yêu cầu người ngồi ghế trước không kéo tay nắm bên trong cửa trong khi xe đang di chuyển.

Trẻ em luôn phải ngồi ghế sau có khóa phòng ngừa trẻ em.

► **Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em** Tr. 181

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính*



Ấn công tắc khóa cửa chính như mô tả để khoá và mở khoá tất cả các cửa và cửa hậu.

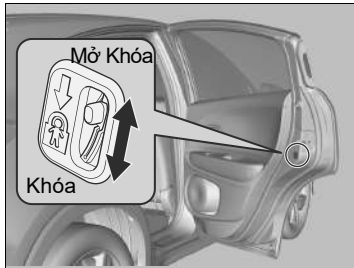
►► Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính*

Khi bạn khoá/mở khoá cửa người lái bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khoá/mở khoá cùng một lúc.

Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Khóa phòng ngừa trẻ em ngăn không cho các cửa phía sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tai khóa ở đâu.

■ Cài Đặt Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em



Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

■ Khi mở cửa

Mở cửa bằng tay nắm bên ngoài cửa.

▣ Khoá Phòng Ngừa Trẻ Em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa phòng ngừa trẻ em bật, gạt tai khóa đến vị trí mở khóa, hạ kính cửa sau, đưa tay bạn ra bên ngoài cửa sổ, và kéo tay nắm bên ngoài cửa.

Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động*

Xe của bạn sẽ tự động khoá tất cả các cửa hoặc mở khoá tất cả các cửa/cửa người lái khi đáp ứng một số điều kiện nhất định.

Khoá Cửa Tự Động

■ Chế độ khoá khi lái xe

Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ khoá khi tốc độ xe đạt 15 km/h.

Mở Khoá Cửa Tự Động

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Chế độ mở khoá khi đỗ xe

Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi gạt cần số đến **P** và nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe Châu Phi

Cửa người lái mở khoá khi gạt cần số đến **P** và nhấn bàn đạp phanh. Có thể chuyển sang chế độ cài đặt mở khoá tất cả các cửa.

Loại xe có hộp số thường

■ Chế độ mở khoá khi xoay khoá điện

Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi xoay khoá điện ra khỏi vị trí **BẬT II**.

►►Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động*

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khoá/mở khoá cửa tự động khác bằng cách sử dụng công tắc khoá cửa chính.

► Tuỳ Chọn Cài Đặt Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động* Tr. 183

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khoá/mở khoá cửa tự động khác bằng cách sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin.

► Tính Năng Tuỳ Chọn Tr. 147

Tuỳ Chọn Cài Đặt Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động*

Bạn có thể tuỳ chọn cài đặt khoá/mở khoá cửa tự động theo ý muốn sử dụng công tắc khoá cửa chính.

■ Danh Sách Các Tuỳ Chọn Cài Đặt Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động

■ Khoá cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả
Drive Lock Mode¹ (Chế Độ Khoá Khi Lái Xe¹)	Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ khoá khi tốc độ xe đạt 15 km/h.
Loại xe có hộp số vô cấp Park Lock Mode (Chế Độ Khoá Khi Đỗ Xe)	Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ khoá khi nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số ra khỏi [P] .
Tắt	Khoá cửa tự động ngừng kích hoạt mọi lúc.

■ Mở khoá cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả		
Loại xe có hộp số vô cấp Park Unlock Mode (Chế Độ Mở Khoá Khi Đỗ Xe)	<table border="0"> <tr> <td>Ngoại trừ loại xe Châu Phi Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi gạt cần số đến [P] và nhấn bàn đạp phanh^{*2}.</td> <td>Loại xe Châu Phi Cửa người lái mở khoá^{*1}/Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi gạt cần số đến [P] và nhấn bàn đạp phanh.</td> </tr> </table>	Ngoại trừ loại xe Châu Phi Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi gạt cần số đến [P] và nhấn bàn đạp phanh ^{*2} .	Loại xe Châu Phi Cửa người lái mở khoá ^{*1} /Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi gạt cần số đến [P] và nhấn bàn đạp phanh.
Ngoại trừ loại xe Châu Phi Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi gạt cần số đến [P] và nhấn bàn đạp phanh ^{*2} .	Loại xe Châu Phi Cửa người lái mở khoá ^{*1} /Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi gạt cần số đến [P] và nhấn bàn đạp phanh.		
Loại xe Châu Phi Ignition Switch Unlock Mode (Chế Độ Mở Khoá Khi Xoay Khoá Điện)	<table border="0"> <tr> <td>Loại xe Châu Phi Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi xoay khoá điện ra khỏi vị trí BẬT [II]^{*3,*4}.</td> <td>Loại xe Châu Phi Cửa người lái mở khoá/Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi xoay khoá điện ra khỏi vị trí [II]^{*4}.</td> </tr> </table>	Loại xe Châu Phi Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi xoay khoá điện ra khỏi vị trí BẬT [II] ^{*3,*4} .	Loại xe Châu Phi Cửa người lái mở khoá/Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi xoay khoá điện ra khỏi vị trí [II] ^{*4} .
Loại xe Châu Phi Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi xoay khoá điện ra khỏi vị trí BẬT [II] ^{*3,*4} .	Loại xe Châu Phi Cửa người lái mở khoá/Tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khoá khi xoay khoá điện ra khỏi vị trí [II] ^{*4} .		
Tắt	Mở khoá cửa tự động ngừng kích hoạt mọi lúc.		

*1: Cài đặt mặc định


*2: Cài đặt mặc định cho loại xe có hộp số vô cấp

*3: Cài đặt mặc định cho loại xe có hộp số thường

*4: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Bước Tùy Chọn để Khoá Cửa Tự Động

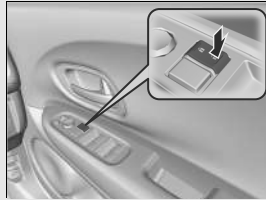
Bước	Chế Độ Khoá Khi Lái Xe	Chế Độ Khoá Khi Đỗ Xe* ¹	Tắt
1	Nhấn phanh đỗ. Gạt cần số đến P * ¹ .		
2	Xoay khoá điện đến BẬT II * ² . Ấn nút ENGINE START/STOP hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh* ³ .		
3	Ở bước này, phải đóng cửa người lái.		Mở cửa người lái.
4	Gạt cần số ra khỏi P * ¹ đồng thời nhấn bàn đạp phanh.		—
5	Ấn và giữ nút khóa cửa công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn 5 giây cho đến khi nghe thấy tiếng tách thì nhả công tắc.		
			
6	Gạt cần số đến P * ¹ .		—
7	Xoay khóa điện đến KHÓA 0 trong vòng 20 giây* ² . Ấn nút ENGINE START/STOP một lần mà không nhấn bàn đạp phanh trong 20 giây* ³ . ► Hoàn thành tùy chọn.		

* 1: Chỉ với loại xe có hộp số vô cấp

* 2: Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

* 3: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

■ Các Bước Tuỳ Chọn Để Mở Khoá Cửa Tự Động

Bước	Chế Độ Mở Khoá Khi Xoay Khoá Điện		Chế Độ Mở Khoá Khi Đỗ Xe* ²		Tắt
	Để mở khóa cửa người lái* ¹	Để mở khóa tất cả các cửa	Để mở khóa cửa người lái* ¹	Để mở khóa tất cả các cửa	
1	Nhấn phanh đỗ. Đảm bảo cần số ở P ² .				
2	Xoay khoá điện đến BẬT II ³ . Ấn nút ENGINE START/STOP hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh ⁴ .				
3	Ở bước này, phải đóng cửa người lái.				Mở cửa người lái.
4	Gạt cần số ra khỏi P đồng thời nhấn bàn đạp phanh ² .		—		
5	Ấn và giữ phần sau của cửa công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn 5 giây cho đến khi nghe thấy tiếng tách. 				

*1: Chỉ với loại xe Châu Phi

*2: Chỉ với loại xe có hộp số vô cấp

*3: Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

*4: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Bước	Chế Độ Mở Khoá Khi Xoay Khoá Điện		Chế Độ Mở Khoá Khi Đỗ Xe* ²		Tắt
	Để mở khoá cửa người lái* ¹	Để mở khoá tất cả các cửa	Để mở khoá cửa người lái* ¹	Để mở khoá tất cả các cửa	
6.	Nhả công tắc.	Ngoại trừ loại xe Châu Phi Nhà công tắc. Loại xe Châu Phi Tiếp tục giữ công tắc thêm 5 giây cho đến khi nghe thấy 1 tiếng tách nữa.	Nhả công tắc.	Ngoại trừ loại xe Châu Phi Nhà công tắc. Loại xe Châu Phi Tiếp tục giữ công tắc thêm 5 giây cho đến khi nghe thấy 1 tiếng tách nữa.	Nhả công tắc.
7.	Gạt cần số đến P * ² . —				
8.	Xoay khoá điện đến KHÓA 0 trong vòng 20 giây* ³ . Ấn nút ENGINE START/STOP hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh trong 20 giây* ⁴ . ► Hoàn thành tùy chọn.				

*1: Chỉ với loại xe Châu Phi

*2: Chỉ với loại xe có hộp số vô cấp

*3: Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

*4: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Cửa Hậu

Lưu Ý khi Mở/Đóng Cửa Hậu

Luôn đảm bảo mọi người và các đồ vật tránh xa cửa hậu trước khi mở hoặc đóng nó.

- Mở cửa hậu hết cỡ.
 - ▶ Nếu cửa hậu không mở hết, nó sẽ tự đóng lại do trọng lượng của nó.
- Cẩn thận khi trời có gió. Gió có thể làm cửa hậu sập xuống.

Đóng cửa hậu trong khi lái xe để:

- ▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.
- ▶ Ngăn không cho khí xả lọt vào xe.
 - ☑ **Khí CO** Tr. 96

ⓘ Lưu Ý khi Mở/Đóng Cửa Hậu

⚠ CẢNH BÁO

Nếu ai đó bị kẹt trong khi mở hoặc đóng cửa hậu thì người đó có thể bị trọng thương.

Luôn đảm bảo mọi người và các đồ vật ở xa cửa hậu trước khi mở hoặc đóng nó.

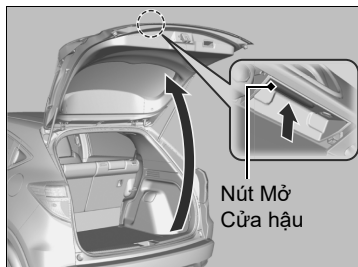
Luôn mang theo chìa khóa mỗi khi ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Cẩn thận không để đầu va vào cửa hậu hoặc không để tay vào giữa cửa hậu và khoang hành ký khi đóng cửa hậu.

Khi bạn đang cất hành lý hoặc dỡ hành lý ra khỏi khoang hành lý trong khi động cơ đang chạy không tải, không được đứng trước ống xả. Bạn có thể bị bỏng.

Không để bất kỳ hành khách ngồi trong khu vực để hành lý. Họ có thể bị thương khi phanh gấp, tăng ga đột ngột, hoặc khi có va chạm.

Mở và Đóng Cửa Hậu



Nút Mở
Cửa hậu

Khi mở khoá tất cả các cửa hoặc ấn nút mở khoá cửa hậu* trên bộ truyền tín hiệu từ xa, cửa hậu sẽ mở khoá. Ấn nút nhả cửa hậu và nâng để mở cửa hậu.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn không cần mở khoá cửa hậu trước khi mở.

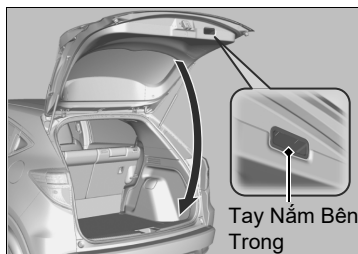
Tất cả các loại xe

Để đóng cửa hậu, nắm vào tay nắm bên trong, kéo cửa hậu xuống và đẩy để đóng từ bên ngoài.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Nếu bạn đóng cửa hậu khi cửa người lái vẫn khoá, cửa hậu sẽ tự động khoá lại.

► Một số đèn ngoài xe sẽ nháy ba lần.



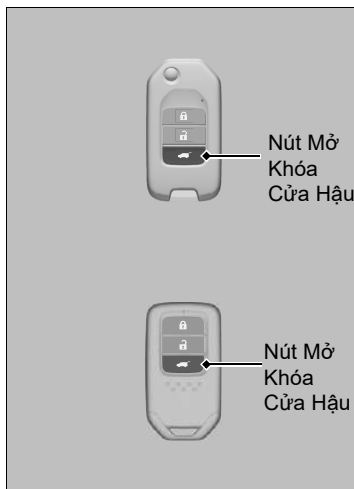
Tay Nắm Bên
Trong

►► Mở và Đóng Cửa Hậu

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang theo bên mình.
- Thậm chí nếu bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể mở khoá cửa hậu khi ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa trong phạm vi cho phép.
- Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý và đóng cửa hậu. Sẽ không thể đóng được cửa hậu.

■ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa*



Ấn nút mở khóa cửa hậu để mở nó.

☒ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa*

Bạn đã mở khóa và mở được cửa hậu bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc chìa khóa điều khiển từ xa. Khi đóng, cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống An Ninh

Hệ Thống Chống Nổ Máy

Hệ thống chống nổ máy giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký trước. Mỗi chìa khóa có gắn bộ truyền tín hiệu điện tử, bộ này sử dụng những tín hiệu điện tử để xác minh mã chìa khóa.

Chú ý những điểm sau khi tra chìa khóa vào ổ khóa hoặc ấn nút **ENGINE START/STOP**:

- Không để những vật có sóng radio mạnh gần khóa điện hoặc nút **ENGINE START/STOP**.
- Đảm bảo chìa khóa không bị che hay chạm vào những vật thể bằng kim loại.
- Không để chìa khóa của một xe khác có lắp hệ thống chống nổ máy gần khóa điện hoặc nút **ENGINE START/STOP**.
- Không để chìa khóa gần các vật có từ tính. Các thiết bị điện tử như tivi và các hệ thống âm thanh tạo ra các từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh*

Hệ thống cảnh báo an ninh được kích hoạt khi cửa hậu, nắp ca-pô hoặc các cửa được mở mà không dùng chìa khóa*, bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được kích hoạt

Còi kêu từng hồi và một số đèn ngoài xe nhấp nháy.

■ Huỷ kích hoạt hệ thống cảnh báo an ninh

Mở khóa xe bằng chìa khóa (loại xe Mỹ La-tinh), bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*, hoặc xoay khóa điện đến BẬT **II***¹. Hệ thống cùng với còi và đèn đang nhấp nháy sẽ ngừng hoạt động.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

»Hệ Thống Chống Nổ Máy

CHÚ Ý

Để chìa khóa trên xe có thể bị mất trộm hoặc vô tình làm xe di chuyển.
Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi bạn rời khỏi xe.

Nếu hệ thống liên tục không nhận mã chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý. Nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động xe, hãy liên hệ với đại lý.

Không thay đổi hệ thống hoặc gắn thêm thiết bị khác vào. Làm như vậy có thể làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

»Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh*

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào. Làm vậy có thể làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tiếp tục cảnh báo trong xấp xỉ 5 phút trước khi hệ thống an ninh ngừng hoạt động.

Hệ thống sẽ tiến hành đủ 10 chu kỳ, mỗi chu kỳ 30 giây, khi đó còi sẽ kêu và đèn cảnh báo hệ thống an ninh sẽ nhấp nháy.

Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong vòng hơn 5 phút.

■ Cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh tự động thiết lập trong những trường hợp sau:

- Khoá điện ở KHÓA 0^{*1}.
- Nắp ca-pô đã đóng.
- Tất cả các cửa và cửa hậu được khoá từ bên ngoài bằng chìa khoá, bộ truyền tín hiệu từ xa, hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Chìa khoá đã được rút ra khỏi ổ khoá điện.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập

Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh trên bảng điều khiển sẽ nhấp nháy và thời gian nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây.

■ Hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh được hủy khi xe được mở khoá bằng chìa khoá (loại xe Mỹ La-tinh), bộ truyền tín hiệu từ xa, hệ thống truy cập từ xa* hoặc khi xoay khoá điện đến BẬT II^{*1}. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh cũng sẽ tắt.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh*

Không cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh khi có ai đó trên xe hoặc có một cửa kính còn mở. Hệ thống có thể kích hoạt ngẫu nhiên khi:

- Mở khoá cửa bằng tay khoá.
- Mở nắp ca-pô bằng cách nhả nắp ca-pô.

Nếu ắc quy hết điện sau khi bạn cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh, hệ thống cảnh báo an ninh có thể hoạt động khi nạp lại ắc quy hoặc thay ắc quy. Nếu tình trạng này xảy ra, hãy hủy kích hoạt hệ thống cảnh báo an ninh bằng cách mở khoá cửa bằng chìa khoá (loại xe Mỹ La-tinh), bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh

Nếu bạn mở khoá cửa bằng chìa khoá trong khi hệ thống cảnh báo an ninh đang hoạt động, cảnh báo sẽ tắt.

Mở và Đóng Cửa Kính

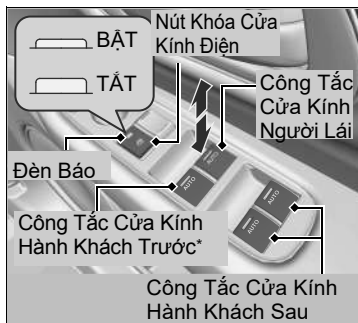
Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Có thể đóng và mở cửa kính điện bằng công tắc trên các cửa khi khóa điện ở BẬT [II]*1. Các công tắc phía người lái có thể được sử dụng để đóng và mở tất cả các cửa kính.

Để mở và đóng các cửa kính từ các vị trí ngoài ghế người lái, thì nút khoá cửa kính điện người lái phải tắt (không ấn xuống, đèn báo tắt).

Khi ấn nút khóa cửa kính điện, đèn báo sẽ sáng và bạn có thể chỉ vận hành cửa kính phía người lái. Bật nút khóa cửa kính điện nếu có trẻ em trên xe.

Mở/Đóng Cửa Kính Bằng Chức Năng Mở/Đóng Cửa Tự Động



■ Vận hành bằng tay

Để mở: Ấn nhẹ công tắc và giữ cho đến khi nó đến vị trí bạn muốn.

Để đóng: Kéo nhẹ công tắc lên và giữ cho đến khi nó đến vị trí bạn muốn.

■ Vận hành tự động

Để mở: Ấn dứt khoát công tắc.

Để đóng: Kéo dứt khoát công tắc lên.

Cửa kính mở và đóng hoàn toàn. Để dừng cửa kính bất cứ lúc nào, đẩy hoặc kéo dứt khoát công tắc.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

»Mở/Đóng Cửa Kính Điện

⚠CẢNH BÁO

Đóng cửa kính điện trong khi có người đang để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính đó có thể gây trọng thương.
Đảm bảo tay của hành khách ở xa cửa sổ trước khi đóng cửa.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Cửa kính điện có thể được vận hành trong 10 phút sau khi bạn xoay khóa điện sang KHÓA [0]*1.

Đóng cửa người lái sẽ hủy chức năng này.

Loại xe Australia và New Zealand

Cửa kính điện có thể được vận hành trong 45 giây sau khi bạn xoay khóa điện sang KHÓA [0]*1.

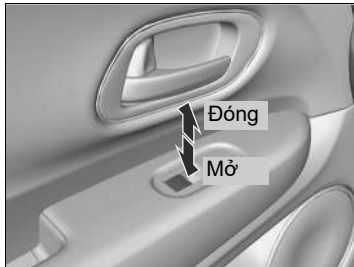
Mở một trong hai cửa trước để hủy chức năng này.

Các loại xe khác

Cửa kính điện có thể được vận hành trong 10 phút sau khi bạn xoay khóa điện sang KHÓA [0]*1.

Mở một trong hai cửa trước để hủy chức năng này.

■ Mở/Đóng Cửa Kính mà không có Chức Năng Đóng/Mở Tự Động*



Để mở: Ấn công tắc xuống.
Để đóng: Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

►►Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Tự Động Đảo Chiều

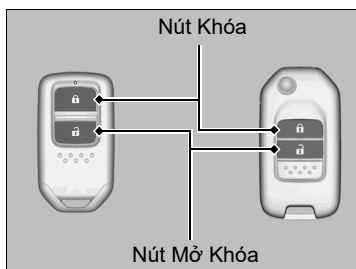
Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi cửa đang đóng tự động, nó sẽ ngừng đóng và đảo chiều.

Chức năng tự động đảo chiều cửa kính phía người lái bị vô hiệu hoá khi bạn tiếp tục kéo công tắc lên.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần như hoàn toàn.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Mở/Đóng* Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*



Để mở: Ấn nút mở khóa và sau đó trong 10 giây, ấn lại và giữ.

Để đóng: Ấn nút khóa và sau đó trong 10 giây, ấn lại và giữ.

Nếu cửa kính dừng ngang chừng, làm lại bước này.

■ Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa*



Để đóng: Khoá cửa người lái bằng chìa khoá. Trong vòng 10 giây xoay chìa khoá đến vị trí giữa, sau đó xoay chìa khoá theo hướng khoá và giữ nó tại đó.

Nhả chìa khoá để dừng cửa kính tại vị trí bạn muốn. Nếu bạn muốn điều chỉnh thêm, làm lại cách vận hành tương tự.

►► Mở/Đóng* Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*

Loại xe có cửa sổ trời toàn cảnh

Nếu bạn mở/đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa, cửa sổ trời toàn cảnh sẽ tự động mở/đóng cùng với cửa kính.

►► Mở/Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa*

Loại xe có cửa sổ trời toàn cảnh

Nếu bạn đóng cửa kính bằng chìa khóa, cửa sổ trời toàn cảnh sẽ tự động đóng cùng các cửa kính.

Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh*

Mở/Đóng Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh

Bạn chỉ có thể vận hành cửa sổ trời toàn cảnh khi khóa điện ở BẬT. Sử dụng công tắc ở phía trước trần xe để mở và đóng cửa sổ trời toàn cảnh.

▣Mở/Đóng Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh

⚠CẢNH BÁO

Mở hoặc đóng cửa sổ trời toàn cảnh và tấm che nắng trong khi có người đang để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa sổ trời có thể gây trọng thương.

Đảm bảo không ai để tay và ngón tay lên cửa sổ trời trước khi mở hoặc đóng.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

CHÚ Ý

Mở cửa sổ trời toàn cảnh dưới nhiệt độ đóng băng khi trời có tuyết hoặc đóng băng có thể gây hỏng khung hoặc mô-tơ cửa sổ trời toàn cảnh.

Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.8 L

Cửa sổ trời toàn cảnh và tấm che nắng có thể được vận hành trong 45 giây sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Mở một trong hai cửa trước để hủy chức năng này.

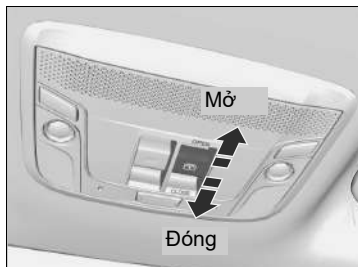
Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.8 L

Cửa sổ trời toàn cảnh và tấm che nắng có thể được vận hành trong 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Mở một trong hai cửa trước để hủy chức năng này.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Sử Dụng Công Tắc Tầm Che Nắng



■ Vận hành tự động

Để mở: Kéo dứt khoát công tắc về phía sau.

Để đóng: Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước.

Tầm che nắng sẽ tự động mở hoặc đóng theo tất cả các hướng. Để dừng ở đoạn nào đó, ấn công tắc dứt khoát.

■ Vận hành bằng tay

Để mở: Kéo nhẹ công tắc về phía sau và giữ nó cho đến khi nó đến vị trí bạn muốn.

Để đóng: Đẩy nhẹ công tắc về phía trước và giữ nó cho đến khi đến vị trí bạn muốn.

►► Mở/Đóng Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh

Khi phát hiện vật cản, chức năng đảo chiều tự động làm cho cửa sổ trời toàn cảnh và tầm che nắng đảo chiều sau đó dừng lại. Đảo chiều tự động sẽ dừng cảm nhận khi cửa sổ trời toàn cảnh và tầm che nắng đóng gần như hoàn toàn để đảm bảo nó sẽ đóng hoàn toàn.

Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.8 L

Bạn có thể dùng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc chìa khóa để vận hành cửa sổ trời toàn cảnh.

► **Mở/Đóng* Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*** Tr. 194

► **Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa*** Tr. 194

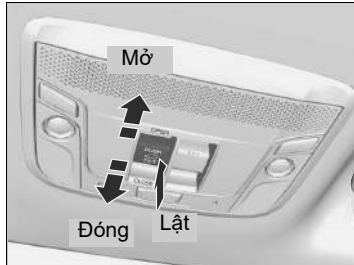
►► Sử Dụng Công Tắc Tầm Che Nắng

Có thể đóng mở tầm che nắng để điều chỉnh lượng ánh sáng chiếu vào ca-bin.

Khi bạn sử dụng công tắc tầm che nắng để mở tầm che nắng, cửa sổ trời toàn cảnh sẽ không di chuyển.

Nếu cửa sổ trời toàn cảnh vẫn mở, bạn sẽ không thể đóng hoàn toàn tầm che nắng. Khi bạn đóng tầm che nắng mà vẫn mở cửa sổ trời toàn cảnh, tầm che nắng sẽ dừng sát với kính của cửa sổ trời toàn cảnh. Khi đẩy công tắc về phía trước một lần nữa, tầm che nắng và cửa sổ trời toàn cảnh sẽ cùng đóng.

■ Sử Dụng Công Tắc Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh



■ Vận hành tự động

Để mở: Kéo dứt khoát công tắc về phía sau.

Để đóng: Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước.

Cửa sổ trời toàn cảnh tự động mở hoặc đóng theo tất cả các hướng. Để dừng giữa chừng, hãy kéo hoặc đẩy dứt khoát.

■ Vận hành bằng tay

Để mở: Kéo nhẹ công tắc về phía sau và giữ nó cho đến khi nó đến vị trí bạn muốn.

Để đóng: Đẩy nhẹ công tắc về phía trước và giữ nó cho đến khi nó đến vị trí bạn muốn.

■ Lật cửa sổ trời toàn cảnh

Để lật: Ấn vào giữa công tắc cửa sổ trời toàn cảnh.

► Tầm che nắng sẽ tự động mở và cửa sổ trời toàn cảnh bắt đầu lật đứng lên.

Để đóng: Đẩy công tắc dứt khoát về phía trước.

►► Sử Dụng Công Tắc Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh

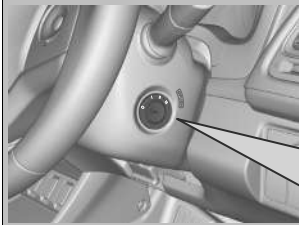
Mỗi khi cửa sổ trời toàn cảnh mở, tầm che nắng sẽ mở theo. Nhưng khi cửa sổ trời toàn cảnh đóng, tầm che nắng sẽ không đóng theo.

Nếu lật cửa sổ trời toàn cảnh khi nó đang mở, tầm che nắng sẽ mở nhẹ nhàng để khí trời lọt vào xe. Khi đóng cửa sổ trời toàn cảnh từ vị trí này, tầm che nắng sẽ trở lại vị trí đóng của nó.

Vận Hành Công Tắc Quanh Vô Lãng

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Khóa Điện



- 0** KHÓA: Cắm và rút chìa khóa ở vị trí này.
- I** PHỤ KIỆN: Vận hành hệ thống âm thanh* và các phụ kiện khác ở vị trí này.
- II** BẬT: Ở vị trí này trong khi lái xe.
- III** KHỞI ĐỘNG: Ở vị trí này để khởi động động cơ. Công tắc tự xoay lại đến BẬT **II** khi bạn thả tay khỏi chìa khóa.

Điều Khiển

»Khóa Điện

Loại xe có hộp số thường

⚠CẢNH BÁO

Rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa trong khi lái sẽ làm vô lăng bị khóa và dẫn đến mất kiểm soát xe.

Chỉ rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa sau khi đã đỗ xe.

Loại xe có hộp số vô cấp

Bạn không thể rút chìa khóa ra trừ khi cần số ở **P**.



Tất cả các loại xe

Nếu bạn mở cửa người lái khi chìa khóa ở KHÓA **0** hoặc PHỤ KIỆN **I**, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên để nhắc bạn rút chìa khóa ra.

Tiếng bíp sẽ ngừng khi bạn rút chìa khóa ra.

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Khi tiếng bíp vang lên, các thông báo sau sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin:

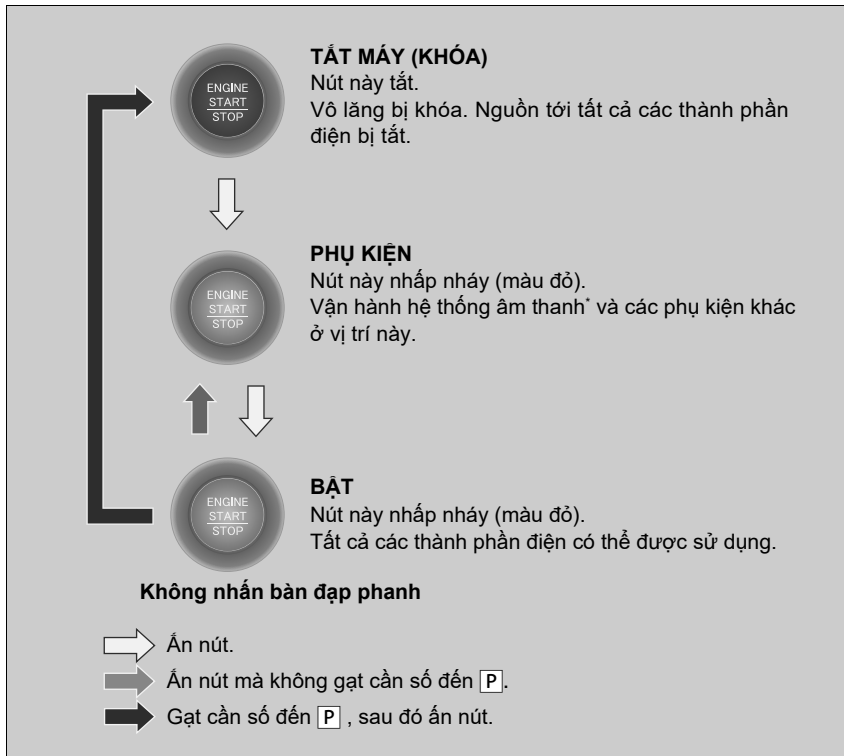
- Ở KHÓA **0**: ký hiệu  cùng chữ **Ignition Key (Khóa Điện)**
- Ở PHỤ KIỆN **I**: ký hiệu  cùng dòng chữ **Return IGN Switch To (0) Position (Xoay Khóa Điện Sang Vị trí (0))**

Nếu không xoay được chìa khóa từ KHÓA **0** đến PHỤ KIỆN **I**, hãy xoay chìa khóa trong khi xoay vô lăng sang trái và phải. Vô lăng sẽ được mở khóa, cho phép xoay chìa khóa.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Nút ENGINE START/STOP

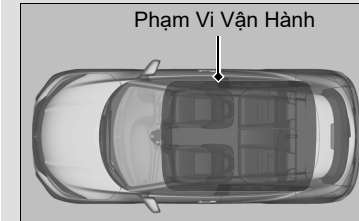
Thay Đổi Chế Độ Nguồn



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Nút ENGINE START/STOP

Phạm Vi Vận Hành Nút ENGINE START/STOP
Bạn có thể vận hành động cơ khi chìa khóa điều khiển từ xa ở bên trong xe.



Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu, động cơ không thể khởi động khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**. Nếu động cơ không khởi động, hãy tham khảo mục sau.

►► Nếu Pin Chìa khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu Tr. 595

Động cơ cũng có thể khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa ở gần cửa hoặc cửa kính, ngay cả khi nó ở bên ngoài xe.

Chế độ **BẬT**:

Đèn báo nút **ENGINE START/STOP** sáng (đỏ), nếu động cơ đang chạy.

■ Chế Độ Tự Động Tắt Nguồn Điện

Nếu bạn rời khỏi xe trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút mà để cần số ở **P** và chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự như chế độ TẮT MÁY (KHÓA) để tránh làm yếu ắc quy.

Khi xe ở chế độ này:

Vô lăng không khóa.

Bạn không thể khoá hoặc mở khoá các cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

Ấn nút **ENGINE START/STOP** để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHÓA).

► Thay Đổi Chế Độ Nguồn Tr .199

►► Nút **ENGINE START/STOP**

Không để chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT khi bạn ra khỏi xe.

Nếu chế độ nguồn không thay đổi từ TẮT MÁY sang PHỤ KIỆN, ấn nút **ENGINE START/STOP** đồng thời xoay vô lăng sang trái và phải. Vô lăng sẽ mở khóa để cho phép thay đổi chế độ.

■ Bộ Nhắc Chế Độ Nguồn

Nếu bạn mở cửa người lái khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, tiếng bip cảnh báo sẽ vang lên.

■ Bộ Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa



Tiếng bip vang lên từ bên trong và/hoặc bên ngoài xe để nhắc cho bạn biết chìa khóa điều khiển từ xa đang ở bên ngoài xe. Nếu tiếng bip vẫn tiếp tục vang lên sau khi chìa khóa điều khiển từ xa đã ở bên trong xe, hãy để chìa khóa trong phạm vi hoạt động của nó.

■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Nếu chìa khóa điều khiển từ xa được mang ra khỏi xe, và tất cả các cửa đóng, tiếng bip cảnh báo vang lên cả bên trong và bên ngoài xe. Thông báo cảnh báo hiển thị trên màn hình hiển thị thông tin hoặc màn hình hiển thị đa thông tin để báo cho người lái đang ở trong xe biết chìa khóa điều khiển từ xa đang ở ngoài xe.

■ Khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN

Nếu chìa khóa điều khiển từ xa được mang ra khỏi xe, và tất cả các cửa đã đóng, tiếng bip cảnh báo sẽ vang lên từ bên ngoài xe.

►► Bộ Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống và cửa người lái đóng, chức năng cảnh báo được hủy.

Nếu chìa khóa điều khiển từ xa được mang ra khỏi xe sau khi khởi động động cơ, bạn không thể thay đổi chế độ nút **ENGINE START/STOP** hoặc khởi động lại động cơ. Luôn đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe khi bạn vận hành nút **ENGINE START/STOP**.

Mang chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt được bộ cảnh báo.

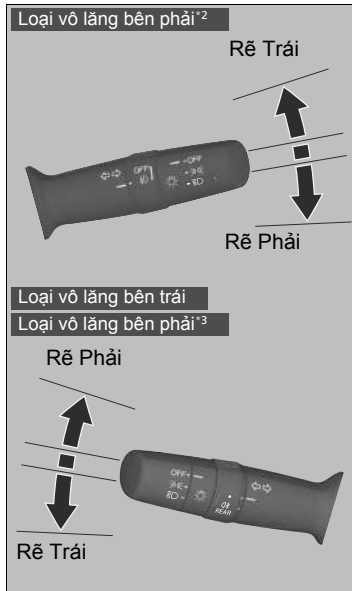
Không để chìa khóa điều khiển từ xa trên bảng táp-lô hoặc hộp đựng đồ. Điều đó có thể làm cho tiếng bip cảnh báo vang lên. Trong một số điều kiện khác có thể làm cho xe không định vị được chìa khóa điều khiển từ xa, tiếng bip cảnh báo có thể vang lên ngay cả khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống.

So Sánh Khóa Điện và Chế Độ Nguồn

Vị Trí Khóa Điện	KHÓA 0 (có/không có chìa khoá)	PHỤ KIỆN I	BẬT II	KHỞI ĐỘNG III
Không Có Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	<ul style="list-style-type: none"> • Động cơ tắt và nguồn được ngắt. • Vô lăng bị khóa. • Không sử dụng được các thiết bị điện. 	<ul style="list-style-type: none"> • Động cơ tắt. • Một số hệ thống điện như hệ thống âm thanh* và giắc cắm điện phụ kiện có thể hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> • Vị trí bình thường của chìa khóa trong khi lái xe. • Có thể sử dụng được tất cả các thiết bị điện. 	<ul style="list-style-type: none"> • Dùng vị trí này để khởi động động cơ. • Khóa điện trở về vị trí BẬT II khi bạn thả tay ra khỏi chìa khóa.
Chế Độ Nguồn	TẮT MÁY (KHÓA)	PHỤ KIỆN	BẬT	KHỞI ĐỘNG
Có Hệ Thống Truy Cập Từ Xa và Nút ENGINE START/STOP	Nút-Tắt <ul style="list-style-type: none"> • Động cơ tắt và nguồn được ngắt. • Vô lăng bị khóa. • Không sử dụng được các thiết bị điện. 	Nút-Nhấp nháy <ul style="list-style-type: none"> • Động cơ tắt. • Một số hệ thống điện như hệ thống âm thanh* và giắc cắm điện phụ kiện có thể hoạt động. 	Nút-Nhấp nháy (động cơ tắt) Bật (động cơ đang chạy) <ul style="list-style-type: none"> • Có thể sử dụng được tất cả các thiết bị điện. 	Nút-Bật <ul style="list-style-type: none"> • Chế độ tự động trở lại BẬT sau khi động cơ khởi động.

Điều Khiển

Xi Nhan



Có thể sử dụng xi nhan khi khóa điện ở BẬT II^{*1}.

■ Xi nhan gạt một lần

Khi bạn gạt nhẹ lên hoặc xuống và nhả cần xi nhan, đèn xi nhan bên ngoài và đèn báo đèn xi nhan sẽ nhấp nháy ba lần.

Có thể sử dụng tính năng này khi chuyển làn đường.

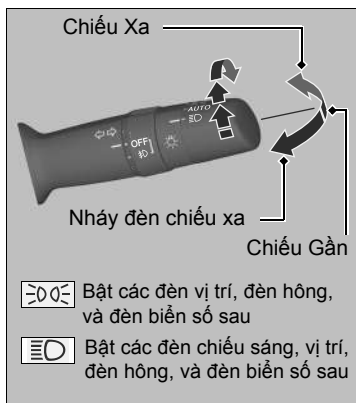
* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

*3: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Công Tác Đèn

Vận Hành Bằng Tay



Xoay công tắc đèn để bật và tắt các đèn, bất kể vị trí của khóa điện ở đâu*1.

■ Chiếu xa

Đẩy cần về phía trước cho đến khi bạn nghe thấy tiếng tách.

■ Chiếu gần

Khi đèn đang ở chế độ chiếu xa, kéo cần trở lại để về chế độ chiếu gần.

■ Nháy đèn chiếu xa

Kéo cần trở lại và nhả nó ra.

Loại xe Malaysia và Đài Loan

■ Tắt đèn

Xoay cần sang **OFF** ở một trong hai trường hợp sau :

- Cần số ở **P**.
- Gài phanh đỗ.

Để bật lại các đèn, xoay cần sang **OFF** để hủy chế độ tắt đèn. Ngay cả khi bạn không hủy chế độ tắt đèn, các đèn cũng tự động sáng khi:

- Gạt cần số ra khỏi vị trí **P** và nhả phanh đỗ.
- Xe bắt đầu di chuyển.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

►► Công Tác Đèn

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Nếu bạn rút chìa khóa ra khỏi khóa điện trong khi các đèn đang bật, chuông cảnh báo sẽ vang lên khi bạn mở cửa người lái.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

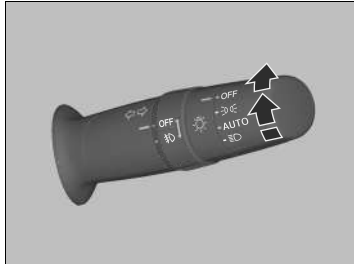
Nếu bạn để chế độ nguồn ở **TẮT MÁY (KHÓA)** trong khi các đèn đang bật, chuông cảnh báo sẽ vang lên khi bạn mở cửa người lái.


Loại xe không có chức năng điều chỉnh đèn chiếu sáng

Nếu bạn nhận thấy mức chiếu sáng của đèn chiếu sáng không bình thường, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Không để đèn sáng khi động cơ đã tắt vì sẽ làm ắc quy bị hao điện.

■ Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*



Điều khiển chiếu sáng tự động có thể được sử dụng khi khóa điện ở BẬT ^{*1}.

Ngoại trừ loại xe Malaysia và Đài Loan

Khi bạn xoay công tắc đèn đến **AUTO**, đèn chiếu sáng và các đèn bên ngoài khác sẽ bật và tắt tự động phụ thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh.

►► Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*

Bạn nên bật đèn bằng tay khi lái xe vào ban đêm, khi sương mù dày đặc, hoặc ở khu vực tối như trong đường hầm hay ở các bãi đỗ xe.

Cảm biến ánh sáng được lắp tại vị trí như hình vẽ dưới đây. Không được phủ bất cứ vật gì lên cảm biến ánh sáng này, nếu không, hệ thống chiếu sáng tự động này có thể không hoạt động đúng.

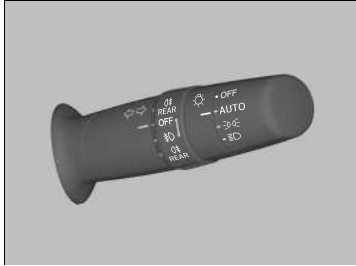
Loại xe Châu Phi, Philipin, Cam-Pu-Chia, Lào, Myanmar và Việt Nam

Loại xe Thái Lan không có hệ thống phanh chủ động trong thành phố



* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



Loại xe Malaysia và Đài Loan

Khi bạn xoay công tắc đèn đến **AUTO**, đèn chiếu sáng và các đèn bên ngoài khác sẽ bật và tắt tự động phụ thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh.

Đèn chiếu sáng sẽ sáng khi bạn mở khóa cửa ở khu vực tối trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.

- Khi bạn khóa cửa, đèn chiếu sáng sẽ tắt.

►► Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*

Cảm biến ánh sáng được lắp tại vị trí như hình vẽ dưới đây. Không phủ bất cứ vật gì lên cảm biến ánh sáng này; nếu không, hệ thống chiếu sáng tự động này có thể không hoạt động đúng.

Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.8 L có cần gạt tự động ngắt quãng

Loại xe Thái Lan có hệ thống phanh chủ động trong thành phố



Loại xe không có chế độ gạt tự động ngắt quãng




►► Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*

Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.8 L

Loại xe Thái Lan

Bạn có thể điều chỉnh độ nhạy chiếu sáng tự động như sau:

Cài Đặt	Các đèn ngoài xe sáng khi ánh sáng xung quanh ở mức
Cao Nhất	 Sáng
Cao	
Trung Bình	
Thấp	
Thấp Nhất	Tối

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147

Điều Khiển

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Tính Năng Điều Khiển Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước*

Các đèn chiếu sáng tự động sáng khi các cần gạt nước được gạt vài lần trong một khoảng nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.

Các đèn chiếu sáng sẽ tự động tắt sau vài phút nếu các cần gạt nước ngừng hoạt động.

■ Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn bên ngoài khác và các đèn ở bảng điều khiển sẽ tắt sau 15 giây tính từ khi bạn rút chìa khoá hoặc đặt chế độ nguồn ở **TẮT MÁY (KHÓA)**, hãy mang theo chìa khoá điều khiển mở cửa từ xa và đóng cửa phía người lái.

Nếu bạn xoay chìa khoá điện đến **KHÓA [0]**¹ khi các đèn chiếu sáng bật, nhưng không mở cửa, các đèn chiếu sáng sẽ tắt sau 10 phút (ba phút, nếu công tắc ở vị trí **AUTO**^{*}).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở chìa khoá hoặc mở cửa người lái. Nếu bạn mở chìa khoá cửa, nhưng không mở cửa trong 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa người lái, bạn sẽ nghe thấy âm thanh báo nhắc đèn đang bật.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho chìa khoá điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Tính Năng Điều Khiển Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước*

Tính năng này được kích hoạt trong khi các đèn chiếu sáng được tắt ở chế độ **AUTO**. Độ sáng trên bảng điều khiển không thay đổi khi các đèn chiếu sáng được bật.

Nếu môi trường xung quanh tối, tính năng điều khiển chiếu sáng tự động sẽ bật các đèn chiếu sáng bất kể số lần gạt của cần gạt nước.

►► Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Bạn có thể bật và tắt chức năng điều khiển đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước.

►► Tính Năng Tuỳ Chọn Tr. 147

►► Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

►► Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Bạn có thể thay đổi cài đặt bộ hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng.

►► Tính Năng Tuỳ Chọn Tr. 147

Đèn Sương Mù*

■ Đèn sương mù trước*

Có thể được sử dụng khi bật đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng.

■ Đèn sương mù sau*

Có thể được sử dụng khi bật đèn chiếu sáng hoặc đèn sương mù trước.

■ Đèn Sương Mù Trước và Sau*



■ Để bật đèn sương mù trước

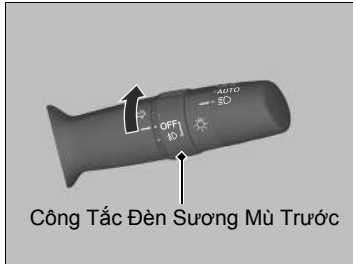
Xoay công tắc từ vị trí **OFF** lên vị trí **D**. Đèn báo **D** sáng.

■ Để bật đèn sương mù trước và sau



Xoay công tắc lên một nấc từ vị trí **D**. Các đèn báo **D** và **R** sáng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

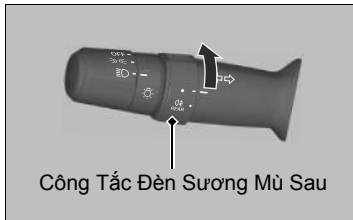
■ Đèn Sương Mù Trước*





■ Để bật đèn sương mù trước

Xoay công tắc đến . Đèn báo  sẽ sáng.

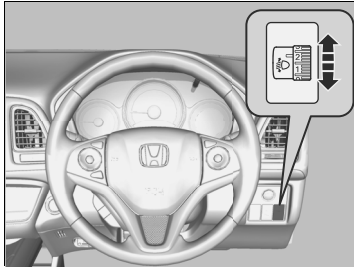
■ Đèn Sương Mù Sau*



■ Để bật đèn sương mù sau

Xoay công tắc đến . Đèn báo  sáng.

Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*



Bạn có thể điều chỉnh góc của đèn chiếu sáng chiếu gần theo chiều dọc khi khóa điện ở BẬT **II***1.

Xoay nút điều chỉnh để chọn góc phù hợp cho các đèn chiếu sáng.

Số vạch điều chỉnh càng lớn, góc đèn càng thấp.

■ Để chọn vị trí vạch điều chỉnh

Tham khảo bảng dưới đây tùy vào điều kiện lái và tải của xe.

Điều kiện	Vị trí vạch
Một người lái	0
Một người lái và một hành khách phía trước	0
Năm người ngồi các ghế trước và ghế sau	1
Năm người ngồi ghế trước và ghế sau và hành lý trong khoang hành lý, trong giới hạn tải trọng tối đa của trục và trọng tải xe tối đa cho phép	2
Một người lái và hành lý trong khoang hành lý, nằm trong giới hạn tải trọng tối đa của trục và trọng tải xe tối đa cho phép	3

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*

Loại xe có đèn chiếu sáng chiếu gần LED

Xe có hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động có thể tự động điều chỉnh góc của đèn chiếu sáng chiếu gần theo chiều dọc. Nếu bạn thấy sự thay đổi rõ góc dọc của đèn chiếu sáng, có thể có sự cố với hệ thống. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

Các đèn chiếu sáng thích hợp dùng cho xe có vô lăng bên phải và xe có vô lăng bên trái mà không cần bất kỳ điều chỉnh hay che chắn nào theo Quy Định Dover UN-ECE R48.

Các đèn chiếu sáng thích hợp dùng cho cả xe có vô lăng bên phải và xe có vô lăng bên trái. Bạn không cần thay đổi độ chụm của đèn chiếu sáng.

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Bạn có thể cần thay đổi phân bố ánh sáng đèn chiếu xa.

► Điều Chỉnh Phân Bố Đèn Chiếu Sáng*

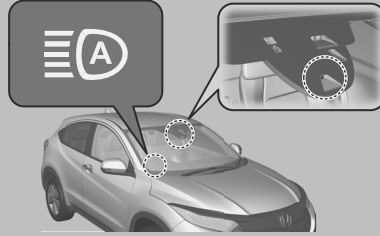
Tr. 484

Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động *

Hệ thống này sử dụng camera gắn phía trong kính chắn gió để phát hiện nguồn ánh sáng phía trước xe. Tùy vào nguồn sáng được phát hiện, hệ thống sẽ tự động bật đèn chiếu sáng ở chế độ chiếu xa để tối đa hóa tầm nhìn vào ban đêm.

Hệ thống này hoạt động khi:

- Công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.
- Cần điều chỉnh ở vị trí chiếu gần.
- Bật chế độ chiếu gần và hệ thống sẽ nhận biết được bạn đang lái xe vào ban đêm.
- Tốc độ xe trên 40 km/h.

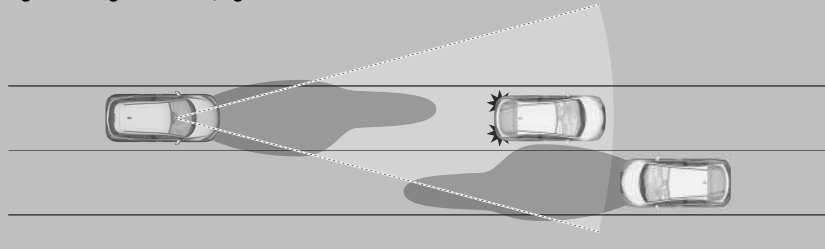


Cách thức hoạt động

Khi camera phát hiện nguồn sáng từ xe phía trước hoặc xe đang đến gần, đèn chiếu sáng vẫn bật ở chế độ chiếu gần.

Khi camera phát hiện không có nguồn sáng từ xe phía trước hoặc xe đang đến gần, đèn chiếu sáng sẽ chuyển sang chế độ chiếu xa.

Góc hoặc khoảng cách quan sát của nguồn sáng phía trước mà camera có thể phát hiện ra không giống nhau tùy vào các điều kiện nhất định như độ sáng của nguồn sáng và tình trạng thời tiết.



►► Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động *

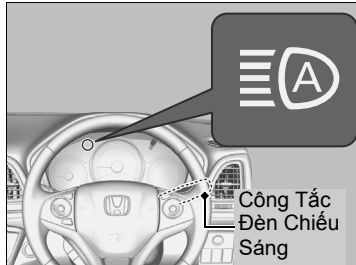
Hệ thống chiếu xa tự động sẽ xác định khi nào cần thay đổi chế độ chiếu sáng bằng cách phản hồi luồng sáng của xe phía trước. Trong các trường hợp sau, hệ thống không thể phản hồi chính xác được luồng sáng:

- Độ sáng của ánh sáng từ xe phía trước hoặc xe đang đến gần quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v).
- Các nguồn sáng khác như đèn phố và đèn biển quảng cáo điện sáng lên ở đoạn đường phía trước.
- Độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường xá gồ ghề, mấp mô.
- Có xe khác cắt ngay phía trước xe bạn hoặc xe phía trước không cùng chiều hoặc ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.

Nếu bạn thấy việc sử dụng chức năng hẹn giờ để thay đổi chế độ chiếu sáng không thuận tiện cho việc lái xe, hãy điều chỉnh bằng tay.

Nếu bạn không muốn kích hoạt hệ thống mỗi khi công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**, hãy hỏi ý kiến đại lý.

■ Vận Hành Hệ Thống



Để kích hoạt hệ thống, xoay công tắc đèn chiếu sáng sang chế độ **AUTO** rồi cài đặt đèn chiếu sáng ở chế độ chiếu gần. Đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng.

► **Công Tác Đèn Tr.** 204

Vẫn giữ ở chế độ chiếu xa trừ khi:

- Bạn lái xe với tốc độ dưới 24 km/h trong thời gian dài.
- Giảm tốc độ xe xuống dưới 10 km/h.
- Cần gạt kính chắn gió hoạt động với tốc độ nhanh trong vài giây.
- Bạn lái vào khu vực nhiều đèn sáng.

Đèn chiếu xa sẽ sáng trở lại khi không còn tồn tại các điều kiện khiến đèn tắt.


Nếu cần, bạn có thể dùng tay tắt tạm thời hệ thống. Để bật chế độ chiếu xa, đẩy cần về phía trước cho đến khi nghe thấy tiếng cạch hoặc nháy đèn pha một lần bằng cách kéo cần về phía bạn. Để bật lại hệ thống, kéo và giữ cần về phía bạn trong vài giây.

►► Vận Hành Hệ Thống


Để hệ thống chiếu xa tự động hoạt động chính xác:

- Không để bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh kính chắn gió quanh camera. Khi làm sạch kính chắn gió, không để chất tẩy dầy vào thấu kính camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc film lên khu vực quanh camera.
- Không chạm tay vào thấu kính camera.

Nếu tác động mạnh lên camera hay cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy hỏi ý kiến đại lý.

Nếu xuất hiện thông báo  :

- Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để làm mát bên trong xe và nếu cần hãy sử dụng chế độ sấy với hướng gió hướng thẳng vào camera.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, điều này sẽ làm giảm nhiệt độ xung quanh camera.

Nếu xuất hiện thông báo  :

- Đỗ xe ở nơi an toàn và lau sạch kính chắn gió. Nếu thông báo không biến mất sau khi bạn đã lau sạch kính chắn gió và lái xe đi một đoạn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn Ban Ngày*

Đèn ban ngày sáng trong các điều kiện sau:

- Khóa điện ở BẬT ¹.
- Công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí tắt.

Xoay khóa điện sang KHÓA hoặc cài đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY sẽ tắt các đèn ban ngày.

Các đèn ban ngày sẽ tắt khi bật công tắc đèn chiếu sáng, hoặc khi công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO*** và trời bên ngoài tối dần.

Điều Khiển

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện

Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính

■ Cần Gạt Nước Kính Chắn Gió/Bộ Rửa Kính



Các cần gạt nước và bộ rửa kính có thể được sử dụng khi khóa điện ở BẬT [II]^{*1}.

■ MIST

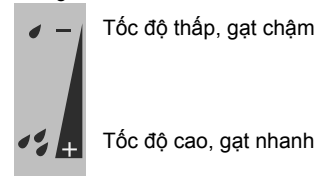
Các cần gạt nước gạt nhanh cho đến khi bạn nhả cần.

■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT^{*2}/AUTO^{*3}, LO, HI)

Gạt cần lên hoặc xuống để thay đổi các chế độ gạt.

■ Điều chỉnh hoạt động cần gạt nước*

Xoay vòng điều chỉnh để điều chỉnh hoạt động cần gạt nước.



■ Bộ rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cần gạt về phía bạn. Khi bạn thả cần, cần gạt nước sẽ quét hai hoặc ba lần trước khi dừng hẳn.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe không có cần gạt tự động ngắt quãng

*3: Loại xe có cần gạt tự động ngắt quãng

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính

CHÚ Ý

Không vận hành cần gạt nước khi kính chắn gió khô. Kính chắn gió sẽ bị xước, hoặc các lưới cao su có thể bị hỏng.

CHÚ Ý

Khi trời lạnh, các lưới gạt có thể đóng băng vào kính chắn gió.

Vận hành các cần gạt trong điều kiện này có thể làm hỏng các cần gạt nước. Sử dụng bộ sấy kính để làm ấm kính chắn gió, sau đó bật các cần gạt.

Loại xe có vòng điều chỉnh thời gian ngắt quãng

Nếu tốc độ xe tăng trong khi các cần gạt nước đang vận hành ngắt quãng, cần gạt sẽ gạt nhanh hơn.

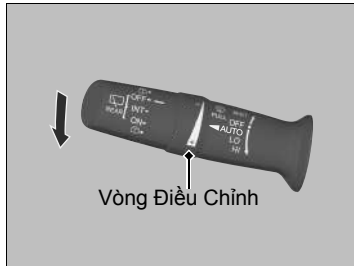
Khi xe tăng tốc, tốc độ gạt của cần gạt nước với cài đặt ở chế độ gạt nhanh nhất [4] và cài đặt ở chế độ LO là như nhau.

CHÚ Ý

Hãy tắt chế độ rửa kính nếu không có nước phun ra. Nếu không bơm có thể bị hỏng.

Mô-tơ cần gạt nước có thể tạm thời dừng vận hành để tránh quá tải. Cần gạt nước sẽ trở lại hoạt động bình thường sau một vài phút khi mạch đã trở lại bình thường.

■ Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng*



Khi bạn gạt cần đến **AUTO**, cần gạt nước kính chắn gió sẽ gạt một lần, rồi sang chế độ tự động.

Các cần gạt vận hành ngắt quãng, ở tốc độ thấp, hoặc tốc độ cao và dừng phù hợp với lượng mưa mà cảm biến lượng mưa phát hiện.

►► Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính

Nếu cần gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết đóng băng, hãy đỗ xe ở vị trí an toàn. Xoay công tắc cần gạt nước đến **OFF** và xoay khoá điện đến PHỤ KIỆN [1] hoặc KHÓA [0]^{*1}, sau đó gạt bỏ vật cản.

►► Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng*

Cảm biến lượng mưa được lắp ở vị trí như hình vẽ dưới đây.

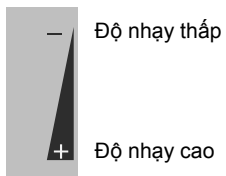


* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Điều chỉnh độ nhạy TỰ ĐỘNG

Khi ở chế độ **TỰ ĐỘNG**, bạn cũng có thể điều chỉnh độ nhạy cảm biến bằng cách sử dụng vòng điều chỉnh thời gian ngắt quãng.

Độ nhạy cảm biến



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

»» Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng*

CHÚ Ý

Để tránh làm hỏng hệ thống cản gạt, luôn **TẮT** chế độ **TỰ ĐỘNG** khi:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Lái xe qua máy rửa xe
- Không mưa

Điều Khiển

■ Cần Gạt Nước/Bộ Rửa Kính Sau



- 1 INT: Ngắt quãng
- 2 ON
- 3 OFF
- 4 Bộ rửa kính

Có thể sử dụng các cần gạt nước và bộ rửa kính sau khi khóa điện ở BẬT [II]*1.

■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT, ON)

Thay đổi cài đặt công tắc cần gạt nước theo lượng mưa.

■ Bộ rửa kính ()

Phun khi bạn xoay công tắc đến vị trí này. Giữ để kích hoạt cần gạt nước và để phun nước rửa kính. Khi đã nhả, nó dừng vận hành sau vài lần gạt.


■ Vận hành khi lùi xe

Khi bạn sang số đến [R] với cần gạt nước kính chắn gió được kích hoạt, cần gạt nước phía sau sẽ tự động vận hành theo ngay cả khi công tắc của cần này đã tắt.

Vị Trí Cần Gạt Trước	Vận Hành Cần Gạt Nước Sau
INT* (Ngắt quãng)	Ngắt quãng
AUTO* (Ngắt quãng)	
LO (Gạt tốc độ chậm)	Liên tục
HI (Gạt tốc độ nhanh)	

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

Nút Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa*

Ấn nút sấy kính sau và sấy gương cửa để làm tan sương kính sau và gương cửa* khi khóa điện ở BẬT ¹.

Loại xe có hệ thống sưởi* và làm mát

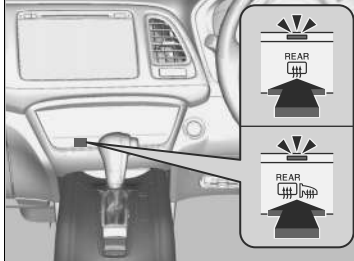


Loại xe có hệ thống điều khiển khí hậu

Bộ sấy kính sau và sấy gương cửa* tự động tắt sau 10-30 phút phụ thuộc vào nhiệt độ bên ngoài.

Tuy nhiên, nếu nhiệt độ bên ngoài là 0°C hoặc thấp hơn, nó sẽ không tự động tắt.

Loại xe có hệ thống điều khiển khí hậu



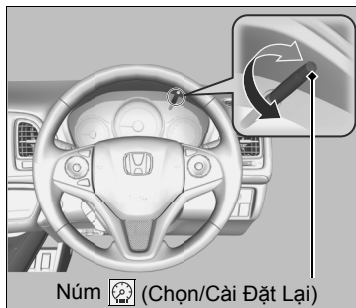
* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Nút Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa*

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, vì thế cần phải tắt hệ thống này khi các cửa kính đã tan sương. Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu trong khi động cơ đang chạy không tải. Nếu không có thể làm ắc quy bị yếu, làm xe khó khởi động.

Điều Chỉnh Độ Sáng



Khi khóa điện ở BẬT II^{*1}, bạn có thể sử dụng nút [icon] (Chọn/Cài Đặt Lại) để điều chỉnh độ sáng bảng điều khiển.

Sáng: Xoay nút sang phải.

Mờ: Xoay nút sang trái.

Bạn sẽ nghe thấy tiếng bíp* khi độ sáng đạt tối đa hoặc tối thiểu. Màn hình hiển thị thông tin/màn hình hiển thị đa thông tin sẽ trở lại trạng thái ban đầu sau khi bạn điều chỉnh độ sáng vài giây.

►► Điều Chỉnh Độ Sáng

Độ sáng bảng điều khiển sẽ giảm ở điều kiện sau:

- Khóa điện ở BẬT II^{*1}.

Loại xe không có điều khiển chiếu sáng tự động

- Đèn vị trí được bật.

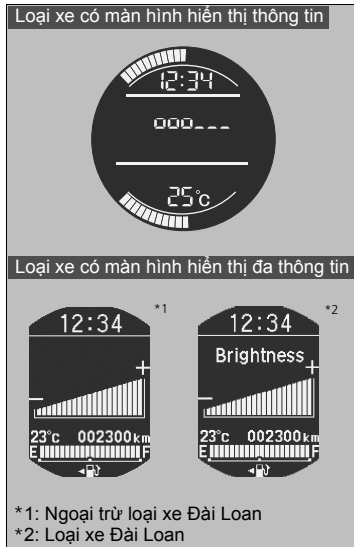
Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động

- Công tắc đèn ở bất kỳ vị trí nào ngoài vị trí tắt và bên ngoài trời tối.

Để huỷ giảm độ sáng của bảng điều khiển khi các đèn bên ngoài sáng, xoay nút điều khiển sang phải cho đến khi độ sáng của màn hình hiển thị đạt mức tối đa, tiếng bíp sẽ vang lên*.

Có thể cài đặt độ sáng khác nhau khi các đèn bên ngoài bật hoặc tắt.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

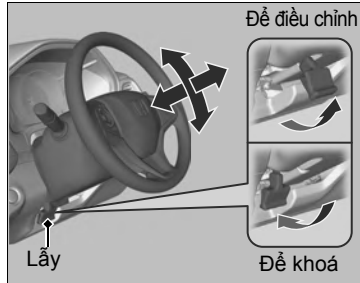


■ Đèn báo mức độ sáng

Mức độ sáng được hiển thị trên màn hình hiển thị thông tin/màn hình hiển thị đa thông tin trong khi bạn điều chỉnh nó.

Điều Chỉnh Vô Lãng

Bạn có thể điều chỉnh độ cao và khoảng cách từ vô lăng đến người bạn để có thể điều khiển vô lăng một cách thoải mái theo tư thế lái.



Điều Khiển

1. Kéo lấy điều chỉnh vô lăng lên.
 - Lấy điều chỉnh vô lăng nằm ở dưới trụ lái.
2. Di chuyển vô lăng lên hoặc xuống, vào trong hoặc ra ngoài.
 - Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo trên bảng điều khiển.
3. Ấn lấy điều chỉnh vô lăng xuống để khoá vị trí vô lăng.
 - Sau khi điều chỉnh vị trí, đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lăng đúng vị trí bằng cách thử lắc vô lăng lên, xuống, vào trong và ra ngoài.

►► Điều Chỉnh Vô Lãng

⚠ CẢNH BÁO

Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi lái có thể khiến bạn mất lái và bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

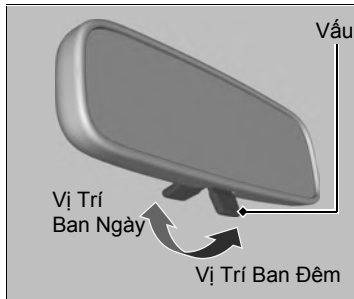
Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe đã dừng.

Điều Chỉnh Gương

Gương Chiếu Hậu Trong Xe

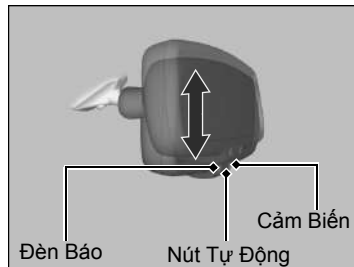
Điều chỉnh góc gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

■ Gương Chiếu Hậu với Các Vị Trí Ban Ngày và Ban Đêm*



Lật vấu để chuyển vị trí. Vị trí ban đêm giúp giảm chói từ các đèn chiếu sáng của xe chạy phía sau xe bạn khi đang lái xe trong trời tối.

■ Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự Động*



Khi lái xe vào trời tối, gương chiếu hậu làm mờ tự động sẽ giảm độ chói của các đèn chiếu sáng của xe chạy phía sau xe bạn. Ấn nút tự động để bật và tắt chức năng này. Khi được kích hoạt, đèn báo chức năng tự động sẽ sáng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

» Điều Chỉnh Gương

Giữ cho mặt trong và mặt ngoài các gương sạch và được điều chỉnh để dễ nhìn nhất.

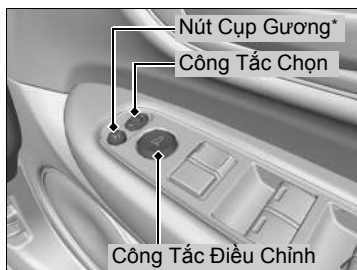
Điều chỉnh các gương trước khi bạn bắt đầu lái.

▣ Các Ghế Trước Tr. 227

» Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự Động*

Chức năng làm mờ tự động sẽ bị huỷ khi cần số ở [R].

Gương Cửa Điện



Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi khóa điện ở BẬT **II***1.

■ Điều chỉnh vị trí gương

Công tắc chọn L/R: Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, bật lại công tắc đến vị trí giữa.

Công tắc điều chỉnh vị trí gương: Ấn công tắc trái, phải, lên, hoặc xuống để di chuyển gương.

■ Cụp gương cửa*

Ấn nút cụp để cụp các gương cửa vào trong và ra ngoài.

■ Tự Động Nghiêng Mặt Gương Khi Lùi Xe*



Nếu được kích hoạt, gương cửa phía hành khách sẽ tự động nghiêng xuống khi bạn gạt cần số sang **R** để giúp cải thiện tầm nhìn ở khu vực phía hành khách khi bạn lùi xe. Gương sẽ tự động trở lại vị trí ban đầu khi gạt cần số ra khỏi vị trí **R**.

Để kích hoạt tính năng này, xoay khóa điện sang BẬT **II***1, và trượt công tắc chọn sang phía hành khách.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện

■ Chức Năng Cụp/Mở Gương Cửa Tự Động*

■ Cụp gương cửa

Ấn nút khóa trên bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc nút khóa cửa trên tay nắm bên ngoài cửa trước hoặc cửa hậu hai lần trong 10 giây, và giữ nó.

- Bạn có thể nhả ra khi gương cửa bắt đầu tự động cụp vào.

■ Mở gương cửa

Mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc nắm tay nắm bên ngoài cửa trước đồng thời ấn nút mở cửa hậu và nút mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu. Mở cửa người lái.

- Các gương bắt đầu tự động mở ra.

►► Chức Năng Cụp/Mở Gương Cửa Tự Động*

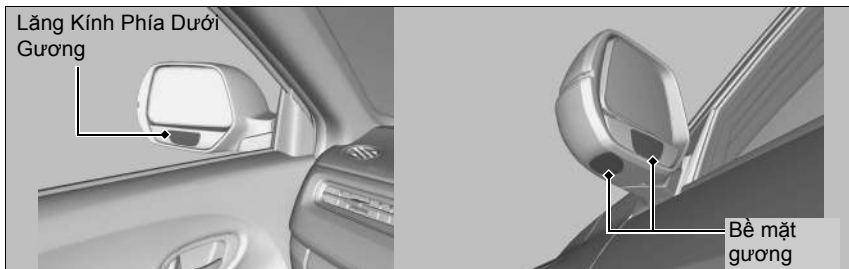
Bạn không thể điều chỉnh gương mở ra tự động nếu đã sử dụng nút cụp để cụp nó lại.

Gương cửa sẽ không cụp tự động khi khóa cửa từ bên trong xe bằng vấu khóa hoặc công tắc khóa cửa chính.

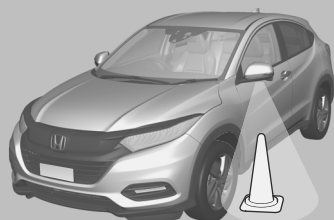
* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Lăng Kính Phía Dưới Gương*

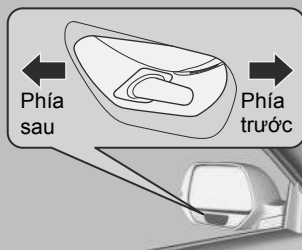
Được gắn phía dưới gương cửa phía hành khách. Nó được dùng cho người lái để kiểm tra điểm mù phía dưới cửa hành khách. Gương này rất có ích khi đỗ xe hoặc khởi động xe.



Khu vực có thể nhìn thấy



Vật phản chiếu trong gương



►► Lăng Kính Phía Dưới Gương*

Để đảm bảo tầm nhìn phù hợp, hãy thực hiện theo đúng lời khuyên dưới đây để gương không bị đọng sương hoặc bị xước.

- Không bôi dung dịch hoặc sáp chống bám nước lên gương.
- Không cạo lớp băng bám trên gương khi gương bị đóng băng mà hãy dùng nước nóng để làm tan băng.
- Không dùng vải dính chất gây mài mòn như cát hay các hợp chất để làm sạch gương.
- Dùng vải sạch để lau sạch bụi bẩn hay nước mưa.

Không dùng nước để làm sạch gương khi gương dính sáp hay bất kỳ chất gì khác mà hãy dùng vải xấp sạch thấm chất tẩy trung tính để làm sạch gương.

Không nên quá phụ thuộc vào gương. Hãy luôn quan sát khu vực xung quanh xe.

Không thể điều chỉnh lăng kính phía dưới gương.

Điều Chỉnh Ghế Ngồi

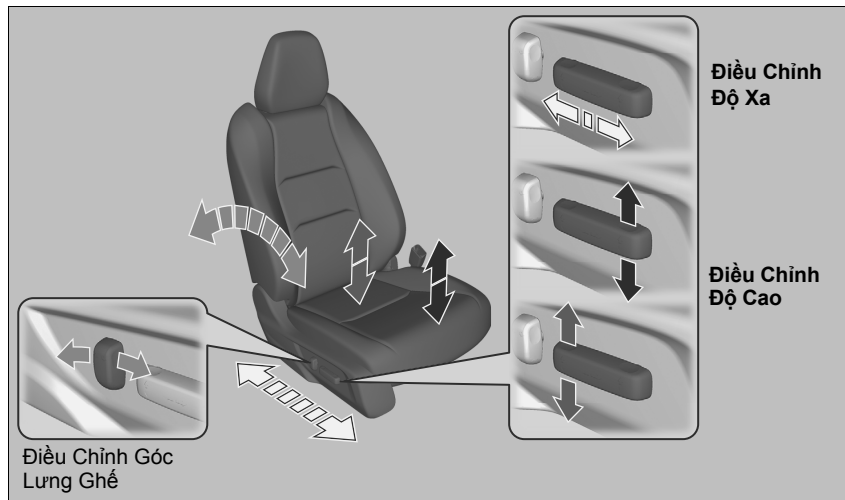
Ghế Trước



Điều chỉnh ghế người lái lùi về phía sau càng xa càng tốt trong khi vẫn đảm bảo bạn có thể điều khiển xe một cách thoải mái. Bạn nên ngồi thẳng, sát vào lưng ghế và có thể dễ dàng nhấn bàn đạp phanh mà không cần nghiêng về phía trước, và điều khiển vô lăng thoải mái. Ghế của hành khách cần được điều chỉnh theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng đồng hồ tập-lô càng tốt.

Điều Chỉnh Vị Trí Ghế

Điều chỉnh ghế điện người lái*



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Điều Chỉnh Ghế Ngồi

⚠ CẢNH BÁO

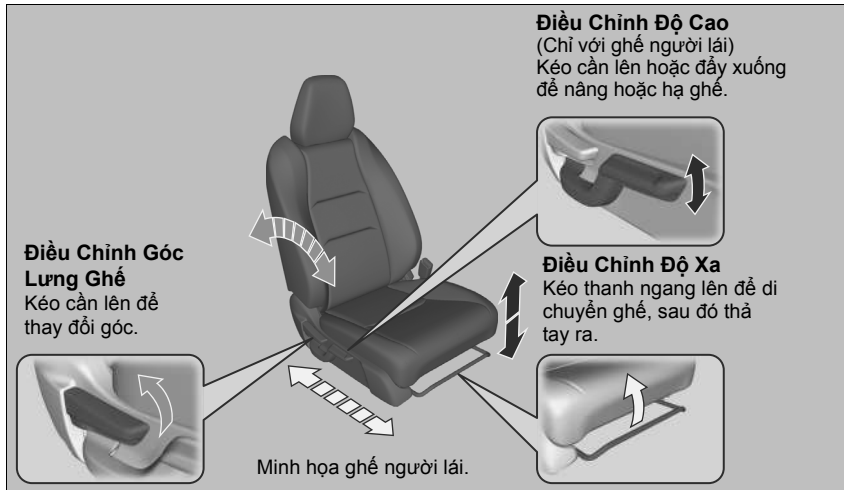
Ngồi quá gần túi khí phía trước có thể bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước nổ.

Luôn ngồi càng xa các túi khí phía trước càng tốt đồng thời đảm bảo điều khiển xe thoải mái.

Ngoài việc điều chỉnh ghế, bạn có thể điều chỉnh vô lăng lên, xuống, vào, ra. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô lăng và ngực người lái là 25 cm.

Luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

■ Điều chỉnh (các) ghế trước

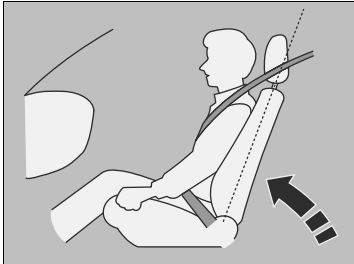


Điều Khiển

►► Điều Chỉnh Ghế Ngồi

Khi đã điều chỉnh đúng, đẩy ghế tiến và lùi để đảm bảo ghế đã được khóa chặt.

■ Điều Chỉnh Lưng Ghế



Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, vuông góc, để tạo một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ghế phía trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến một vị trí thoải mái, vuông góc.

Ngả lưng ghế quá nhiều sẽ làm cho phần đai vai của dây đai không còn thắt qua ngực người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây đai. Nó cũng làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai khi va chạm và dẫn đến bị trọng thương. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

►► Điều Chỉnh Lưng Ghế

⚠ CẢNH BÁO

Ngả lưng ghế quá nhiều có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí vuông góc, và dựa thoải mái vào lưng ghế.

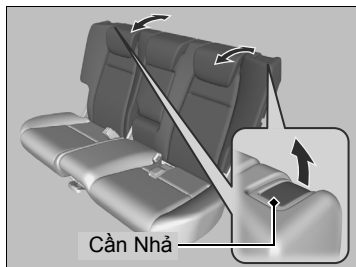
Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn.

Làm như vậy có thể làm giảm tác dụng của dây đai hoặc túi khí.

Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp.

Ghế Sau

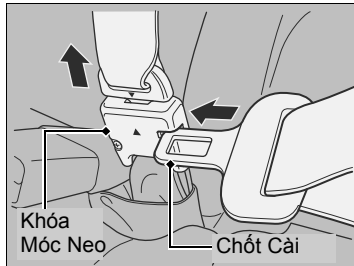
■ Điều Chỉnh Ghế Sau



Kéo cần sang phải để thay đổi lưng ghế của ghế bên phải và sang trái để thay đổi lưng ghế của ghế bên trái.

■ Gập Các Ghế Sau Xuống

Có thể gập riêng từng ghế sau xuống để tạo thêm khoảng trống chứa đồ.

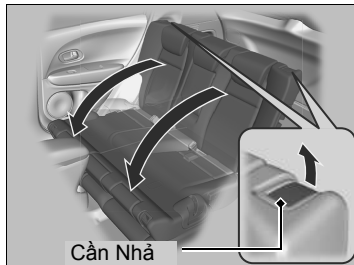


■ Gập Ghế

1. Trước tiên cất dây đai an toàn giữa. Sau đó cắm đầu chốt vào trong khe ở phía khóa móc neo. Rút dây đai an toàn vào trong giá giữ trên trần.

☒ **Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo Tr. 52**

2. Hạ tựa đầu xuống vị trí thấp nhất.
3. Kéo cần nhả và gập lưng ghế xuống.



Để ghế trở lại vị trí ban đầu, kéo lưng ghế lên theo hướng vuông góc.

☒ Gập Các Ghế Sau Xuống

⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo lưng ghế được chốt chặt trước khi lái xe.

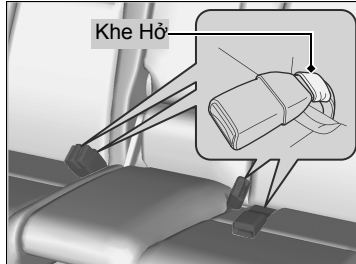
Đảm bảo các đồ vật trong khoang hành lý hoặc các đồ vật gác lên các ghế sau phải được buộc chặt. Đồ vật buộc lỏng có thể bị xô về phía trước nếu bạn phanh gấp.

Bỏ hết đồ vật ở đệm ghế sau và trên sàn xe ra trước khi gập ghế sau.

Để khóa lưng ghế ở vị trí vuông góc, đẩy nó về phía sau cho đến khi nó khoá lại.

Đảm bảo lưng ghế, tựa đầu và đệm ghế được chốt chặt vào đúng vị trí trước khi lái xe. Đồng thời, đảm bảo rằng tất cả các dây đai an toàn vai sau nằm ở phía trước lưng ghế và dây đai an toàn vai giữa được đặt trở lại vào đúng khe giữ.

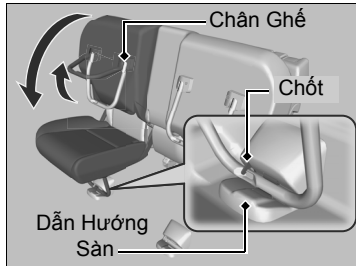
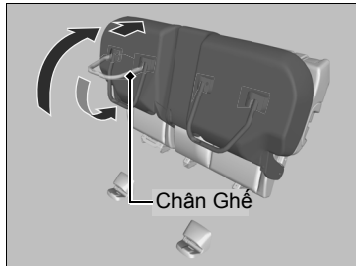
■ Lật Ghế Sau Lên



Lật riêng từng đệm ghế bên trái và bên phải của ghế sau lên để tạo thêm khoảng trống cho khu vực chứa đồ.

■ Nâng đệm ghế lên

1. Đảm bảo chốt dây đai an toàn nằm ở khe trên ghế.
2. Kéo đệm ghế sau lên.
3. Gập chân ghế vào đồng thời ấn đệm ghế tỳ chặt vào lưng ghế để khóa nó.



■ Đưa ghế trở lại vị trí ban đầu

1. Giữ đệm ghế vuông góc và kéo chân ghế ra hết cỡ.
 - Đệm ghế có thể bị rơi xuống bất ngờ khi bạn kéo chân ghế.
2. Đặt từ từ đệm ghế xuống và đặt chân ghế ở đúng dẫn hướng sàn xe.
 - Chốt giữ sẽ bật ra khi chân ghế được đặt đúng vị trí.

►► Lật Ghế Sau Lên

Sau khi lật ghế sau lên hay đưa nó trở lại vị trí ban đầu, cần đảm bảo ghế được chốt chặt bằng cách lắc nó về phía trước và phía sau.

Trước khi kéo đệm ghế lên, cần kiểm tra xem có vật gì trên ghế không. Trước khi đặt lưng ghế trở lại vị trí ban đầu, cần kiểm tra xem có vật gì xung quanh dẫn hướng sàn xe không.

Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

Sau khi tắt cả mọi người trên xe đã điều chỉnh ghế, tựa đầu và đã thắt dây đai an toàn, điều quan trọng là họ phải duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn, cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ đã tắt.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi va chạm. Ví dụ, ngã dài người trên ghế, nằm trên ghế, quay ngang quay dọc, ngồi sát về phía trước, ngã người về phía trước hoặc sang bên cạnh, cho chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi va chạm sẽ rất lớn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí đang nổ.

►► Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

⚠ CẢNH BÁO

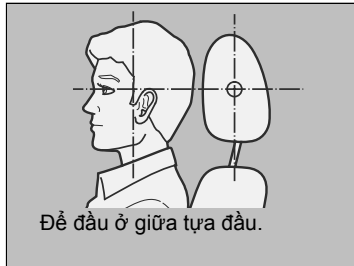
Ngồi không đúng cách hoặc ngồi không đúng vị trí có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.

Tựa Đầu

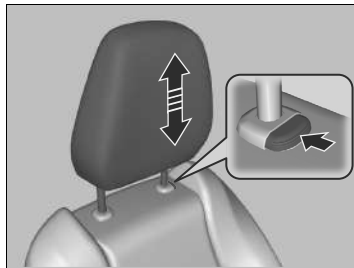
Xe bạn được trang bị các tựa đầu ở tất cả các vị trí ngồi.

■ Điều Chỉnh Tựa Đầu



Các tựa đầu có tác dụng bảo vệ tốt nhất tránh tổn thương do dây đai siết lại và tổn thương do va chạm từ phía sau khi phần giữa phía sau đầu của người sát với phần giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với phần giữa của tựa đầu.

■ Điều chỉnh vị trí tựa đầu ghé trước



Đề nâng tựa đầu: Kéo lên.

Đề hạ tựa đầu: Ấn xuống đồng thời ấn nút nhỏ.

⚠️ Điều Chỉnh Tựa Đầu

⚠️ CẢNH BÁO

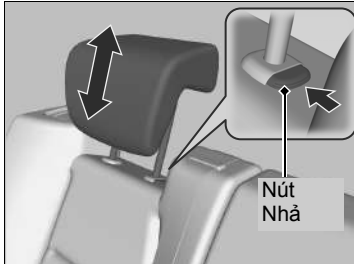
Tựa đầu không được điều chỉnh hợp lý sẽ bị giảm hiệu quả sử dụng và làm tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

Đảm bảo các tựa đầu được đặt đúng vị trí và được điều chỉnh hợp lý trước khi lái.

Để hệ thống tựa đầu hoạt động đúng cách:

- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí thích hợp.

■ Điều Chỉnh Vị trí Tựa Đầu Ghế Sau



Hành khách ngồi ở ghế sau phía ngoài hoặc giữa* nên điều chỉnh độ cao của tựa đầu đến vị trí phù hợp trước khi xe bắt đầu di chuyển.

Để nâng tựa đầu:

Kéo lên.

Để hạ tựa đầu:

Ấn xuống đồng thời ấn nút nhả.

■ Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu

Có thể tháo các tựa đầu để lau chùi hoặc sửa chữa.

Để tháo tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó ấn nút nhả đồng thời kéo lên và kéo tựa đầu ra.

Để lắp lại tựa đầu:

Lắp các chân vào đúng lỗ, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến một độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhả. Kéo tựa đầu lên để đảm bảo nó đã được chốt chặt đúng vị trí.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Điều Chỉnh Vị trí Tựa Đầu Ghế Sau

Khi sử dụng tựa đầu ghế sau, kéo nó lên mức cao nhất. Không để nó ở mức thấp.

►► Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu

⚠ CẢNH BÁO

Không lắp lại tựa đầu hoặc lắp lại không chính xác có thể dẫn đến bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

Luôn lắp lại tựa đầu trước khi lái xe.

Để tháo và lắp tựa đầu ghế ngoài phía sau, đẩy nhẹ lưng ghế về phía trước để tạo một khoảng trống nhất định giữa trần xe và lưng ghế.

Tựa Tay

■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Trước



Có thể sử dụng nắp hộp đựng đồ để làm tựa tay.

Để điều chỉnh:

Trượt tựa tay đến vị trí mong muốn.

■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Sau*

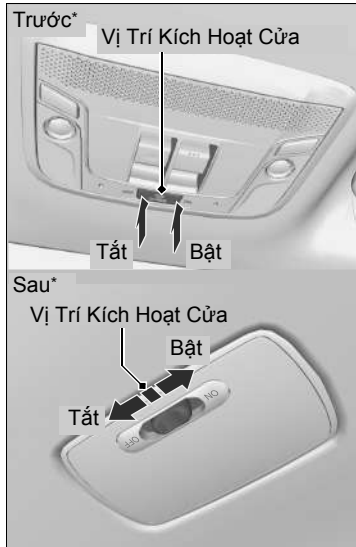


Kéo tựa tay ở lưng ghế giữa xuống.

Đèn Trong Xe/Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong

Đèn Trong Xe

Công Tác Đèn Trong Xe



■ BẬT

Các đèn trong xe sẽ sáng cho dù các cửa mở hay đóng.

■ Kích hoạt cửa

Các đèn trong xe sáng trong những trường hợp sau:

- Khi bất kỳ cửa nào mở.
- Khi bạn mở khóa cửa người lái.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Bạn rút chìa khoá ra khỏi ổ khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Khi chế độ nguồn được đặt ở TẮT MÁY (KHÓA).

■ TẮT

Các đèn trong xe không sáng dù cửa có mở hay không.

» Công Tác Đèn Trong Xe

Ở vị trí kích hoạt cửa, các đèn trong xe mờ dần và tắt sau khi đóng các cửa khoảng 30 giây. Các đèn tắt sau 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi bạn mở khoá cửa người lái nhưng không mở cửa.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Khi bạn rút chìa khoá ra khỏi ổ khoá điện nhưng không mở cửa nào.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA), nhưng không mở cửa nào.

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Bạn có thể thay đổi thời gian mờ dần của các đèn trong xe.

➤ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147

Đèn trong xe tắt ngay trong những trường hợp sau:

- Khi bạn khoá cửa người lái.
- Khi bạn xoay khoá điện đến BẬT II*¹.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Khi đóng cửa người lái với chìa khoá trong ổ khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Khi bạn đóng cửa người lái ở chế độ PHỤ KIỆN.

Để ắc quy không bị nhanh hết điện, không nên để đèn trong xe sáng lâu khi động cơ đã tắt.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Đọc Sách

Loại xe có đèn đọc sách LED

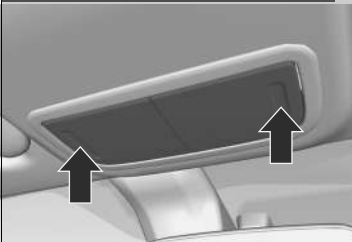
Trước




Sau



Loại xe có đèn đọc sách loại bóng tròn



Có thể bật hoặc tắt đèn đọc sách bằng cách ấn nút  (đèn đọc sách).


Có thể bật hoặc tắt đèn đọc sách bằng cách ấn vào các thấu kính.

►►Công Tắc Đèn Trong Xe

Nếu bạn để bất kỳ cửa nào mở khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA), hoặc chìa khóa không ở trong ổ khóa điện, các đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.

►►Đèn Đọc sách

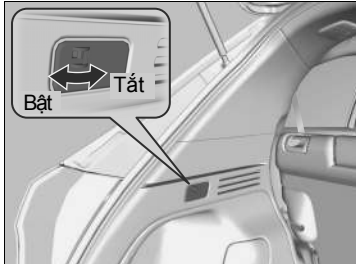
Loại xe có công tắc đèn trong xe (phía trước)

Khi công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa và có bất kỳ cửa nào mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn nút .

Loại xe có công tắc đèn trong xe (phía sau)

Khi công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa và có bất kỳ cửa nào mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn vào các thấu kính.

■ Đèn Khoang Hành Lý*



■ BẬT

Đèn sáng khi bạn mở cửa hậu và đèn tắt khi bạn đóng cửa hậu.

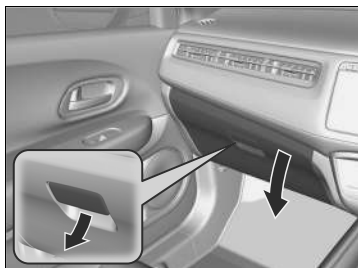
■ TẮT

Đèn vẫn tắt dù cửa hậu mở hoặc không mở.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong

■ Hộp Đựng Đồ



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.

■ Hộp Đựng Đồ Trung Tâm



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ trung tâm.

»» Hộp Đựng Đồ

⚠ CẢNH BÁO

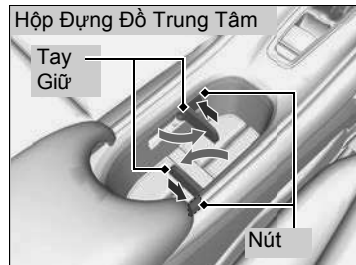
Hộp đựng đồ mở có thể làm cho hành khách bị trọng thương khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt dây đai an toàn.

Luôn đóng hộp đựng đồ trong khi lái xe.

■ Ngăn Để Cốc



■ Ngăn để cốc ghế trước



■ Ngăn để cốc hộp đựng đồ trung tâm

Loại xe Australia, New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Ma Cao

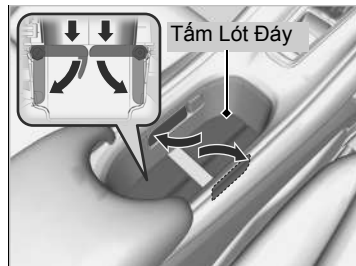
Loại xe Trung Đông và Châu Phi với vô lăng bên trái có cửa sổ trời toàn cảnh

Đề đặt cốc ngắn:

Ấn nút bên trong hộp đựng đồ để nâng tấm lót đáy hộp. Tay giữ sẽ xuất hiện để giữ cốc.

Đề đặt cốc dài:

Đóng tay giữ và đẩy tấm lót đáy xuống.

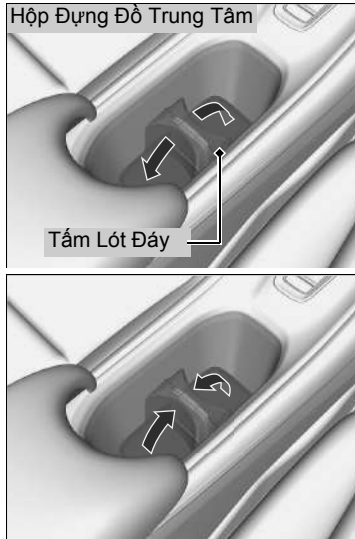


»»Ngăn Để Cốc

CHÚ Ý

Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm và các thiết bị điện trong xe.

Cẩn thận khi bạn đang sử dụng ngăn để cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.

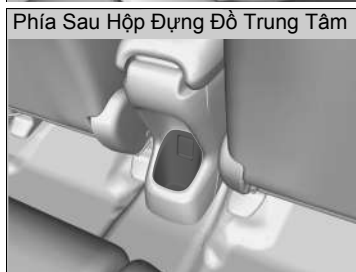
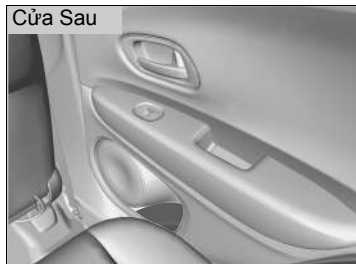


Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Ma Cao

Loại xe Trung Đông và Châu Phi có vô lăng bên trái không có cửa sổ trời toàn cảnh

Để đặt cốc ngắn: Đẩy tám lót đáy xuống.

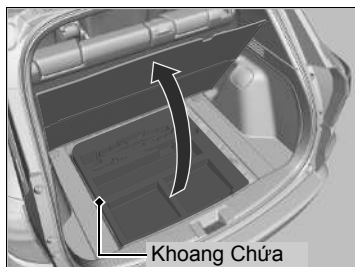
Để đặt cốc dài: Kéo tám lót đáy lên.



■ Ngăn để cốc ghế sau

Điều Khiển

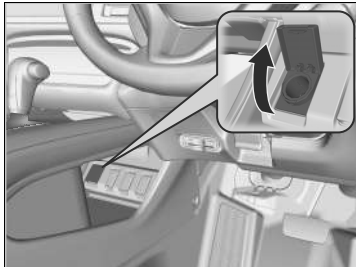
■ Khoang Chứa Đồ Dưới Sàn Xe*



Kéo nắp khoang chứa đồ lên.

■ (Các) Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi khoá điện ở PHỤ KIỆN I hoặc BẬT II*¹.



■ Bảng điều khiển

Mở nắp để sử dụng.

»(Các) Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

CHÚ Ý

Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm này vì nó có thể làm ổ cắm bị quá nhiệt.

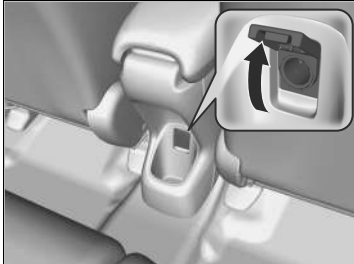
Ổ cắm điện phụ kiện được thiết kế để cung cấp nguồn điện một chiều 12 vôn với công suất 180 W (15 ampe) trở xuống.

Để tránh ắc quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang chạy.

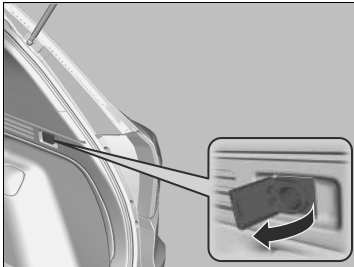
Không cắm cùng lúc nhiều phụ kiện với công suất quá 180 W (15 ampe) vào các ổ cắm điện phụ kiện.

Điều Khiển

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.



■ **Phía sau hộp đựng đồ trung tâm***
Mở nắp để sử dụng.

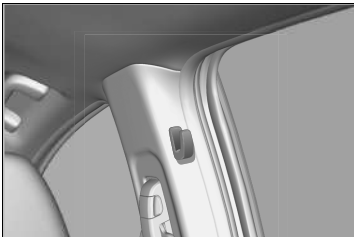


■ **Khoang chứa đồ***
Mở nắp để sử dụng.

■ (Các) Móc Treo Áo



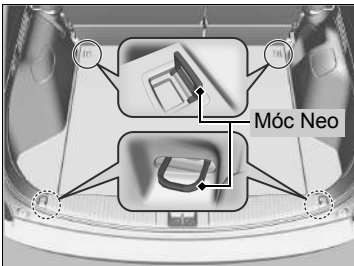
Có một móc treo áo trên tay cầm trái và/hoặc phải. Kéo xuống để sử dụng.



Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.8 L

Có các móc treo áo trên trụ cửa trái và phải.

■ Móc Neo Giữ Đồ



Có thể sử dụng các móc neo chỗ sàn xe có khoang chứa phía dưới để móc lưới giữ đồ.

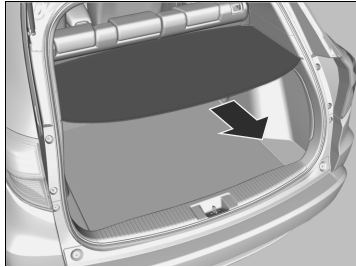
►► (Các) Móc Treo Áo

Móc treo áo không thiết kế để treo các đồ vật to hoặc nặng.

►► Móc Neo Giữ Đồ

Không để ai lấy đồ trong khoang chứa dưới sàn xe khi đang lái xe vì họ có thể bị thương do va chạm với những đồ chưa được buộc chặt khi bạn phanh xe gấp.

■ Tầm Che Khoang Hành Lý



Tầm che khoang hành lý được dùng để che hành lý không bị nắng chiếu vào trực tiếp.

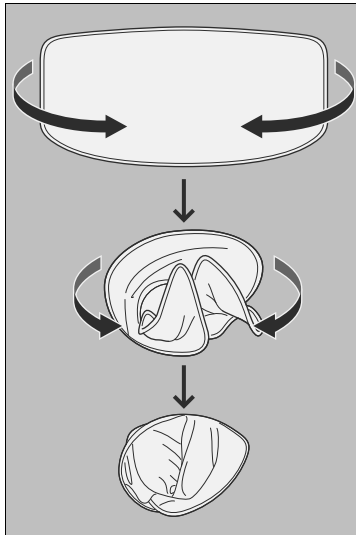
■ Để tháo:

Kéo tầm che ra sau và tháo nó ra.

■ Để gấp lại:

Tầm che có thể gấp lại như sau:

1. Kéo phía đối diện ra và gấp lại một nửa rồi cuộn nó lại theo hướng ngược lại.
2. Cuộn nhỏ tầm che lại như hình vẽ.



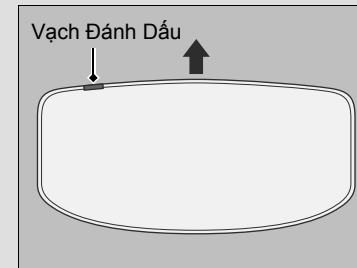
☒ Tầm Che Khoang Hành Lý

Không để ai lấy đồ trong khoang chứa dưới sàn khi đang lái xe vì họ có thể bị thương do bị những đồ chưa được buộc chặt xô vào khi bạn phanh xe gấp. Không để đồ trong khoang chứa cao hơn đỉnh ghế vì như vậy bạn có thể bị khuất tầm nhìn và đồ đạc có thể bị xô về phía trước khi bạn phanh gấp.

Để tránh làm hỏng tầm che, không:


- Để đồ lên tầm che.
- Ấn mạnh lên tầm che.

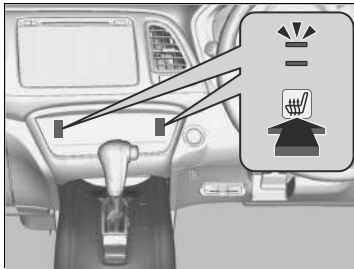
Khi lắp lại tầm che, hãy đặt mặt có đánh dấu xuống trước.



■ Bộ Sưởi Ghế*



Khoá điện phải ở BẬT ^{*1} để sử dụng bộ sưởi ghế.



Ấn vào biểu tượng bộ sưởi ghế.

Một lần - Chế độ HI (hai đèn báo sáng)

Hai lần - Chế độ LO

Ba lần - Chế độ OFF (không đèn nào sáng)

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Bộ Sưởi Ghế*

⚠CẢNH BÁO

Khi sử dụng bộ sưởi ghế, nhiệt có thể gây ra cháy.

Với những người với khả năng cảm nhận nhiệt độ bị giảm (ví dụ người bị tiểu đường, dây thần kinh chi dưới bị tổn thương, hoặc bị bại liệt) hoặc người có da nhạy cảm thì không nên dùng bộ sưởi ghế.


Khi động cơ đã tắt, không nên sử dụng bộ sưởi ghế kể cả ở chế độ LO. Vì nếu dùng, ắc quy có thể bị yếu, làm động cơ khó khởi động.

Ở chế độ LO, bộ sưởi sẽ hoạt động liên tục và không tự động tắt.

Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát*

SỬ DỤNG HỆ THỐNG THÔNG GIÓ, Sưởi * và ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Điều Khiển




The diagram shows the climate control panel with five icons at the top: a person with a fan, a person with a fan and a car, a person with a fan, a person with a fan and a car, and a fan. Below the panel, there are five callout boxes with arrows pointing to specific controls.

Thông gió bằng táp-lô **Thông gió bằng táp-lô và sàn** **Thông gió sàn** **Thông gió sàn và sấy kính** **Thông gió sấy kính**

Núm Điều Khiển Nhiệt Độ**
Điều chỉnh nhiệt độ trong xe.

Núm Điều Khiển Nhiệt Độ**
Thay đổi luồng khí.

Núm Điều Khiển Quạt
Điều chỉnh tốc độ quạt. Xoay núm hết cỡ sang **OFF** để tắt toàn bộ chế độ.

Nút (Lấy Gió Trong):
Ấn nút  và bật chế độ dựa vào điều kiện môi trường.

Nút A/C**
Ấn để làm mát trong xe hoặc hút ẩm trong khi bật chế độ sưởi.

Chế Độ Lấy Gió Trong (đèn báo sáng):
Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

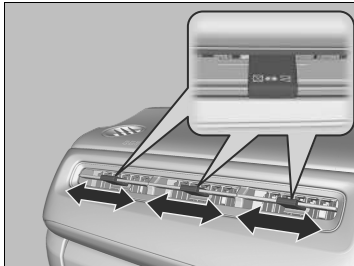
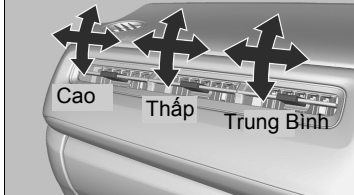
Chế Độ Lấy Gió Ngoài (đèn báo tắt):
Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong điều kiện bình thường.

* 1: Loại vô lăng bên phải như hình vẽ. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này được đặt ở các vị trí đối xứng với loại vô lăng bên phải.

■ Cửa Thông Gió Phía Hành Khách

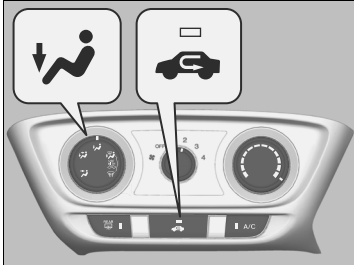
Có ba cửa thông gió riêng biệt phía hành khách trước để điều chỉnh tốc độ luồng khí khác nhau khắp xe. Hành khách có thể:

Điều chỉnh từ trái sang phải hoặc từ trên xuống dưới





- Điều chỉnh từng cửa thông gió để tối ưu hóa luồng khí khắp xe.
- Đóng từng cửa thông gió để điều chỉnh luồng khí cho phù hợp với hành khách.



■ Sưởi*



Bộ sưởi sử dụng nhiệt từ nước làm mát động cơ để làm ấm không khí.



1. Sử dụng núm điều khiển quạt để điều chỉnh tốc độ quạt.
2. Chọn  và ấn nút  (đèn báo tắt).
3. Sử dụng núm điều khiển nhiệt độ để điều chỉnh nhiệt độ.

■ Để làm ấm trong xe nhanh

1. Cài đặt tốc độ quạt ở mức cao nhất.
2. Chọn .
3. Cài đặt nhiệt độ ở mức cao nhất.
4. Ấn nút  (đèn báo sáng).

■ Để hút ẩm trong xe

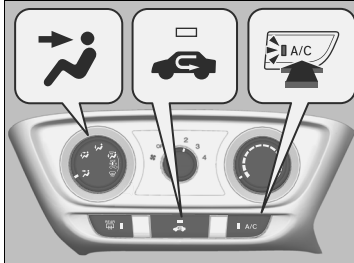
Dùng bộ sưởi kết hợp với hệ thống điều hòa sẽ giúp trong xe ấm lên và không bị ẩm đồng thời giúp các cửa kính không bị đọng sương.

1. Bật quạt.
2. Ấn nút **A/C** để bật điều hòa.
3. Chọn  và ấn nút  (đèn báo sáng). Điều chỉnh nhiệt độ theo ý của bạn.

☒ Để làm ấm trong xe nhanh

Chuyển sang chế độ lấy gió ngoài ngay sau khi trong xe đã đủ ấm. Các cửa kính có thể bị đọng sương nếu vẫn để ở chế độ lấy gió trong.

■ Làm Mát

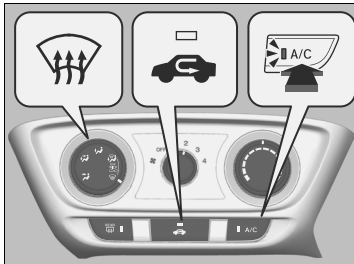


1. Sử dụng núm điều khiển quạt để điều chỉnh tốc độ quạt.
2. Chọn và ấn nút (đèn báo sáng).
3. Sử dụng núm điều khiển nhiệt độ để điều chỉnh nhiệt độ.
4. Ấn nút **A/C** (đèn báo sáng).

■ Để làm mát trong xe nhanh

1. Cài đặt tốc độ quạt ở mức cao nhất.
2. Chọn .
3. Cài đặt nhiệt độ ở mức thấp nhất.
4. Ấn nút **A/C** (đèn báo sáng).
5. Ấn nút (đèn báo sáng).

■ Sấy Kính Chắn Gió và Cửa Kính



1. Cài đặt tốc độ quạt ở mức cao nhất.
2. Chọn .
3. Ấn nút (đèn báo sáng).
4. Ấn nút **A/C** (đèn báo sáng).

Loại xe có hệ thống sưởi

■ Sấy cửa kính nhanh

1. Cài đặt tốc độ quạt ở mức cao nhất.
2. Chọn .
3. Ấn nút **A/C** (đèn báo sáng).
4. Ấn nút (đèn báo sáng).
5. Cài đặt nhiệt độ ở mức cao nhất.

►► Để làm mát trong xe nhanh

Nếu trong xe nóng quá, bạn có thể làm mát nhanh hơn bằng cách mở một phần cửa kính.

Loại xe có nút ECON

Khi ở chế độ ECON, hệ thống có sự giao động nhiệt độ cao hơn.

►► Sấy Kính Chắn Gió và Cửa Kính

Vi sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái.

Không cài đặt nhiệt độ ở gần mức giới hạn trên hoặc dưới.

Khi kính chắn gió bị khí lạnh phá vào, mặt ngoài kính chắn gió sẽ bị đọng sương.

Nếu các cửa kính bên bị đọng sương, điều chỉnh thông gió để cho khí phá vào phía đó.

►► Để sấy cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương cửa kính, hãy chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Nếu bạn giữ hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể sẽ bị đọng sương do hơi ẩm. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tầm nhìn khi lái xe.

Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu*

Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

Hệ thống điều khiển khí hậu tự động duy trì nhiệt độ bên trong xe mà bạn đã chọn. Hệ thống cũng sẽ điều chỉnh nhiệt độ ở chế độ sưởi* hoặc làm mát để tăng hoặc giảm nhiệt độ trong xe đến mức bạn muốn một cách nhanh nhất.

» Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

Nếu bạn chọn biểu tượng nào đó khi hệ thống điều khiển khí hậu đang ở chế độ tự động, chức năng của nút đó sẽ được ưu tiên.

Đèn báo **AUTO** tắt, nhưng những chức năng không liên quan đến biểu tượng mà bạn đã chọn sẽ vẫn được điều khiển tự động.

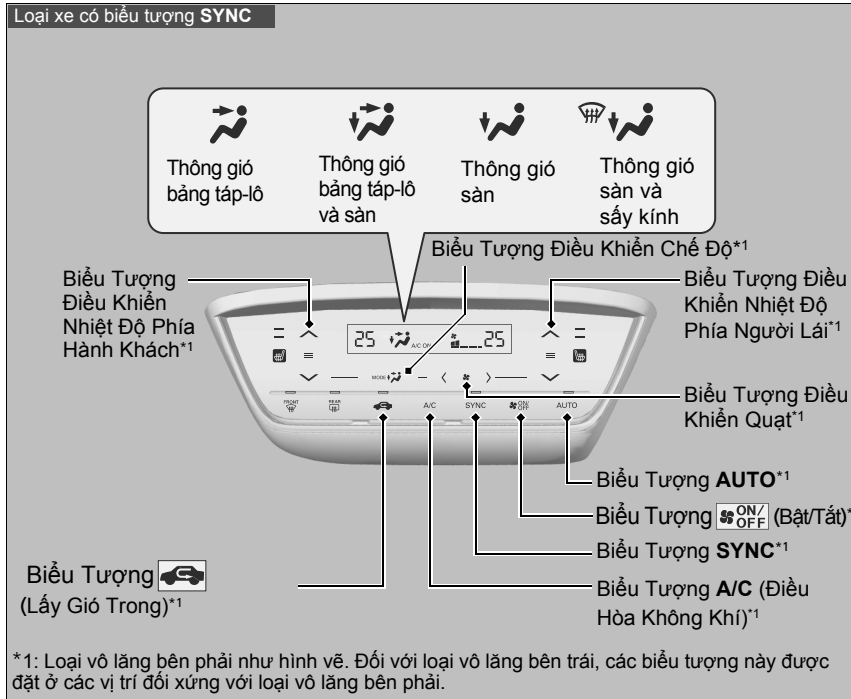
Loại xe có Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Ở chế độ tự động dừng động cơ tạm thời, điều hòa không khí bị treo, và chỉ có quạt gió hoạt động. Nếu bạn không muốn điều hòa không khí bị treo, ấn nút **TẮT** Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời để hủy dừng động cơ tạm thời.

Để ngăn khí lạnh thổi vào từ bên ngoài, quạt có thể không khởi động ngay lập tức khi biểu tượng **AUTO** được chọn.

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở một phần cửa kính, xoay hệ thống đến chế độ auto và cài đặt nhiệt độ ở mức thấp. Chuyển chế độ lấy gió ngoài sang chế độ lấy gió trong cho đến khi nhiệt độ mát lại.

Khi bạn đặt nhiệt độ đến mức giới hạn trên hoặc dưới, **Lo** hoặc **Hi** được hiển thị.

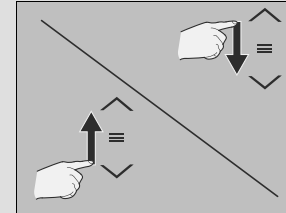


Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Chọn biểu tượng **AUTO**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ bên trong bằng biểu tượng điều khiển nhiệt độ phía người lái và hành khách.
3. Chọn biểu tượng **ON/OFF** để hủy bỏ.

►► Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

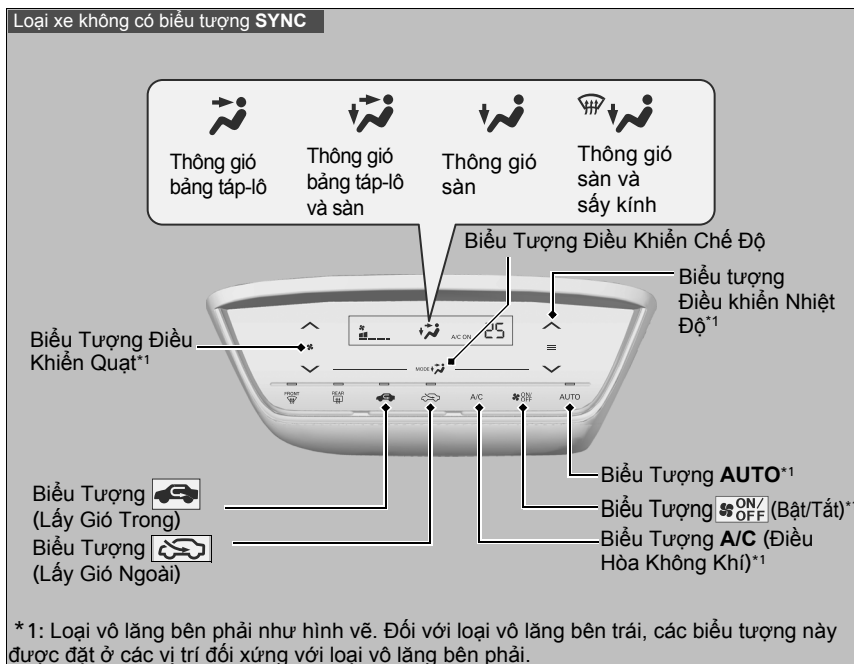
Bạn có thể tăng hoặc giảm nhiệt độ hoặc tốc độ quạt bằng cách chạm nhẹ vào một trong hai biểu tượng.



Chọn biểu tượng **ON/OFF** để bật hoặc tắt hệ thống điều khiển khí hậu. Khi bật, hệ thống sẽ quay lại lựa chọn mới nhất của bạn.

Loại xe có chế độ ECON

Khi chế độ ECON được kích hoạt, hệ thống điều khiển khí hậu có thể làm giảm hiệu suất làm mát.




Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Chọn biểu tượng **AUTO**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ bên trong bằng biểu tượng điều khiển nhiệt độ.
3. Chọn biểu tượng **ON/OFF** để hủy bỏ.

■ Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và chế độ lấy gió ngoài



Loại xe có biểu tượng SYNC

Chọn biểu tượng  (lấy gió trong) và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.

Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

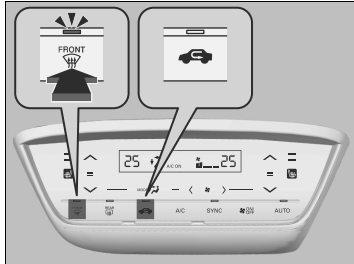
Loại xe không có biểu tượng SYNC

Chọn biểu tượng  (lấy gió trong) hoặc  (lấy gió ngoài) để chuyển đổi chế độ tùy thuộc vào điều kiện môi trường.



Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo sáng): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

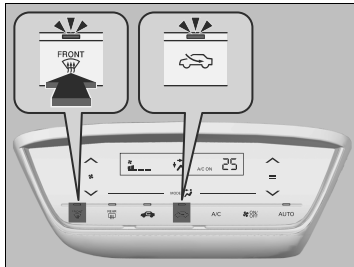
■ Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính





Loại xe có biểu tượng SYNC

Chọn biểu tượng  để bật hệ thống điều hoà không khí. Chọn biểu tượng  (đèn báo tắt) để chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Chọn biểu tượng  để tắt, hệ thống sẽ trở lại cài đặt trước đó.




Loại xe không có biểu tượng SYNC

Chọn biểu tượng  để bật hệ thống điều hoà không khí. Chọn  để chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Loại xe Châu Phi, Mỹ La-tinh và Trung Đông

Loại xe New Zealand có động cơ 1.5 L

Chọn biểu tượng  để bật hệ thống điều hoà không khí và tự động chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Chọn lại biểu tượng  để tắt, hệ thống sẽ trở lại cài đặt trước đó.

» Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính


Để đảm bảo an toàn, trước khi lái xe, bạn cần phải nhìn được rõ qua các cửa kính.

Không đặt nhiệt độ gần mức giới hạn trên hoặc dưới.

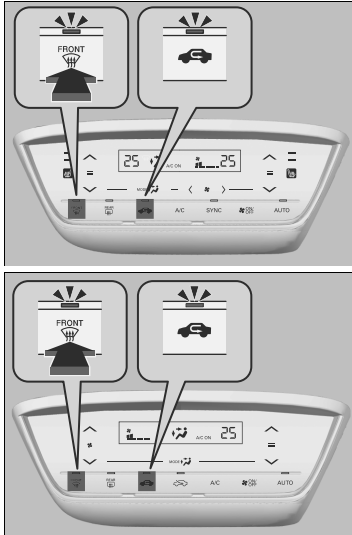
Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài của kính chắn gió có thể đóng sương.

Nếu các cửa kính bên bị đóng sương, điều chỉnh thông gió sao cho khí phả vào các cửa kính bên.

Loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Nếu bạn chọn biểu tượng  khi đang ở chế độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, động cơ sẽ tự động khởi động lại.



■ Để sấy các cửa kính nhanh



Loại xe có biểu tượng SYNC

1. Chọn biểu tượng  .
2. Chọn biểu tượng  (đèn báo sáng).

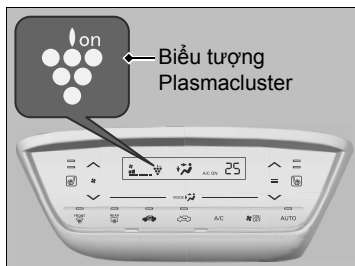
Loại xe không có biểu tượng SYNC

1. Chọn biểu tượng  .
2. Chọn biểu tượng  .

►► Để sấy các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương, chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm. Điều này có thể làm giảm tầm nhìn.

■ Công Nghệ Plasmacluster*



← Biểu tượng Plasmacluster

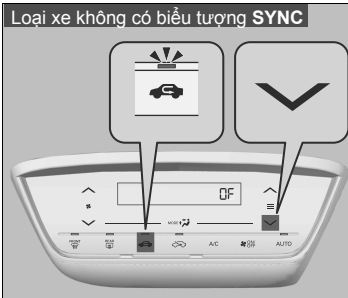
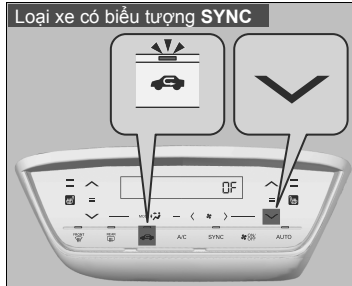
Plasmacluster bật khi hệ thống điều khiển khí hậu hoặc quạt bật. Biểu tượng plasmacluster sẽ sáng trên màn hình hiển thị của hệ thống.

☒ Công Nghệ Plasmacluster*

Plasmacluster là một thương hiệu của Tập Đoàn Sharp.

■ Bật và Tắt Tiếng Bíp Màn Hình Cảm Ứng

Bạn sẽ nghe thấy tiếng bip khi vận hành hệ thống điều khiển khí hậu trên màn hình cảm ứng. Bạn có thể bật và tắt tiếng bip này.



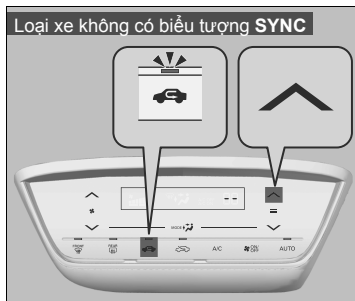
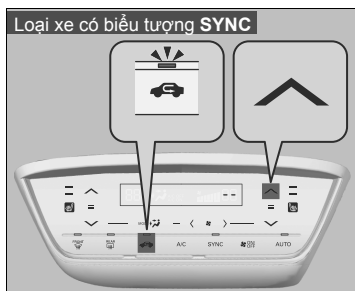
Để tắt tiếng bip:

1. Xoay khoá điện đến BẬT II^{*1}.
2. Ấn vào biểu tượng điều khiển nhiệt độ năm lần trong khi ấn và giữ .
3. Thả sau khi -- nhấp nháy năm lần và **OFF** hiển thị.

►►Bật và Tắt Tiếng Bíp Màn Hình Cảm Ứng

Nếu bạn ấn vào biểu tượng nào khác trong khi thực hiện quy trình này, thì sẽ không cài đặt được. Trong trường hợp này, xoay khoá điện đến TẮT 0^{*1}, sau đó thực hiện lại quy trình này.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.



Để bật tiếng bíp:

1. Xoay khoá điện đến BẬT II *1.
2. Ấn vào biểu tượng điều khiển nhiệt độ năm lần trong khi ấn và giữ .
3. Nhả sau khi **OF** nhấp nháy năm lần và -- hiển thị.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

■ Cài Đặt Độ Nhạy Màn Hình Cảm Ứng

Bạn có thể cài đặt mức độ nhạy của màn hình điều khiển cảm ứng ở mức cao, trung bình, hoặc thấp.



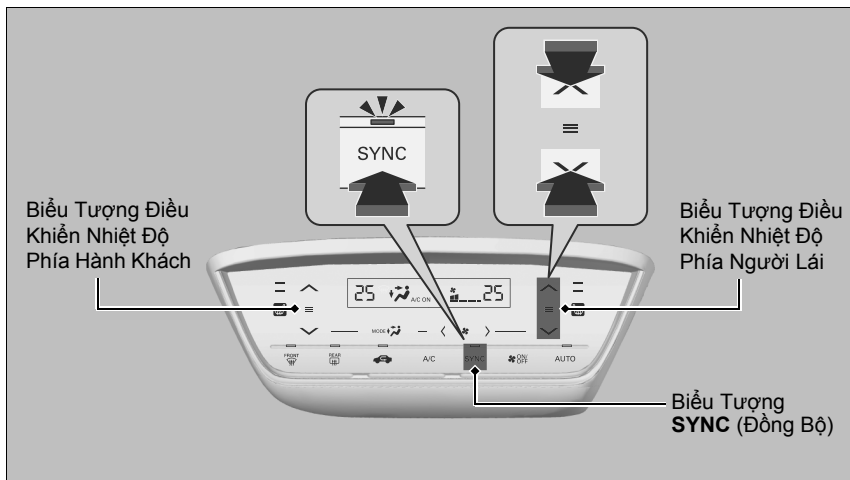
1. Xoay khoá điện đến BẬT [II]^{*1}.
2. Ấn và giữ biểu tượng **AUTO**, sau đó ấn biểu tượng bất kỳ trong năm biểu tượng bên dưới để cài đặt mức độ.
 - : Cao (**Hi**).
► Cài đặt trước đó nhấp nháy năm lần và **Hi** sẽ hiển thị trong khu vực hiển thị nhiệt độ.
 - : Bình thường (--)
► Cài đặt trước đó nhấp nháy năm lần và -- sẽ hiển thị trong khu vực hiển thị nhiệt độ.
 - : Thấp (**Lo**)
► Cài đặt trước đó nhấp nháy năm lần và **Lo** sẽ hiển thị trong khu vực hiển thị nhiệt độ.
3. Nhả biểu tượng **AUTO**.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

►► Cài Đặt Độ Nhạy Màn Hình Cảm Ứng

Nếu bạn ấn vào biểu tượng nào khác trong khi thực hiện quy trình này, thì sẽ không cài đặt được. Trong trường hợp này, xoay khoá điện đến KHOÁ [0]^{*1}, sau đó thực hiện lại quy trình này.

■ Chế Độ Đồng Bộ*



Bạn có thể đặt cùng nhiệt độ cho bên người lái và bên hành khách ở chế độ đồng bộ.

1. Chọn biểu tượng SYNC.

► Hệ thống chuyển sang chế độ đồng bộ.

2. Điều chỉnh nhiệt độ bằng cách sử dụng biểu tượng điều khiển nhiệt độ phía người lái.

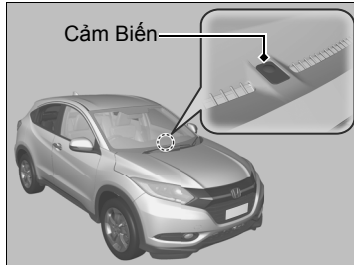
Chọn biểu tượng **SYNC** để trở lại chế độ điều chỉnh riêng từng vùng.

▣ Chế Độ Đồng Bộ*

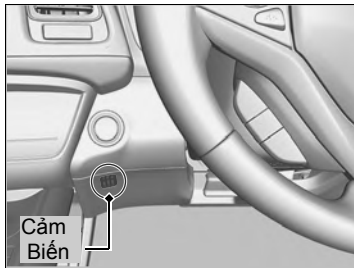
Khi chọn biểu tượng , hệ thống chuyển sang chế độ đồng bộ.

Khi hệ thống ở chế độ điều chỉnh riêng từng vùng, nhiệt độ phía người lái và nhiệt độ phía hành khách có thể được cài đặt riêng.

Các Cảm Biến Điều Khiển Khí Hệu Tự Động



Hệ thống điều khiển khí hệu tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm dây chăt lỏng vào chúng.





Tính Năng

Chương này mô tả cách vận hành các tính năng công nghệ.

Hệ Thống Âm Thanh*	
Hệ Thống Âm Thanh Ở Xe Bận.....	268
(Các) Cổng USB	269
Cổng HDMI™*	270
Cổng AUX*	271
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa*	272
Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng	
Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh	274
Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu	
Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh	292
Loại xe có hệ thống màn hình hiển thị âm thanh	
Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh	314
Thông Báo Lỗi Âm Thanh*	341
Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh*	343
Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu	
Tính Năng Tùy Chọn	347
Loại xe có hệ thống màn hình hiển thị âm thanh	
Tính Năng Tùy Chọn	354
Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng	
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay	367
Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu	
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay	390
Loại xe có hệ thống màn hình hiển thị âm thanh	
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay	411

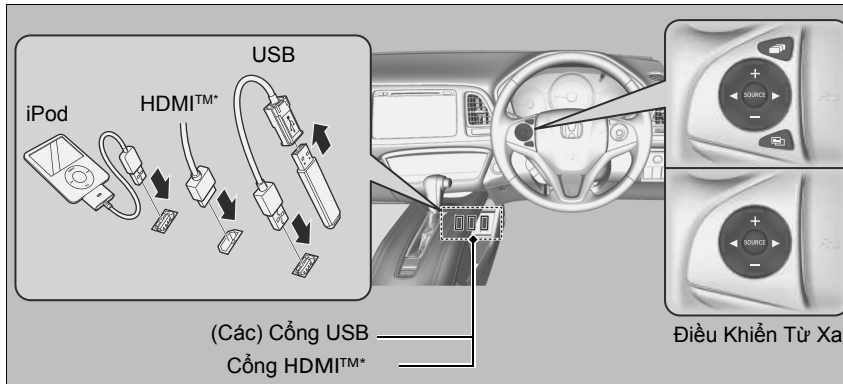
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Âm Thanh*

Hệ Thống Âm Thanh Ở Xe Bạn

Hệ thống âm thanh có tính năng đài AM/MF. Nó cũng có thể phát CD, các định dạng file WMA/MP3/AAC và các thiết bị USB và iPod, iPhone và *Bluetooth*®.

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh bằng các nút và các công tắc trên bảng điều khiển, các nút điều khiển từ xa* trên vô lăng, hoặc các biểu tượng trên màn hình cảm ứng*.

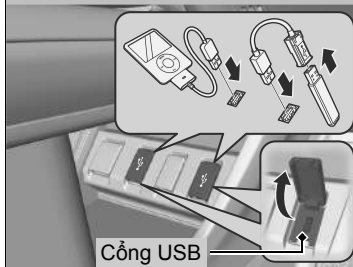


▶▶ Hệ Thống Âm Thanh Ở Xe Bạn

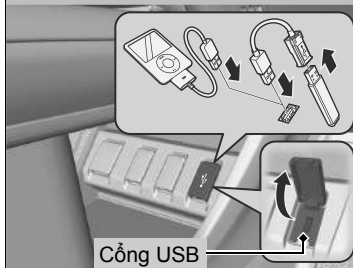
Không hỗ trợ các CD, DVD và CD nhỏ 8 mm.
iPod, iPhone và iTunes là thương hiệu của Tập Đoàn Apple.

(Các) Cổng USB

Loại xe có hệ thống màn hình hiển thị âm thanh



Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu và màn hình âm thanh đen trắng



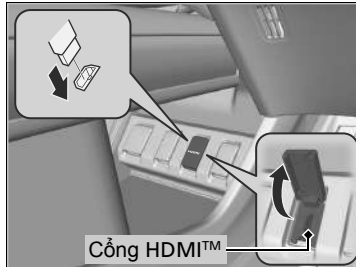
1. Mở nắp.
2. Cắm đầu kết nối USB của iPod hoặc USB vào cổng USB.

» (Các) Cổng USB

- Không để iPod hay USB trong xe. Ánh nắng trực tiếp từ mặt trời và nhiệt độ cao có thể làm hỏng chúng.
- Không nối iPod hoặc USB bằng bộ nối ngoài.
- Không sử dụng thiết bị như: đầu đọc thẻ hoặc ổ cứng, vì thiết bị hoặc các file có thể bị hỏng.
- Bạn nên lưu trữ dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

Nếu hệ thống âm thanh không nhận iPod, thử kết nối lại vài lần hoặc khởi động lại thiết bị. Để khởi động lại, làm theo chỉ dẫn của nhà sản xuất trong cuốn hướng dẫn đi kèm với iPod hoặc truy cập trang web www.apple.com/ipod.

Cổng HDMI™*



1. Mở nắp.
2. Cắm đầu cáp HDMI™ vào cổng HDMI™.

» Cổng HDMI™*

- Không được để thiết bị đã kết nối HDMI™ trong xe. Nhiệt độ cao và ánh nắng trực tiếp từ mặt trời có thể làm hỏng chúng.
- Bạn nên lưu trữ dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

Thuật ngữ HDMI và HDMI High-Definition Multimedia Interface và Logo HDMI là các thương hiệu đã được đăng ký nhãn hiệu bởi HDMI Licensing LLC tại Mỹ và các quốc gia khác.

Cổng AUX*

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng



Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu



Sử dụng cổng này để kết nối các thiết bị âm thanh chuẩn.

1. Mở nắp **AUX**.
2. Nối thiết bị âm thanh chuẩn vào cổng bằng giắc cắm mini 3,5 mm.
 - Hệ thống âm thanh tự động chuyển sang chế độ AUX.

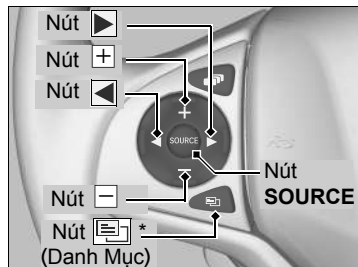
► Cổng AUX*

Để chuyển chế độ, ấn nút chế độ âm thanh bất kỳ. Bạn có thể quay lại chế độ AUX bằng cách ấn nút **CD/AUX**.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa*

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe.



Nút SOURCE (NGUỒN)

Thứ tự các chế độ âm thanh như sau:
FM → AM* → LW* → MW* → CD → USB →
iPod → Apps* → Bluetooth® → Audio
→ AUX*/AUX HDMI™*

Các nút + - (Âm Lượng)

Ấn + : Để tăng âm lượng.

Ấn - : Để giảm âm lượng.

Các nút ◀ ▶

- Khi nghe radio

Ấn ▶ : Để chọn kênh radio cài đặt sẵn tiếp theo.

Ấn ◀ : Để chọn kênh radio cài đặt sẵn trước đó.

Ấn và giữ ▶ : Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.

Ấn và giữ ◀ : Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.

- Khi nghe CD, iPod, USB hoặc Âm thanh Bluetooth®

Ấn ▶ : Để bỏ qua sang bài tiếp theo.

Ấn ◀ : Để trở lại phần đầu của bài hiện tại hoặc bài trước đó.

- Khi nghe CD hoặc USB

Ấn và giữ ▶ : Để chuyển sang thư mục tiếp theo.

Ấn và giữ ◀ : Để trở lại thư mục trước đó.






◀ Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa*

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Tùy thuộc vào thiết bị Bluetooth® mà bạn kết nối, một số chức năng có thể không hoạt động.


Loại xe có hệ thống màn hình hiển thị âm thanh

Nút  (Danh Mục) Trên Vô Lãng

- Khi nghe radio
Ấn  : Để hiển thị các mục danh mục. Bạn có thể chọn **Scan**, **Save Preset**, hoặc **Seek**.
- Khi nghe CD hoặc USB
Ấn  : Để hiển thị các mục danh mục. Bạn có thể chọn **Scan**, **Repeat**, hoặc **Random**.
- Khi nghe iPod
Ấn  : Để hiển thị các mục danh mục. Bạn có thể chọn **Repeat** hoặc **Shuffle**.
- Khi nghe Âm Thanh qua *Bluetooth*[®]
Ấn  : Để hiển thị các mục danh mục. Bạn có thể chọn **Pause** hoặc **Play**.
- Khi xem video
Ấn  : Để hiển thị các mục danh mục. Bạn có thể chọn **Scan**, **Repeat**, **Random** hoặc **Play/Pause**.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

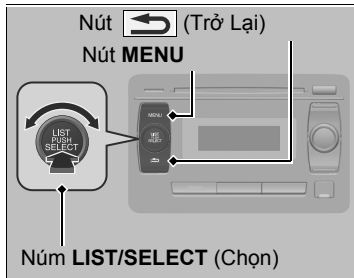
► Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa*

Nút  chỉ có khi chế độ âm thanh ở FM, AM, CD, USB, iPod, hoặc Âm Thanh qua *Bluetooth*[®].


Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh


Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng

Để sử dụng hệ thống âm thanh, khoá điện phải ở PHỤ KIỆN  hoặc BẬT  *1.




Sử dụng nút chọn hoặc ấn nút **MENU** để truy cập một số chức năng âm thanh.

Ấn  để chuyển đổi giữa hiển thị thường và hiển thị mở rộng đối với một số chức năng.

Nút LIST/SELECT (Chọn): Xoay sang trái hoặc phải để di chuyển đến các mục lựa chọn có sẵn. Ấn  để thiết lập sự lựa chọn của bạn.

Nút MENU: Ấn để chọn chế độ bất kỳ. Chế độ có sẵn gồm chọn tự động, lưu cài đặt sẵn, cài đặt âm thanh, cài đặt *Bluetooth*[®] và các chế độ phát. Có thể chọn các chế độ phát từ quét, ngẫu nhiên, lặp lại, v.v.


Nút  (Trở Lại): Ấn để trở lại màn hình hiển thị trước đó khi đang hiển thị danh sách hoặc màn hình danh mục.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.







» Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Các biểu tượng này được sử dụng để chỉ dẫn cách vận hành nút chọn.

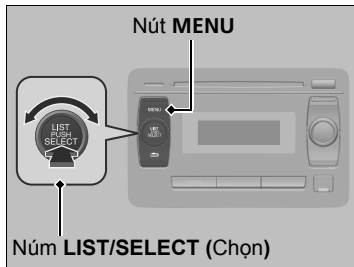
Xoay  để chọn.

Ấn  để thực hiện.

Các Mục Danh Mục

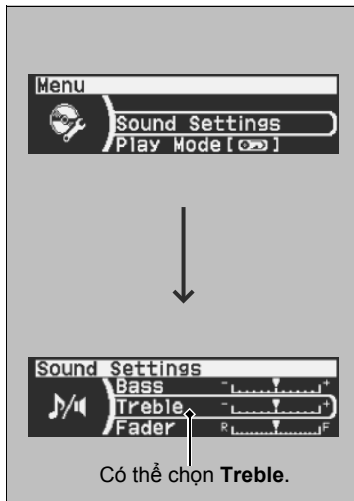
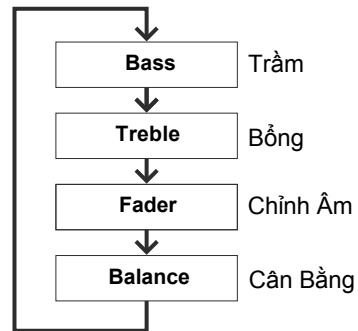
-  **Cài Đặt Âm Thanh** Tr. 275
-  **Chế Độ Phát** Tr. 281, 285, 288
-  **Quét** Tr. 278, 282, 289
-  **Chọn Tự Động** Tr. 277
-  **Lưu Cài Đặt Sẵn** Tr. 277
-  **Khôi Phục/Tạm Dừng** Tr. 291

Điều Chỉnh Âm Thanh

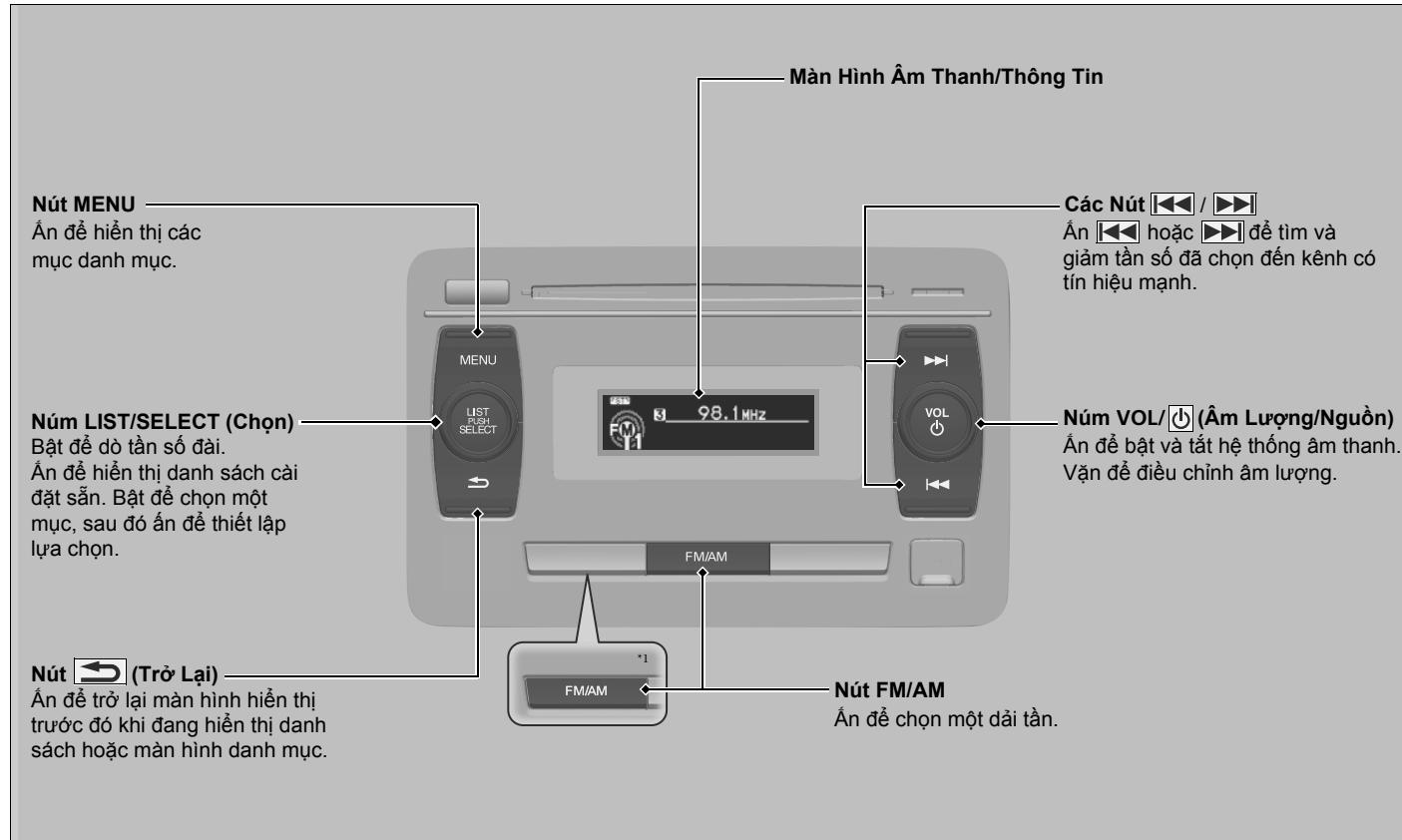


1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay để chọn **Sound Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn chế độ, sau đó ấn .

Xoay để xem qua các lựa chọn bên dưới:





Phát Đài AM/FM





* 1: Loại xe Đài Loan

■ Chọn Tự Động





Sử dụng tính năng chọn tự động để quét dải tần và lưu kênh mạnh nhất trong mỗi cài đặt sẵn.

1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay  để chọn **Auto Select**, sau đó ấn .
 - ▶ Hệ thống sẽ vào chế độ quét trong vài giây.




Để tắt chọn tự động, ấn nút **MENU** và xoay  để chọn **Auto Select**, sau đó ấn .

■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Sử dụng tính năng ghi nhớ cài đặt sẵn để lưu kênh trong mỗi cài đặt sẵn.

1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Ấn nút **MENU**.
3. Xoay  để chọn **Save Preset**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn số bạn muốn lưu cho kênh đó, sau đó ấn .

Bạn cũng có thể lưu kênh đó bằng quy trình như sau.

1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Ấn  để chuyển sang chế độ danh sách cài đặt sẵn.
3. Xoay  để chọn số cài đặt sẵn, sau đó ấn và giữ .

☒ Phát Đài AM/FM

Tần số đài được hiển thị ở giữa màn hình.

Đèn báo **ST** xuất hiện trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi.
Đài AM âm thanh nổi chưa được tái tạo.




Bạn có thể lưu 6 kênh AM và 12 kênh FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn. FM1 và FM2 cho phép bạn lưu 6 kênh một.

Chức năng Chọn Tự Động sẽ quét và lưu đến 6 kênh AM và 12 kênh FM có tần số mạnh vào ghi nhớ cài đặt sẵn.

Nếu bạn không muốn lưu kênh tự động, bạn có thể lưu tần số mong muốn bằng tay.



■ Danh Sách Cài Đặt Sẵn


Liệt kê các kênh cài đặt sẵn trên dải tần đã chọn.

1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Ấn  để chuyển sang chế độ danh sách cài đặt sẵn.
3. Xoay  để chọn kênh cài đặt sẵn, sau đó ấn .

■ Quét

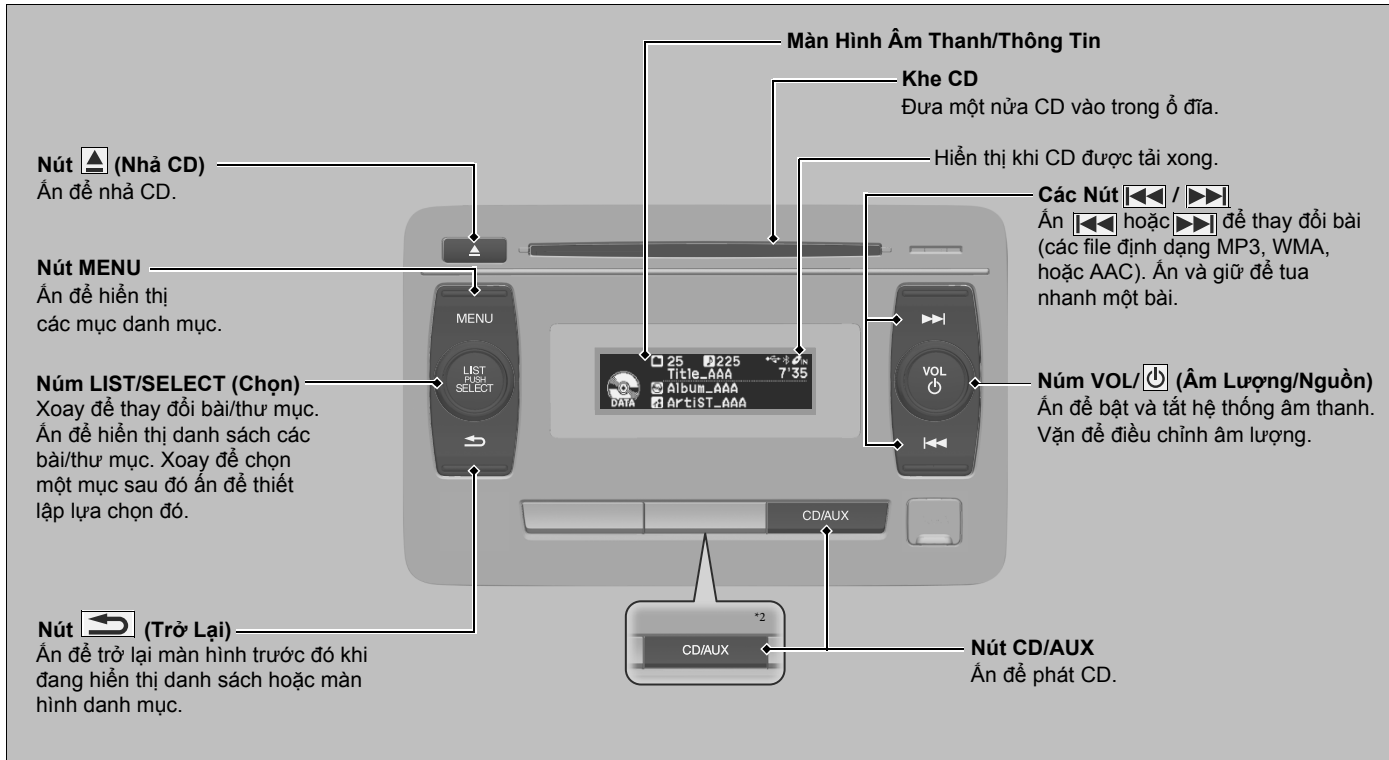
Nghe thử mỗi kênh mạnh nhất trong dải tần đã chọn trong 10 giây.

1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay  để chọn **Scan**, sau đó ấn .

Để dừng quét, ấn .

Phát Qua CD

Hệ thống âm thanh của bạn hỗ trợ âm thanh cho các CD, CD-R và CD-RW ở định dạng MP3, WMA hoặc AAC*1. Khi đã tải xong CD, ấn nút **CD/AUX**.

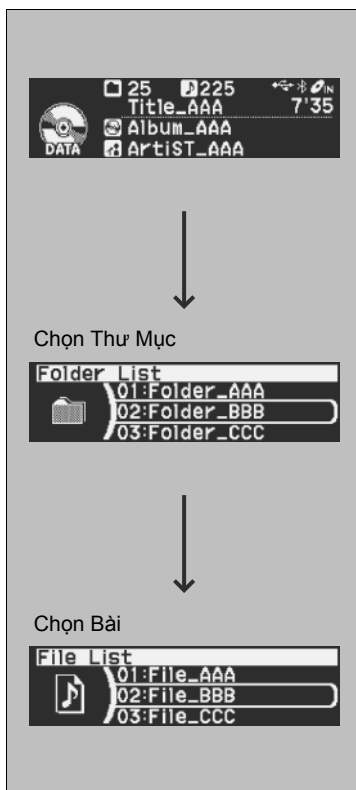


Tính Năng

* 1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên bộ này.

* 2: Loại xe Đài Loan

Cách Chọn Bài từ Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc (MP3/WMA/AAC)



1. Ấn để hiển thị danh sách thư mục.

2. Xoay để chọn thư mục.

3. Ấn để hiển thị danh sách các bài trong thư mục.

4. Xoay chọn một bài, sau đó ấn .

►► Phát Qua CD

CHÚ Ý

Không dùng các CD có nhãn dính. Nhãn có thể làm CD kẹt trong đầu đĩa.

Các file định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền kỹ thuật số (DRM) thì không thể phát được.

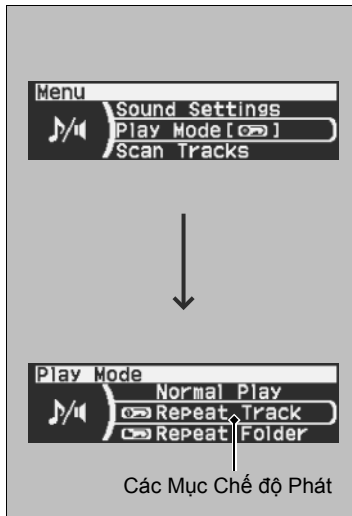
Dữ liệu văn bản xuất hiện trên màn hình hiển thị trong các trường hợp sau:

- Khi chọn một thư mục, một file hoặc bài mới.
- Khi bạn chuyển chế độ âm thanh sang CD.
- Khi đưa CD vào.

Nếu bạn nhả CD nhưng không bỏ ra khỏi ổ, hệ thống sẽ tự động tải lại CD sau vài giây.

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại và ngẫu nhiên khi đang phát một bài.



1. Ấn nút **MENU**.

2. Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

3. Xoay để chọn chế độ, sau đó ấn .

■ Tắt một chế độ phát

1. Ấn nút **MENU**.

2. Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

3. Xoay để chọn **Normal Play**, sau đó ấn .

▣ Cách Chọn Chế Độ Phát

Các chế độ phát

Normal Play (Phát Thông Thường)

Repeat Track: Lặp lại bài hiện tại.

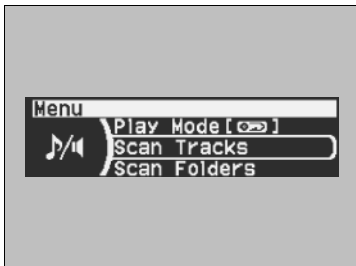
Repeat Folder (MP3/WMA/AAC): Lặp lại tất cả các bài trong thư mục hiện tại.



Random in Folder (MP3/WMA/AAC): Phát tất cả các bài trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.


Random All: Phát tất cả các bài theo thứ tự ngẫu nhiên.

■ Cách Chọn Chế Độ Quét

Bạn có thể chọn chế độ quét khi phát một bài hoặc một file.



1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay  để chọn **Scan Tracks** hoặc **Scan Folders**, sau đó ấn .

Để dừng quét, ấn .

» Cách Chọn Chế Độ Quét

Các chế độ quét

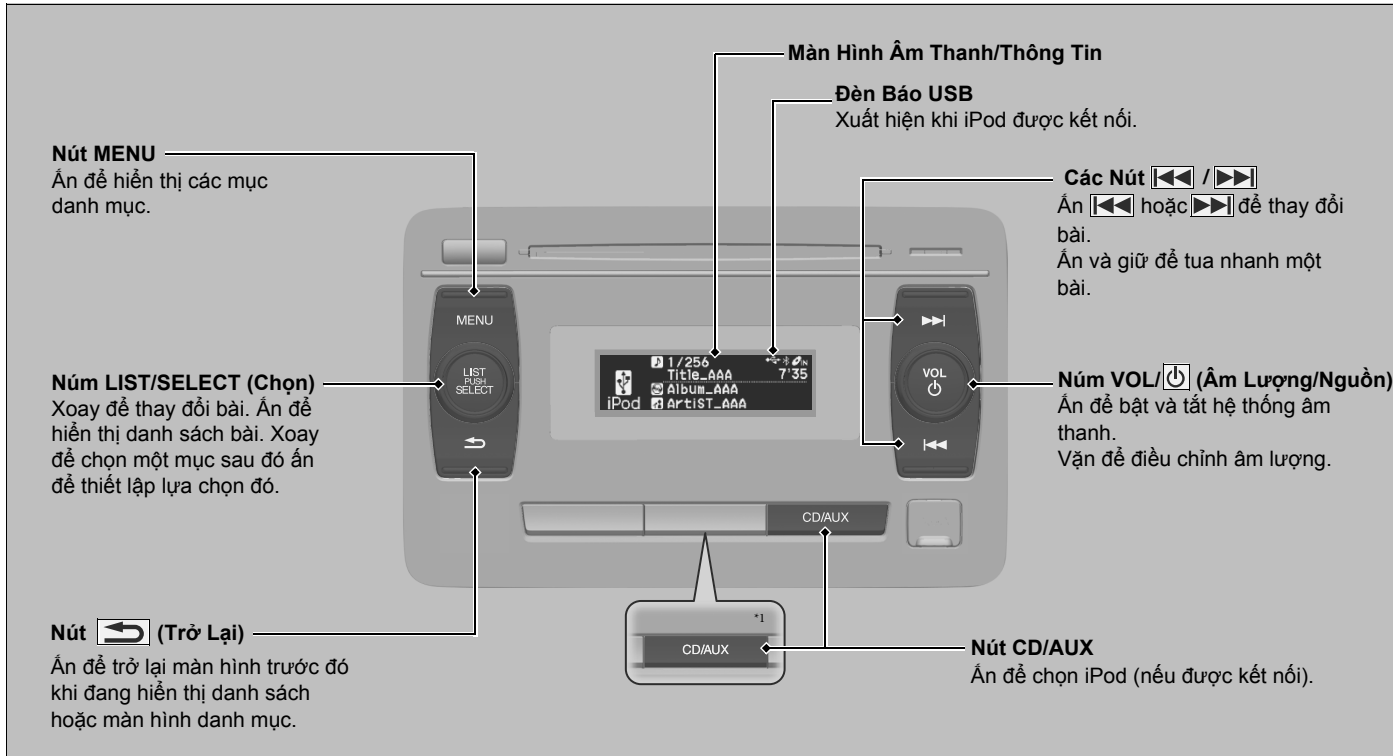
Scan Tracks: Nghe thử 10 giây tất cả các bài trong CD (tất cả các bài trong thư mục hiện tại có định dạng MP3, WMA, hoặc AAC).

Scan Folders (MP3/WMA/AAC): Nghe thử 10 giây bài đầu tiên trong từng thư mục chính.

Phát Qua iPod

Dùng đầu nối để kết nối iPod với cổng USB, rồi ấn nút **CD/AUX**.

► (Các) Cổng USB Tr. 269

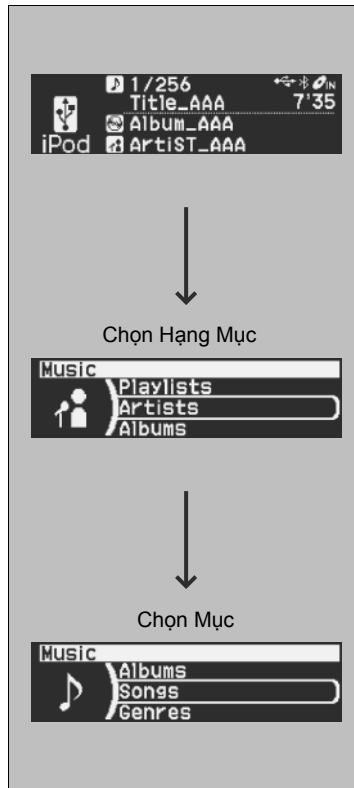



Tính Năng


* 1: Loại xe Đài Loan


■ Cách Chọn Bài từ Danh Sách Nhạc iPod bằng Nút Chọn



Tính Năng



1. Ấn  để hiển thị danh sách nhạc trong iPod.

2. Xoay  để chọn một danh mục.

3. Ấn  để hiển thị danh sách các mục trong danh mục.

4. Xoay  để chọn một mục, sau đó ấn .
► Lặp lại quy trình này cho đến khi mục bạn muốn nghe được hiển thị.

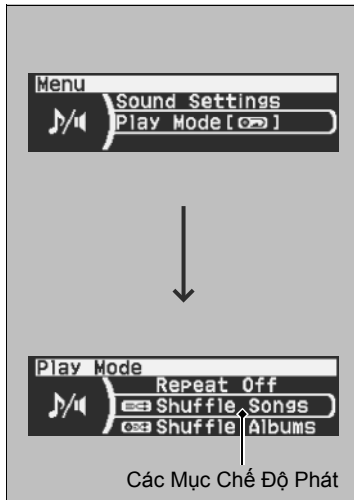
►► Phát Qua iPod

Các chức năng vận hành có sẵn sẽ khác nhau giữa các đời xe và các phiên bản. Một số chức năng có thể không có ở hệ thống âm thanh của xe.
Nếu có sự cố, bạn có thể thấy một thông báo lỗi trên màn hình âm thanh/thông tin.

► iPod/USB* Tr. 342

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại và trộn khi phát một bài.



1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

3. Xoay để chọn một chế độ, sau đó ấn .

■ Tắt một chế độ phát

1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Normal Play**, sau đó ấn .

►► Cách Chọn Chế Độ Phát

Các chế độ phát

Normal Play (Phát Thông Thường)

Repeat Track: Lặp lại bài hiện tại.

Repeat Off: Tắt chế độ lặp lại.

Shuffle Off: Tắt chế độ trộn bài.

Shuffle Songs: Phát tất cả các bài trong danh sách đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, hoặc nhạc sỹ) theo thứ tự ngẫu nhiên.

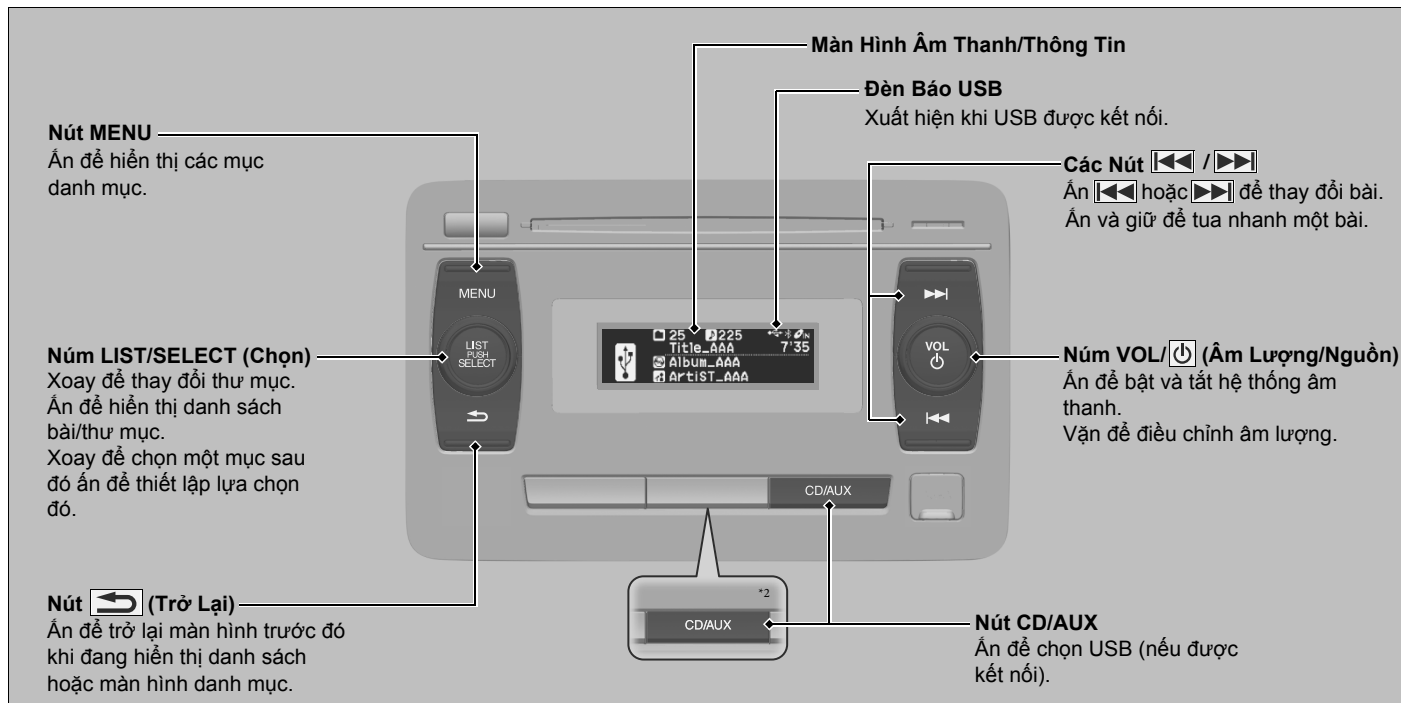
Shuffle Albums: Phát tất cả các album trong danh sách đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, hoặc nhạc sỹ) theo thứ tự ngẫu nhiên.

Phát Qua SB

Hệ thống âm thanh của bạn đọc và phát các file âm thanh trong USB ở định dạng MP3, WMA hoặc AAC*1.

Cắm USB vào cổng USB, sau đó ấn nút **CD/AUX**.

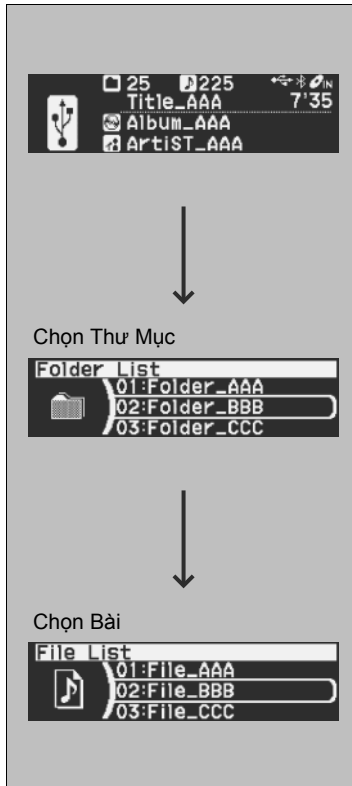
► (Các) Cổng USB Tr. 269



* 1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên bộ này.

* 2: Loại xe Đà Loan

■ Cách Chọn Bài trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc



1. Ấn để chuyển màn hình sang danh sách thư mục.

2. Xoay để chọn một thư mục.

3. Ấn để chuyển màn hình sang danh sách bài trong thư mục đó.

4. Xoay để chọn một bài, sau đó ấn .

▶▶ Phát Qua USB

Sử dụng USB khuyến dùng.

▶ **Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh***

Tr. 343

Định dạng WMA mà được bảo vệ bằng quản lý bản quyền số (DRM) không thể phát được. Hệ thống âm thanh hiển thị **Unplayable File** (không phát được), sau đó bỏ qua đến bài tiếp theo.

Nếu có sự cố, bạn có thể thấy một thông báo lỗi trên màn hình âm thanh/thông tin.

▶ **iPod/USB*** Tr. 342



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

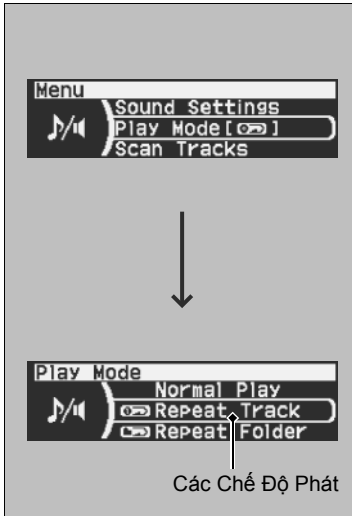
■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ lặp lại hoặc ngẫu nhiên khi đang phát một bài.

1. Ấn nút **MENU**.

2. Xoay  để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

3. Xoay  để chọn một chế độ, sau đó ấn .



Tính Năng

■ Tắt một chế độ phát

1. Ấn nút **MENU**.

2. Xoay  để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

3. Xoay  để chọn **Normal Play**, sau đó ấn .

►► Cách Chọn Chế Độ Phát

Các chế độ phát

Normal Play (Phát Thông Thường)

Repeat Track: Lặp lại bài hiện tại.

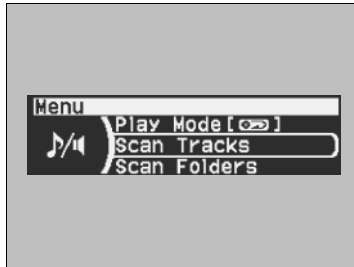
Repeat Folder: Lặp lại tất cả bài trong thư mục hiện tại.



Random in Folder: Phát tất cả các bài trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.


Random All: Phát tất cả các bài theo thứ tự ngẫu nhiên.

■ Cách Chọn Chế Độ Quét

Bạn có thể chọn chế độ quét khi phát một bài.



1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay  để chọn **Scan Tracks** hoặc **Scan Folders**, sau đó ấn .

Để dừng quét, ấn .

☒ Cách Chọn Chế Độ Quét

Các chế độ quét

Scan Tracks: Nghe thử 10 giây tất cả các bài trong thư mục hiện tại.

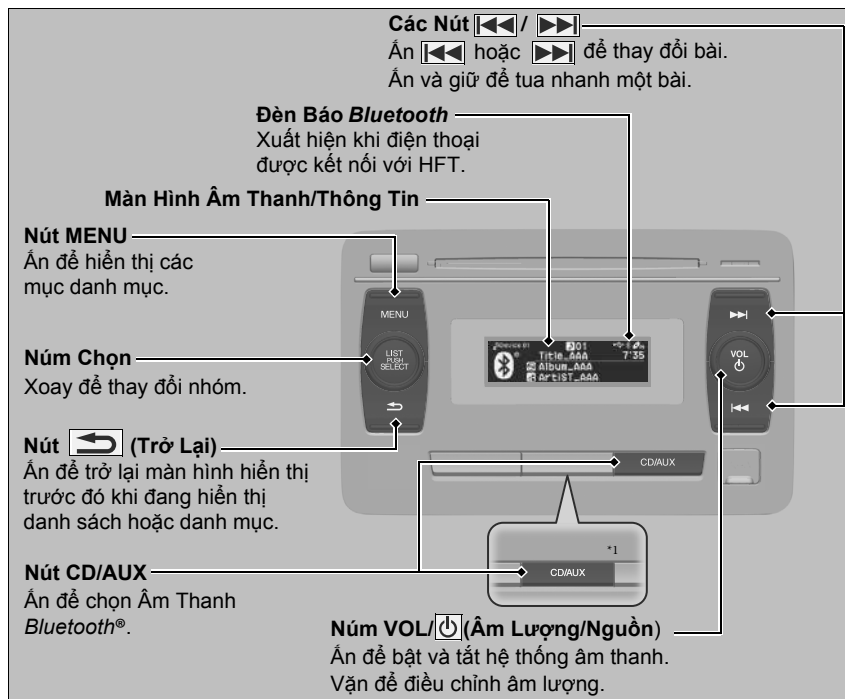
Scan Folders: Nghe thử 10 giây bài đầu tiên trong từng thư mục chính.

Phát Âm Thanh Qua *Bluetooth*®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*.

Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT).

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 373



* 1: Loại xe Đài Loan

►► Phát Âm Thanh Qua *Bluetooth*®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh *Bluetooth* có thể tương thích với hệ thống. Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích hay không.

Sử dụng các chức năng thiết bị dữ liệu trong khi lái xe có thể là phạm luật.

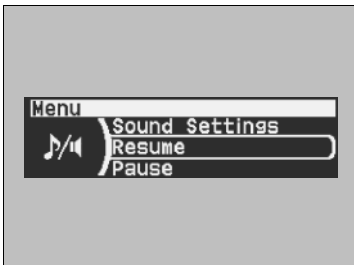
Mỗi lần chỉ có thể sử dụng một điện thoại để kết nối với HFT. Khi có nhiều hơn hai điện thoại đã ghép đôi ở trong xe, thì điện thoại ghép đôi lần gần đây nhất sẽ được tự động kết nối với hệ thống.

Nếu có nhiều hơn một điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, có thể mất nhiều thời gian hơn khi bắt đầu phát.

Trong một số trường hợp, tên tác giả, album, bài hát có thể không hiển thị đúng.

Một số chức năng có thể không có sẵn trên một số thiết bị.



■ Để Phát Âm Thanh Qua *Bluetooth*®



1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và được kết nối với hệ thống.
2. Ấn nút **CD/AUX**.

Nếu điện thoại không được nhận diện, có khả năng một điện thoại tương thích với HFT khác mà không tương thích với Âm thanh *Bluetooth*® đã được kết nối.

■ Tạm dừng hoặc phát tiếp một bài

1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay  để chọn **Resume** hoặc **Pause**, sau đó ấn .

■ Để Phát Âm Thanh Qua *Bluetooth*®



Để phát nhạc, có thể bạn cần kích hoạt điện thoại. Nếu vậy, hãy làm theo các hướng dẫn kích hoạt của nhà sản xuất.

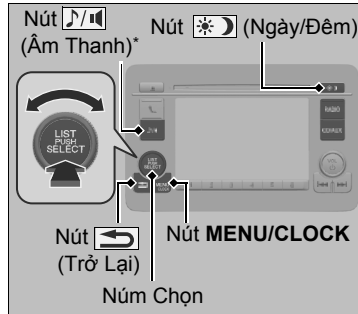
Nếu thiết bị âm thanh bất kỳ được kết nối với cổng âm thanh hoặc cổng USB, bạn cần phải ấn liên tục nút **CD/AUX** để chọn hệ thống Âm Thanh *Bluetooth*®

Chuyển sang một chế độ khác sẽ làm ngưng nhạc đang phát trên điện thoại của bạn.


Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu


Để sử dụng hệ thống âm thanh, khoá điện phải ở PHỤ KIỆN  hoặc BẬT  *1.



Sử dụng nút chọn hoặc nút **MENU/CLOCK** để truy cập một số chức năng âm thanh.


Ấn  để chuyển đổi giữa hiển thị thường và hiển thị mở rộng đối với một số chức năng.





Nút Chọn: Xoay sang trái hoặc phải để di chuyển đến các mục lựa chọn có sẵn. Ấn  để thiết lập sự lựa chọn của bạn.



Nút MENU/CLOCK: Ấn để chọn chế độ bất kỳ.


Các chế độ có sẵn gồm hình nền, màn hình, đồng hồ, cài đặt ngôn ngữ, và chế độ phát. Các lựa chọn chế độ phát gồm quét, ngẫu nhiên, lặp lại, v.v.)

Nút  (Trở Lại): Ấn để trở lại màn hình hiển thị trước đó.

Nút  (Âm Thanh): Ấn để chọn chế độ cài đặt âm thanh.

Nút  (Ngày/Đêm): Ấn để thay đổi độ sáng màn hình âm thanh/thông tin.

Ấn  sau đó điều chỉnh độ sáng bằng .

► Mỗi lần bạn ấn nút , màn hình sẽ thay đổi giữa chế độ ban ngày và ban đêm.


* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

» Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Các biểu tượng này được sử dụng để chỉ dẫn cách vận hành nút chọn.

Xoay  để chọn.

Ấn  để thực hiện.

Các mục danh mục

- **Điều Chỉnh Đồng Hồ** Tr. 160
- **Cài Đặt Hình Nền** Tr. 295
- **Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị** Tr. 298
- **Quét** Tr. 300, 304, 310
- **Chế Độ Phát** Tr. 304, 307, 310
- **Bluetooth** Tr. 311





Một trong các hệ thống vận hành được sử dụng trong bộ này là eCos.

Đối với điều khoản và điều kiện cấp phép phần mềm, hãy truy cập trang web (URL cấp phép eCos:

<http://ecos.sourceware.org/license-overview.html>)

Đối với mã nguồn và chi tiết khác liên quan đến eCos, tham khảo:

<http://www.hondaopensource2.com>

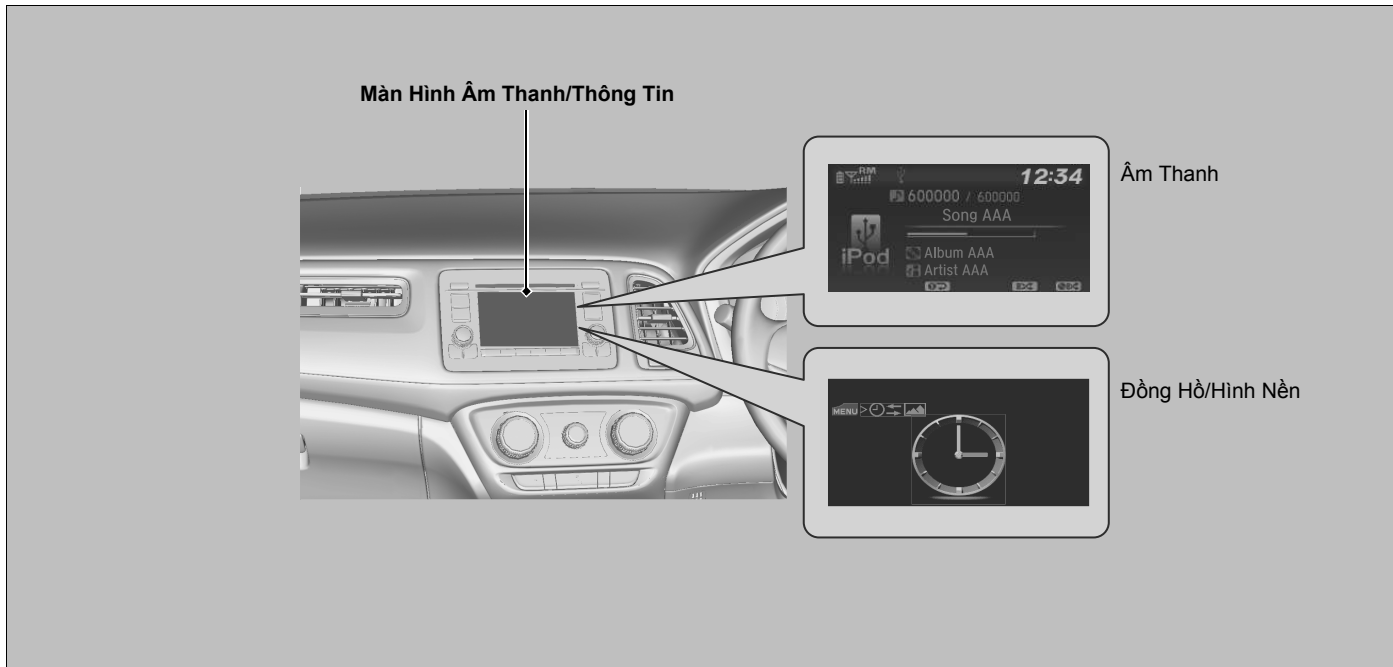
Ấn nút **SOURCE**, , ,  hoặc  trên vô lăng để thay đổi cài đặt âm thanh.

- **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa*** Tr. 272

Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và hình nền. Từ màn hình này, bạn có thể chuyển sang các tùy chọn cài đặt khác nhau.

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị



■ Âm Thanh

Hiển thị thông tin âm thanh hiện tại.



■ Đồng Hồ/Hình Nền

Hiển thị màn hình đồng hồ và hình ảnh bạn nhập.

■ Thay đổi màn hình hiển thị

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.

2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .

3. Xoay  để chọn **Display Change**, sau đó ấn .

4. Xoay  để chọn **Wallpaper**, sau đó ấn .

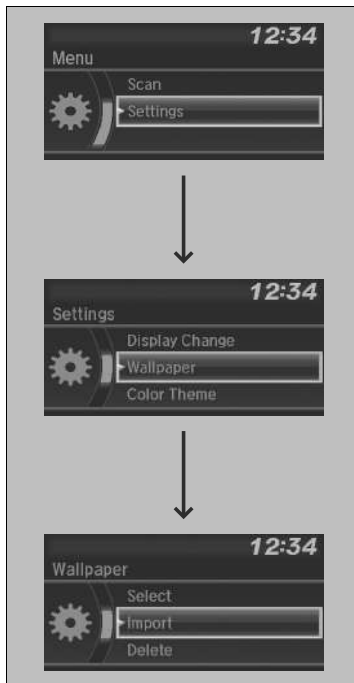
► Nếu bạn muốn trở lại màn hình hiển thị âm thanh, chọn **Audio**.

■ Cài Đặt Hình Nền

Bạn có thể thay đổi, lưu và xoá hình nền trên màn hình âm thanh/thông tin.

■ Nhập hình nền

Bạn có thể nhập lên tới 3 hình ảnh một lúc khi nhập hình nền từ USB.











1. Cắm USB vào cổng USB.
▶ (Các) Cổng USB Tr. 269
2. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
3. Xoay chọn **Settings**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Wallpaper**, sau đó ấn .
5. Xoay để chọn **Import**, sau đó ấn .
▶ Tên hình ảnh được hiển thị trong danh sách.
6. Xoay để chọn hình ảnh bạn muốn, sau đó ấn .
▶ Hình ảnh đã chọn được hiển thị.
7. Ấn để lưu hình ảnh.
8. Ấn để chọn **OK**.
9. Xoay để chọn vị trí lưu hình ảnh, sau đó ấn .
▶ Màn hình hiển thị sẽ trở lại màn hình cài đặt hình nền.









⌘ Cài Đặt Hình Nền

- Khi nhập file hình nền, hình ảnh phải nằm trong thư mục gốc của USB. Không thể nhập các hình ảnh trong một thư mục con.
- Tên hình ảnh phải ít hơn 64 ký tự.
- Định dạng hình ảnh có thể nhập là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Giới hạn dung lượng ảnh là 2 MB.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 1.920 × 936 pixel. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn 480 × 234 pixel, hình ảnh được hiển thị ở giữa màn hình được bao quanh bởi phòng nền đen.
- Có thể chọn đến 255 hình ảnh.











■ Chọn hình nền

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Wallpaper**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Select**, sau đó ấn 
 - Màn hình chuyển sang danh sách hình nền.
5. Xoay  để chọn hình nền bạn muốn, sau đó ấn .


■ Xem hình nền đã được cài đặt

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Display Change**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Wallpaper**, sau đó ấn 
 - Màn hình chuyển sang danh sách hình nền.
5. Xoay  để chọn hình nền bạn muốn cài đặt, sau đó ấn .

■ Xoá hình nền

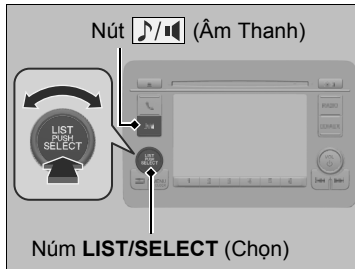
1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Wallpaper**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Delete**, sau đó ấn 
 - Màn hình chuyển sang danh sách hình nền.
5. Xoay  để chọn hình nền bạn muốn xoá, sau đó ấn .
6. Xoay  để chọn **Yes**, sau đó ấn 
 - Màn hình hiển thị sẽ trở lại màn hình cài đặt hình nền.

» Cài Đặt Hình Nền

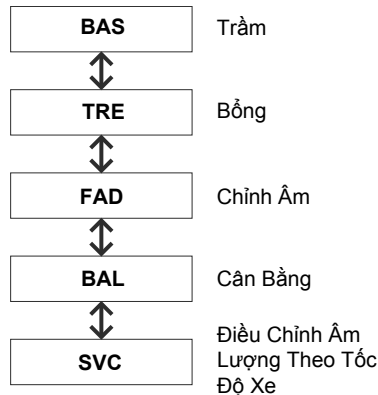
Để trở lại màn hình trước đó, ấn nút  (Trở Lại).

Nếu kích thước ảnh lớn, sẽ phải mất một thời gian để hiển thị ảnh.

Điều Chỉnh Âm Thanh



Ấn nút (âm thanh) và xoay để xem qua các lựa chọn sau:



Xoay để điều chỉnh cài đặt âm thanh, sau đó ấn .

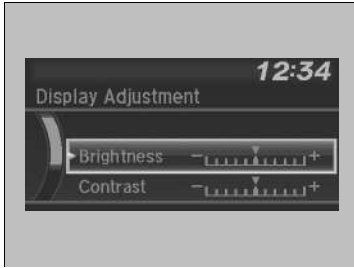
►► Điều Chỉnh Âm Thanh









SVC có bốn chế độ: **Off** (Tắt), **Low** (Nhỏ), **Mid** (Trung bình) và **High** (To). SVC điều chỉnh mức âm lượng dựa vào tốc độ của xe. Khi bạn đi nhanh hơn, âm lượng tăng. Khi bạn đi chậm lại, âm lượng giảm.

Cài Đặt Hiển Thị

Bạn có thể thay đổi độ sáng hoặc màu nền của màn hình âm thanh/thông tin.

Thay Đổi Độ Sáng Màn Hình



1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Display Adjustment**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Brightness**, sau đó ấn .
5. Xoay  để điều chỉnh cài đặt, sau đó ấn .

Thay Đổi Màu Nền Của Màn Hình

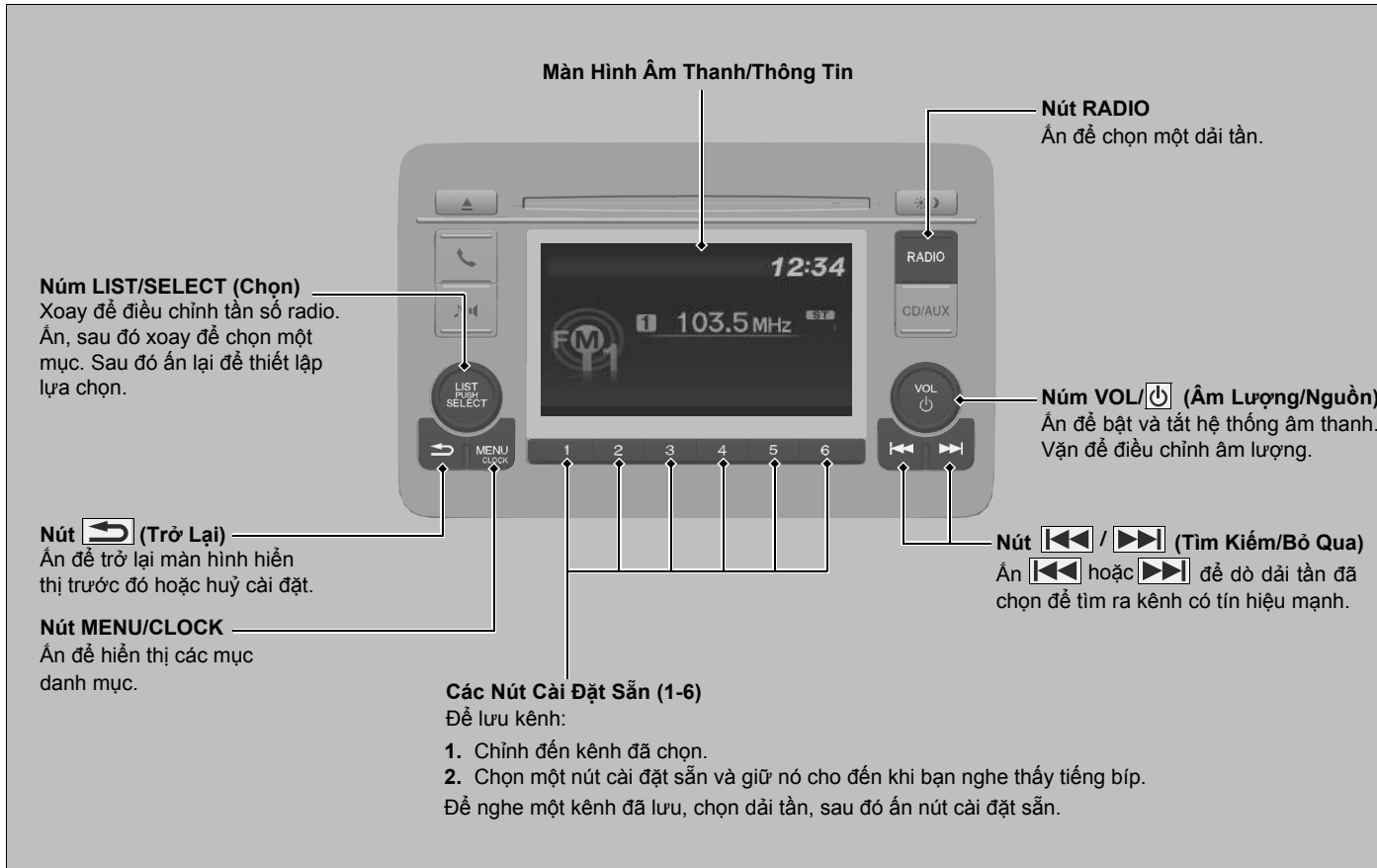


1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Colour Theme**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn cài đặt bạn muốn sau đó ấn .

Thay Đổi Độ Sáng Màn Hình




Bạn có thể thay đổi cài đặt **Contrast** (Độ Tương Phản) và **Black Level** (Độ Tối) bằng cách này.

Phát Đài AM/FM






■ Danh Sách Kênh

Liệt kê các kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần đã chọn.

1. Ấn nút **RADIO** để thay đổi chế độ.
2. Ấn  để chuyển sang chế độ danh sách kênh.
3. Xoay  để chọn kênh, sau đó ấn .



■ Cập nhật bằng tay


Cập nhật danh sách các kênh có sẵn bất cứ lúc nào.

1. Ấn nút **RADIO** để thay đổi chế độ.
2. Ấn  để chuyển sang chế độ danh sách kênh.
3. Xoay  để chọn **Update List**, sau đó ấn .

■ Quét

Nghe thử từng kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần đã chọn trong 10 giây.

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Scan**, sau đó ấn .

Để dừng quét, ấn .

►► Phát Đài AM/FM

Đèn báo **ST** xuất hiện trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi. Đài AM âm thanh nổi chưa được tái tạo.

Bạn có thể lưu 6 kênh AM và 12 kênh FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.




Thay đổi chế độ âm thanh
Ấn nút **SOURCE** trên vô lăng.

► **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa*** Tr. 272

■ Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*

Cung cấp thông tin dữ liệu văn bản liên quan đến kênh FM có RDS đã chọn.

■ Để tìm một kênh RDS từ Danh Sách Kênh

1. Ấn  trong khi nghe kênh FM.
2. Xoay  để chọn kênh, sau đó ấn .







■ Cập Nhật Danh Sách

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn bất cứ lúc nào.

1. Ấn  trong khi nghe kênh FM.
2. Xoay  để chọn **Update List**, sau đó ấn .



■ Dữ Liệu Văn Bản Radio


Hiển thị thông tin văn bản radio của kênh RDS đã chọn.

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **RDS Settings**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Radio text**, sau đó ấn .

■ Quét

Nghe thử từng kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần đã chọn trong 10 giây.

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Scan**, sau đó ấn .

Để dừng quét, ấn .

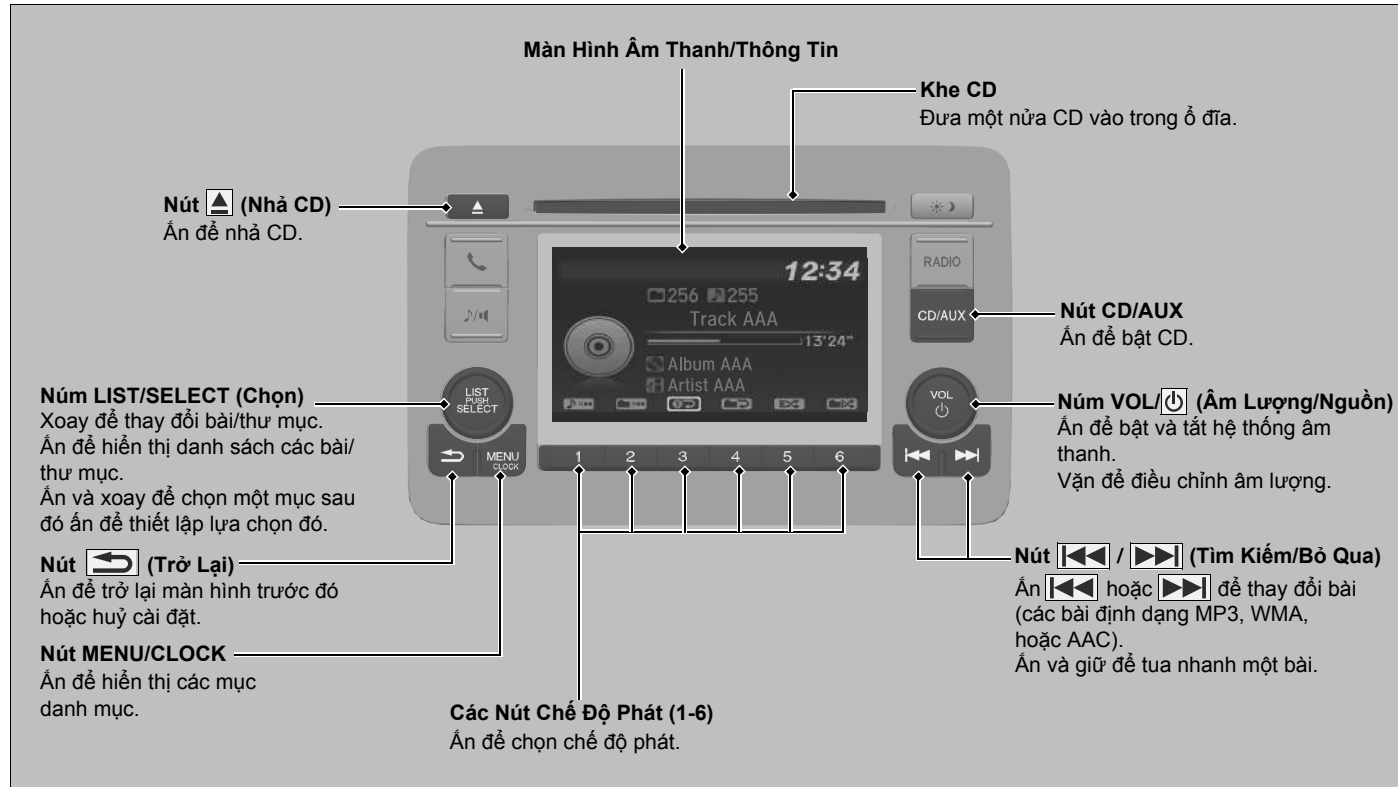
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

⊠ Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*

Khi bạn chọn kênh FM có RDS, RDS tự động bật và màn hình hiển thị tần số sẽ chuyển sang hiển thị tên kênh. Tuy nhiên, khi tín hiệu của kênh yếu đi, màn hình hiển thị sẽ chuyển từ hiển thị tên kênh sang hiển thị tần số.

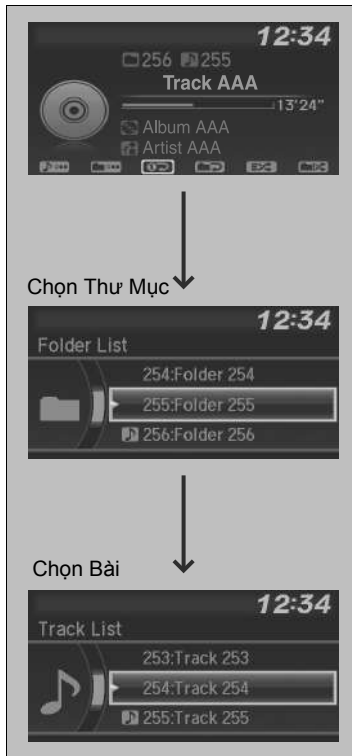
Phát Qua CD

Hệ thống âm thanh của bạn hỗ trợ âm thanh cho các CD, CD-R và CD-RW ở định dạng MP3, WMA hoặc AAC^{*1}. Khi đã tải xong CD, ấn nút **CD/AUX**.



* 1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên bộ này.

Cách Chọn Bài trong Thư Mục bằng Nút Chọn (MP3/WMA/AAC)



1. Ấn để chuyển màn hình sang danh sách thư mục.

2. Xoay để chọn một thư mục.

3. Ấn để chuyển màn hình sang danh sách các bài trong thư mục đó.

4. Xoay để chọn một bài, sau đó ấn .

►► Phát Qua CD

CHÚ Ý

Không dùng các CD có nhãn dính. Nhãn có thể làm CD kẹt trong đầu đĩa.

Định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền kỹ thuật số (DRM) thì không thể bật được. Hệ thống âm thanh hiển thị **Unplayable File** (không phát được), sau đó bỏ qua đến bài tiếp theo.

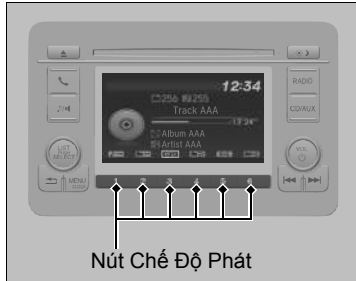
Dữ liệu văn bản xuất hiện trên màn hình hiển thị trong các trường hợp sau:

- Khi chọn một thư mục, bài mới.
- Khi bạn chuyển chế độ âm thanh sang CD.
- Khi bạn đưa CD vào.

Nếu bạn nhả CD nhưng không lấy ra khỏi ổ, hệ thống sẽ tự động tải lại CD sau vài giây.

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại, ngẫu nhiên và quét khi phát một bài.



Biểu tượng chế độ có trong danh sách sẽ xuất hiện phía trên các nút chế độ phát. Ấn vào nút chế độ mà bạn muốn chọn.

■ Tắt một chế độ phát

Ấn nút đã chọn.

Tính Năng

» Cách Chọn Chế Độ Phát

Các chế độ phát


Repeat (Lặp Lại)

 **Repeat One Folder** (MP3/WMA/AAC):

Lặp lại tất cả các bài trong thư mục hiện tại.


 **Repeat One Track:** Lặp lại bài đang phát.


Random (Ngẫu nhiên)

 **Random in Folder** (MP3/WMA/AAC): Phát tất cả các bài trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.



 **Random All:** Phát tất cả bài theo thứ tự ngẫu nhiên.


Scan (Quét)



 **Scan Folders** (MP3/WMA/AAC): Nghe thử 10 giây bài đầu tiên trong mỗi thư mục chính.

 **Scan Tracks:** Nghe thử 10 giây tất cả các bài trong CD (tất cả các bài trong thư mục hiện tại ở MP3, WMA, hoặc AAC).

Bạn cũng có thể chọn chế độ phát bằng cách ấn nút **MENU/CLOCK**.

Xoay  để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

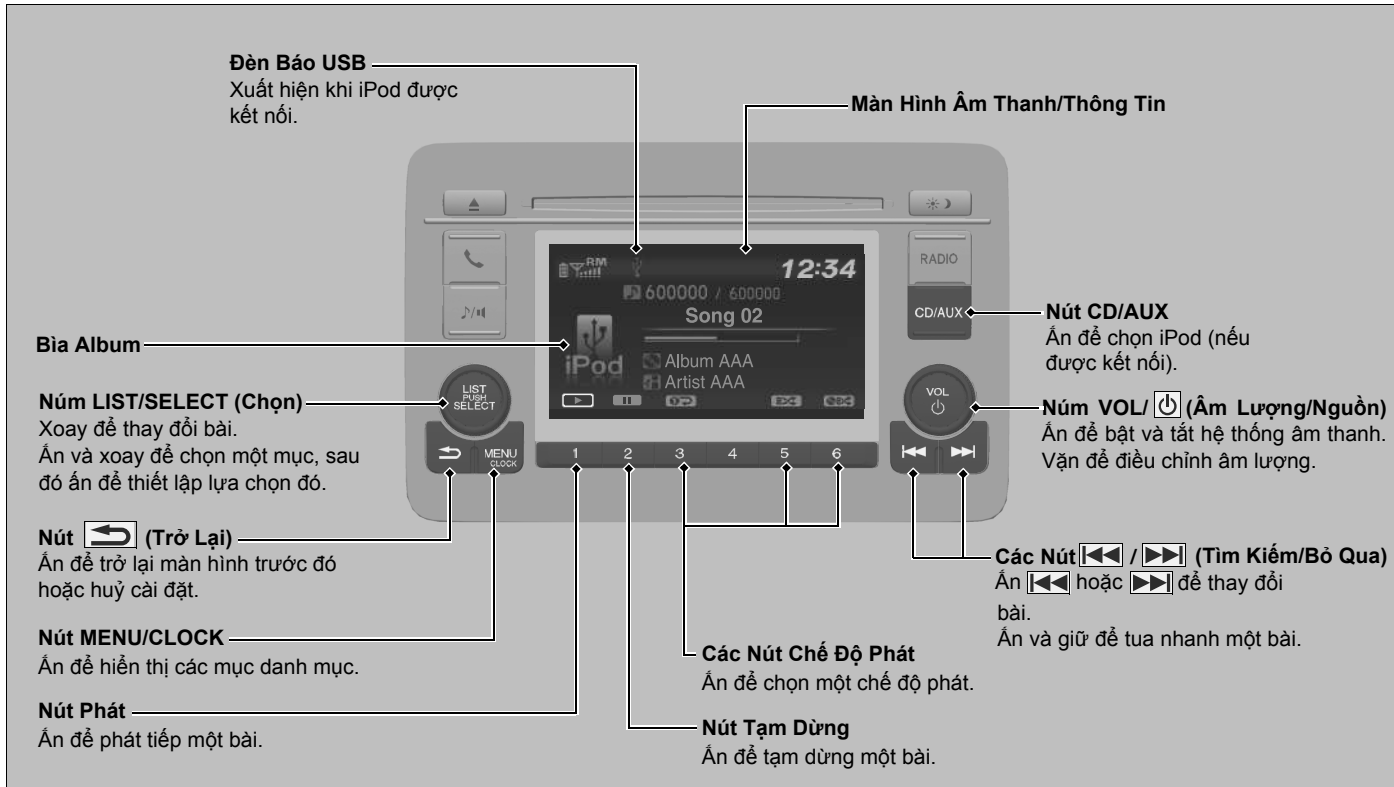
Xoay  để chọn chế độ, sau đó ấn .

Để tắt, xoay  để chọn **Normal Play**, sau đó ấn .

Phát Qua iPod

Dùng đầu nối để kết nối iPod với cổng USB, sau đó ấn nút **CD/AUX**.

► (Các) Cổng USB Tr. 269



Cách Chọn Bài từ Danh Sách Nhạc iPod bằng Nút Chọn



1. Ấn để hiển thị danh sách nhạc trong iPod.

2. Xoay để chọn một hạng mục.

3. Ấn để hiển thị danh sách các mục trong hạng mục.

4. Xoay để chọn một mục, sau đó ấn .

► Ấn và xoay cho đến khi mục bạn muốn nghe được hiển thị.

►► Phát Qua iPod

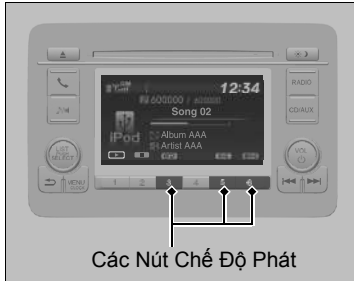
Các chức năng vận hành có sẵn sẽ khác nhau giữa các đời xe và các phiên bản. Một số chức năng có thể không có ở hệ thống âm thanh của xe.

Nếu có sự cố, bạn có thể thấy một thông báo lỗi trên màn hình âm thanh/thông tin.

► iPod/USB* Tr. 342

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại và trộn khi phát một bài.



■ Tắt một chế độ phát


Ấn nút đã chọn.


Các biểu tượng chế độ có trong danh sách xuất hiện bên trên các nút chế độ phát.

Ấn nút chế độ bạn muốn chọn.

► Cách Chọn Chế Độ Phát



Các chế độ phát



 **Shuffle Album:** Phát tất cả các album trong hạng mục đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, thể loại, hoặc nhạc sỹ) theo thứ tự ngẫu nhiên.



 **Shuffle All:** Phát tất cả các bài trong hạng mục đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, thể loại, hoặc nhạc sỹ) theo thứ tự ngẫu nhiên.

 **Repeat One Track:** Lặp lại bài đang phát.

Bạn cũng có thể chọn chế độ phát bằng cách ấn nút **MENU/CLOCK**.

Xoay  để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

Xoay  để chọn chế độ, sau đó ấn .

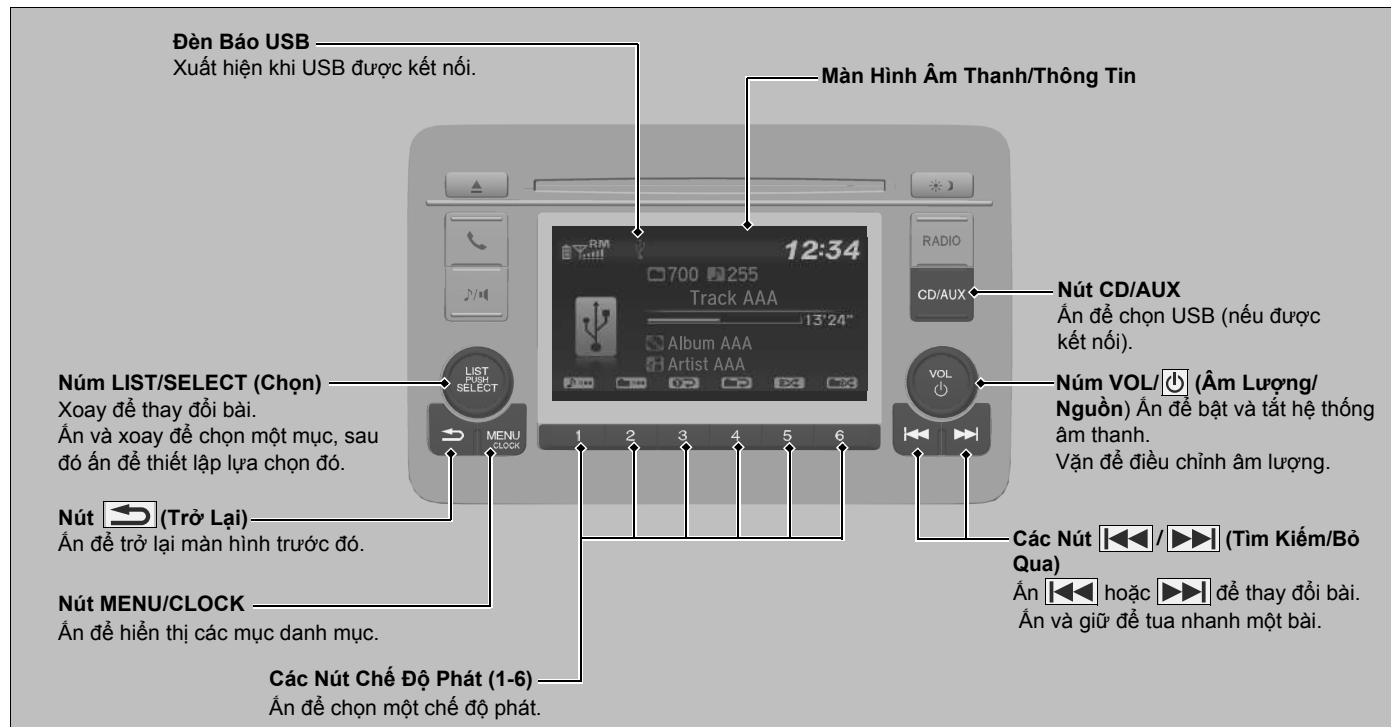
Để tắt, xoay  để chọn **Normal Play**, sau đó ấn .

Phát Qua USB

Hệ thống âm thanh của bạn đọc và phát các file âm thanh qua USB ở định dạng MP3, WMA hoặc AAC*1.

Cắm USB vào cổng USB, sau đó ấn nút **CD/AUX**.

☑ (Các) Cổng USB Tr. 269



* 1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên bộ này.

Cách Chọn Bài trong Thư Mục bằng Nút Chọn



1. Ấn để hiển thị danh sách thư mục.

2. Xoay để chọn một thư mục.

3. Ấn để hiển thị danh sách các bài trong thư mục đó.

4. Xoay để chọn một bài, rồi ấn .

▶▶ Phát Qua USB

Sử dụng USB khuyên dùng.

▶ Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh*

Tr. 343

Không thể phát được các file định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền số (DRM). Hệ thống âm thanh sẽ hiển thị **Unplayable File** (không phát được), sau đó bỏ qua đến bài tiếp theo.

Nếu có sự cố, bạn có thể thấy một thông báo lỗi trên màn hình âm thanh/thông tin.

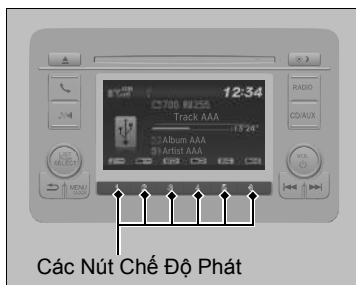
▶ iPod/USB* Tr. 342

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại và ngẫu nhiên và quét khi phát một bài.

Biểu tượng chế độ có trong danh sách sẽ xuất hiện phía trên các nút chế độ phát. Ấn vào nút chế độ mà bạn muốn chọn.



■ Tắt một chế độ phát

Ấn nút đã chọn.

Tình Năng

» Cách Chọn Chế Độ Phát

Các chế độ phát

Repeat (Lặp Lại)

Repeat One Folder (MP3/WMA/AAC):

Lặp lại tất cả các bài trong thư mục hiện tại.

Repeat One Track: Lặp lại bài đang phát.

Random (Ngẫu Nhiên)

Random in Folder: Phát tất cả các bài trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

Random All: Phát tất cả các bài theo thứ tự ngẫu nhiên.

Scan (Quét)

Scan Folders: Nghe thử 10 giây bài đầu tiên trong mỗi thư mục chính.

Scan Tracks: Nghe thử 10 giây tất cả các bài trong CD.

Bạn cũng có thể chọn chế độ phát bằng cách ấn nút **MENU/CLOCK**.

Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

Xoay để chọn chế độ, sau đó ấn .

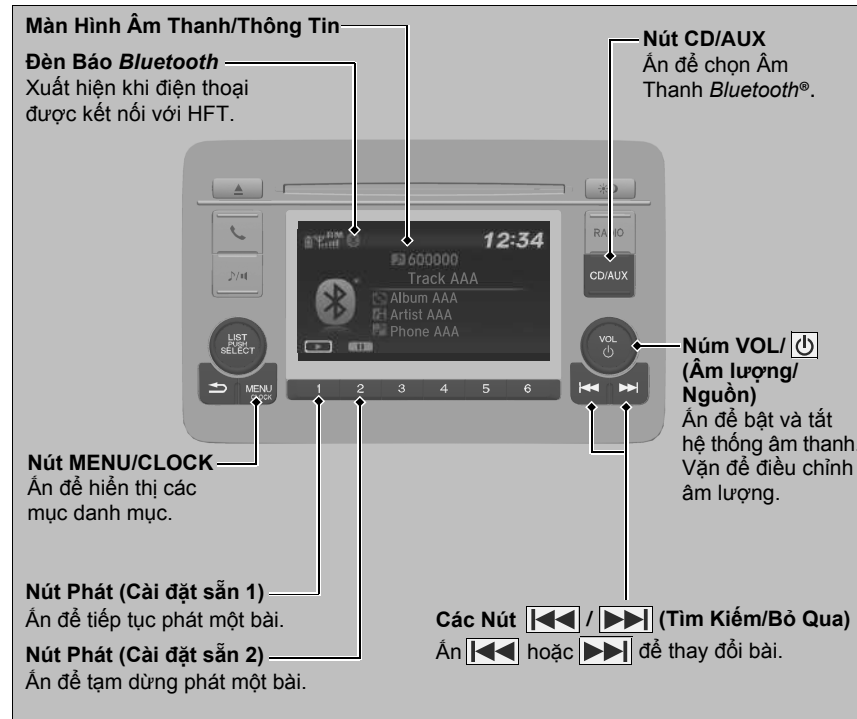
Để tắt, xoay để chọn **Normal Play**, sau đó ấn .

Phát Âm Thanh Qua Bluetooth®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích Bluetooth.

Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được nối với Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT).

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 396



►► Phát Âm Thanh Qua Bluetooth®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh Bluetooth đều có thể tương thích với hệ thống. Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

Sử dụng các chức năng thiết bị dữ liệu trong khi lái xe có thể là phạm luật.

Mỗi lần chỉ có thể sử dụng một điện thoại với HFT. Khi có nhiều hơn hai điện thoại đã ghép đôi ở trong xe, thì điện thoại ghép đôi lần đầu tiên sẽ được tự động kết nối với hệ thống.

Nếu có nhiều hơn một điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, có thể mất nhiều thời gian hơn khi bắt đầu phát.

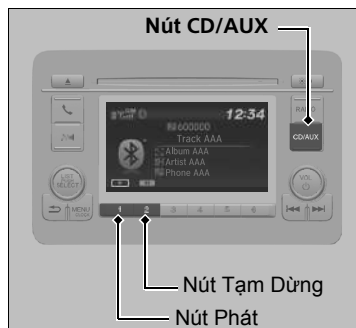
Trong một số trường hợp, tên tác giả, album hoặc bài hát có thể không hiển thị đúng.

Một số chức năng có thể không có sẵn trên một số thiết bị.

Tính Năng

Còn nữa

■ Để Phát Âm Thanh Qua *Bluetooth*®



1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và được kết nối với hệ thống.
2. Ấn nút **CD/AUX** cho đến khi Nguồn Âm Thanh *Bluetooth* được chọn.

Nếu điện thoại không được nhận diện, có khả năng một điện thoại tương thích với HFT khác mà không tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*® đã được kết nối.

■ Tạm dừng hoặc phát tiếp một bài

Ấn **Play** hoặc **Pause** để chọn một chế độ.

►► Để Phát Âm Thanh Qua *Bluetooth*®

Để phát nhạc, có thể bạn cần kích hoạt điện thoại của bạn. Nếu vậy, hãy làm theo các hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất điện thoại.

Một số điện thoại có thể không có chức năng tạm dừng.

Nếu có thiết bị âm thanh bất kỳ được kết nối với cổng AUX hoặc cổng USB, bạn cần phải ấn đi ấn lại nút **CD/AUX** để chọn hệ thống Âm Thanh *Bluetooth*®.

Chuyển sang một chế độ khác sẽ làm tạm dừng nhạc đang phát trên điện thoại của bạn.

❑ Cách Chọn Bài trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc bằng Nút Chọn



1. Ấn để hiển thị danh sách tìm kiếm nhạc.

2. Xoay để chọn một hạng mục.

3. Ấn để hiển thị danh sách các mục trong hạng mục.

4. Xoay để chọn một mục, sau đó ấn .
► Ấn đi ấn lại và xoay cho đến khi mục bạn muốn nghe được hiển thị.

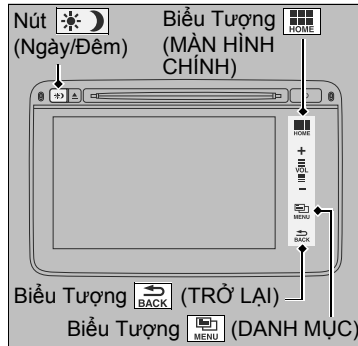
❑ Cách Chọn Bài trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc bằng Nút Chọn

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, sẽ có một số hoặc tất cả các hạng mục không được hiển thị.

Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh

Để sử dụng hệ thống âm thanh, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



: Chọn để chuyển sang **MÀN HÌNH CHÍNH**.

➤ **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr. 315

: Bấm để chọn chế độ bất kỳ.

Chế độ có sẵn gồm **Change Source** (Thay Đổi Nguồn), **Station List** (Danh Sách Kênh), **Save Preset** (Lưu Cài Đặt Sẵn), **Music Search** (Tìm Kiếm Nhạc), và các chế độ phát. Có thể chọn các chế độ phát từ **Scan** (Quét), **Random/Repeat** (Ngẫu Nhiên/Lặp Lại).

: Chọn để trở lại màn hình hiển thị trước đó.

Nút: Ấn để thay đổi độ sáng màn hình âm thanh/thông tin.

Ấn một lần và chọn hoặc để điều chỉnh.

▶ Mỗi khi bạn ấn , chế độ sẽ thay đổi giữa các chế độ ban ngày, ban đêm và chế độ **OFF** (TẮT).

» Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Các danh mục âm thanh

- **Danh Sách Kênh** Tr. 323
- **Tìm Kiếm Nhạc** Tr. 325, 328, 331, 334
- **Ngẫu Nhiên/Lặp Lại** Tr. 326, 329, 332
- **Quét** Tr. 323, 326, 332

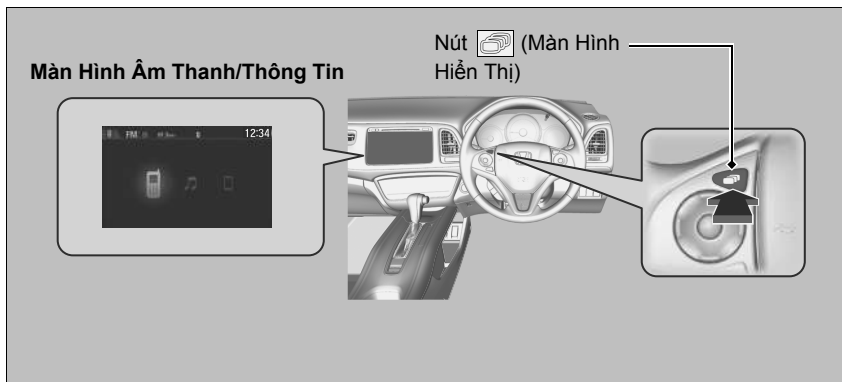
Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và hình nền. Từ màn hình này, bạn có thể chuyển sang các tùy chọn cài đặt khác nhau.

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Dùng nút 

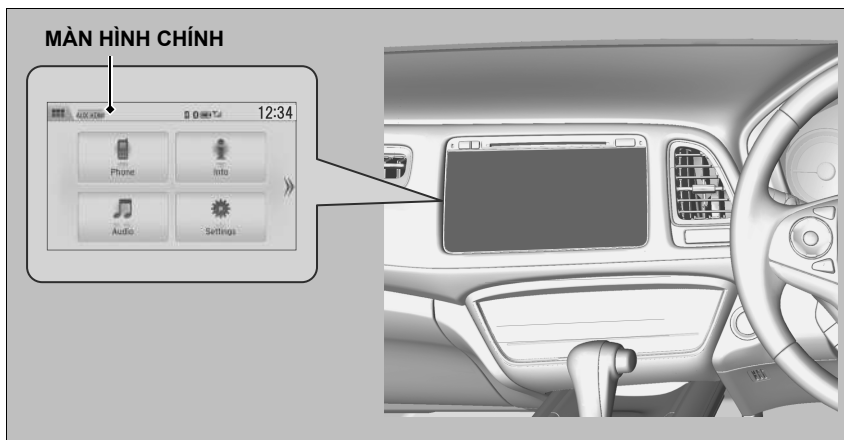
Ấn nút  (màn hình hiển thị) trên vô lăng để thay đổi màn hình hiển thị.



►►Màn Hình Âm Thanh Thông Tin

- Thực hiện các thao tác đơn giản — như bấm, trượt, và cuộn — để sử dụng các chức năng cơ bản của âm thanh.
- Đeo găng tay sẽ làm hạn chế khả năng phản hồi của màn hình cảm ứng.
- Bạn có thể dùng khăn vải mềm để lau bụi và vân tay trên màn hình cảm ứng.

Sử dụng **MÀN HÌNH CHÍNH**



Tình Năng

Chọn **HOME** để chuyển sang **MÀN HÌNH CHÍNH**.
Chọn **Phone**, **Info**, **Audio** hoặc **Settings**.

■ **Phone (Điện thoại)**

Hiển thị thông tin HFT.

☑ **Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay Tr. 411**

■ **Info (Thông Tin)**

Hiển thị **Trip Computer** (Đồng Hồ Đo Hành Trình), **Clock/Wallpaper** (Đồng Hồ/Hình Nền) hoặc thông tin **System/Device** (Hệ Thống/Thiết Bị).

■ **Audio (Âm Thanh)**

Hiển thị trạng thái âm thanh hiện tại.

■ **Settings (Cài Đặt)**

Vào màn hình danh mục tùy chọn.

▶ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 354

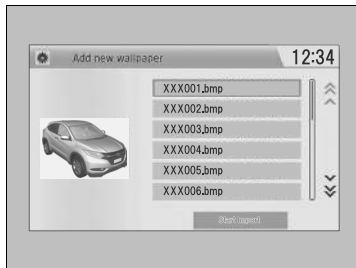
Tính Năng

■ Cài Đặt Hình Nền*

Bạn có thể thay đổi, lưu và xoá hình nền trên màn hình âm thanh/thông tin.

■ Nhập hình nền

Đối với hình nền từ USB, bạn có thể nhập 5 hình ảnh cùng một lúc.



1. Cắm USB vào cổng USB.
▶ (Các) Cổng USB Tr. 269
2. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình **Settings**.
3. Chọn **Info**.
4. Chọn **Clock/Wallpaper Type**, sau đó đến thẻ **Wallpaper**.
5. Chọn **Add New**.
▶ Tên hình ảnh được hiển thị trong danh sách.
6. Chọn hình ảnh yêu thích.
▶ Hình ảnh đã chọn được hiển thị bên trái màn hình.
7. Chọn **Start Import** để lưu dữ liệu.
▶ Màn hình sẽ hiển thị trở lại danh sách hình nền.

» Cài Đặt Hình Nền*

- Khi nhập ảnh hình nền, hình ảnh phải nằm trực tiếp trong thư mục gốc của USB. Không thể nhập các hình ảnh chứa trong thư mục con.
- Tên hình ảnh phải ít hơn 256 ký tự.
- Định dạng hình ảnh có thể nhập là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Giới hạn dung lượng ảnh là 5 MB.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 4.096 × 4.096 pixel. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn 800 × 480 pixel, hình ảnh được hiển thị ở giữa màn hình bao quanh bởi phông nền đen.
- Có thể chọn 5 hình ảnh.
- Nếu trong USB không có hình ảnh nào, thông báo **No files detected** (không thấy file) sẽ xuất hiện.

■ Chọn hình nền

1. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình **Settings**.
2. Chọn **Info**.
3. Chọn **Clock/Wallpaper Type**, sau đó chọn thẻ **Wallpaper**.
 - ▶ Màn hình sẽ chuyển sang danh sách hình nền.
4. Chọn hình nền yêu thích.
 - ▶ Hình ảnh đã chọn được hiển thị bên trái màn hình.
 - ▶ Cửa sổ danh mục xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Set**.
 - ▶ Màn hình hiển thị sẽ trở lại danh sách hình nền.

■ Để xem hình nền khi cài đặt xong

1. Chọn **HOME**.
2. Chọn **Info**.
3. Chọn **Clock/Wallpaper**.

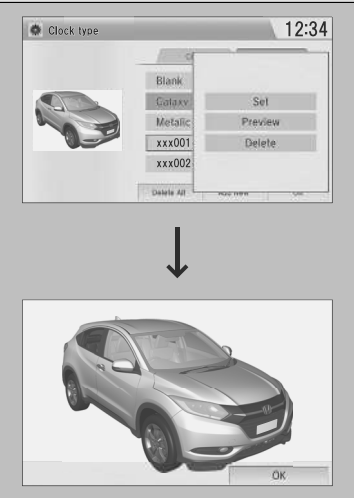
■ Xóa hình nền

1. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình **Settings**.
2. Chọn **Info**.
3. Chọn **Clock/Wallpaper Type**, sau đó chọn thẻ **Wallpaper**.
 - ▶ Màn hình sẽ chuyển sang danh sách hình nền.
4. Chọn hình nền bạn muốn xóa.
 - ▶ Hình ảnh đã chọn được hiển thị bên trái màn hình.
 - ▶ Cửa sổ danh mục xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Delete**.
 - ▶ Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện.
6. Chọn **Yes** để xóa hoàn toàn.
 - ▶ Màn hình hiển thị sẽ trở lại danh sách hình nền.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Cài Đặt Hình Nền*

Từ cửa sổ danh mục, chọn **Preview** để xem hình ảnh ở dạng toàn màn hình.

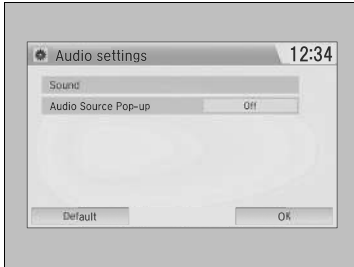


Để trở lại màn hình trước đó, chọn **OK**, hoặc **BACK**.

Nếu kích thước ảnh lớn, phải mất một thời gian để hiển thị ảnh.

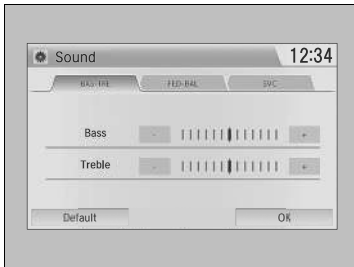
Để xóa tất cả hình nền bạn thêm, chọn **Delete All**, sau đó chọn **Yes**.

Điều Chỉnh Âm Thanh



1. Chọn **HOME**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Audio**.
4. Chọn **Sound**.

Chọn một thẻ trong các mục chọn sau:
BASS (TRẦM), **TREBLE** (BỔNG), **FADER** (CHỈNH ÂM), **BALANCE** (CÂN BẰNG), **SVC** (TỰ ĐỘNG ĐIỀU CHỈNH ÂM LƯỢNG THEO TỐC ĐỘ XE)



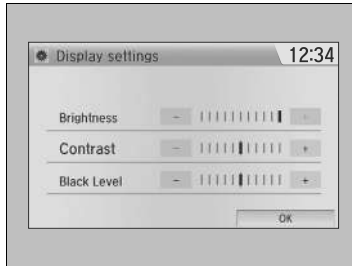
►► Điều Chỉnh Âm Thanh

SVC có bốn chế độ: **Off** (Tắt), **Low** (Nhỏ), **Mid** (Trung Bình) và **High** (To). SVC điều chỉnh mức âm lượng dựa vào tốc độ của xe. Khi bạn đi nhanh hơn, âm lượng sẽ tăng. Khi bạn đi chậm lại, âm lượng giảm.

Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

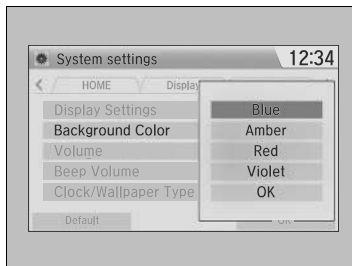
Bạn có thể thay đổi độ sáng hoặc màu nền của màn hình âm thanh/thông tin.

Thay Đổi Độ Sáng Màn Hình



1. Chọn **HOME**.
2. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình **Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn thẻ **Display**.
5. Chọn **Display Settings**.
6. Chọn cài đặt bạn muốn.
7. Chọn **OK**.

Thay Đổi Màu Nền Của Màn Hình

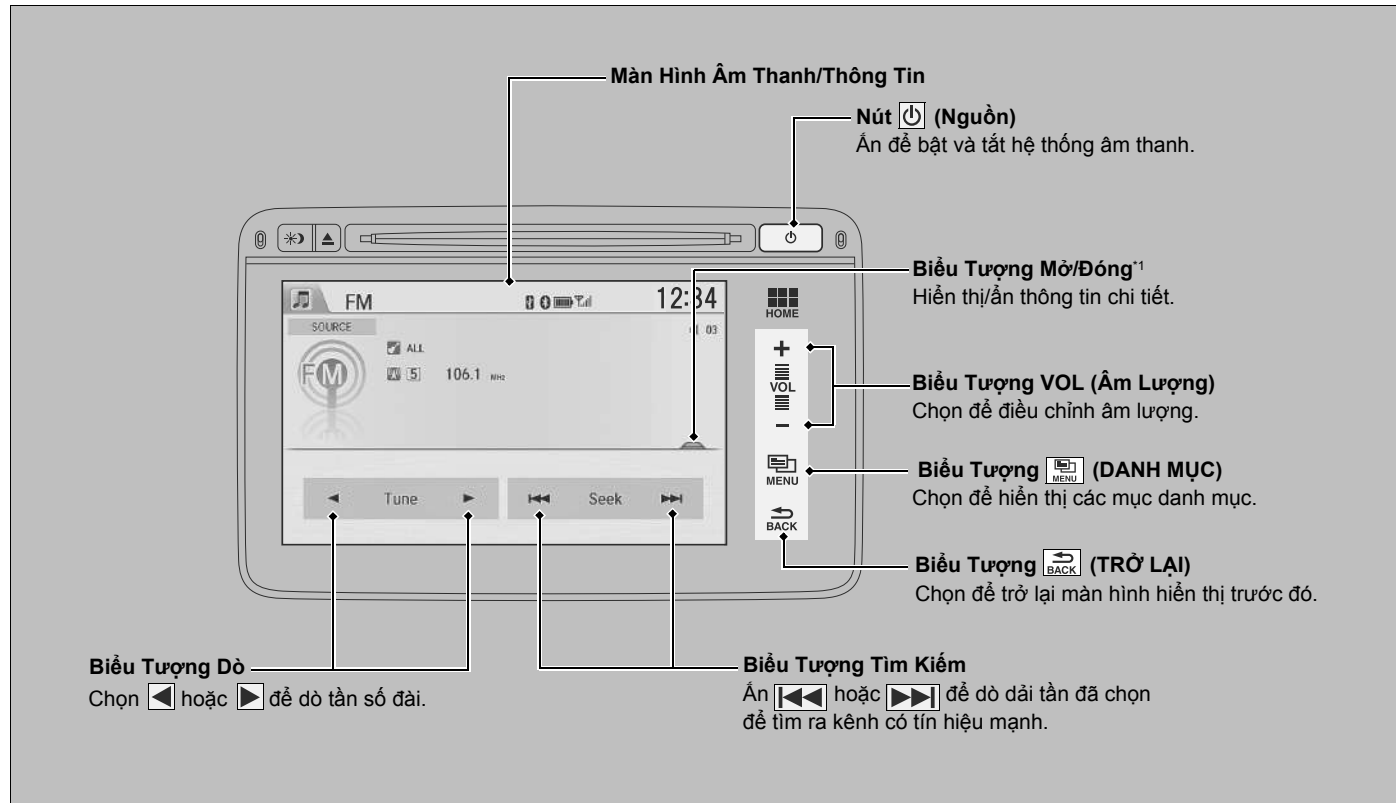


1. Chọn **HOME**.
2. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình **Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn thẻ **Display**.
5. Chọn **Background Color**.
6. Chọn cài đặt bạn muốn.
7. Chọn **OK**.

Thay Đổi Độ Sáng Màn Hình

Bạn có thể thay đổi cài đặt **Contrast** (Độ Tương Phản) và **Black Level** (Độ Tối) theo cách này.

Phát Đài AM/FM



* 1: Một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Để lưu kênh:

1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Chọn **MENU**.
3. Chọn **Save Preset**.
4. Chọn số cài đặt sẵn mà bạn muốn lưu cho kênh đó.

■ Danh Sách Kênh

Liệt kê các kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần đã chọn.

1. Chọn **MENU** để chuyển sang màn hình **Audio menu**.
2. Chọn **Station List**.
3. Chọn kênh.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn bất cứ lúc nào.

1. Chọn **MENU** để chuyển sang màn hình **Audio menu**.
2. Chọn **Station List**.
3. Chọn **Refresh**.

■ Quét

Nghe thử từng kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần đã chọn trong 10 giây.

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Scan**.

Để dừng quét, chọn **Cancel**.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

☒ Phát Đài AM/FM

Đèn báo **ST** xuất hiện trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài **FM** âm thanh nổi. Đài AM âm thanh nổi chưa được tái tạo.

Chuyển đổi chế độ âm thanh

Ấn nút **SOURCE** trên vô lăng hoặc chọn **SOURCE** trong danh sách.

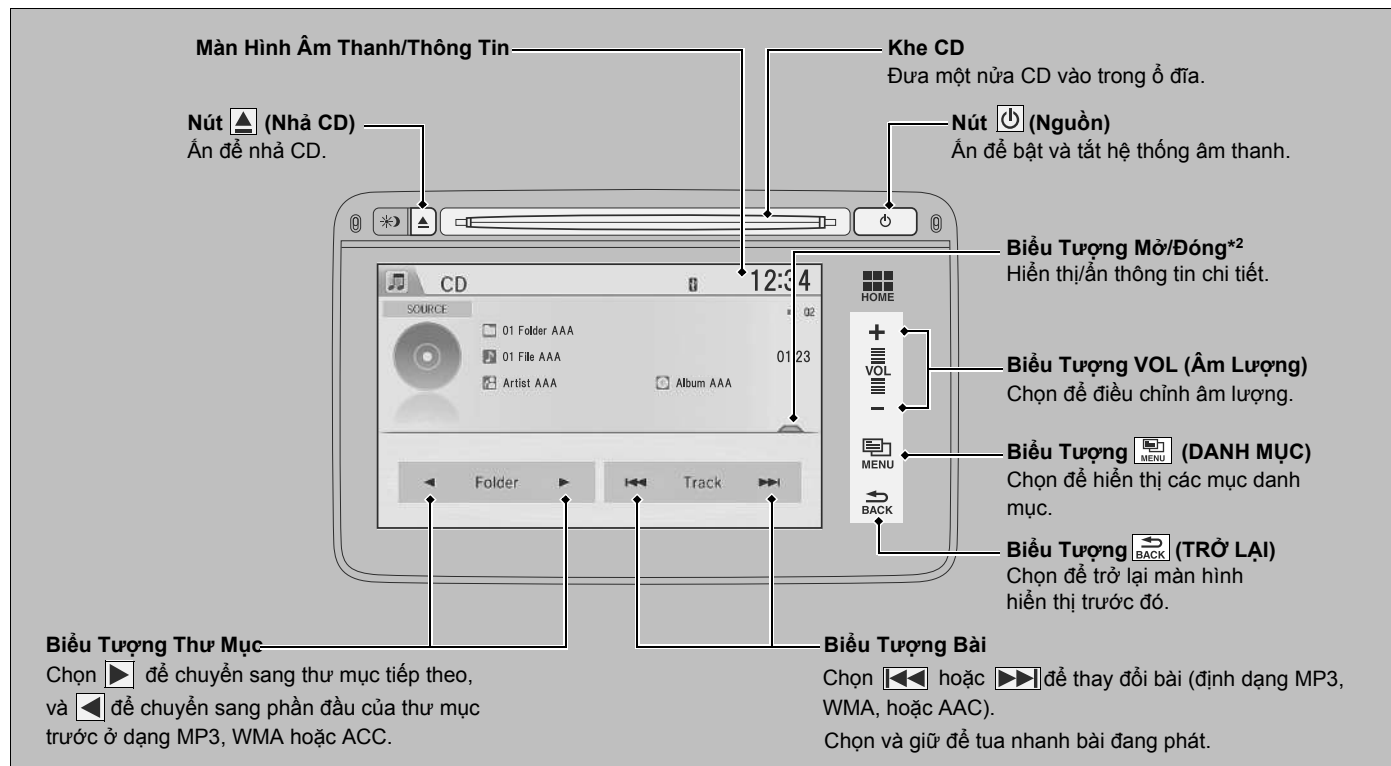
☒ **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa*** Tr. 272

Bạn cũng có thể chuyển chế độ bằng cách chọn **Change Source** trên màn hình **MENU**.

Bạn có thể lưu 6 kênh AM và 12 kênh FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

Phát Qua CD

Hệ thống âm thanh của bạn hỗ trợ âm thanh cho các CD, CD-R và CD-RW ở định dạng MP3, WMA hoặc định dạng AAC^{*1}. Khi đã tải xong CD, chọn chế độ CD.



*1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên bộ này.

*2: Một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

Cách Chọn Bài trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc (MP3/WMA/AAC)



1. Chọn **MENU** và chọn **Music Search**.

2. Chọn thư mục.

3. Chọn bài.

Phát Qua CD

CHÚ Ý

Không dùng các CD có nhãn dính. Nhãn có thể làm CD kẹt trong đầu đĩa.

Không thể phát được các file định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền số (DRM). Hệ thống âm thanh hiển thị **Unplayable File** (không phát được), sau đó bỏ qua đến bài tiếp theo.

Dữ liệu văn bản xuất hiện trên màn hình hiển thị trong các trường hợp sau:

- Khi chọn một thư mục, một bài mới.
- Khi bạn chuyển chế độ âm thanh sang CD.
- Khi đưa CD vào.

Nếu bạn nhả CD nhưng không lấy ra khỏi ổ, hệ thống sẽ tự động tải lại CD sau vài giây.

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ quét, lặp lại và ngẫu nhiên khi đang phát một bài.



Chế độ **Random/Repeat** được chọn.

■ Tắt một chế độ phát

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn chế độ bạn muốn tắt.

►► Cách Chọn Chế Độ Phát

Các chế độ phát

Scan (Quét)

Scan Folders (MP3/WMA/AAC): Nghe thử 10 giây bài đầu tiên trong từng thư mục chính.

Scan Tracks: Nghe thử 10 giây tất cả các bài trong CD (tất cả các bài trong thư mục hiện tại ở định dạng MP3, WMA, hoặc AAC).

Random/Repeat (Ngẫu Nhiên/Lặp Lại)

Repeat Folder (MP3/WMA/AAC): Lặp lại tất cả các bài trong thư mục hiện tại.

Repeat Track: Lặp lại bài hiện tại.

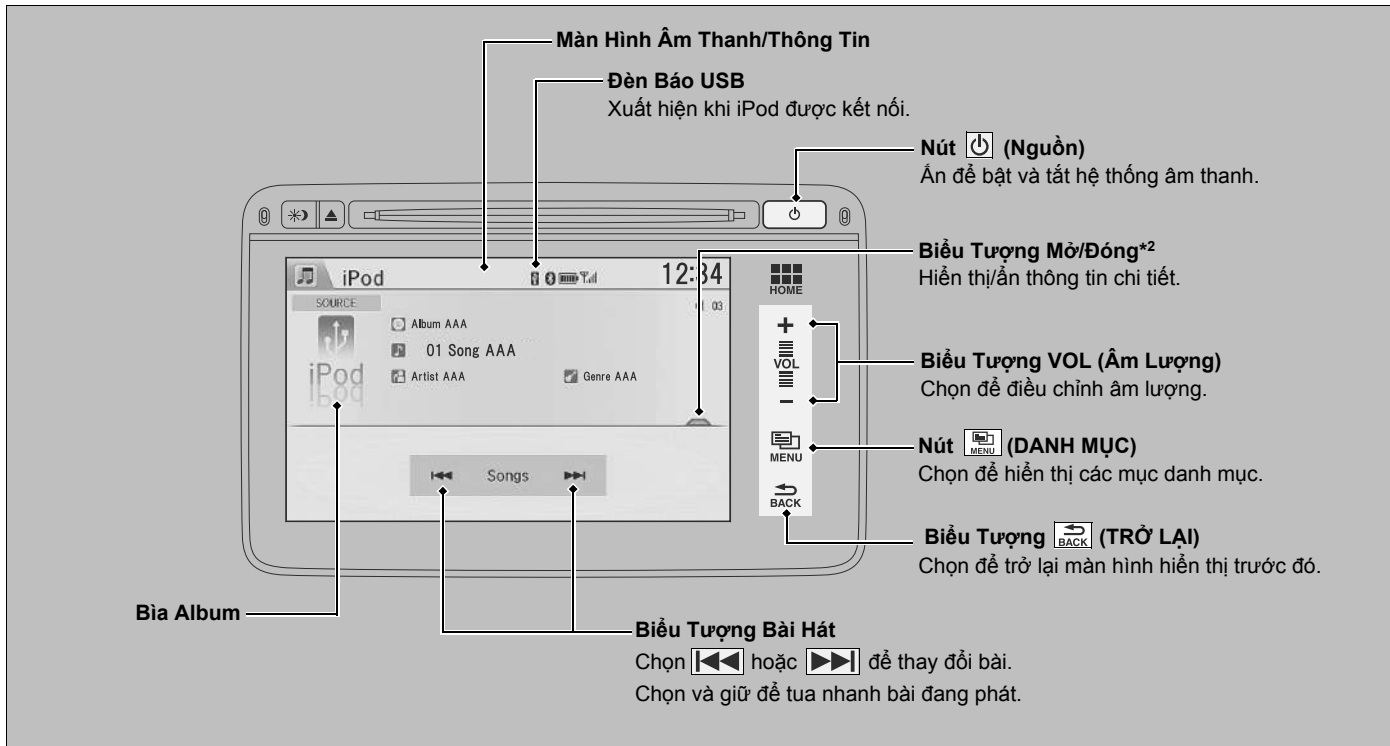
Random in Folder (MP3/WMA/AAC): Phát tất cả các bài trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

Random All Tracks: Phát tất cả các bài theo thứ tự ngẫu nhiên.

Phát Qua iPod

Dùng đầu nối để kết nối iPod với cổng USB, sau đó ấn nút **CD/AUX**.

📖 (Các) Cổng USB Tr. 269



Tính Năng

*1: Một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

► Cách Chọn Bài trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc

1. Chọn **MENU** và chọn **Music Search**.
2. Chọn các mục trong danh mục đó.



►► Cách Chọn Bài trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc

Các chức năng vận hành có sẵn sẽ khác nhau giữa các đời xe và các phiên bản. Một số chức năng có thể không có ở hệ thống âm thanh của xe.

Nếu có sự cố, bạn có thể thấy một thông báo lỗi trên màn hình âm thanh/thông tin.

► **iPod/USB*** Tr. 342

Nếu bạn bật ứng dụng phát nhạc trên iPhone/iPod trong khi điện thoại được kết nối với hệ thống màn hình âm thanh, có thể sẽ phải mất nhiều thời gian hơn để vận hành ứng dụng đó trên màn hình âm thanh. Kết nối lại thiết bị nếu cần.

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ lặp lại và trộn khi đang phát một bài.



1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Shuffle/Repeat**.
3. Chọn chế độ.

■ Tắt chế độ phát

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn chế độ bạn muốn tắt.

►► Cách Chọn Chế Độ Phát

Các chế độ phát

Repeat Song: Lặp lại bài hiện tại.

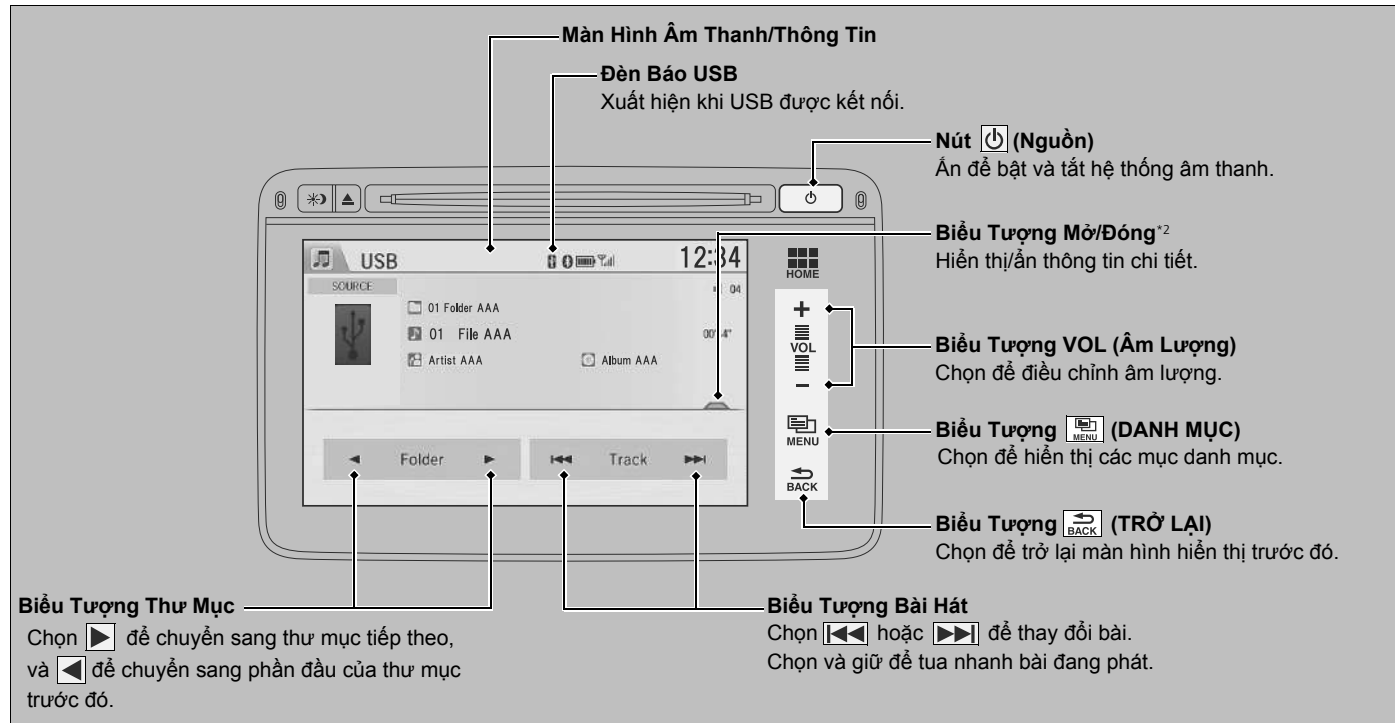
Shuffle Albums: Phát tất cả các album trong danh sách đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, hoặc nhạc sỹ) theo thứ tự ngẫu nhiên.

Shuffle All Songs: Phát tất cả các bài hát trong danh sách đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, hoặc nhạc sỹ) theo thứ tự ngẫu nhiên.

Phát Qua USB

Hệ thống âm thanh của bạn đọc và phát các file âm thanh trong USB ở định dạng MP3, WMA hoặc AAC*1.
Cắm USB vào cổng USB, sau đó chọn chế độ USB.

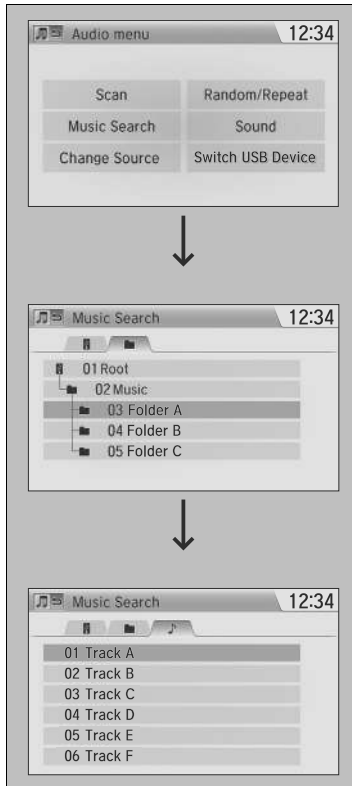
► (Các) Cổng USB Tr. 269



*1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên bộ này.

*2: Một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

Cách Chọn Bài trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc



1. Chọn **MENU** và chọn **Music Search**.

2. Chọn **Music** hoặc **Movie**.

3. Chọn thư mục.

4. Chọn bài.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Phát Qua USB

Sử dụng USB khuyên dùng.

► **Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh***
Tr. 343

Không thể phát được các file định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền số (DRM). Hệ thống âm thanh hiển thị **Unplayable File (không thể phát)**, sau đó bỏ qua đến bài tiếp theo.

Nếu có sự cố, bạn có thể thấy một thông báo lỗi trên màn hình âm thanh/thông tin.

► **iPod/USB*** Tr. 342

Còn nữa

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ quét, lặp lại hoặc ngẫu nhiên khi đang phát một bài.



1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Scan** hoặc **Random/Repeat**.
3. Chọn chế độ.

■ Tắt một chế độ phát

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn chế độ bạn muốn tắt.

Tính Năng

►► Cách Chọn Chế Độ Phát

Các chế độ phát

Scan (Quét)

Scan Folders: Nghe thử 10 giây bài đầu tiên trong từng thư mục chính.

Scan Tracks: Nghe thử 10 giây tất cả các bài trong thư mục hiện tại.

Random/Repeat (Ngẫu Nhiên/Lặp Lại)

Repeat Folder: Lặp lại tất cả bài trong thư mục hiện tại.

Repeat Track: Lặp lại bài hiện tại.

Random in Folder: Phát tất cả các bài trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

Random All Tracks: Phát tất cả các bài theo thứ tự ngẫu nhiên.

Khi phát một video:

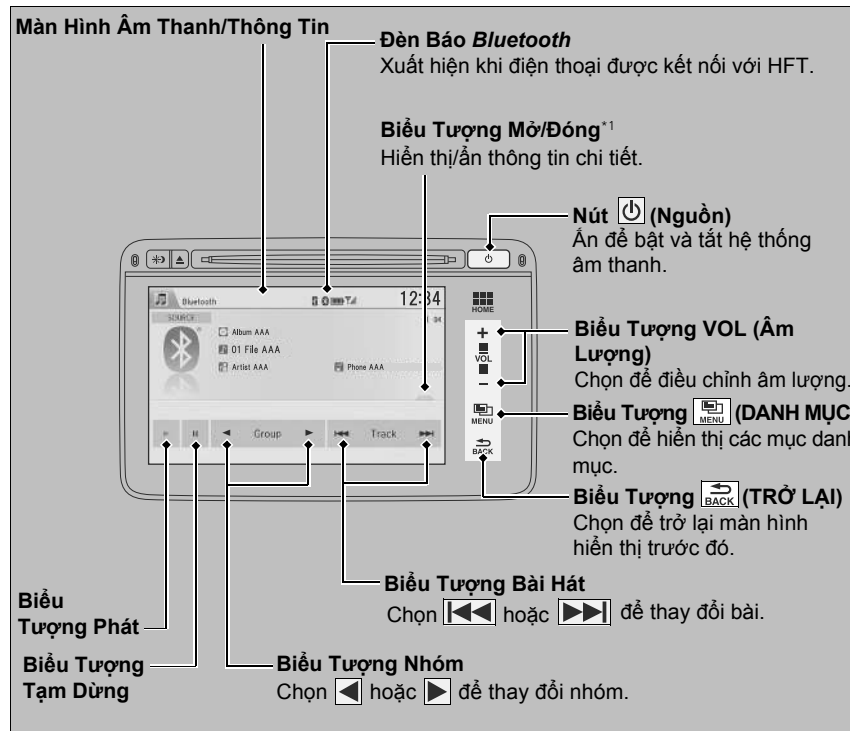
Slow: Phát chậm video.

Phát Âm Thanh Qua Bluetooth®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích Bluetooth.

Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT).

▣ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 417



Còn nữa

▣ Phát Âm Thanh Qua Bluetooth®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh Bluetooth đều tương thích với hệ thống. Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích hay không.

Sử dụng các chức năng của thiết bị dữ liệu trong khi lái xe có thể là phạm luật.

Mỗi lần chỉ có thể sử dụng một điện thoại để kết nối với HFT. Khi có từ hai chiếc điện thoại trở lên trong xe được kết nối, thì chiếc điện thoại đầu tiên được ghép đôi với hệ thống sẽ được tự động kết nối.

Nếu có nhiều chiếc điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ lâu hơn.

Trong một số trường hợp, tên tác giả, album, bài hát sẽ không hiển thị đúng.

Thông báo **No Device Connected** (không kết nối) có thể xuất hiện nếu:

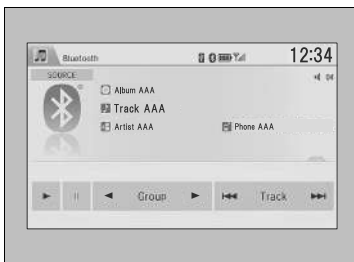
- Điện thoại không kết nối được với HFT.
- Điện thoại không được bật.
- Điện thoại không ở trong xe.
- Điện thoại không tương thích được kết nối.

Một số thiết bị có thể không có các chức năng bên dưới:

- Chức năng tạm dừng.
- Chọn nhóm.

*1: Tùy thuộc vào thiết bị Bluetooth® mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

■ Phát Âm Thanh Qua *Bluetooth*®



1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.

► **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 417

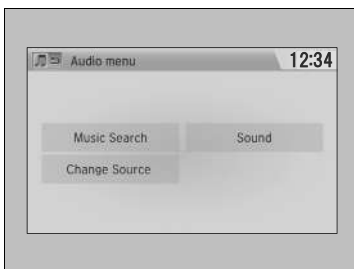
2. Chọn chế độ phát Âm Thanh qua *Bluetooth*®.

Nếu điện thoại không được nhận diện, có khả năng một điện thoại tương thích với HFT khác mà không tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*® đã được kết nối.

■ Tạm dừng hoặc phát tiếp một bài

Chọn biểu tượng phát hoặc biểu tượng tạm dừng tương ứng.

■ Tìm Kiếm Nhạc



1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Music Search**.
3. Chọn một hạng mục tìm kiếm (ví dụ: Album).
4. Chọn một mục.

► Bắt đầu phát mục được lựa chọn.

►► Phát Âm Thanh Qua *Bluetooth*®

Để phát nhạc, có thể bạn cần kích hoạt điện thoại. Nếu vậy, hãy làm theo các hướng dẫn kích hoạt của nhà sản xuất điện thoại.

Chuyển sang một chế độ khác sẽ làm ngưng nhạc đang phát trên điện thoại của bạn.

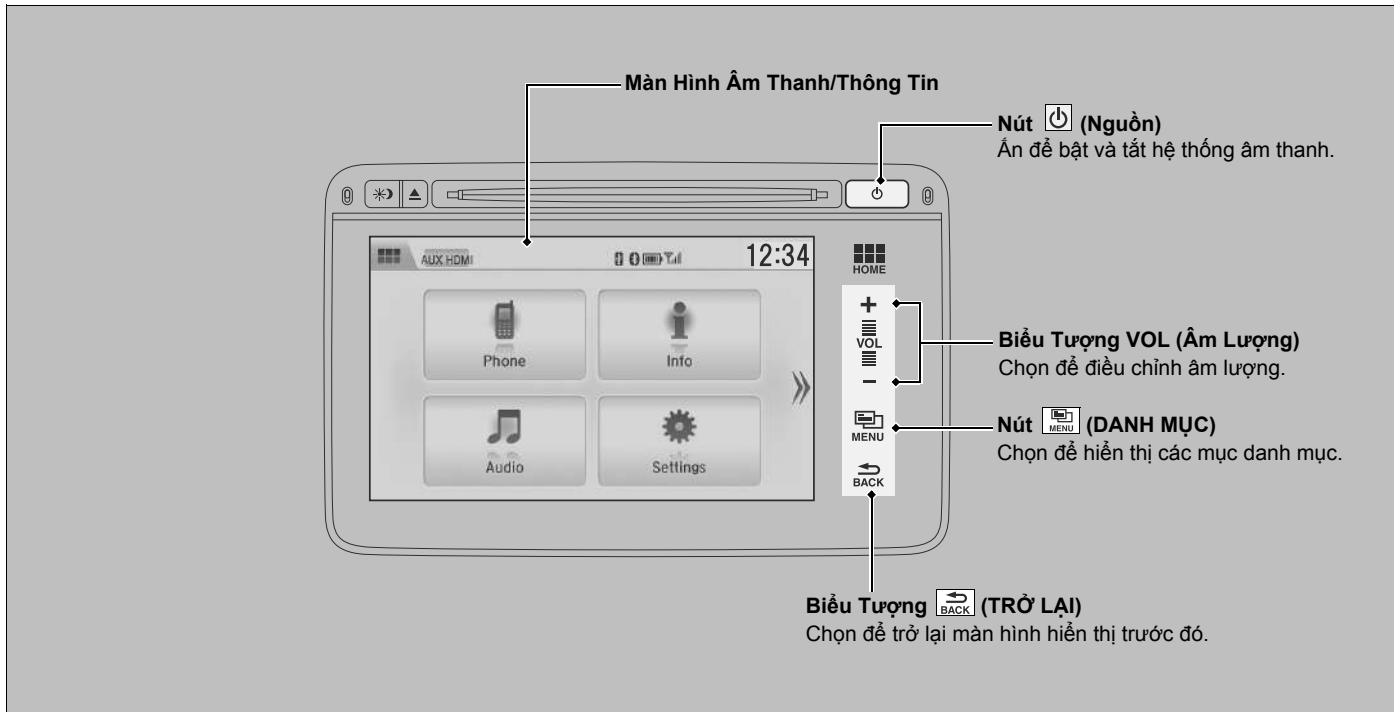
►► Tìm Kiếm Nhạc

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® bạn kết nối, một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

Phát Video Bằng HDMI™

Hệ thống âm thanh cho phép bạn phát video từ thiết bị tương thích HDMI™. Kết nối thiết bị bằng dây cáp HDMI™, sau đó chọn chế độ HDMI™.

▶ Cổng HDMI™* Tr. 270



Tính Năng

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thay Đổi Khung Màn Hình



1. Chọn **HOME**.
2. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình **Settings**.
3. Chọn **Audio**.
4. Chọn **Aspect Ratio Adjustment**.
5. Chọn cài đặt bạn muốn.
6. Chọn **OK**.

▶▶ Phát Video Bằng HDMI™

Tính năng này bị hạn chế trong khi lái xe. Để phát video, hãy dừng xe và gài phanh đỗ.

Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

Một số ứng dụng trên điện thoại của bạn có thể hiển thị và được kích hoạt trên màn hình âm thanh/thông tin khi điện thoại được kết nối với hệ thống âm thanh. Bạn có thể kết nối điện thoại với hệ thống bằng cáp nối hoặc wifi.

► **Kết Nối Điện Thoại iPhone** Tr. 339

►► Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

Đỗ xe ở vị trí an toàn trước khi kết nối điện thoại và trong khi chạy ứng dụng đã hiển thị.

Không phải tất cả các điện thoại đều tương thích với hệ thống. Hệ thống không hiển thị tất cả các ứng dụng có sẵn trên điện thoại của bạn, và một số ứng dụng cần phải cài đặt trước. Liên hệ với đại lý để biết thêm chi tiết.

Có thể cần phải thiết lập trên điện thoại thông minh. Để biết thêm thông tin chi tiết về vận hành điện thoại thông minh, hãy xem tài liệu hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại hoặc liên hệ với đại lý. Bạn cần chuyển kết nối *Bluetooth*[®] với điện thoại thông minh của bạn nếu hệ thống đã kết nối với thiết bị điện tử khác.

► Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

Tr. 418

Các mục sau có thể khác nhau tùy theo loại điện thoại:

- Phương pháp kết nối.
- Cách kết nối điện thoại thông minh với hệ thống.
- Ứng dụng có thể chạy trên màn hình.

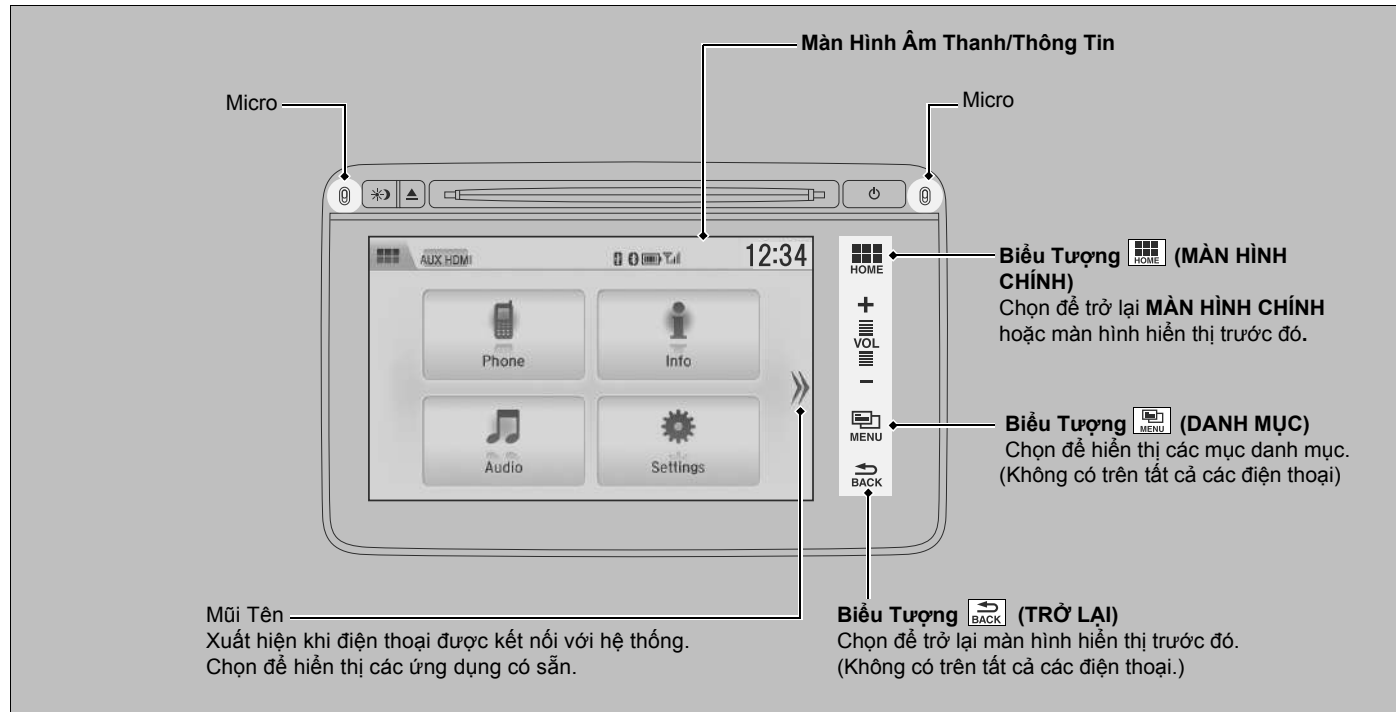
Chúng tôi không hỗ trợ chạy tất cả các ứng dụng trên hệ thống âm thanh.

Hãy liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng khi có bất kỳ thắc mắc nào về tính năng của ứng dụng.

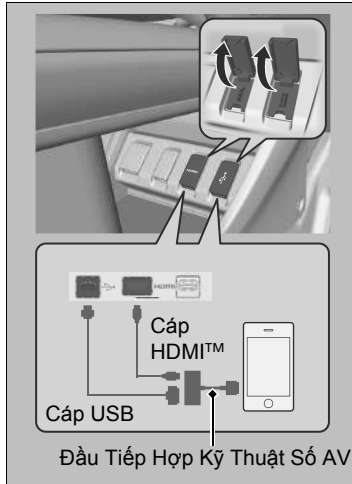
Không thực hiện bất kỳ thao tác nào trên màn hình hiển thị trong khi xe đang chạy.

Để sử dụng kết nối điện thoại thông minh, trước tiên bạn cần phải ghép đôi điện thoại thông minh với hệ thống âm thanh qua *Bluetooth*[®].

☑ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 417



■ Kết Nối Điện Thoại iPhone



1. Kết nối điện thoại của bạn với hệ thống âm thanh thông qua *Bluetooth*®.
► **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 417
2. Cắm đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số vào cổng HDMI™.
3. Nối đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số với điện thoại iPhone.
► Đợi cho đến khi có mũi tên xuất hiện trên màn hình chính.
4. Chọn mũi tên để hiển thị các ứng dụng có sẵn của điện thoại thông minh trên màn hình âm thanh/thông tin.
► Bạn có thể cần phải thao tác trên điện thoại.
5. Chọn một ứng dụng bạn muốn chạy trên màn hình âm thanh/thông tin.
► Để trở lại màn hình trước đó, chọn **HOME**.


►► Kết Nối Điện Thoại iPhone

Đảm bảo bạn đã cắm đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số và cổng HDMI™. Nếu không, kết nối điện thoại thông minh có thể không hoạt động đúng.

Để nạp điện cho điện thoại, kết nối đồng thời điện thoại với cổng USB.

Hãy liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin về việc mua đầu tiếp hợp kỹ thuật số AV hoặc cáp nối HDMI™.

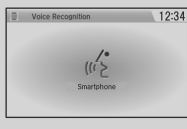
Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

Bạn có thể nói chuyện qua ứng dụng Siri bằng cách ấn nút  (Nói) trên vô lăng khi điện thoại iPhone được ghép đôi với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay.

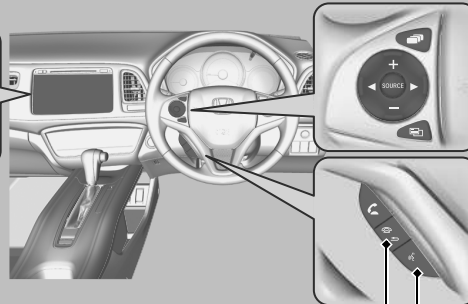
► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 417

Sử Dụng Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

Xuất hiện khi Siri được kích hoạt ở chế độ Siri Rảnh Mắt



Khi ở chế độ Siri Rảnh Mắt: Màn hình vẫn hiển thị tương tự. Không có phản hồi hoặc lệnh xuất hiện.



Nút  (Gác máy/trở lại)

Ấn để hủy kích hoạt Siri Rảnh Mắt.

Nút  (Nói)

Ấn và giữ đến khi màn hình hiển thị thay đổi như hình vẽ.

►► Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

Siri là sản phẩm của Tập Đoàn Apple.

Kiểm tra trên trang web của tập đoàn Apple để biết thêm chi tiết về các tính năng có sẵn của Siri.

Bạn không nên sử dụng ứng dụng Siri trừ ứng dụng Siri Rảnh Mắt khi lái xe.



►► Sử Dụng Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

Một số lệnh chỉ hoạt động trên các ứng dụng hoặc tính năng cụ thể của điện thoại.

Thông Báo Lỗi Âm Thanh*

Máy Phát CD

Nếu đĩa xảy ra lỗi, bạn có thể nhìn thấy các thông báo lỗi sau.

Thông Báo Lỗi ^{*1}	Nguyên Nhân	Giải Pháp
Unplayable File	Định dạng bài không được hỗ trợ	<ul style="list-style-type: none">• Bài hiện tại sẽ bị bỏ qua. Bài được hỗ trợ tiếp theo sẽ tự động phát.
Bad Disc Please check Owner's Manual Please push eject button ^{*2} Bad Disc Please Check Owner's Manual Push Eject ^{*3}	Lỗi cơ khí	<ul style="list-style-type: none">• Ấn nút  (nhà) và lấy đĩa ra, và kiểm tra đã xem thông báo lỗi đã biến mất chưa.• Kiểm tra xem đĩa có bị hỏng hoặc biến dạng không, và cho lại đĩa vào. ☒ Bảo Quản CD Tr. 344• Nếu thông báo lỗi xuất hiện lại, hãy ấn  và lấy đĩa ra.• Cho một đĩa khác vào. Nếu đĩa mới cho vào chạy được, thì đĩa ban đầu có sự cố.• Nếu thông báo lỗi lặp lại, hoặc đĩa không thể lấy được ra, hãy liên hệ với đại lý. Không cố dùng lực để lấy đĩa ra khỏi máy phát.
Mecha Error		
Bad Disc Please Check Owner's Manual	Lỗi séc-vô	
Check Disc	Lỗi đĩa	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem các đĩa có bị hỏng hoặc biến dạng không. ☒ Bảo Quản CD Tr. 344
Heat Error	Nhiệt độ cao	<ul style="list-style-type: none">• Tắt hệ thống âm thanh và để máy phát nguội cho đến khi thông báo lỗi biến mất.

* 1: Trên hệ thống màn hình âm thanh đen trắng, thông báo lỗi được hiển thị bằng chữ viết hoa.

* 2: Hệ thống màn hình hiển thị âm thanh, Hệ thống màn hình âm thanh đen trắng

* 3: Hệ thống màn hình âm thanh màu

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

iPod/USB*

Nếu có một lỗi xảy ra khi đang bật iPod hoặc USB, bạn có thể thấy các thông báo lỗi sau. Nếu bạn không thể xoá các thông báo lỗi, hãy liên hệ với đại lý.

Thông Báo Lỗi	Giải Pháp
USB Error ^{*1, *2, *3}	Xuất hiện khi bộ tiếp hợp USB có sự cố. Kiểm tra xem thiết bị có tương thích với bộ tiếp hợp USB không.
The connected USB device has a problem. See Owner's Manual¹ Bad USB Device ^{*2, *3}	Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không tương thích. Ngắt kết nối thiết bị. Sau đó tắt hệ thống âm thanh và bật lại. Không kết nối lại với thiết bị mà gây ra lỗi đó.
Unsupported Version¹ Unsupported Ver ^{*2, *3}	Xuất hiện khi kết nối với một iPod không được hỗ trợ. Nếu thông báo này xuất hiện khi kết nối với một iPod được hỗ trợ, hãy cập nhật phiên bản phần mềm iPod mới nhất.
Connect Retry^{*1, *3} Retry Connection ^{*2}	Xuất hiện khi hệ thống không nhận iPod. Kết nối lại iPod.
Unplayable File ^{*1, *2, *3}	Xuất hiện khi các bài trong USB là DRM hoặc là một định dạng không được hỗ trợ. Thông báo lỗi này xuất hiện trong khoảng 3 giây, sau đó phát bài tiếp theo.
No Data^{*1, *2, *3} USB No Song^{*2, *3} iPod No Song ^{*2, *3}	iPod Xuất hiện khi iPod trống.
	USB Xuất hiện khi USB trống hoặc không có file định dạng MP3, WMA, hoặc AAC trong USB
	iPod và USB Kiểm tra xem thiết bị có lưu trữ các bài tương thích không.
Unsupported ^{*1, *2, *3}	Xuất hiện khi kết nối với thiết bị không được hỗ trợ. Nếu thông báo xuất hiện khi kết nối với một thiết bị được hỗ trợ, thì kết nối lại thiết bị đó.

*1: Hệ thống màn hình hiển thị âm thanh

*2: Hệ thống màn hình âm thanh màu

*3: Hệ thống màn hình âm thanh đen trắng

Thông báo lỗi được hiển thị bằng chữ viết hoa.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh*

CD Khuyến Dùng

- Chỉ sử dụng các đĩa CD-R hoặc CD-RW chất lượng cao có nhãn để nghe nhạc.
- Chỉ sử dụng các đĩa CD-R hoặc CD-RW đã hoàn tất quá trình ghi.
- Chỉ bật các CD hình tròn tiêu chuẩn.

Vỏ CD phải có một trong các nhãn này.



CD với các file định dạng MP3, WMA, hoặc AAC

- Một số tập tin phần mềm có thể không cho phép phát âm thanh hoặc hiển thị văn bản dữ liệu.
- Một số phiên bản định dạng MP3, WMA, hoặc AAC có thể không được hỗ trợ.

CD Khuyến Dùng

Hệ thống âm thanh trên xe không hỗ trợ loại đĩa kép. Nếu đĩa được ghi dưới điều kiện không đảm bảo, đĩa CD-R hoặc CD-RW có thể không mở được.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Bảo Quản CD

Làm theo các lưu ý sau khi xử lý hoặc cất giữ các CD:

- Để CD trong vỏ của nó khi không dùng.
- Khi lau CD, dùng vải mềm sạch lau từ trong ra rìa.
- Cầm CD ở cạnh của nó. Không được chạm vào bề mặt đĩa.
- Không được cho các vật lạ vào trong máy phát CD.
- Không để CD dưới ánh nắng mặt trời và nhiệt độ cao.
- Không đặt các vòng cân bằng hoặc dán nhãn lên CD.
- Tránh để dầu vân tay, chất lỏng, mực bút dạ bám trên mặt CD.

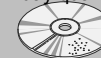
►► Bảo Quản CD

CHÚ Ý

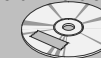
Không dùng CD đã hỏng. Nó có thể bị kẹt bên trong và làm hỏng bộ âm thanh.

Ví dụ:

- CD bị sần, nhẵn, có dán nhãn và có độ dày quá mức bình thường.



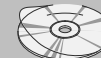
Bị Sần/
Nhẵn



Có Nhãn/
Miếng Dán



Có In Nhãn
Trên Mặt



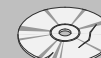
Bị Bọc Kín



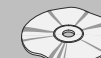
Có Vòng Nhựa Bên Ngoài

- CD bị hỏng

- CD chất lượng kém



Sứt
Mê/Nứt



Bị Cong



Bị Vết

- CD nhỏ



CD 8 cm

iPod, iPhone và USB Tương Thích

Loại iPod, iPhone và USB Tương Thích

Loại
iPod (thế hệ thứ 5)* ^{1, *2}
iPod loại 80GB/160GB (ra mắt năm 2007)
iPod loại 120GB (ra mắt năm 2008)
iPod loại 160GB (ra mắt năm 2009)
iPod nano (thế hệ thứ 1 đến 6) ra mắt năm 2010
iPod nano (thế hệ thứ 7) ra mắt năm 2012
iPod touch (thế hệ thứ 1 đến 4) ra mắt năm 2010
iPod touch (thế hệ thứ 5) ra mắt năm 2012
iPhone 3G/iPhone 3GS/iPhone 4/iPhone 4s/iPhone 5/iPhone 5s* ^{1, *2} /iPhone 5c* ^{1, *2}

*1: Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng

*2: Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

USB

- Sử dụng USB khuyên dùng có dung lượng từ 256 MB trở lên.
- Một số đầu phát âm thanh kỹ thuật số có thể không tương thích.
- Một số USB (ví dụ: thiết bị có khóa bảo vệ) có thể không hoạt động.
- Một số tập tin phần mềm có thể không cho phép phát âm thanh hoặc hiển thị văn bản dữ liệu.
- Một số phiên bản định dạng MP3, WMA, hoặc AAC có thể không được hỗ trợ.

Loại iPod và iPhone Tương Thích

Hệ thống này có thể không hoạt động được với tất cả các phiên bản phần mềm của các thiết bị này.

USB

Các bài trong USB sẽ phát theo thứ tự được lưu. Thứ tự này có thể khác so với thứ tự hiển thị trên máy tính hoặc thiết bị khác.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh

■ Thiết Bị Khuyến Dùng

Đa phương tiện	Thiết bị USB	
Profile (phiên bản MP4)	Mức Cơ Bản 3 (MPEG4-AVC), Mức Đơn 5 (MPEG4)	
Đuôi file (phiên bản MP4)	.mp4/.m4v	
Codec âm thanh tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)
Hình ảnh tối đa	720 X 576 pixel	

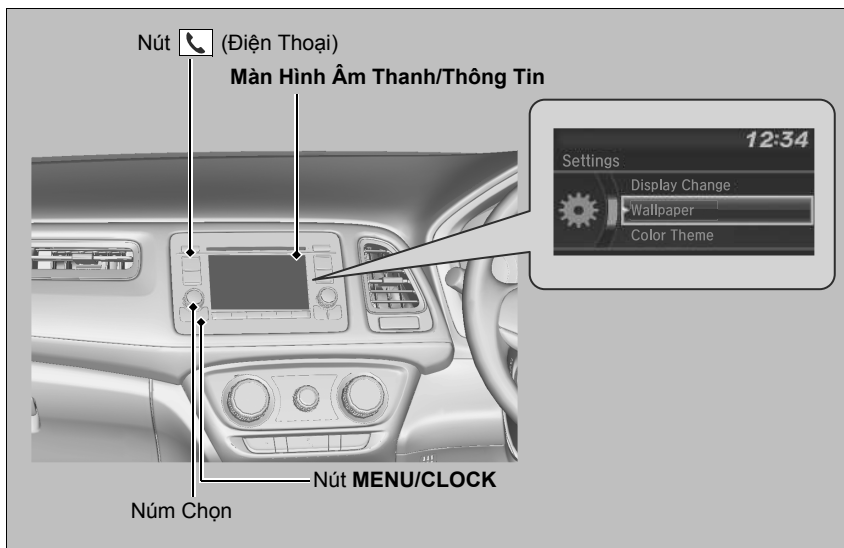
Tính Năng Tùy Chọn

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chọn

Trong khi xe dừng hẳn mà khoá điện ở BẬT [II] *, ấn nút **MENU/CLOCK**, sau đó chọn **Settings**. Để tùy chọn cài đặt điện thoại, ấn [☎], sau đó chọn **Phone Setup**.



*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

» Tính Năng Tùy Chọn

Khi bạn tùy chọn cài đặt:

- Đảm bảo xe dừng hoàn toàn.
- Sang số đến [P].

» Cách tùy chọn

Các biểu tượng này được sử dụng để chỉ dẫn cách vận hành núm chọn.

Xoay [🌀] chọn.

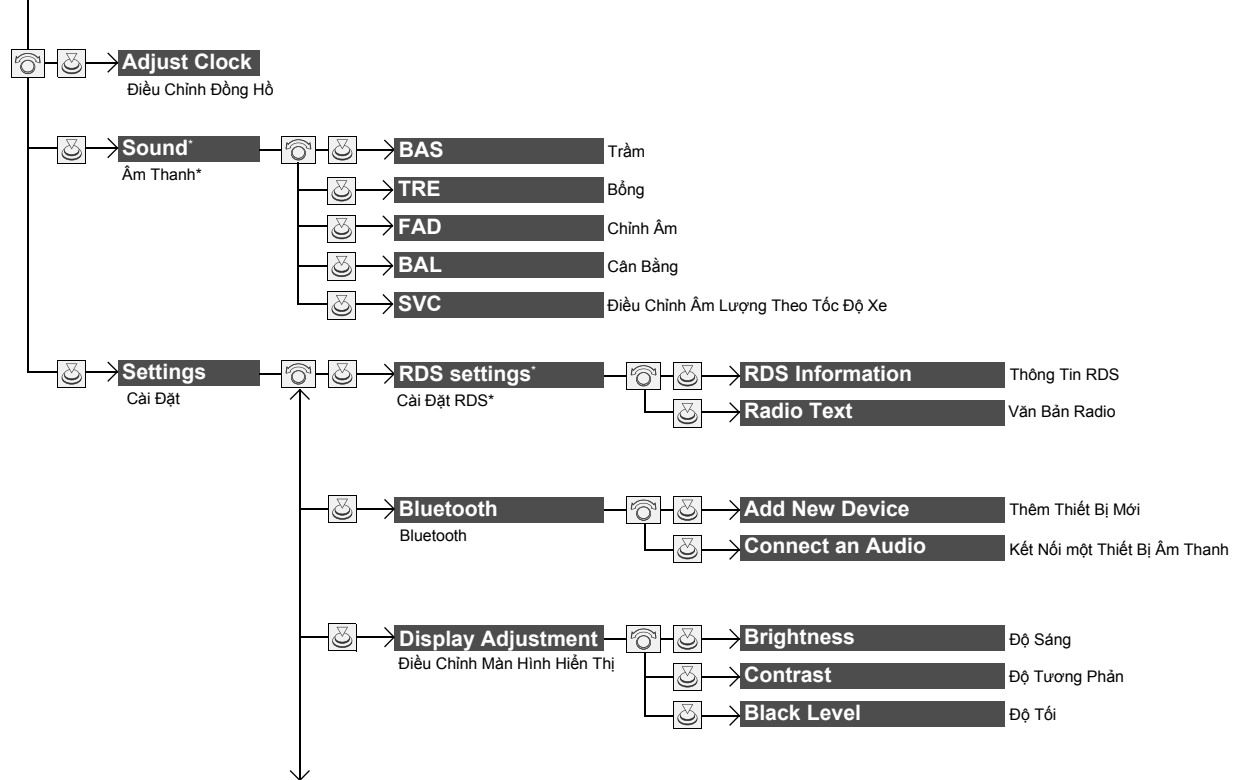
Ấn [👉] để thực hiện.

Để tùy chọn các tính năng khác, chọn **Settings**, xoay [🌀], sau đó ấn [👉].

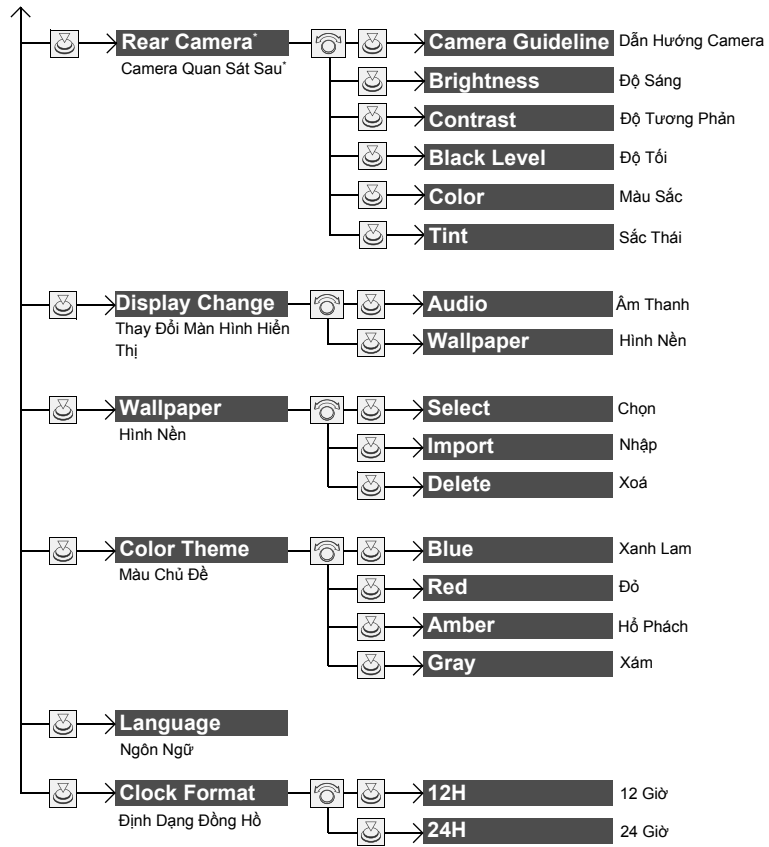
➡ **Danh sách tùy chọn Tr. 351**

■ Các Bước Tùy Chọn

Ấn nút **MENU**.






*1: Ngoại trừ chế độ AM/FM

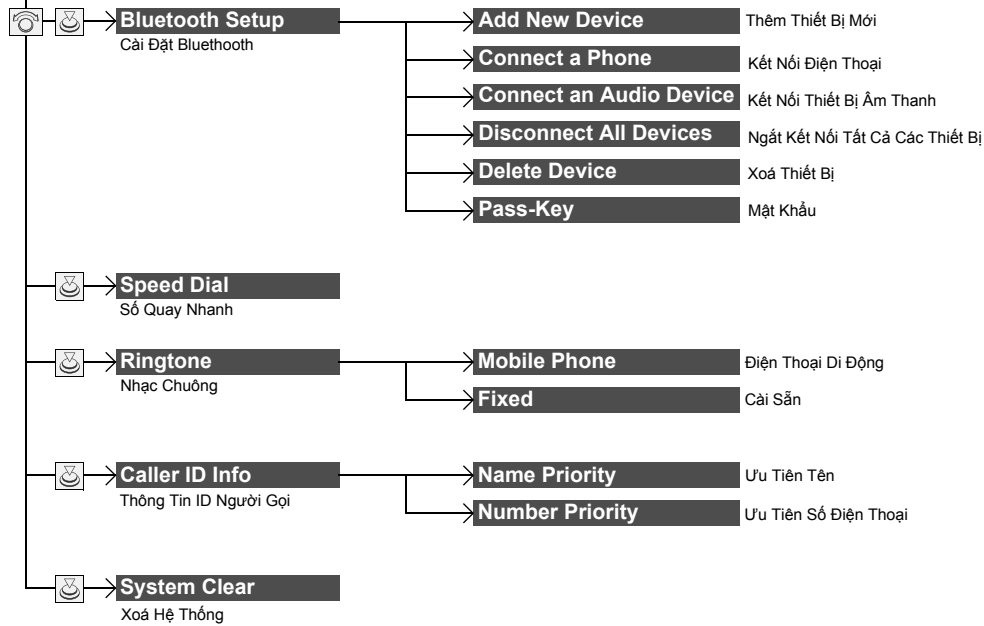


Tính Năng

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Tính Năng Tùy Chọn ►►

Ấn nút  và xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .



Tính Năng

■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt	
Adjust Clock		Điều chỉnh Đồng Hồ. ☑ Đồng Hồ Tr. 160	—	
Sound*	BAS			
	TRE			
	FAD	Điều chỉnh cài đặt âm thanh của loa. ☑ Điều chỉnh Âm Thanh Tr. 297	—	
	BAL			
	SVC			
Settings	RDS settings*	RDS Information	Chọn có bật thông tin RDS không. On/Off **1 (Bật/Tắt*1)	
		Radio Text	Hiển thị thông tin văn bản radio của kênh RDS đã chọn. —	
	Bluetooth	Add New Device	Ghép đôi điện thoại mới với HFT, chỉnh sửa và xoá điện thoại đã ghép đôi và tạo mã cho điện thoại đã ghép đôi. ☑ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 396	—
		Connect an Audio Device	Kết nối, ngắt kết nối hoặc ghép đôi thiết bị Âm Thanh <i>Bluetooth</i> ® với HFT. —	
	Display Adjustment	Brightness	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin. —	
		Contrast	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin. —	
		Black Level	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin. —	

Tính Năng

*1:Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►TÍNH NĂNG TỰY CHỌN►

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt	
Settings	Camera Guideline	Chọn để xem có bật dẫn hướng trên màn hình âm thanh/thông tin không.	On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)	
	Rear Camera[*]	Brightness	Điều chỉnh cài đặt màn hình hiển thị camera quan sát sau.	—
		Contrast		
		Black Level		
		Color		
		Tint		
	Display Change	Thay đổi kiểu màn hình hiển thị.	Audio^{*1}/Wallpaper (Âm Thanh ^{*1} /Hình Nền)	
	Wallpaper	Select	Thay đổi kiểu hình nền.	Clock^{*1}/Image1/Image2/Image3 (Đồng Hồ ^{*1} /Hình Ảnh1/Hình ảnh 2/Hình Ảnh 3)
		Import	Nhập một hình ảnh làm hình nền mới. 📁 Cài Đặt Hình Nền Tr. 295	—
		Delete	Xoá một hình ảnh làm hình nền.	Image1^{*1}/Image2/Image3 (Hình Ảnh 1 ^{*1} /Hình Ảnh 2/Hình Ảnh 3)
Color Theme	Thay đổi màu nền của màn hình âm thanh/thông tin.	Blue^{*1}/Red/Amber/Grey (Xanh Lam ^{*1} /Đỏ/Hồ Phách/Xám)		
Language	Thay đổi ngôn ngữ hiển thị.	English/French/Spanish (Tiếng Anh/Pháp/Tây Ban Nha)		
		English/Indonesian/Thai/Malay (Tiếng Anh/Indonesia/Thái Lan/Malaysia)		
Clock Format	Chọn hiển thị đồng hồ số: 12H hoặc 24H.	12H^{*1}/24H (12 Giờ ^{*1} /24 Giờ)		

*1:Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Phone Setup	Bluetooth Setup	Add New Device Ghép đôi điện thoại mới với HFT. ☑ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 396	—
		Connect a Phone Ghép đôi điện thoại mới hoặc kết nối điện thoại đã ghép đôi với HFT. ☑ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 396	—
		Connect an Audio Device Kết nối thiết bị Âm Thanh <i>Bluetooth</i> ® với HFT.	—
		Disconnect All Devices Ngắt kết nối thiết bị với HFT	—
		Delete Device Xoá điện thoại đã ghép đôi.	—
		Pass-Key Nhập và thay đổi mã cho điện thoại đã ghép đôi.	—
	Speed Dial Sửa, thêm hoặc xoá số quay nhanh. ☑ Số Quay Nhanh Tr. 403	—	
	Ringtone	Chọn nhạc chuông.	Mobile Phone ^{*1} / Fixed (Điện Thoại Di Động ^{*1} /Cài Sẵn)
	Caller ID Info	Ưu tiên tên hoặc số điện thoại của người gọi làm ID người gọi.	Name Priority ^{*1} / Number Priority (Ưu Tiên Tên ^{*1} /Ưu Tiên Số Điện Thoại)
	System Clear	Huỷ/Đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm Phone Setup về mặc định.	—

*1:Cài Đặt Mặc Định

Tính Năng Tùy Chọn

Loại xe có hệ thống màn hình hiển thị âm thanh

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chọn

Trong khi xe dừng hẳn mà chế độ nguồn ở BẬT, chọn **Settings**, sau đó chọn mục cài đặt.



Tính Năng

» Tính Năng Tùy Chọn

Khi bạn tùy chọn cài đặt:

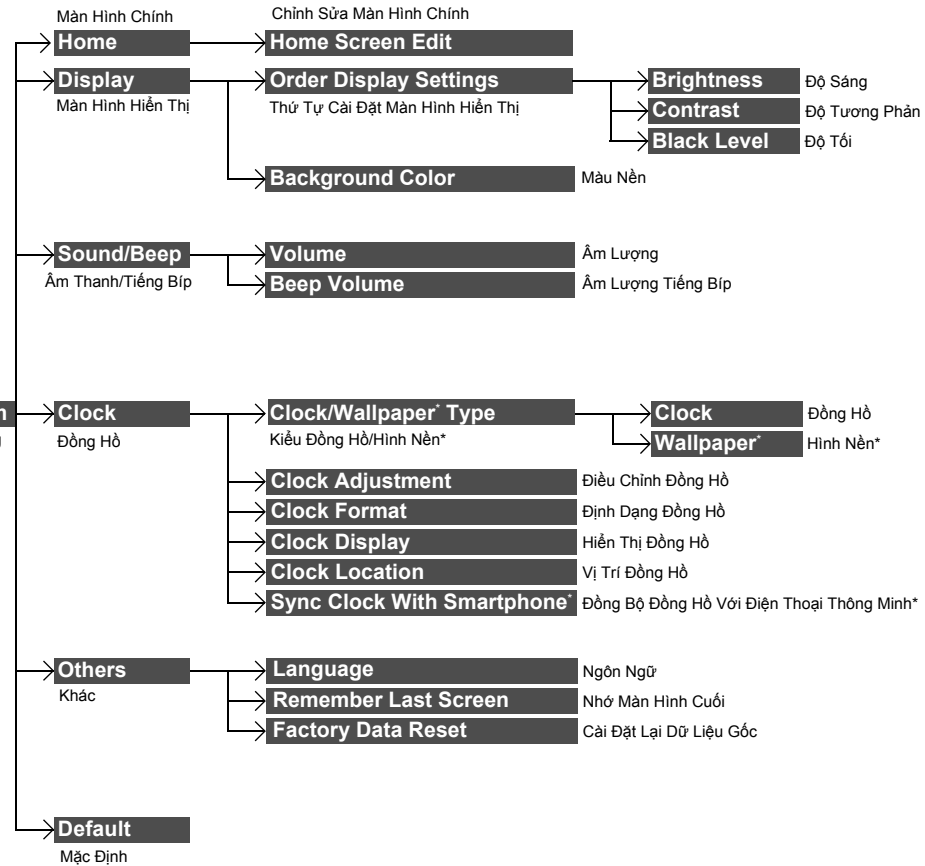
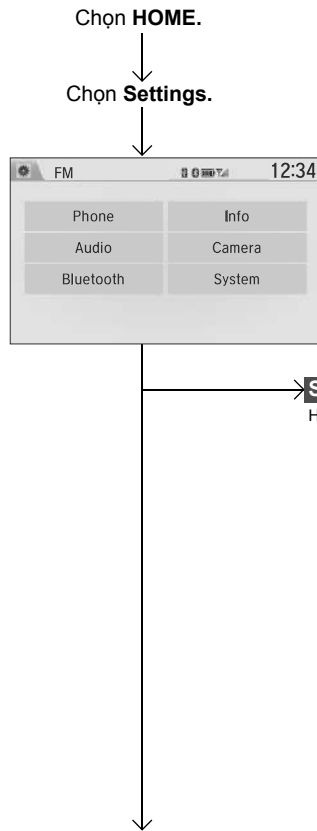
- Đảm bảo xe dừng hoàn toàn.
- Sang số đến [P].

» Cách tùy chọn

Để tùy chọn các tính năng khác, chọn **Settings**.

➤ **Danh sách tính năng tùy chọn Tr. 359**

■ Các bước tùy chỉnh

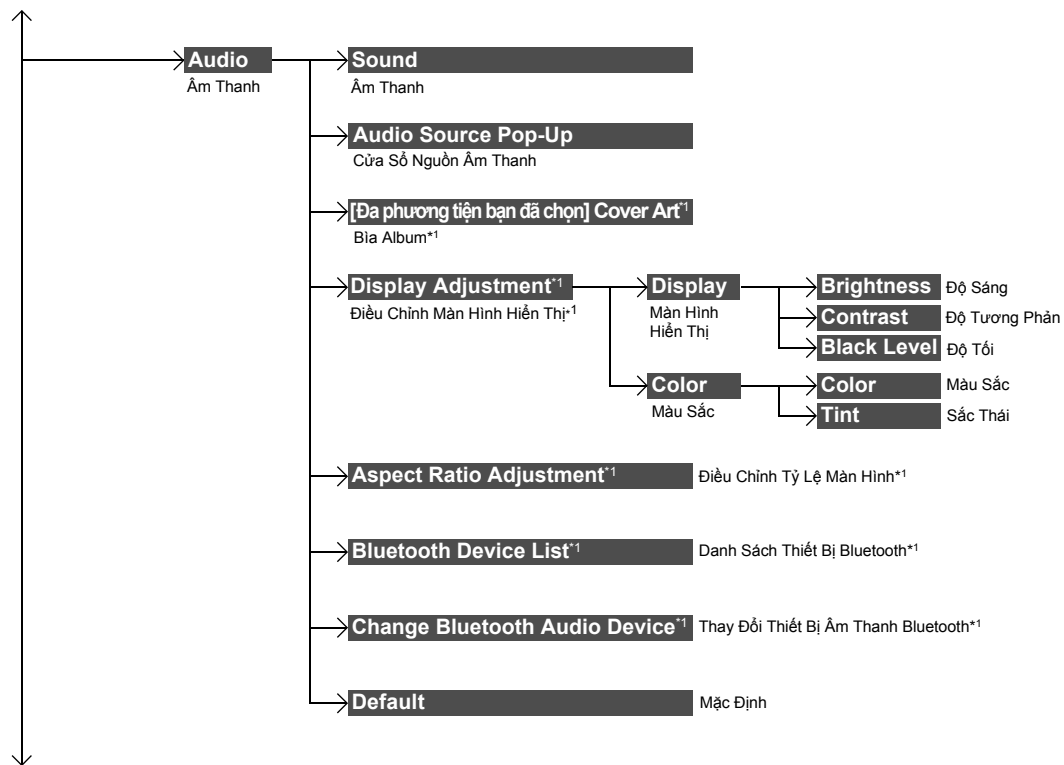


Tính Năng

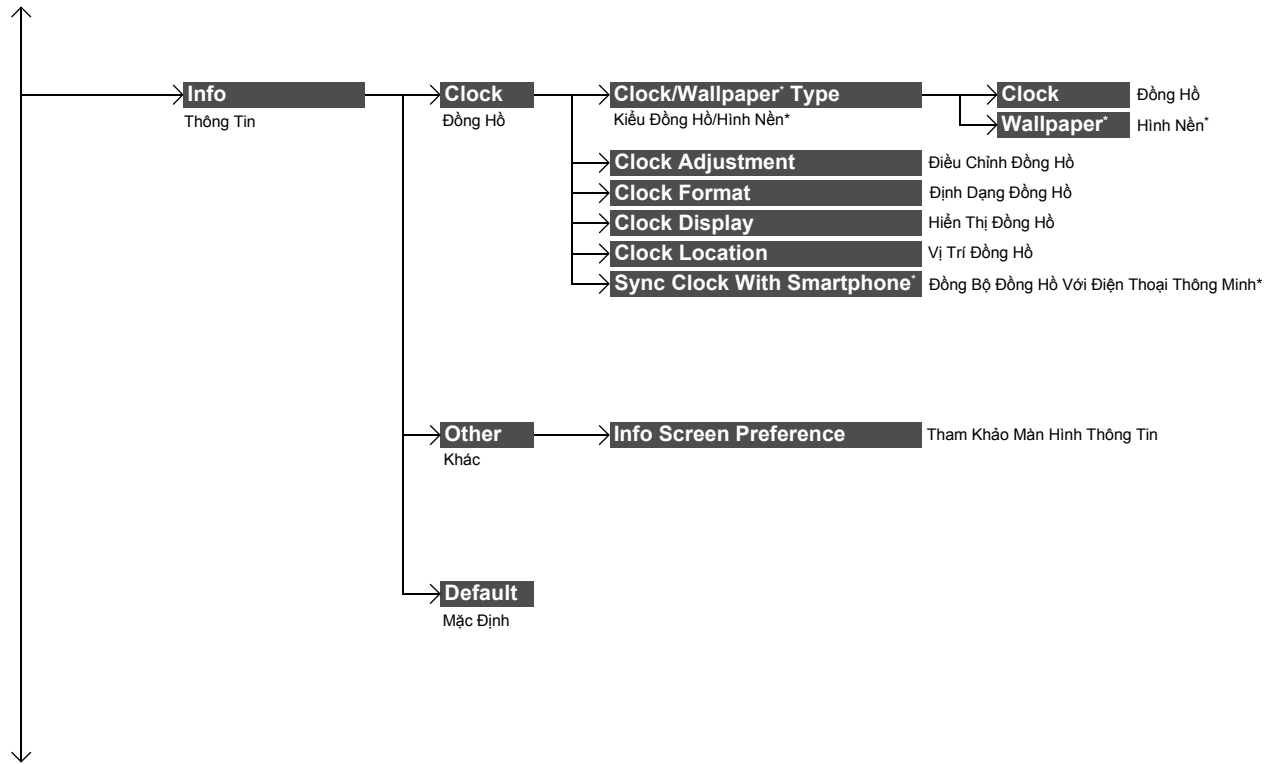
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Tính Năng Tùy Chọn ►►

Tính Năng

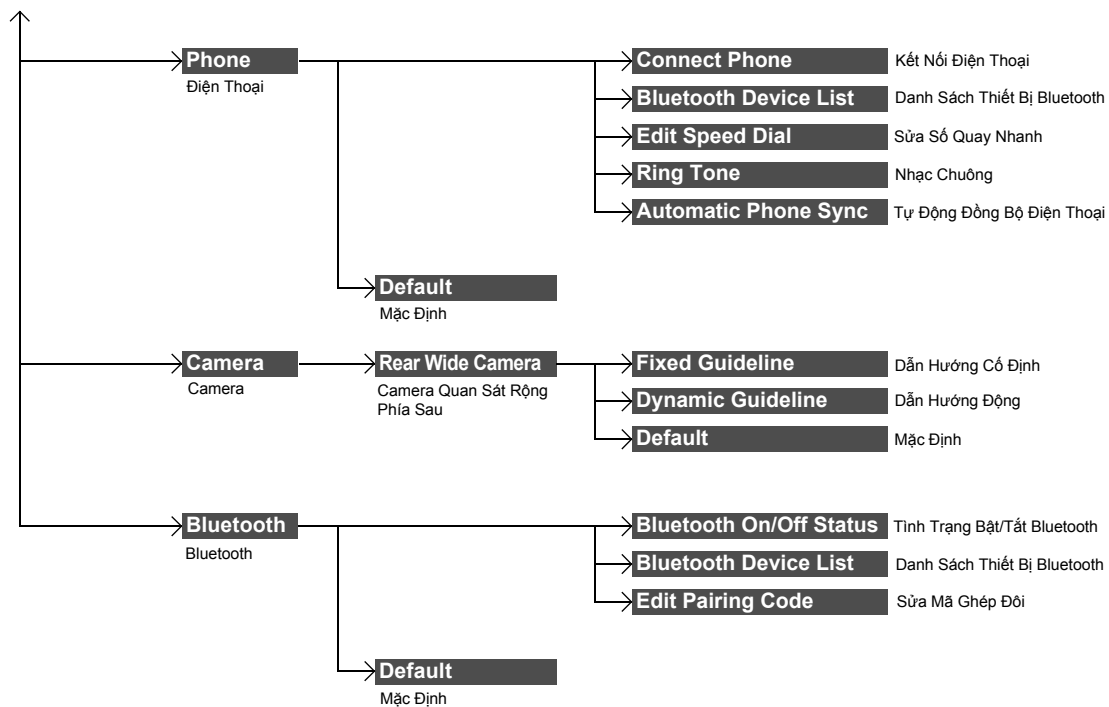


*1: Có thể thay đổi tùy thuộc vào nguồn chọn hiện tại.



Tính Năng

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt		
System	HOME	Home Screen Edit Order	Thay đổi bố trí biểu tượng MÀN HÌNH CHÍNH.	—	
	Display	Display Settings	Brightness	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.	—
			Contrast	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin.	—
			Black Level	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin.	—
			Background Color	Thay đổi màu nền của màn hình âm thanh/thông tin.	Blue^{*1}/Amber/Red/Violet (Xanh Lam ^{*1} /Hỗ Phách/Đỏ/Tím)
	Sound/Beep	Volume	Thay đổi âm lượng âm thanh.	0~6^{*1}~11	
		Beep Volume	Thay đổi âm lượng tiếng bíp.	Off/1/2^{*1}/3 (Tắt/1/2 ^{*1} /3)	

*1: Cài Đặt Mặc Định

►► Tính Năng Tùy Chọn ►►



Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
System	Clock	Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ.	Analog/Digital^{*1}/Small Digital/Off (Đồng Hồ Kim/Số ^{*1} /Số Nhỏ/Tắt)
	Clock/Wallpaper[*] Type	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi kiểu hình nền. Nhập một hình ảnh làm hình nền mới. Xoá một hình ảnh làm hình nền. Cài Đặt Hình Nền* Tr. 318	Blank/Galaxy^{*1}/Metallic (Trống/Đen Xám ^{*1} /Ánh Kim)
	Clock Adjustment	Điều chỉnh Đồng Hồ. Đồng Hồ Tr. 160	—
	Clock Format	Chọn hiển thị đồng hồ kiểu 12H hoặc 24H.	12H^{*1}/24H (12 Giờ ^{*1} /24 Giờ)
	Clock Display	Chọn hiển thị hoặc không hiển thị đồng hồ.	On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)
	Clock Location	Thay đổi vị trí hiển thị đồng hồ.	Upper Right^{*1}/Upper Left/Lower Right/Lower Left/Off (Trên Phải ^{*1} /Trên Trái/Dưới Phải/Dưới Trái/Tắt)
	Sync Clock With Smartphone[*]	Chọn có hoặc không liên kết đồng hồ với thiết bị bạn đang kết nối.	On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
System	Others	Language	Thay đổi ngôn ngữ hiển thị. English/French/Spanish (Tiếng Anh/Pháp/Tây Ban Nha) English/Thai/Malay/Indonesian (Tiếng Anh/Thái Lan/Malaysia/Indonesia) Chinese (hantai)/English/Portuguese (Tiếng Trung Quốc/Anh/Bồ Đào Nha)
		Remember Last Screen	Chọn thiết bị ghi nhớ hoặc không ghi nhớ màn hình lần trước. On/Off ^{*1} (Bật/Tắt ^{*1})
		Factory Data Reset	Đặt lại tất cả cài đặt về mặc định gốc. Yes/No (Có/Không) Mặc Định Tất Cả Cài Đặt Tr. 366
	Default	Hủy/Cài đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm System về mặc định. Yes/No (Có/Không)	
Audio	Sound	Điều chỉnh cài đặt âm lượng loa âm thanh. Điều Chỉnh Âm Thanh Tr. 320	-6 ~ 0^{*1} ~ +6 (BASS và TREBLE), RR9~0^{*1}~FR9 (FADER), L9~0^{*1}~R9 (BALANCE), Off/Low/Mid^{*1}/High (SVC) (-6 ~ 0 ^{*1} ~ +6 (TRẦM và BỔNG), RR9~0 ^{*1} ~FR9 (CHỈNH ÂM), L9~0 ^{*1} ~R9 (CÂN BẰNG), Tắt/Thấp/Trung Bình ^{*1} /Cao (ĐIỀU CHỈNH ÂM LƯỢNG THEO TỐC ĐỘ XE)
	Audio Source Pop-Up	Chọn có bật hay không danh sách các nguồn âm thanh có thể chọn khi Audio được chọn trên MÀN HÌNH CHÍNH . On/Off ^{*1} (Bật/Tắt ^{*1})	

*1: Cài Đặt Mặc Định

►► Tính Năng Tùy Chọn ►

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
	<p>Chế độ iPod hoặc USB [Đa phương tiện bạn đã chọn] Cover Art</p>	Bật và tắt hiển thị bìa album.	On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)
	<p>Display</p> <p>Chế độ USB, HDMI™</p> <p>Display Adjustment</p> <p>Color</p>	<p>Brightness</p> <p>Contrast  Hệ Thống Tr. 359</p> <p>Black Level</p> <p>Color</p> <p>Color Thay đổi màu sắc màn hình âm thanh/thông tin.</p> <p>Tint Thay đổi sắc thái của màn hình âm thanh/thông tin.</p>	—
	<p>Chế độ USB, HDMI™</p> <p>Aspect Ratio Adjustment</p>	Thay đổi tỷ lệ khung màn hình và cài đặt phóng to của màn hình âm thanh/thông tin.	Normal/Full^{*1}/Zoom (Bình Thường/Toàn Màn Hình ^{*1} /Phóng To)
	<p>Chế độ Âm Thanh <i>Bluetooth</i>®</p> <p>Bluetooth Device List</p>	Ghép đôi điện thoại mới với HFT, sửa hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi.  Cài Đặt Điện Thoại Tr. 417	—
	<p>Chế độ Âm Thanh <i>Bluetooth</i>®</p> <p>Change Bluetooth Audio Device</p>	Kết nối, ngắt kết nối hoặc ghép đôi thiết bị Âm Thanh <i>Bluetooth</i> ® với HFT.	—
	Default	Hủy/Cài Đặt Lại các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt Audio về mặc định.	Yes/No (Có/Không)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Info	Clock/ Wallpaper* Type	Clock Wallpaper*	
		Clock Adjustment	
	Clock	Clock Format	☑ Hệ Thống Tr. 360
		Clock Display	
		Clock Location	
		Sync Clock With Smartphone*	
Other	Info Screen Preference	Thay đổi kiểu màn hình Info .	Info Top/Info Menu/Off ¹ (Thông Tin Trên Cùng/Danh Mục Thông Tin/Tắt ¹)
Default		Hủy/Cài đặt lại các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt Info về mặc định.	Yes/No (Có/Không)

*1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Tính Năng Tùy Chọn ►►

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Phone	Connect Phone	Ghép đôi điện thoại mới với HFT, kết nối hoặc ngắt kết nối điện thoại đã ghép đôi. ☑ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 417	—
	Bluetooth Device List	Ghép đôi điện thoại mới với HFT, sửa hoặc xoá một điện thoại đã ghép đôi. ☑ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 417	—
	Edit Speed Dial	Sửa, thêm hoặc xoá số quay nhanh. ☑ Số Quay Nhanh Tr. 423	—
	Ring Tone	Chọn nhạc chuông.	Fixed/Mobile Phone ^{*1} (Cài Đặt Sẵn/Điện Thoại Di Động ^{*1})
	Automatic Phone Sync	Cài đặt danh bạ và dữ liệu lịch sử cuộc gọi để nhập tự động khi ghép đôi điện thoại với HFT.	On/Off (Bật/Tắt)
	Default	Hủy/Cài đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm Phone về mặc định.	Yes/No (Có/Không)

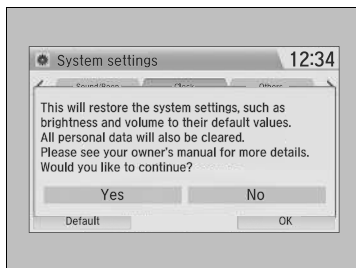
*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Camera	Fixed Guideline	Chọn hiển thị hoặc không hiển thị dẫn hướng cố định trên màn hình camera quan sát sau.	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
	Rear Wide Camera Dynamic Guideline	Chọn hiển thị hoặc không hiển thị dẫn hướng động trên màn hình camera quan sát sau.	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
	Default	Hủy/Cài đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt Rear Wide Camera về mặc định.	Yes/No (Có/Không)
Bluetooth	Bluetooth On/Off Status	Thay đổi trạng thái <i>Bluetooth</i> [®] .	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
	Bluetooth Device List	Ghép đôi điện thoại mới với HFT, sửa hoặc xoá một điện thoại đã ghép đôi, hoặc tạo PIN bảo vệ. ☑ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 417	—
	Edit Pairing Code	Sửa mã ghép đôi. ☑ Thay đổi cài đặt mã ghép đôi Tr. 418	Random/Fixed*¹ (Ngẫu Nhiên/Cài Sẵn* ¹)
	Default	Hủy/Cài đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt Bluetooth về mặc định.	Yes/No (Có/Không)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt

Cài đặt lại tất cả danh mục và cài đặt tùy chọn như cài đặt gốc.



1. Chọn **HOME**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn thẻ **Others**.
5. Chọn **Factory Data Reset**.
 - Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện.
6. Chọn **Yes** để thiết lập lại cài đặt.
7. Chọn lại **Yes** để thiết lập lại cài đặt.
 - Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện.Chọn **OK**.

►► Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt

Khi bạn chuyển nhượng xe cho bên thứ ba, hãy cài đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định và xoá toàn bộ dữ liệu cá nhân đi.

Bạn có thể cài đặt lại các cài đặt sau:

- Các cài đặt sẵn âm thanh.
- Danh sách cuộc gọi.
- Các cài đặt màn hình hiển thị và cài đặt cá nhân khác.

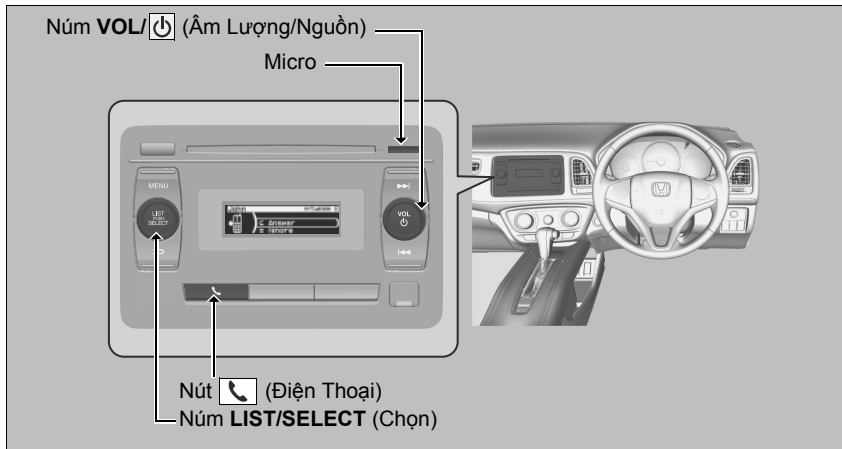
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) cho phép bạn tạo và nhận cuộc gọi bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

Sử Dụng HFT

Nút HFT



Nút (Điện Thoại): Ấn trực tiếp lên màn hình **Phone** hoặc trả lời cuộc gọi đến.

Núm LIST/SELECT (Chọn): Xoay sang trái hoặc phải để tùy chọn các cài đặt sẵn có. Ấn để thiết lập lựa chọn của bạn.

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích *Bluetooth*. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý Honda ở địa phương bạn.

Có thể nhập 15 số điện thoại làm số quay nhanh. Nếu không có số nào trong hệ thống, tính năng Số Quay Nhanh sẽ bị vô hiệu hoá.

Số Quay Nhanh Tr. 383

Có thể lưu 10 lịch sử cuộc gọi. Nếu không có lịch sử cuộc gọi nào, Lịch Sử Cuộc Gọi sẽ bị vô hiệu hoá.

Sử dụng núm âm lượng của hệ thống âm thanh để thay đổi âm lượng.

Công Nghệ *Bluetooth*® Không Dây Nhãn *Bluetooth*® và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth SIG* sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và các tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

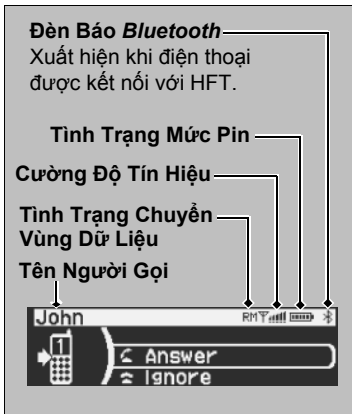
Hạn chế của HFT

Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh đang bật. Hệ thống âm thanh sẽ hoạt động lại khi cuộc gọi kết thúc.

Đặt điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Còn nữa

■ Hiện Thị Trạng Thái HFT



Tình Năng

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.

▣ Hiện Thị Trạng Thái HFT



Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

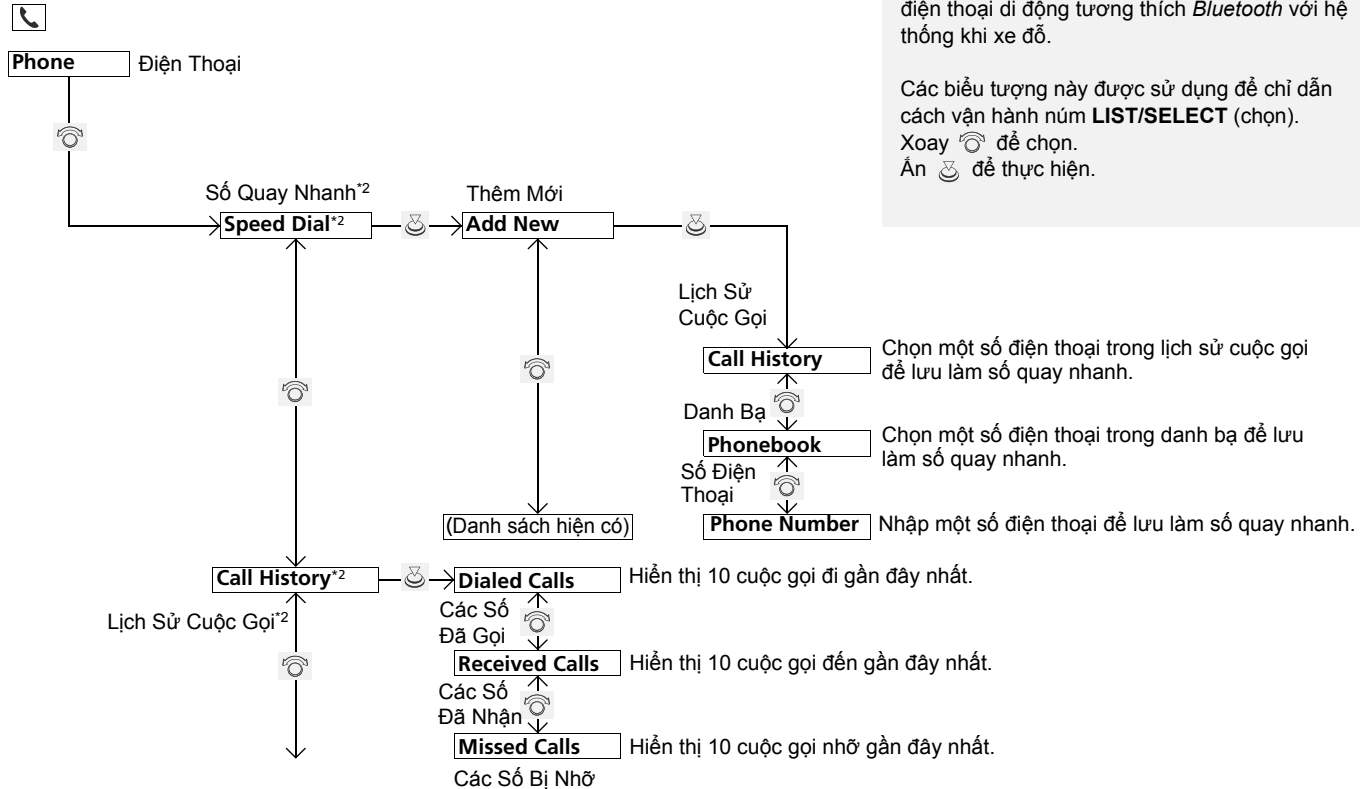
Danh Mục HFT

Để sử dụng hệ thống, khoá điện phải ở PHỤ KIỆN I hoặc BẬT II*1.

► Danh Mục HFT

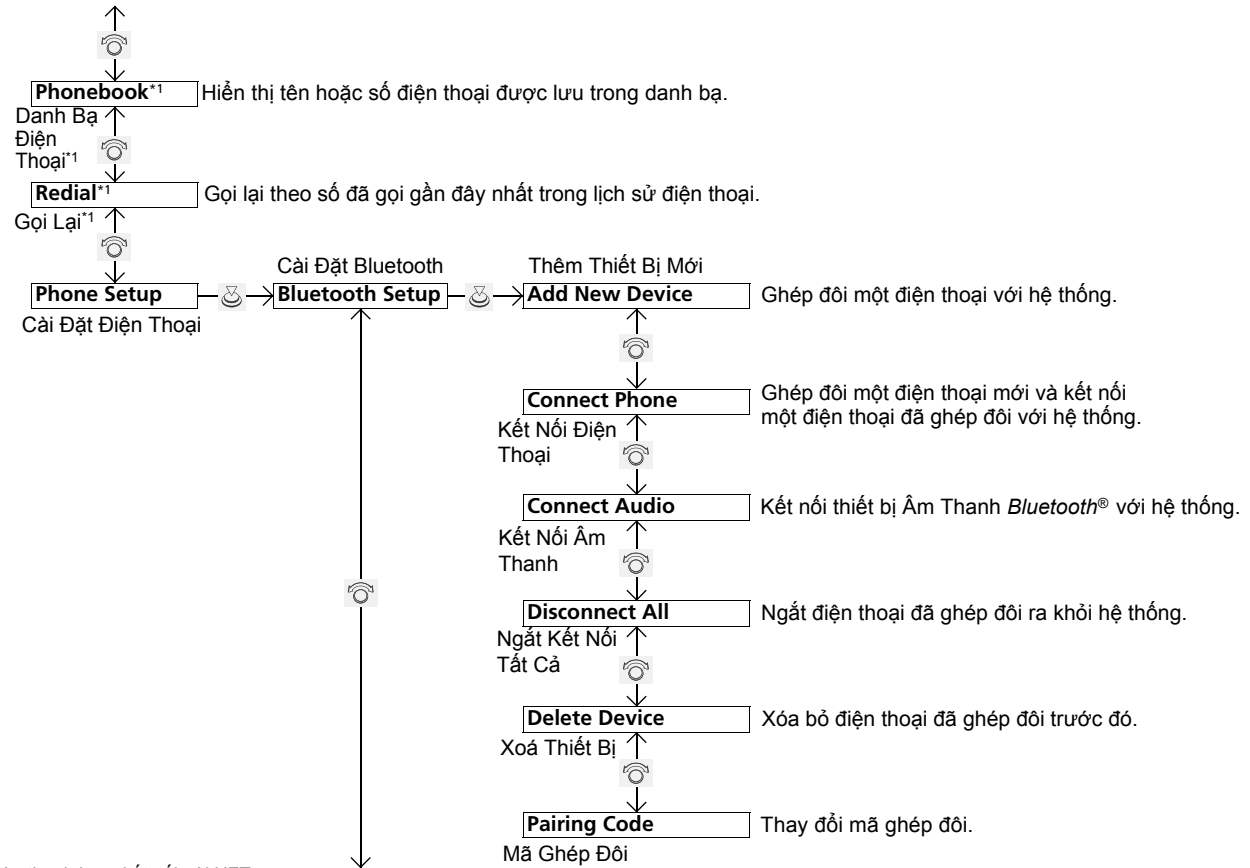
Để sử dụng HFT, trước tiên bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích *Bluetooth* với hệ thống khi xe đỗ.

Các biểu tượng này được sử dụng để chỉ dẫn cách vận hành nút **LIST/SELECT** (chọn).
 Xoay  để chọn.
 Ấn  để thực hiện.

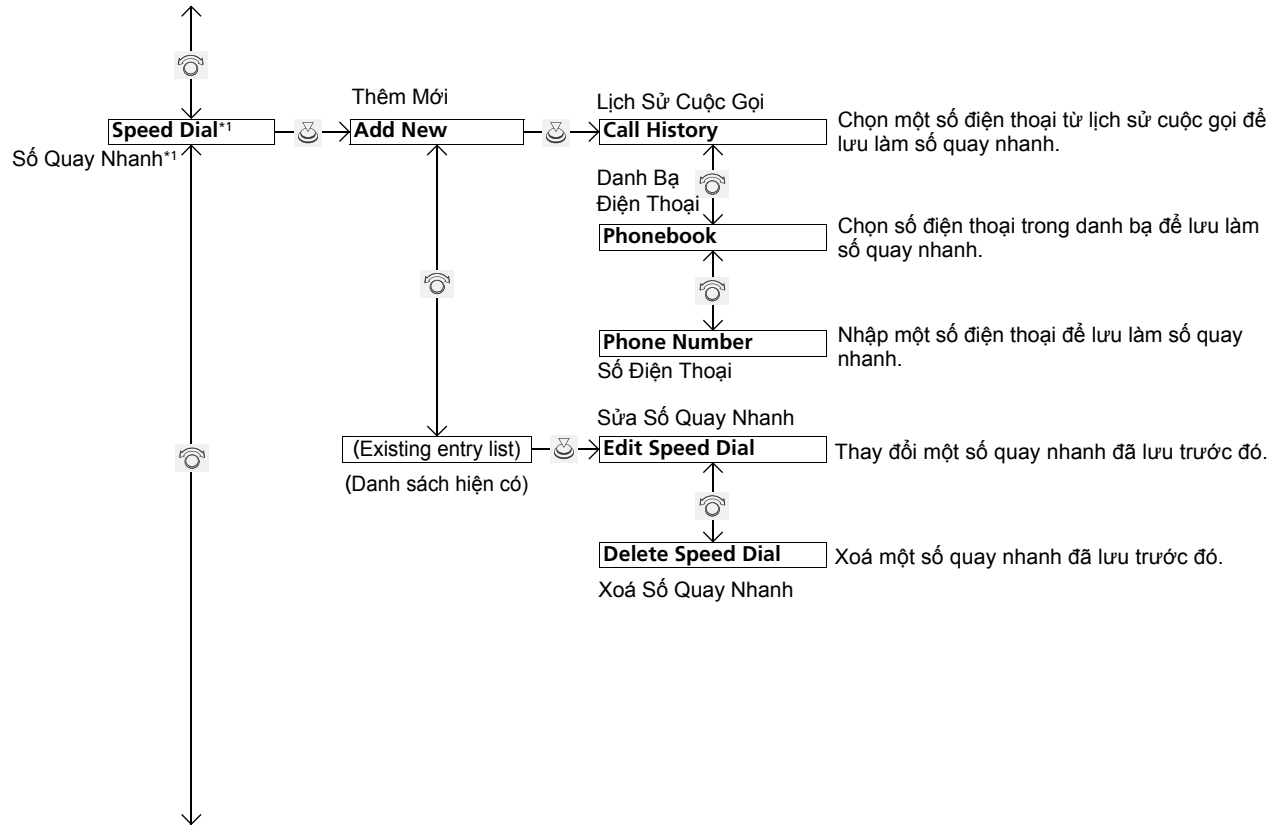


*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

*2: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với HFT.

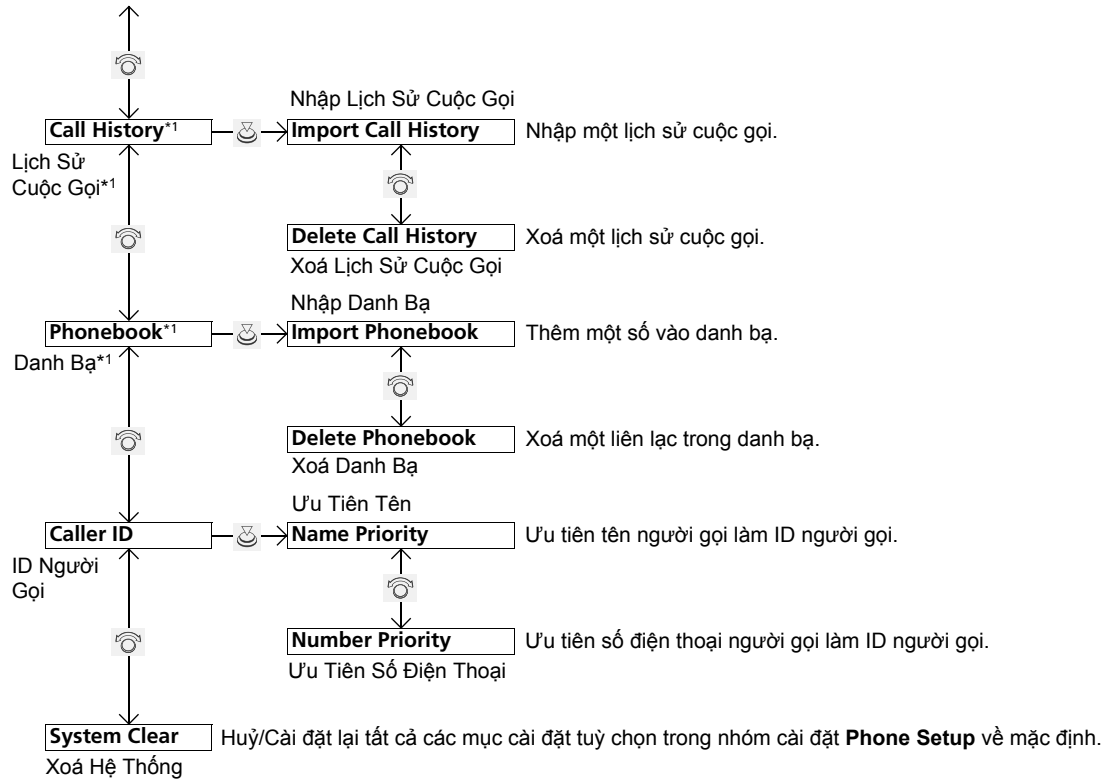


*1: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với HFT.



Tính Năng





*1: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với HFT.



*1: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với HFT.

■ Cài Đặt Điện Thoại

■ Ghép đôi điện thoại di động (Chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Yes**, sau đó ấn .
3. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm, sau đó ấn .
4. Hệ thống sẽ tạo cho bạn một mã ghép đôi trên màn hình điện thoại. Khi hệ thống nhắc nhở, bạn hãy nhập mã ghép đôi có 4 chữ số đó.

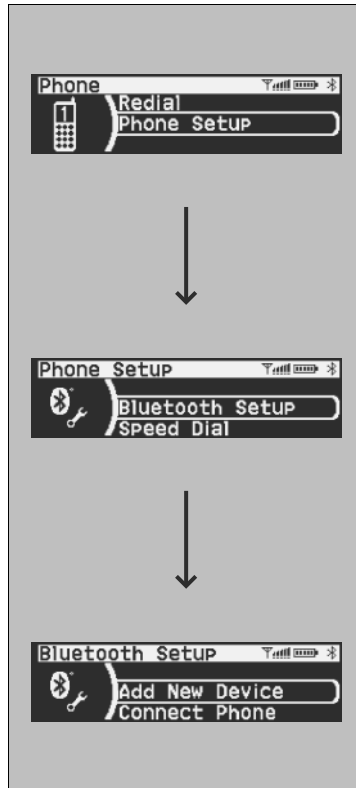
» Cài Đặt Điện Thoại

Điện thoại tương thích *Bluetooth* của bạn phải được ghép đôi với hệ thống rồi bạn mới có thể gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Các lưu ý khi ghép đôi điện thoại:

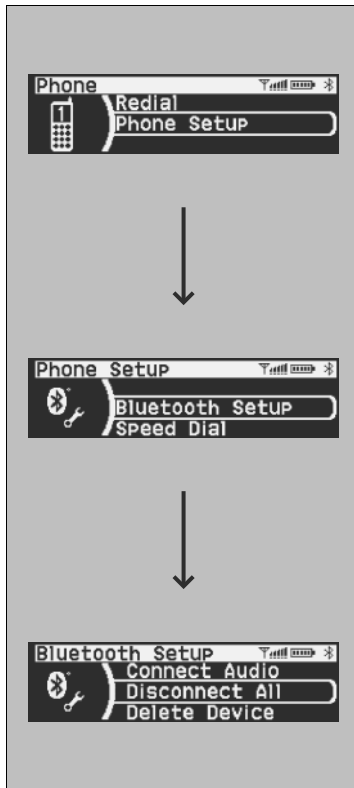
- Bạn không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi đến năm điện thoại.
- Pin điện thoại có thể nhanh hết hơn khi ghép đôi với HFT.

■ Ghép đôi điện thoại di động (khi đã có điện thoại ghép đôi với hệ thống)




1. Ấn nút .
 - Nếu nhắc nhở xuất hiện yêu cầu kết nối với điện thoại, chọn **No** và thực hiện bước 2.
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Add New Device**, sau đó ấn .
5. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm, sau đó ấn .
6. Hệ thống sẽ tạo cho bạn một mã ghép đôi trên màn hình điện thoại. Khi hệ thống nhắc nhở, bạn hãy nhập mã ghép đôi có 4 chữ số đó.

■ Ngắt kết nối điện thoại đã ghép đôi












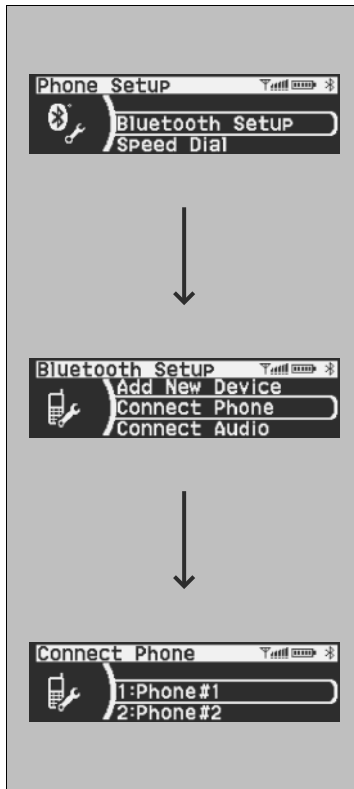
1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .

3. Xoay  để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .

4. Xoay  để chọn **Disconnect All**, sau đó ấn .

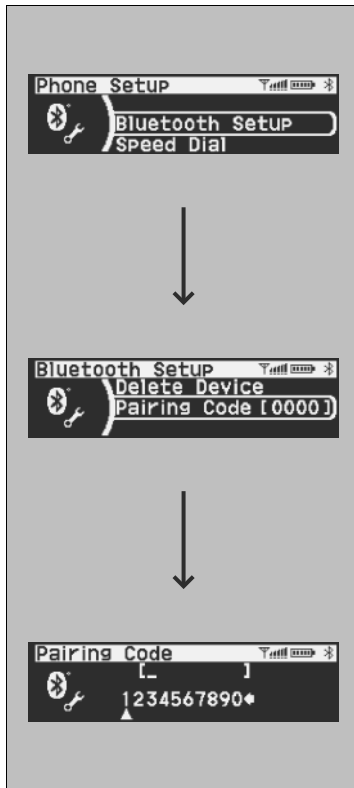
■ Thay đổi điện thoại đang ghép đôi









1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Connect Phone**, sau đó ấn 
 - Màn hình sẽ chuyển sang danh sách thiết bị.
5. Xoay  để chọn tên thiết bị bạn muốn, sau đó ấn .



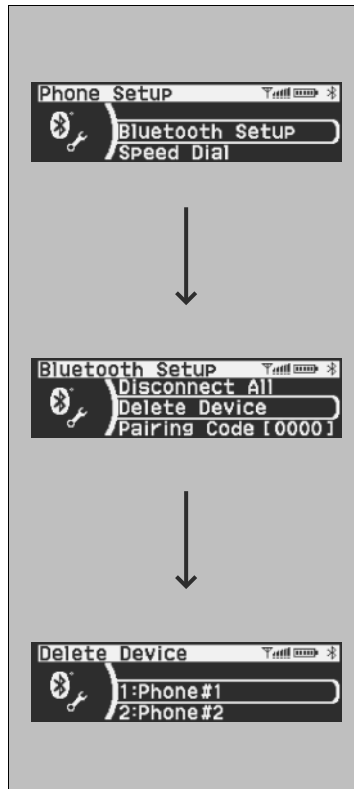
Tình Năng












■ Thay đổi cài đặt mã ghép đôi



1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Pairing Code**, sau đó ấn .
5. Nhập mã ghép đôi mới, sau đó ấn .

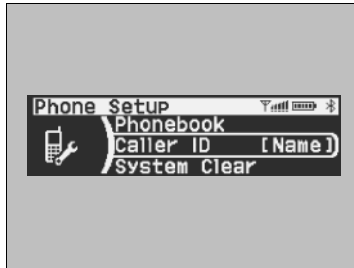
■ Xóa điện thoại đã ghép đôi




1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Delete Device**, sau đó ấn 
 - Màn hình sẽ thay đổi sang danh sách thiết bị.
5. Xoay  để chọn điện thoại bạn muốn xóa, sau đó ấn .
6. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Xoay  để chọn **Yes**, sau đó ấn .

■ Thông Tin ID Của Người Gọi

Bạn có thể chọn hiển thị thông tin của người gọi khi có cuộc gọi đến.



1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Caller ID**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn chế độ mà bạn muốn, sau đó ấn .

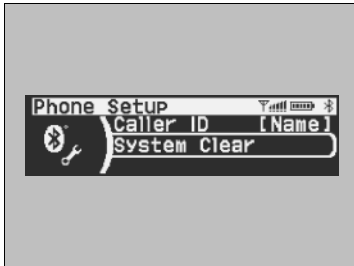
☒ Thông Tin ID Của Người Gọi









Ưu Tiên Tên: Tên người gọi được hiển thị nếu nó được lưu trong danh bạ điện thoại.

Ưu Tiên Số Điện Thoại: Số điện thoại của người gọi được hiển thị.

Xóa Hệ Thống

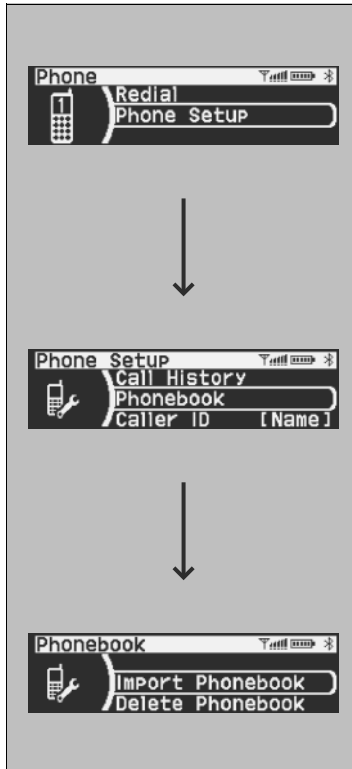
Tất cả các mục số quay nhanh, tất cả dữ liệu danh bạ đã nhập, tất cả dữ liệu lịch sử cuộc gọi, điện thoại đã ghép đôi, mã ghép đôi, cài đặt ID người gọi và cài đặt âm lượng đều được cài đặt lại làm mặc định.












1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **System Clear**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Yes**, sau đó ấn .
5. Một thông báo xuất hiện trên màn hình. Ấn .

■ Danh Bạ Điện Thoại Di Động

Khi điện thoại của bạn được ghép nối, nội dung danh bạ của điện thoại sẽ được nhập bằng tay vào hệ thống.



■ Để nhập dữ liệu danh bạ của điện thoại di động

1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Phonebook**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Import Phonebook**, sau đó ấn .
5. Xoay  để chọn **Yes**, sau đó ấn .
 - Hệ thống sẽ bắt đầu nhập dữ liệu danh bạ điện thoại.

■ Để xoá dữ liệu danh bạ điện thoại đã nhập

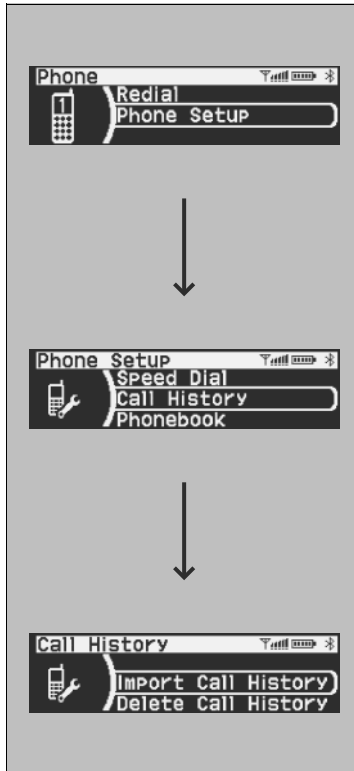
1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Phonebook**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Delete Phonebook**, sau đó ấn .
5. Xoay  để chọn **Yes**, sau đó ấn .

► Danh Bạ Điện Thoại Di Động










Hãy liên hệ với đại lý để biết danh sách tính năng này.

■ Lịch Sử Cuộc Gọi

Khi điện thoại được ghép đôi, nội dung lịch sử cuộc gọi của điện thoại sẽ được nhập bằng tay vào hệ thống.



■ Nhập dữ liệu lịch sử cuộc gọi của điện thoại di động

1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Call History**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Import Call History**, đó ấn .
5. Xoay  để chọn **Yes**, sau đó ấn .
► Hệ thống sẽ bắt đầu nhập dữ liệu danh bạ điện thoại.

■ Xoá dữ liệu lịch sử cuộc gọi đã nhập

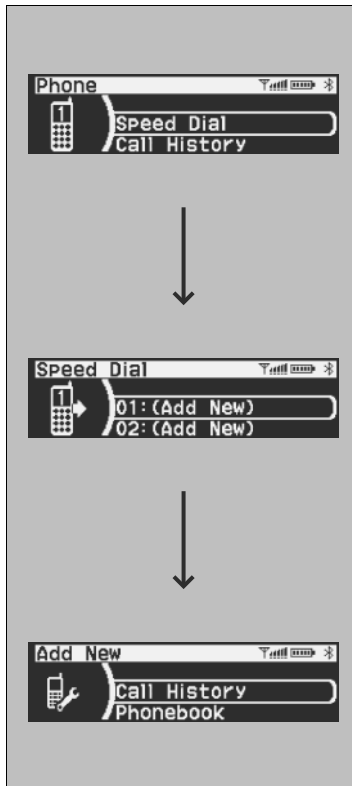
1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Call History**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Delete Call History**, sau đó ấn .
5. Xoay  để chọn **Yes**, sau đó ấn .

►► Lịch Sử Cuộc Gọi




Hãy liên hệ với đại lý để biết danh sách tính năng này.



■ Số Quay Nhanh

Có thể lưu đến 15 số quay nhanh cho mỗi điện thoại.



Để lưu một số quay nhanh:

1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .
 - Màn hình sẽ chuyển sang danh sách số quay nhanh.

3. Xoay  để chọn **Add New**, sau đó ấn .

Từ **Call History**:

- Chọn một số điện thoại từ lịch sử cuộc gọi.









Từ **Phonebook**:

- Chọn một số điện thoại trong danh bạ đã nhập của điện thoại được kết nối.









Từ **Phone Number**:

- Nhập số bằng tay.

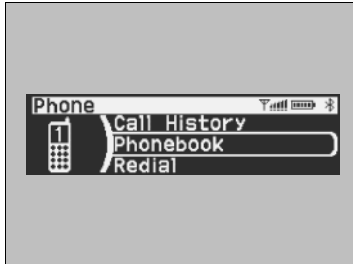
■ Sửa số quay nhanh

1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .
4. Chọn một số quay nhanh có sẵn.
5. Xoay  để chọn **Edit Speed Dial**, sau đó ấn .
6. Chọn một số quay nhanh mới, sau đó ấn .

■ Xoá số quay nhanh

1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .
4. Chọn một số quay nhanh có sẵn.
5. Xoay  để chọn **Delete Speed Dial**, sau đó ấn .
6. Chọn một số quay nhanh mà bạn muốn xoá, sau đó ấn .

■ Tạo Cuộc Gọi



Bạn có thể tạo cuộc gọi bằng cách sử dụng các mục sau:

- Lịch Sử Cuộc Gọi
- Danh Bạ Điện Thoại
- Số Quay Nhanh
- Gọi Lại








☒ Tạo Cuộc Gọi

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn có thể nghe thấy giọng của người mà bạn đang gọi qua loa âm thanh.

■ Tạo cuộc gọi từ Lịch Sử Cuộc Gọi

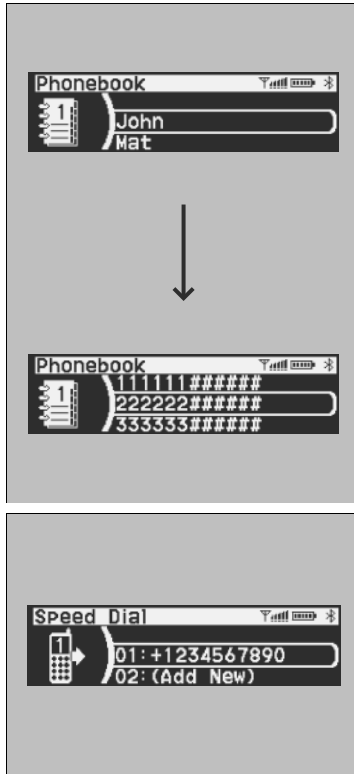


Lịch sử cuộc gọi được lưu theo **Dialed calls**, **Received calls**, và **Missed calls**.








1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Call History**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Dialed Calls**, **Received Calls** hoặc **Missed Calls**, sau đó ấn .
► Màn hình sẽ chuyển sang từng danh sách.
4. Xoay  để chọn một số điện thoại, sau đó ấn .
► Quay số tự động bắt đầu.

►► Tạo cuộc gọi từ Lịch Sử Cuộc Gọi






Lịch sử cuộc gọi chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với hệ thống và hiển thị 10 cuộc gọi đi, gọi đến, hoặc gọi nhờ gần nhất.



■ Tạo cuộc gọi bằng danh bạ điện thoại

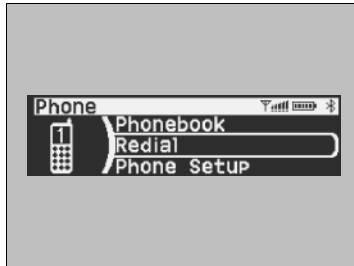
1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Phonebook**, sau đó ấn .
- ▶ Danh bạ điện thoại được lưu theo thứ tự bảng chữ cái.
3. Xoay  để chọn tên trên danh sách, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn một số trong danh sách, sau đó ấn .
- ▶ Quay số tự động bắt đầu.

■ Tạo cuộc gọi bằng Số Quay Nhanh

1. Ấn nút .
2. Xoay  để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn một số điện thoại, sau đó ấn .
- ▶ Quay số tự động bắt đầu.




►►Tạo cuộc gọi bằng danh bạ điện thoại

Khi điện thoại được ghép đôi, nội dung danh bạ của điện thoại sẽ được nhập bằng tay vào hệ thống.

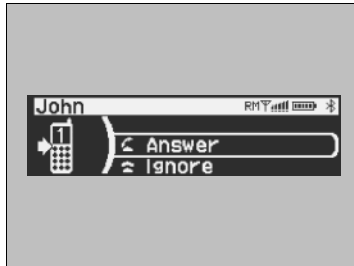


■ Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại



Có thể gọi lại theo số đã gọi gần đây nhất.



1. Ấn nút .
 2. Xoay  để chọn **Redial**, sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.

■ Nhận Cuộc Gọi



Khi có cuộc gọi đến, âm thanh thông báo được phát ra và màn hình cuộc gọi đến sẽ hiển thị.

Xoay  để chọn **Answer**, sau đó ấn  để trả lời cuộc gọi.

Xoay  để chọn **Ignore** hoặc **Hang Up**, sau đó ấn  để từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi.

»»Nhận Cuộc Gọi

Chọn **Ignore** để bỏ qua cuộc gọi đang đến nếu bạn không muốn trả lời.

Chọn **Hang Up** nếu bạn muốn gác máy cuộc gọi hiện tại.

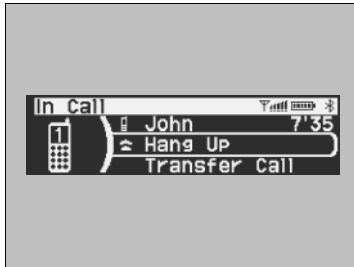
■ Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi




Có các tùy chọn khi đang gọi như sau.

Mute: Tắt tiếng.

Transfer Call: Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.

Dial tone*: Gửi số trong khi gọi. Tính năng này thực sự hữu ích khi bạn gọi hệ thống điện thoại dưới dạng danh mục.



1. Để xem các lựa chọn có sẵn, ấn nút .
 2. Xoay  để chọn, sau đó ấn .
- Chọn **Mute** để bật, sau đó chọn lại **Mute** để tắt.

►►Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Dial tone*: Có sẵn trên một số điện thoại.

Bạn có thể chọn biểu tượng này trên màn hình âm thanh/thông tin.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

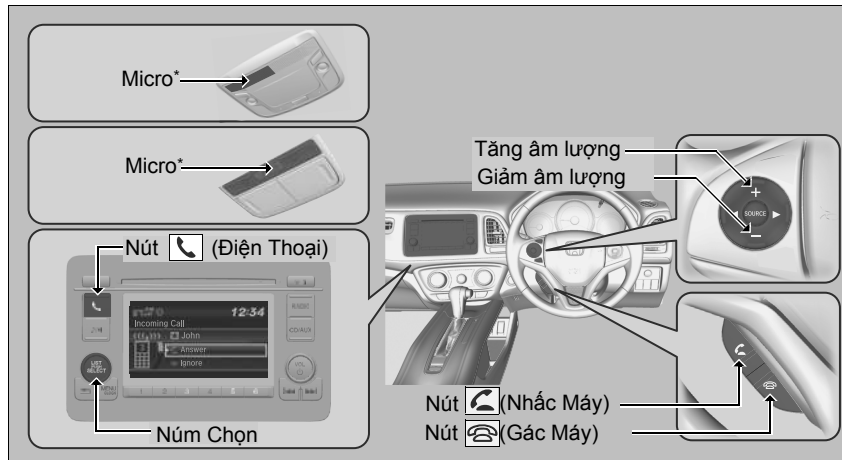
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Loại xe có hệ thống âm thanh màu

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) cho phép bạn gọi và nhận cuộc gọi bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe mà không cần cầm điện thoại.

Sử Dụng HFT

Nút HFT



Nút (Nhắc Máy): Ấn để chuyển trực tiếp sang màn hình **Phone** hoặc để trả lời cuộc gọi đang đến.

Nút (Gác Máy): Ấn để kết thúc cuộc gọi.

Nút (Điện Thoại): Ấn để chuyển trực tiếp sang màn hình **Phone**.

LIST/SELECT (Chọn): Xoay để chọn một mục trên màn hình, sau đó ấn.

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích Bluetooth. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý Honda ở địa phương bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

Mẹo điều khiển bằng giọng nói

- Không hướng khe thông gió lên phía trần xe và phải đóng cửa sổ lại vì tiếng ồn từ các cửa thông gió có thể làm nhiễu micro.
- Để thay đổi âm lượng, sử dụng nút âm lượng của hệ thống âm thanh hoặc điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng.

Nếu bạn nhận cuộc gọi trong khi đang sử dụng hệ thống âm thanh, hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.

Hệ thống có thể lưu đến 20 số quay nhanh. Nếu không có số quay nhanh nào trong hệ thống, chức năng Số Quay Nhanh sẽ bị vô hiệu hoá.

Số Quay Nhanh Tr. 403

Hệ thống có thể lưu đến 20 cuộc gọi trước. Nếu không có cuộc gọi nào trong lịch sử cuộc gọi, chức năng Lịch Sử Cuộc Gọi sẽ bị vô hiệu hoá.

Để điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

■ Hiện Thị Trạng Thái HFT



Màn hình âm thanh/thông tin thông báo cho bạn biết có cuộc gọi đến.

■ Các Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay

Một số chức năng bị vô hiệu hoá hoặc không hiển thị được trong khi xe đang di chuyển. Bạn không thể chọn mục màu xám cho đến khi xe dừng.

►► Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Công Nghệ *Bluetooth*[®] Không Dây Nhãn *Bluetooth*[®] và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và các tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn Chế Cửa HFT

Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi nó đang bật. Hệ thống âm thanh sẽ hoạt động trở lại khi cuộc gọi kết thúc.

►► Hiện Thị Trạng Thái HFT

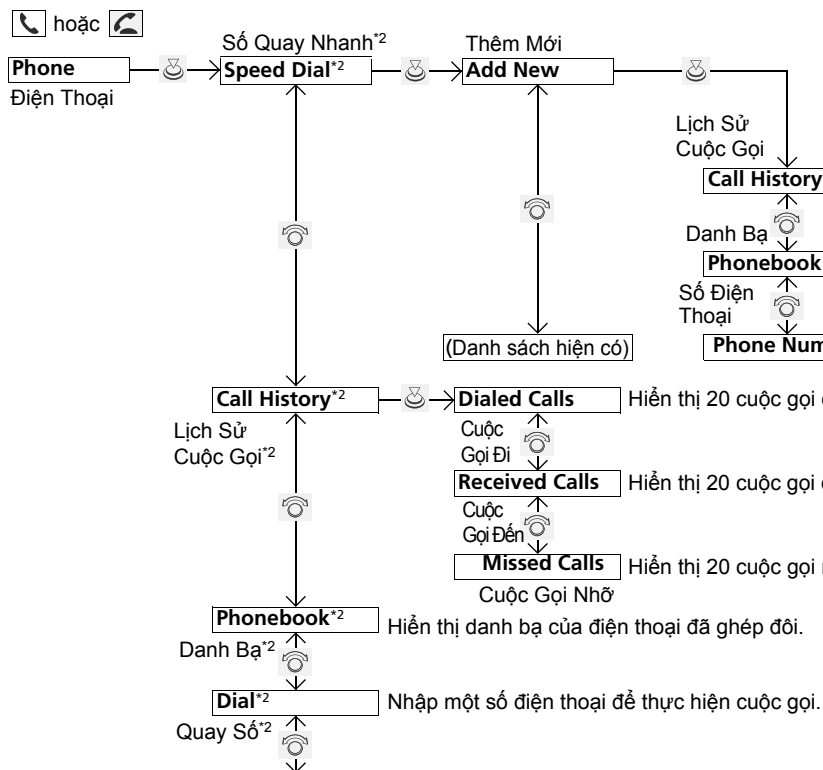
Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ của hệ thống.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 347**

Danh Mục HFT

Để sử dụng được HFT, khoá điện phải ở PHỤ KIỆN I hoặc BẬT II*1 .



►►Danh Mục HFT

Để sử dụng HFT, trước tiên bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích Bluetooth với hệ thống trong khi xe đỗ.

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi xe đang chạy.

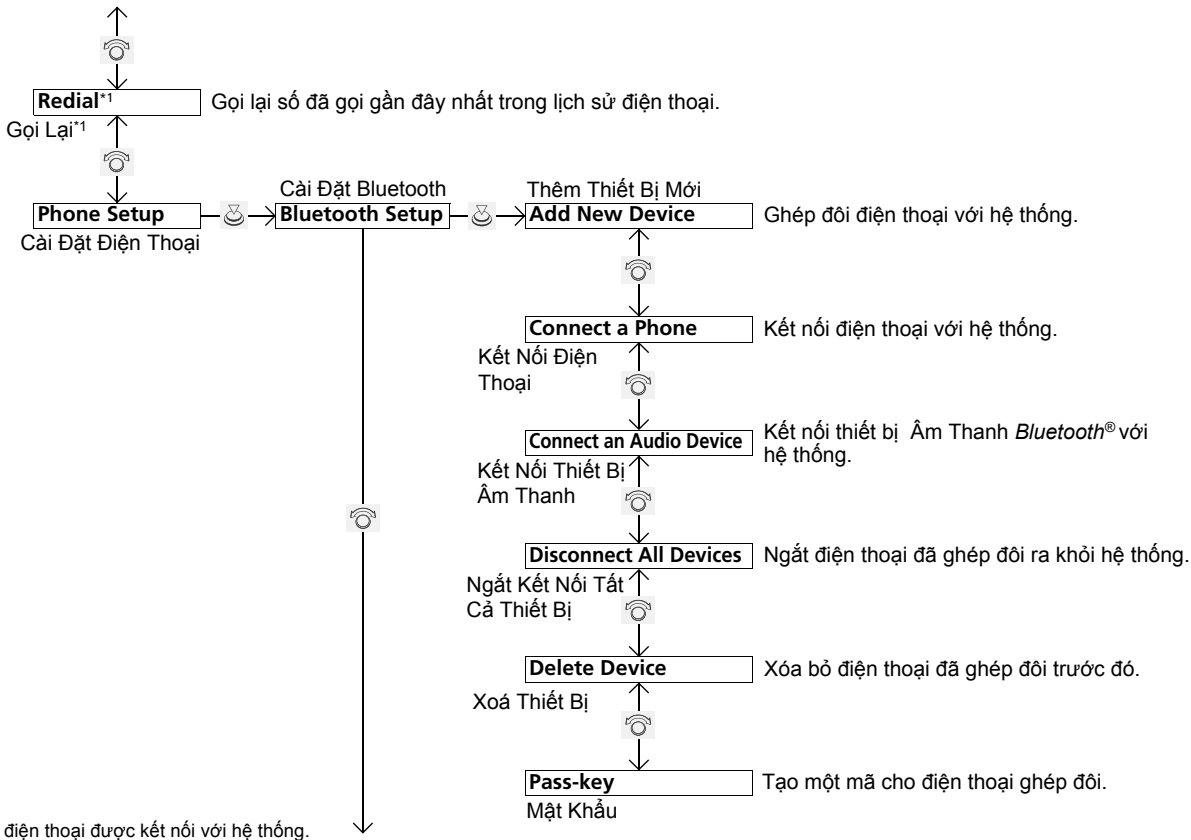
Chọn một số điện thoại từ lịch sử cuộc gọi để lưu làm số quay nhanh.

Chọn một số điện thoại trong danh bạ để lưu làm số quay nhanh.

Nhập một số điện thoại để lưu làm số quay nhanh.

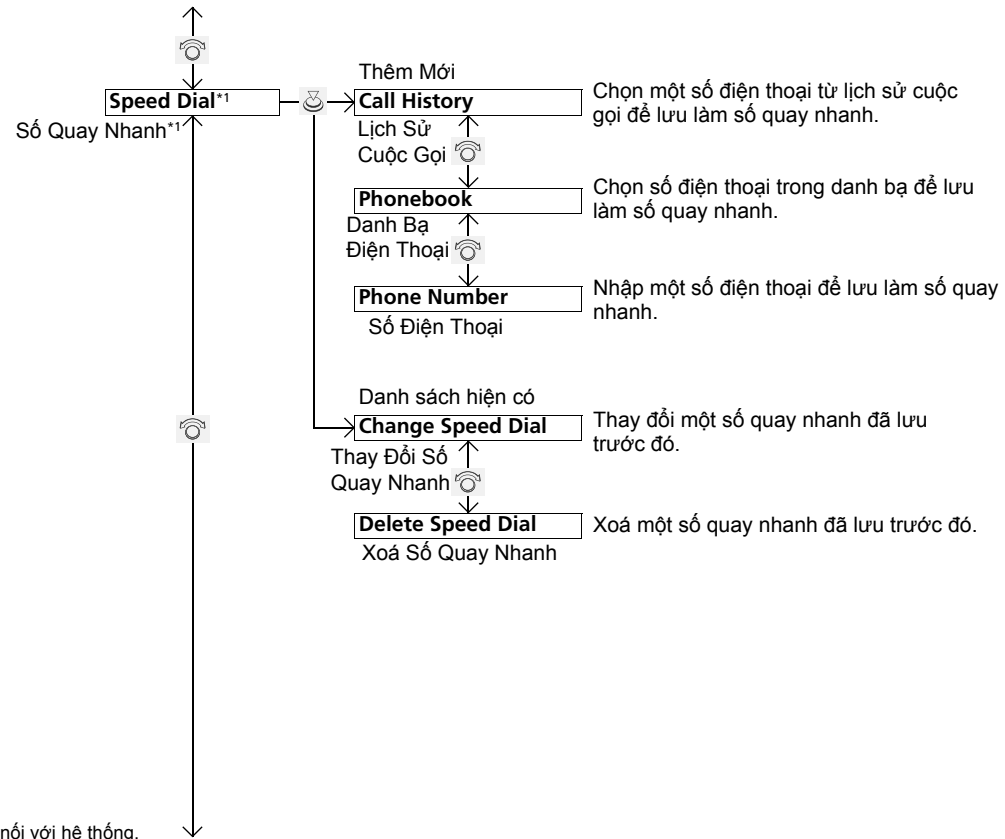
*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

*2: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với hệ thống.

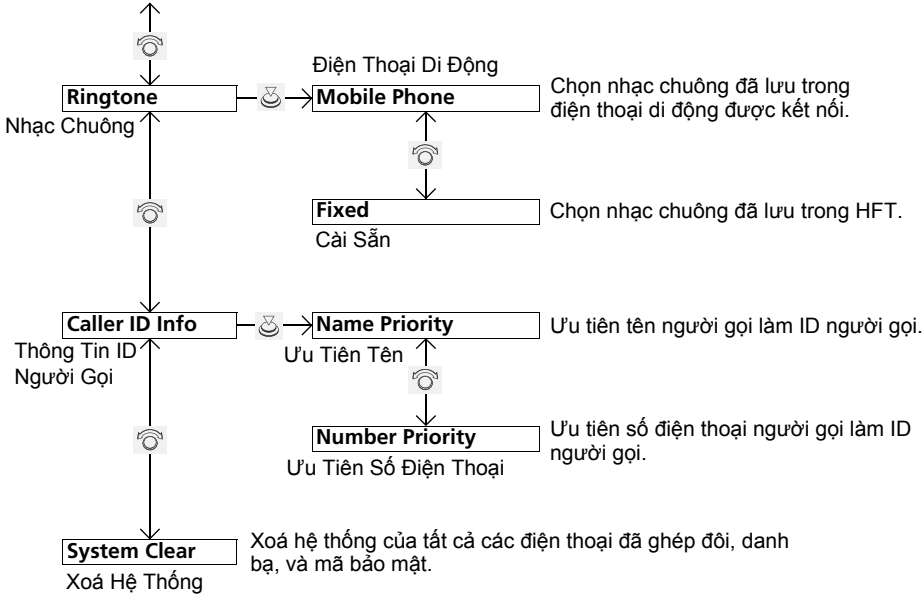


*1: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với hệ thống.

Tính Năng

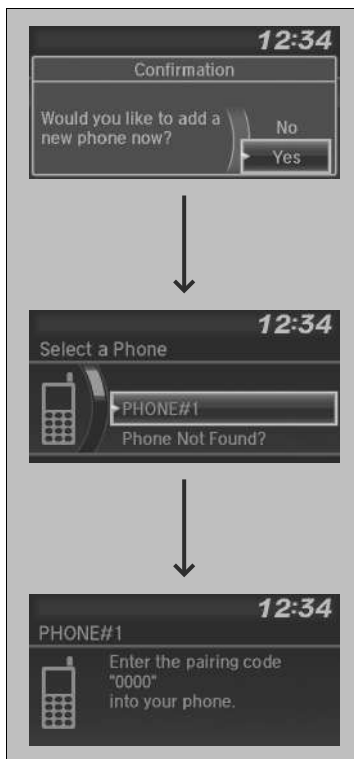


Tình Năng



Tính Năng

Cài Đặt Điện Thoại



Tình Năng

■ Ghép đôi điện thoại di động (Chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .
3. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy, sau đó ấn .
► HFT sẽ tự động tìm thiết bị *Bluetooth*[®].
4. Khi điện thoại của bạn xuất hiện trong danh sách, ấn để chọn.
► Nếu điện thoại không xuất hiện, chọn **Phone Not Found?** và tìm kiếm thiết bị *Bluetooth*[®] bằng điện thoại của bạn. Từ điện thoại, chọn **Honda HFT**.
5. Hệ thống sẽ tạo cho bạn một mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
► Xác nhận mã ghép đôi trên màn hình và khớp với điện thoại.
Điều này tùy thuộc vào từng điện thoại.
6. Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.

» Cài Đặt Điện Thoại

Điện thoại tương thích *Bluetooth* của bạn phải được ghép đôi với hệ thống trước khi bạn có thể gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

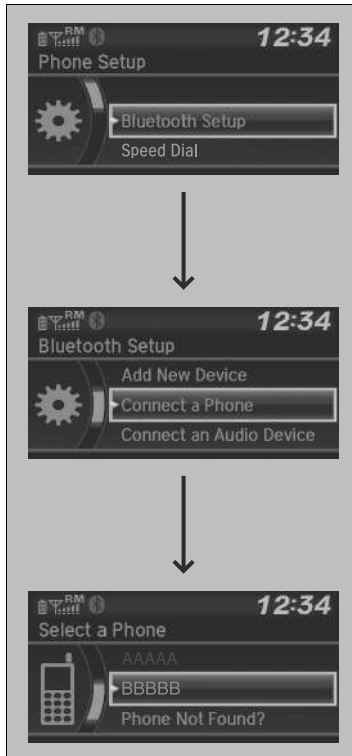
Các Lưu Ý Khi Ghép Đôi Điện Thoại:

- Bạn không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi đến sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể nhanh hết hơn khi ghép đôi với HFT.
- Nếu điện thoại không sẵn sàng để ghép đôi hoặc hệ thống không tìm thấy điện thoại trong ba phút, hệ thống sẽ ngừng hoạt động và trở về chế độ chờ.

Khi điện thoại đã ghép đôi, bạn có thể thấy nó được hiển thị trên màn hình cùng với một hoặc hai biểu tượng ở bên phải.

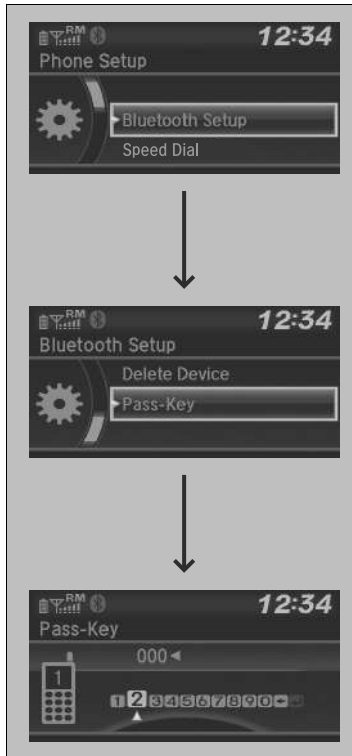
Những biểu tượng này như bên dưới:

- : Điện thoại có thể sử dụng HFT.
- : Điện thoại tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*[®].



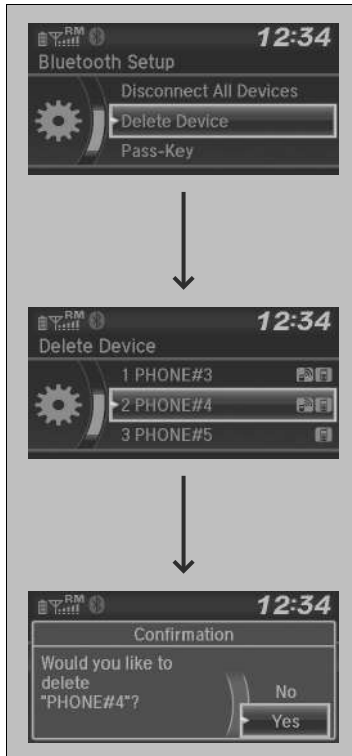
■ **Thay đổi điện thoại đang ghép đôi**

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Connect a Phone**, sau đó ấn .
► Màn hình sẽ chuyển sang danh sách thiết bị.
5. Xoay để chọn tên thiết bị mong muốn, sau đó ấn .
► Hệ thống sẽ ngắt kết nối điện thoại đang kết nối và tìm kiếm điện thoại ghép đôi khác.



■ Thay đổi cài đặt mã ghép đôi

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Pass-Key**, sau đó ấn .
5. Nhập mã ghép đôi mới, sau đó ấn .



■ Xoá điện thoại đã ghép đôi

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Delete Device**, sau đó ấn .
► Màn hình sẽ chuyển sang danh sách thiết bị.
5. Xoay để chọn điện thoại mà bạn muốn xoá, sau đó ấn .
6. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .

■ Nhạc Chuông

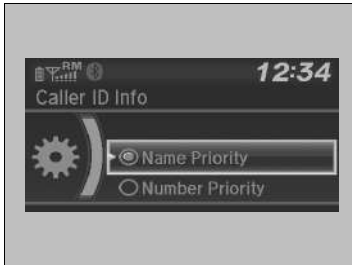
Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.



1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Ringtone**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Fixed** hoặc **Mobile** sau đó ấn .

■ Thông Tin ID Của Người Gọi

Bạn có thể chọn hiển thị thông tin của người gọi khi có cuộc gọi đến.



1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Caller ID Info**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn chế độ bạn muốn, sau đó ấn .

»»Nhạc Chuông

Cài Sẵn: Nhạc chuông được cài sẵn sẽ phát ra từ loa.

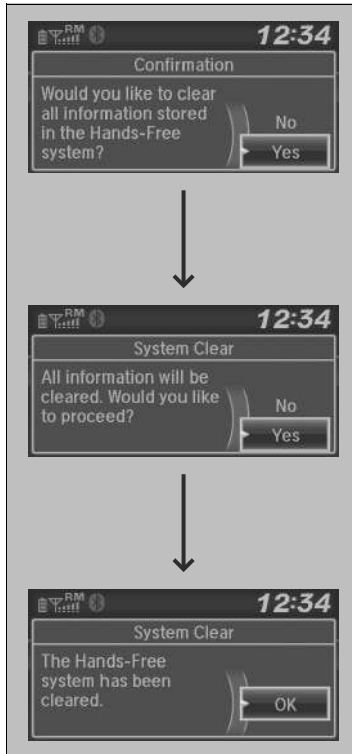
Điện Thoại Di Động: Nhạc chuông trong điện thoại di động được kết nối phát ra từ loa.

»»Thông Tin ID Của Người Gọi

Ưu Tiên Tên: Tên người gọi được hiển thị nếu nó được lưu trong danh bạ điện thoại. **Ưu Tiên Số Điện Thoại:** Số điện thoại của người gọi được hiển thị.

■ Xóa Hệ Thống

Tất cả các mã ghép đôi, điện thoại đã ghép đôi, tất cả mục số quay nhanh, tất cả dữ liệu lịch sử cuộc gọi và dữ liệu danh bạ đã nhập vào đều bị xóa.



1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **System Clear**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .
5. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .
6. Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình. Ấn .

■ Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi

Khi điện thoại của bạn đã được ghép đôi, các nội dung trong danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi được tự động nhập vào hệ thống.



Tình Năng

►► Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi

Khi bạn chọn một người từ danh sách trong danh bạ điện thoại, bạn có thể thấy ba biểu tượng hạng mục. Các biểu tượng này hiển thị loại số được lưu cho tên đó.



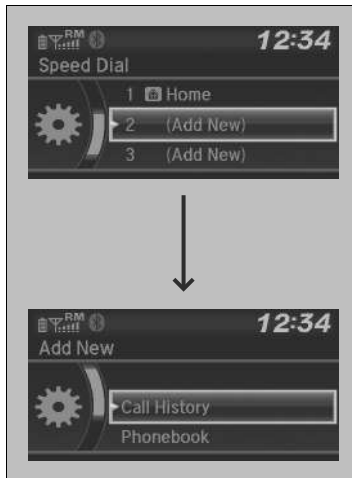
Nếu một tên có bốn số trở lên, ... sẽ xuất hiện thay cho các biểu tượng hạng mục còn lại.

Ở một số điện thoại, có thể không nhập được các biểu tượng hạng mục vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối. Lịch sử cuộc gọi được cập nhật sau mỗi lần kết nối hoặc gọi.

■ Quay Số Nhanh

Hệ thống có thể lưu đến 20 số quay số nhanh cho mỗi điện thoại.



Để lưu một số quay số nhanh:

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Speed dial**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Add new**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn một mục số, sau đó ấn .

Từ **Call History (Lịch Sử Cuộc Gọi):**

- Chọn một số từ lịch sử cuộc gọi.

Từ **Phonebook :**

- Chọn một số từ danh bạ đã nhập của điện thoại được kết nối.

Từ **Phone Number (Danh Bạ Điện Thoại):**

- Nhập số bằng tay.

►► Quay Số Nhanh

Trong khi gọi điện, bạn có thể sử dụng các nút âm thanh cài đặt sẵn để lưu một số quay nhanh:

1. Ấn và giữ nút âm thanh cài đặt sẵn mong muốn trong khi gọi điện.
2. Thông tin liên lạc cho cuộc gọi hiện tại sẽ được lưu cho quay số nhanh tương ứng.



■ Sửa số quay nhanh

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .
4. Chọn một số quay nhanh có sẵn.
5. Xoay để chọn **Change Speed Dial**, sau đó ấn .
6. Chọn một số quay nhanh mới, sau đó ấn .



■ Xoá số quay nhanh

1. Ấn nút hoặc nút .
 2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
 3. Xoay để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .
 4. Chọn một số quay nhanh có sẵn.
 5. Xoay để chọn **Delete Speed Dial**, sau đó ấn .
- Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .

■ Tạo Cuộc Gọi

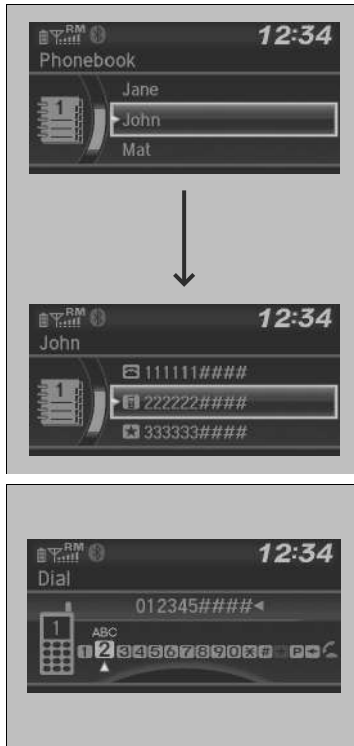
Bạn có thể tạo cuộc gọi bằng cách nhập bất kỳ số điện thoại nào, hoặc dùng danh bạ đã lưu, lịch sử cuộc gọi, số quay nhanh, hoặc gọi lại.



» Tạo Cuộc Gọi

Khoảng cách tối đa giữa điện thoại và xe là 10 mét.

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn có thể nghe thấy giọng của người mà bạn đang gọi qua loa âm thanh.



■ Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

Khi điện thoại được ghép đôi, nội dung danh bạ của điện thoại sẽ được tự động lưu vào hệ thống.

1. Ấn nút hoặc nút .
 2. Xoay để chọn **Phonebook**, sau đó ấn .
 3. Danh bạ được lưu theo thứ tự bảng chữ cái.
Xoay để chọn chữ cái đầu tiên, sau đó ấn .
 4. Xoay để chọn tên, sau đó ấn .
 5. Xoay để chọn một số điện thoại, sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.

■ Tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

1. Ấn nút hoặc nút .
 2. Xoay để chọn **Dial**, sau đó ấn .
 3. Xoay để chọn một số điện thoại, sau đó ấn .
 4. Xoay chọn , sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.

►►Tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu

Chức năng này sẽ bị vô hiệu hoá khi xe di chuyển.

►►Tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

Chức năng này sẽ bị vô hiệu hoá khi xe di chuyển.



■ Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại

1. Ấn nút hoặc nút .
 2. Xoay để chọn **Redial**, sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.



■ Tạo cuộc gọi bằng lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi được lưu bằng **Dialed Calls**, **Received Calls**, và **Missed Calls**.

1. Ấn nút hoặc nút .
 2. Xoay để chọn **Call History**, sau đó ấn .
 3. Xoay để chọn **Dialed Calls**, **Received Calls**, hoặc **Missed Calls**, sau đó ấn .
 4. Xoay để chọn một số điện thoại, sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.

»»Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại







Ấn và giữ nút để gọi lại số đã gọi gần nhất trong lịch sử cuộc gọi của điện thoại.

»»Tạo cuộc gọi bằng lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với hệ thống, và hiển thị 20 số đã gọi, đã nhận, hoặc gọi nhờ gần nhất.



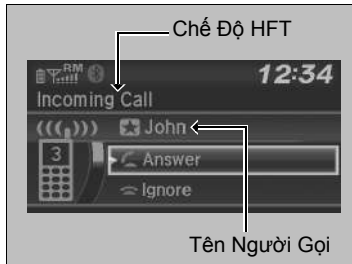
■ Tạo cuộc gọi bằng số quay nhanh

1. Ấn nút  hoặc nút .
2. Xoay  để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn một số điện thoại, sau đó ấn .
► Quay số tự động bắt đầu.


►► Tạo cuộc gọi bằng số quay nhanh


Trên màn hình **Phone**, bạn có thể chọn trực tiếp sáu số quay nhanh đầu tiên bằng cách ấn các nút âm thanh cài đặt sẵn tương ứng (1-6).

■ Nhận Cuộc Gọi




Khi có cuộc gọi đến, một thông báo âm thanh được phát ra và màn hình **Incoming Call** (Cuộc Gọi Đến) sẽ xuất hiện.


Ấn nút  để trả lời cuộc gọi.


Ấn nút  để từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi.





» Nhận Cuộc Gọi

Cuộc Gọi Chờ

Ấn nút  để giữ cuộc gọi hiện tại để trả lời cuộc gọi đang đến.

Ấn lại nút  để nghe cuộc gọi đã giữ trước đó. Chọn **Ignore** để bỏ qua cuộc gọi đang đến nếu bạn không muốn trả lời.

Ấn nút  nếu bạn muốn gác máy cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay cho nút  và  Xoay  để chọn một biểu tượng, sau đó ấn .

■ Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi

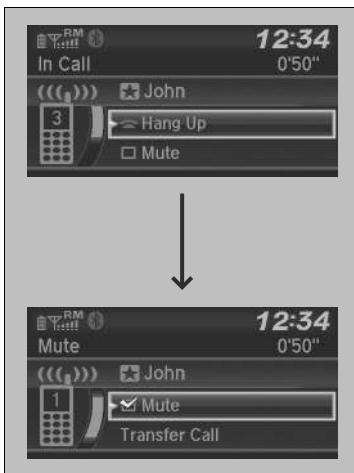
Có các tùy chọn khi đang gọi như sau.

Swap Call: Giữ cuộc gọi hiện tại để trả lời cuộc gọi đang đến.

Mute: Tắt tiếng.

Transfer Call: Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.

Dial Tone: Gửi số trong khi gọi. Tính năng này thực sự hữu ích khi bạn gọi hệ thống điện thoại dưới dạng danh mục.



1. Ấn nút để xem các tùy chọn có sẵn.
2. Xoay để chọn, sau đó ấn .
► Hộp kiểm tra được tích dấu khi chọn **Mute**. Chọn lại **Mute** để tắt.

►► Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Dial Tones: Có trên một số điện thoại.

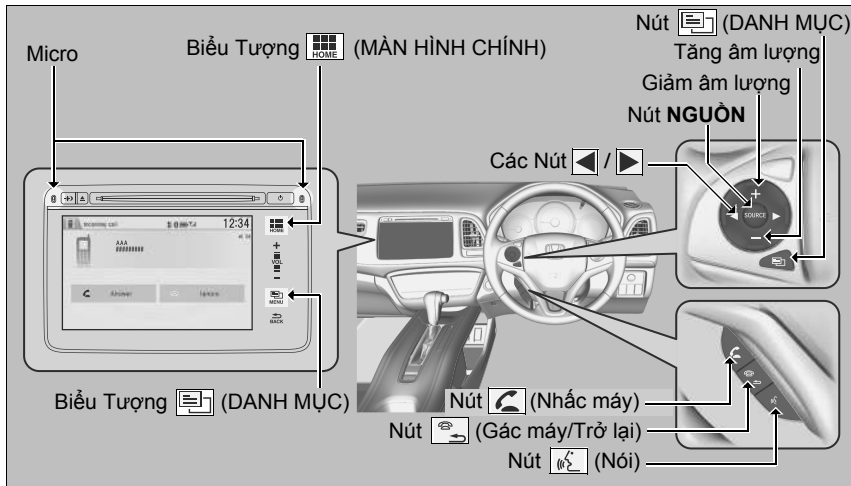
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Loại xe có hệ thống màn hình hiển thị âm thanh

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) cho phép bạn tạo và nhận cuộc gọi bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

Sử Dụng HFT

Nút HFT



Nút (Nhắc Máy): Ấn để chuyển trực tiếp đến màn hình **Phone** (Điện Thoại), hoặc để trả lời cuộc gọi đang đến.

Nút (Gác Máy/Trở Lại): Ấn để kết thúc cuộc gọi, trở lại lệnh trước đó, hoặc hủy lệnh.

Nút (Nói): Ấn để gọi một số điện thoại bằng khẩu lệnh đã lưu.

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích **Bluetooth**. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý Honda ở địa phương bạn.

Để sử dụng hệ thống, cài đặt **Bluetooth On/Off Status** ở chế độ **Bật**.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 354

Lưu ý khi điều khiển bằng giọng nói

- Không hướng khe thông gió lên phía trần xe và phải đóng cửa kính lại vì tiếng ồn từ các cửa đó có thể làm nhiễu micro.
- Ấn và nhả nút khi bạn muốn gọi một số điện thoại bằng khẩu lệnh đã lưu. Nói rõ ràng và tự nhiên sau tiếng bíp.
- Nếu micro nhận diện giọng nói của người khác mà không phải là bạn, có thể là lệnh đã bị hiểu sai.
- Để thay đổi âm lượng, sử dụng **VOL** (Âm Lượng) của hệ thống âm thanh hoặc điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng.

Có đến sáu số quay nhanh có thể hiển thị trong tổng số 20 số nhập vào. Nếu không có số điện thoại nào trong hệ thống, Quay Số Nhanh sẽ bị vô hiệu hoá


Quay Số Nhanh Tr. 423



Có đến sáu cuộc gọi trước có thể được hiển thị. Nếu không có cuộc gọi nào trong lịch sử cuộc gọi, Lịch Sử Cuộc Gọi sẽ bị vô hiệu hoá.

Để điện thoại ở nơi có thể thu sóng tốt.

Còn nữa

Tính Năng

Nút  (**DANH MỤC**): Ấn để hiển thị **Speed Dial** (Quay Số Nhanh), **Call History** (Lịch Sử Cuộc Gọi), hoặc **Redial** (Gọi Lại) trên màn hình **Phone** (Điện Thoại).

Nút  / : Ấn để chọn mục hiển thị trên màn hình **Phone** (Điện Thoại).

Nút SOURCE:

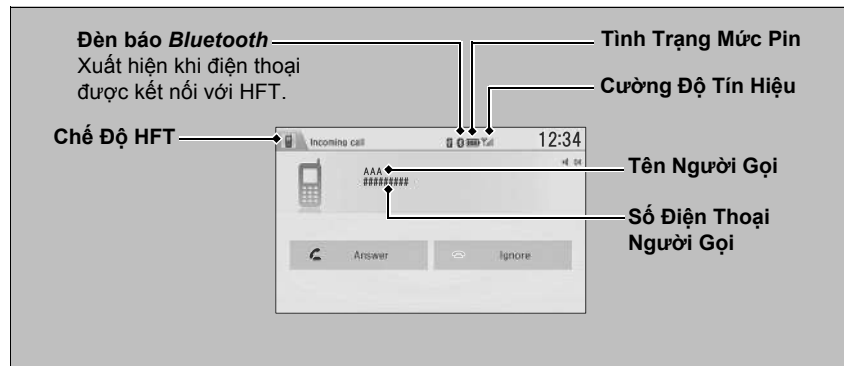
Ấn để gọi một số điện thoại trong mục đã chọn trên màn hình **Phone**.

Để chuyển sang màn hình **Phone Menu** (Danh Mục Điện Thoại):

1. Chọn **HOME**.
2. Chọn **Phone** để chuyển màn hình hiển thị sang màn hình **Phone**.
3. Chọn **MENU**.

■ Hiện Thị Trạng Thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.



►► Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Công Nghệ *Bluetooth*[®] Không Dây Nhãn *Bluetooth*[®] và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth SIG* sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và các tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn chế của HFT

Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi nó đang bật. Nó sẽ hoạt động trở lại khi cuộc gọi kết thúc.

►► Hiện Thị Trạng Thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ hệ thống.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 354**

■ Các Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay

Một số chức năng bị vô hiệu hoá hoặc không hiển thị được trong khi xe đang di chuyển. Bạn không thể chọn mục màu xám cho đến khi xe dừng.

Khi xe đang di chuyển, bạn có thể dùng khẩu lệnh để gọi những số quay nhanh được lưu trước đó bằng khẩu lệnh.

➤ Quay Số Nhanh Tr. 423

Danh Mục HFT

Để sử dụng hệ thống, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

■ Màn hình Phone settings (Cài đặt điện thoại)



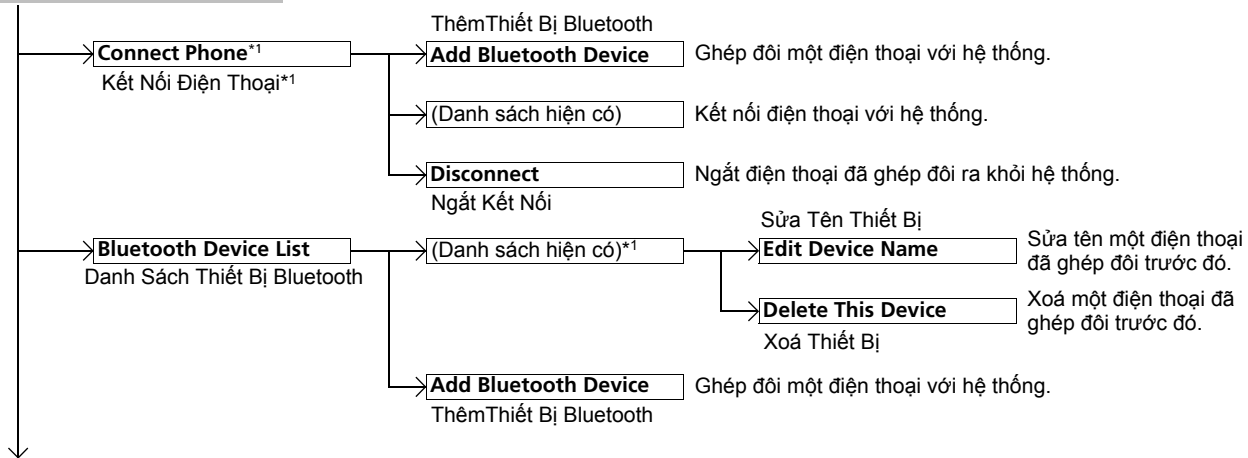
1. Chọn **HOME**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Phone**.

►► Danh Mục HFT

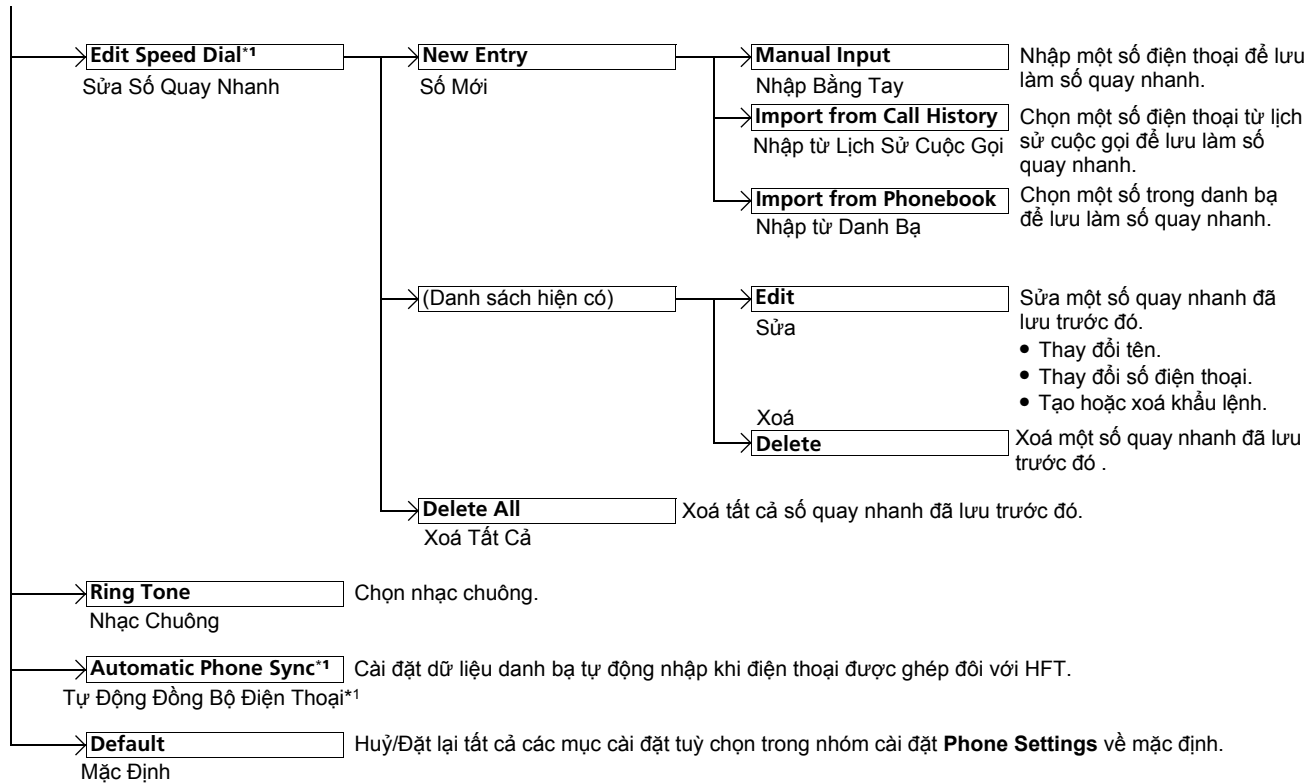
Để sử dụng HFT, trước tiên bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích *Bluetooth* với hệ thống khi xe đỗ.

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi xe đang di chuyển.

Tình Năng



*1: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với hệ thống.



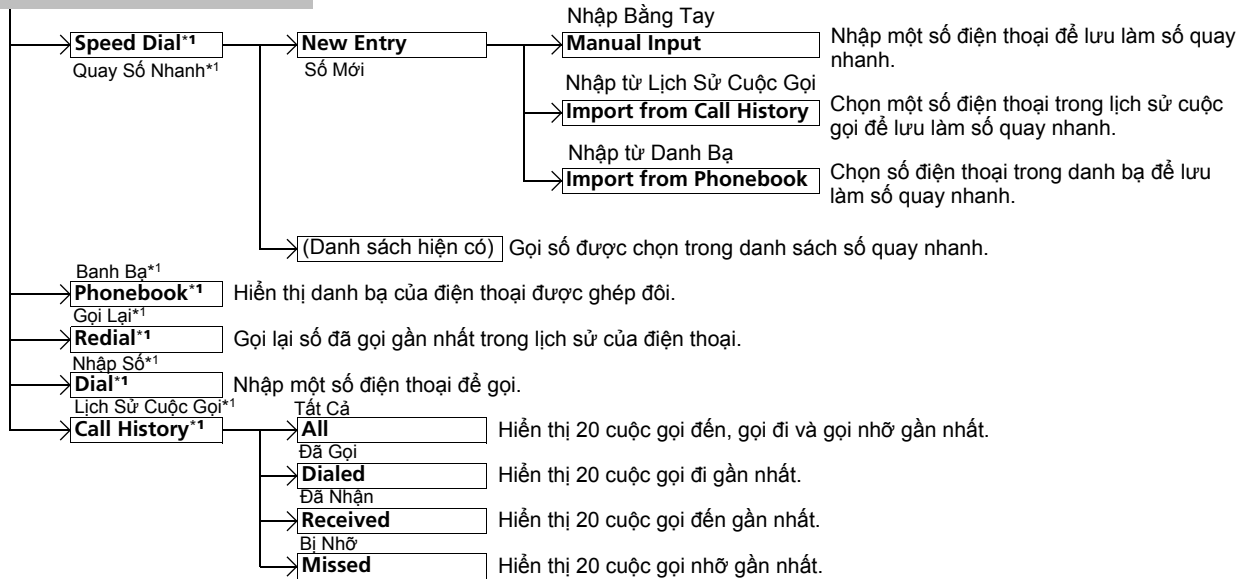
*1: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với hệ thống.

■ **Màn hình Phone menu** (Danh mục điện thoại)



1. Ấn , hoặc chọn **HOME**, sau đó chọn **Phone**.
2. Ấn (DANH MỤC) trên vô lăng hoặc chọn **MENU**.

Tình Năng



*1: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với hệ thống.

Cài Đặt Điện Thoại



■ Ghép đôi điện thoại di động (Chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

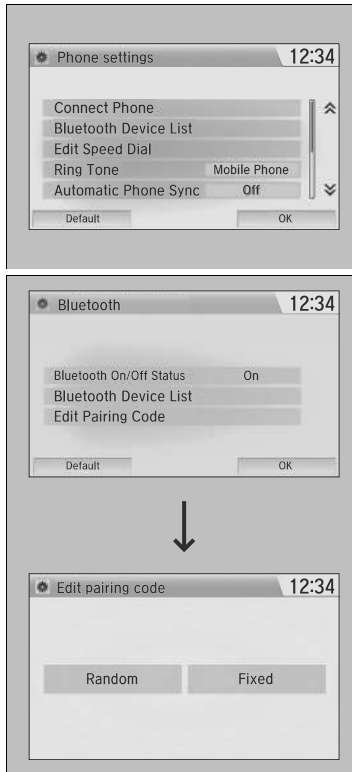
1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Yes**.
3. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy, sau đó chọn **Continue**.
 - HFT sẽ tự động tìm kiếm thiết bị *Bluetooth*.
4. Chọn điện thoại khi xuất hiện trong danh sách.
 - Nếu điện thoại không xuất hiện, bạn có thể chọn **Refresh** để tìm lại.
 - Nếu điện thoại vẫn không xuất hiện, chọn **Phone not found** và tìm kiếm thiết bị *Bluetooth* bằng điện thoại của bạn. Từ điện thoại, tìm **Honda HFT**.
5. Hệ thống sẽ tạo cho bạn một mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
 - Xác nhận nếu xem ghép đôi trên màn hình và điện thoại của bạn có khớp nhau không.
 - Điều này tùy thuộc vào từng điện thoại.
6. Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.

►► Cài Đặt Điện Thoại

Điện thoại tương thích *Bluetooth* của bạn phải được ghép đôi với hệ thống trước khi bạn có thể tạo hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Các Lưu Ý Khi Ghép Đôi Điện Thoại:

- Bạn không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi kết nối với HFT.
- Nếu điện thoại không sẵn sàng để ghép đôi hoặc hệ thống không tìm thấy, hệ thống sẽ trở lại màn hình trước đó.



■ Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Chuyển sang màn hình **Phone settings** (Cài đặt điện thoại).

► Màn hình **Phone settings** Tr. 414

2. Chọn **Connect Phone**.

3. Chọn điện thoại để kết nối.

► HFT sẽ ngắt kết nối với điện thoại hiện tại và bắt đầu tìm kiếm điện thoại ghép đôi khác.

■ Thay đổi cài đặt mã ghép đôi

1. Chọn **HOME**.

2. Chọn **Settings**.

3. Chọn **Bluetooth**.

4. Chọn **Edit Pairing Code**.

5. Chọn **Fixed** hoặc **Random**.

►► Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

Nếu không có điện thoại nào khác được tìm thấy hoặc được ghép đôi khi cố chuyển sang một chiếc điện thoại khác, HFT sẽ thông báo rằng điện thoại đầu tiên được kết nối lại.

►► Thay đổi cài đặt mã ghép đôi

Mã ghép đôi mặc định là **0000** đến khi bạn thay đổi cài đặt.

Để tạo mã cho riêng mình, chọn **Fixed**, xóa mã hiện tại, sau đó nhập một mã mới.

Để tạo mã ghép đôi được hình thành ngẫu nhiên mỗi khi ghép nối một điện thoại, chọn **Random**.



■ **Sửa tên một điện thoại đã ghép đôi**

1. Chuyển sang màn hình **Phone settings**.
 ▶ **Màn hình Phone settings Tr. 414**
2. Chọn **Bluetooth Device List**.
3. Chọn điện thoại ghép đôi bạn muốn sửa.
4. Chọn **Edit Device Name**.
5. Sửa tên và chọn **OK**.
6. Thông báo sẽ xuất hiện nếu thay đổi thành công.



Tình Năng

■ Xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Chuyển sang màn hình **Phone settings**.

☑ **Màn hình Phone settings** Tr. 414

2. Chọn **Bluetooth Device List**.

3. Chọn điện thoại bạn muốn xóa.

4. Chọn **Delete This Device**.

5. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình.
Chọn **Yes**.

6. Thông báo sẽ xuất hiện nếu xóa thành công.

■ Nhạc Chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.



1. Chuyển sang màn hình **Phone settings** (Cài đặt điện thoại).

► Màn hình **Phone settings** Tr. 414

2. Chọn **Ring Tone**.

3. Chọn **Fixed** hoặc **Mobile Phone**.

►► Nhạc Chuông

Cài Sẵn: Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.

Điện Thoại Di Động: Đối với các điện thoại đã được kết nối, nhạc chuông được lưu trong điện thoại phát ra từ loa.

■ Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi



■ Khi Bật Tự Động Đồng Bộ Điện Thoại:

Khi điện thoại của bạn đã ghép đôi, các nội dung trong danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi đều được tự động lưu vào hệ thống.



■ Thay đổi cài đặt Tự Động Đồng Bộ Điện Thoại

1. Chuyển sang màn hình **Phone settings**.
(Cài đặt điện thoại).

☑ **Màn hình Phone settings** Tr. 414

2. Chọn **Automatic Phone Sync**.

3. Chọn **On** hoặc **Off**.

☒ Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi

Khi bạn chọn một người từ danh sách trong danh bạ điện thoại, bạn có thể thấy đến ba biểu tượng hạng mục. Các biểu tượng này hiển thị loại số được lưu cho tên đó.

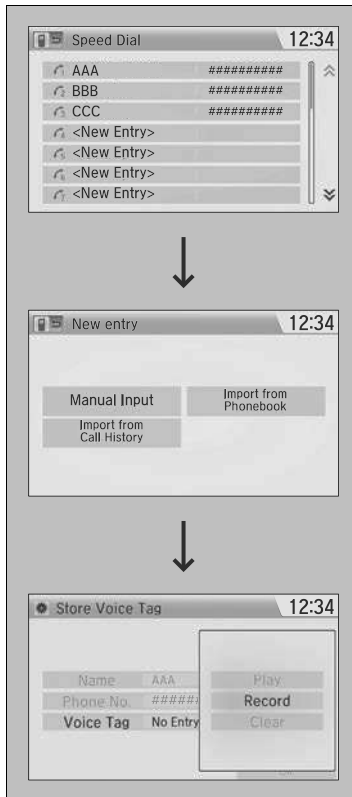


Ở một số điện thoại, có thể không nhập được các biểu tượng hạng mục vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối. Lịch sử cuộc gọi được cập nhật sau mỗi lần kết nối hoặc gọi.

■ Quay Số Nhanh

Có thể lưu đến 20 số quay số nhanh cho mỗi điện thoại.



Để lưu một số quay nhanh:

1. Chuyển sang màn hình Phone menu
(Danh mục điện thoại).

► Màn hình Phone menu Tr. 416

2. Chọn Speed Dial.

3. Chọn New Entry.

4. Chọn nơi để chọn số điện thoại.

Từ **Import from Call History**:

► Chọn một số điện thoại từ lịch sử cuộc gọi.

Từ **Manual Input**:

► Nhập số bằng tay.

Từ **Import from Phonebook**:

► Chọn một số điện thoại trong danh bạ đã nhập của điện thoại được kết nối.

5. Khi số quay nhanh được lưu thành công, bạn sẽ được yêu cầu tạo khẩu lệnh cho số điện thoại đó. Chọn Yes hoặc No.

6. Chọn Record để lưu khẩu lệnh cho số quay nhanh.


► Dùng nút và làm theo hướng dẫn để lưu khẩu lệnh cho số quay nhanh.

►► Quay Số Nhanh

Khi khẩu lệnh được lưu, ấn nút để gọi một số điện thoại bằng khẩu lệnh. Nói "Call" và tên khẩu lệnh.



■ Thêm khẩu lệnh vào số quay nhanh đã lưu

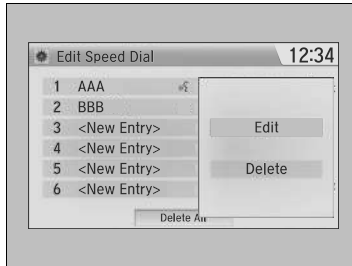
1. Chuyển sang màn hình **Phone settings**. (Cài đặt điện thoại).
 - Màn hình **Phone settings** Tr. 414
2. Chọn **Edit Speed Dial**.
3. Chọn số quay nhanh có sẵn.
 - Từ danh mục cửa sổ, chọn **Edit**.
4. Chọn **Voice Tag**.
 - Từ danh mục cửa sổ, chọn **Record**.
5. Chọn **Record** để lưu khẩu lệnh.
6. Dùng nút , làm theo hướng dẫn để hoàn thành khẩu lệnh.

■ Xoá khẩu lệnh

1. Chuyển sang màn hình **Phone settings**.
 - Màn hình **Phone settings** Tr. 414
2. Chọn **Edit Speed Dial**.
3. Chọn số quay nhanh có sẵn.
 - Từ danh mục cửa sổ, chọn **Edit**.
4. Chọn **Voice Tag**.
 - Từ danh mục cửa sổ, chọn **Clear**.
5. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

►► Quay Số Nhanh

Tránh lặp lại khẩu lệnh.
Tránh dùng “home” làm khẩu lệnh.
HFT sẽ đề dăng nhận ra tên đầy đủ hơn.
Ví dụ, dùng “John Smith” thay cho “John”.



■ Sửa số quay nhanh

1. Chuyển sang màn hình **Phone settings**.
(Cài đặt điện thoại).

► Màn hình **Phone settings** Tr. 414

2. Chọn **Edit Speed Dial**.

3. Chọn số quay nhanh có sẵn.

► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Edit**.

4. Chọn cài đặt bạn muốn.

■ Xoá số quay nhanh

1. Chuyển sang màn hình **Phone settings**.
(Cài đặt điện thoại).

► Màn hình **Phone settings** Tr. 414

2. Chọn **Edit Speed**.

3. Chọn số quay nhanh có sẵn.

► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Delete**.

4. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

■ Tạo Cuộc Gọi



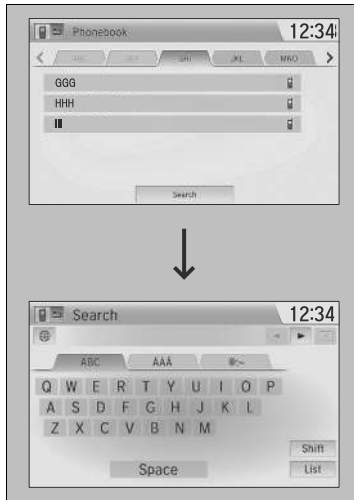
Bạn có thể tạo cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại bất kỳ, hoặc dùng danh bạ đã nhập, lịch sử cuộc gọi, số quay nhanh, hoặc gọi lại.

►► Tạo Cuộc Gọi

Bạn có thể dùng giọng nói từ hầu hết các màn hình để gọi bất cứ số quay nhanh nào được lưu bằng khẩu lệnh.

Ấn nút  rồi nói "Call" và tên khẩu lệnh.


Khi cuộc gọi được kết nối, bạn có thể nghe thấy giọng của người bạn đang gọi qua loa âm thanh.



■ Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

1. Chuyển sang màn hình **Phone menu** (Danh mục điện thoại).
 - Màn hình **Phone menu** Tr. 416
2. Chọn **PhoneBook**.
3. Chọn một tên.
 - Bạn cũng có thể tìm theo chữ cái. Chọn **Search**.
 - Dùng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập chữ cái.
4. Chọn một số điện thoại.
 - Cuộc gọi tự động bắt đầu.

■ Tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

1. Chuyển sang màn hình **Phone menu** (Danh mục điện thoại).
 - Màn hình **Phone menu** Tr. 416
2. Chọn **Dial**.
3. Chọn một số điện thoại.
 - Dùng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số
4. Chọn .
 - Cuộc gọi tự động bắt đầu.

►►Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

Chức năng này bị vô hiệu hoá khi xe di chuyển. Tuy nhiên, bạn có thể dùng khẩu lệnh để gọi bất cứ số quay nhanh nào đã lưu bằng khẩu lệnh

- **Các Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay** Tr. 413
- **Quay Số Nhanh** Tr. 423

►►Tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

Chức năng này bị vô hiệu hoá khi xe di chuyển. Tuy nhiên, bạn có thể dùng khẩu lệnh để gọi bất cứ số quay nhanh nào đã lưu bằng khẩu lệnh

- **Các Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay** Tr. 413
- **Quay Số Nhanh** Tr. 423

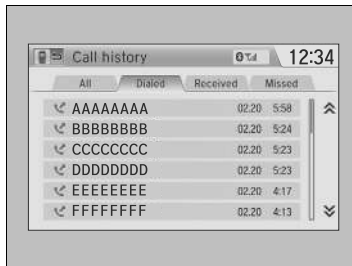


■ **Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại**
1. Chuyển sang màn hình Phone menu
 (Danh mục điện thoại).

► Màn hình Phone menu Tr. 416

2. Chọn Redial.

► Cuộc gọi tự động bắt đầu.



■ **Tạo cuộc gọi bằng lịch sử cuộc gọi**
 Lịch sử cuộc gọi được lưu theo **All** (Tất Cả), **Dialed** (Đã Gọi), **Received** (Đã Nhận), và **Missed** (Bị Nhỡ).

1. Chuyển sang màn hình Phone menu.

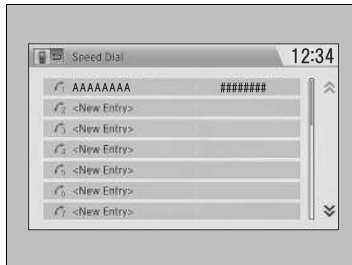
► Màn hình Phone menu Tr. 416

2. Chọn Call History.

3. Chọn All, Dialed, Received, hoặc Missed.

4. Chọn một số điện thoại.

► Cuộc gọi tự động bắt đầu.



■ **Tạo cuộc gọi bằng số quay nhanh**

1. Chuyển sang màn hình Phone menu.

► Màn hình Phone menu Tr. 416

2. Chọn Speed Dial.

3. Chọn một số điện thoại.

► Cuộc gọi tự động bắt đầu.

►► Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại

Ấn và giữ nút để gọi lại số điện thoại đã gọi gần nhất trong lịch sử của điện thoại.

►► Tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi chỉ hiển thị khi điện thoại được kết nối với HFT, và hiển thị 20 số đã gọi, đã nhận hoặc bị nhỡ gần nhất.

►► Tạo cuộc gọi bằng số quay nhanh

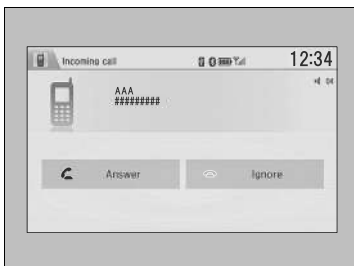
Khi khẩu lệnh được lưu, ấn nút để gọi số điện thoại bằng khẩu lệnh.

► Quay Số Nhanh Tr. 423


Bạn có thể dùng giọng nói từ hầu hết các màn hình để gọi bất cứ số quay nhanh nào được lưu bằng khẩu lệnh.


Ấn nút và làm theo chỉ dẫn.

■ Nhận Cuộc Gọi



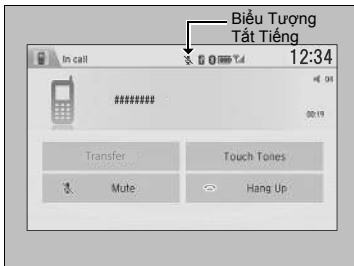
Khi có cuộc gọi đến, một thông báo âm thanh được phát ra và màn hình **Incoming call** (Cuộc gọi đến) sẽ xuất hiện.

Ấn nút  để trả lời cuộc gọi.

Ấn nút  để từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi.

■ Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Có các tùy chọn sau khi đang gọi.



Mute: Tắt tiếng.


► Biểu tượng tắt tiếng xuất hiện khi **Mute** được chọn. Chọn lại **Mute** để tắt.


Transfer: Chuyển cuộc gọi từ hệ thống tới điện thoại của bạn.


Touch Tones: Gửi số trong khi gọi. Tính năng này thực sự hữu ích khi bạn gọi hệ thống điện thoại dưới dạng danh mục.



» Nhận Cuộc Gọi

Cuộc Gọi Chờ

Ấn nút  để giữ cuộc gọi hiện tại để trả lời cuộc gọi đang đến.

Ấn lại nút  để nghe cuộc gọi đã giữ trước đó. Chọn **Ignore** để bỏ qua cuộc gọi đang đến nếu bạn không muốn trả lời.

Ấn nút  nếu bạn muốn gác máy cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn biểu tượng trên màn hình cảm ứng thay vì nút  và .

» Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Touch Tones: Có trên một số điện thoại.

Bạn có thể chọn các biểu tượng ở trên màn hình cảm ứng.

Lái Xe

Chương này bàn về vấn đề lái xe và nạp nhiên liệu.

Trước Khi Lái Xe	430
Kéo Rơ-móc	434
Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường	
Hiểm Trờ	439
Khi Lái Xe	
Loại xe có hệ thống truy cập từ xa	
Khởi Động Động Cơ	441
Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa	
Khởi Động Động Cơ	444
Lưu Ý Khi Lái Xe	448
Hộp Số Vô Cấp	450
Loại xe có hộp số vô cấp không có lẫy sang số	
Sang Số	451
Loại xe có hộp số vô cấp có lẫy sang số	
Sang Số	453

Loại xe có hộp số thường	
Sang Số	457
Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời	459
Chế Độ ECON	464
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định	465
Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước	468
Cảnh Báo Chệch Làn Đường	472
Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	475
Ngoại trừ loại xe Đài Loan	
Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp	477
Loại xe Đài Loan	
Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TMPS)	480
DẪN ĐỘNG BÓN BÁNH THEO THỜI GIAN THỰC có Hệ Thống Kiểm Soát Thông Minh*	483
Điều Chỉnh Phân Bố Ánh Sáng Đèn	484

Phanh

Hệ Thống Phanh	485
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	492
Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp	493
Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố*	494
Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp	499

Đỗ Xe

Khi Đã Dừng	500
Hệ Thống Cảm Biến Đỗ	501
Camera Lùi Đa Hướng	505

Nạp Nhiên Liệu

Thông Tin Nhiên Liệu	507
Cách Nạp Nhiên Liệu	509
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái CO₂	510

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Trước Khi Lái Xe

Chuẩn Bị Lái Xe

Kiểm tra các mục sau trước khi lái xe.

Kiểm Tra Bên Ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn ngoài xe hoặc các bộ phận khác của xe.
 - ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
 - ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái. Nếu tuyết đã đóng cứng, gạt bỏ khi đã tan bớt.
 - ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, cần đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
 - ▶ Nếu nắp ca-pô mở khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che khuất.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
 - ▶ Kiểm tra áp suất không khí, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
▶ **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp** Tr. 551
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
 - ▶ Có các điểm mù khi quan sát từ bên trong xe.

Kiểm Tra Bên Ngoài

CHÚ Ý

Khi các cửa bị đóng băng, đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở chúng, vì nó có thể làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Khi đã xong, lau khô để tránh bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa. Sẽ không thể cho chìa khóa vào ổ khóa nếu nước bị đóng băng trong ổ khóa.

Nhiệt từ động cơ và ống xả có thể làm cháy các vật liệu dễ cháy bám ở nắp ca-pô. Nếu bạn đỗ xe trong một khoảng thời gian dài, hãy kiểm tra và loại bỏ rác xung quanh xe, như cỏ và lá khô bị rơi xuống hoặc do động vật làm tổ. Đồng thời kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó vừa thực hiện bảo dưỡng.

■ Kiểm Tra Bên Trong

- Buộc hoặc giữ chặt các đồ vật chứa trong khoang để hành lý.
 - Chờ quá nhiều đồ, hoặc để không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định xe, khoảng cách dừng, lốp xe, làm giảm độ an toàn.
 - ☒ **Giới Hạn Tải** Tr. 433
- Không để các đồ vật cao hơn ghế.
 - Chúng có thể che tầm nhìn của bạn hoặc xô về phía trước trong trường hợp bạn phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo bạn cố định chặt tấm lót sàn*.
 - Nếu có vật thể hoặc tấm lót sàn không được cố định chắc chắn sẽ cản trở bạn nhấn bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga trong khi lái.
- Nếu có động vật trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
 - Chúng có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt các cửa và cửa hậu.
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.
 - Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
 - ☒ **Điều Chỉnh Ghế Ngồi** Tr. 227
 - ☒ **Điều Chỉnh Tựa Đầu** Tr. 234
- Điều chỉnh gương và vô lăng phù hợp khi lái.
 - Điều chỉnh chúng khi đã ngồi với tư thế thoải mái.
 - ☒ **Điều Chỉnh Gương** Tr. 223
 - ☒ **Điều Chỉnh Vô Lăng** Tr. 222

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Kiểm Tra Bên Trong

Hướng của đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt, thường thì không cần điều chỉnh chúng. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong khoang hành lý hoặc kéo ro-moóc*, hãy đến đại lý để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng của đèn.

Loại xe có bộ điều chỉnh đèn chiếu sáng

Bạn có thể tự điều chỉnh góc đèn chiếu gần.

☒ **Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*** Tr. 211

Loại xe có đèn chiếu sáng loại LED

Xe của bạn được trang bị hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động, hệ thống này tự động điều chỉnh góc của các đèn chiếu sáng.

- Cần đảm bảo đồ vật để dưới sàn phía sau ghế trước không lấn dưới các ghế.
 - ▶ Chúng có thể gây cản trở khả năng vận hành các bàn đạp của người lái, hoặc việc vận hành các ghế ngồi.
- Mọi người trong xe phải thắt chặt dây đai an toàn.
 - ▶ **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 49
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng điều khiển sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
 - ▶ Nếu các đèn báo cho biết xe có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
 - ▶ **Đèn Báo** Tr. 100

Giới Hạn Tải

Khi bạn chở hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

► **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 622, 625

Loại xe Australia, Nam Phi và New Zealand động cơ 1.8L

Tải trên cầu trước và cầu sau cũng không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

► **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 622, 625

► Giới Hạn Tải

⚠ CẢNH BÁO

Tải quá nặng hoặc tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến điều khiển và cân bằng của xe và có thể gây thương tích hoặc tử vong khi tai nạn.

Làm theo tất cả các hướng dẫn về giới hạn tải và các hướng dẫn tải khác trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Kéo Rơ-moóc

Ngoại trừ loại xe Australia, Nam Phi và New Zealand động cơ 1.8L

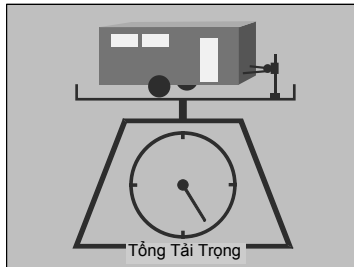
Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ-moóc. Nếu cố gắng kéo có thể khiến xe của bạn không được bảo hành.

Loại xe Australia, Nam Phi và New Zealand động cơ 1.8L

Chuẩn Bị Kéo

■ Giới Hạn Tải Trọng Kéo

Xe có thể kéo rơ-moóc nếu bạn tuân theo các giới hạn tải trọng, sử dụng đúng thiết bị và làm theo hướng dẫn kéo. Kiểm tra giới hạn trọng tải trước khi kéo.



■ Tổng trọng lượng rơ-moóc

Tổng trọng lượng rơ-moóc và cáp kéo (dùng/không dùng phanh) cộng với đồ đạc trên xe không được phép vượt quá trọng lượng kéo tối đa.

Tải trọng kéo vượt quá trọng lượng kéo tối đa có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến điều khiển và vận hành của xe và cũng có thể làm hỏng động cơ và hệ thống truyền động.

» Giới Hạn Tải Trọng Kéo

⚠ CẢNH BÁO

Vượt quá giới hạn tải trọng hoặc kéo rơ-moóc không đúng cách có thể gây ra những va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Kiểm tra cẩn thận tải trọng của xe và rơ-moóc trước khi bắt đầu lái.

Kiểm tra xem tổng tải trọng có nằm trong tiêu chuẩn không. Nếu không có tải trọng tiêu chuẩn, thì cộng trọng lượng của tải trọng hàng hoá ước tính với trọng lượng rơ-moóc (theo hướng dẫn của nhà sản xuất), và tải trọng đầu rơ-moóc.

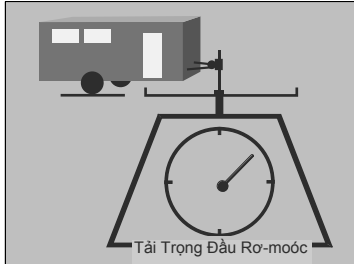
Thời Kỳ Chạy Rà Động cơ

Không kéo rơ-moóc khi xe chưa đi đủ 1.000 km đầu tiên.

Nếu bạn kéo rơ-moóc ở vùng đồi núi, nhớ giảm 10% trọng lượng của xe trong tổng trọng lượng kéo tối đa cho mỗi 1.000 mét độ cao.

Không được vượt quá trọng lượng kéo tối đa và giới hạn tải trọng cho phép.

📖 **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 624, 627



■ Tải Trọng Đầu Rơ-Moóc

Tải trọng đầu rơ-moóc không nên vượt quá 70 kg. Đây là khối trọng lượng rơ-moóc đặt lên thanh kéo khi đã tải đầy. Đây là quy tắc cho những rơ-moóc có trọng lượng nhỏ hơn 700 kg, tải trọng đầu rơ-moóc nên ở mức 10% tổng trọng lượng rơ-moóc.

- Tải trọng đầu rơ-moóc vượt mức quy định sẽ làm giảm khả năng bám đường của lốp xe trước và điều khiển vô-lăng. Tải trọng đầu rơ-moóc quá nhỏ có thể làm rơ-moóc xoay và không ổn định.
- Để đạt tải trọng đầu rơ-moóc phù hợp, đặt 60% tải trọng của rơ-moóc về phía trước và 40% về phía sau. Điều chỉnh lại tải trọng khi cần.

■ Thiết Bị và Phụ Kiện Kéo

Sử dụng các thiết bị kéo phù hợp với kích cỡ của rơ-moóc, tải trọng kéo và nơi bạn đang kéo.

■ Thanh kéo

Sử dụng thanh kéo đúng loại và phải gắn nó ở gầm xe.

■ Xích an toàn

Luôn dùng xích an toàn khi kéo rơ-moóc. Để xích chùng một khoảng đủ để rơ-moóc có thể xoay được dễ dàng, nhưng không được để xích trật xuống mặt đường.

■ Phanh rơ-moóc

Nếu bạn sử dụng rơ-moóc có phanh, đảm bảo là chúng được dẫn động điện tử. Không được gắn phanh rơ-moóc vào hệ thống thủy lực của xe. Cho dù có thể gắn được phanh rơ-moóc vào hệ thống thủy lực thì hiệu quả của phanh cũng bị giảm và gây ra các nguy hiểm tiềm ẩn.

■ Thiết bị kéo bổ sung

Một số luật yêu cầu phải có gương chuyên dụng bên ngoài khi kéo rơ-moóc. Ngay cả khi khu vực bạn lái xe không yêu cầu có gương, bạn vẫn nên lắp các gương chuyên dụng nếu tầm nhìn bị hạn chế.

■ Đèn rơ-moóc

Các đèn rơ-moóc và các thiết bị phải phù hợp với quy định của quốc gia nơi bạn đang lái xe. Kiểm tra yêu cầu này tại các điểm bán rơ-moóc và đại lý cho thuê ở khu vực mà bạn kéo rơ-moóc.

►►Thiết Bị và Phụ Kiện Kéo

Đảm bảo tất cả các thiết bị được lắp đặt và bảo dưỡng đúng cách và đáp ứng quy định của quốc gia nơi bạn đang lái xe.

Tham khảo ý kiến từ nơi bán rơ-moóc hoặc đại lý bán lẻ xem có cần bất cứ thiết bị hỗ trợ nào cho việc kéo rơ-moóc hay không.

Đèn và dây của rơ-moóc có thể khác nhau theo loại và nhãn hàng. Nếu cần thiết bị kết nối, nên yêu cầu kỹ thuật viên có tay nghề cao lắp đặt.

Lái Xe An Toàn với Rơ-moóc

■ Những Điều Cần Biết Trước Khi Kéo Rơ-moóc

- Bảo dưỡng rơ-moóc hợp lý và bảo quản trong điều kiện tốt.
- Đảm bảo trọng lượng và tải trọng của xe nằm trong giới hạn.
 - Giới Hạn Tải Trọng Kéo Tr. 434
- Gắn chặt thanh kéo, xích an toàn, các bộ phận phụ kiện khác vào rơ-moóc.
- Buộc chặt tất cả các đồ vật trên hoặc trong rơ-moóc để chúng không bị dịch chuyển khi lái.
- Kiểm tra các đèn và phanh rơ-moóc hoạt động đúng.
- Kiểm tra áp suất các lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng.
- Kiểm tra các quy định liên quan đến tốc độ tối đa hoặc tốc độ giới hạn khi xe kéo rơ-moóc. Nếu bạn lái xe ở các quốc gia khác, kiểm tra yêu cầu ở quốc gia đó, vì các quy định có thể khác nhau.

■ Tốc Độ Kéo và Số

- Lái chậm hơn bình thường.
- Tuân theo giới hạn tốc độ được dán trong xe khi kéo rơ-moóc.
- Để cần số ở **[D]** khi kéo rơ-moóc trên đường bằng phẳng.

►►Lái Xe An Toàn với Rơ-moóc

Tốc độ vận hành tối đa khi kéo rơ-moóc là 100 km/h.

Đỗ Xe

Ngoài các lưu ý thông thường, chèn tất cả các lốp xe của rơ-moóc.

Bạn chỉ nên lái xe lên dốc hoặc khu vực có độ dốc dưới 12%. Thực hiện theo khuyến cáo của nhà sản xuất để sử dụng rơ-moóc phù hợp với từng điều kiện đường xá.

Xe có kích thước lớn đi qua có thể tạo ra gió mạnh làm dao động rơ-moóc, giữ tốc độ không đổi và lái thẳng về phía trước.

Lái xe chậm và có người dẫn hướng khi bạn lùi xe.

■ Rẽ và Phanh

- Rẽ chậm hơn và góc cua cũng rộng hơn bình thường.
- Thời gian và khoảng cách phanh dài hơn.
- Không phanh hoặc rẽ đột ngột.

■ Lái Xe ở Địa Hình Đồi Núi

- Theo dõi đèn báo nhiệt độ cao. Nếu đèn báo sáng, tắt hệ thống sưởi và làm mát*/hệ thống điều khiển khí hậu* và giảm tốc độ. Nếu cần thiết, lái xe vào lề đường một cách an toàn để động cơ nguội xuống.
- Sang số đến **S** nếu cần phải sang số thường xuyên.

Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trở

Thông Tin Chung

Xe của bạn được thiết kế chủ yếu để sử dụng trên đường được trải nhựa, tuy nhiên khoảng sáng gầm xe cao cho phép bạn có thể di chuyển trên đường không trải nhựa. Thiết kế này không dùng cho các hoạt động trên đường hiểm trở.

Nếu bạn quyết định lái xe trên đường không trải nhựa, bạn sẽ cần có một số kỹ năng lái xe và xử lý khác so với khi đi trên đường nhựa. Chú ý đến các lưu ý và các mẹo trong phần này, làm quen với xe của bạn trước khi lái xe ra khỏi đường nhựa.

Các Chú Ý An Toàn Quan Trọng

Để tránh mất lái hoặc lật xe, đảm bảo làm theo các lưu ý và khuyến cáo sau:

- Đảm bảo hành lý được cố định chắc chắn và không chờ hành lý vượt quá tải.
 ☑ Thông Số Kỹ Thuật Tr. 622, 625
- Khi lái xe, đảm bảo bạn và hành khách luôn thắt dây đai an toàn.
- Duy trì tốc độ chậm và không lái xe nhanh hơn điều kiện cho phép.
- Nhiệm vụ của bạn là liên tục đánh giá được tình hình và lái xe trong giới hạn.

☞ Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trở

⚠ CẢNH BÁO

Bật hoặc tắt vận hành xe trên đường nhựa không đúng cách có thể gây ra va chạm hoặc lật xe, làm bạn và hành khách bị trọng thương hoặc tử vong.

- Làm theo tất cả các hướng dẫn trong tài liệu này.
- Duy trì tốc độ chậm và không lái xe nhanh hơn điều kiện cho phép.

Không vận hành xe đúng cách có thể gây ra tai nạn hoặc lật xe.

- **☑ Thông Tin Xử Lý Quan Trọng** Tr. 40
- **☑ Lưu Ý Khi Lái Xe** Tr. 448

Tránh Gặp Sự Cố

- **Kiểm Tra Xe** trước khi bạn di chuyển và đảm bảo đã hoàn thành tất cả các bảo dưỡng định kỳ. Đặc biệt chú ý đến tình trạng lốp và kiểm tra áp suất lốp.
- **Nhớ** rằng con đường bạn định đi sẽ có những hạn chế (quá dốc hoặc gập ghềnh), bản thân bạn có những hạn chế (kỹ năng lái xe và sự thoải mái), và xe của bạn cũng có những hạn chế (độ bám đường, độ ổn định và công suất). Không nhận ra được các hạn chế này sẽ khiến bạn và hành khách gặp nguy hiểm.
- **Tăng Tốc và Phanh** nên được thực hiện một cách từ từ và tăng dần. Cố khởi động hoặc dừng xe quá nhanh có thể gây mất độ bám đường và mất kiểm soát xe.
- **Tránh Chướng Ngại Vật và Mảnh Vụn** trên đường giúp làm giảm nguy cơ lật xe hoặc làm hư hỏng hệ thống treo và các thành phần khác.
- **Lái Xe trên Dốc** làm tăng nguy cơ bị lật xe, đặc biệt khi bạn cố gắng lái xe qua dốc quá cao. Lái thẳng khi lên hoặc xuống dốc thường là an toàn nhất. Nếu bạn không thể nhìn rõ các điều kiện bất lợi hoặc chướng ngại vật trên dốc, hãy xuống xe đi bộ để kiểm tra đường trước khi lái. Nếu bạn nghi ngờ về độ an toàn khi đi qua đoạn đường đó, thì đừng cố đi qua. Hãy tìm một con đường khác. Nếu bạn bị mắc kẹt khi đang leo dốc, đừng cố quay xe. Từ từ lùi xe theo đúng hành trình bạn đã leo dốc trước đó.
- **Băng Qua Suối** - Tránh lái xe qua chỗ nước sâu. Nếu bạn phải lái xe đi qua sông, suối (suối nhỏ hoặc vùng nước lớn), hãy nhận định kỹ khả năng đi qua khu vực đó trước khi lái. Đảm bảo khu vực này nước nông, chảy không xiết, và nền đất phía dưới chắc chắn. Nếu không chắc chắn về độ sâu hoặc nền đất phía dưới đáy, thì hãy quay lại và tìm đường khác. Lái xe qua khu vực nước sâu có thể gây hư hỏng cho xe của bạn. Nước có thể lọt vào hộp số và vi sai, làm loãng dầu bôi trơn và gây hư hỏng. Nó cũng có thể rửa trôi dầu bôi trơn các vòng bi bánh xe.
- **Nếu Bị Mắc Kẹt**, cẩn thận đi theo hướng mà bạn cho là sẽ ra khỏi được chỗ kẹt. Không cố ga khi lốp bị trượt vì nó sẽ làm tình hình tồi tệ hơn và có thể làm hỏng hộp số. Nếu bạn không thể thoát ra khỏi chỗ kẹt, thì cần phải kéo xe. Xe của bạn có các móc kéo ở phía trước và phía sau được thiết kế để sử dụng trong những trường hợp này.

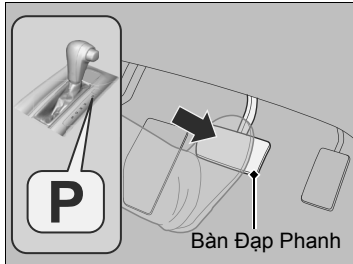
Khi Lái Xe

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Khởi Động Động Cơ

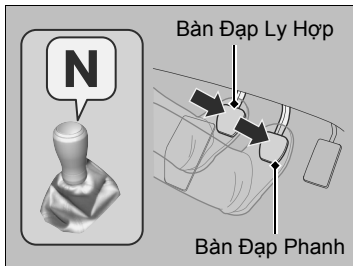


1. Đảm bảo phanh đỗ được nhấn.
 - ▶ Đèn báo phanh đỗ điện sáng trong 15 giây khi bạn kéo công tắc phanh đỗ điện lên.



Loại xe có hộp số vô cấp

2. Đảm bảo cần số ở **P**, sau đó nhấn bàn đạp phanh.
 - ▶ Mặc dù có thể khởi động xe ở **N**, khởi động xe ở **P** vẫn an toàn hơn.



Loại xe có hộp số thường

2. Đảm bảo cần số ở **N**. Sau đó nhấn bàn đạp phanh bằng chân phải, và bàn đạp ly hợp bằng chân trái.
 - ▶ Phải nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp mới khởi động được động cơ.

Khởi Động Động Cơ

Giữ chắc chân của bạn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

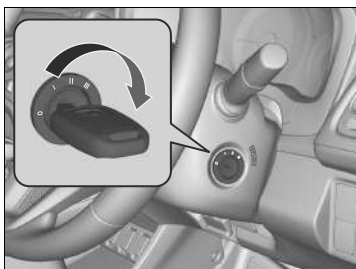
Động cơ sẽ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và trong không khí loãng khi ở độ cao 2.400 mét trở lên.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống sưởi và làm mát*/hệ thống điều khiển khí hậu*, và bộ sấy kính sau để giảm tiêu hao điện ắc quy.

Nếu hệ thống khí xả phát ra âm thanh bất thường hoặc bạn có thể ngửi thấy khí xả bên trong xe, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả đã gặp sự cố.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa



3. Xoay khoá điện đến **KHỞI ĐỘNG IIII** nhưng không nhấn bàn đạp ga.

►► Khởi Động Động Cơ

Không để chìa khoá ở **KHỞI ĐỘNG IIII** trong hơn 10 giây.

- Nếu động cơ không khởi động ngay, đợi ít nhất 30 giây rồi thử lại.
- Nếu động cơ khởi động, nhưng dừng ngay sau đó, chờ ít nhất 30 giây rồi lặp lại bước 3 trong khi nhấn nhẹ bàn đạp ga. Nhả bàn đạp ga khi động cơ đã khởi động.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu dùng chìa khóa có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

► **Hệ Thống Chống Nổ Máy** Tr. 190

►► Bắt Đầu Lái Xe

Bạn có thể nhả phanh đỗ bằng cách ấn công tắc phanh đỗ điện trong khi nhấn bàn đạp phanh. Khi ở trên đường xuống dốc, bạn có thể khởi động xe dễ dàng hơn khi nhả phanh đỗ bằng cách ấn tay công tắc phanh đỗ điện thay vì nhả nó bằng bàn đạp ga.

► Bắt Đầu Lái Xe

Loại xe có hộp số vô cấp

1. Giữ chân phải của bạn trên bàn đạp phanh, để cần số ở **D**. Chọn **R** khi lùi xe.
2. Nếu sử dụng phanh đỗ, nhả bàn đạp phanh và từ từ nhấn bàn đạp ga.
 - Đảm bảo đèn báo phanh đỗ điện đã tắt.
 - **Phanh Đỗ** Tr. 485

■ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc giúp giữ phanh để xe luôn bám đường, không bị trôi xuống dốc khi bạn chuyển chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Loại xe có hộp số thường

Nhấn bàn đạp ly hợp, và sang số đến một trong các số tiến khi lên dốc, hoặc **R** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số số cấp

Gạt cần số đến **D**, **S**, hoặc **L** * khi lên dốc, hoặc **R** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

⌘ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khởi lăn xuống khi dốc quá cao hoặc dựng đứng và cũng không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vẫn vận hành ngay cả khi bạn tắt VSA.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

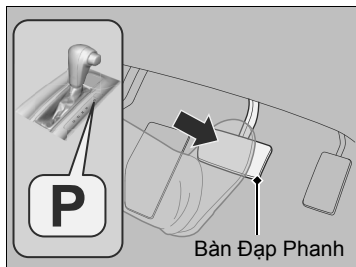
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Khởi Động Động Cơ



1. Đảm bảo phanh đỗ được nhấn.
 - Đèn báo phanh đỗ điện sáng trong 15 giây khi bạn kéo công tắc phanh đỗ điện lên.



2. Đảm bảo cần số ở **P**, sau đó nhấn bàn đạp phanh.
 - Mặc dù có thể khởi động xe ở **N**, khởi động xe ở **P** vẫn an toàn hơn.

►► Khởi Động Động Cơ

Giữ chắc chân của bạn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

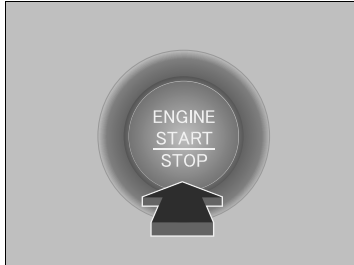
Động cơ sẽ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và trong không khí loãng khi ở độ cao 2.400 mét trở lên.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống sưởi và làm mát*/hệ thống điều khiển khí hậu*, và bộ sấy kính sau để giảm tiêu hao điện ắc quy.

Nếu hệ thống khí xả phát ra âm thanh bất thường hoặc bạn có thể ngửi thấy khí xả bên trong xe, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả đã gặp sự cố.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu dùng chìa khóa có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

► Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 190



3. Ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp ga.

►► Khởi Động Động Cơ

Để điều khiển mở cửa từ xa gần nút **ENGINE START/ STOP** nếu pin của chìa khóa điều khiển từ xa yếu.

► **Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu**
Tr. 595

Động cơ có thể không khởi động được nếu chìa khóa điều khiển từ xa để gần sóng radio mạnh.

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.

Nếu động cơ không khởi động, đợi ít nhất 30 giây trước khi thử lại.

■ Dừng Động Cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

1. Sang số đến **P**.
2. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

■ Bắt Đầu Lái Xe

1. Giữ chân phải trên bàn đạp phanh, sang số đến **D**. Chọn **R** khi lùi xe.
2. Khi phanh đỗ được gài, nhả bàn đạp phanh và nhấn nhẹ bàn đạp ga.
 - Đảm bảo đèn báo phanh đỗ điện tắt.
 - **Phanh Đỗ** Tr. 485

►► Bắt Đầu Lái Xe

Bạn có thể thả phanh đỗ bằng cách ấn công tắc phanh đỗ điện trong khi nhấn bàn đạp phanh. Khi ở trên đường xuống dốc, bạn có thể khởi động xe dễ dàng hơn khi nhả phanh đỗ điện bằng tay thay vì nhả nó bằng bàn đạp ga.

■ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc giúp giữ phanh để xe luôn bám đường, không bị trôi xuống dốc khi bạn chuyển chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Gạt cần số đến **[D]**, **[S]**, hoặc **[L]*** khi lên dốc, hoặc **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

▣ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khởi lên xuống khi dốc quá cao hoặc dựng đứng và cũng không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vẫn vận hành ngay cả khi bạn tắt VSA.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Lưu Ý Khi Lái Xe

Hướng Dẫn Lái Đối Với Xe Có Nhiều Tiện Ích

Những xe có nhiều tiện ích có xác suất bị lật cao hơn hẳn các loại xe khác. Để tránh bị lật hoặc mất kiểm soát xe:

- Cua góc với tốc độ thấp hơn xe khác.
- Tránh rẽ gấp và vận hành đột ngột nếu có thể.
- Không sửa đổi xe theo bất cứ cách nào vì việc đó sẽ làm tăng trọng tâm của xe.
- Không để hàng hoá nặng lên nóc xe.

Khi Trời Mưa

Khi trời mưa, mặt đường sẽ trơn trượt. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh và rẽ đột ngột, và hãy lái xe tập trung hơn. Lái xe trên đường có nhiều vũng nước cũng có thể khiến xe bị quay trượt do bị mất ma sát. Không lái xe trên đường ngập nước sâu và đường bị lỤt. Điều này có thể làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền động hoặc gây lỗi bộ phận điện.

►► Lưu Ý Khi Lái Xe

LƯU Ý: Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe qua chỗ nước sâu sẽ làm hỏng động cơ, các thiết bị điện và xe sẽ bị xuống cấp nhanh hơn.

CHÚ Ý

Không gạt cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga. Vì làm như vậy bạn sẽ làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

Nếu liên tục quay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc giữ vô lăng sang phải hoặc trái hết cỡ một lúc, hệ thống lái trợ lực điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế vận hành. Sẽ càng khó khăn hơn khi vận hành vô lăng. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ được khôi phục. Liên tục vận hành xe trong điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

Nếu khoá điện được xoay đến PHỤ KIỆN **I**^{*1} trong khi lái, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ bị dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không để cần số ở **N**, vì như thế bạn sẽ làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng ga).

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

■ Lưu Ý Khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, dừng xe nơi an toàn. Kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ dầu phía dưới xe.

» Lưu Ý Khi Lái Xe

Khi lái ở 1.000 km đầu tiên, tránh tăng ga đột ngột hoặc vận hành bướm ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền động.

Tránh phanh gấp trong 300 km đầu tiên. Bạn cũng nên thực hiện điều này khi thay các má phanh.

Hộp Số Vô Cấp*

■ Chuyển Động Từ Từ

Động cơ chạy ở tốc độ không tải cao hơn và xe chuyển động từ từ.
Nhấn chắc bàn đạp phanh khi dừng xe.

■ Nhảy Số

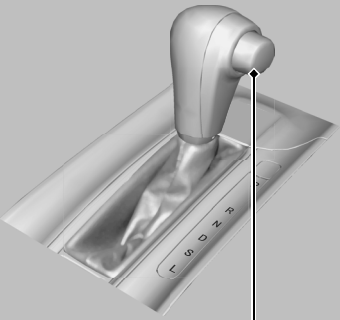
Nhấn nhanh bàn đạp ga trong khi lái xe lên dốc có thể làm hộp số nhảy về số cao hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Hãy nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái ở đường trơn và vòng cua.

Loại xe có hộp số vô cấp không có lẫy sang số

Sang Số

Sang số phù hợp với nhu cầu khi lái xe của bạn.

■ Các vị trí cần số



Nút Nhả

- P** **Số Đỡ**
Dùng khi đỗ xe hoặc khởi động động cơ
- R** **Số Lùi**
Dùng khi lùi xe
- N** **Số Không**
Hộp số không khóa
- D** **Số Lái**
Dùng khi lái bình thường
- S** **Số Lái (S)**
Sử Dụng:
 - Để tăng tốc tốt hơn
 - Để tăng phanh động cơ
 - Dùng khi lên dốc hoặc xuống dốc
- L** **Thấp**
Sử Dụng:
 - Dùng để tăng phanh động cơ
 - Dùng khi lên dốc hoặc xuống dốc

►► Sang Số

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Bạn không thể xoay khóa điện đến KHÓA [0] và rút chìa khóa ra trừ khi cần số ở [P].

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

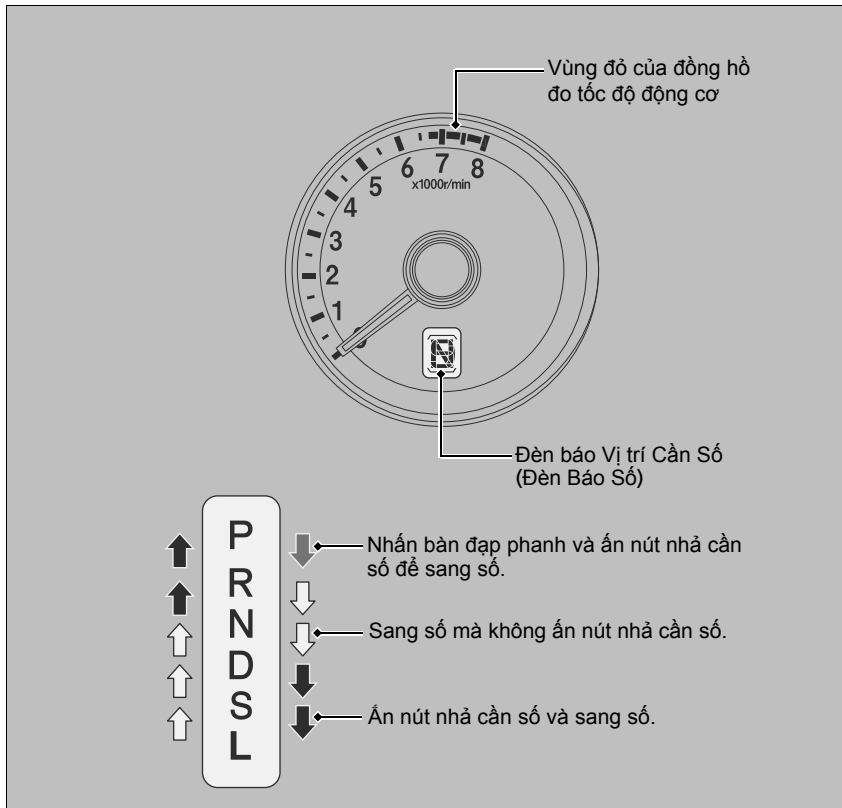
Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY (KHÓA) trừ khi cần số ở [P].

Xe có thể di chuyển nhẹ về phía trước khi ở [N] trong khi động cơ đã nguội.

Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh và gài phanh đỗ khi cần

Khi sang số ở điều kiện nhiệt độ quá thấp (-30° C), có thể mất một khoảng thời gian trước khi hiển thị vị trí số. Luôn đảm bảo rằng bạn sang số đúng trước khi lái xe.

Vận Hành Cần Số



Lái Xe

Vận Hành Cần Số

CHÚ Ý

Khi bạn chuyển cần số từ **D** sang **R** và ngược lại, dừng xe hoàn toàn và tiếp tục nhấn bàn đạp phanh.
Vận hành cần số trước khi xe dừng hoàn toàn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo vị trí cần số để kiểm tra vị trí số trước khi kéo cần số.

Nếu đèn báo số nhấp nháy khi lái xe ở bất cứ vị trí số nào, hộp số đang gặp sự cố.
Tránh tăng tốc đột ngột và hãy đến đại lý kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt mức vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể thấy rung nhẹ.


Cần số có thể không vận hành nếu đang nhấn bàn đạp phanh đồng thời ấn nút nhà cần số.
Nhấn bàn đạp phanh trước.

Loại xe có hộp số vô cấp có lẫy sang số

Sang Số

Sang số phù hợp với nhu cầu khi lái xe của bạn.

■ Các vị trí cần số



P **Số Đỡ**
Dùng khi đỗ xe hoặc khởi động động cơ

R **Số Lùi**
Dùng khi lùi

N **Số Không**
Hộp số không khóa

D **Số Lái**
Dùng:

- Khi lái thường
- Khi lái xe tạm thời ở chế độ sang số thường 7 cấp

S **Số Lái (S)**
Dùng:

- Để tăng tốc tốt hơn
- Để tăng phanh động cơ
- Dùng khi lên dốc hoặc xuống dốc
- Khi lái xe ở chế độ sang số thường 7 cấp

Nút Nhà

►► Sang Số

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Bạn không thể xoay khóa điện đến KHÓA [0] và rút chìa khóa ra trừ khi cần số ở [P].

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY (KHÓA) trừ khi cần số ở [P].

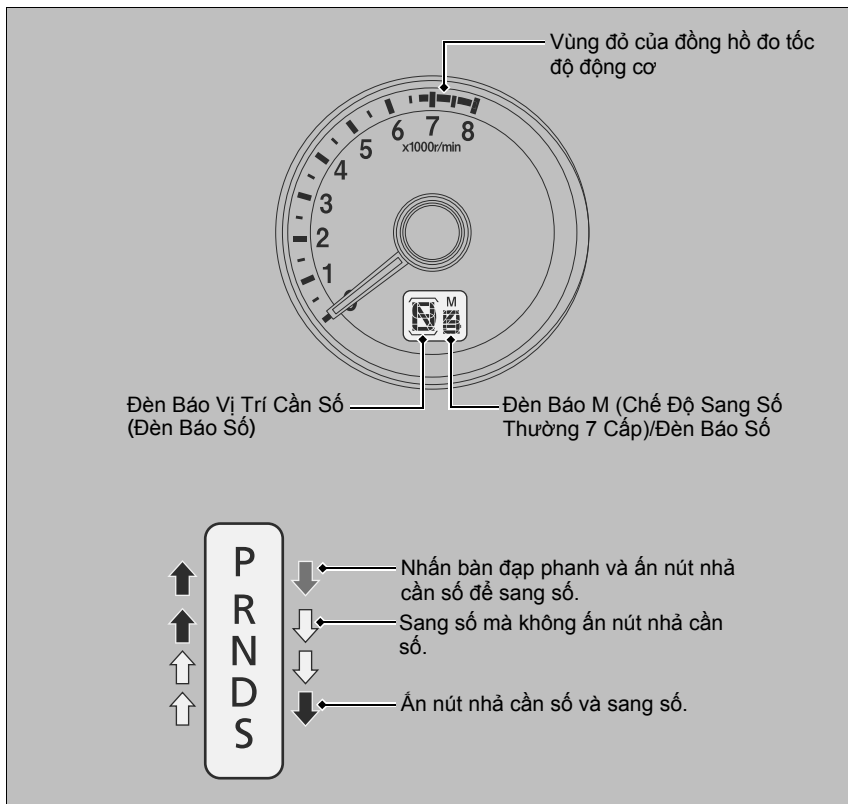
Xe có thể di chuyển nhẹ về phía trước khi ở [N] trong khi động cơ đã nguội.

Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh và giải phanh đỗ khi cần.

Khi sang số ở điều kiện nhiệt độ quá thấp (-30° C), có thể mất một khoảng thời gian trước khi hiển thị vị trí số. Luôn đảm bảo rằng bạn sang số đúng trước khi lái xe.

Lái Xe

■ Vận Hành Cần Sang Số



►► Vận Hành Cần Số

CHÚ Ý

Khi bạn chuyển cần số từ **D** sang **R** và ngược lại, hãy dừng xe hoàn toàn và tiếp tục nhấn bàn đạp phanh.
Vận hành cần số trước khi xe dừng hoàn toàn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo vị trí cần số để kiểm tra vị trí số trước khi kéo cần số.

Nếu đèn báo số nhấp nháy khi lái xe ở bất cứ vị trí số nào, hộp số đang gặp sự cố.
Tránh tăng tốc đột ngột và hãy đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt mức vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể thấy rung nhẹ.

Cần số có thể không vận hành nếu đang nhấn bàn đạp phanh đồng thời ấn nút nhà cần số.
Nhấn bàn đạp phanh trước.

■ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Dùng lẫy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp nếu bạn kéo lẫy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

■ Khi cần số ở **[D]**:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp và số được hiển thị trên đèn báo số.

Chế độ sang số thường 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ cố định hoặc tăng tốc và số trên đèn báo số sẽ tắt.

Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lẫy sang số **[+]** trong vài giây.

Đặc biệt, chế độ sang số thường 7 cấp rất hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

■ Khi cần số ở **[S]**:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp. Đèn báo **M** và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, hộp số sẽ tự động giảm số theo. Khi xe chuẩn bị dừng, nó sẽ tự động giảm xuống số 1.

Nếu tốc độ xe tăng và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Bạn chỉ có thể kéo lẫy khi ở cấp số 1.

Nếu muốn hủy chế độ sang số thường 7 cấp, hãy di chuyển cần số từ **[S]** sang **[D]**. Khi chế độ sang số thường 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

▶▶ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Ở chế độ sang số thường 7 cấp, hộp số tăng hoặc giảm theo vận hành của lẫy sang số trong những điều kiện sau:

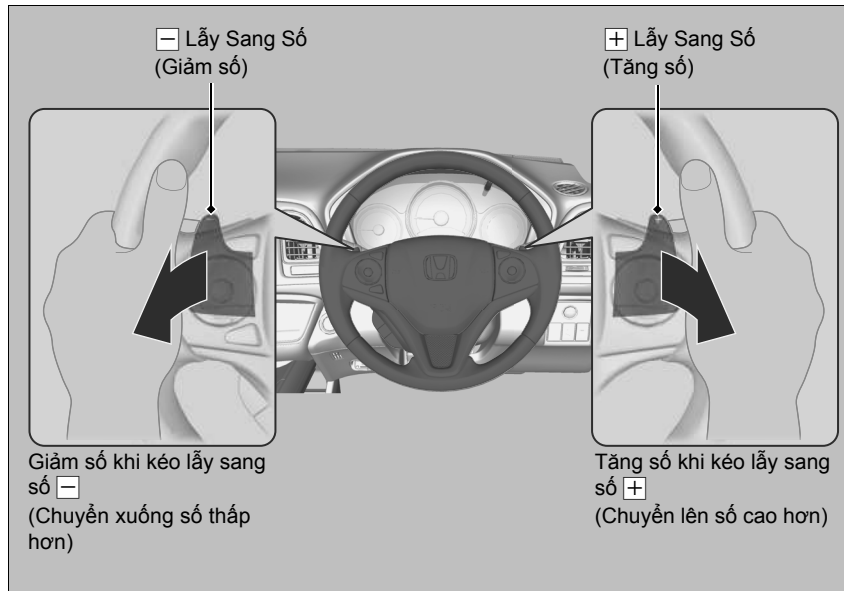
Tăng Số: Tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí cấp cao hơn.

Giảm Số: Tốc độ động cơ đạt ngưỡng cao nhất của vị trí cấp thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số. Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí cấp đã chọn, hộp số sẽ tự động giảm số.

Vận hành cần số trên bề mặt trơn trượt có thể làm bánh xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số thường 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường D.

■ Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp



Lái Xe

▣ Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Mỗi vận hành lấy sang số sẽ thay đổi một cấp tốc độ.

Để thay đổi liên tục, nhả lấy sang số trước khi kéo lại để sang cấp tốc độ tiếp theo.

Đèn báo số nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số. Điều đó có nghĩa là tốc độ xe không nằm trong dải số cho phép.

Tăng tốc và giảm tốc nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

Đèn báo số cũng sẽ nhấp nháy khi bạn không thể giảm số khi lái xe ở tốc độ thấp. Điều này để tránh làm hỏng hộp số.

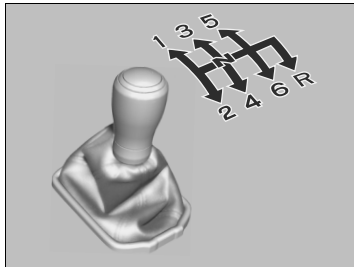
Loại xe có hộp số thường

Sang Số

Vận Hành Cần Số

Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp để vận hành cần số và thay đổi số, sau đó nhả từ từ bàn đạp.

Nhấn bàn đạp ly hợp và dừng trong vài giây trước khi sang số đến **R**, hoặc sang số đến số tiến. Điều này giúp bánh răng không "cọ sát" vào nhau.



Khi không sang số, không đặt chân lên bàn đạp ly hợp. Nếu không sẽ làm ly hợp mòn nhanh hơn.

Sang Số

CHÚ Ý

Không sang số đến **R** trước khi xe dừng hoàn toàn.

Sang số đến **R** trước khi dừng xe có thể làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

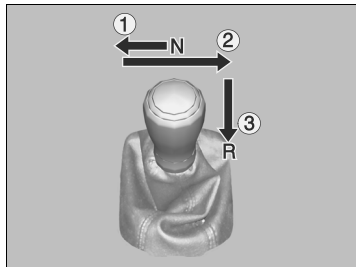
Trước khi giảm số, đảm bảo tốc độ động cơ không ở vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ. Nếu không sẽ làm hỏng động cơ nghiêm trọng.

Nếu chạy xe quá tốc độ tối đa của số hiện tại, tốc độ động cơ sẽ ở vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ. Nếu điều này xảy ra, bạn có thể thấy rung nhẹ.

■ Khóa Đảo Chiều

Hộp số thường có cơ chế khóa giúp bạn không sang số đột ngột từ số tiến sang **R** khi xe đang chạy ở một tốc độ nhất định.

Nếu bạn không thể sang số đến **R** khi xe dừng lại, hãy thực hiện các bước sau:

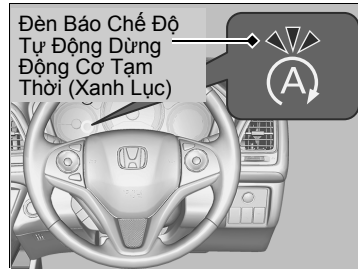


1. Nhấn bàn đạp ly hợp, gạt cần số hết cỡ sang trái và đến **R**.
2. Nếu bạn vẫn không thể sang số đến **R**, hãy gài phanh đỗ và xoay khóa điện đến PHỤ KIỆN **I** hoặc KHÓA **0**.
3. Nhấn bàn đạp ly hợp và sang số đến **R**.
4. Tiếp tục nhấn bàn đạp ly hợp và khởi động động cơ.

Đưa xe đến đại lý để kiểm tra nếu bạn phải thực hiện quy trình trên nhiều lần.

Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*

Để giúp tiết kiệm nhiên liệu tối đa, động cơ tự động dừng khi xe dừng, tùy thuộc vào điều kiện môi trường và điều kiện vận hành của xe. Đèn báo (xanh lục) sẽ sáng.



Động cơ khởi động lại khi xe sắp di chuyển và đèn báo (xanh lục) sẽ tắt.

► **Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:**
Tr. 462

► **Đèn Báo** Tr. 127

Điều kiện môi trường và điều kiện xe tác động đến hoạt động của hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời rất đa dạng.

► **Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Kích Hoạt Khi:** Tr. 461

► **Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không kích hoạt khi:** Tr. 462

Nếu cửa phía người lái mở trong khi đèn báo (xanh lục) sáng, hệ thống cảnh báo phát ra tiếng bíp để thông báo chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang vận hành.

►► Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*

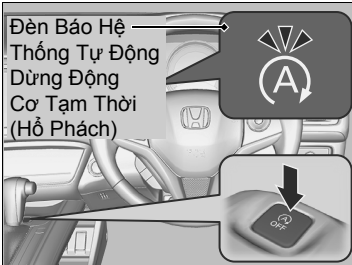
Ắc quy 12V lắp cho xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có Chế độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời. Sử dụng ắc quy 12V không đúng chỉ định sẽ làm giảm tuổi thọ của ắc quy và làm Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động. Nếu bạn cần thay ắc quy, đảm bảo chọn loại được chỉ định. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm chi tiết.

► **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 622

Khoảng thời gian vận hành Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời:

- **Tăng lên** khi chế độ ECON bật so với khi chế độ ECON tắt trong khi đang sử dụng điều khiển khí hậu.

■ **Bật/Tắt Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời**



Để tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, ấn nút này. Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ ngừng hoạt động.

- Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời ngừng hoạt động và đèn báo (hỗ phách) sẽ sáng.

Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ bật mỗi lần bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt trong lần lái xe gần đây nhất.


▣ **Bật/Tắt Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời**

Ấn nút **TẮT** hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ làm động cơ khởi động lại trong khi Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời hoạt động.

■ Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi:

Xe dừng với cần số ở **D** và bàn đạp phanh được nhấn.

■ Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động khi:

- Nút **TẮT** hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời được ấn.
- Người lái chưa thắt dây đai an toàn.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp hoặc cao.
- Động cơ khởi động khi nắp ca-pô mở.
 - Tắt động cơ. Đóng nắp ca-pô trước khi khởi động lại động cơ để kích hoạt Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Dòng điện nạp ắc quy thấp.
- Nhiệt độ bên trong ắc quy ở 5°C hoặc thấp hơn.
-  sáng (đèn báo sáng).
- Đang sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu và nhiệt độ được đặt ở **Hi** hoặc **Lo**.
- Đang sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu và nhiệt độ bên ngoài dưới -20°C hoặc trên 40°C.
- Nhiệt độ dầu hộp số thấp hoặc cao.
- Cần số ở vị trí khác ngoài **D**.
- Xe lại dừng trước khi tốc độ động cơ đạt 5km/h sau khi động cơ khởi động.
- Dừng xe trên dốc nghiêng.
- Tình trạng bộ tụ không tốt.
 - Sử dụng bộ tụ cho tụ điện trong thời gian ngắn để nạp hoặc xả điện.

►►Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi:

Không mở nắp ca-pô trong khi xe đang chạy ở chế độ tự động dừng động cơ tạm thời.

Nếu nắp ca-pô mở, động cơ sẽ không tự động khởi động.

Trong trường hợp này, khởi động lại động cơ bằng nút **ENGINE START/STOP**.

► **Khởi Động Động Cơ** Tr. 444

Ấn nút **ENGINE START/STOP** để chuyển chế độ nguồn sang PHỤ KIẾN ngay cả khi Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang vận hành. Khi xe ở chế độ PHỤ KIẾN, động cơ không tự khởi động lại. Hãy thực hiện theo quy trình tiêu chuẩn để khởi động động cơ.

► **Khởi Động Động Cơ** Tr. 444

■ **Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời có thể không hoạt động khi:**

- Đang quay vô lăng.
- Ở địa hình cao.
- Xe dừng bằng cách phanh đột ngột.
- Xe tăng tốc độ liên tục và giảm ga ở tốc độ thấp.
- Đang sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu và có sự chênh lệch đáng kể giữa nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực tế bên trong xe.
- Độ ẩm trong xe cao.
- Tốc độ quạt cao.

■ **Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:**

Nhả bàn đạp phanh (khi hệ thống giữ phanh tự động không hoạt động).


Nhấn bàn đạp ga (khi hệ thống giữ phanh tự động hoạt động).

📖 **Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động** Tr. 489

⌘ **Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:**

Nếu bạn sử dụng một thiết bị điện tử trong khi xe đang ở Chế độ Tự động Dừng Động Cơ Tạm Thời, thiết bị này sẽ bị tắt tạm thời khi động cơ khởi động lại.

■ **Động cơ khởi động lại ngay cả khi nhấn phanh khi*1:**

- Ấn nút **TẮT** Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Đang quay vô lăng.
- Cần số ở **[R]**, **[S]**, và **[L]***, hoặc khi cần số chuyển từ **[N]** sang **[D]**.
- Áp lực lên bàn đạp phanh giảm và xe bắt đầu di chuyển sau khi dừng ở đường dốc.
- Áp lực lên bàn đạp phanh liên tục tăng và giảm nhẹ trong khi chuẩn bị dừng.
- Dòng điện nạp ắc quy thấp.
- Nhấn bàn đạp ga.
- Chưa thắt dây đai an toàn người lái.
-  sáng (đèn báo sáng).
- Đang sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu và có sự chênh lệch đáng kể giữa nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực tế bên trong xe.
- Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để hút ẩm trong xe.

■ **Chức Năng Phanh Hỗ Trợ Khởi Động**

Tiếp tục nhấn nhẹ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh để khởi động lại động cơ. Thao tác này sẽ giữ cho xe của bạn không bị di chuyển bất ngờ khi đang dừng ở đường dốc.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Động cơ khởi động lại ngay cả khi bàn đạp phanh được nhấn khi:*1

*1: Hệ thống giữ phanh tự động hoạt động, bạn có thể nhả bàn đạp phanh khi chế độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời vận hành. Nếu hệ thống giữ phanh tự động tắt hoặc nếu hệ thống có sự cố, động cơ sẽ tự động khởi động lại khi bạn nhả bàn đạp phanh.

► **Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động** Tr. 489

Chế Độ ECON*



Nút **ECON** bật và tắt chế độ ECON. Chế độ ECON giúp bạn tiết kiệm nhiên liệu hơn bằng cách điều chỉnh hiệu suất của động cơ, hộp số, hệ thống sưởi* và làm mát*/hệ thống điều khiển khí hậu* và điều khiển chế độ chạy ổn định*.

▶▶ Nút ECON*

Loại xe có hệ thống điều khiển khí hậu

Khi xe ở chế độ ECON, hệ thống điều khiển khí hậu sẽ có sự giao động về nhiệt độ nhiều hơn.

*1: Ngoại trừ loại xe Đài Loan, Philippin, Campuchia, Lào và Myanmar

*2: Loại xe Đài Loan, Philippin, Campuchia, Lào và Myanmar

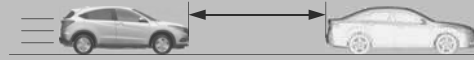
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*

Duy trì tốc độ xe ổn định mà không cần để chân lên bàn đạp ga. Sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định khi đi trên đường cao tốc hoặc đường thông thoáng giúp bạn duy trì tốc độ ổn định, ít phải tăng tốc hoặc giảm tốc.

Khi nào sử dụng

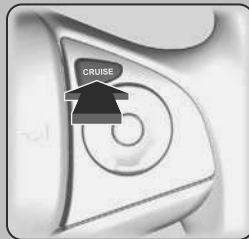
- Tốc độ xe ở điều khiển chế độ chạy ổn định: Tốc độ mong muốn ở mức trên 40km/h ~
- Các vị trí số cho điều khiển chế độ chạy ổn định: ở **D** hoặc **S**

Luôn giữ một khoảng cách vừa đủ giữa xe bạn và xe phía trước



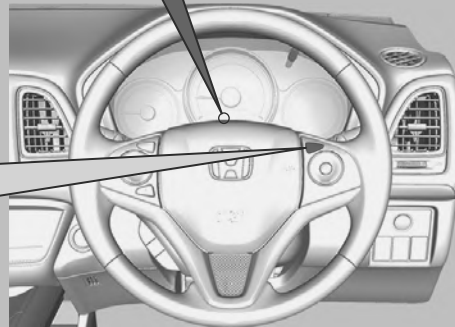
Cách sử dụng

- Ấn nút **CRUISE** trên vô lăng.



CRUISE
MAIN

CRUISE MAIN sáng trên bảng điều khiển. Điều khiển chế độ chạy ổn định sẵn sàng.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

►► Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định không hợp lý có thể dẫn đến va chạm.

Chỉ sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định khi lái ở đường cao tốc thoáng vào thời tiết tốt.

Không thể duy trì một tốc độ ổn định khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc.

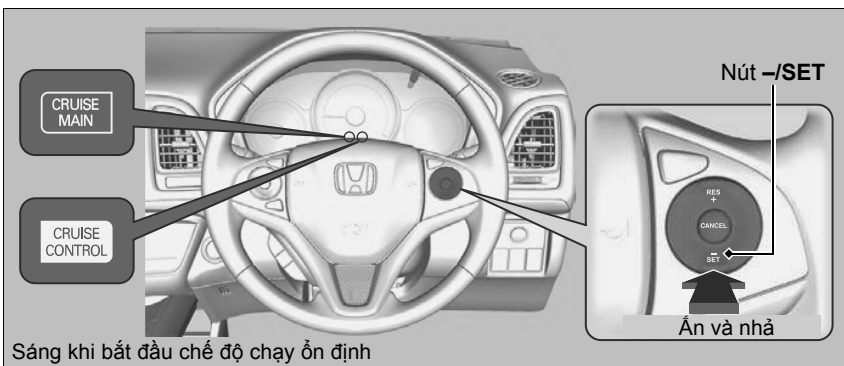
Khi không sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định:
Tắt điều khiển chế độ chạy ổn định bằng cách ấn nút **CRUISE**.

Loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời
Cài đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY (KHÓA) sẽ làm chế độ điều khiển chạy ổn định tự động tắt.

Loại xe có nút **ECON**

Khi ở chế độ **ECON**, sẽ mất nhiều thời gian hơn để tăng ga để duy trì tốc độ đã cài đặt.

■ Cài Đặt Tốc Độ Xe



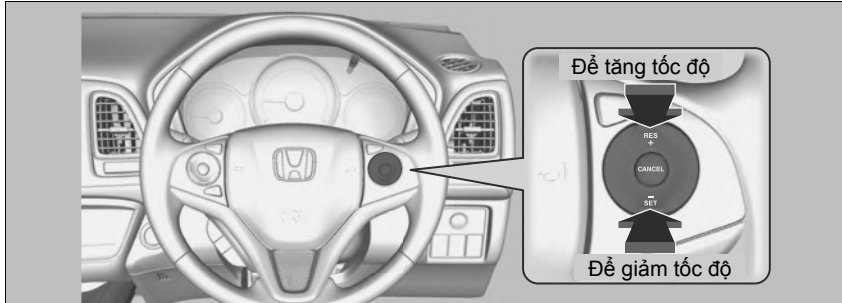
Lái Xe

Thả chân ra khỏi bàn đạp ga và ấn nút **-/SET** khi bạn đã đạt đến tốc độ mong muốn.

Lúc bạn nhả nút **-/SET**, tốc độ cài đặt được cố định và điều khiển chế độ chạy ổn định bắt đầu vận hành. Đèn báo **CRUISE CONTROL** sẽ sáng.

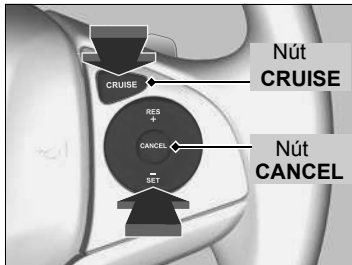
■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Tăng hoặc giảm tốc độ xe bằng việc sử dụng các nút **RES/+** hoặc nút **-/SET** trên vô lăng.



- Mỗi lần bạn ấn nút, tốc độ của xe sẽ tăng hoặc giảm khoảng 1,6 km/h.
- Nếu bạn tiếp tục ấn nút, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm cho đến khi bạn nhả nút. Sau đó tốc độ được thiết lập.

■ Hủy



Để hủy điều khiển chế độ chạy ổn định, thực hiện như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút **CRUISE**.
- Nhấn bàn đạp phanh.

Đèn báo **CRUISE CONTROL** tắt.

►► Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Bạn có thể cài đặt tốc độ xe bằng nút **-/SET** trên vô lăng khi điều chỉnh tốc độ bằng bàn đạp ga và phanh.

►► Hủy

Khôi phục tốc độ đã thiết lập trước đó:

Sau khi hủy điều khiển chế độ chạy ổn định, bạn vẫn có thể khôi phục tốc độ thiết lập trước đó bằng cách ấn nút **RES/+** trong khi lái xe ở tốc độ ít nhất là 40 km/h trở lên.

Bạn không thể thiết lập hoặc khôi phục lại trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ xe dưới 40 km/h
- Khi nút **CRUISE** tắt

Khi tốc độ xe 35 km/h trở xuống, điều khiển chế độ chạy ổn định có thể tự động hủy.

Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước*

Thông báo cho bạn biết khi nó phát hiện xe của bạn có khả năng va chạm với xe phía trước.

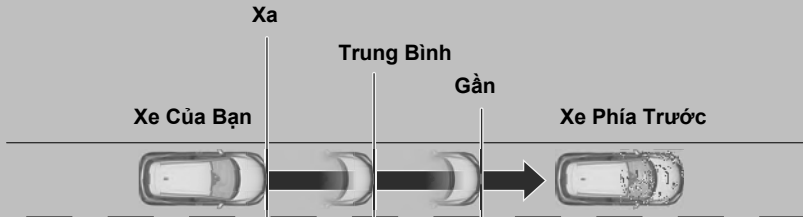
Nếu hệ thống xác nhận va chạm có thể xảy ra, nó sẽ thông báo bằng cả âm thanh và tín hiệu.

- Thực hiện các thao tác phù hợp để tránh va chạm (nhấn phanh, chuyển làn đường, v.v).

■ Cách hoạt động của hệ thống

Hệ thống sẽ gửi các cảnh báo va chạm khi tốc độ xe trên 15 km/h.

Bạn có thể cài đặt hệ thống hoạt động khi cách xe phía trước ở các khoảng cách **Xa**, **Trung Bình** hoặc **Gần**.



Lái Xe

►►Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước*

⚠️Nhắc Nhở An Toàn Quan Trọng

Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước không thể phát hiện tất cả vật thể phía trước và có thể không phát hiện được một vật cụ thể phía trước; độ chính xác của hệ thống phụ thuộc vào thời tiết, tốc độ xe và các yếu tố khác. Hệ thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước không có chức năng phanh. Vì thế bạn cần lái xe an toàn để tránh xảy ra va chạm.

Bạn có thể thay đổi cài đặt Khoảng Cách Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước hoặc bật và tắt hệ thống.

🔧TÍNH NĂNG TỰ CHỌN Tr. 147

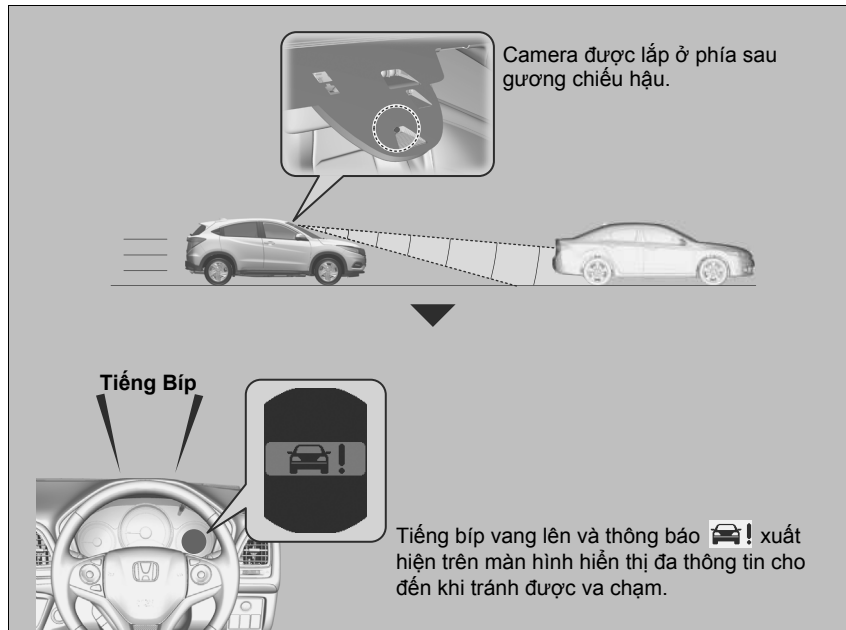
Camera được sử dụng cùng với hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và Chiếu Sáng Tự Động.

Để hệ thống vận hành đúng:

- Không được tác động vào camera hoặc khu vực xung quanh camera khi bạn làm sạch kính chắn gió.
- Giữ sạch kính chắn gió. Lau sạch mọi mảnh vụn bao gồm cả tuyết và sương.

Hỏi ý kiến đại lý trong các trường hợp sau.


- Camera hoặc khu vực xung quanh camera bị tác động mạnh.
- Cần sửa chữa khu vực xung quanh kính chắn gió.



►► Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước*

Không được dán phim hoặc gắn vật gì đó lên kính chắn gió bởi vì nó sẽ làm cản tầm nhìn của camera Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước. Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm quan sát của camera Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước có thể làm hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn nên thay loại kính chắn gió chính hiệu Honda. Dù chỉ sửa chữa nhỏ trong phạm vi tầm nhìn của camera hoặc lắp loại kính chắn gió bán ngoài thị trường sẽ làm hệ thống hoạt động bất thường. Sau khi thay kính chắn gió, hãy đưa xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera. Cần hiệu chỉnh camera Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước đúng cách để hệ thống hoạt động tốt.

■ Tự động tắt

Hệ thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước có thể tự động tắt và đèn báo  sáng và tiếp tục sáng khi:


- Nhiệt độ bên trong hệ thống cao.
- Kính chắn gió bị bẩn, dính bùn, lá cây, tuyết ướt, v.v.

Khi các điều kiện làm tắt Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước được cải thiện hoặc xử lý (ví dụ như làm sạch), hệ thống sẽ hoạt động trở lại.


►►Tự động tắt

Để hạn chế nguy cơ nhiệt độ bên trong xe tăng cao làm cho hệ thống cảm biến camera tắt, khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm hoặc tránh để ánh sáng mặt trời chiếu vào phía trước xe. Nếu bạn dùng tấm che nắng phản quang, không để nó trùm lên phần vỏ camera. Nếu không hơi nóng sẽ tập trung ở camera.



Nếu xuất hiện thông báo  :

- Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để làm mát bên trong xe, nếu cần, hãy sử dụng chế độ sấy khi cửa kính bị đọng sương.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, đồng thời sẽ làm giảm nhiệt độ xung quanh camera của hệ thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước.

Nếu xuất hiện thông báo  :

Đỗ xe ở nơi an toàn. Lau sạch mảnh vụn bám trên kính chắn gió, sau đó tiếp tục lái xe. Nếu thông báo vẫn xuất hiện sau khi bạn lái xe với kính chắn gió đã sạch, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Hạn Chế Của Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước

Hệ thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước có thể không hoạt động hoặc không phát hiện được xe phía trước xe bạn và cũng có thể hoạt động ngay cả khi bạn nhìn thấy xe phía trước hoặc khi không có xe phía trước trong các điều kiện sau.

Điều kiện

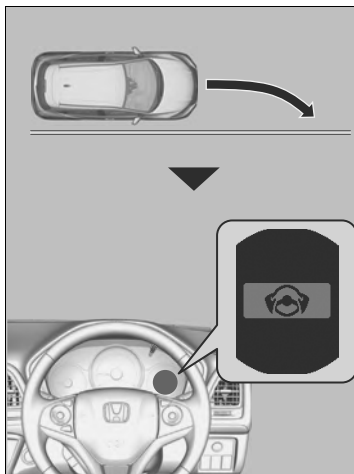
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá ngắn.
- Xe cắt ngang phía trước xe bạn chạy với tốc độ thấp và phanh đột ngột.
- Có xe bất ngờ cắt ngang phía trước xe bạn.
- Xe bạn hoặc xe phía trước tăng tốc đột ngột.
- Xe phía trước xe bạn là xe máy, xe ô tô cỡ nhỏ hoặc các loại xe đặc biệt như xe máy kéo.
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc đường núi, hoặc quanh co và gập ghềnh trong thời gian dài sẽ làm cho camera khó có thể phát hiện xe phía trước bạn.
- Có người đi bộ hoặc động vật phía trước xe bạn.
- Bạn lái xe trong thời tiết xấu (có mưa, sương, v.v.)
- Tải nặng ở phía sau xe hoặc sự thay đổi của hệ thống treo làm nghiêng xe của bạn.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (sai kích cỡ lốp, lốp xẹp, v.v.)
- Kính chắn gió dính bụi bẩn, bùn, lá cây, tuyết ướt, v.v.
- Nhiệt độ bên trong hệ thống cao.
- Có sự thay đổi đột ngột giữa sáng và tối ví dụ như khi đi vào hoặc đi ra đường hầm.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Kính chắn gió bị bẩn hoặc mờ.
- Khi phát hiện đèn đường như đèn hậu của xe phía trước xe bạn.
- Lái xe vào ban đêm, một trong hai bóng đèn hậu của xe phía trước xe bạn đã bị cháy.
- Lái xe dưới bóng cây, toà nhà cao tầng, v.v.
- Xe bạn đang kéo rơ-moóc*.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe


Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường*

Thông báo cho bạn khi hệ thống xác định được xe bạn có thể vô tình cắt ngang qua vạch phân cách làn đường.

■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống



Nếu xe của bạn chạy quá gần vạch phân cách làn đường bên trái hoặc bên phải mà không bật xi nhan, hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ gửi cảnh báo bằng âm thanh và tín hiệu

Tiếng bíp vang lên và thông báo  xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin để thông báo cho bạn biết để bạn thực hiện các thao tác phù hợp.

■ Điều Kiện Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống bắt đầu tìm kiếm vạch phân cách làn đường trong các trường hợp sau:

- Xe chạy với tốc độ trên 64 km/h.
- Xe đang chạy trên đường thẳng hoặc đường cua nhẹ.
- Tắt xi-nhan.
- Không nhấn bàn đạp phanh.

►► Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường*


■ Nhớ An toàn Quan trọng

Giống như các hệ thống hỗ trợ khác, Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường cũng có một số hạn chế.

Quá phụ thuộc vào Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể dẫn đến va chạm. Bạn cần chạy xe đi đúng làn đường.

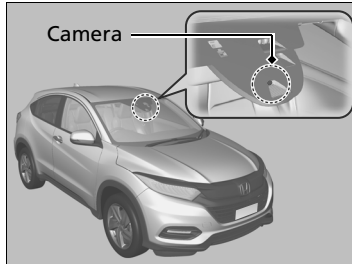
Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường chỉ cảnh báo cho bạn khi phát hiện chệch làn đường mà không bật xi nhan. Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể phát hiện ra tất cả vạch phân cách làn đường, hay làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường. Bạn cần lái xe an toàn để tránh xảy ra va chạm.

►► Điều Kiện Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ Thống Cảnh báo Chệch Làn Đường có thể tự động tắt và đèn báo  sẽ tiếp tục sáng.

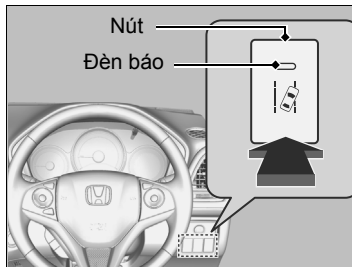
►► Đèn báo Tr. 124

■ Camera Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường



Camera này được lắp ở phía sau gương chiếu hậu.

■ Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường



Ấn nút Cảnh Báo Chệch Làn Đường để bật và tắt hệ thống.

- Đèn báo ở nút sẽ sáng khi bật hệ thống.

►►Camera Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Không được dán phim hoặc gắn vật gì đó lên kính chắn gió bởi vì nó sẽ làm cản tầm nhìn của camera của Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước. Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong phạm vi tầm nhìn của camera của Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước có thể làm hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn nên thay loại kính chắn gió chính hiệu Honda. Dù chỉ sửa chữa nhỏ trong phạm vi tầm nhìn của camera hoặc lắp loại kính chắn gió bán ngoài thị trường sẽ làm hệ thống hoạt động bất thường.

Sau khi thay kính chắn gió, hãy đưa xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera. Cần hiệu chỉnh camera Hệ Thống Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước đúng cách để hệ thống hoạt động tốt.

Không đặt vật gì lên bảng điều khiển. Nó có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không phát hiện đúng vạch phân cách làn đường.

Để hạn chế nguy cơ nhiệt độ bên trong xe tăng cao làm cho hệ thống cảm biến camera tắt, khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm hoặc tránh để ánh sáng mặt trời chiếu vào phía trước xe. Nếu bạn dùng tấm che nắng phản quang, không để nó chùm lên phần vỏ camera. Nếu không hơi nóng sẽ tập trung ở camera.


■ Hạn Chế Của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể không hoạt động hoặc không nhận diện được làn đường hoặc có thể hoạt động ngay cả khi xe đi đúng làn đường trong các trường hợp sau.

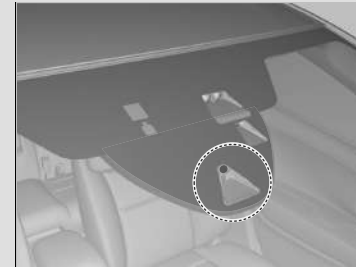
Điều kiện


- Lái xe trong thời tiết xấu (có mưa, sương, v.v.)
- Tải nặng ở phía sau xe hoặc sự thay đổi của hệ thống treo làm nghiêng xe của bạn.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (sai kích cỡ lốp, lốp xẹp, v.v.)
- Kính chắn gió dính bụi bẩn, bùn, lá cây, tuyết ướt, v.v.
- Nhiệt độ bên trong hệ thống cao.
- Có sự thay đổi đột ngột giữa sáng và tối ví dụ như khi đi vào hoặc đi ra khỏi đường hầm.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Kính chắn gió bị bẩn hoặc mờ.
- Lái xe dưới bóng cây, toà nhà, v.v.
- Xe bạn đang kéo rơ-moóc*.
- Khi bạn lái xe sau một xe khác trên mặt đường ướt.
 - Camera nhận diện vết bánh xe dính nước là một làn đường.
- Khi có tuyết hoặc vết bánh xe ở lề đường.
- Khi đường đang sửa chữa và có một vạch phân cách làn đường bị xóa.
- Lái xe chạy qua các vạch sơn hoặc vạch báo sang đường dành cho người đi bộ.
- Lái xe trong làn đường có vạch phân cách làn đường bị mờ.

»Camera Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Nếu xuất hiện thông báo  :

- Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để làm mát bên trong xe, nếu cần, hãy sử dụng chế độ sấy khi cửa kính bị đọng sương.
- Lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, đồng thời sẽ làm giảm nhiệt độ xung quanh camera của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.



Nếu xuất hiện thông báo  :

Đỗ xe ở nơi an toàn. Lau sạch mảnh vụn bám trên kính chắn gió, sau đó tiếp tục lái xe. Nếu thông báo vẫn xuất hiện sau khi bạn lái xe với kính chắn gió đã sạch, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA giúp ổn định xe trong khi rẽ nếu xe cua rộng hoặc hẹp hơn dự định. Nó cũng hỗ trợ trong việc duy trì lực bám đường khi chạy trên các bề mặt trơn. Hệ thống này có thể thực hiện như vậy bằng cách điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

■ Vận Hành VSA



Khi VSA hoạt động, bạn có thể thấy động cơ không phản hồi bàn đạp ga. Bạn cũng sẽ nghe thấy tiếng ồn từ hệ thống thủy lực và thấy đèn báo nhấp nháy.

►► Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA có thể không hoạt động đúng nếu chủng loại và kích cỡ lốp xe không đồng nhất. Đảm bảo sử dụng lốp có cùng chủng loại và kích thước, đồng thời bơm lốp đến áp suất chỉ định.

Nếu đèn báo hệ thống VSA sáng lên và tiếp tục sáng trong khi lái thì có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái xe thông thường, nhưng bạn vẫn nên đưa xe đến đại lý kiểm tra ngay lập tức.

VSA không thể cải thiện độ ổn định của xe trong mọi điều kiện lái và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và cua với tốc độ phù hợp ở mọi điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.


Chức năng chính của hệ thống VSA được hiểu chung là Hệ Thống Cân Bằng Điện Tử (ESC). Hệ thống cũng có chức năng điều khiển bám đường.

■ **Bật và Tắt VSA**



Nút này ở trên bảng điều khiển phía người lái. Để tắt chức năng/tính năng VSA, hãy ấn và giữ nút cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.


Xe của bạn sẽ có khả năng phanh và rẽ bình thường, nhưng chức năng điều khiển bám đường sẽ giảm hiệu quả.

Để bật lại chức năng/tính năng của VSA, ấn nút  (**TẮT VSA**) cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

VSA được bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, cho dù bạn đã tắt nó vào lần lái xe gần đây nhất.

►► Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

Trong một số điều kiện nhất định khi xe bạn bị kẹt trong bùn hoặc tuyết, bạn có thể dễ vượt qua hơn khi tạm thời tắt VSA.

Khi ấn nút , chức năng điều khiển bám đường sẽ giảm hiệu quả. Nó sẽ giúp bánh xe quay tự do hơn với tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo VSA đã được bật lại. Không nên lái xe khi hệ thống VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Điều này là bình thường.

Ngoại Trừ loại xe Đài Loan

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống cảnh báo xẹp lốp trên xe này sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định xem một hay nhiều lốp bị non hơi. Điều này sẽ làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin*.

Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

Bạn phải thực hiện hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.

► **Kiểm Tra Lốp Xe** Tr. 551

Đảm bảo:

- Xe dừng hoàn toàn.
- Cần số ở **P**.
- Khóa điện ở **BẬT** **II***1.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và có thể làm cho đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng.

Áp suất lốp phải được kiểm tra và điều chỉnh khi::

- Thời tiết ẩm, lốp sẽ bị non khi thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh, lốp sẽ bị quá căng khi thời tiết ấm hơn.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp có thể không hoạt động đúng nếu loại lốp và kích thước lốp không đồng nhất.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích thước và chủng loại.

► **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp Xe** Tr. 551

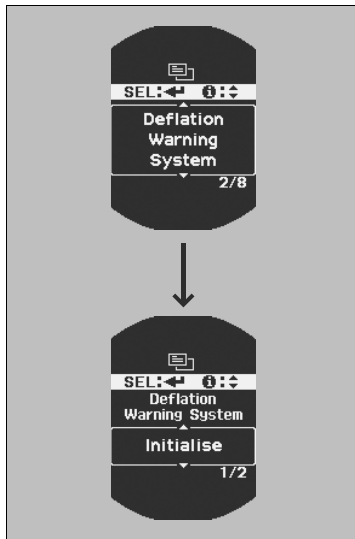
Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp có thể sáng chập chờn hoặc không sáng chút nào khi:

- Bạn tăng tốc, giảm tốc, hoặc quay vô lăng đột ngột.
- Bạn lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp có thể sáng trong những điều kiện sau:

- Sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ*.
- Có một lốp phải tải nặng hơn hoặc các lốp tải không đều như khi kéo rơ-moóc* so với điều kiện lúc hiệu chỉnh.
- Sử dụng xích bọc lốp.

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin



Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống bằng tính năng tùy chọn trên màn hình hiển thị đa thông tin.

1. Ấn nút /▼ cho đến khi (cài đặt tùy chọn) xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn nút **SEL/RESET**.
 2. Ấn nút /▼ cho đến khi **Deflation Warning System** xuất hiện trên màn hình hiển thị.
 3. Ấn nút **SEL/RESET**.
 - Màn hình hiển thị sẽ chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, bạn có thể chọn **Cancel** hoặc **Initialise**.
 4. Ấn nút /▼ và chọn **Initialise**, sau đó ấn nút **SEL/RESET**.
 - Màn hình **Completed** xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị quay lại màn hình danh mục tùy chọn.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động hoàn thành.

►► Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

- Có thể không hiệu chỉnh được Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp lốp nếu lắp lốp dự phòng loại nhỏ* hoặc lốp dự phòng cùng kích cỡ.
- Quy trình hiệu chỉnh cần khoảng 30 phút khi lái xe với tốc độ từ 40 - 100 km/h.
- Trong khoảng thời gian này, nếu khoá điện bật và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, bạn có thể thấy đèn báo áp suất lốp thấp sáng trong một thời gian ngắn. Điều này là bình thường và thể hiện rằng quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.

Nếu sử dụng xích bọc lốp, hãy tháo nó ra trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp vẫn sáng ngay cả khi đã bơm lốp đúng chỉ định, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp cùng nhãn hiệu, cùng loại và cùng kích thước với lốp ban đầu. Liên hệ với đại lý để biết chi tiết.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Ấn và giữ nút hệ thống cảnh báo xẹp lốp cho đến khi đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp nhấp nháy hai lần, thể hiện quy trình hiệu chỉnh bắt đầu.

- Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp không nhấp nháy, xác nhận tình trạng trên sau đó ấn lần nữa và giữ nút hệ thống cảnh báo xẹp lốp.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động hoàn thành.

Loại xe Đà Loan

Hệ Thống Giám Sát Áp suất Lốp (TPMS)

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, TPMS trên xe này sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định xem một hay nhiều lốp bị non hơn. Điều này làm cho đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin*.

Hiệu chỉnh TPMS

Bạn phải hiệu chỉnh hệ thống TPMS mỗi khi:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh TPMS:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.
 ▶ **Kiểm Tra Lốp Xe** Tr. 551

Đảm bảo:

- Xe dừng hoàn toàn.
- Cần số ở **P**.
- Chế độ nguồn ở **BẬT**.

Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và có thể làm cho đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng.

Áp suất lốp cần được kiểm tra và điều chỉnh khi:

- Thời tiết ẩm, lốp sẽ bị non khi thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh, lốp sẽ bị quá căng khi thời tiết ẩm hơn.

Đèn báo suất lốp thấp/TPMS sẽ không sáng khi lốp xe quá căng.

TPMS có thể không thực hiện đúng chức năng nếu loại lốp và kích cỡ lốp không đúng.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích thước và chủng loại.

▶ Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp Tr. 551

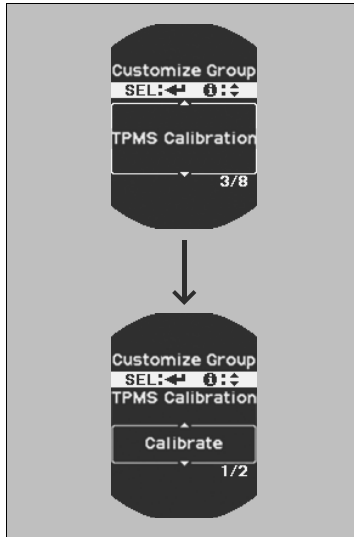
Đèn báo suất lốp thấp/TPMS sẽ sáng chậm hoặc không sáng chút nào khi:

- Bạn tăng tốc, giảm tốc, hoặc quay vô lăng nhanh.
- Bạn lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp.

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS có thể sáng trong các điều kiện sau:

- Sử dụng lốp dự phòng.
- Sử dụng xích bọc lốp.

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin



Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống bằng tính năng tùy chọn trên màn hình hiển thị đa thông tin.

1. Ấn nút ▲①/▼ cho đến khi màn hình **Clock & Vehicle Settings** xuất hiện trên màn hình, sau đó ấn **SEL/RESET**.
 2. Ấn nút ▲①/▼ cho đến khi màn hình **TPMS Calibration** xuất hiện trên màn hình.
 3. Ấn nút **SEL/RESET**.
 - Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, bạn có thể chọn **Cancel** hoặc **Calibrate**.
 4. Ấn nút ▲①/▼ và chọn **Calibrate**, sau đó ấn nút **SEL/RESET**.
 - Màn hình **Completed** xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị quay lại màn hình danh mục tùy chọn.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động hoàn thành.

►► Hiệu Chỉnh TPMS

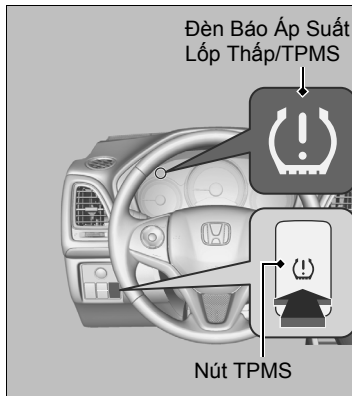
- TPMS không hiệu chỉnh được nếu lắp lốp dự phòng loại nhỏ.
- Quy trình hiệu chỉnh cần khoảng 30 phút khi lái xe với tốc độ từ 40 - 100 km/h.
- Trong khoảng thời gian này, nếu khóa điện bật và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, bạn có thể thấy đèn báo áp suất lốp sáng trong một thời gian ngắn. Điều này là bình thường và thể hiện rằng quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.

Nếu lắp xích bọc lốp, hãy tháo nó ra trước khi hiệu chỉnh TPMS.

Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS vẫn sáng ngay cả khi đã bơm lốp đúng chỉ định, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp cùng nhãn hiệu, cùng loại và kích thước với lốp ban đầu. Tham khảo đại lý để biết thêm chi tiết.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Ấn và giữ nút TPMS cho đến khi đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS nhấp nháy hai lần, thể hiện quy trình hiệu chỉnh bắt đầu.

- Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS không nhấp nháy, hãy xác nhận tình trạng trên sau đó ấn lần nữa và giữ nút TPMS.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động hoàn thành.

DẪN ĐỘNG BỐN BÁNH THEO THỜI GIAN THỰC có Hệ Thống Kiểm Soát Thông Minh*

Xe được trang bị hệ thống AWD. Khi hệ thống cảm nhận mất lực kéo bánh trước, nó sẽ tự động chuyển lực sang bánh sau. Điều này cho phép bạn sử dụng mọi lực kéo sẵn có và có thể giúp xe di chuyển dễ dàng hơn.

Bạn vẫn cần phải chú ý khi tăng tốc, đánh lái và phanh như khi bạn lái xe dẫn động hai bánh.

Nếu bạn làm tất cả bốn bánh xe quay và làm nóng hệ thống AWD quá mức, thì chỉ có bánh xe trước nhận được lực. Hãy dừng xe đến khi nhiệt độ hạ xuống.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► DẪN ĐỘNG 4 BÁNH THEO THỜI GIAN THỰC có Hệ Thống Kiểm Soát Thông Minh*

CHÚ Ý

Không làm các bánh trước quay liên tục vì điều đó có thể làm hỏng hộp số hoặc bộ vi sai sau.

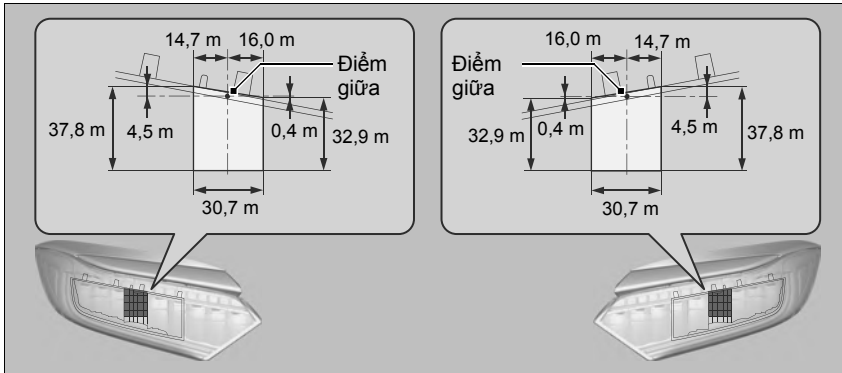
Hệ thống AWD có thể không thực hiện đúng chức năng nếu loại lốp và kích cỡ không đúng. Đảm bảo dùng đúng kích cỡ và loại lốp xe và luôn giữ áp suất lốp ở mức tiêu chuẩn.

► **Thay Lốp và Bánh Xe** Tr. 553

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Điều Chỉnh Phân Bố Ánh Sáng Đèn*

Lái loại xe có vô lăng bên phải ở bên phải đường, hay lái loại xe có vô lăng bên trái ở bên trái đường sẽ khiến đèn chiếu sáng làm chói xe đang đến gần. Bạn cần thay đổi phân bố ánh sáng đèn chiếu xa bằng cách sử dụng băng dính mờ.



1. Chuẩn bị hai miếng băng dính như hình vẽ.
 - Sử dụng băng dính có thể cản được ánh sáng, như loại keo dán nhựa không thấm nước.
2. Dán băng dính vào thấu kính như hình vẽ.

►►Điều Chỉnh Phân Bố Ánh Sáng Đèn*

Cần thận không dán băng dính sai vị trí. Nếu ánh sáng đèn chiếu xa được phân bố không đúng cách, nó có thể vi phạm các quy định của quốc gia mà bạn đang lái xe. Tham khảo đại lý để biết thêm chi tiết.

Phanh

Hệ Thống Phanh

Phanh Đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe không chuyển động khi đỗ. Khi đã gài phanh đỗ, bạn có thể nhả thông thường, hoặc nhả tự động.



■ Để gài

Có thể gài phanh đỗ điện bất cứ khi nào xe có ắc quy, cho dù khóa điện* ở vị trí nào*1.

Kéo công tắc phanh đỗ điện lên nhẹ nhàng và chắc chắn.

▶ Đèn báo phanh đỗ điện sáng.

Phanh Đỗ

Bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành của hệ thống phanh đỗ điện khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ. Điều này là bình thường.

Khi bạn nhấn hoặc nhả phanh đỗ, bàn đạp phanh sẽ di chuyển nhẹ do vận hành của hệ thống phanh đỗ điện. Điều này là bình thường.

Bạn không thể gài hoặc nhả phanh đỗ nếu ắc quy chết.

▶ **Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài Tr. 597**

Nếu bạn kéo và giữ công tắc phanh đỗ điện trong khi lái, bốn bánh xe sẽ được phanh bằng hệ thống VSA cho đến khi xe dừng. Sau đó phanh đỗ điện được gài và bạn nên nhả công tắc.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.



■ Để nhả phanh

Khoá điện phải ở BẬT **II***¹ để nhả phanh đổ điện.

1. Nhấn bàn đạp phanh.
2. Ấn công tác phanh đổ điện.
 - Đèn báo phanh đổ điện tắt.

Nhả phanh đổ thông thường bằng công tác phanh đổ sẽ giúp xe của bạn khởi động từ từ và trơn tru khi xuống dốc cao.

►►Phanh Đổ

Trong các tình huống sau, phanh đổ sẽ tự động vận hành.

- Khi xe dừng bằng hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt trong hơn 10 phút.
- Khi dây đai an toàn người lái không được thắt trong khi xe dừng và hệ thống giữ phanh tự động được sử dụng.
- Khi động cơ tắt trong khi hệ thống giữ phanh tự động được sử dụng.
- Khi hệ thống giữ phanh tự động có sự cố trong khi đang giữ phanh.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

■ Để nhả phanh tự động

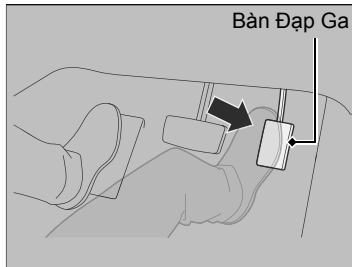
Sử dụng bàn đạp ga để nhả phanh đỗ khi bạn bắt đầu lên dốc hoặc khi bị tắc nghẽn giao thông.

Loại xe có hộp số vô cấp

Nhấn bàn đạp ga sẽ làm nhả phanh đỗ.

Loại xe có hộp số thường

Nhấn bàn đạp ga đồng thời nhả bàn đạp ly hợp và nhả phanh đỗ.



Loại xe có hộp số vô cấp

Nhấn nhẹ bàn đạp ga. Khi lên dốc cần nhấn bàn đạp ga sâu hơn để nhả.

►Đèn báo phanh đỗ điện tắt.

Phanh đỗ sẽ tự động nhả khi bạn nhấn bàn đạp ga đồng thời:

- Bạn thắt dây đai an toàn người lái.
- Động cơ đang chạy.
- Hộp số không ở **P** hoặc **N**.

►►Phanh Đỗ

Nếu phanh đỗ không thể nhả tự động, nhẩy nhả bằng tay.

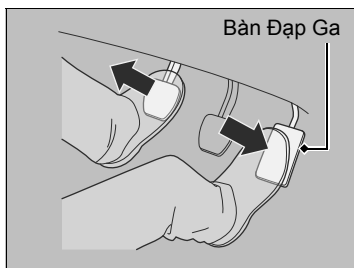
Khi xe lên dốc, cần nhấn bàn đạp ga sâu hơn để nhả tự động phanh đỗ điện.

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo sự cố
- Đèn báo hộp số

Phanh đỗ có thể không nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo hệ thống phanh đỗ điện
- Đèn báo hệ thống VSA
- Đèn báo **ABS**
- Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ



Loại xe có hộp số thường

Nhấn nhẹ bàn đạp ga và nhả bàn đạp ly hợp.

►Đèn báo phanh đỗ điện tắt.

Phanh đỗ sẽ tự động nhả khi bạn nhấn bàn đạp ga đồng thời:

- Bạn thắt dây đai an toàn người lái.
- Động cơ đang chạy.
- Hộp số không ở **N**.

►►Phanh Đỗ

Nhấn bàn đạp ly hợp hết cỡ và nhả bàn đạp ly hợp ngay sau khi nhấn nhẹ bàn đạp ga.

Phanh Chân

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở cả bốn bánh xe. Trợ lực chân không giúp giảm lực tác dụng cần thiết lên bàn đạp phanh. Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp làm tăng lực phanh khi bạn nhấn bàn đạp phanh mạnh trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

► **Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp** Tr. 493

► **Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)** Tr. 492

►►Phanh Chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái qua vùng nước sâu, hoặc đường có nhiều nước. Nếu cần, làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít phát ra bởi kim loại cọ sát khi nhấn phanh, cần thay má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.


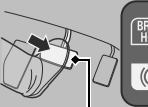
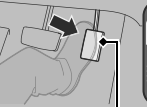
Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Hãy dùng phanh động cơ bằng cách bỏ chân ra khỏi bàn đạp ga và về số thấp hơn. Với loại xe có hộp số thường, hãy dùng số thấp hơn để tăng phanh động cơ.

Không đặt chân lên phanh khi đang lái, vì nó sẽ tác dụng nhẹ lên phanh và sau một thời gian sẽ làm phanh kém đi và giảm tuổi thọ má phanh. Nó cũng sẽ làm người lái phía sau xe bạn lúng túng.

■ Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động

Loại xe có hộp số vô cấp

Giữ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh cho đến khi nhấn bàn đạp ga. Bạn có thể sử dụng hệ thống này trong khi dừng xe tạm thời, như khi bạn dừng xe tại trạm đèn giao thông hoặc khi bị tắc đường.

■ Bật hệ thống	■ Kích hoạt hệ thống	■ Hủy hệ thống
 <p>Nút Giữ Phanh Tự Động</p>	 <p>Bàn Đạp Phanh</p>	 <p>Bàn Đạp Ga</p>
<p>Thắt dây đai an toàn đúng cách, sau đó khởi động động cơ. Ấn nút giữ phanh tự động.</p> <ul style="list-style-type: none"> Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sẽ sáng. Hệ thống bật. 	<p>Nhấn bàn đạp phanh để dừng hoàn toàn. Cần số không được ở P hoặc R.</p> <ul style="list-style-type: none"> Đèn báo giữ phanh tự động sẽ sáng. Giữ phanh trong 10 phút. Nhả bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng. 	<p>Nhấn bàn đạp ga trong khi cần số ở ngoài vị trí P hoặc N. Hệ thống dừng hoạt động và xe bắt đầu di chuyển.</p> <ul style="list-style-type: none"> Đèn báo giữ phanh tự động tắt. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động.

►►Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động

⚠CẢNH BÁO

Kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt vẫn cho phép xe di chuyển nếu bạn bỏ chân khỏi bàn đạp phanh.

Nếu xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Không được kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động hoặc dựa vào nó để giữ xe không di chuyển khi dừng xe trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt.

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng hệ thống giữ phanh tự động để đỗ xe có thể dẫn đến xe di chuyển bất ngờ.

Nếu xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi đang phanh xe tạm thời bằng hệ thống giữ phanh tự động và luôn đỗ xe bằng cách sang số đến **P** và gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số thường

Giữ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh cho đến khi bạn sang một số khác số

N và:

- Nhả bàn đạp ly hợp trên đường bằng phẳng hoặc khi xuống dốc.
- Nhả bàn đạp ly hợp và nhấn bàn đạp ga khi lên dốc.

Bạn có thể sử dụng hệ thống này khi dừng xe tại trạm đèn giao thông hoặc khi tắc đường.

■ Bật hệ thống	■ Kích hoạt hệ thống	■ Hủy hệ thống
 <p>Nút Giữ Phanh Tự Động</p>	 <p>Bàn Đạp Phanh</p>	 <p>Bàn Đạp Ga</p>
<p>Thắt dây đai an toàn đúng cách, sau đó khởi động động cơ. Ấn nút giữ phanh tự động.</p> <ul style="list-style-type: none">• Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sẽ sáng. Hệ thống bật.	<p>Nhấn bàn đạp phanh để dừng hoàn toàn.</p> <ul style="list-style-type: none">• Đèn báo giữ phanh tự động sẽ sáng. Giữ phanh trong 10 phút.• Nhả bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.	<p>Sang một số khác số N và:</p> <ul style="list-style-type: none">• Nhả bàn đạp ly hợp trên đường bằng phẳng hoặc khi xuống dốc.• Nhả bàn đạp ly hợp và nhấn bàn đạp ga khi lên dốc. <p>Hệ thống dừng hoạt động và xe bắt đầu di chuyển.</p> <ul style="list-style-type: none">• Đèn báo giữ phanh tự động tắt. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động.

■ **Hệ thống tự động hủy khi:**

- Bạn gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

- Bạn nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số đến **P** hoặc **R**.

■ **Hệ thống sẽ tự động hủy và phanh đỗ được gài khi:**

- Giữ phanh trong hơn 10 phút.
- Không thắt dây đai an toàn người lái.
- Động cơ tắt.
- Hệ thống giữ phanh tự động có sự cố.

Loại xe có hộp số thường

- Động cơ chết máy.

■ **Tắt hệ thống giữ phanh tự động**



Trong khi hệ thống bật, ấn lại nút giữ phanh tự động.

- Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động tắt.

Nếu bạn muốn tắt hệ thống giữ phanh tự động trong khi hệ thống đang vận hành, ấn nút giữ phanh tự động đồng thời nhấn bàn đạp phanh.

►►Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động

Khi hệ thống được kích hoạt, bạn có thể tắt động cơ hoặc đỗ xe theo quy trình như bạn vẫn làm thông thường.

► **Khi Dừng** Tr. 500

Khi hệ thống bật, hoặc được kích hoạt, hệ thống giữ phanh tự động sẽ tắt khi động cơ tắt.

Loại xe có hộp số thường

Hệ thống sẽ tắt nếu động cơ chết máy trong khi hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt hoặc bật.

►►Bật hệ thống giữ phanh tự động

Đảm bảo tắt hệ thống giữ phanh tự động trước khi sử dụng hệ thống rửa xe tự động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành nếu xe di chuyển trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang vận hành. Hệ thống tạo ra âm thanh trong khi hoạt động và xe di chuyển.

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

■ ABS

Giúp các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát được việc lái xe nhờ việc nhấp nhả phanh rất nhanh, nhanh hơn rất nhiều thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD), một phần của ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và sau theo tải trọng xe.

Bạn không nên nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS hoạt động thay bạn bằng cách luôn giữ bàn đạp phanh chắc chắn, ổn định. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và lái.”

■ Vận hành ABS

Bàn đạp phanh có thể rung động nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn bàn đạp phanh chắc chắn. Khi lái xe trên đường khô, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS hoạt động. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS hoạt động ngay lập tức nếu bạn đang cố dừng trên đường băng hoặc tuyết.

ABS có thể hoạt động khi bạn nhấn bàn đạp phanh khi lái xe trên:

- Đường ướt hoặc có tuyết.
- Đường lát đá.
- Đường có bề mặt không bằng phẳng, như đường có ổ gà, đường bị nứt, đường có các miệng cống, v.v.

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h, ABS sẽ ngừng hoạt động.

►►Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

CHÚ Ý

ABS có thể không thực hiện đúng chức năng nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại và kích cỡ.

Khi đèn báo **ABS** sáng trong khi lái, có thể hệ thống có sự cố.

Khi phanh bình thường không có tác dụng, có khả năng ABS không hoạt động. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra ngay lập tức.

ABS không được thiết kế với mục đích làm giảm thời gian và khoảng cách để dừng xe: Nó được thiết kế để hạn chế việc khóa phanh bởi việc khóa phanh có thể khiến xe bị trượt và mất kiểm soát lái.

Trong các trường hợp sau, xe của bạn có thể cần khoảng cách xa hơn để dừng xe so với xe không có ABS:

- Khi lái xe trên đường gồ ghề hay mặt đường không bằng phẳng như đường rải đá hoặc tuyết.
- Khi lốp xích bọc lốp.

Khi vận hành hệ thống ABS bạn có thể quan sát thấy những hiện tượng sau:

- Tiếng ồn mô-tơ từ khoang động cơ khi nhấn phanh, hoặc khi thực hiện kiểm tra hệ thống sau khi động cơ đã khởi động và trong khi xe tăng tốc.
- Rung bàn đạp phanh và/hoặc thân xe khi ABS kích hoạt.

Đó đều là hiện tượng bình thường của hệ thống ABS và bạn không cần quan tâm.

Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp

■ Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp

Được thiết kế để hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra một lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh khi phanh khẩn cấp.

■ Vận hành hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

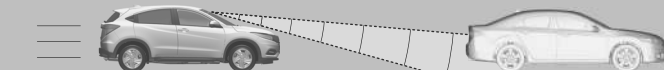
Khi hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp vận hành, bàn đạp phanh có thể lắc nhẹ và có tiếng động phát ra. Điều này là bình thường. Hãy nhấn bàn đạp phanh thật chắc chắn.

Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố*

Có thể hỗ trợ bạn khi bạn lái xe ở tốc độ thấp và có nguy cơ va chạm với xe phía trước. Hệ thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố được thiết kế để cảnh báo cho bạn biết khi nó xác định có thể có va chạm, đồng thời giảm tốc độ xe trong trường hợp xảy ra va chạm giúp giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Cảm biến laze bắt đầu giám sát khi có xe phía trước và tốc độ xe của bạn là từ 5 km/h đến 32 km/h.



Camera laze được lắp ở phía sau gương chiếu hậu.

Hệ thống hoạt động khi tốc độ chênh lệch giữa xe bạn và xe phía trước là từ 5 km/h đến 32 km/h và có khả năng xảy ra va chạm cao.

Lái Xe

►►Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố*

⚠CẢNH BÁO

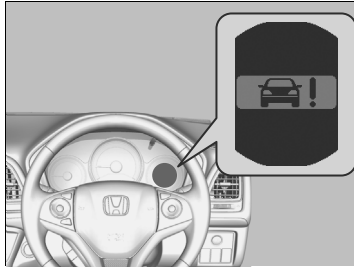
Không phụ thuộc vào hệ thống phanh chủ động trong thành phố để tránh xảy ra va chạm phía trước.


Không chú ý quan sát xe phía trước và không sử dụng bàn đạp phanh phù hợp theo tình huống xảy ra có thể làm bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Để hệ thống hoạt động đúng:

- Luôn giữ phần trên của kính chắn gió sạch sẽ. Lau sạch bụi ẩn, băng và sương, v.v.
- Không được tác động vào khu vực quanh cảm biến laze khi làm sạch kính chắn gió.
- Không được tháo cảm biến laze ra khỏi bộ của nó.

■ Giai Đoạn Cảnh Báo Va Chạm



Tiếng bíp vang lên và  sẽ nhấp nháy trên màn hình hiển thị đa thông tin, nhấn phanh gấp khi xác định không thể tránh khỏi va chạm.

Hệ thống phanh tự động đã kích hoạt sẽ bị hủy bỏ sau khi xe dừng hoàn toàn.

Nhấn phanh ngay sau đó.

Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin để cho biết hệ thống đã được kích hoạt sau khi xe dừng.

📌 Thông Báo Thông Tin và Cảnh Báo Trên Màn Hình Hiển Thị Đa Thông Tin* Tr.129

Hệ thống có thể bị hủy bỏ nếu bạn vận hành bàn đạp phanh, bàn đạp ga, hoặc vô lăng để tránh va chạm.

📌 Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố*

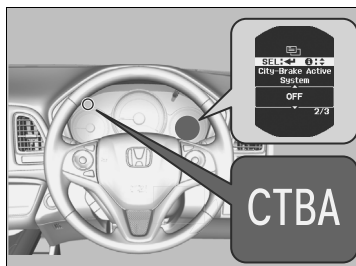
Hệ thống không hoạt động hoặc có thể không phát hiện ra xe phía trước xe bạn trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước chạy theo hướng chéo, hướng ngang hoặc chính diện so với xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá ngắn.
- Tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước có sự chênh lệch lớn.
- Xe phía trước cắt ngang qua xe bạn và phanh đột ngột.
- Bạn tăng tốc đột ngột, gần sát với xe phía trước.
- Xe đang đi tới bất ngờ lao vào phía trước xe bạn.
- Xe của bạn bất ngờ lao vào làn đường của xe đang tiến gần.
- Xe khác bất ngờ cắt ngang qua xe bạn ở đường giao nhau.
- Khi lái xe trong thời tiết xấu (mưa to, sương mù, tuyết, v.v.)
- Khi lái xe ở đường cua và mấp mô.
- Xe phía trước rất bẩn khiến sóng radio khó phản hồi.
- Bạn nhấn bàn đạp phanh hoặc quay vô lăng để tránh va chạm.
- Xe phía trước xe bạn là xe máy hoặc phương tiện cỡ nhỏ làm cho cảm biến không thể phát hiện chính xác.
- Phần trên của kính chắn gió quanh cảm biến laze bị bẩn, dính băng tuyết, v.v.

Hệ thống có thể không hoạt động trong khi bạn nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Bật và Tắt Hệ Thống



Bạn có thể sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin để bật và tắt hệ thống.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 147**

Khi hệ thống tắt, đèn báo **CTBA** trên bảng điều khiển sáng.

Hệ thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố được bật mỗi khi bạn khởi động động cơ ngay cả khi bạn đã tắt nó ở lần lái xe gần nhất.

Lái Xe

►►Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố*

Hệ thống có thể tự động tắt và đèn báo **CTBA** có thể sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin khi:

- Nhiệt độ xung quanh cảm biến laze ở phía trên kính chắn gió cao.
- Khu vực xung quanh cảm biến laze, phía trên kính chắn gió bị bám bẩn, đá tuyết hoặc sương.
- Nắp ca-pô bị phủ bởi một số vật cản như tuyết.

Dừng xe nơi an toàn và

- Bật hệ thống điều hòa không khí để làm mát bên trong xe nếu nhiệt độ cảm biến laze cao.
- Loại bỏ vật cản như bụi bẩn và tuyết ở kính chắn gió và nắp ca-pô.

► **Đèn Báo Tr. 125**

Khi cải thiện được các điều kiện làm tắt hệ thống, hệ thống sẽ hoạt động trở lại.

Tắt hệ thống khi:

- Sử dụng dãn chạy Dyno hoặc đặt bánh xe trên trục lăn.
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc đường đồi núi bị vướng phải cành cây hoặc lá cây.

■ Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm

Hệ thống có thể hoạt động ngay cả khi bạn biết có xe ở phía trước xe mình, hoặc khi không có xe nào phía trước. Dưới đây là một vài ví dụ cho trường hợp này:

■ Khi vượt

Xe của bạn tiến gần xe phía trước và bạn chuyển làn đường để vượt.

■ Ở khu vực đường giao nhau

Xe của bạn tiến gần hoặc vượt xe khác khi xe đó đang rẽ trái hoặc phải.

■ Đi qua cầu thấp

Bạn lái xe dưới một cây cầu thấp hoặc hẹp.

■ Khi có vạch giảm tốc độ, khu vực đang sửa đường, đường ray, vật thể bên đường, v.v.

Bạn lái qua vạch giảm tốc độ, tấm thép trên đường, v.v. hoặc xe di chuyển gần đến đường ray hoặc các vật thể bên đường như biển báo giao thông và hàng rào bảo vệ trên khúc cua.

■ Khi đỗ xe

Xe của bạn đang đến gần một xe đang đứng yên hoặc bức tường.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố*

Nếu cần sửa chữa hoặc tháo cảm biến laze hoặc khu vực xung quanh cảm biến laze hoặc khu vực xung quanh cảm biến laze bị tác động mạnh, hãy đưa xe đến đại lý.

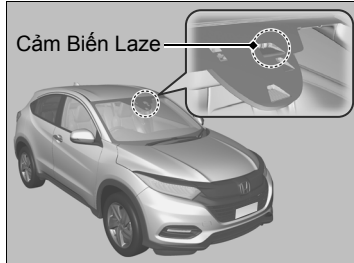
Không được thay đổi hệ thống treo của xe. Thay đổi chiều cao của xe sẽ làm hệ thống hoạt động không đúng.

Đảm bảo sử dụng cùng loại lốp và cùng kích cỡ cho tất cả bốn bánh xe. Sử dụng loại lốp đủ tiêu chuẩn với kích thước phù hợp. Nếu không, hệ thống có thể hoạt động bất thường.

Hệ thống không hoạt động đúng nếu:

- Xe tải nặng ở phía sau.
- Lốp căng hơi hoặc non hơi.

■ Cảm Biến Laze Được Trang Bị cho Hệ Thống



Hệ thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố trong đó có cảm biến laze, được đặt ở phía sau gương chiếu hậu.

Sau đây là bảng thông số kỹ thuật của cảm biến laze được sử dụng cho hệ thống theo tiêu chuẩn IEC. Thông tin tương tự có thể thấy ở nhãn tiêu chuẩn IEC60825-1.

Phân loại cảm biến laze

Công suất trung bình tối đa:	45 mW
Độ rộng xung:	33 ns
Chiều dài bước sóng:	905 nm
Góc nghiêng công suất trung bình (ngang x dọc):	28 x 12

Nhãn Phân Loại Cảm Biến Laze

INVISIBLE LASER RADIATION
DO NOT VIEW DIRECTLY WITH
OPTICAL INSTRUMENTS (MAGNIFIERS)
CLASS 1M LASER PRODUCT

Nhãn Giải Thích Cảm Biến Laze

Max average power: 45 mW
Pulse duration: 33 ns
Wavelength: 905 nm

IEC 60825-1:2007
Complies with FDA performance standards for laser products
except for deviations pursuant to Laser Notice No. 50, dated
July 26th, 2001

⚠CẢNH BÁO

Xử lý cảm biến laze không đúng cách có thể gây tổn thương cho mắt của bạn.

Để tránh gây tổn thương cho mắt, chú ý:

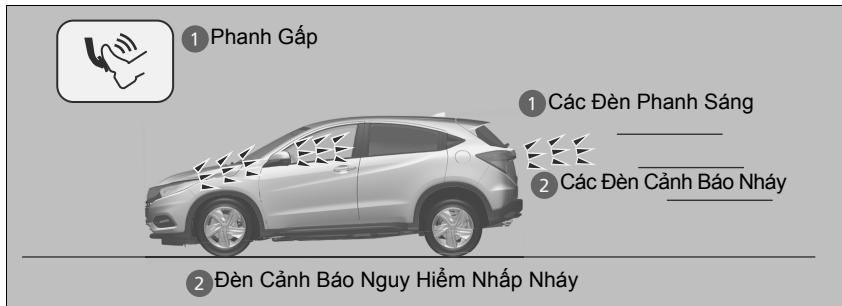
- Không được đưa cảm biến ra khỏi bộ của nó.
- Không được nhìn thẳng vào cảm biến trong phạm vi 100 mm, hãy sử dụng thiết bị quang học như kính lúp, kính hiển vi và thấu kính.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh

Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Kích hoạt khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái ở tốc độ 60 km/h hoặc cao hơn nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh khẩn cấp bằng cách nhấp liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn biết để tránh va chạm với xe của bạn.

■ Khi hệ thống vận hành:



Đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nhấp nháy khi:

- Bạn nhả bàn đạp phanh.
- ABS bị vô hiệu hoá.
- Xe bạn giảm tốc vừa phải.
- Bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

▶▶Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm phía sau do phanh gấp. Các đèn cảnh báo sẽ nhấp khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.

Đỗ Xe

Khi Đã Dừng

1. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.
2. Khi nhấn bàn đạp phanh, kéo từ từ công tắc phanh đỗ điện nhưng không kéo hết cỡ.

Loại xe có hộp số vô cấp

3. Gạt cần số sang [P].

Loại xe có hộp số thường

3. Gạt cần số sang [R] hoặc [1].

Tất cả các loại xe

4. Tắt động cơ.

▶ Đèn báo phanh đỗ điện tắt trong khoảng 15 giây.

Luôn xác nhận đã gài phanh đỗ điện, đặc biệt nếu bạn đỗ xe trên dốc.

»»Đỗ Xe

Không đỗ xe gần những vật dễ cháy như cỏ khô, dầu, hoặc gỗ.
Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.

»»Khi Đã Dừng

CHÚ Ý

Loại xe có hộp số vô cấp

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Gạt cần số tới [P] trước khi xe dừng hẳn.

Ở điều kiện thời tiết quá lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng khi được gài. Nếu gặp phải tình trạng thời tiết như vậy, không gài phanh đỗ nhưng nếu đỗ xe trên dốc thì lái xe sao cho các bánh xe trước sát vào rìa đường hoặc chặn bánh xe để xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị lăn bất ngờ, gây va chạm.

Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Các cảm biến góc và trung tâm theo dõi các vật cản xung quanh xe. Bộ phát tiếng bíp, màn hình âm thanh/thông tin* và màn hình hiển thị đa thông tin* sẽ giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

■ Vị trí và phạm vi của cảm biến



Loại xe không có nút hệ thống cảm biến đỗ

Cảm biến góc sau bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở **R**.

►►Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Thậm chí khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần xác minh xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động đúng cách khi:

- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi che phủ, v.v.
- Xe đi ở nơi không bằng phẳng, như có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Xe đỗ bên ngoài trong thời tiết nóng hoặc lạnh.
- Hệ thống bị ảnh hưởng từ các thiết bị điện tử phát ra sóng siêu âm.
- Lái xe trong thời tiết xấu.

Hệ thống có thể không cảm nhận được:

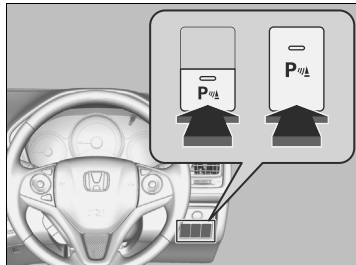
- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, cotton, hoặc xốp.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Không đặt các phụ kiện lên hoặc xung quanh cảm biến.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có nút điều khiển hệ thống cảm biến đổ

■ Bật và tắt hệ thống cảm biến đổ



Khi chế độ nguồn ở BẬT, ấn nút hệ thống cảm biến đổ để bật hoặc tắt hệ thống. Đèn báo ở nút này sẽ sáng khi bật hệ thống.

Cảm biến góc trước và cảm biến giữa phía trước bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở vị trí bất kỳ trừ **P** hoặc **R** và tốc độ xe dưới 8 km/h.

Các cảm biến góc trước, góc sau và giữa phía sau bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở **R** và tốc độ xe dưới 8 km/h.

►► Bật và tắt hệ thống cảm biến đổ

Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, hệ thống sẽ ở chế độ đã được chọn trước đó.

Loại xe không có màn hình hiển thị đa thông tin

Đèn báo ở nút này sẽ nhấp nháy và tiếng bíp vang lên nếu hệ thống cảm biến đổ có sự cố. Kiểm tra xem khu vực xung quanh (các) cảm biến có bị dính bùn, băng đá, tuyết, v.v không. Nếu đèn vẫn liên tục nhấp nháy sau khi bạn đã làm sạch khu vực đó, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Khi khoảng cách giữa xe và chướng ngại vật đằng sau ngắn

Độ dài gián đoạn của tiếng bíp	Khoảng cách giữa tầm cản và vật cản		Đèn báo*	Màn hình âm thanh/thông tin* Màn hình hiển thị đa thông tin*
	Cảm biến góc	Cảm biến giữa*		
Trung bình	—	Trước*: Khoảng 100-60 cm Sau*: Khoảng 110-60 cm	Nhấp nháy màu vàng* ¹	<p>Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh</p>  <p>Các đèn báo sáng khi cảm biến phát hiện vật cản.</p> <p>Loại xe có hệ thống âm thanh màu</p>  <p>Các đèn báo sáng khi cảm biến phát hiện vật cản.</p> <p>Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin</p>  <p>Các đèn báo sáng khi cảm biến phát hiện vật cản.</p>
Ngắn	Khoảng 60-45 cm	Khoảng 60-45 cm	Nhấp nháy màu hổ phách	
Rất ngắn	Khoảng 45-35 cm	Khoảng 45-35 cm		
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Khoảng 35 cm trở xuống	Nhấp nháy màu đỏ	

*1: Ở giai đoạn này, chỉ có cảm biến giữa phát hiện ra vật cản.

*2: Loại xe Australia, New Zealand và Việt Nam

*3: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Tắt Tắt Cả Cảm Biến Sau*

1. Đảm bảo không kích hoạt hệ thống cảm biến đỗ. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
2. Ấn và giữ nút hệ thống cảm biến đỗ và đặt chế độ nguồn ở BẬT.
3. Ấn và giữ nút trong 10 giây. Nhả nút khi đèn báo trên nút nhấp nháy.
4. Ấn nút lần nữa. Đèn báo trên nút tắt.
 - Tiếng bíp vang lên. Lúc này, các cảm biến sau tắt.

Để bật lại cảm biến sau, thực hiện theo quy trình bên trên. Tiếng bíp vang lên ba lần khi bật lại cảm biến sau.

Lái Xe

►►Tắt Tắt Cả Cảm Biến Sau*

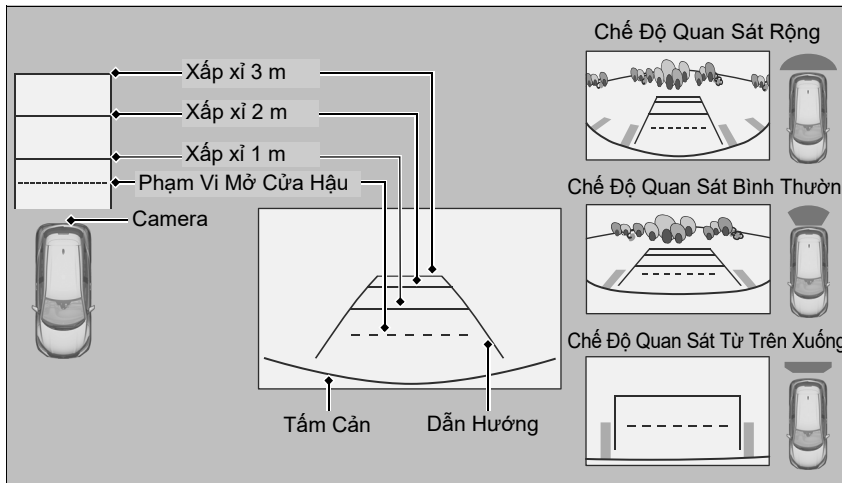
Khi bạn sang số đến [R], đèn báo trên nút hệ thống cảm biến đỗ sẽ nhấp nháy để nhắc nhở rằng cảm biến sau đã tắt.

Camera Lùi Đa Hướng*

Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Màn hình âm thanh/thông tin có thể hiển thị màn hình quan sát phía sau xe bạn. Màn hình sẽ tự động chuyển sang màn hình quan sát phía sau khi cần số được gạt sang **R**.

Vùng Hiển Thị Camera Lùi Đa Hướng



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Camera Lùi Đa Hướng

Tầm nhìn camera quan sát sau bị hạn chế. Bạn không thể nhìn thấy các đuôi góc của tấm cản hoặc vật nằm dưới tấm cản. Thấu kính của nó làm cho vật thể trông gần hơn hoặc xa hơn so với thực tế.

Hãy xác nhận bằng mắt về độ an toàn trước khi lùi xe. Các điều kiện cụ thể (như thời tiết, ánh sáng và nhiệt độ cao) cũng có thể làm hạn chế tầm quan sát phía sau. Không nên phụ thuộc vào màn hình quan sát phía sau vì nó không thể cung cấp cho bạn tất cả thông tin về tình hình phía sau xe của bạn.

Nếu thấu kính bị bụi bẩn hoặc ẩm, hãy dùng vải mềm, ẩm để làm sạch thấu kính.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh
Bạn có thể thay đổi cài đặt **Fixed Guideline** và **Dynamic Guideline**.

Tính Năng Tùy Chọn Tr. 354

• Fixed Guideline (Dẫn Hướng Cố Định)

On: Dẫn hướng xuất hiện khi bạn sang số đến **R**.

Off: Dẫn hướng không xuất hiện.

• Dynamic Guideline (Dẫn Hướng Động)

On: Dẫn hướng di chuyển theo hướng quay của vô lăng.

Off: Dẫn hướng không di chuyển.

Còn nữa

Lái Xe

Bạn có thể quan sát ba chế độ camera khác nhau trên màn hình âm thanh/
thông tin.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh

Chọn các biểu tượng thích hợp để chuyển chế độ.



: Chế độ quan sát rộng



: Chế độ quan sát bình thường



: Chế độ quan sát từ trên xuống

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Ấn nút chọn **LIST/SELECT** để chuyển chế độ.

- Nếu chế độ quan sát sử dụng lần trước là Rộng hoặc Bình Thường, thì chế độ đó sẽ được chọn ở lần tiếp theo khi bạn sang số đến **R**.
- Trước khi bạn tắt động cơ, nếu bạn đang sử dụng chế độ quan sát từ Trên xuống, thì chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn xoay khóa điện đến BẬT **II***1 và sang số đến **R**.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

- Nếu bạn đang sử dụng chế độ quan sát từ Trên xuống và sau 10 giây sau khi bạn gạt cần số ra khỏi **R**, thì chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn sang số đến **R**.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

Nạp Nhiên Liệu

Thông Tin Nhiên Liệu

■ Nhiên liệu khuyến dùng

Ngoại trừ loại xe Thái Lan, Indonesia và Đài Loan

Xăng không chì, chỉ số Óc-tan 91 trở lên

Loại xe Thái Lan

Xăng/dầu không chì lên đến E85 (15% xăng và 85% ethanol), chỉ số óc-tan 91 trở lên

Loại xe Indonesia

Xăng không chì, chỉ số óc-tan 90 trở lên

Loại xe Đài Loan

Xăng không chì, chỉ số óc-tan 92 trở lên

» Nạp Nhiên Liệu

Loại xe Thái Lan

Ngay sau khi nạp nhiên liệu, đặc biệt là khi bạn đã chuyển sang một loại nhiên liệu khác, động cơ và hệ thống nhiên liệu có thể chuyển sang giai đoạn bù hiệu suất nhiên liệu. Hãy lái xe ở tốc độ ổn định trong khoảng 10 phút, mà không tăng tốc nhanh khi điều kiện giao thông cho phép. Trong giai đoạn này, bạn có thể nghe thấy tiếng gõ động cơ.

» Thông Tin Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Sử dụng xăng có chì có thể dẫn đến những nguy hại sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ trung hòa khí xả
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng đến động cơ và các hệ thống khác.

Lái Xe

Loại xe Pakistan

Xe của bạn được thiết kế để vận hành bằng xăng không chì, chỉ số ốc-tan 91 trở lên. Nếu không có loại xăng đó, có thể tạm thời sử dụng xăng không chì chỉ số ốc-tan 87 trở lên.

Sử dụng xăng không chì không đúng chỉ định có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và dẫn đến giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng không đúng chỉ định trong thời gian dài sẽ làm hỏng động cơ.

Loại xe Thái Lan

Sử dụng xăng/dầu có chỉ số ốc-tan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn làm hỏng động cơ.

Ngoại trừ loại xe Pakistan và Thái Lan

Sử dụng xăng/dầu có chỉ số ốc-tan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn làm hỏng động cơ.

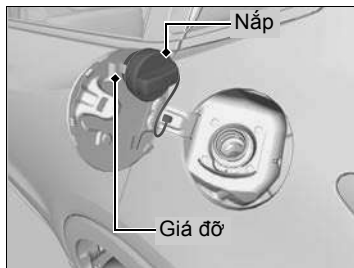
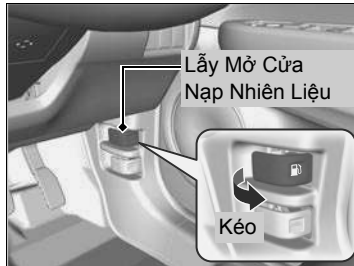
Loại động cơ 1.5 L

■ **Dung tích bình nhiên liệu: 40 L**

Loại động cơ 1.8 L

■ **Dung tích bình nhiên liệu: 50 L**

Cách Nạp Nhiên Liệu



1. Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở bên trái và phía sau xe.
2. Tắt động cơ.
3. Kéo lấy mở cửa nạp nhiên liệu ở dưới bảng táp-lô phía người lái.
 - Cửa nạp nhiên liệu mở.
4. Từ từ xoay nắp bình nhiên liệu. Nếu nghe thấy tiếng hơi xì ra, đợi đến khi không còn tiếng xì, xoay nôm từ từ để mở bình nhiên liệu.
5. Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.
6. Đưa vòi bơm nhiên liệu vào hết cỡ.
 - Khi bình nhiên liệu đầy, vòi phun sẽ tự động ngắt. Nó sẽ để lại khoảng trống trong bình phòng khi nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.
7. Sau khi nạp, đẩy nắp bình nhiên liệu, vặn chặt nắp đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng cạch.
 - Dùng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

►► Cách Nạp Nhiên Liệu

⚠ CẢNH BÁO

Xăng có nguy cơ cháy và nổ rất cao. Bạn có thể bị bỏng hoặc bị trọng thương khi xử lý nhiên liệu.

- Dừng động cơ, để xe tránh xa nhiệt, các tia lửa và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay vết xăng tràn ra.

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu để phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động dừng. Nếu không có thể vượt quá dung tích bình nhiên liệu.

Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO₂

Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO₂

Việc tiết kiệm nhiên liệu và giảm thiểu khí thải CO₂ phụ thuộc vào một số điều kiện như điều kiện lái xe, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng của xe. Tùy theo các điều kiện này và một số điều kiện khác, bạn có thể không đạt được tiết kiệm nhiên liệu định mức cho xe.

Bảo Dưỡng và Tiết Kiệm Nhiên Liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách. Thực hiện theo lịch bảo dưỡng trong Sổ Bảo Dưỡng đi kèm theo xe.

Đối với xe không có Sổ Bảo Dưỡng, thực hiện theo lịch bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này. Nếu cần, tham khảo sổ bảo hành của bạn.

📖 Lịch Bảo Dưỡng Tr. 515

- Sử dụng dầu động cơ có độ nhớt phù hợp.
 - ➔ **Dầu Động Cơ Khuyến Dùng** Tr. 521
- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không chở đồ quá trọng lượng cho phép.
- Vệ sinh xe sạch sẽ. Tuyết hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe sẽ làm tăng trọng lượng và sức cản gió cho xe.

📖 Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO₂

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị để xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái.

$$\begin{array}{ccccccc} 100 & \times & \text{Lit} & \div & \text{Kilomet} & = & \text{Lit trên} \\ & & \text{nhiên liệu} & & \text{đi được} & & 100 \text{ km} \\ \text{Kilomet} & \div & \text{Lit nhiên} & = & \text{Kilomet} & & \\ \text{đi được} & & \text{liệu} & & \text{trên Lit} & & \end{array}$$

Loại xe thuộc các quốc gia Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh Trung Đông

Bạn có thể cải thiện quãng đường đi được và giảm khí thải CO₂ cho xe bằng cách thực hiện theo các chỉ dẫn sau:

- Vận hành xe đúng cách.
- Bảo dưỡng xe định kỳ.
- Duy trì áp suất lốp tiêu chuẩn.
- Tránh chở quá trọng tải.
- Sử dụng các kỹ thuật lái xe tiết kiệm nhiên liệu như: lái xe ở tốc độ thấp hơn, giảm thời gian chạy không tải và tránh tăng tốc đột ngột.

MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Nhãn hiệu: HONDA

Nhà sản xuất/Nhập khẩu: CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

Loại nhiên liệu: XĂNG KHÔNG CHÌ

Chu trình thử: QCVN 86:2015/BGTVT

Số loại	Chu trình tổ hợp	Chu trình đô thị cơ bản	Chu trình đô thị phụ
HR-V G (RU583LL)	6,7	8,8	5,4
HR-V L (RU585LJN)	6,7	8,8	5,4

Đơn vị: Lit/100km

Ghi chú: mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.

Bảo dưỡng

Chương này đề cập quy trình bảo dưỡng cơ bản.



Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng.....	512
An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng.....	513
Phụ Tùng và Dầu Dùng trong Bảo Dưỡng.....	514

Lịch Bảo Dưỡng.....

Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Cho Xe không có Sổ Bảo Dưỡng).....	518
---	-----

Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô.....	519
Mở Nắp Ca-pô.....	520
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng.....	521
Kiểm Tra Dầu.....	524

Bổ Sung Dầu Động Cơ.....	526
Nước Làm Mát Động Cơ.....	527
Dầu Hộp Số.....	531
Dầu Phanh/Ly Hợp.....	532
Bổ Sung Nước Rửa Kính.....	533
Bộ Lọc Nhiên Liệu.....	533

Thay Bóng Đèn.....

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lưới Gạt Nước.....

Nước.....

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp

Kiểm Tra Lốp.....	551
Vạch Báo Độ Mòn Lốp.....	552
Tuổi Thọ Lốp.....	552
Thay Lốp và Bánh Xe.....	553

Đảo Lốp.....	554
Thiết Bị Bám Đường Tuyệt.....	555
Ắc Quy	557

Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu

Từ Xa Thay Pin Cúc.....	560
-----------------------------------	-----

Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát*/Hệ Thống Điều Khiển Khí

Hậu*	563
-------------------	-----

Vệ Sinh

Vệ Sinh Nội Thất.....	565
Vệ Sinh Ngoại Thất.....	567
Phụ Kiện và Điều Chỉnh	570

*Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện ra bất kỳ bất thường nào (tiếng ồn, có mùi lạ, thiếu dầu phanh, cạn dầu trên đất, v.v.), hãy đến đại lý kiểm tra xe. Tham khảo Sổ Bảo Dưỡng đi cùng với xe/lich bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin về kiểm tra và bảo dưỡng.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 515

Phân Loại Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

■ Kiểm tra hàng ngày

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

■ Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra mức dầu phanh hàng tháng.
📖 **Dầu Phanh/Ly Hợp*** Tr. 532
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra gân lốp có bị mòn và dính bất kỳ vật lạ gì không.
📖 **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp** Tr. 551
- Kiểm tra hoạt động của các bóng đèn ngoài xe hàng tháng.
📖 **Thay Bóng Đèn** Tr. 534
- Kiểm tra tình trạng của các lưới gạt nước ít nhất mỗi sáu tháng một lần.
📖 **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lưới Gạt Nước** Tr. 547

An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Phần này đề cập đến một số biện pháp an toàn quan trọng nhất. Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện các công việc bảo dưỡng đã đưa ra hay không.

An Toàn Khi Bảo Dưỡng

- Để giảm thiểu nguy cơ cháy nổ, hãy để ắc quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Không để vải vụn, giẻ lau, hoặc các vật dễ cháy dưới nắp ca-pô.
 - Nhiệt nóng từ động cơ và khí xả có thể bắt lửa gây cháy.
- Để làm sạch các phụ tùng, dùng bình xịt hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng có sẵn trên thị trường, không dùng xăng.
- Đeo kính bảo vệ mắt và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa cacbon monoxit rất độc hại và có thể gây chết người.
 - Chỉ vận hành động cơ trong khu vực có thông gió tốt.

An Toàn Cho Xe

- Phải dừng xe.
 - Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, cài phanh đỗ và tắt động cơ.
- Hãy nhớ các bộ phận nóng có thể khiến bạn bị bỏng.
 - Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi tiếp xúc với các bộ phận trên xe.
- Hãy nhớ các bộ phận chuyển động của xe có thể khiến bạn bị thương.
 - Không khởi động động cơ trừ khi được chỉ dẫn và không chạm tay vào các bộ phận đang chuyển động.

Loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

- Không được mở nắp ca-pô trong khi chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời được kích hoạt.

► An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

⚠ CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không xử lý sự cố trước khi lái có thể gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các khuyến nghị và lịch trình về kiểm tra, bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng/Sổ Bảo Dưỡng này.

⚠ CẢNH BÁO

Không thực hiện đúng theo các chỉ dẫn và biện pháp bảo dưỡng có thể khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và lưu ý trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Phụ Tùng và Dầu Dùng trong Bảo Dưỡng

Hãy dùng các phụ tùng và các loại dầu chính hiệu Honda khi bảo dưỡng và bảo trì xe. Các phụ tùng chính hiệu Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao được sử dụng cho các xe của Honda.

►► Phụ Tùng và Dầu Dùng trong Bảo Dưỡng

CHÚ Ý

Loại động cơ 1.8 L

Không ấn lên vỏ động cơ quá mạnh. Việc này sẽ làm hỏng vỏ động cơ và các bộ phận trong khoang động cơ.

Lịch Bảo Dưỡng

Nếu xe của bạn có sổ bảo dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ này. Đối với xe không có sổ bảo dưỡng, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt các mục bảo dưỡng tối thiểu cần thiết mà bạn nên thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi vận hành. Do sự khác nhau về khí hậu và vùng miền, sẽ có thêm một số mục bảo dưỡng cần thiết. Hãy tham khảo sổ tay bảo hành để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý ủy quyền của bạn sẽ đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand và Nam Phi

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
Thay dầu động cơ* ¹	Bình Thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
	Khắc Nghiệt* ⁴	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng									
Thay lọc dầu động cơ* ¹	Bình Thường	Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm									
	Khắc Nghiệt* ⁴	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Bổ sung dung dịch vệ sinh kim phun* ⁵	Loại phun trực tiếp	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay màng lọc gió		Sau mỗi 30.000 km									
Kiểm tra khe hở xu-páp	Ngoại trừ E85	Sau mỗi 120.000 km* ²									
	E85	Sau mỗi 40.000 km									
Thay lọc nhiên liệu* ³					•				•		

*1: Chỉ một số quốc gia yêu cầu lịch bảo dưỡng khắc nghiệt, tham khảo sổ bảo hành theo địa phương đi kèm theo xe.

*2: Phương pháp Cảm nhận: Điều chỉnh các xu-páp khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu nó có tiếng ồn.

*3: Tham khảo trang 533 để biết thêm thông tin về việc thay thế trong các điều kiện lái.

*4: Tham khảo trang 517 để biết thêm thông tin về việc thay thế trong các điều kiện khắc nghiệt.

*5: Loại xe Macao

Cần sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun thường xuyên hay không phụ thuộc vào chất lượng nhiên liệu sử dụng. Hãy tham khảo ý kiến đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

►► Lịch Bảo Dưỡng ►►

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
		12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay bugi	Loại Nickel	Sau mỗi 40.000 km									
	Loại Iridi	Sau mỗi 100.000 km									
	Loại Iridi	Sau mỗi 60.000 km									
Kiểm tra dây đai truyền động	E85		•		•		•		•		•
Thay nước làm mát động cơ		Sau mỗi 200.000 km hoặc 10 năm Sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm									
Thay dầu hộp số	MT Bình Thường	Sau mỗi 120.000 km hoặc 6 năm									
	Khắc Nghiệt ^{*1}			•			•			•	
	CVT		•		•		•		•		•
Thay dầu vi sai sau*		•				•				•	
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Thay lọc gió điều hòa		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kiểm tra hạn sử dụng của bình Keo Vá Lốp Khẩn Cấp*		Sau mỗi 1 năm									
Đào lốp (Kiểm tra xẹp lốp và tình trạng lốp ít nhất một tháng một lần)		Sau mỗi 10.000km									
Kiểm tra bằng mắt các mục sau:											
Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi Thành phần hệ thống treo Chấn bụi trực truyền động Mức chất điện phân ắc quy ^{*2}		Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS) Mức dầu và tình trạng dầu Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•

*1: Tham khảo trang 517 để biết thêm về thông tin thay thế trong các điều kiện khắc nghiệt.

*2: Loại xe các quốc gia trong Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nếu lái xe trong điều kiện khắc nghiệt, phải bảo dưỡng các mục sau theo lịch bảo dưỡng dành cho điều kiện lái Khắc Nghiệt.

Mục	Điều Kiện
Lọc và dầu động cơ	A, B, C, D và E
Dầu hộp số	B và D

►► Lịch Bảo Dưỡng

Các điều kiện sau được cho là điều kiện lái khắc nghiệt:

- A. Trong mỗi chuyến đi, lái dưới 8 km, hoặc dưới 16 km trong nhiệt độ đóng băng.
- B. Nhiệt độ quá nóng trên 35°C.
- C. Chạy không tải trong thời gian dài và dừng nhiều lần.
- D. Kéo rơ-moóc, tải nặng trên nóc xe, hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- E. Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

►► Lịch Bảo Dưỡng ►► Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Cho Xe không có Sổ Bảo Dưỡng)

Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Cho Xe không có Sổ Bảo Dưỡng)

Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết dưới đây. Giữ các giấy biên lai cho tất cả quy trình bảo dưỡng xe.

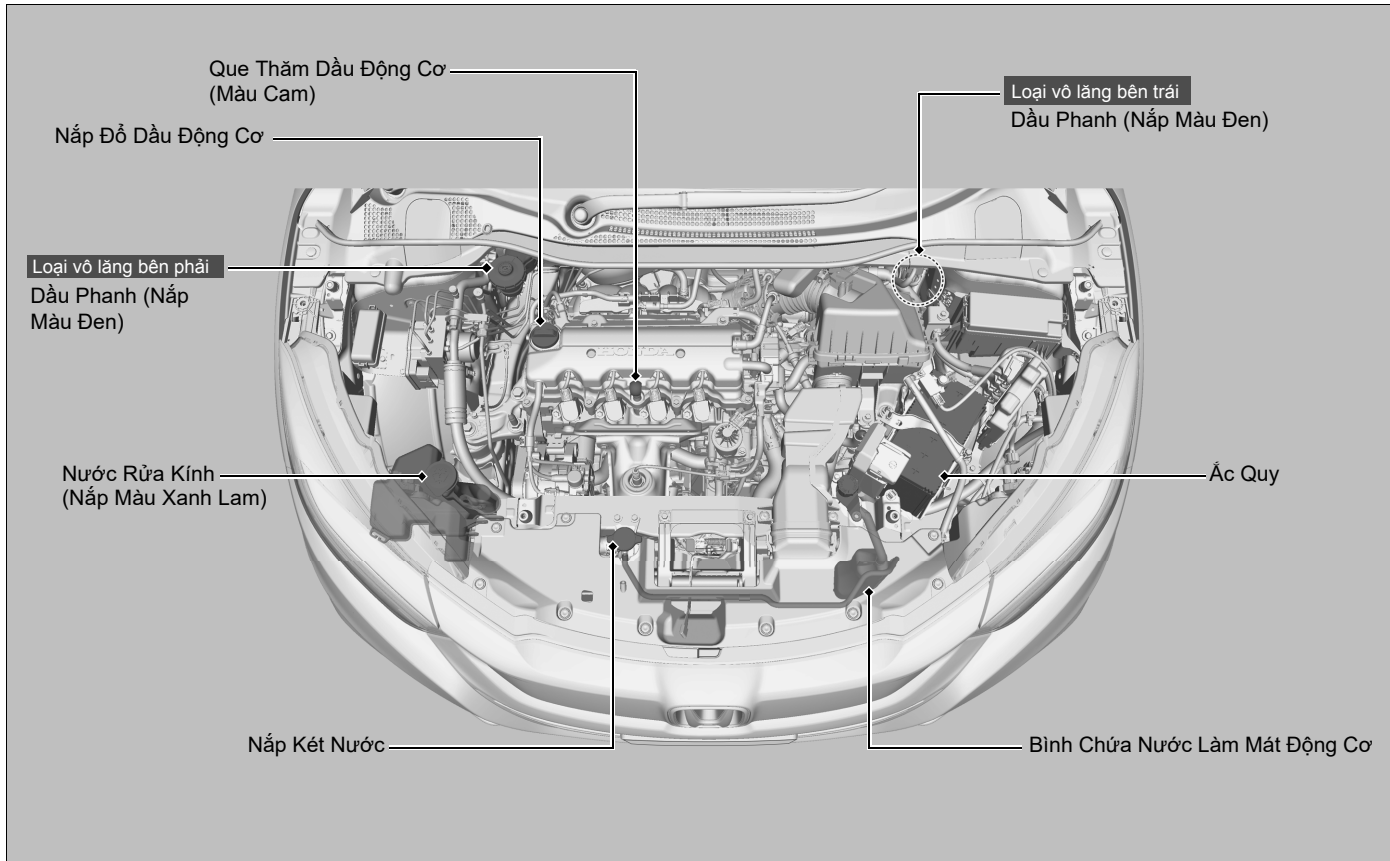
Ngoại Trừ loại xe Australia, New Zealand và Nam Phi

	Km hoặc Tháng	Ngày	Chữ Ký hoặc Đóng Dấu
	20.000 km (hoặc 12 Tháng)		
	40.000 km (hoặc 24 Tháng)		
	60.000 km (hoặc 36 Tháng)		
	80.000 km (hoặc 48 Tháng)		
	100.000 km (hoặc 60 Tháng)		
	120.000 km (hoặc 72 Tháng)		
	140.000 km (hoặc 84 Tháng)		
	160.000 km (hoặc 96 Tháng)		
	180.000 km (hoặc 108 Tháng)		
	200.000 km (hoặc 120 Tháng)		

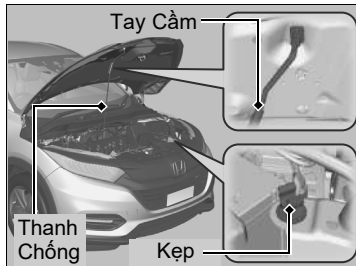
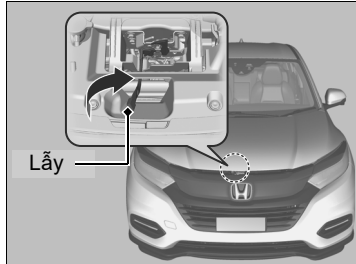
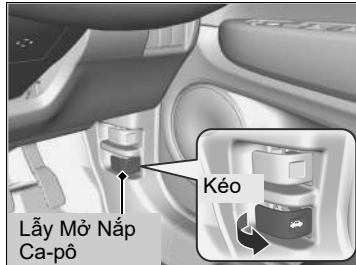
Bảo Dưỡng

Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô



Mở Nắp Ca-pô



1. Đỗ xe nơi bằng phẳng và cài phanh đỗ.
2. Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc bên ngoài phía dưới bảng táp-lô phía người lái.
► Nắp ca-pô sẽ nảy lên.

3. Đẩy lấy chốt nắp ca-pô (dưới mép trước của góc ca-pô chỗ giữa) sang bên để mở nắp ca-pô. Khi bạn nâng nhẹ nắp ca-pô, bạn có thể nhả lấy.

4. Nhấc thanh chống nắp ca-pô ra khỏi kẹp bằng tay cầm. Đặt thanh chống nắp ca-pô vào phía trong nắp ca-pô.

Khi đóng, bỏ thanh chống ra và xếp gọn vào kẹp, sau đó hạ nhẹ nắp ca-pô. Hạ nắp xuống thấp khoảng 30 cm, rồi thả tay ra để đóng nắp ca-pô.

►► Mở Nắp Ca-pô

CHÚ Ý

Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước nâng lên. Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước, dẫn đến hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

CHÚ Ý

Loại động cơ 1.8 L

Không ấn quá mạnh lên vô động cơ. Việc này có thể làm hỏng vô động cơ và các bộ phận trong khoang động cơ.

Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

Nếu lấy chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nâng cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn chốt.

Loại xe không có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

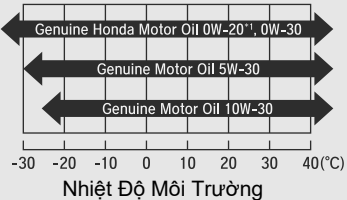

Không được mở nắp ca-pô trong khi chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời được kích hoạt.

Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

Sử dụng dầu động cơ chính hiệu hoặc các loại dầu động cơ khác có độ nhớt phù hợp đối với nhiệt độ môi trường như hình vẽ dưới đây.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp khi lái, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

Loại động cơ 1.8 L

Dầu Động Cơ Chính Hiệu	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
<ul style="list-style-type: none"> Dầu Chính Hiệu Honda Motor 	<ul style="list-style-type: none"> Dầu đạt API cấp SM hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn ACEA A5/B5
	

* 1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

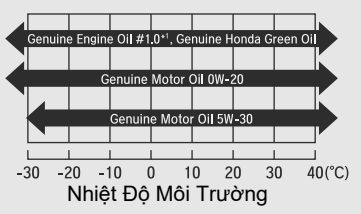
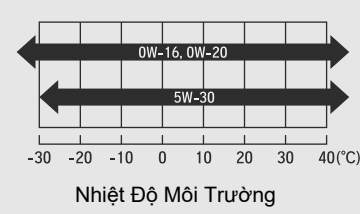
►► Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

Chất Phụ Gia Dầu Động Cơ

Xe của bạn không cần thêm chất phụ gia cho dầu động cơ. Thực chất, nó có thể gây tác dụng ngược đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

Loại động cơ 1.5 L

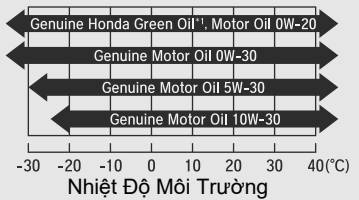

Loại xe Singapore, Hong Kong, Macao và New Zealand

Dầu Động Cơ Chính Hiệu	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
<ul style="list-style-type: none"> • Dầu Động Cơ Chính Hiệu Honda #1.0*1 • Dầu Xanh Green Oil Chính Hiệu Honda • Dầu Chính Hiệu Honda Motor 	<ul style="list-style-type: none"> • Dầu đạt API cấp SM hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn • ACEA A5/B5
	

*1:Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

Loại động cơ 1.5 L

Ngoại trừ loại xe Singapore, Hồng Kông, Macao và New Zealand

Dầu Động Cơ Chính Hiệu	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
<ul style="list-style-type: none"> • Dầu Xanh Green Oil Chính Hiệu Honda*1 • Dầu Chính Hiệu Honda Motor 	<ul style="list-style-type: none"> • Dầu đạt API cấp SM hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn • ACEA A5/B5
	

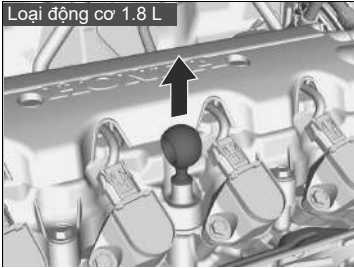
*1:Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

Kiểm Tra Dầu

Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ bất cứ khi nào nạp nhiên liệu. Đỗ xe nơi bằng phẳng.

Đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ trước khi kiểm tra dầu.

Loại động cơ 1.8 L



Loại động cơ 1.5 L



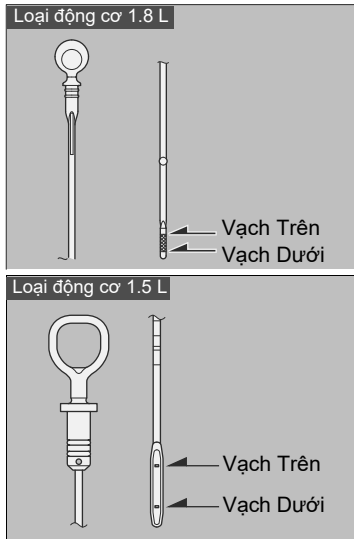
1. Rút que thăm dầu ra (màu cam).
2. Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
3. Cắm que thăm dầu trở lại vị trí ban đầu, cắm hết cỡ vào đúng vị trí.

►► Kiểm Tra Dầu

Nếu mức dầu nằm gần hoặc ở dưới vạch dưới, từ từ đổ dầu vào, cẩn thận không để tràn ra ngoài.

Lượng dầu tiêu thụ phụ thuộc vào cách lái xe và điều kiện thời tiết, đường xá. Tỷ lệ tiêu thụ có thể lên đến 1 lít trên 1.000 km.

Tỷ lệ này có thể cao hơn khi động cơ còn mới.



4. Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Nó phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.

Bổ Sung Dầu Động Cơ



1. Xoay để tháo nắp bình chứa dầu động cơ.
2. Đổ từ từ dầu vào bình.
3. Đậy nắp bình chứa dầu động cơ và siết thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

►► Bổ Sung Dầu Động Cơ

CHÚ Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch giới hạn phía trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu tràn dầu, hãy lau sạch ngay lập tức. Dầu tràn có thể làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.

Nước Làm Mát Động Cơ

Nước Làm Mát Chỉ Định: Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2

Nước làm mát là hỗn hợp gồm 50% chất chống đông và 50% nước. Không sử dụng chất chống đông hoặc nước.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Trước tiên, kiểm tra bình chứa nhiên liệu xem có cạn không, đồng thời kiểm tra mức nước làm mát trong két nước. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

►► Nước Làm Mát Động Cơ

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp bình chứa khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nghiêm trọng.

Luôn để động cơ và két nước nguội trước khi tháo nắp két nước.

Nếu nhiệt độ dưới -30°C , nên thay đổi hỗn hợp nước làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

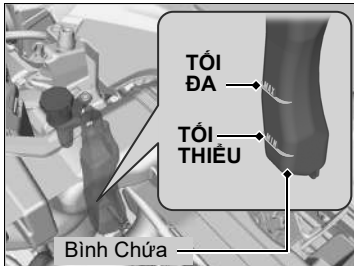
Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat để thay thế tạm thời. Kiểm tra xem nó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyến dùng cho động cơ nhôm không.

Sử dụng lâu nước làm mát không phải của Honda có thể gây ăn mòn, làm cho hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc không hoạt động được. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hiệu Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các bộ phận của động cơ.

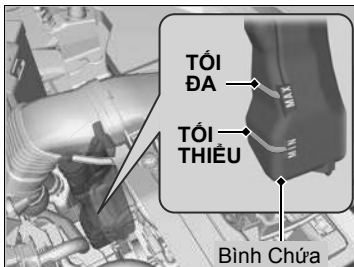
■ Bình Chứa

Loại xe không có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

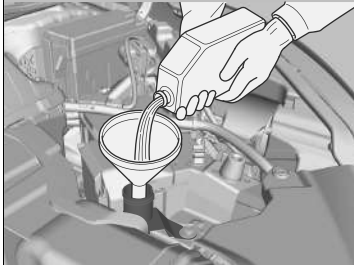


1. Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.
2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.
 - Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN**, bổ sung nước làm mát vào bình chứa đến vạch **MAX**.
3. Kiểm tra rò rỉ hệ thống làm mát.

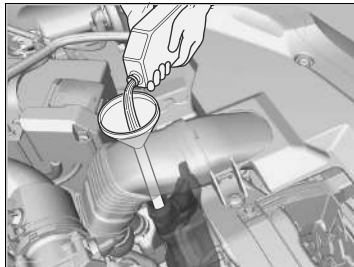
Loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời



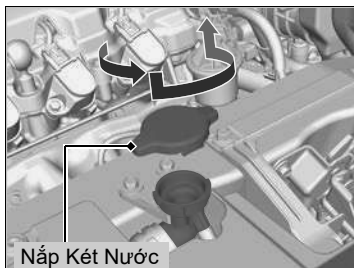
Loại xe không có Hệ Thống Tự
Động Dừng Động Cơ Tạm Thời



Loại xe có Hệ Thống Tự Động
Dừng Động Cơ Tạm Thời



Két Nước



1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Xoay nắp két nước 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nó ra.
4. Đổ đầy nước làm mát đến chân cổ bình chứa. Nếu nó ở dưới mức đó, bổ xung nước làm mát.
5. Đậy nắp két nước và vặn nắp thật chặt.

►► Két Nước

CHÚ Ý

Từ từ đổ dầu vào và cẩn thận không làm nó tràn ra. Lau sạch ngay dầu tràn để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

Dầu Hộp Số

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

Dầu Chỉ Định: Dầu Hộp Số Honda HCF-2

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết. Tuân theo thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp.

► **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 515

Loại xe có hộp số thường

■ Dầu Hộp Số Thường

Dầu Chỉ Định: Dầu Hộp Số Honda (MTF)

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết. Tuân theo thời gian bảo dưỡng của xe khi thay dầu hộp số thường.

► **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 515

►► Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

CHÚ Ý

Không pha dầu hộp số Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác

Sử dụng dầu hộp số không phải loại Honda HCF-2 có thể làm ảnh hưởng đến vận hành và độ bền hộp số của xe và gây hỏng hộp số. Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

►► Dầu Hộp số Thường

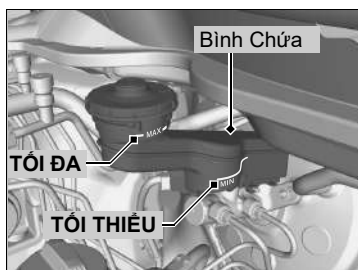
Nếu không có sẵn dầu hộp số Honda MTF, bạn có thể sử dụng tạm thời dầu động cơ có độ nhớt SAE 0W-20 hoặc 5W-20 theo tiêu chuẩn API. Thay dầu MTF càng sớm càng tốt. Nếu tiếp tục sử dụng dầu động cơ không chứa chất phụ gia phù hợp cho hộp số có thể làm giảm hiệu suất sang số và làm hỏng hộp số.

Dầu Phanh/Ly Hợp*

Dầu chỉ định: Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4

Sử dụng cùng loại dầu cho cả phanh và ly hợp.

■ Kiểm Tra Dầu Phanh



Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN** và **MAX** ở sườn bình chứa.

Loại xe có hộp số thường

Bình chứa dầu phanh cũng có thể được sử dụng để chứa dầu ly hợp của xe. Miễn là bạn duy trì mức dầu phanh theo chỉ dẫn ở trên không cần kiểm tra mức dầu ly hợp.

►► Dầu Phanh/Ly Hợp*

CHÚ Ý

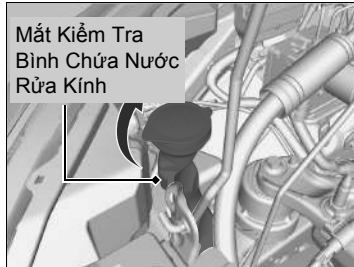
Dầu phanh đạt DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh của xe và có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.

Bạn nên sử dụng sản phẩm chính hiệu.

Nếu mức dầu phanh ở hoặc dưới mức **MIN**, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.

Bô Sung Nước Rửa Kính

Quan sát bên ngoài bình chứa để kiểm tra mức nước rửa kính.



Nếu nó ở mức thấp, hãy đổ đầy bình chứa nước rửa kính.

Đổ cẩn thận nước rửa kính. Không để nó tràn ra bình chứa.

Lọc Nhiên Liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand và Nam Phi

Sau mỗi 40.000 km, hoặc 2 năm nên thay lọc nhiên liệu nếu bạn nghi ngờ nhiên liệu đang dùng bị nhiễm bẩn. Trong môi trường bụi bặm, lọc nhiên liệu có thể bị tắc sớm hơn.

Loại xe Australia, New Zealand và Nam Phi

Thay lọc nhiên liệu sau mỗi 45.000 km, hoặc 3 năm nếu bạn nghi ngờ nhiên liệu đang dùng bị nhiễm bẩn. Trong môi trường bụi bặm, lọc nhiên liệu có thể bị tắc sớm hơn.

Tất cả các loại xe

Phải để kỹ thuật viên lành nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể tràn ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

►► Bô Sung Nước Rửa Kính

CHÚ Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giấm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió.

Chất chống đông có thể làm hỏng bề mặt sơn xe. Dung dịch giấm/nước có thể làm hỏng bơm rửa kính chắn gió.

Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường.

Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tạo thành mảng bám.

Thay Bóng Đèn

Bóng Đèn Chiếu Sáng

Khi thay, sử dụng các bóng sau.

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

Đèn chiếu sáng chiếu xa: 60 W (HB3 cho loại bóng đèn halogen)

Đèn chiếu sáng chiếu gần: 55 W (H11 cho loại bóng đèn halogen)

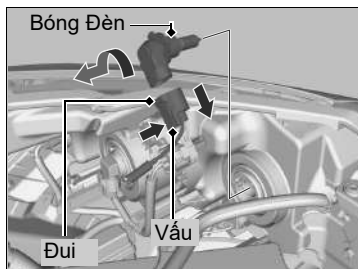
Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Đèn chiếu sáng chiếu xa: Loại đèn LED

Đèn chiếu sáng chiếu gần: Loại đèn LED

Đèn Chiếu Sáng Chiếu Xa

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen



1. Đẩy vấu để tháo đui đèn.
2. Xoay bóng đèn cũ sang trái để tháo nó.
3. Lắp bóng đèn mới.
4. Luồn đui bóng vào trong đầu nối của bóng đèn.

»»Bóng Đèn Chiếu Sáng

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

CHÚ Ý

Bóng đèn halogen rất nóng khi được thắp sáng. Dầu, mồ hôi, hoặc vết xước trên kính có thể khiến bóng đèn quá nhiệt và vỡ vụn.

Tất cả các loại xe

Hướng đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt, thường thì không cần điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên chở vật nặng trong khoang hành lý, hãy để đại lý hoặc kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

Khi thay bóng đèn halogen, cầm ở đế và tránh để vỏ bóng tiếp xúc với da bạn hoặc với các vật cứng. Nếu chạm phải vỏ bóng, hãy lau bóng bằng rượu đã metyl hoá và khăn sạch.

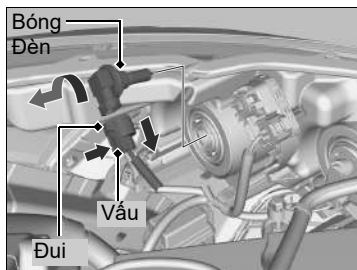
»»Đèn Chiếu Sáng Chiếu Xa

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Đèn chiếu sáng chiếu xa là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

■ Đèn Chiếu Sáng Chiếu Gần

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen



1. Đẩy vấu để tháo đui đèn.
2. Xoay bóng đèn cũ sang trái để tháo.
3. Lắp bóng đèn mới.
4. Luồn đui bóng vào trong đầu nối của bóng đèn.

▣ Đèn Chiếu Sáng Chiếu Gần

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Đèn chiếu sáng chiếu gần là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

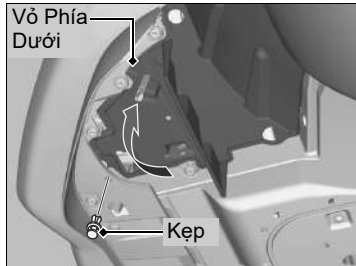
Bóng Đèn Sương Mù Trước*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Sương Mù Trước: 35 W (H8 cho loại bóng đèn halogen)*

Đèn Sương Mù Trước: loại đèn LED*

Loại có đèn sương mù trước halogen



1. Dùng tua-vít đầu dẹt để tháo các kẹp và đẩy nắp phía dưới lên.

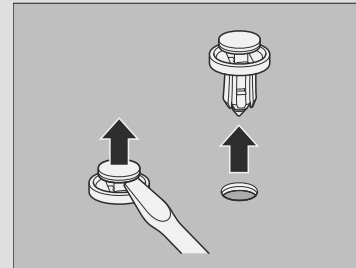
►►Đèn Sương Mù Trước*

Loại có đèn sương mù trước LED

Các đèn sương mù trước là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

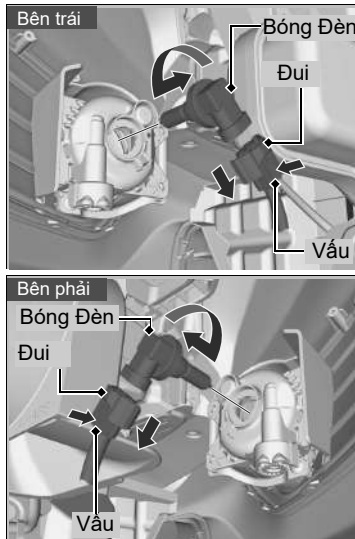
Loại có đèn sương mù trước halogen

Đưa tua-vít đầu dẹt vào, nâng và tháo chốt giữa để tháo kẹp.



Luồn kẹp vào trong khi nâng chốt giữa lên và đẩy cho đến khi nó phẳng.





2. Đẩy vấu để tháo đui đèn.
3. Xoay bóng đèn cũ bên trái sang trái và bóng đèn cũ bên phải sang phải để tháo.
4. Lắp bóng đèn mới vào cụm đèn sương mù trước và xoay bóng đèn bên trái sang phải và bóng đèn bên phải sang trái.
5. Luồn đui bóng vào trong đầu nổi của bóng đèn.

►►Bóng Đèn Sương Mù Trước*

Loại xe có đèn sương mù trước halogen

CHÚ Ý

Bóng đèn halogen rất nóng khi được thắp sáng. Dầu, mồ hôi, hoặc vết xước trên kính có thể làm cho bóng đèn quá nhiệt và vỡ vụn.

Khi thay bóng đèn halogen, cầm ở đế và tránh để vỏ bóng tiếp xúc với da bạn hoặc với các vật cứng. Nếu chạm phải vỏ bóng, hãy lau bóng bằng rượu đã metyl hoá và khăn sạch.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

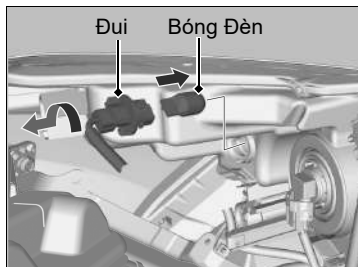
Bóng Đèn Xi Nhan Trước

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Xi Nhan Trước: 21 W (HỒ Phách)*

Đèn Xi Nhan Trước: loại đèn LED*

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen



1. Xoay đui đèn sang trái và tháo nó ra.
2. Đưa bóng đèn ra khỏi giá đỡ.
3. Lắp bóng mới.

►► Bóng Đèn Xi Nhan Trước

Loại xe có đèn chiếu sáng trước

Đèn xi nhan trước là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn Vị Trí*

Đèn vị trí là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày*

Các đèn vị trí/đèn ban ngày là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.



Bảo Dưỡng

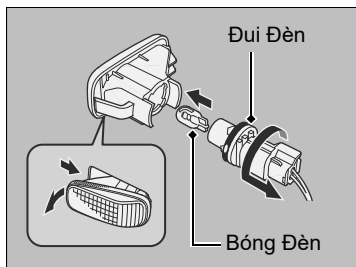
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bóng Đèn Xi nhan Bên/Đèn Báo Khẩn cấp

Loại ở vè tai xe

Khi thay bóng đèn, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Xi Nhan Bên: 5 W (Màu hổ phách)



1. Đẩy phía trước cụm đèn xi nhan bên về phía sau xe cho đến khi nó ra khỏi phần thân bóng.
2. Xoay đui sang bên trái và tháo nó ra.
3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

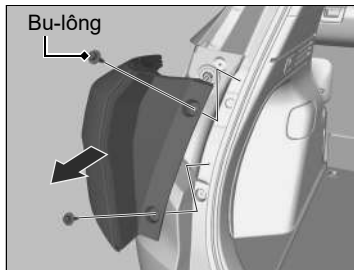
Loại ở gương cửa

Đèn xi nhan bên ở gương cửa là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

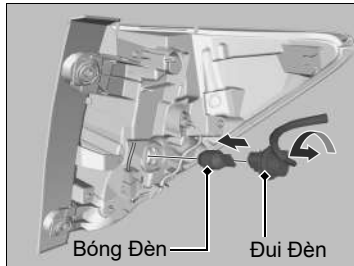
Bóng Đèn Xi Nhan Sau

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Xi Nhan Sau: 21 W (Hỗ Phách)



1. Sử dụng tua-vít đầu Phillip để tháo các bu-lông.
2. Kéo cụm bóng đèn ra khỏi trụ sau.



3. Xoay đui sang trái và tháo nó ra. Tháo bóng đèn cũ.
4. Lắp bóng đèn mới vào.
5. Trượt cụm bóng đèn vào dẫn hướng trên thân xe.

Đèn Phanh*, Đèn Hậu* và Đèn Phanh/Đèn Hậu*

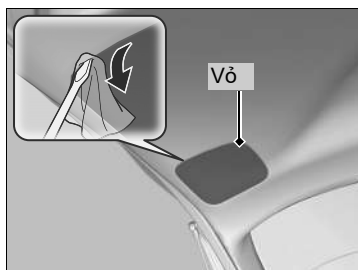
Đèn phanh, đèn hậu và đèn phanh/đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Bóng Đèn Hậu* và Đèn Lùi

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

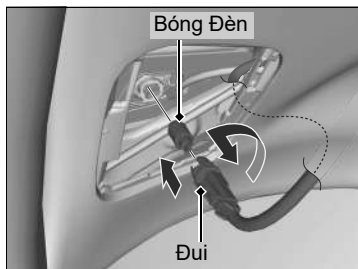
Đèn Hậu*: LED

Đèn Lùi: 16 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt để cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



2. Xoay đui sang trái và tháo nó ra.

3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

►► Bóng Đèn Hậu* và Đèn Lùi

Đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Phanh Cao

Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

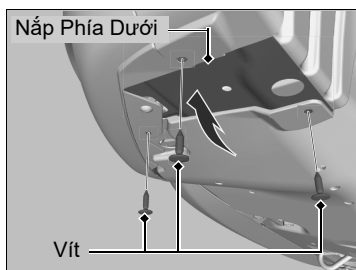
Đèn Biển Số Sau

Đèn biển số sau là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

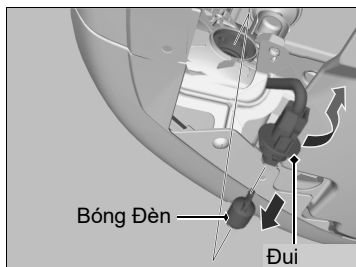
Bóng Đèn Sương Mù Sau*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Sương Mù Sau: 21 W



1. Sử dụng tua-vít đầu Phillip để tháo các vít, sau đó ấn nắp phía dưới xuống.



2. Xoay đui sang trái và tháo nó ra.
3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

Các Bóng Đèn Khác

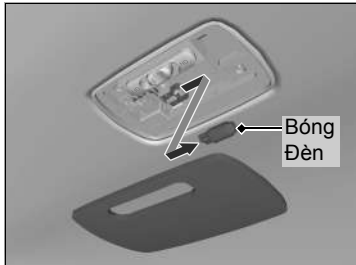
■ Bóng Đèn Trần*

Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

Đèn Trần: 8 W



- Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
 - Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



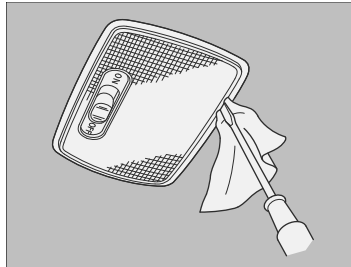
- Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

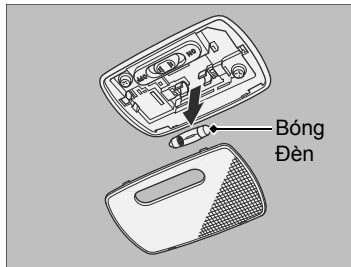
Loại xe Malaysia

Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

Đèn Trần: 8 W



- Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
 - Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



- Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

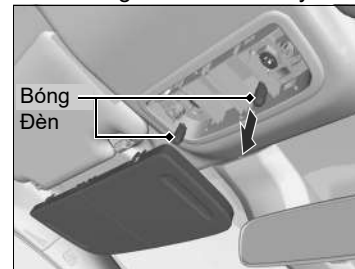
■ Bóng Đèn Đọc Sách*

Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

Đèn Đọc Sách: 8 W



- Đẩy phía đối diện của chóa đèn mà bạn đang thay.
- Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo chóa đèn.
 - Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

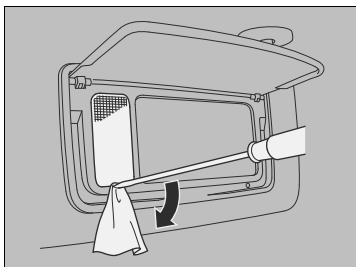


- Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

■ Bóng Đèn Gương Cá Nhân*

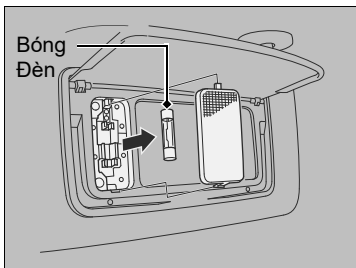
Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

Đèn Gương Cá Nhân: 2 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

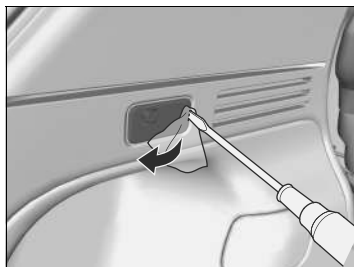


2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới vào.

■ Bóng Đèn Khoang Hành Lý*

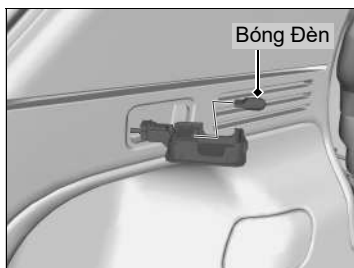
Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

Đèn Khoang Hành Lý: 5 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo cụm đèn.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



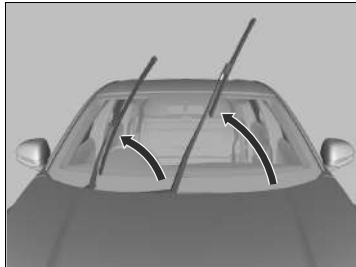
2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới vào.

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lưỡi Gạt Nước

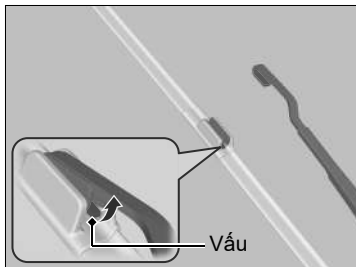
Kiểm Tra Lưỡi Gạt Nước

Nếu miếng cao su lưỡi gạt nước xuống cấp, nó sẽ để lại các vết bẩn và bề mặt cứng của lưỡi gạt sẽ làm xước cửa kính.

Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Trước



1. Trước tiên, nâng cần gạt nước phía người lái, sau đó nâng cần gạt nước phía hành khách.

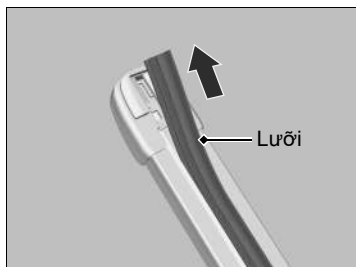


2. Ấn và giữ vấu, sau đó trượt cần gạt nước ra khỏi giá đỡ.

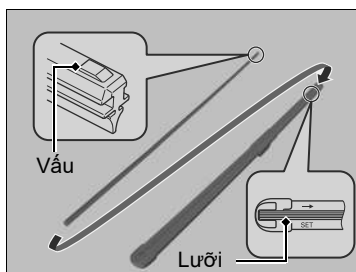
Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước

CHÚ Ý

Tránh làm rơi cần gạt nước vào kính chắn gió, nếu không nó có thể làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.



3. Trượt lưới gạt ra khỏi giá đỡ bằng cách kéo đầu vấu ra.



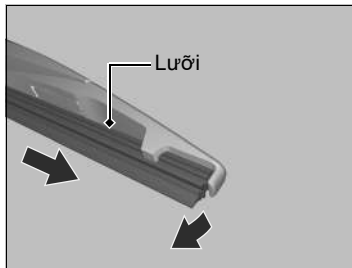
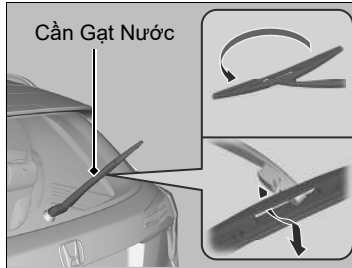
4. Lắp lưới gạt nước mới vào giá đỡ từ đầu phía dưới.

► Vấu trên giá đỡ phải khít vào rãnh của lưới gạt nước.

5. Lắp chắc chắn lưới gạt nước vào giá đỡ.

6. Hạ cần gạt nước phía hành khách trước, sau đó đến phía người lái.

Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Sau

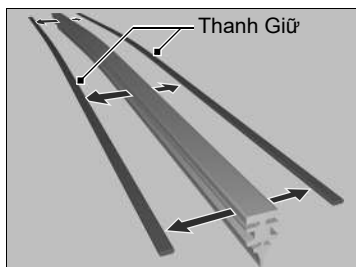


1. Nâng cần gạt nước lên.
2. Xoay đầu dưới của lưỡi gạt nước lên cho đến khi nó ra khỏi cần gạt nước.
3. Trượt lưỡi gạt nước ra khỏi cần gạt nước.

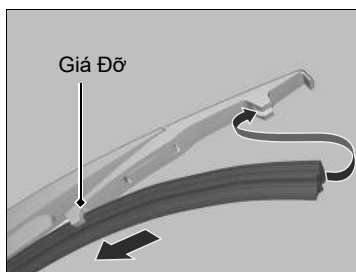
►►Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Sau

CHÚ Ý

Tránh làm rơi cần gạt nước, nó có thể làm hỏng cửa kính sau.



4. Tháo thanh giữ ra khỏi lưới gạt nước và gắn vào lưới gạt nước mới.



5. Lắp lưới gạt nước mới vào giá đỡ.
► Đảm bảo nó ăn khớp, sau đó lắp cụm lưới gạt nước vào cần gạt nước.

Bảo Dưỡng

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp

Kiểm Tra Lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp đúng chủng loại và có kích thước phù hợp, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp, và áp suất lốp đúng tiêu chuẩn.

■ Hướng dẫn bơm lốp

Áp suất lốp phù hợp sẽ giúp việc điều khiển xe dễ dàng hơn, nâng cao tuổi thọ lốp và cảm giác thoải mái. Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất chỉ định.

Lốp chưa đủ độ căng sẽ ảnh hưởng đến việc điều khiển xe và tiết kiệm nhiên liệu và dễ hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp quá căng sẽ gây khó khăn khi lái xe và dễ bị hư hỏng hơn khi đụng phải chướng ngại vật trên đường, cũng như các bề mặt lốp sẽ bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy xem kỹ từng lốp. Nếu một trong các lốp có vẻ không căng như các lốp kia, kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp xe.

Ít nhất một tháng một lần hoặc trước mỗi chuyến đi xa, đo áp suất ở các lốp xe bằng đồng hồ đo áp suất lốp, cả lốp dự phòng*. Ngay cả khi lốp ở tình trạng tốt vẫn có thể giảm áp suất từ 10 đến 20 kPa (0,1 đến 0,2 kgf/cm²; 1 đến 2 psi) mỗi tháng.

■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van.

Hãy làm như sau:

- Tìm chỗ lõm hoặc chỗ phình trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn trên mặt lốp. Thay nếu thấy lốp mòn lốp vải hoặc lốp thép.
- Loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ khí.
- Nếu độ mòn lốp không đều. Hãy đưa xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Tìm chỗ nào bị mòn quá mức.

☞ Vạch Báo Độ Mòn Lốp Tr. 552

- Tìm các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

☞ Kiểm Tra Lốp

⚠ CẢNH BÁO

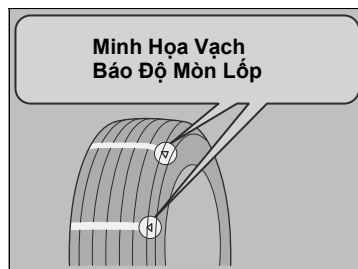
Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến tai nạn gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về áp suất lốp và bảo dưỡng lốp xe.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội. Điều này có nghĩa là phải đỗ xe ít nhất ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km. Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xì bớt hơi ra cho đến khi đạt áp suất quy định.

Nếu kiểm tra lốp khi nóng, áp suất lốp có thể cao hơn 30–40 kPa (0,3–0,4 kgf/cm², 4–6 psi) khi kiểm tra lúc nguội.

Vạch Báo Độ Mòn Lốp



Rãnh lốp là nơi có vạch báo mòn lốp được đặt nông hơn 1,6 mm so với các vị trí khác trên lốp xe. Nếu gân lốp bị mòn và khiến vạch báo độ mòn lộ ra ngoài, thay lốp xe.

Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.

Tuổi Thọ Lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thói quen điều khiển xe, điều kiện mặt đường, tải trọng xe, áp suất lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp xe, bạn nên tiến hành kiểm tra lốp thường niên khi đã sử dụng lốp được 5 năm. Tất cả lốp xe, gồm cả lốp dự phòng* cần phải thay sau 10 năm kể từ ngày sản xuất, không quan tâm đến điều kiện và độ mòn lốp lúc đó.

Bảo Dưỡng

►►Kiểm Tra Lốp

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Bất cứ khi nào điều chỉnh áp suất lốp, hãy hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

► Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

Tr. 477

Loại xe có TPMS

Bất cứ khi nào điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh TPMS.

► Hiệu Chỉnh TPMS Tr. 480

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp xe nếu cảm nhận thấy độ rung khi lái xe. Mỗi khi thay lốp mới hay tháo lốp ra rồi lắp lại đều phải cân chỉnh lại bánh xe.

Thay Lốp và Bánh Xe

Thay lốp xe mới có cùng kích thước, giới hạn tải, giới hạn tốc độ và định mức áp suất lốp nguội tối đa (được ghi ở thành lốp xe). Sử dụng lốp không cùng kích thước, cấu tạo sẽ làm cho một số hệ thống nhất định của xe như ABS và Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) vận hành kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể, hãy thay hai lốp trước cùng lúc và hai lốp sau cùng lúc.

Đảm bảo các thông số kỹ thuật bánh xe mới giống với bánh xe ban đầu.

► Thay Lốp và Bánh Xe

⚠ CẢNH BÁO

Lắp lốp mới không phù hợp có thể gây ảnh hưởng đến vận hành và ổn định xe. Việc này có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

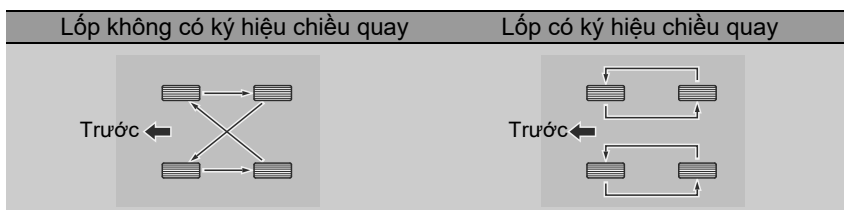
Luôn sử dụng lốp xe có thông số kỹ thuật như trên nhãn thông tin ở trên xe.

Đào Lốp

Đào lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mài mòn và gia tăng tuổi thọ cho lốp.

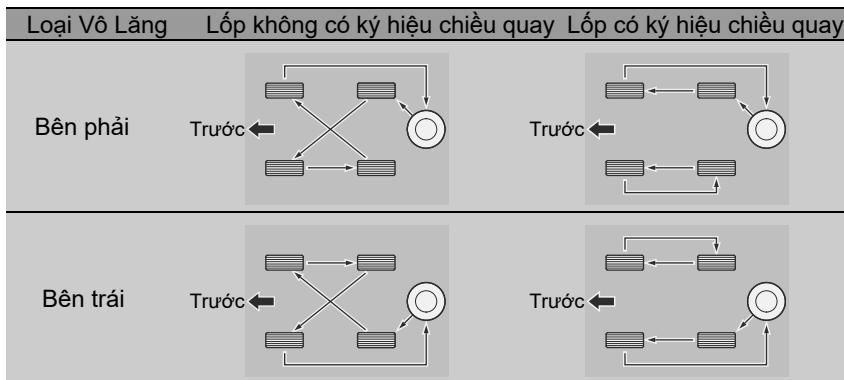
Mô Hình Đào Lốp Xe

Đào lốp như hình vẽ dưới đây.



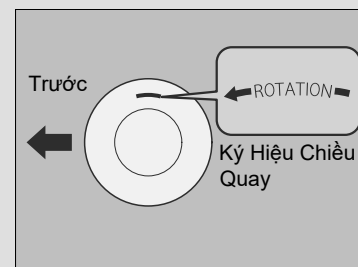
Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ

Đào lốp kể cả lốp dự phòng như hình vẽ dưới đây.



►►Đào Lốp

Lốp xe loại hướng quay một chiều chỉ được đào từ trước ra sau (không đảo từ bên này sang bên khác). Hướng lắp của lốp phải giống với dấu hướng quay trên lốp như hình vẽ dưới đây.



Khi đào lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Bất cứ khi nào đào lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

► **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp**
Tr. 477

Loại xe có TPMS

Bất cứ khi nào đào lốp, bạn phải hiệu chỉnh TPMS.

► **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 480

Thiết Bị Bám Đường Tuyết

Nếu lái xe trên đường tuyết hoặc băng, cần lắp lốp mùa đông hoặc xích bọc lốp; giảm tốc độ; và duy trì khoảng cách phù hợp với xe khác khi lái.

Chú ý khi vận hành vô lăng hoặc phanh để không bị trơn trượt.

Sử dụng xích bọc lốp, lốp mùa đông, hoặc lốp các mùa theo quy định của pháp luật.

Khi lắp lốp, chú ý các điểm sau.

Đối với lốp mùa đông:

- Chọn các lốp có kích thước và giới hạn tải giống như các lốp ban đầu.
- Lắp lốp cho tất cả bốn bánh.

►► Thiết Bị Bám Đường Tuyết

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng sai xích bọc lốp hoặc lắp xích không đúng cách có thể làm hỏng các dây phanh, dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng ở phần lựa chọn và sử dụng xích bọc lốp.

CHÚ Ý

Sử dụng thiết bị bám đường sai kích cỡ hoặc lắp không đúng cách có thể làm hỏng dây phanh, hệ thống treo, thân xe và bánh xe. Dừng xe nếu các thiết bị này chạm vào bất cứ bộ phận nào của xe.

Khi lắp xích bọc lốp, làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích liên quan đến giới hạn vận hành của xe.

Chỉ sử dụng xích bọc lốp trong trường hợp khẩn cấp hoặc ở khu vực nhất định theo quy định pháp luật.

Chú ý khi lái xe có xích bọc lốp trên đường tuyết hoặc băng. Xích bọc lốp làm hạn chế thao tác xử lý tình huống so với lốp mùa đông không có xích bọc.

Nếu xe của bạn được trang bị lốp mùa hè, thì cần lưu ý loại lốp này không thích hợp trong điều kiện thời tiết mùa đông. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại lý.

Về loại xích bọc lốp:

- Liên hệ với đại lý khi mua bất kỳ loại xích nào cho xe của bạn.
- Chỉ lắp xích bọc cho lốp trước.
- Vì xe của bạn có giới hạn bề mặt lốp, bạn nên sử dụng loại xích sau:

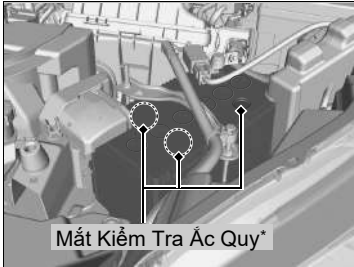
Kích Thước Lốp Ban Đầu*1	Loại Xích
215/60R16	RUD-matic classic 48492
215/55R17	RUD-matic classic 48493
225/50R18	(Không có sẵn)

*1: Kích thước lốp ban đầu có ở ở nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.

- Làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất khi lắp lốp xe. Lắp càng chặt càng tốt.
- Đảm bảo xích không chạm vào dây phanh hoặc hệ thống treo.
- Lái xe chậm.

Ắc Quy

Kiểm Tra Ắc Quy



Đối với ắc quy không có mắt kiểm tra

Loại xe không có cảm biến ắc quy

Kiểm tra tình trạng ắc quy hàng tháng.

Kiểm tra tình trạng ắc quy bằng cách nhìn vào mức dung dịch. Mức trên và mức dưới được đánh dấu trên vỏ ắc quy. Nếu mức dung dịch thấp hơn mức dưới, liên hệ với đại lý.

Đối với ắc quy không có mắt kiểm tra

Loại xe có cảm biến ắc quy

Cảm biến ở cực âm giám sát tình trạng ắc quy. Nếu cảm biến này có sự cố, thông báo cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình hiển thị đa thông tin*. Khi đó hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Kiểm tra mòn cực ắc quy hàng tháng.

Tất cả các loại xe

Nếu ắc quy bị tháo hoặc hết điện:

- Cài đặt lại đồng hồ.
- ➔ Đồng Hồ Tr. 160

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đối với ắc quy có mắt kiểm tra

Kiểm tra ắc quy hàng tháng. Nhìn vào mắt kiểm tra ắc quy và kiểm tra mức độ ăn mòn của các cực.

»Ắc Quy

⚠CẢNH BÁO

Ắc quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc lửa có thể làm nổ ắc quy gây tử vong hoặc trọng thương.

Đề tất cả các tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa cách xa ắc quy.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc quy.

⚠CẢNH BÁO

Ắc quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn và độc hại cao.

Đề chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ khi làm việc hoặc đứng gần ắc quy.

Nuốt chất điện phân có thể gây tử vong nếu không được xử lý kịp thời.

ĐỀ XA TÀM TAY TRẺ EM

Nạp Ắc Quy

Tháo cả hai cáp ắc quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn tháo cáp âm ⊖ trước và nối lại cáp này sau cùng.

►►Ắc Quy

Phương Pháp Sơ Cứu Khẩn Cấp

Mắt: Rửa bằng nước lấy từ cốc hoặc thùng chứa khác trong khoảng ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi ngay bác sĩ.

Da: Thay quần áo bị dính axit. Dội nhiều nước vào bề mặt da. Gọi ngay bác sĩ.

Nước phải: Uống nước hoặc sữa. Gọi ngay bác sĩ.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, lau sạch các cực của ắc quy bằng dung dịch bột nở và nước. Lau sạch các cực bằng khăn ẩm. Dùng vải/khăn mềm lau khô ắc quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ắc quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ắc quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.

Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Loại xe có mắt kiểm tra ắc quy

Thông tin về màu của mắt kiểm tra có trên ắc quy. Vị trí của mắt kiểm tra ắc quy có thể khác nhau tùy theo từng loại ắc quy.

Loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Ắc quy được lắp trên xe được thiết kế đặc biệt cho loại xe có Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.

Sử dụng ắc quy không đúng loại quy định có thể làm giảm tuổi thọ ắc quy và làm Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động. Nếu bạn cần phải thay ắc quy, đảm bảo chọn loại quy định. Hãy tham khảo đại lý để biết chi tiết.

► Thông Số Kỹ Thuật Tr. 622

Nhãn Ác Quy



Ví Dụ

☒Nhân Ác Quy

NGUY HIỂM

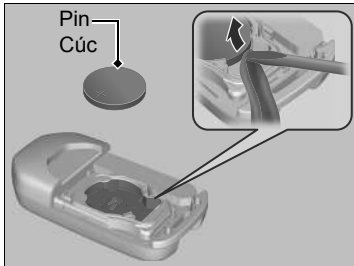
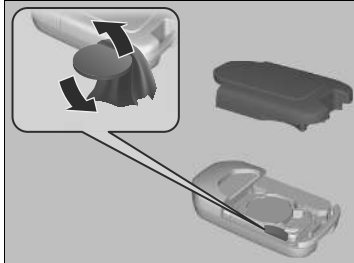
- Để ác quy tránh xa ngọn lửa và tia lửa. Ác quy sinh ra khí dễ nổ và có thể gây nổ.
- Đeo kính bảo hộ và đeo găng tay cao su khi xử lý ác quy để tránh nguy cơ bị bỏng hoặc mù mắt nếu bị dính dung dịch điện phân ác quy.
- Trong bất kỳ trường hợp nào, không để trẻ sờ vào ác quy. Đảm bảo rằng bất kỳ ai khi xử lý ác quy đều phải có sự hiểu biết đúng về sự nguy hiểm và phải thực hiện đúng quy trình xử lý ác quy.
- Chú ý khi xử lý ác quy vì nó chứa axit sunphuric loãng. Dính vào mắt hoặc da có thể gây bỏng hoặc mù mắt.
- Đọc kỹ tài liệu hướng dẫn này và phải hiểu rõ trước khi xử lý ác quy. Không thực hiện đúng có thể gây thương tích cho bản thân và làm hư hỏng xe.
- Không sử dụng ác quy nếu mức dung dịch bằng hoặc thấp hơn mức khuyến cáo. Sử dụng ác quy có mức dung dịch điện phân thấp có thể gây nổ và trọng thương.

Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

Thay Pin Cúc

Khi ấn nút mà không thấy đèn sáng, phải thay pin điều khiển.

Chìa Khóa Có Thẻ Gập*



Loại Pin: CR2032

1. Tháo nửa trên của vỏ chìa khoá bằng cách cạy cẩn thận phần mép vỏ bằng miếng kim loại mỏng.
▶ Bọc miếng kim loại bằng miếng vải để tránh làm trầy xước chìa khoá có thể gập được.
2. Tháo pin cúc bằng tua-vít đầu dẹt nhỏ.
3. Đảm bảo thay pin mới đúng đầu cực.

»Thay Pin Cúc

⚠CẢNH BÁO

NGUY HIỂM BỎNG HÓA CHẤT

Pin của chìa khoá điều khiển từ xa có thể gây bỏng nghiêm trọng, thậm chí dẫn đến tử vong nếu nuốt phải. Giữ pin mới và cũ xa tầm tay của trẻ em.

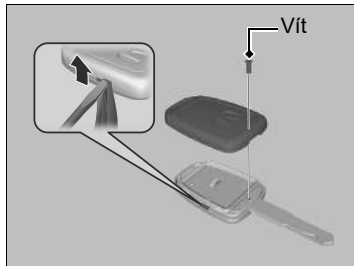
Nếu trẻ có dấu hiệu nuốt phải pin, hãy đưa đến trung tâm y tế ngay lập tức.

CHÚ Ý

Vứt pin thải không đúng cách có thể gây hại cho môi trường. Luôn tuân thủ quy định của địa phương khi thải pin.

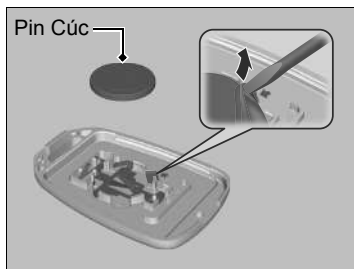
Thay pin có trên thị trường hoặc mua tại đại lý.

■ Chia Khóa có Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa*



Loại Pin: CR1620

1. Dùng tua vít Phillip để tháo vỏ.
2. Mở bộ truyền tín hiệu từ xa.
 - Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh làm trầy xước bộ truyền tín hiệu.
3. Dùng tua-vít dẹt đầu nhỏ để tháo pin cúc.
4. Đảm bảo lắp pin mới đúng đầu cực.

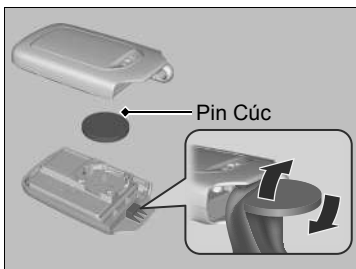


■ **Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa***



Loại Pin: CR2032

1. Tháo chìa khóa tích hợp.



2. Tháo nửa trên của vỏ điều khiển bằng cách cạy cẩn thận mép vỏ bằng miếng kim loại mỏng.

► Tháo cẩn thận để không làm mất pin cúc.

► Bọc miếng kim loại bằng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

3. Đảm bảo lắp pin mới đúng đầu cực.

Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát*/Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu

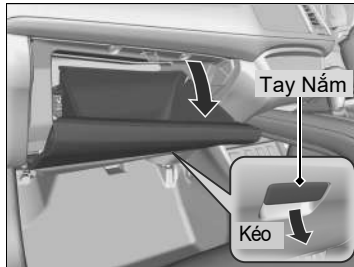
Lọc Gió Điều Hoà

■ Khi Thay Lọc Gió Điều Hoà

Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

📄 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 515

■ Cách Thay Lọc Gió Điều Hoà



1. Mở hộp đựng đồ.
2. Đẩy cần giữ của hộp đựng đồ phía người lái để tháo nó ra khỏi hộp đựng đồ.
3. Tháo hai vấu bằng cách ấn vào từng tấm ốp bên.
4. Xoay hết cỡ hộp đựng đồ ra.

» Lọc Gió Điều Hoà

Sử dụng chất thơm có thể làm giảm khả năng khử mùi, cũng như tuổi thọ của lọc gió điều hoà.

Nếu luồng khí từ hệ thống sưởi* và làm mát*/hệ thống điều khiển khí hậu* giảm đáng kể và cửa kính nhanh bị đọng sương, đó là lúc cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

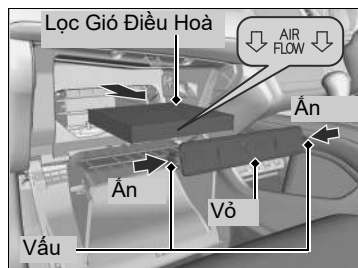
Ngoại trừ loại xe New Zealand có động cơ 1.5 L

Lọc gió điều hoà có tác dụng hút bụi, phấn hoa và mảnh vụn nhỏ trong không khí.

Loại xe New Zealand có động cơ 1.5 L

Lọc gió điều hoà độ bền cao không gây dị ứng có tác dụng hút bụi và phấn hoa, có khả năng khử mùi và làm giảm mùi khí xả trong không khí.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



5. Ấn vào vấu ở góc vỏ lọc gió điều hoà và tháo nó ra.
6. Tháo lọc gió điều hoà ra khỏi hộp.
7. Lắp lọc mới vào hộp.
 - Đặt mũi tên **AIR FLOW** hướng xuống dưới.

►►Lọc Gió Điều Hoà

Nếu bạn không nắm rõ cách thay lọc gió điều hoà, hãy đưa xe đến đại lý để thay lọc gió điều hoà.

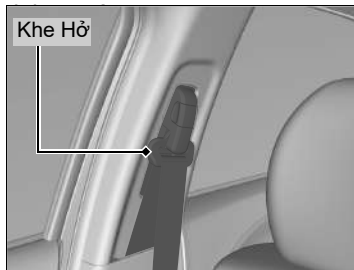
Vệ Sinh

Vệ Sinh Nội Thất

Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng vải để làm sạch.
Dùng vải ướt với dung dịch trung tính và nước ấm để làm sạch bụi.
Dùng vải sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

Vệ Sinh Dây Đai An Toàn

Dùng khăn mềm, xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn.
Để dây đai an toàn tự khô. Dùng vải sạch lau sạch khe hở của chốt dây



Vệ Sinh Nội Thất

Không làm đổ chất lỏng ra xe. Thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào.

Không xịt chất thơm có silicon lên thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc. Làm như vậy có thể khiến thiết bị hỏng hoặc cháy bên trong xe. Nếu không may để chất thơm có silicon rơi vào thiết bị điện tử, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần hóa học, chất thơm có thể làm nhựa và vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt .
Không dùng dung môi alkali hoặc dung môi hữu cơ như benzene hoặc xăng.

Sau khi sử dụng hóa chất, dùng vải khô lau lại thật kỹ.
Không dùng vải đã sử dụng hoặc vải không giặt trong thời gian dài để bọc đầu các phần nhựa.

Chú ý không làm đổ chất thơm ra xe.

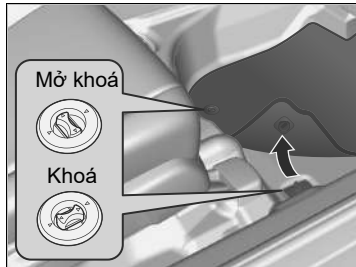
■ Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

■ Kính Chống Tia UV/IR*

Cửa kính phía trước được dát một lớp chống tia UV và/hoặc IR. Vì vậy, khi làm sạch bên trong cửa kính hãy sử dụng vải mềm và ẩm.

■ Thảm Lót Sàn*



Thảm lót sàn phía người lái móc vào móc neo trên sàn xe, để giữ thảm không bị trượt. Khi lột thảm để làm sạch thảm, xoay núm móc đến vị trí mở khoá. Khi lắp lại thảm sau khi làm sạch, xoay núm móc neo đến vị trí khoá.

Không lắp thêm thảm lên móc neo thảm lót sàn.

■ Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Để vệ sinh da đúng cách:

1. Trước tiên dùng máy hút bụi trước khi dùng vải khô mềm để loại bỏ bụi bẩn.
2. Làm sạch da bằng vải mềm ướt với tỷ lệ 90% nước và 10% dung dịch xà phòng.
3. Dùng khăn ướt lau sạch hết xà phòng còn sót lại.
4. Lau sạch nước còn sót lại và để cho da tự khô dưới bóng dâm.

►► Vệ Sinh Cửa kính

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau. Dùng vải mềm để lau kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.

Loại xe có Kính Chống Tia UV/IR

Để đảm bảo độ bền của lớp UV- và/hoặc IR, tránh:

- Mở và đóng cửa kính khi có bụi bẩn hoặc mảnh vụn bám vào cửa kính.
- Sử dụng dung dịch đánh bóng có chứa chất rửa kính, sáp hoặc chất tẩy rửa.

►► Thảm Lót Sàn*

Nếu bạn không sử dụng đúng loại thảm lót sàn thiết kế cho loại xe của bạn, đảm bảo đó là thảm thiết kế cho loại xe cụ thể, vừa vặn với xe và được móc chắc chắn vào móc neo sàn xe.

Cố định thảm lót sàn ghế sau đúng vị trí. Nếu cố định không đúng, thảm sàn có thể làm ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

►► Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn và bụi càng nhanh càng tốt. Nước tràn ra ngấm vào lớp da có thể gây ố. Chất bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo màu tối có thể chà xát vào ghế da sẽ làm thay đổi màu hoặc làm ố da.

Vệ Sinh Ngoại Thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe. Thường xuyên kiểm tra xe và các vết xước trên bề mặt sơn. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

Rửa Xe

Rửa xe thường xuyên. Phải rửa xe thường xuyên hơn khi lái xe trong các điều kiện sau:

- Lái trên đường có muối.
- Lái trên đường bờ biển.
- Lái trên đường nhựa, có muội than, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

Sử Dụng Máy Rửa Xe Tự Động

- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Gập gương cửa lái.
- Tắt cần gạt nước tự động ngắt quãng*.

Sử Dụng Máy Rửa Xe Áp Suất Cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh cửa xe. Đứng quá gần cửa xe có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Thay vào đó, sử dụng nước áp suất thấp và chất tẩy trung tính.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Rửa Xe

Không được phun nước vào lỗ thông hơi. Nó có thể gây sự cố.



■ Sử Dụng Sáp

Một lớp sáp phủ tốt sẽ giúp bảo vệ sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Qua thời gian, sáp sẽ bị mòn và làm lộ ra các bộ phận xe dưới lớp sơn, vì vậy hãy sử dụng lại sáp ngay khi cần thiết.

■ Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, hay dung dịch làm mát hoặc dung dịch ắc quy lên các bộ phận tráng nhựa, nó có thể làm mất màu hoặc bị bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch ngay những bộ phận này.

■ Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

■ Kính chống bám nước*

Cửa kính phía trước được lắp loại kính chống bám nước giúp phân tán nước thành các giọt nhỏ. Để làm sạch các cửa kính phía trước, rửa sạch bằng nước, hoặc lau bằng khăn mềm ẩm.

Sử dụng nước rửa kính có thể tạm thời làm kính chống bám nước không phân tán được nước. Rửa kính bằng nước có thể làm kính chống bám nước trở lại. Nếu phát hiện kính ngừng phân tán nước, hãy liên hệ với đại lý.

►► Sử Dụng Sáp

CHÚ Ý

Chất dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, kim loại, và nhựa trên xe. Nếu để tràn ra xe, lau ngay lập tức.

►► Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ phận Tráng Nhựa Khác

Liên hệ với đại lý để có vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận tráng nhựa.

►► Vệ Sinh Cửa Kính

Loại xe có kính chống bám nước

Để giúp kính chống bám nước hoạt động bền, thực hiện như sau:

- Tránh mở và đóng các cửa kính phía trước khi cửa bị bụi bẩn.
- Tránh sử dụng nước rửa kính có thành phần đánh bóng, sáp hoặc chất tẩy rửa.
- Tránh sử dụng dụng cụ kim loại để cào tuyết ra khỏi cửa kính.
- Lau sạch bụi trên cửa kính trước khi sử dụng máy rửa xe tự động.

■ Vệ Sinh Bánh Xe Vành Nhôm*

Vành nhôm dễ bị hỏng nếu mặt đường có muối hoặc các chất nhiễm bẩn khác. Khi cần, hãy dùng miếng xốp và các chất tẩy rửa trung tính để lau vành nhôm càng sớm càng tốt. Không dùng chổi cứng hoặc các chất hoá học mạnh (bao gồm dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp mạ nhôm trên vành nhôm khiến vành nhôm bị ăn mòn. Một số loại sơn phủ có thể làm vành bánh xe mất đi độ sáng hay bị trầy xước. Để tránh bị gỉ do nước dính vào, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi nó còn ướt.

■ Chóa Đèn Ngoài Xe Bị Mờ

Chóa bên trong của các đèn ngoài xe (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong chóa đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong chóa đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là tình trạng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn ngoài xe.

Đặc tính thiết kế của chóa đèn có thể dẫn đến việc tăng độ ẩm trên bề mặt khung của chóa đèn. Điều này cũng không phải là sự cố.

Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong chóa đèn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Gương Chống Động Nước*

Bề mặt gương cửa xe của bạn được phủ một lớp màng chống đọng nước. Thực hiện các bước sau khi thấy gương bị giảm khả năng chống đọng nước.

1. Rửa gương cửa bằng nước và loại bỏ hết bụi bẩn.
2. Lau gương bằng vải ẩm và sạch.
 - Nếu không thể loại bỏ chất bẩn, sử dụng nước rửa kính chính hiệu hoặc chất tẩy trung tính dùng trong gia đình và rửa lại bằng nước.
3. Để gương dưới mặt trời trong vòng từ năm đến chín giờ đồng hồ.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

► Gương Chống Động Nước*

CHÚ Ý

- Để duy trì khả năng chống đọng nước,
- Không được dùng sáp hoặc chất chống bám nước lên bề mặt gương.
 - Không được lau gương bằng vải có sạn hoặc dụng cụ làm sạch có tính mài mòn.

Phụ Kiện và Điều Chỉnh

Phụ Kiện

Khi lắp phụ kiện, kiểm tra các mục sau:

- Không lắp các phụ kiện lên kính chắn gió. Nó sẽ cản trở tầm nhìn của bạn và làm chậm phản ứng của bạn đối với các điều kiện lái.
- Không lắp bất kỳ phụ kiện nào lên các khu vực đánh dấu SRS Airbag (Túi khí SRS), lên cạnh hoặc phía sau các ghế trước, lên các trụ trước và trụ bên, hoặc gần cửa kính.
Phụ kiện lắp ở các khu vực này có thể cản trở các túi khí của xe hoạt động tốt hoặc có thể đập vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí nổ.
- Đảm bảo các phụ kiện điện không vượt quá tải các mạch điện hoặc không gây cản trở cho việc vận hành xe.
➡ **Câu Chi Tr.** 608
- Trước khi lắp bất cứ phụ kiện điện nào, phải để người lắp đặt liên lạc với đại lý để hỗ trợ. Nếu có thể, yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.

» Phụ Kiện và Điều Chỉnh

⚠ CẢNH BÁO

Lắp thêm phụ kiện hoặc điều chỉnh xe không phù hợp có thể làm ảnh hưởng khả năng xử lý, tính ổn định và hiệu suất của xe và gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các chỉ dẫn trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này liên quan đến phụ kiện và điều chỉnh.

Khi lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo động, máy bộ đàm, ăng ten radio và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và các phanh chống bó cứng.

Nên dùng phụ kiện Chính hiệu Honda để đảm bảo cho xe vận hành đúng cách.

Điều Chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định và chắc chắn của xe, hay lắp bộ phận hay phụ kiện không chính hiệu Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự như vậy.

Thậm chí điều chỉnh một phần hệ thống xe có thể gây ảnh hưởng đến hiệu suất vận hành của toàn bộ xe. Luôn đảm bảo lắp và bảo dưỡng tất cả các thiết bị đúng cách, không được điều chỉnh xe hoặc hệ thống của xe nếu không sẽ không đáp ứng được các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Hệ thống chẩn đoán trên xe (đầu nối OBD-II/SAE J1962) được cài đặt cho xe để sử dụng với các thiết bị chẩn đoán hệ thống ô tô hoặc với các thiết bị tương thích khác của Honda. Việc sử dụng bất kỳ loại thiết bị nào khác có thể ảnh hưởng đến các hệ thống điện tử của xe hoặc làm nó bị hỏng, có thể làm hệ thống gặp sự cố như mất điện, hoặc các sự cố không mong muốn khác.

Không có để điều chỉnh hay sửa chữa bất kỳ bộ phận điện nào.



Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

Phần này giải thích cách xử lý các tình huống bất ngờ.

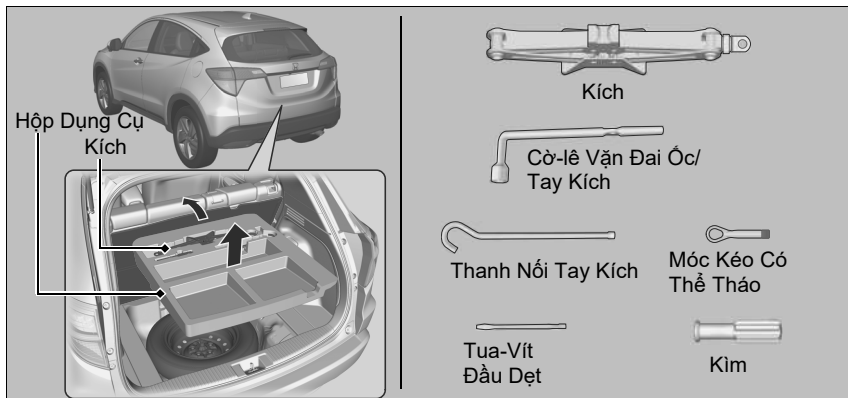
Dụng Cụ			
Loại Dụng Cụ	574		
Nếu Lốp Xe Bị Xẹp			
Thay Lốp Xẹp	576		
Vá Lốp Tạm Thời	583		
Động Cơ Không Khởi Động			
Kiểm Tra Động Cơ	594		
Nếu Pin Chìa Khoá Điều Khiển Từ Xa Yếu	595		
Dừng Động Cơ Khẩn Cấp	596		
Khởi Động BằngẮc Quy Nối Ngoài	597		
Không Gạt Được Cản Sổ	600		
Quá Nhiệt			
Cách Xử Lý Quá Nhiệt	601		
Đèn Báo, Sáng/Nhấp Nháy			
Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng ..	603		
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng	603		
Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy	604		
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng	604		
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng	605		
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh Đổ Điện Sáng	606		
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp (TPMS)* Sáng hoặc Nhấp Nháy	607		
Cầu Chì			
Vị Trí Cầu Chì	608		
Kiểm Tra và Thay Cầu Chì	615		
Kéo Xe Khẩn Cấp	616		
Khi Bạn Không Mở Được Cửa Hậu	619		

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

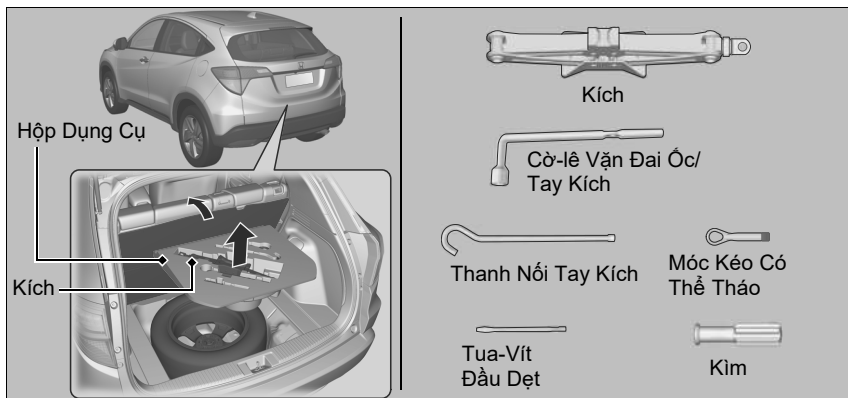
Dụng Cụ

Các Loại Dụng Cụ

Loại xe có lớp dự phòng loại nhỏ



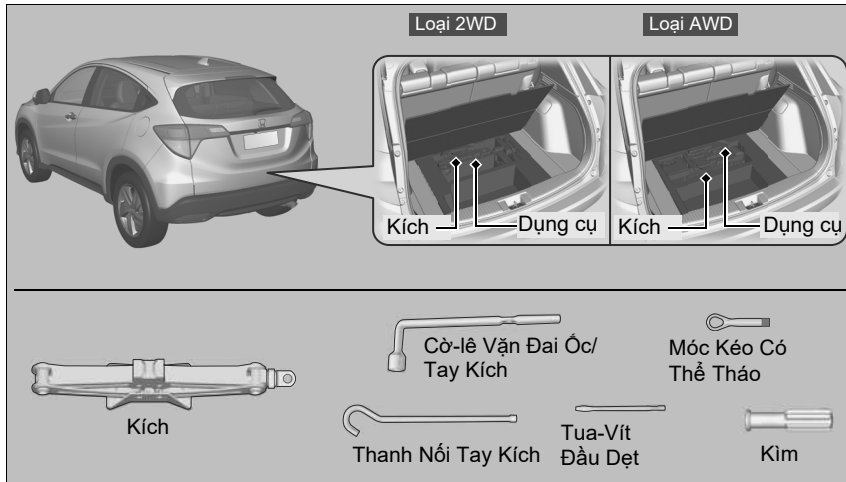
Loại xe có lớp dự phòng có cùng kích cỡ



» Các Loại Dụng Cụ

Dụng cụ được cất trong khoang hành lý.

Loại xe có dụng cụ vá lốp khẩn cấp



Nếu Lốp Xe Bị Xẹp

Thay Lốp Xẹp*

Nếu bị xẹp lốp xe khi đang lái, cầm chắc vô lăng và phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, dừng xe ở nơi an toàn. Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng loại nhỏ*/lốp dự phòng cùng kích cỡ*. Hãy đến đại lý càng nhanh càng tốt để sửa chữa hoặc thay lốp dự phòng cùng kích cỡ.

1. Đỗ xe nơi bằng phẳng, có bề mặt cứng không trơn và kéo phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Gạt cần số đến **P**.

Loại xe có hộp số thường

2. Gạt cần số đến **R**.

Tất cả các loại xe

3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm lên và xoay khóa điện đến KHOÁ **0***1.

Thay Lốp Xẹp*

Thực hiện như sau đối với lốp dự phòng loại nhỏ*:

Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng loại nhỏ*. Áp suất lốp phải đúng chỉ định. Áp suất Chỉ định: 420 kPa (4,2 kgf/cm², 60 psi).

Chú ý khi lái xe với lốp dự phòng loại nhỏ, giữ tốc độ xe dưới 80 km/h. Thay bằng lốp cùng kích cỡ càng sớm càng tốt.

Lốp dự phòng loại nhỏ và bánh xe chỉ dành riêng cho cho loại xe này. Không sử dụng cho xe khác. Không sử dụng loại lốp hoặc bánh xe dự phòng loại nhỏ khác cho xe của bạn.

Không lắp xích bọc lốp vào lốp dự phòng loại nhỏ. Nếu lốp xe trước xích bị xẹp, tháo một trong hai lốp cùng kích cỡ phía sau ra và thay bằng lốp dự phòng loại nhỏ. Tháo lốp trước bị xẹp ra và thay bằng lốp cùng kích cỡ đã tháo ở bánh sau. Lắp xích lốp trước.

Lốp dự phòng loại nhỏ gây khó khăn khi lái và giảm lực bám trên một số bề mặt đường. Cần thận trọng hơn khi lái.

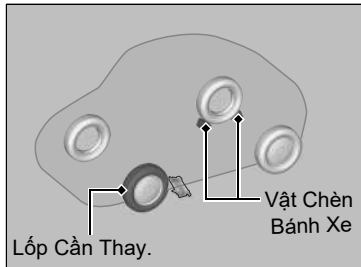
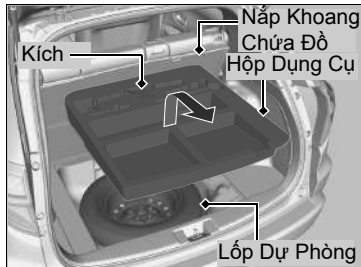
Không dùng nhiều lốp dự phòng loại nhỏ cùng lúc.

Lốp dự phòng loại nhỏ nhỏ hơn lốp có cùng kích cỡ. Khoảng sáng gầm xe giảm khi lắp lốp dự phòng loại nhỏ. Lái xe trên đường có mảnh vụn nhỏ hoặc ổ gà có thể làm hỏng gầm xe.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Chuẩn Bị Thay Lốp Xẹp



1. Mở nắp khoang chứa đồ dưới sàn xe.
2. Lấy hộp dụng cụ trong khoang hành lý ra.
3. Lấy cờ-lê vận đai ốc, thanh nối tay kích và kích trong hộp dụng cụ ra.
4. Tháo bu-lông tai và tháo đệm côn. Sau đó, tháo lốp dự phòng.
5. Đặt vật chèn bánh hoặc tảng đá chéo nhau vào phía trước và phía sau lốp xe bị xẹp.

►► Thay Lốp Xẹp*

CẢNH BÁO: Kích chỉ có thể được sử dụng để hỗ trợ những xe bị xẹp lốp khẩn cấp, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hay cho bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường khác.

Hình dáng của hộp dụng cụ khác nhau tùy thuộc vào loại xe.

CHÚ Ý

Không dùng kích nếu nó không hoạt động đúng. Liên hệ với đại lý hoặc gọi dịch vụ kéo xe cứu hộ chuyên nghiệp.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

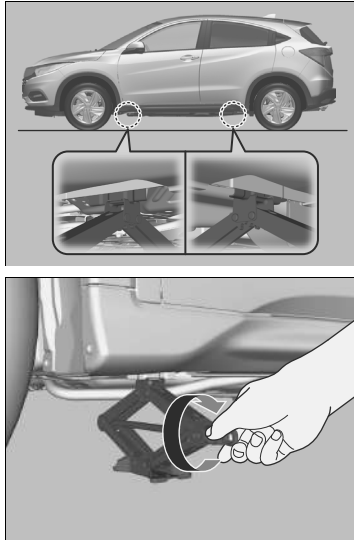


6. Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) bên dưới thân xe, ở gần lốp cần thay.



7. Sử dụng cờ-lê vặn đai ốc để nới lỏng từng đai ốc bánh xe một vòng.

■ Cách Lắp Kịch



1. Đặt kịch bên dưới điểm kê gần nhất với lốp xe cần thay.

2. Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình vẽ cho đến khi đầu kịch chạm vào điểm kê.

► Đảm bảo rằng vấu điểm kê tỳ vào rãnh kịch.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Cách Lắp Kịch

⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng bị trượt ra khỏi kịch, gây trọng thương cho người ở dưới gầm xe.

Làm đúng theo hướng dẫn để thay lốp đúng cách, không ai được để bất cứ bộ phận nào của cơ thể dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.

CẢNH BÁO: Kịch phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn bằng với bề mặt đang đỡ xe.

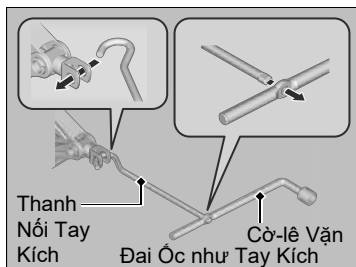
Đối với một số quốc gia

Loại kịch dùng cho xe có nhãn như sau.

1.	2.	3.

1. Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng.
2. Không được chui vào gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.
3. Đặt kịch ở khu vực chắc chắn.

Còn nữa



3. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

►► Cách Lắp Kịch

Không dùng kích khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

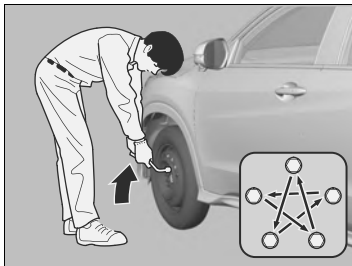
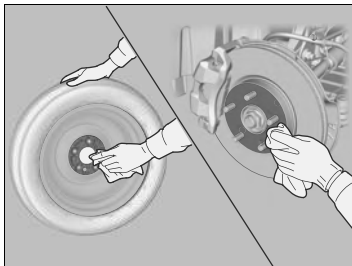
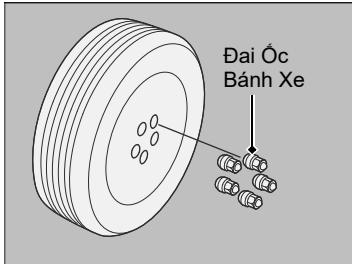
Sử dụng kích được cung cấp kèm theo xe của bạn.

Các kích khác có thể không phù hợp với cân nặng ("tải trọng") hoặc không vừa điểm kích.

Làm theo các hướng dẫn sau để sử dụng kích an toàn:

- Không dùng kích khi động cơ đang chạy.
- Chỉ sử dụng kích trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ sử dụng kích tại điểm cần kê.
- Không được vào xe khi xe đang dùng kích.
- Không đặt bất cứ thứ gì lên trên hoặc dưới kích.

Thay Lốp Xẹp



1. Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.

2. Lau sạch bề mặt lắp ghép bánh xe bằng vải sạch.

3. Lắp lốp dự phòng vào.

4. Vặn đai ốc bánh xe đến khi nó chạm vào miệng xung quanh lỗ gắn, sau đó ngừng xoay.

5. Hạ thấp xe và tháo kích ra.

Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình vẽ. Siết lần lượt mỗi ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.

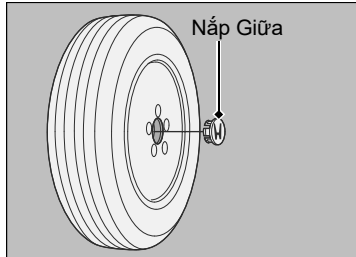
Lực Siết Đai Ốc Bánh Xe:

108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

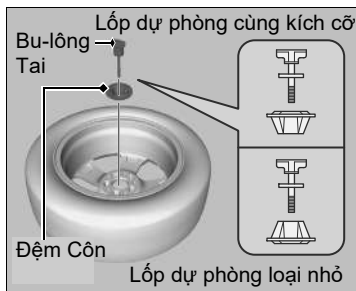
Thay Lốp Xẹp

Không siết đai ốc bánh xe quá chặt bằng chân hay ống nối.

Cắt Giữ Lốp Xẹp



1. Tháo nắp giữa.



Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ

2. Tháo đệm côn ra khỏi bu-lông tai, lật ngược nó lại và lắp lại vào bu-lông.

Tất cả các loại xe


3. Đặt lốp xẹp quay mặt xuống dưới vào khoang lốp dự phòng.

4. Giữ lốp xẹp bằng bu-lông tai.

5. Cắt chặt kích, cờ-lê vận đai ốc và thanh nổi tay kích vào hộp dụng cụ.

6. Cắt hộp dụng cụ vào trong khoang hành lý.

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*/TPMS* và Lốp Dự Phòng

Nếu bạn thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng loại nhỏ, đèn báo  sẽ sáng trong khi bạn đang lái xe. Sau khi lái được vài kilomet, đèn báo sẽ nhấp nháy trong vài giây và sau đó sáng, điều này là bình thường.

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp/TPMS khi bạn thay một lốp bằng lốp đạt tiêu chuẩn theo quy định.

► Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp Tr. 477

► Hiệu Chỉnh TPMS Tr. 480

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Cắt Giữ Lốp Xẹp

⚠ CẢNH BÁO

Vật dụng không được cắt giữ cẩn thận có thể văng trong xe gây trọng thương cho người ngồi trong xe.

Cắt bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.

Vá Lốp Tạm Thời*

Nếu lốp xe có một lỗ thủng lớn hoặc bị hư hỏng nghiêm trọng, bạn cần phải gọi dịch vụ kéo xe. Nếu lốp bị lỗ thủng nhỏ, ví dụ như đinh, bạn có thể sử dụng dụng cụ vá lốp tạm thời trước khi bạn lái xe đến trạm sửa chữa xe gần nhất.


Nếu lốp xe bị xẹp trong khi lái xe, giữ vô lăng chắc chắn và nhấn phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó dừng xe ở nơi an toàn.

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.
2. Gạt cần số đến **P**.
3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và cài đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

► Vá Lốp Tạm Thời*

Trong các tình huống sau không nên sử dụng dụng cụ vá lốp tạm thời mà hãy liên hệ với đại lý hoặc nhờ người hỗ trợ ở lề đường để kéo xe.

- Keo vá lốp hết hạn.
- Nhiều lốp bị thủng cùng lúc.
- Vết thủng hoặc vết cắt lớn hơn 4 mm.
- Thành lốp bị hư hỏng hoặc có vết thủng bên ngoài khu vực tiếp xúc.

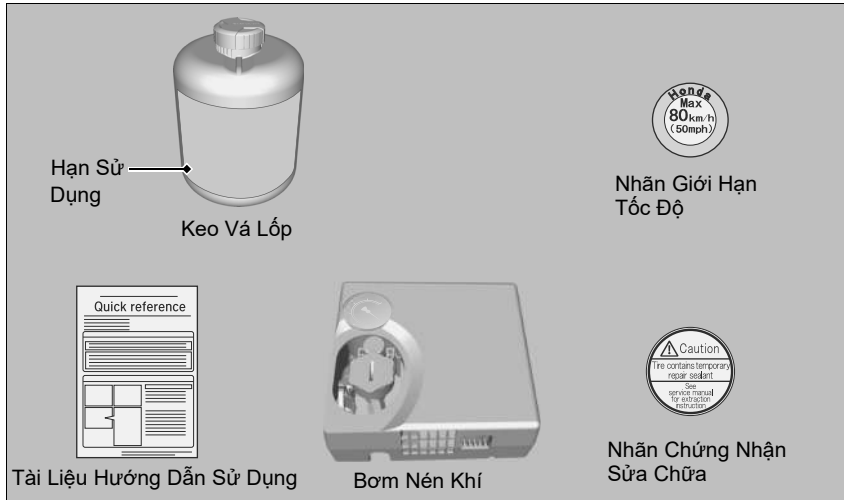
 <p>Khu Vực Tiếp Xúc</p>	Lốp xe bị thủng:	Sử dụng Dụng Cụ
	Nhỏ hơn 4 mm	Có
	Lớn hơn 4 mm	Không

- Có thể xảy ra hư hỏng nếu lái xe với lốp quá non hơi.
- Mép lốp không lấp khít.
- Vành bánh xe bị hỏng.

Không rút đinh hoặc vít đã đâm vào lốp. Bởi nếu rút ra bạn sẽ không thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp.

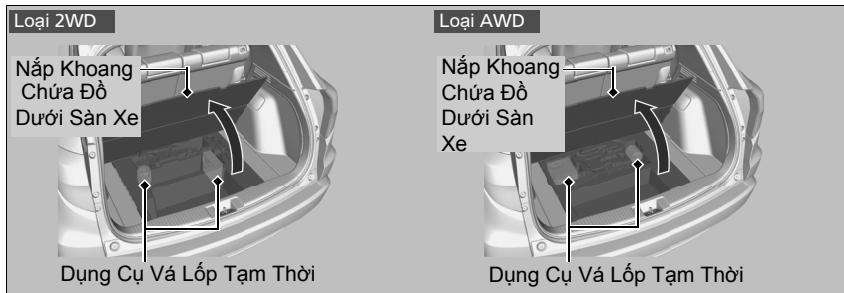
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Vá Lốp Xẹp Tạm Thời



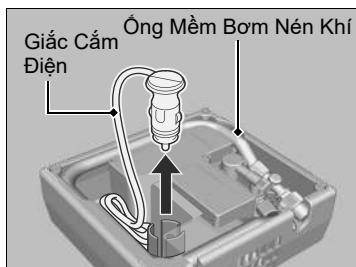
►► Vá Lốp Xẹp Tạm Thời

Khi thực hiện vá lốp tạm thời, đọc kỹ tài liệu hướng dẫn sử dụng đi kèm với bộ dụng cụ.

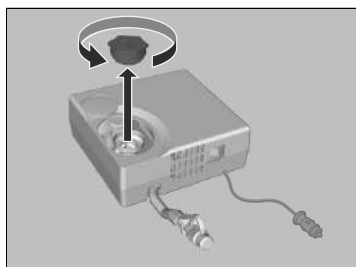


1. Mở nắp khoang chứa đồ dưới sàn xe.
2. Lấy dụng cụ ra khỏi hộp dụng cụ.
3. Đặt dụng cụ quay mặt lên trên, trên bề mặt bằng phẳng gần lốp xe bị xẹp và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng dụng cụ.

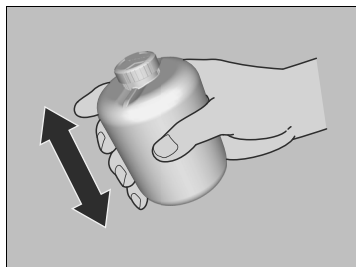
Bơm Keo Vá Lốp và Hơi



1. Rút ống mềm bơm nén khí và ổ cắm điện.



2. Mở nắp bơm hơi.



3. Lắc đều bình keo vá lốp.

►► Bơm Keo Vá Lốp và Hơi

⚠ CẢNH BÁO

Keo vá lốp có chứa chất độc và có thể gây tử vong nếu nuốt phải.

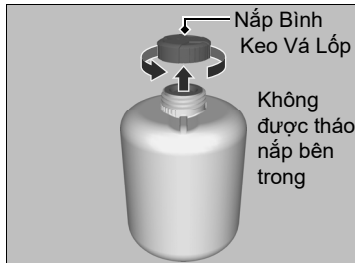
Nếu không may nuốt phải, không được cố ép để nôn ra. Hãy uống nhiều nước và đến ngay cơ sở y tế.

Nếu keo vá lốp dính vào da và mắt, dùng nước mát rửa vùng da đó và đến ngay cơ sở y tế.

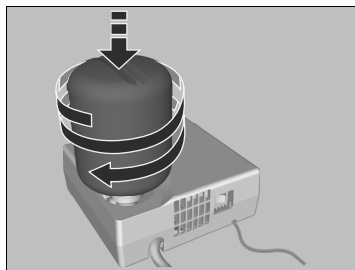
Đề keo vá lốp tránh xa tầm tay của trẻ. Không được lắc bình keo vá lốp sau khi đã lắp ống dẫn keo. Nếu không keo vá lốp có thể tràn ra ngoài.

Ở nhiệt độ thấp, keo vá lốp có thể không dễ chảy. Trong tình huống này, hãy làm ấm nó khoảng năm phút trước khi sử dụng.

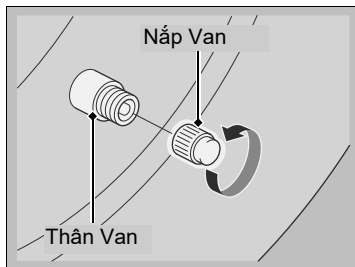
Keo vá lốp có thể làm đổi màu quần áo và các chất liệu khác. Hãy cẩn thận trong quá trình xử lý và lau sạch ngay nếu keo tràn ra.



- 4. Tháo nắp ra khỏi cổ bình keo vá lốp.**
► Không được tháo nắp bên trong.

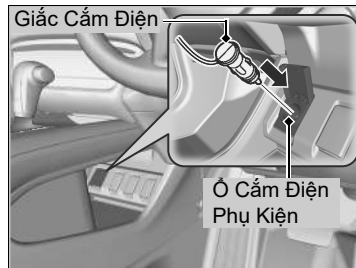
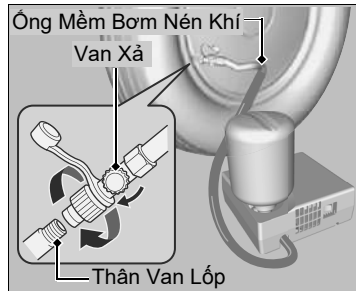


- 5. Vít chặt bình vào bơm nén khí.**
► Vít bình cho đến khi nó chặt khít.



- 6. Tháo nắp van ra khỏi thân van lốp.**

►► Nếu Lốp Xe Bị Xẹp ► Vá Lốp Xẹp Tạm Thời*




7. Vít ống mềm bơm nén khí vào thân van.

- Đảm bảo đóng chặt van xả.
- Đảm bảo tắt công tắc.

8. Cắm giắc cắm điện vào ổ cắm điện phụ kiện.

- Cần thận không làm kẹp dây vào cửa hoặc cửa kính.

► (Các) Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Tr. 245

9. Xoay khóa điện đến KHỞI ĐỘNG ^{*1} mà không nhấn bàn đạp ga, sau đó khởi động động cơ.

► Khí CO Tr. 96

►► Bơm Keo Vá Lốp và Hơi

⚠ CẢNH BÁO

Chạy động cơ xe trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

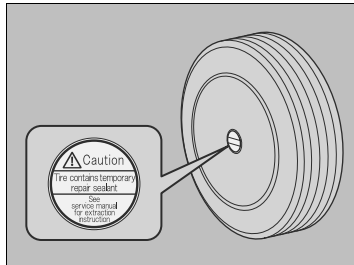
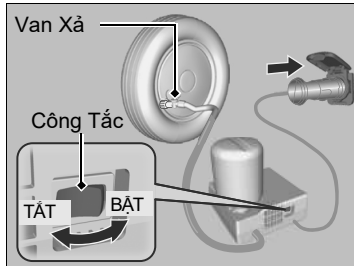
Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí bị tử vong. Chỉ chạy động cơ để cấp điện cho bơm nén khí khi xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

Không được tháo bình rỗng ra khỏi bơm nén khí sau khi bơm keo vá lốp.

Mang bình keo vá lốp đã sử dụng đến đại lý của Honda mà không cần tháo nó ra khỏi bơm nén khí.

Đảm bảo tắt bơm nén khí khi lắp ống mềm bơm nén khí.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.



10. Bật bơm nén khí để bơm lốp xe.
 - Bơm nén khí bắt đầu bơm keo vá lốp và hơi vào lốp xe.
 - Sau khi bơm keo vá lốp, tiếp tục bơm hơi.
11. Bơm lốp với áp suất lốp quy định.
Lốp Trước: 210 kPa (30 psi)/Lốp Sau: 200 kPa (29 psi)
12. Tắt bơm nén khí.
 - Kiểm tra đồng hồ đo áp suất trên bơm nén khí.
 - Nếu lốp quá căng, điều chỉnh van xả để xả từ từ hơi ra khỏi lốp. Khi xả hơi, cẩn thận không làm keo vá lốp đã bơm tràn ra ngoài.
13. Rút giắc cắm của bộ dụng cụ vá lốp ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
14. Tháo ống mềm bơm nén khí.
 - Cẩn thận không để keo vá lốp tràn ra ngoài. Dùng vải lau keo vá lốp tràn ra ngoài ngay lập tức.
15. Cài dụng cụ vá lốp tạm thời vào cửa hậu.
 - Không tháo bình keo vá lốp ra khỏi bơm nén khí.
16. Dán nhãn chứng nhận sửa chữa lên bề mặt bằng phẳng của bánh xe.
 - Phải làm sạch bề mặt bánh xe để đảm bảo nhãn dính chặt vào bánh xe.

►► Bơm Keo Vá Lốp và Hơi

CHÚ Ý

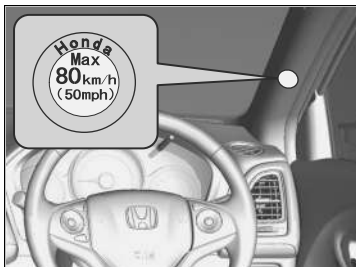
Không vận hành bơm nén khí của bộ dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 15 phút. Bơm nén khí có thể quá nhiệt và bị hư hỏng.

Cho đến khi bơm xong keo vá lốp, áp suất hiển thị trên đồng hồ đo áp suất sẽ cao hơn thực tế. Sau khi bơm keo vá lốp, áp suất sẽ giảm và sau đó bắt đầu tăng trở lại do lốp được bơm hơi. Điều này là bình thường. Để đo chính xác áp suất khí bằng đồng hồ đo áp suất lốp, chỉ tắt bơm nén khí sau khi bơm keo vá lốp cho đến khi bơm keo vá lốp xong.

Nếu trong vòng mười phút bơm mà không đạt được mức áp suất khí cần thiết, có thể lốp xe của bạn bị hư hỏng nghiêm trọng, bạn cần phải kéo xe.

Dòng điện cấp nguồn bơm nén khí giới hạn cho ổ cắm điện phụ kiện của xe bạn là 12 vôn DC.

■ Phân Bỏ Keo Vá Lốp trong Lốp Xe



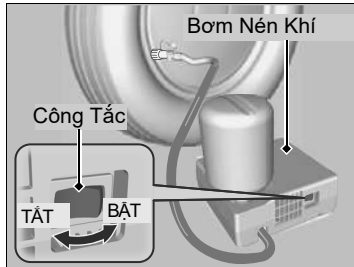
1. Dán nhãn giới hạn tốc độ vào vị trí như hình vẽ.
2. Lái xe trong khoảng 10 phút.
 - Không vượt quá 80 km/h.
3. Dừng xe nơi an toàn.
4. Sử dụng đồng hồ đo áp suất để kiểm tra lại áp suất khí trên bơm nén khí.
 - Không được bật bơm nén khí khi kiểm tra áp suất.

►► Phân Bỏ Keo Vá Lốp trong Lốp Xe

⚠ CẢNH BÁO

Chạy động cơ xe trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí bị tử vong. Chỉ chạy động cơ với bơm nén khí xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.



5. Nếu áp suất lốp:

- Dưới 130 kPa (19 psi): Không được bơm thêm hơi và tiếp tục lái xe. Lốp bị thủng nặng. Gọi dịch vụ kéo xe.

► **Kéo Xe Khẩn Cấp** Tr. 616

- Lốp Trước: 210 kPa (30 psi)/Lốp sau: từ 200 kPa (29 psi) trở lên:
Tiếp tục lái xe thêm 10 phút hoặc cho đến khi bạn tìm thấy trạm dịch vụ sửa chữa gần nhất. Không lái xe vượt quá 80 km/h.
- Trên 130 kPa (19 psi), nhưng thấp hơn áp suất quy định: Bơm lốp đến áp suất lốp quy định.

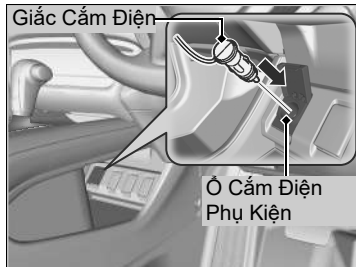
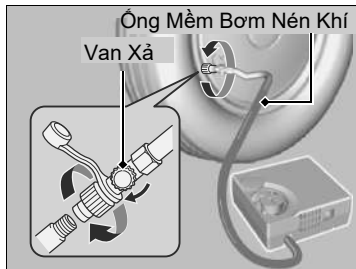
► **Bơm Lốp Bị Xẹp** Tr. 592

Lặp lại từ bước 2 đến bước 4 cho đến khi bạn tìm thấy trạm sửa chữa gần nhất. Không lái xe vượt quá 80 km/h.

6. Cất và xếp gọn dụng cụ vá lốp khẩn cấp.

■ Bơm Lốp Bị Xẹp

Bạn có thể sử dụng dụng cụ và lốp khẩn cấp để bơm lốp xẹp không bị thủng.



1. Mở nắp khoang chứa đồ dưới sàn xe.
2. Lấy dụng cụ ra khỏi hộp dụng cụ.
3. Đặt dụng cụ quay mặt lên trên, trên bề mặt bằng phẳng gần lốp xe bị xẹp, và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng dụng cụ.
4. Tháo nắp van.
5. Vít ống mềm bơm nén khí vào thân van.
 - Đảm bảo đóng chặt van xả.
6. Cắm bơm nén khí vào ổ cắm điện phụ kiện.
 - Cảnh thận không làm kẹt dây vào cửa hoặc cửa kính.
 - (Các) Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Tr. 245
7. Xoay khóa điện đến PHỤ KIỆN **I***1.
 - Ở nhiệt độ đóng băng, khởi động động cơ và để nó chạy trong khi sửa lốp xe bị xẹp.
 - Khí Xả CO Tr. 96

►► Bơm Lốp Xẹp

⚠ CẢNH BÁO

Chạy động cơ xe trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

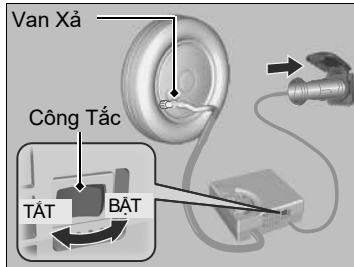
Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí bị tử vong. Chỉ chạy động cơ với bơm nén khí xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

CHÚ Ý

Không vận hành bơm nén khí của bộ dụng cụ và lốp tạm thời quá 15 phút. Bơm nén khí có thể quá nhiệt và bị hư hỏng.

Dòng điện cấp nguồn bơm nén khí giới hạn cho ổ cắm điện phụ kiện của xe bạn là 12 vôn DC.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.



8. Bật công tắc bơm nén khí để bơm lốp.
 - Bơm nén khí bắt đầu bơm hơi vào lốp.
 - Nếu bạn đã khởi động động cơ, hãy để động cơ chạy trong khi bơm hơi.
9. Bơm lốp với áp suất lốp quy định.
Lốp Trước: 210 kPa (30 psi)/Lốp Sau: 200 kPa (29 psi)
10. Tắt bơm nén khí.
 - Kiểm tra đồng hồ đo áp suất ở bơm nén khí.
 - Nếu lốp quá căng, điều chỉnh van xả để xả từ từ hơi ra khỏi lốp. Khi xả hơi, cẩn thận không làm keo vá lốp tràn ra ngoài.
11. Xoay khoá điện đến KHOÁ 0*¹.
12. Rút giắc cắm của bộ dụng cụ vá lốp ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
13. Tháo ống mềm bơm nén khí ra khỏi van.
14. Lắp lại nắp van.
15. Cát và xếp gọn dụng cụ vá lốp tạm thời.

►► Bơm Lốp Bị Xẹp

Đảm bảo tắt bơm nén khí khi kiểm tra đồng hồ đo áp suất ở bơm nén khí.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Động Cơ Không Khởi Động

Kiểm Tra Động Cơ

Nếu động cơ không khởi động, kiểm tra bộ khởi động.

»Kiểm Tra Động cơ

Nếu cần khởi động xe ngay, dùng ắc quy nối ngoài để khởi động động cơ.

➤ **Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài** Tr. 597

Tình trạng bộ khởi động

Danh Mục Kiểm Tra

Bộ khởi động không khởi động hoặc khởi động quá chậm.

Có thể ắc quy chết. Kiểm tra từng mục bên phải xem có hoạt động không.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Kiểm tra thông báo trên màn hình hiển thị đa thông tin*.

• Nếu xuất hiện thông báo **To Start, Hold Remote Near Start Button** (Để Khởi Động, Hãy Giữ Chìa Khoá Điều Khiển Từ Xa Gần Nút Khởi Động).

➤ **Nếu Pin Chìa Khoá Điều Khiển Từ Xa Yếu** Tr. 595

► Đảm bảo chìa khoá điều khiển từ xa nằm trong phạm vi vận hành của nó.

➤ **Phạm Vi Vận Hành Nút ENGINE START/STOP** Tr. 199

Kiểm tra độ sáng của các đèn trong xe.

Bật các đèn trong xe lên và kiểm tra độ sáng.

• Nếu các đèn trong xe mờ hoặc không sáng lên được ➤ **Ắc Quy** Tr. 557

• Nếu các đèn trong xe sáng bình thường ➤ **Cầu Chi** Tr. 608

Bộ khởi động hoạt động bình thường nhưng động cơ không khởi động.

Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng mục bên phải xem có hoạt động bình thường không.

Xem lại quy trình khởi động động cơ.

Làm theo các hướng dẫn và cố gắng khởi động lại động cơ.

➤ **Khởi Động Động Cơ** Tr. 441, 444

Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy.

Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ.

➤ **Hệ Thống Chống Nổ Máy** Tr. 190

Kiểm tra mức nhiên liệu.

Cần có đủ nhiên liệu trong bình.

➤ **Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu** Tr. 142, 146

Kiểm tra cầu chì.

Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

➤ **Kiểm Tra và Thay Cầu Chi** Tr. 615

Nếu sự cố vẫn còn:

➤ **Kéo Xe Khẩn Cấp** Tr. 616

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Nếu Pin Chìa khoá Điều Khiển Từ Xa Yếu

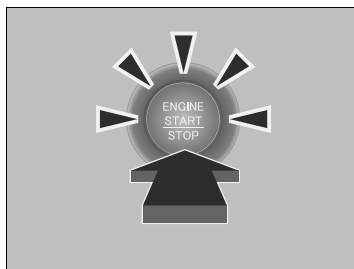
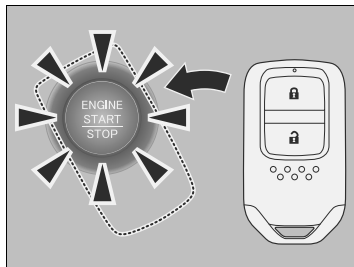
Nếu tiếng bip vang lên, đèn báo nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy và động cơ không khởi động.

Loại xe có màn hình hiển thị đa thông tin

Thông báo **To Start, Hold Remote Near Start Button** (Để Khởi Động, Giữ Chìa Khoá Điều Khiển Từ Xa Gần Nút Khởi Động) xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin.

Tất cả các loại xe

Khởi động động cơ như sau:



1. Áp logo chữ **H** trên chìa khoá điều khiển từ xa vào giữa nút **ENGINE START/ STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** đang nhấp nháy. Mặt có các nút bấm phải quay về phía bạn.
► Nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy trong khoảng 30 giây.
2. Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP** trong 10 giây sau khi tiếng bip vang lên và nút **ENGINE START/STOP** thay đổi từ nhấp nháy sang sáng hẳn.
► Nếu bạn không nhấn bàn đạp, chế độ sẽ chuyển sang PHỤ KIỆN.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Bạn có thể dùng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong tình huống khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, thực hiện một trong 2 thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn mạnh nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khoá.

Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN khi động cơ dừng.

Để chuyển chế độ sang TẮT MÁY, gạt cần số đến **P** sau khi xe dừng hoàn toàn. Sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

» Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Không ấn nút khi đang lái xe trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ.

Nếu bạn ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi lái, tiếng bíp vang lên.

Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

Quy Trình Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.



1. Mở nắp hộp cầu chì ở cực dương \oplus ắc quy của xe.
2. Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực \oplus của ắc quy xe.
3. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ nhất vào cực \oplus của ắc quy hỗ trợ.
 - ▶ Chỉ sử dụng ắc quy hỗ trợ loại 12 vôn.
 - ▶ Khi sử dụng bộ nạp ắc quy tự động để hỗ trợ ắc quy 12 vôn, chọn điện áp nạp dưới 15 vôn. Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ nạp để cài đặt cho phù hợp.
4. Nối đầu dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực \ominus ắc quy hỗ trợ.

Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy có thể nổ nếu không làm đúng theo quy trình, gây trọng thương cho bất kỳ ai ở gần ắc quy.

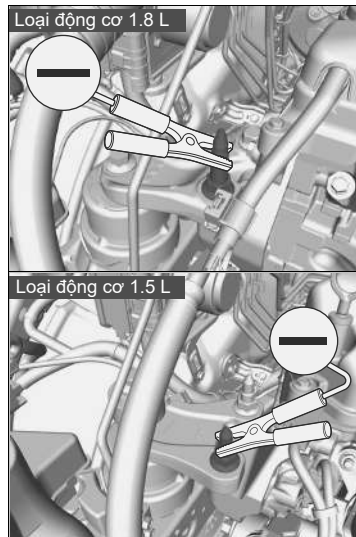
Đề tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa tránh xa ắc quy.

CHÚ Ý

Nếu để ắc quy trong điều kiện nhiệt độ cực thấp, chất điện phân có thể bị đông lại. Khởi động bằng ắc quy nối ngoài bị đông có thể gây ra đoản mạch.

Gắn chắc kẹp dây cáp nối ngoài để nó không tuột khi động cơ rung. Chú ý không để lộn xộn cáp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi đang gắn hoặc tháo rời các cáp nối ngoài.

▶▶ Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài ▶▶



5. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ hai vào vít cấy như hình vẽ. Không nối dây cáp nối ngoài này vào bất cứ bộ phận nào khác.
6. Nếu cáp nối ngoài được nối với xe khác, khởi động động cơ của xe hỗ trợ và tăng vòng quay động cơ nhẹ nhàng.
7. Cố gắng khởi động động cơ xe của bạn. Nếu mô-tơ khởi động chậm, kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài có tiếp xúc tốt không.

▶▶ Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

Ắc quy để trong điều kiện nhiệt độ thấp sẽ làm giảm hiệu quả vận hành và làm động cơ khó khởi động.

■ Làm Gì Sau Khi Khởi Động Động Cơ

Khi khởi động được động cơ, tháo dây cáp nối ngoài ra theo trình tự dưới đây.

1. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi vít cấy của xe.
2. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực \ominus của ắc quy hỗ trợ.
3. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực \oplus của ắc quy xe.
4. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực \oplus của ắc quy hỗ trợ.

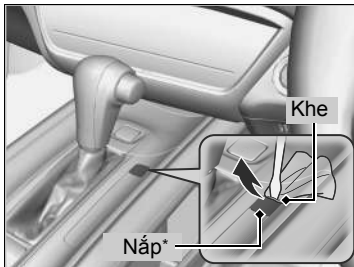
Đưa xe đến trạm sửa chữa gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

Không Gạt Được Cần Số

Loại xe có hộp số vô cấp

Làm theo quy trình dưới đây nếu không thể gạt được cần số ra khỏi vị trí **P**.

Nhả Khóa



1. Nhấn phanh đỗ.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

2. Rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

2. Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa.

Loại xe có nắp khe nhả khóa sang số

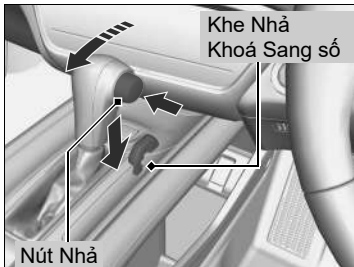
3. Bọc vải xung quanh đầu nhỏ tua-vít dẹt. Đưa nó vào trong khe nhả khóa sang số như trong hình vẽ và tháo nắp ra.

Tất cả các loại xe

4. Cắm chìa khóa vào khe nhả khóa sang số.

5. Trong khi ấn chìa khóa xuống, bấm nút nhả cần số và gạt cần số đến **N**.

► Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.



Quá Nhiệt

Cách Xử Lý Quá Nhiệt

Dấu hiệu động cơ bị quá nhiệt:

- Đèn báo nhiệt độ cao (đỏ) sáng hoặc động cơ đột ngột giảm công suất.
- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

■ Bước đầu tiên

1. Đỗ xe vào nơi an toàn ngay lập tức.
2. Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.
 - ▶ **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Để động cơ chạy và mở nắp ca-pô.
 - ▶ **Có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Tắt động cơ và đợi đến khi hơi hoặc tia nước không còn bắn ra. Sau đó mở nắp ca-pô.

» Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠ CẢNH BÁO

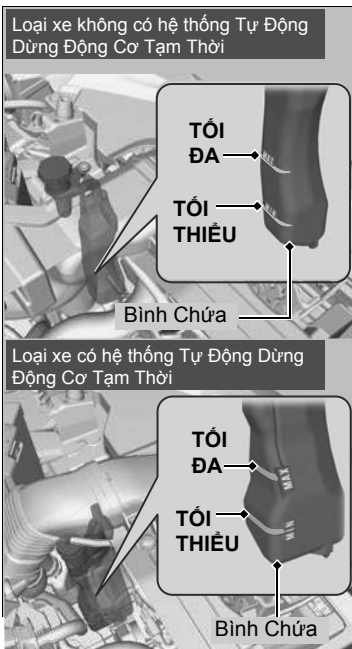
Hơi nước và tia nước từ động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

Không mở nắp ca-pô khi có hơi nước bốc lên.

CHÚ Ý

Tiếp tục lái xe khi đèn báo nhiệt độ cao sáng sẽ làm hư hỏng động cơ.

■ Bước tiếp theo



1. Kiểm tra quạt làm mát đang hoạt động và dừng động cơ khi đèn báo nhiệt độ cao tắt.
 - Nếu quạt làm mát không hoạt động, phải tắt động cơ ngay.
2. Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.
 - Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, bổ sung nước làm mát cho đến khi chạm vạch **MAX**.
 - Nếu không có nước làm mát trong bình, kiểm tra xem két nước có mát không. Dùng miếng vải dày để mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến để cổ lọc và đóng nắp lại.

■ Bước cuối cùng

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại và kiểm tra đèn báo nhiệt độ cao. Nếu đèn báo nhiệt độ cao tắt, tiếp tục lái xe. Nếu đèn báo vẫn sáng, liên hệ với đại lý để sửa chữa.

►► Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước trong khi động cơ nóng có thể làm cho nước làm mát phun ra, sẽ làm bạn bị bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két nước nguội trước khi tháo nắp két nước.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy đưa xe đến đại lý để thay thế nước làm mát chính hãng càng sớm càng tốt.

Đèn Báo, Sáng/Nhấp Nháy

Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng lên khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ Làm gì ngay sau khi đèn báo sáng

1. Đỗ xe nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.
2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.
 - ☑ Kiểm Tra Dầu Tr. 524
3. Khởi động động cơ và kiểm tra đèn báo áp suất dầu thấp.
 - ▶ Đèn tắt: Tiếp tục lái xe.
 - ▶ Đèn không tắt trong vòng 10 giây: Dừng động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa ngay lập tức.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng khi không nạp được ắc quy.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tắt hệ thống sưởi* và làm mát*/hệ thống điều khiển khí hậu*, bộ sấy sau và các hệ thống điện khác và liên hệ ngay với đại lý để sửa chữa.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

☒ Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng

CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể làm động cơ hư hỏng nghiêm trọng.

☒ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng

Nếu cần dừng tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm ắc quy nhanh hết điện

Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Sáng nếu có vấn đề ở hệ thống kiểm soát khí xả động cơ.
- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng mất lửa.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tránh lái xe ở tốc độ cao và đưa xe đến ngay đại lý để kiểm tra.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy ở gần, đợi ít nhất 10 phút hoặc hơn trong khi động cơ dừng đến khi nguội.

►►Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy

CHÚ Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống kiểm soát khí xả và động cơ có thể bị hỏng.

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ từ 50 km/h trở xuống để kiểm tra.

►►Nếu Đèn Báo Hệ thống Phanh Sáng (Đỏ)

Nếu Đèn Báo Hệ thống Phanh Sáng (Đỏ)



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Mức dầu phanh thấp.
- Có sự cố ở hệ thống phanh.

■ Làm gì khi đèn báo sáng lên trong khi đang lái

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất bàn đạp.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần thiết, giảm số để sử dụng phanh động cơ của xe.

Đưa xe đi sửa chữa ngay lập tức.

Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ gây nguy hiểm. Nếu không có lực cản ở bàn đạp phanh, dừng xe ngay lập tức ở nơi an toàn. Nếu cần, giảm số.

Nếu đèn báo hệ thống phanh và đèn báo **ABS** cùng sáng, hệ thống phân phối phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp.

Hãy đưa xe đến đại lý ngay lập tức để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.
- Nếu bạn liên tục nhấn bàn đạp ga để tăng tốc độ động cơ khi động cơ đang ở chế độ không tải, đèn báo sẽ sáng và đôi khi sẽ rất khó để vận hành vô lăng.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Dừng xe ở nơi an toàn và khởi động lại động cơ.

Nếu đèn báo vẫn tiếp tục sáng, hãy đưa xe đến đại lý ngay để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh Đổ Điện Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng nếu hệ thống phanh đổ điện có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tránh sử dụng phanh đổ và đưa xe đến ngay đại lý để kiểm tra.

■ Làm gì khi đèn báo hệ thống phanh đổ điện sáng hoặc nhấp nháy cùng lúc.

Nhả phanh đổ.

► **Phanh Đổ** Tr. 485

- Nếu đèn báo phanh đổ điện tiếp tục sáng hoặc nhấp nháy ngay cả sau khi nhả phanh đổ, hãy dừng ngay xe tại vị trí an toàn và gọi ngay cho đại lý.

► Không để xe di chuyển

Loại xe có hộp số vô cấp

gạt cần số đến **P**.

Loại xe có hộp số thường

gạt cần số đến **1** hoặc **R**.

- Nếu chỉ đèn báo hệ thống phanh đổ điện tắt, đưa xe đến ngay đại lý để kiểm tra.

►► Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh Đổ Điện Sáng

Nếu bạn gài phanh đổ, có thể nó sẽ không nhả.

Nếu đèn báo hệ thống phanh đổ điện cũng sáng, phanh đổ vẫn được gài.

Khi đèn báo phanh đổ điện nhấp nháy cùng lúc với đèn báo hệ thống phanh đổ điện, phải kiểm tra hệ thống. Phanh đổ có thể không hoạt động trong các điều kiện này.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp (TPMS)* Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng/nhấp nháy

Áp suất lốp quá thấp, hoặc hệ thống cảnh báo xẹp lốp/TPMS không được hiệu chỉnh. Nếu có vấn đề với hệ thống cảnh báo xẹp lốp/TPMS hoặc lốp dự phòng loại nhỏ* đã lắp, đèn báo nhấp nháy trong khoảng 1 phút và sau đó sáng.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận và tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định ở nhãn dán trên khung cửa phía người lái.

- Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp/TPMS sau khi điều chỉnh áp suất lốp.

► **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp** Tr. 477

► **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 480

■ Phải làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng

Phải đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp sớm nhất có thể. Nếu lốp dự phòng loại nhỏ làm đèn báo nhấp nháy, thay lốp bằng lốp có cùng kích cỡ.

Đèn báo sẽ tắt sau khi xe đi được vài kilomet.

- Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp/TPMS sau khi thay lốp có cùng kích cỡ.

► **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp** Tr. 477

► **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 480

►►Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp (TPMS)* Sáng hoặc Nhấp Nháy

CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp xe bị quá nhiệt. Lốp quá nhiệt có thể bị hỏng. Luôn bơm lốp đến mức quy định.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Cầu Chì

Vị Trí Cầu Chì

Nếu bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, xoay khoá điện đến KHOÁ [0]^{*1} và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

Hộp Cầu Chì Khoang Động Cơ

Loại xe có nhãn vị trí cầu chì

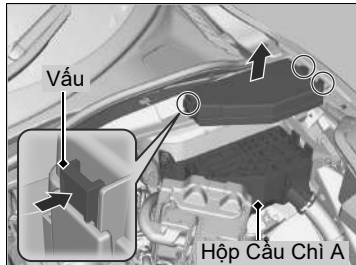
Loại xe New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Ma Cao

Hộp Cầu Chì A

Đặt gần bình chứa dầu phanh.

Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.

Các vị trí cầu chì hiển thị ở vỏ hộp cầu chì. Đặt cầu chì theo số cầu chì và số ở vỏ hộp cầu chì.



Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Cần Gạt Nước	(30 A)
2	-	-
3	Mạch Dừng Chính	30 A
4	Tụ Điện	(30 A)
5	Mạch Chính Đèn Chiếu Sáng Chiếu Gần	20 A
6	-	(20 A)
7	Kim Phun	(20 A)
8	IGP	15 A
9	Cuộn Đánh Lửa	15 A
10	Điều Khiển Bờ Dây	15 A
11	-	(30 A)
12	Quạt Chính	30 A
13	Công Tắc Bộ Khởi Động	(30 A)
14	Ly Hợp Từ	7,5 A
15	Cảm Biến Áp Quy	(7,5 A)
16	Đèn Sương Mù Trước	(10 A)
17	EOP	(10 A)
18	Còi	10 A
19	Đèn Nhỏ	10 A
20	-	(10 A)
21	Đèn Lùi	10 A
22	Âm Thanh	(10 A)
23	Quạt Phụ	(30 A)
24	-	(30 A)

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
25	Mạch Phụ IGP2	(7,5 A)
26	Rơ-le Phụ FI	(7,5 A)
27	Đèn Chiếu Gần Bên Trái	10 A
28	Đèn Chiếu Gần Bên Phải	10 A
29	Bộ Khởi Động	(7,5 A)
30	-	-
31	Mạch Dừng	10 A
32	Nguy Hiểm	10 A
33	Đèn Ban Ngày	(10 A)

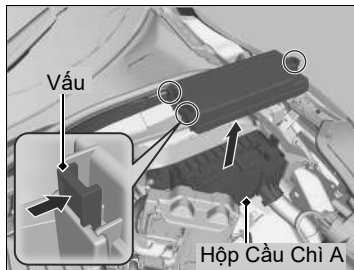
* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

Loại xe có nhãn vị trí cầu chi

Ngoại trừ loại xe New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Ma Cao

■ Hộp Cầu Chi A

Đặt gần bình chứa dầu phanh.
 Đẩy các vấu để mở hộp cầu chi.
 Các vị trí cầu chi hiển thị ở vỏ hộp cầu chi.
 Đặt cầu chi theo số cầu chi và số ở vỏ hộp cầu chi.



■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

Mạch Được Bảo Vệ Cường Độ		
1		Mạch Chính Đèn Chiếu Sáng Chiếu Gần 20 A
2		Trượt Ghế Điện Phía Người Lái* (20 A)
3		Nguy Hiểm 10 A
4		DBW 15 A
5		Cần Gạt Nước* (30 A)
6		Mạch Dừng 10 A
7		IGP 15 A
8		Cuộn Đánh Lửa 15 A
9		Đèn Ban Ngày* (10 A)
10		- (20 A)
11		- (30 A)
12		Quạt Làm Mát Chính 30 A
13		Công Tắc Bộ Khởi Động* (30 A)
14		Ly Hợp Từ 7,5 A
15		Cảm Biến Áp Quy* (7,5 A)
16		Đèn Nhỏ 10 A
17		Ngả Ghế Điện Phía Người Lái* (20 A)
18		Còi 10 A
19		Đèn Sương Mù Trước* (10 A)
20		- (10 A)
21		Đèn Lùi 10 A
22		Âm Thanh (10 A)
23		Quạt Phụ (30 A)

Mạch Được Bảo Vệ Cường Độ		
24		- (30 A)
25		Bộ Khởi Động* (7,5 A)
26		ST MG* (7,5 A)
27	-	-
28	-	-
29		- (30 A)
30		Rơ-le Phụ FI (7,5 A)
31		IGP2 Phụ (7,5 A)
32		Đèn Chiếu Gần Bên Phải 10 A
33		Đèn Chiếu Gần Bên Trái 10 A

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

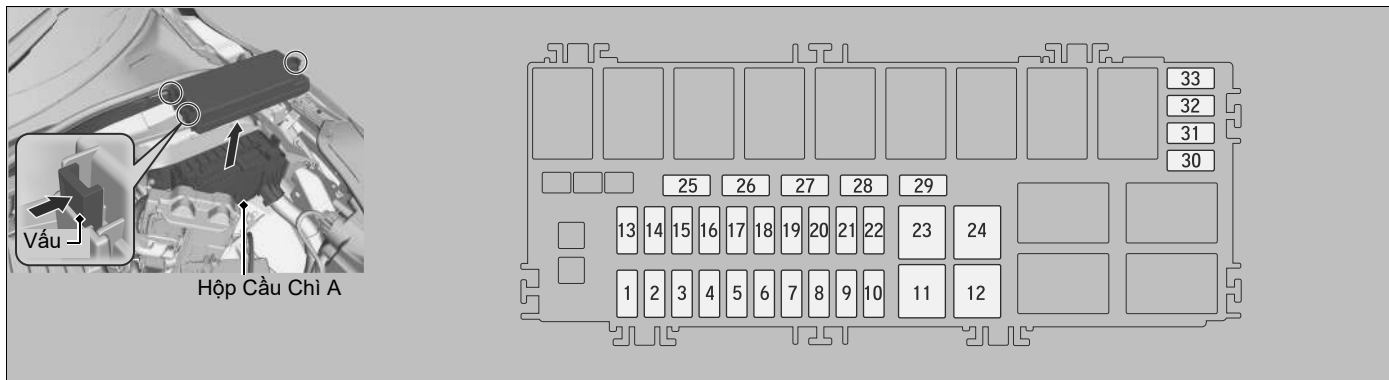
Loại xe không có nhãn vị trí cầu chì

■ Hộp Cầu Chì A

Đặt gần bình chứa dầu phanh. Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.

Các vị trí cầu chì hiển thị như hình ảnh bên dưới.

Đặt cầu chì theo số trong hình ảnh và sơ đồ bên dưới.



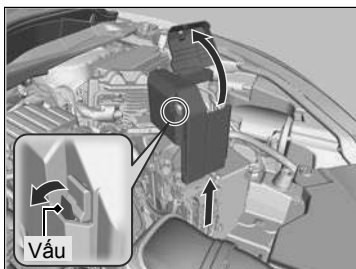
■ **Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện**

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Mạch Chính Đèn Chiếu Gần	20 A
2	-	-
3	Nguy Hiểm	10 A
4	DBW	15 A
5	Cần Gạt Nước*	(30 A)
6	Dừng	10 A
7	IGP	15 A
8	Cuộn Đánh Lửa	15 A
9	-	-
10	-	-
11	-	-
12	Quạt Chính	30 A
13	Công Tắc Bộ Khởi Động*	(30 A)
14	Ly Hợp Từ	7,5 A
15	Cảm Biến Ác Quy*	(7,5 A)
16	Đèn Nhỏ	10 A
17	-	-
18	Còi	10 A
19	Đèn Sương Mù Trước	10 A
20	-	-
21	Đèn Lùi	10 A
22	Âm Thanh	10 A
23	Quạt Phụ	30 A
24	-	-
25	Bộ Khởi Động*	(7,5 A)

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
26	ST MG*	(7,5 A)
27	-	-
28	-	-
29	-	-
30	Rơ-le Phụ FI	7,5 A
31	GP2 Phụ	7,5 A
32	Đèn Chiếu Gần Bên Phải	10 A
33	Đèn Chiếu Gần Bên Trái	10 A

■ Hộp Cầu Chi B

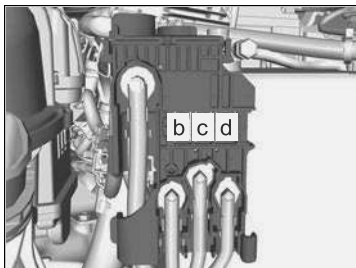
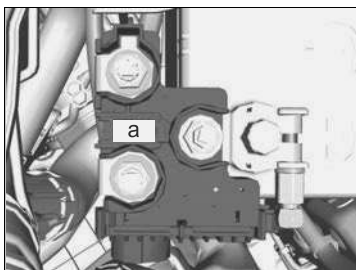


Kéo nắp cực ⊕ lên, sau đó tháo nó ra đồng thời kéo vấu lên như hình vẽ.

Việc thay cầu chì trong khoang động cơ nên để đại lý thực hiện.

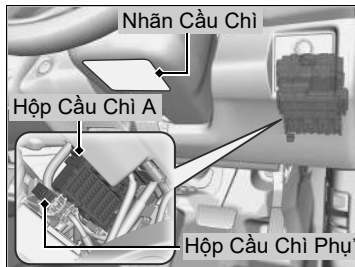
■ Mạch bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
a	Mạch ChínhẮc quy	100 A
b	Mạch Chính 1 RB	70 A
c	Mạch Chính 2 RB	80 A
d	Mạch Chính CAP *	80 A



■ Hộp Cầu Chi Bên Trong

■ Hộp Cầu Chi A



Đặt sau bảng điều khiển.

Các vị trí cầu chì được thể hiện bên dưới trụ lái.

Đặt cầu chì theo số cầu chì và số nhãn cầu chì.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Khóa Cửa	20 A
2	-	-
3	Hệ Thống Truy Cập từ Xa* (10A)	
4	Mở Khóa Cửa Bên Trái	10 A
5	Mở Khóa Cửa Bên Phải	10 A
6	Mở Khóa Cửa Phía Người Lái*(10A)	
7	Khóa Cửa Phía Người Lái*(10A)	
8	Cửa Kính Điện Phía Người Lái	20 A

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
9	Cửa Kính Điện Phía Hành Khách	20 A
10	Cửa Kính Điện Sau Trái	20 A
11	Cửa Kính Điện Sau Phải	20 A
12	Khóa Cửa Bên Trái	10 A
13	Khóa Cửa Bên Phải	10 A
14	Đèn Sương Mù Sau*	10 A
15	Đèn Chiếu Xa Bên Phải	10 A
16	STS*	(7,5 A)
17	Tám Che Nắng*	(20 A)
18	Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh*	(20 A)
19	Bộ Sưởi Ghế*	(20 A)
20	Đèn Ban Ngày* ¹	(10 A)
	- *2	(20 A)
21	Camera Đa Năng * ¹	(10 A)
	- *2	(20 A)
22	Bộ Rửa Kính	15 A
23	Mạch Chính Cản Gạt Nước Sau*(10 A)	
24	A/C	7,5 A
25	Đèn Ban Ngày*	(7,5 A)
26	Bộ Khởi Động*	(7,5 A)
27	ABS/VSA	7,5 A

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
28	SRS	10 A
29	Đèn Chiếu Xa Bên Trái	10 A
30	ACG	10 A
31	Rơ-le	10 A
32	Bơm Nhiên Liệu	15 A
33	SRS2*	(7,5 A)
34	Đồng Hồ Đo	7,5 A
35	Mission SOL	7,5 A
36	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện (Hộp Đựng Đồ Trung Tâm)	20 A
37	ACC	(7,5 A)
38	-	(7,5 A)
39	Tùy Chọn	10 A
40	Cản Gạt Nước Sau	10 A
41	-	-
42	-	-

*1:Loại xe có động cơ 1.8 L và loại xe Indonesia 15E+

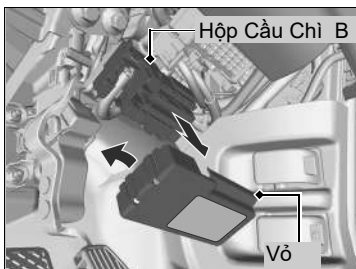
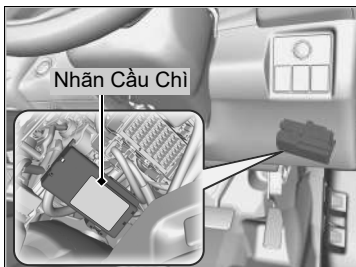
*2:Loại xe có động cơ 1.5 L ngoại trừ loại xe Indonesia 15E+

Hộp Cầu Chi Phụ*

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
a	Ngả Ghế Điện Phía Người Lái*	(20 A)
b	Trượt Ghế Điện Phía Người Lái*	(20 A)

Còn nữa

■ Hộp Cầu Chì B



Tháo vỏ.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

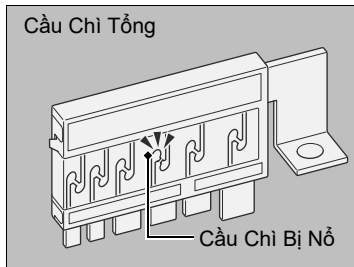
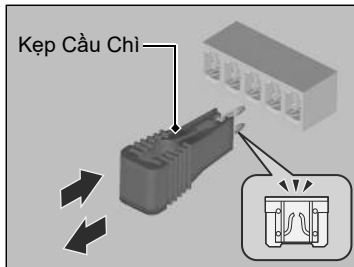
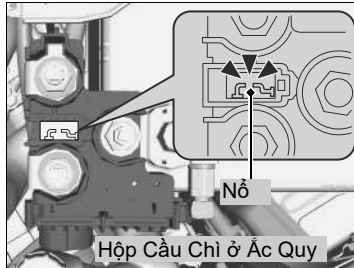
■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
	Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	70 A
1	Mạch Chính Khóa Điện	30 A ^{*1} 50 A ^{*2}
	Mạch Chính 2 Hộp Cầu Chì	50 A
	Mô-tơ ABS/VSA	40 A
	Mạch Chính Hộp Cầu Chì	30 A
	Mạch Chính Hộp Cầu Chì 3'	40 A
	Sấy Kính Sau	30 A
	Phanh Đỗ Điện Bên Trái	30 A
2	Mạch Chính 2 Khóa Điện*	30 A*
	Mô-tơ Bộ Sưởi	40 A
	Phanh Đỗ Điện Bên Phải	30 A
	ABS/VSA FSR	30 A
3	Mạch Chính Ghế Điện Phía Người Lái*	(40 A)
4	-	-
5	AWD*	(20 A)
6	-	(10 A)
7	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện (Khoang Hành Lý)*	(20 A)
8	-	(7,5 A)
9	Đèn Trong Xe	7,5 A

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện (Phía Sau Hộp Đựng Đồ Giữa)*	(20 A)
10	-	-
11	-	-
12	Chìa Khóa ACC*	(7,5 A)*
13	Gương Cửa Được Sưởi*	(10 A)
14	Quạt Gió A/C*	(7,5 A)
15	Cần Gạt Nước Trước*	30 A*

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa
* 2: Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Kiểm Tra và Thay Cầu Chì



1. Xoay khoá điện đến KHOÁ [0]*1. Tắt các đèn chiếu sáng và tắt cả các phụ kiện.
2. Kiểm tra cầu chì ở ắc quy trong khoang động cơ.
 - Nếu cầu chì nổ, hãy đưa xe đến đại lý để thay cầu chì.
3. Tháo vỏ hộp cầu chì.
4. Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong khoang động cơ và bên trong xe.
 - Nếu có cầu chì bị nổ, tháo nó bằng kẹp tháo cầu chì và thay cái mới.
5. Kiểm tra cầu chì tổng bên trong xe.
 - Nếu cầu chì nổ, dùng tua vít đầu Phillip để tháo vít và thay cầu chì mới.

►► Kiểm Tra và Thay Cầu Chì

CHÚ Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ dòng điện cao hơn sẽ làm tăng nguy cơ làm hỏng hệ thống điện.
Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.
Xác nhận cường độ dòng điện quy định bằng cách sử dụng sơ đồ **Vị Trí Cầu Chì**.

Có một kẹp tháo cầu chì ở phía sau vỏ hộp cầu chì trong khoang động cơ.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

Kéo Xe Khẩn Cấp

Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe bạn.

Tất cả các loại xe

■ Thiết bị kéo sàn phẳng

Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.

Đây là cách tốt nhất để di chuyển xe của bạn.

Loại xe 2WD

■ Thiết bị nhắc bánh xe

Xe kéo chuyên dụng sử dụng hai tay nâng để nâng hai lốp trước lên khỏi mặt đất. Các lốp sau vẫn nằm trên mặt đất. **Đây là cách có thể sử dụng để kéo xe bạn.**

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

» Kéo Xe Khẩn Cấp

CHÚ Ý

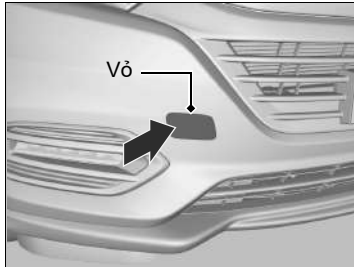
Cổ nâng hoặc kéo xe bằng tám cần sẽ gây hư hại nghiêm trọng. Các tám cần không được thiết kế để hỗ trợ trọng lượng xe.

Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích. Điều này rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể di chuyển từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt.

Đảm bảo nhả phanh đỗ. Nếu bạn không nhả phanh đỗ, bạn phải chuyên chở xe của bạn bằng thiết bị kéo sàn phẳng.

▶ **Phanh Đỗ Tr. 485**

■ Nếu phải kéo xe với các bánh trước trên mặt đất:



1. Kiểm tra dầu rò rỉ trên mặt đất, ở dưới vỏ hộp số.
 - Nếu thấy có rò rỉ, gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
2. Ấn vào bên trái của vỏ để tháo nó ra.
 - Móc kéo có thể tháo được gắn lên móc neo ở tấm cản trước.

►► Nếu phải kéo xe với các bánh trước trên mặt đất:

Ở một số nước có luật cấm kéo xe. Kiểm tra và tuân theo các quy định pháp lý của nước mà bạn đang lái trước khi kéo xe.

Nếu bạn không thể thực hiện chính xác quy trình, không được kéo theo kiểu để các bánh xe trước trên mặt đất.

Nếu bạn không thể khởi động động cơ, bạn có thể gặp phải những vấn đề sau trong khi kéo xe.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Kiểm tra vô lăng không bị khoá.

Tất cả các loại xe

- Khó phanh do hệ thống trợ lực của hệ thống phanh không hoạt động.
- Vô lăng trở nên nặng do hệ thống trợ lực lái không hoạt động.

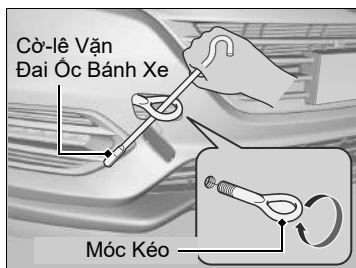
Loại xe có hộp số thường

- Xoay khóa điện đến KHÓA [0]^{*1} để khóa vô lăng.

Với các bánh trước ở trên mặt đất, tốt nhất là kéo xe trong phạm vi không quá 80 km và duy trì tốc độ dưới 55 km/h.

Xuống dốc dài làm phanh nóng lên. Việc này có thể làm phanh hoạt động không đúng. Nếu bạn cần phải kéo xe trên dốc, hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp.

►► Kéo Xe Khẩn Cấp ►►



3. Lấy móc kéo và cờ-lê vận đai ốc bánh xe trong khoang hành lý ra.
4. Vít móc kéo vào lỗ, siết thật chặt nó bằng cờ-lê vận đai ốc bánh xe.
5. Móc thiết bị kéo vào móc kéo.
6. Khởi động động cơ.
 - Nếu khó khởi động động cơ, xoay khoá điện đến PHỤ KIỆN I hoặc BẬT II*1.

Loại xe có hộp số thường

7. Sang số N.

Loại xe có hộp số vô cấp

7. Nhấn bàn đạp phanh.
8. Sang số D và giữ trong năm giây, sau đó sang số N.

Tất cả các loại xe

9. Nhả phanh đỗ.

►► Nếu phải kéo xe với các bánh trước trên mặt đất:

CHÚ Ý

Loại xe có hộp số vô cấp

Nếu bạn không thể sang số hoặc khởi động động cơ, sẽ làm hỏng hộp số. Xe của bạn phải được chuyên chở với các bánh trước được nâng lên khỏi mặt đất.

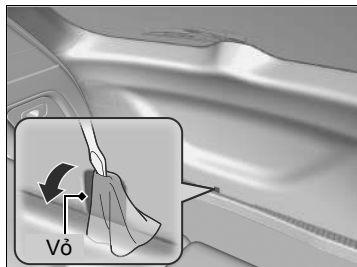
Đảm bảo sử dụng thiết bị kéo đúng thiết kế và lắp đúng vào xe.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

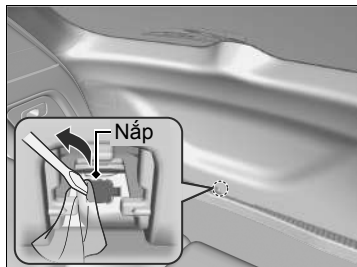
Khi Không Mở Được Cửa Hậu

■ Làm Gì Khi Bạn Không Mở Được Cửa Hậu

Nếu bạn không mở được cửa hậu, làm theo quy trình sau.



1. Bọc vải xung quanh đầu tua-vít dẹt. Đặt nó vào trong vỏ như hình vẽ và mở vỏ.



2. Bọc vải xung quanh đầu tua-vít dẹt. Đặt nó vào trong nắp như hình vẽ và mở nắp.

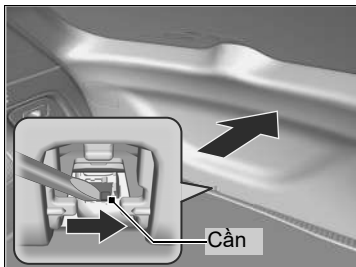
▣ Khi Bạn Không Mở Được Cửa Hậu

Bước tiếp theo:

Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.

Khi bạn mở cửa hậu từ bên trong, đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh cửa hậu và nó không chạm vào ai hoặc vật gì.

►► Khi Không Mở Được Cửa Hậu ►



3. Để mở cửa hậu, ấn cửa hậu đồng thời trượt cần sang bên phải.

Thông Tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng và các thông tin khác theo quy định.

Thông Số Kỹ Thuật	622
Số Nhận Dạng	
Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và	
Số Hộp Số	628
Tuân Thủ Quy Định*	
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio	629
Quy Định Bảo Vệ Môi Trường	632

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thông Số Kỹ Thuật

Loại động cơ 1.5 L

■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

Loại Xe ^{*1}	HR-V
Loại Xe ^{*2}	Honda HR-V
Loại Xe ^{*3}	VEZEL
Trọng Lượng ^{*4}	1.215 kg ^{*2}
Trọng Lượng ^{*5}	1.223 – 1.231 kg ^{*2}
	1.188 – 1.194 kg ^{*3}
	1.220 kg ^{*7}
	1.187 – 1.214 kg ^{*8}
	1.191 – 1.200 kg ^{*9}
1.184 – 1.270 kg ^{*10}	
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép ^{*4}	1.760 kg ^{*2}
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép ^{*5}	1.760 kg ^{*2, *3, *8, *9}
	1.863 kg ^{*7}
	1.600 kg ^{*10, *11}
Trọng Lượng Trước	1.658 kg ^{*10, *12}
	998 kg ^{*6}
	886 kg ^{*10, *11}
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	882 kg ^{*10, *12}
	Sau 865 kg ^{*6}
	734 kg ^{*10, *11}
	776 kg ^{*10, *12}

- *1 : Ngoại trừ loại xe Indonesia, Hồng Kông và Macao
- *2 : Loại xe Indonesia
- *3 : Loại xe Hồng Kông và Macao
- *4 : Loại xe có hộp số thường
- *5 : Loại xe có hộp số vô cấp
- *6 : Loại xe Nam Phi
- *7 : Loại xe Châu Phi
- *8 : Loại xe Brunei, Fiji, Banglades, Sri Lanka, Bhutan, Nepal và Pakistan
- *9 : Loại xe Singapore
- *10: Loại xe New Zealand
- *11: Loại xe 2WD
- *12: Loại xe AWD

■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	DOHC, 4 xy-lanh thẳng hàng, làm mát bằng nước ^{*3, *4}
	SOHC, 4 xy-lanh thẳng hàng, làm mát bằng nước ^{*5}
Đường Kính x Hành Trình	73,0 x 89,5 mm ^{*3}
	73,0 x 89,4 mm ^{*6}
Dung Tích	1.498 cm ^{3*3}
	1.496 cm ^{3*4}
	1.497 cm ^{3*5}
Tỷ Số Nén	11,5 : 1 ^{*3, *4}
	10,3 : 1 ^{*5}
Bugi	NGK ^{*1} FR6F-11K
	NGK ^{*2} DIFR6D13
	NGK ^{*3, *4} DILZKAR7C11S
	DENSO ^{*2} DK20PR-D13
	DENSO ^{*3, *4} DXE22HCR11S

- *1: Loại xe Indonesia
- *2: Ngoại trừ loại xe Indonesia, New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Macao
- *3: Loại xe New Zealand
- *4: Loại xe Singapore, Hồng Kông và Macao
- *5: Ngoại trừ loại xe New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Macao
- *6: Ngoại trừ loại xe New Zealand

■ Nhiên Liệu

Nhiên Liệu: Loại	Ngoại trừ loại xe Indonesia
	Xăng không chì có Chỉ số ốc-tan 91 trở lên
Dung Tích Bình Nhiên Liệu	Loại xe Indonesia
	Xăng không chì có Chỉ số ốc-tan 90 trở lên
Dung Tích Bình Nhiên Liệu	40 L

■ Ấc Quy

Dung Tích/Loại	32AH(5)/40AH(20) ^{*1}
	36AH(5)/47AH(20) ^{*2, *3}
	36AH(5)/45AH(20) ^{*2, *3}

- *1: Ngoại trừ loại xe Indonesia, New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Macao
- *2: Loại xe Indonesia
- *3: Loại xe New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Macao

Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời:
 Ấc quy lắp trên xe được thiết kế đặc biệt cho loại xe có chế độ tự động dừng động cơ tạm thời.
 Nếu cần thay ắc quy, hãy chọn loại ắc quy đúng quy định. Hỏi đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

■ Nước Rửa Kính

Dung Tích Bình	2,0 L
----------------	-------

■ Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần) ^{*1}	55W (H11)
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa) ^{*1}	60W (HB3)
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần/Chiếu Xa) ^{*2}	LED
Đèn Vị Trí	LED
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày*	LED
Đèn Xi Nhan Trước	21W (Hỗ Phách) ^{*1} LED ^{*2}
Đèn Sương Mù Trước*	35W (H8) ^{*3} LED ^{*4}
Đèn Xi Nhan Bên (Ở Gương Cửa)*	LED
Đèn Xi Nhan Bên (ở Tấm Cân Trước)*	5W (Hỗ Phách)
Đèn Phanh/Đèn Hậu	LED
Đèn Xi Nhan Sau	21W (Hỗ Phách)
Đèn Lùi	16W
Đèn Biển Số Sau	LED
Đèn Phanh Cao	LED
Đèn Trong Xe	
Đèn Đọc Sách*	8W
Đèn Trần*	8W
Đèn Đọc Sách Trước*	LED
Đèn Đọc Sách Sau*	LED
Đèn Gương Cá Nhân*	2W
Đèn Hộp Đựng Đồ Trung Tâm*	LED
Đèn Khoang Hành Lý*	5W

*1: Loại xe không có đèn báo điều khiển đèn

*2: Loại xe có đèn báo điều khiển đèn

*3: Loại xe có đèn sương mù dạng tròn

*4: Loại xe không có đèn sương mù dạng tròn

■ Dầu Phanh/Ly Hợp*

Quy Định	Dầu Phanh có DOT3 hoặc DOT4	
----------	-----------------------------	--

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp*

Quy Định	Honda HCF-2	
Dung Tích	Thay	3,4 L ^{*1} 3,9 L ^{*2}

- 1: 2WD
2: AWD

■ Dầu Hộp Số Thường*

Quy Định	Honda MTF	
Dung Tích	Thay	1,9 L

■ Dầu Động Cơ

Khuyến Cáo	Loại xe New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Macao	
	<ul style="list-style-type: none"> • Dầu Động Cơ Honda #1.0 • Dầu Xanh Honda Green Oil • Dầu Chính Hãng Honda Motor 0W-16, 0W-20, 5W-30 • API cấp SM hoặc cao hơn hoặc ACEA A5/B5 0W-16, 0W-20, 5W-30 	
Khuyến Cáo	Ngoại trừ loại xe New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Macao	
	<ul style="list-style-type: none"> • Dầu Xanh Honda Green Oil • Dầu Chính Hãng Honda Motor 0W-20, 0W-30, 5W-30, 10W-30 • API cấp SM hoặc cao hơn hoặc ACEA A5/B5 0W-20, 0W-30, 5W-30, 10W-30 	
Dung Tích	Thay	3,1 L ^{*1} 3,4 L ^{*2}
	Thay bao gồm lọc dầu	3,3 L ^{*1} 3,6 L ^{*2}

*1: Loại xe New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Macao

*2: Ngoại trừ loại xe New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Macao

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Dầu Vi sai Sau*

Quy Định	DPSF-II	
Dung Tích	Thay	1,247 L

■ Nước Làm Mát Động cơ

Quy Định	Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2	
Tỷ Lệ	50/50 nước chung cất	
Dung Tích	3,63 L ^{*1}	
	4,00 L ^{*2, *5}	
	4,63 L ^{*3, *4}	
	4,14 L ^{*2, *6}	
	(thay cả 0,475 L ^{*1} / 0,5 L ^{*2, *3, *4} còn lại trong bình chứa)	

*1: Loại xe New Zealand, Singapore, Hồng Kông và Macao

*2: Loại xe Indonesia

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Brunei, Fiji, Banglades, Sri Lanka, Bhutan, Nepal và Pakistan

*5: Loại xe có hộp số thường

*6: Loại xe có hộp số vô cấp

■ Lốp Xe

Thông Thường	Kích Thước	215/60R16 95H 215/55R17 94V
	Áp Suất	Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái.
Lốp Dự Phòng	Kích Cỡ	T135/90D16 102M
Loại Nhỏ	Áp suất	420 (4,2 [60])
	kPa (kgf/cm ² [psi])	
Lốp Dự Phòng*	Kích Cỡ	215/60R16 95H 215/55R17 94V
	Áp suất	Giống lốp thường. Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái.
Kích Thước Bánh Xe	Thông Thường	16 x 7J ^{*1} 17 x 7J ^{*2}
	Dự Phòng Loại Nhỏ	16 x 4T
Kích Thước Bánh Xe	Dự Phòng	16 x 7J ^{*1}
	(Cùng kích cỡ)	17 x 7J ^{*2}

Về thông tin kích cỡ lốp và áp suất, xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái.

*1: Loại xe có 215/60R16

*2: Loại xe có 215/55R17

■ Phanh

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Đĩa đặc
Đỗ	Hệ thống phanh đỗ điện

■ Điều Hòa Không Khí

Loại Ga Lạnh	HFC-134a (R-134a)
Khối Lượng Nạp	405-455g

■ Kích Thước Xe

Chiều Dài	4.334 mm ^{*1}
	4.310 mm ^{*2}
	4.335 mm ^{*3}
	4.347 mm ^{*4}
	4.330 mm ^{*5}
Chiều Rộng	1.772 mm ^{*1, *4}
	1.770 mm ^{*2, *3, *5}
Chiều Cao	1.580 mm ^{*1}
	1.605 mm ^{*2, *3, *4, *5}
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm ^{*1, *2, *3, *5}
	2.602 mm ^{*4}
Vệt Bánh Xe	Trước 1.535 mm ^{*1, *2, *3, *5}
	Sau 1.538 mm ^{*4}
	Sau 1.540 mm

*1: Loại xe Indonesia

*2: Loại xe Brunei, Fiji, Banglades, Sri Lanka, Bhutan, Nepal và Pakistan

*3: Loại xe Singapore, Hồng Kông và Macao

*4: Loại xe Châu Phi

*5: Loại xe New Zealand

■ Trọng Lượng Kéo Tối Đa^{*1}

Rơ-móc có phanh	800 kg
Rơ-móc không có phanh	500 kg
Tải trọng thẳng đứng tối đa cho phép trên thiết bị nối khi kéo xe	70 kg

*1: Loại xe Nam Phi

Loại động cơ 1.8 L

■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

Loại ^{*1}	HR-V
Loại ^{*2}	Honda HR-V
Trọng Lượng	1.317 kg ^{*2}
	1.250 – 1.297 kg ^{*4}
	1.274 kg ^{*5}
	1.256 – 1.267 kg ^{*6}
	1.254 – 1.319 kg ^{*7}
	1.255 – 1.290 kg ^{*8}
	1.249 – 1.302 kg ^{*9}
	1.259 – 1.273 kg ^{*10}
	1.264 – 1.322 kg ^{*11}
	1.257 – 1.316 kg ^{*12}
1.262 – 1.312 kg ^{*13}	
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	1.760 kg ^{*2} 1.795 kg ^{*4, *6, *9, *10, *11, *12, *13} 1.863 kg ^{*5, *7}
Trọng Lượng Tối Đa Cửa Trục ^{*3, *7}	Trước 998 kg Sau 865 kg

- *1 : Ngoại trừ loại xe Indonesia
- *2 : Loại xe Indonesia
- *3 : Loại xe Nam Phi
- *4 : Loại xe Thái Lan
- *5 : Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải
- *6 : Loại xe Mỹ La Tinh
- *7 : Loại xe Australia và New Zealand
- *8 : Loại xe Malaysia
- *9 : Loại xe Philippin, Campuchia, Lào và Myanma
- *10: Loại xe Đài Loan
- *11: Loại xe Trung Đông
- *12: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái
- *13: Loại xe Việt Nam

■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	SOHC, 4 xy-lanh thẳng hàng, làm mát bằng nước	
Đường Kính x Hành Trình	81,0 x 87,3 mm	
Dung Tích	1.799 cm ³	
Tỷ Số Nén	10,6 : 1 ^{*1} 9,7 : 1 ^{*2}	
Công Suất Tối Đa ^{*5}	105 kW (140 HP)/6.500 rpm	
Mô-men Xoắn Tối Đa ^{*5}	172 N·m (17,5 kgf·m)/4.300 rpm	
Tốc Độ Tối Đa ^{*5}	188 km/h ^{*6}	
	187 km/h ^{*7}	
Bu-gi	NGK ^{*3}	SILZKR7C11S
	NGK ^{*4}	SILZKR7C11DS

- *1: Ngoại trừ loại xe Indonesia
- *2: Loại xe Indonesia
- *3: Ngoại trừ loại xe Thái Lan
- *4: Loại xe Thái Lan
- *5: Quốc gia trong Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh
- *6: Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa
- *7: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

■ Nhiên Liệu

Nhiên Liệu: Loại	Ngoại trừ loại xe Thái Lan, Indonesia và Đài Loan
	Xăng không chì có Chỉ số ốc-tan 91 trở lên
	Loại xe Thái Lan
	Xăng không chì/pha cồn lên tới E85 (15% xăng và 85% ethanol), Chỉ số ốc-tan 91 trở lên
	Loại xe Indonesia
	Xăng không chì có Chỉ số ốc-tan 90 trở lên
	Loại xe Đài Loan
	Xăng không chì có Chỉ số ốc-tan 92 trở lên
Dung Tích Bình Nhiên Liệu	50 L

■ Ác Quy

Dung Tích/Loại	36AH(5)/47AH(20) ^{*1}
	36AH(5)/45AH(20) ^{*2}

- *1: Ngoại trừ loại xe Đài Loan
- *2: Loại xe Indonesia và Đài Loan

■ Nước Rửa Kính

Dung Tích Bình	2,0 L
----------------	-------

■ Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)	55W (H11) ^{*1} LED ²
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)	60W (HB3) ^{*1} LED ²
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày	LED
Đèn Xi Nhan Trước	21W (Hỗ Phách) ^{*1} LED ²
Đèn Sương Mù Trước*	35W (H8) ^{*3} LED ⁴
Đèn Xi Nhan Bên (ở Gương Cửa)* Đèn	LED
Xi Nhan Bên (ở Tấm Cán Trước)*	5W (Hỗ Phách)
Đèn Phanh*	LED
Đèn Hậu*	LED
Đèn Hậu (ở cửa hậu)*	LED
Đèn Xi Nhan Sau Đèn	21W (Hỗ Phách)
Lùi	16W
Đèn Sương Mù Sau*	21W
Đèn Biển Số Sau Đèn	LED
Phanh Cao	LED
Đèn Trong Xe	
Đèn Đọc Sách ^{*5}	8W
Đèn Trần ^{*5}	8W
Đèn Đọc Sách Trước ^{*6}	LED
Đèn Đọc Sách Sau ^{*6}	LED
Đèn Gương Cá Nhân*	2W
Đèn Hộp Đựng Đồ Trung Tâm*	LED
Đèn Khoang Hành Lý*	5W

* 1: Loại xe Thái Lan, Australia, New Zealand và Mỹ La- Tinh không có đèn sương mù trước, loại xe Trung Đông không có điều khiển chế độ chạy ổn định, loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái không có cửa sổ trời toàn cảnh, loại xe Đài Loan có màn hình hiển thị thông tin và loại xe Malaysia không có ghế điện phía người lái.

* 2: Loại xe Thái Lan, Australia, New Zealand và Mỹ La-Tinh có đèn sương mù trước, loại xe Trung Đông có điều khiển chế độ chạy ổn định, loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái có cửa sổ trời toàn cảnh, loại xe Đài Loan có màn hình hiển thị thông tin và loại xe Malaysia có ghế điện phía người lái, loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe Indonesia, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Việt Nam.

* 3: Loại xe có đèn sương mù dạng tròn

* 4: Loại xe không có đèn sương mù dạng tròn

* 5: Loại xe không có cửa sổ trời toàn cảnh và tấm che nắng

* 6: Loại xe có cửa sổ trời toàn cảnh và tấm che nắng

■ Dầu Phanh

Quy Định	Dầu Phanh có DOT3 hoặc DOT4
----------	-----------------------------

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp

Quy Định	Honda HCF-2
Dung Tích	Thay 3,5 L

■ Dầu Động Cơ

Khuyến Cáo	<ul style="list-style-type: none"> Dầu Chính Hãng Honda Motor 0W-20, 0W-30, 5W-30, 10W-30 API cấp SM hoặc cao hơn hoặc ACEA A5/B5 0W-20, 0W-30, 5W-30, 10W-30
Dung Tích	Thay 3,5 L Thay gồm cả lọc dầu 3,7 L

■ Nước Làm Mát Động Cơ

Quy Định	Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2
Tỷ Lệ	50/50 nước chưng cất
Dung Tích	5,39 L ^{*1} 5,08 L ^{*2} 5,24 L ^{*3} 5,32 L ^{*4} (thay cả 0,5 L còn lại trong bình chứa nhiên liệu)

*1: Loại xe Australia, Newzealand, Châu Phi và Mỹ La Tinh

*2: Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand, Châu Phi, Mỹ La Tinh, Đài Loan và Việt Nam

*3: Loại xe Đài Loan và Việt nam

*4: Loại xe ở các quốc gia trong Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh, Yemen, Leban, Jordan

■ Lớp Xe

Thông Thường	Kích Thước	215/60R16 95H 215/55R17 94V 225/50R18 95V
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh đọc cửa người lái.
Dự Phòng Loại Nhỏ	Kích Thước	T135/90D16 102M
	Áp Suất kPa (kgf/cm ² [psi])	420 (4,2 [60])
Dự Phòng (Cùng kích thước)	Kích Thước	215/60R16 95H 215/55R17 94V
	Áp Suất	Giống như lớp thường. Xem ở nhãn trên thanh đọc cửa người lái.
Kích Thước Bánh Xe	Thông Thường	16 x 7J ¹ 17 x 7J ² 18 x 7 1/2J ³
	Dự Phòng Loại Nhỏ	16 x 4T
	Dự Phòng (Cùng kích thước)	16 x 7J ¹ 17 x 7J ²

Về thông tin kích thước lốp và áp suất, xem ở nhãn trên thanh đọc cửa người lái.

- * 1: Loại xe có 215/60R16
- * 2: Loại xe có 215/55R17
- * 3: Loại xe có 225/50R18

■ Phanh

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Đĩa đặc
Đỗ	Hệ thống phanh đỗ điện

■ Điều Hoà Không Khí

Loại Ga Lạnh	HFC-134a (R-134a)
Khối Lượng Nạp	405-455g

■ Kích Thước Xe

Chiều Dài	4.294 mm ^{2, *3, *7, *8, *12}
	4.347 mm ⁵
	4.334 mm ^{1, *6, *11, *12}
	4.348 mm ^{9, *10, *14}
	4.346 mm ^{2, *6, *13}
Chiều Rộng	4.343 mm ^{12, *15}
	4.360 mm ^{4, *13}
	1.772 mm ^{1, *4, *5, *6, *8, *9, *10, *11, *12}
	1.772,4 mm ^{2, *3, *7, *12}
	1.789,6 mm ^{2, *13}
Chiều Cao	1.790 mm ^{4, *6, *13}
	1.580 mm ¹
Chiều Dài Cơ Sở	1.605 mm ^{2, *3, *4, *5, *6, *7, *8, *9, *10, *11}
	2.610 mm ^{1, *3, *4, *6, *7, *8, *9, *10, *11}
Vệt Bánh Xe	2.602 mm ^{2, *5}
	Trước 1.535 mm ^{1, *3, *4, *6, *7, *8, *9, *10, *11}
	Sau 1.538 mm ^{2, *5}
	Sau 1.540 mm

- * 1: Loại xe Indonesia
- * 2: Loại xe Thái Lan
- * 3: Loại xe Mỹ La Tinh
- * 4: Loại xe Australia và New Zealand
- * 5: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải
- * 6: Loại xe Malaysia
- * 7: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào và Myanma
- * 8: Loại xe Đài Loan
- * 9: Loại xe Trung Đông
- * 10: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái
- * 11: Loại xe Việt Nam
- * 12: Ngoại trừ loại xe RS
- * 13: Loại xe RS
- * 14: Loại xe Australia và New Zealand không có lấy sang số
- * 15: Loại xe Australia và New Zealand có lấy sang số

■ Trọng Lượng Kéo Xe Tối Đa¹

Trọng Lượng Kéo Xe Tối Đa	800 kg
Rơ-moóc không có phanh	500 kg
Tải trọng thẳng đứng tối đa cho thiết bị nối khi kéo xe	70 kg

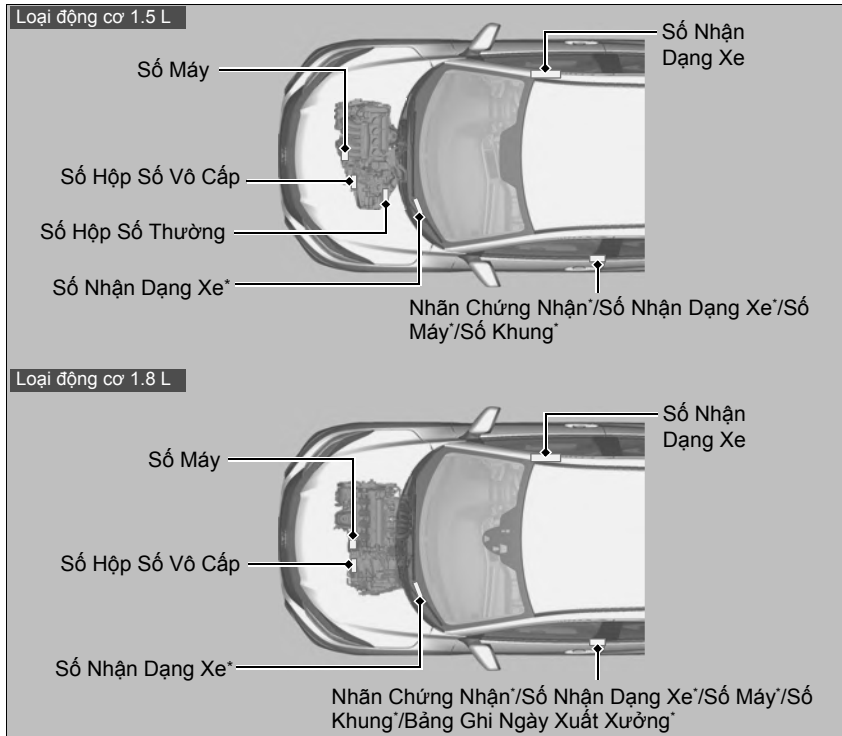
* 1: Loại xe Australia, New Zealand và Nam Phi

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Số Nhận Dạng

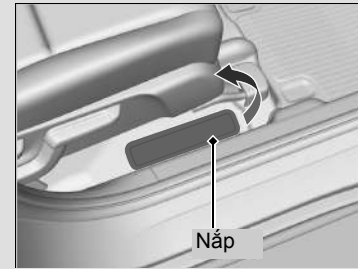
Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Xe có số nhận dạng 17 ký tự (VIN) dùng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp bằng và bảo hiểm. Xem hình ảnh bên dưới để biết vị trí của số VIN, số máy và số hộp số.



»Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Số Nhận Dạng Xe (VIN) ở phía dưới nắp.







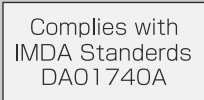
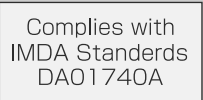


Loại xe Australia và New Zealand

Ngày xuất xưởng là tháng và năm khung xe và các các cụm chi tiết của cơ cấu truyền động được lắp ráp và xe được di chuyển ra khỏi dây chuyền sản xuất.

Tuân Thủ Quy Định*









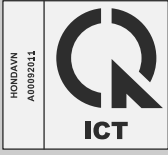
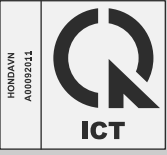
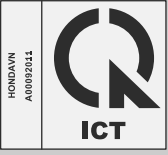
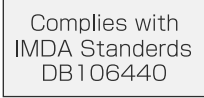

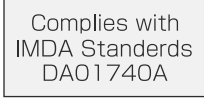



Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio

Các sản phẩm và hệ thống sau trên xe sẽ phát ra sóng radio khi vận hành.



	Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa*	Hệ Thống Chống Nổ Máy
Loại xe Nam Phi		
Loại xe U.A.E.		
Loại xe Singapore		
Loại xe Botswana	BTA BOCRA/TA/2017/1524	BTA BOCRA/TA/2017/1523
Loại xe Zambia		
Loại xe Nigeria	Ủy Ban Truyền Thông Nigeria cho phép kết nối và sử dụng thiết bị liên lạc này	Ủy Ban Truyền Thông Nigeria cho phép kết nối và sử dụng thiết bị liên lạc này

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

	Chìa khoá điều khiển từ xa	Bộ điều khiển Điện Hệ Thông Truy Cập Từ Xa*	Công tắc ENGINE START/STOP
Loại xe Nam Phi	 	 	
Loại xe U.A.E.			
Loại xe Việt Nam			
Loại xe Singapore			
Loại xe Botswana	<p>BTA BOCRA/TA/2014/944</p>	<p>BTA BOCRA/TA/2014/939</p>	<p>BTA BOCRA/TA/2017/2009</p>
Loại xe Zambia			
Loại xe Nigeria	Ủy Ban Truyền Thông Nigeria cho phép kết nối và sử dụng thiết bị liên lạc này		

Thông Tin

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay*	
Loại xe Nam Phi	<p>Loại xe có hệ thống âm thanh màu</p> 
	<p>Loại xe có hệ thống màn hình hiển thị âm thanh</p> 
Loại xe Singapore	<p>Complies with IMDA Standards DB03074</p>

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio

Loại xe Đài Loan

Những quy định của Bộ giao thông Vận tải về Điều khiển Thiết Bị Công Suất Thấp:

Quy định tại Điều 12:

Nếu không có giấy phép do DGT cấp, bất cứ công ty, doanh nghiệp, hoặc chủ sở nào cũng không được phép thay đổi tần suất, nâng cao lực truyền tín hiệu hoặc thay đổi các đặc tính và hiệu suất ban đầu của các thiết bị tần số radio thấp.

Quy định tại Điều 14:

Các thiết bị có tần số radio thấp phải là các thiết bị không làm ảnh hưởng đến an ninh máy bay hoặc làm gián đoạn các phương tiện liên lạc hợp pháp. Nếu phát hiện có ảnh hưởng, chủ sở hữu phải dừng vận hành ngay đến khi không còn làm gián đoạn nữa. Các phương tiện liên lạc hợp pháp nói trên là các phương tiện liên lạc radio được vận hành phù hợp với Điều Khoản Viễn Thông. Các thiết bị tần số radio thấp phải nhạy với sự nhiễu sóng từ các phương tiện liên lạc hợp pháp hoặc các thiết bị phát ra sóng radio ISM.

►►Tuân Thủ Quy Định*►►Quy Định Bảo Vệ Môi Trường

Quy Định Bảo Vệ Môi Trường

Loại xe Đài Loan

CHÚ Ý

Ắc quy đã qua sử dụng cần phải được thu gom để xử lý phù hợp với các quy định của Cục Quản Lý Môi Trường.



Thông Tin

632

Mục Lục

A

ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh)	492
An Toàn Cho Trẻ	69
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	181
Áp Suất Khí	551, 624, 627
AWD (Dẫn Động Tất Cả Các Bánh)	483

Ă

Ăc Quy	557
Bảo Dưỡng (Kiểm Tra Ăc Quy)	557
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	105, 603
Khởi Động Bằng Ăc Quy Nối Ngoài.....	597
Ăc Quy Chết	597

Â

Ăm Thanh Bluetooth®	290, 311, 333
----------------------------------	---------------

B

Bảng Điều Khiển	99
Điều Chỉnh Độ Sáng	220
Bảng Thông Số Kỹ Thuật Chất Bồi Trơn	623, 626
Bảo Dưỡng	511
An Toàn	513
Ăc Quy	557
Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa.....	560
Chú Ý.....	512
Dầu	524
Dầu Hộp Số	531

Dầu Ly Hợp	532
Dầu Phanh.....	532
Dưới Nắp Ca-pô	519
Điều Khiển Khí Hậu	563
Két Nước	530
Lốp Xe	551
Nước Làm Mát	527
Thay Bóng Đèn.....	534
Vệ Sinh	565
Bóng Đèn Halogen	534, 537
Bộ Lọc	
Lọc Gió Điều Hòa	563
Bộ Rửa Kính	
Bổ Sung/Nạp Lại Nước Rửa Kính.....	533
Công Tác	215
Bổ Sung	
Dầu Động Cơ	526
Nước Làm Mát	527
Nước Rửa Kính	533
Bộ Sưởi Ghế	249
Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa	174
Bu-gi	622, 625

C

Cài Đặt Đồng Hồ	160
Cài Đặt Lại Đồng Hồ Đo Hành Trình	141, 145
Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị	298, 321
Cảm Biến Nhiệt Độ	142, 146, 265
Camera Lùi Đa Hướng	505
Cảnh Báo Chệch Làn Đường	472
Đèn Báo.....	124
Nút.....	473
Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước	468

Đèn Báo	123
Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin	128, 129
Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính	215
Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Nước.....	547
Cần Số	26, 451, 453, 457
Không Gạt Được	600
Nhà	600
Vận Hành.....	26, 452, 454, 457
Cầu Chi	608
Kiểm Tra và Thay Thế	615
Vị Trí	608
Chất Phụ Gia, Dầu Động Cơ	521
Chế Độ ECON	464
Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp	455
Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời	459
Đèn Báo.....	127
Đèn Báo Hệ Thống.....	127
Nút TẮT	460
Chìa Khóa	165
Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa	174
Chống Khóa Cửa.....	177
Cửa Sau Không Mở	181
Không Xoay Được.....	31
Loại và Chức Năng.....	165
Nhấn Mã Số Chìa Khóa.....	167
Chìa Khóa Có Thể Gập	166
Chìa Khóa Tích Hợp	166
Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	76
Chống Khóa Cửa Từ Xa	177
Chở Hành Lý	431, 433
Chuyển Động Từ Từ (Hộp Số Vô Cấp)	450
Chức Năng Phanh Hở Trợ Khởi Động	463

Cổng AUX	271
Cổng HDMI™	270
Công Nghệ Plasmacluster	260
Công Tác (Quanh Vô Lăng)	4, 5, 6, 198
Công Tác Đèn	204
Cổng USB	269
Cờ-Lê Vận Đai Ốc (Tay Kịch)	580
Cửa	165
Chìa Khóa.....	165
Đèn Báo Mở Cửa và Cửa Hậu.....	42, 111
Hệ Thống Chống Khóa Cửa.....	177
Khóa Cửa Tự Động.....	182
Khoá/Mở Khoá Cửa từ Bên Ngoài.....	169
Khoá/Mở Khoá Cửa từ Bên Trong.....	178
Mở Khóa Cửa Tự Động.....	182
Cửa Hậu	187
Cửa Kính (Mở và Đóng)	192
Cửa Kính Điện	192
Cửa Nạp Nhiên Liệu	28, 509
Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh	195

D

DẪN ĐỘNG BÓN BÁNH THEO THỜI GIAN THỰC có Hệ Thống Kiểm Soát Thông Minh	483
Dầu	
Bộ Rửa Kính Chấn Gió.....	533
Hộp Số Thường.....	531
Hộp Số Vô Cấp.....	531
Ly Hợp.....	532
Nước Làm Mát Động Cơ.....	527
Phanh.....	532
Dầu (Động Cơ)	521
Bổ Sung.....	526
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng.....	521
Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp.....	102, 603
Độ Nhớt.....	521
Kiểm Tra.....	524

Dây Đai (Ghế)	43
Dây Đai An Toàn	43
Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động.....	48
Bộ Nhắc.....	46
Dây Đai Hồng/Vai.....	49
Đèn Cảnh Báo.....	46, 107
Điều Chỉnh Móc Neo Vai.....	51
Kiểm Tra.....	54
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai.....	86
Phụ Nữ Mang Thai.....	53
Thắt.....	49
Dụng Cụ	574
Dụng Cụ Vá Lốp Tạm Thời (TRK)	583
Dụng Cụ Vá Lốp Tạm Thời Honda	583
Dừng Xe	500

Đ

Đài AM/FM	276, 299, 322
Đèn	204, 534
Đèn Ban Ngày.....	214
Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động.....	122
Đèn Báo Chiếu Xa.....	115
Đèn Báo Đèn Sáng.....	115
Đèn Sương Mù.....	209
Đèn Trong Xe.....	237
Thay Bóng Đèn.....	534
Tự Động.....	205
Xi Nhan.....	203
Đèn Ban Ngày	214
Đèn Báo	100
Áp Suất Dầu Thấp.....	102
Áp Suất Lốp Thấp/TPMS.....	114, 607
Bật/Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách.....	109
Cảnh Báo Chệch Làn Đường.....	124
Cảnh Báo Hệ Thống An Ninh.....	117
Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước.....	123

Chế Độ ECON	118, 464
Chiếu Xa	115
Chiếu Xa Tự Động	122
Cửa và Cửa Hậu Mở	42, 111
Đèn Báo Sự Cố	105
Đèn Sáng	115
Đèn Sương Mù Sau	115
Đèn Sương Mù Trước	115
ĐIỀU KHIỂN CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH	118, 466
ĐIỀU KHIỂN CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH CHÍNH	118, 465, 466
Điều Khiển Đèn	118
Giữ Phanh Tự Động	104, 489
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	109
Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp	113, 607
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	108
Hệ Thống Chống Nổ Máy	116
Hệ Thống Dẫn Động Tất Cả Các Bánh (AWD)	122
Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động	104, 489
Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	110
Hệ Thống Khởi Động	119
Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	112, 605
Hệ Thống Nạp Điện	105
Hệ Thống Phanh (Đổ)	100
Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách)	101
Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố (CTBA)	125, 126
Hệ Thống Phanh Đổ Điện	103, 606
Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	118
Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời	127
Hộp Số	106
Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	107
Nhấn Phanh	120, 121
Nhiên Liệu Thấp	108

Phanh Đỗ Điện.....	103
Quay Vô Lãng.....	119
Sang Số Đỗ.....	119
TẮT VSA.....	110
Thông Báo Hệ Thống.....	112
Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.....	127
Vị Trí Cần Số.....	105
Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm.....	115
Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp.....	102, 603
Đèn Báo Chiếu Xa.....	115
Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động.....	122
Đèn Báo Đèn Sương Mù.....	115
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện.....	105, 603
Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ).....	100, 604
Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hố Phách).....	101
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp.....	108
Đèn Báo Sự Cố.....	105, 604
Đèn Báo Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách.....	67
Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống.....	112
Đèn Báo Vị Trí Cần Số.....	105, 452, 454
Đèn Báo Vượt.....	115, 204
Đèn Cảnh Báo Sáng/Nhấp Nháy.....	603
Đèn Chiếu Sáng.....	204
Bộ Điều Chỉnh.....	211
Cân Chỉnh.....	534
Chiếu Xa Tự Động.....	212
Làm Mờ.....	204
Vận Hành.....	204
Vận Hành Tự Động.....	205
Đèn Đọc Sách.....	238
Đèn Trong Xe.....	237
Điều Chỉnh.....	237
Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp.....	233
Đèn Chiếu Sáng.....	211
Đồng Hồ.....	160
Ghế Sau.....	230
Ghế Trước.....	227

Gương.....	223
Nhiệt Độ.....	142, 146
Tựa Đầu.....	234
Tựa Tay.....	236
Vô Lãng.....	222
Điều Chỉnh (và Phụ Kiện).....	570
Điều Khiển.....	159
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa.....	272
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định.....	465
Đèn Báo.....	118
Điều Khiển Chiếu Sáng.....	220
Núm.....	220
Điều Khiển Chiếu Sáng (Bảng Điều Khiển).....	220
Độ Nhớt (Dầu).....	521, 623, 626
Động Cơ.....	198
Bộ Phát Tiếng Bíp.....	198
Dầu.....	521
Khởi Động.....	441, 444
Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài.....	597
Nước Làm Mát.....	527
Đồng Hồ.....	160
Đồng Hồ Đo.....	139
Đồng Hồ Đo Hành Trình.....	141, 145
Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu.....	142, 146
Đồng Hồ Đo Quãng Đường.....	141, 145
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ.....	139
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe.....	139

G

Gấp Ghế Sau Xuống.....	231
Ghế.....	227
Điều Chỉnh.....	227
Ghế Sau.....	230
Ghế Trước.....	227
Ghế Lót Đặc Biệt (Cho Trẻ Em).....	94
Ghế Sau (Gấp Xuống).....	231

Ghế Trước.....	227
Điều Chỉnh.....	227
Giới Hạn Tải.....	433
Giữ Phanh Tự Động.....	489
Đèn Báo.....	104, 489
Gương.....	223
Chiếu Hậu Trong Xe.....	223
Cửa.....	224
Điều Chỉnh.....	223
Lăng Kính Phía Dưới Gương.....	226
Ngoài Xe.....	224
Gương Cá Nhân.....	9
Gương Chiếu Hậu.....	223
Gương Chiếu Hậu Trong Xe.....	223
Gương Chống Động Nước.....	569
Gương Cửa.....	224
Gương Cửa Nghiêng Khi Lùi Xe.....	224
Gương Ngoài Xe.....	224

H

Hành Lý (Giới Hạn Tải).....	433
Hệ Thống An Ninh.....	190
Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh.....	117
Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy.....	116
Hệ Thống Âm Thanh.....	268
CD Khuyến Dừng.....	343
Cổng AUX.....	271
Cổng HDMI™.....	270
Cổng USB.....	269
Điều Chỉnh Âm Thanh.....	275, 297, 320
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa.....	272
iPod.....	283, 305, 327
MP3/WMA/ AAC.....	279, 286, 302, 308, 324, 330
Thiết Bị Khuyến Dừng.....	345
Thông Báo Lỗi.....	341

Thông Tin Chung.....	343	Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động.....	254	Hệ Thống Hỗ Trợ Khởi Hành Ngang Dốc	443, 447
USB.....	345	Thay Đổi Chế Độ.....	254, 256	Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)	58	Hệ Thống Điều Hòa Không Khí (Hệ Thống Sưởi và Làm Mát)	250	Đèn Báo.....	112, 605
Hệ Thống Cảm Biến Đổ	501	Làm Mát.....	253	Hệ Thống Phanh	485
Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp	477	Lọc Gió Điều Hoà.....	563	Dầu.....	532
Đèn Báo.....	113, 607	Sấy Kính Chắn Gió và Cửa Kính.....	253	Đèn Báo.....	100, 101, 604
Hiệu Chỉnh.....	477	Sưởi.....	252	Giữ Phanh Tự Động.....	489
Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động	212	Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu	254	Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS).....	492
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	492	Cảm Biến.....	265	Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp.....	493
Đèn Báo.....	108	Chế Độ Lấy Gió Trong và Lấy Gió Ngoài.....	257	Phanh Chân.....	488
Hệ Thống Chống Khóa Cửa	177	Lọc Gió Điều Hoà.....	563	Phanh Đổ.....	485
Hệ Thống Chống Nổ Máy	190	Sấy Kính Chắn Gió và Cửa Kính.....	258	Hệ Thống Phanh Chủ Động Trong Thành Phố	494
Đèn Báo.....	116	Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động.....	254	Đèn Báo.....	125, 126
Hệ Thống Dẫn Động Tất Cả Các Bánh (AWD)	483	Thay Đổi Chế Độ.....	254, 256	Hệ Thống Phanh Đổ Điện	
Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)	301	Hệ Thống EPS (Lái Trợ Lực Điện)	112, 605	Đèn Báo.....	103, 606
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT)	367, 390, 411	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	69	Hệ Thống Sưởi và Làm Mát	250
Cài Đặt Điện Thoại.....	373, 396, 417	Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.....	76	Làm Mát.....	253
Danh Mục HFT.....	369, 392, 414	Ghế Lót Đặc Biệt.....	94	Lọc Gió Điều Hoà.....	563
Hiện Thị Trạng Thái HFT.....	368, 391, 412	Hệ Thống Ghế Ngồi Cho Trẻ Nhỏ.....	75	Sấy Kính Chắn Gió và Cửa Kính.....	253
Lịch Sử Cuộc Gọi.....	382	Hệ Thống Ghế Ngồi Cho Trẻ Sơ Sinh.....	73	Sưởi.....	252
Nhạc Chuông.....	400, 421	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Quay Mặt Về Phía Sau.....	73	Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	169
Nhận Cuộc Gọi.....	388, 409, 428	Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai.....	86	HFT (Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay)	367, 390, 411
Nút HFT.....	367, 390, 411	Sử Dụng Dây Thất.....	90, 91	Hiện Thị Nhiệt Độ Bên Ngoài	142, 146
Quay Số Nhanh.....	383, 403, 423	Trẻ Lớn.....	93	Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	475
Tạo Cuộc Gọi.....	385, 405, 425	Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)	480	Đèn Báo Hệ Thống.....	110
Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi.....	402, 422	Đèn Báo.....	114, 607	Đèn Báo Tất.....	110
Tuỳ Chọn Khi Đang Gọi.....	389, 410, 428	Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động		Nút Tất.....	476
Hệ Thống Điều Hòa Không Khí (Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu)	254	Đèn Báo.....	104, 489	Hộp Đựng Đồ	240
Cảm Biến.....	265	Hệ Thống Hỗ Trợ Eco	11	Hộp Đựng Đồ Trung Tâm	240
Chế Độ Lấy Gió Trong/Lấy Gió Ngoài.....	257			Hộp Số	451, 453, 457
Lọc Gió Điều Hoà.....	563			Chế Độ Sang Số Thương 7 Cấp.....	455
Sấy Kính Chắn Gió và Cửa Kính.....	258			Dầu.....	531
				Đèn Báo Vị Trí Cản Số.....	105, 452, 454

Thường	457
Vô Cấp	451, 453
Hộp Số Thường	457
Hộp Số Vô Cấp	450
Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp	455
Chuyển Động Từ Từ	450
Dầu	531
Không Gạt Được Cần Số	600
Nhảy Về Số	450
Sang Số	451, 453
Vận Hành Cần Số	452, 454
Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm	
Trờ	439

K

Kéo Rơ-móc	434
Giới Hạn Tải	434
Thiết Bị và Phụ Kiện	436
Kéo Xe	
Khẩn Cấp	616
Két Nước	530
Khẩn Cấp	616
Khi Bạn Không Mở Được Cửa Hậu	619
Khí CO	96
Khí Xả Nguy Hiểm (CO)	96
Khóa Điện	198
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	181
Khóa/Mở Khóa Cửa	165
Chìa Khóa	165
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	181
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động	182
Sử Dụng Chìa Khóa	176
Từ Bên Ngoài	169
Từ Bên Trong	178
Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động	182
Khoang Hành Lý	
Bóng Đèn	546
Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài	597

Khởi Động Động Cơ	441, 444
Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài	597
Không Khởi Động Được	594
Tiếng Bíp Công Tác Động Cơ	198
Kích (Cờ Lê Vận Đai Ốc)	580
Kiểm Tra An Toàn	42
Kính Chắn Gió	
Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính	215
Lưỡi Cao Su Gạt Nước	547
Nước Rửa Kính	533
Sấy	253, 258
Vệ Sinh	566, 568
Kính Chống Bám Nước	568
Kính Chống Tia IR	566
Kính Chống Tia UV	566

L

Lái Xe	429
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định	465
Hộp Số Vô Cấp	450
Khởi Động Động Cơ	441, 444
Phanh	485
Sang Số	451, 453, 457
Lái Xe An Toàn	37
Làm Mờ	
Đèn Chiếu Sáng	204
Gương Chiếu Hậu	223
Lấy Sang Số (Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp)	455
Lọc Gió Điều Hòa	563
Lốp Xe	551
Áp Suất Khí	551, 624, 627
Đào Lốp	554
Kiểm Tra	551
Kiểm Tra và Bảo Dưỡng	551
Lốp Dự Phòng	576, 624, 627
Mùa Đông	555
Thùng (Lốp Xẹp)	576

Vá Lốp Tạm Thời (TRK)	583
Vạch Báo Độ Mòn Lốp	552
Xích Bọc Lốp	555
Lốp Bị Mòn	551
Lốp Bị Xẹp	576
Lốp Dự Phòng	576, 624, 627
Lốp Dự Phòng Loại Nhỏ	576, 624, 627
Lốp Mùa Đông	555
Xích Bọc Lốp	555
Lưu Ý Khi Lái Xe	448
Hướng Dẫn Lái Đối Với Xe Có Nhiều Tiện Ích	448
Trời Mưa	448

M

Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin	293, 315
Màn Hình Hiển Thị Đa Thông Tin	143
Máy Phát CD	279, 302, 324
Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài	169
Mở Khóa Cửa từ Bên Trong	178
Mở/Đóng	
Cửa Hậu	187
Cửa Kính Điện	192
Nắp Ca-pô	520
Móc Neo Phía Dưới	82
Móc Neo Vai	51
Móc Treo Áo	247
MP3	279, 286, 302, 308, 324, 330

N

Nạp Ác Quy Yếu	603
Nạp Nhiên Liệu	507
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	108
Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu	142, 146
Xăng	507, 622, 625
Nắp Bình Nhiên Liệu	28, 509

Ngăn Đê Cốc	241
Nhãn An Toàn	97
Nhãn Cảnh Báo	97
Nhãn Mã Số Chia Khóa	167
Nhảy Về Số (Hộp Số Vô Cấp)	450
Nhiên Liệu	507
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp.....	108
Đồng Hồ Đo.....	142, 146
Nạp Nhiên Liệu.....	507
Nhiên Liệu Khuyến Dùng.....	507
Quãng Đường.....	141, 145
Tiết Kiệm Nhiên Liệu.....	510
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời.....	141, 146
Nhiên Liệu Chỉ Định	507, 622, 625
Nhiệt Độ	
Hiện Thị Nhiệt Độ Bên Ngoài.....	142, 146
Núm Chọn (Âm Thanh)	274, 292
Núm Chọn/Thiết Lập Lại	140
Nước Làm Mát Động Cơ	527
Bổ Sung vào Bình Chứa.....	528
Bổ Sung vào Két Nước.....	530
Quá Nhiệt.....	601
Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm	4, 5
Nút Engine Start/Stop	199
Nút Màn Hình Hiện Thị	315
Nút Start/Stop	199
Nút Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa	219
Nút SEL/RESET	144
O	
Oát	623, 626
Ô Cắm Điện Phụ Kiện	245

P

Phanh Chân	488
Phanh Đổ	485
Phanh Đổ Điện	
Đèn Báo.....	103
Phát Âm Thanh Qua Bluetooth®	290, 311, 333
Phụ Kiện và Điều Chỉnh	570
Phụ Nữ Mang Thai	53

Q

Quá Nhiệt	601
Quãng Đường	141, 145
Que Thăm Dầu (Dầu Động Cơ)	524
Quy Định	629

R

RDS (Hệ Thống Dữ Liệu Radio)	301
---	-----

S

Sang Số	
Hộp Số Thường.....	457
Hộp Số Vô Cấp.....	451, 453
Sấy Kính Chắn Gió và Cửa Kính	253, 258
Số Nhận Dạng Xe	628
Nhận Dạng Xe.....	628
So Sánh Khóa Điện và Chế Độ Nguồn	202
Sử Dụng Công Tác Cửa Sổ Trời Toàn Cảnh	197
Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	169

T

Tài Trọng Tối Đa Cho Phép	433, 622, 625
Tài Trọng Tối Đa Của Xe	433, 622, 625
Tám Che Khoang Hành Lý	248
Tám Che Nắng	196
Thảm Lót Sàn	566
Thay	
Ắc Quy.....	560
Bóng Đèn.....	534
Cao Su Lưỡi Gạt Nước.....	547
Cầu Chì.....	608
Lốp Xe.....	553
Thay Bóng Đèn	534
Đèn Biển Số Sau.....	543
Đèn Chiếu Sáng.....	534
Đèn Hậu.....	542
Đèn Khoang Hành Lý.....	546
Đèn Lùi.....	542
Đèn Phanh Cao.....	543
Đèn Phanh/Đèn Hậu.....	542
Đèn Sương Mù Sau.....	544
Đèn Sương Mù Trước.....	536
Đèn Trần.....	545
Đèn Vị Trí.....	539
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày.....	539
Đèn Xi Nhan Bên.....	540
Đèn Xi Nhan Sau.....	541
Đèn Xi Nhan Trước.....	538
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio	629
Thông Báo An Toàn	0
Thông Gió	250, 254, 257
Thông Số Kỹ Thuật	622
Thông Số Kỹ Thuật Bóng Đèn	623, 626
Thời Gian (Cài Đặt)	160
Thời Gian Chạy	145
Thùng (Lốp)	576

Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình	141, 145
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời	141, 146
Tín Hiệu Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa	
Yếu	168
Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp	499
Tín Hiệu Rẽ (Xi Nhan)	203
Tính Năng	267
Tính Năng Tùy Chọn	147, 347, 354
Tốc Độ Trung Bình	146
TPMS (Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp)	480
TRK (Dụng Cụ Vá Lốp Tạm Thời)	583
Tựa Đầu	234
Tựa Tay	236
Túi Khí	56
Cảm Biến	56
Đèn Báo	66, 109
Đèn Báo Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách	67
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí	68
Sau Khi Va Chạm	58
Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố	1
Túi Khí Bên	63
Túi Khí Rèm	65
Túi Khí Trước (SRS)	58
Túi Khí Bên	63
Túi Khí Rèm	65
Túi Khí SRS (Túi Khí)	58
Túi Khí Trước (SRS)	58
Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động	183
U	
USB	345

V

Vạch Báo Độ Mòn (Lốp)	552
Vệ Sinh Cửa Kính	566, 568
Vệ Sinh Ngoại Thất	567
Vệ Sinh Nội Thất	565
Vị Trí Cản Số	
Hộp Số Thường	457
Hộp Số Vô Cấp	451, 453
Vô Lăng	
Điều Chỉnh	222
VSA (Hệ Trợ Ôn Định Xe)	475

W

WMA	279, 286, 302, 308, 324, 330
------------------	------------------------------

X

Xăng	28, 507
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	108
Đồng Hồ Đo	142, 146
Nạp Nhiên Liệu	507
Thông Tin	507
Tiết Kiệm	510
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời	141, 146
Xi Nhan	203
Đèn Báo (Bảng Điều Khiển)	115
Xử Lý Sự Cố	573
Bàn Đạp Phanh Rung	31
Cửa Sau Không Mở	32
Đèn Cảnh Báo	100
Động Cơ Không Khởi Động	594
Kéo Xe Khẩn Cấp	616
Không Gạt Được Cản Số	600
Lốp Thủng/Xẹp	576

Nổ Cầu Chi	608
Quá Nhiệt	601
Tiếng Bíp Vang Lên Khi Mở Cửa	33, 34, 35
Tiếng Òn Khi Phanh	33

